

MỤC LỤC

Lời của tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn?	i
Hướng dẫn thói quen đọc Kinh thánh hiệu quả: Cuộc tìm kiếm lẽ thật có thể kiểm chứng được của một cá nhân	iii
Giải kinh:	
Giới thiệu thư Công vụ các sứ đồ	1
Công vụ các sứ đồ 1	9
Công vụ các sứ đồ 2	29
Công vụ các sứ đồ 3	64
Công vụ các sứ đồ 4	83
Công vụ các sứ đồ 5	102
Công vụ các sứ đồ 6	121
Công vụ các sứ đồ 7	130
Công vụ các sứ đồ 8	147
Công vụ các sứ đồ 9	159
Công vụ các sứ đồ 10	175
Công vụ các sứ đồ 11	188
Công vụ các sứ đồ 12	198
Công vụ các sứ đồ 13	208
Công vụ các sứ đồ 14	226
Công vụ các sứ đồ 15	237
Công vụ các sứ đồ 16	249
Công vụ các sứ đồ 17	262
Công vụ các sứ đồ 18	277
Công vụ các sứ đồ 19	289
Công vụ các sứ đồ 20	301
Công vụ các sứ đồ 21	313
Công vụ các sứ đồ 22	323
Công vụ các sứ đồ 23	332
Công vụ các sứ đồ 24	340
Công vụ các sứ đồ 25	346
Công vụ các sứ đồ 26	352
Công vụ các sứ đồ 27	364

Công vụ các sứ đồ 28	374
Phụ lục một : Các định nghĩa ngắn gọn về cấu trúc ngữ pháp tiếng Hy Lạp	382
Phụ lục hai : Phê bình văn bản	391
Phụ lục ba : Các thuật ngữ	394
Phụ lục bốn : Lập trường về tín lý	404

MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT

<i>Kerygma</i> trong hội thánh đầu tiên, Giới thiệu sách Công vụ và 2:4	5
Vương quốc Đức Chúa Trời, Công vụ 1:3	13
Những người đàn bà theo Chúa Jêsus, Công vụ 1:14	21
Số Mười Hai, 1:22	25
Tấm lòng, 1:24	27
Quan điểm của Kinh thánh về Rượu và Sự Nghiện Rượu, 2:13	34
<i>Kerygma</i> trong hội thánh đầu tiên, 2:14	36
Thời kỳ này và thời kỳ sắp đến, 2:17	38
Phụ nữ trong Kinh thánh, 2:17	39
Văn chương khai thị, 2:19	42
Các thuật ngữ Tân ước về sự trở lại của Đấng Christ, 2:20	43
Danh hiệu của Chúa, 2:21	44
Jêsus người Na-xa-rét, 2:22	45
Sự trồng cây, 2:25	48
Người chết ở đâu? - 2:27	48
Giáo lý Ba ngôi - 2:32	52
Sự ăn năn, 2:38	55
Các thì trong tiếng Hy-lạp diễn tả Sự cứu rỗi, 2:40	58
Sự chọn lựa/Sự tiền định và nhu cầu cần yếu của một sự cân bằng về thần học, 2:47	61
Giao ước, 2:47	62
Sự bỏ thí, 3:2	66
Sự vinh hiển, 3:13	70
Bôn-xơ Phi-lát, 3:13	71
Sự công bình, 3:14	72
Tin, Đức tin, Tin cậy, 3:16	76
Người Sa-đu-sê, 4:1	85
Tòa công luận, 4:5	88
Đá góc, 4:11	92
Sự xúc dầu trong Kinh thánh, 4:27	96
<i>Parresia</i> (Sự mạnh bạo), 4:29	98
Ba-na-ba, 4:36	100
Hiện thân của điều ác, 5:3	103

Tục chôn cất, 5:6	106
Từ ngữ “Thử nghiệm” trong tiếng Hy Lạp và các ý nghĩa của nó, 5:9	107
Ma quỷ, 5:16	110
Người Pha-ri-si, 5:34	117
Ga-ma-li-ên, 5:34	118
Sự đặt tay trong Kinh thánh	126
Tranh luận về thời điểm ra khỏi xứ Ai-cập.....	136
Địa điểm núi Si-na-i	139
Ma thuật.....	150
Các thánh đồ	164
Con Đức Chúa Trời.....	167
Sự nên thánh	172
Tiên tri trong Tân ước.....	194
Sự cầu thay.....	200
Gia-cơ, em của Chúa Jê-sus	205
Sự kiêng ăn	210
Sự cần thiết phải bền đỗ.....	233
Si-la/Sin-vanh	244
Quyền tự do và tinh thần trách nhiệm của Cơ đốc nhân.....	246
Chúa Giê-xu và Thánh Linh	253
Thành phố Cô-rinh-tô.....	278
Sự xưng tội.....	295
Sự hứa nguyện Na-xi-rê.....	319
“Lẽ thật” trong thư tín Phao-lô.....	361

LỜI CỦA TÁC GIẢ: TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của Toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên Toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối

chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

1. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.
2. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS⁴ và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trả lời với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley

*Trường đại học East Texas Baptist University
Ngày 27 tháng 6 năm 1996*

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LỄ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lễ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lễ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kình chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kình chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:

I. Các giả định

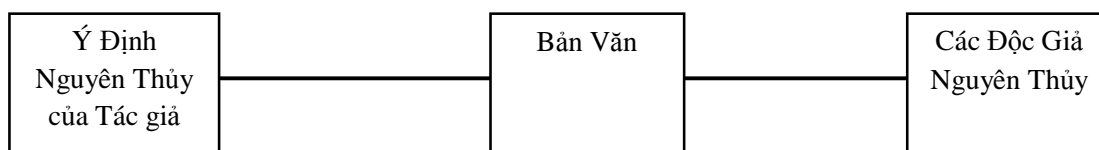
- (1) Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- (2) Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- (3) Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- (4) Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 - (a) Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 - (b) Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 - (c) Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 - (d) Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 - (e) Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
 - (f) Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

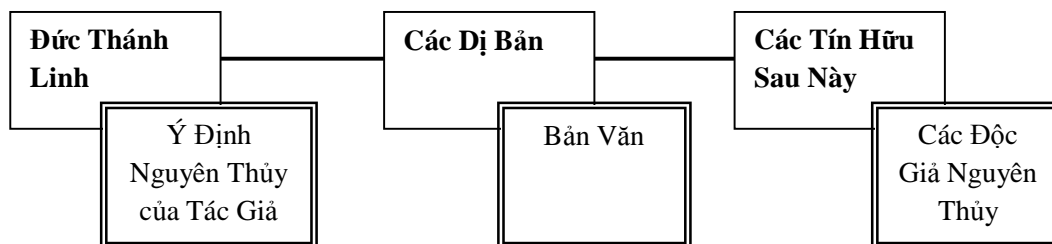
II. Các phương pháp không thích hợp

- (1) Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- (2) Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- (3) Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các cơ đốc nhân ngày nay.
- (4) Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- (5) Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chặng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khấn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

- (1) Bối cảnh lịch sử
- (2) Bối cảnh văn chương
- (3) Cấu trúc ngữ pháp
- (4) Cách dùng từ ngày nay
- (5) Các phân đoạn song song có liên quan
- (6) Thể loại văn chương

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bắt đầu những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

- (1) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất
 - (a) Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
 - (i) Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - (ii) Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - (iii) Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
 - (b) Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
 - (c) Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
 - (d) Xác định thể loại văn chương chủ yếu
 - (i) Các sách Cựu Ước
 - a) Văn tường thuật Hy bá lai
 - b) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
 - c) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
 - d) Các luật lệ
 - (ii) Các sách Tân Ước
 - a) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - b) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - c) Thư tín
 - d) Khải thị
- (2) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
 - (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
 - (b) Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
 - (c) Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- (3) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
 - (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
 - (b) Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - (i) Tác giả
 - (ii) Thời điểm
 - (iii) Người nhận
 - (iv) Lý do cụ thể viết sách này
 - (v) Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - (vi) Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
 - (c) Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phần đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phần đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
 - (d) Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- (4) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
 1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - (i) Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - (ii) Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - (iii) Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
 2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - (i) Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
 - (ii) Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31

- (iii) Các khái niệm tương phản
- 3. Liệt kê những mục sau đây
 - (i) Các từ ngữ quan trọng
 - (ii) Các từ ngữ bất thường
 - (iii) Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
 - (iv) Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
- 4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
 - (i) Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
 - a) Các sách “thần học hệ thống”
 - b) Các Kinh thánh đối chiếu
 - c) Kinh thánh phù dẫn
 - (ii) Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì Toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
 - (iii) Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
- 5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
 - (i) Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - (ii) Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - (iii) Các sách nhập môn Kinh thánh
 - (iv) Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phá triển ở cấp phân đoạn. Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra

từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- (1) Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- (2) Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- (3) Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- (4) Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
- (5) Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- (1) Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:

“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giá định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

- (2) Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75: Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh như là lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hờn hờ trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cầu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”

- (3) Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:

“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Đây

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

1. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.

2. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
3. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
 1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴)
 2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
 3. Bản New King James Version (NKJV)
 4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
 5. Bản Today's English Version (TEV)
 6. Bản the New Jerusalem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lễ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgích về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

4. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
 - a. Bối cảnh ngữ văn
 - b. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
 - c. Các thông tin ngữ pháp
 - d. Các nghiên cứu theo từ
 - e. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
5. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
 - a. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
 - b. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
 - c. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
 - d. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
6. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
 - a. Các dị bản
 - b. Cách sử dụng từ
 - c. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
 - d. Các bản văn không rõ ý
7. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

GIỚI THIỆU SÁCH CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

LỜI MỞ ĐẦU

- A. Sách Công vụ các sứ đồ hình thành nên một cầu nối không thể thiếu được giữa các kỹ thuật về cuộc đời Chúa Jêsus (các sách Phúc âm), sự giảng dạy Phúc âm trong Công vụ, sự giảng nghĩa và áp dụng qua các lá thư trong Tân ước của các sứ đồ.
- B. Hội thánh đầu tiên đã mở rộng và lưu hành hai tuyển tập văn phẩm Tân ước: (1) các sách Phúc âm (4 sách) và (2) Sứ đồ (thư của Phao-lô). Tuy nhiên, với sự xuất hiện của các tà thuyết về thần học Đấng Christ ở thế kỷ thứ hai, giá trị của sách Công vụ trở nên rõ ràng. Sách Công vụ bày tỏ nội dung và mục đích sự giảng dạy của các sứ đồ (*kerygma*) và kết quả kỳ diệu của Tin lành.
- C. Tính chính xác về lịch sử của sách Công vụ đã được nêu bật và xác nhận bởi các khám phá khảo cổ hiện đại, đặc biệt là những điều liên quan đến danh hiệu của các viên chức chính quyền La-mã (ví dụ chữ *strategoï*, 16:20, 22, 35, 36 [cũng được dùng cho các thầy đội trong đền thờ, Lu-ca 22:4, 52; Công vụ 4:1; 5:24-26]; chữ *politarchas*, 17:6, 8; và chữ *proto*, Công vụ 28:7, xem sách của A. N. Sherwin-White, *Roman Society and Roman Law in the New Testament*). Lu-ca ghi lại các mâu thuẫn trong hội thánh đầu tiên, ngay cả cuộc cãi nhau giữa Phao-lô và Ba-na-ba (Công vụ 15:39). Điều này cho thấy đây là một công trình lịch sử thần học có nghiên cứu, quân bình, và công bằng.
- D. Tựa của sách này được tìm thấy trong các bản Hy-lạp cổ dưới một số dạng có sự khác biệt không đáng kể :
1. Bản κ (Sinaiticus), Tertullian, Didymus, và Eusebius có chữ “Công vụ” (bản ASV, NIV)
 2. Bản B (Vaticanus), D (Bezae) trong dạng chữ nhỏ, Irenaeus, Tertullian, Cyrian, và Athanasius có chữ “Công vụ của Các Sứ đồ” (bản KJV, RSV, NEB)
 3. Bản A² (hiệu đính đầu tiên của bản Alexandrius), E, G, và Chrysostom có chữ “Công vụ của Các Sứ đồ thánh”
- Có thể là những chữ Hy-lạp như *praxeis*, *praxis* (nghĩa là hành động, cách thức, hành vi, tập quán, thói quen) phản ánh một loại văn chương cổ của vùng Địa Trung hải là loại văn mô tả cuộc đời và công việc của những người tiếng tăm hay có ảnh hưởng lớn (như Giăng, Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phi-líp, Phao-lô). Có thể từ ban đầu sách này không có tựa (giống như Phúc âm Lu-ca).
- E. Có hai truyền thống về văn bản khác nhau của sách Công vụ. Bản ngắn hơn là bản Alexandria (P⁴⁵, P⁷⁴, κ , A, B, C). Các văn bản họ Tây phương (Western family) (P²⁹, P³⁸, P⁴⁸, và D) dường như chứa đựng nhiều chi tiết hơn. Không rõ những điều này là từ người viết hay là được những người sao chép sau này thêm vào dựa vào các truyền thuyết của hội thánh đầu tiên. Các học giả về phê bình văn bản cho rằng những bản văn thuộc họ Tây phương có các phần thêm vào sau này là vì nó tìm cách (1) làm cho trôi chảy hơn hoặc để sửa lại những chỗ bất thường, khó hiểu; (2) thêm vào những chi tiết khác; (3) thêm một số cụm từ đặc biệt để làm nổi bật Jêsus là Đấng Christ; và (4) bởi vì nó không được trích bởi bất cứ một tác giả Cơ đốc nào thời kỳ đầu tiên trong suốt ba thế kỷ đầu (xem F.F. Bruce, *Acts: Greek Text*, trang 69-80). Để biết thêm chi tiết, xin xem sách *A Textual Commentary on the Greek New Testament* của Bruce M. Metzger, xuất bản bởi United Bible Societies, trang 259-272.

Bởi vì có rất nhiều những điểm thêm vào sau này, tập sách giải kinh này sẽ không bàn đến tất cả những lựa chọn thuộc về văn bản. Nếu vấn đề dị bản trở nên quan trọng cho sự giải nghĩa, thì lúc đó nó mới được bàn đến trong tập sách này.

TRƯỚC GIẢ

- A. Sách này không có tên tác giả, nhưng rất có thể rằng nguồn tác giả là Lu-ca.

1. Những đoạn có chữ “chúng tôi” một cách rất đặc biệt và đầy ngạc nhiên (16:10-17) [chuyển hành trình truyền giáo thứ hai ở Phi-líp]; 20:5-15; 21:1-18 [cuối hành trình truyền giáo thứ ba] và 27:1-28:16 [Phao-lô bị gửi đi như một tù nhân đến Rô-ma]) hàm ý mạnh mẽ rằng Lu-ca là tác giả.
 2. Sự nối kết giữa sách Phúc âm thứ ba và Công vụ rất rõ ràng khi chúng ta so sánh Lu-ca 1:1-4 với Công vụ 1:1-2.
 3. Lu-ca, một bác sĩ người ngoại bang, được nói đến như một bạn đồng hành với Phao-lô trong Cô-lô-se 4:10-14, Phi-lê-môn 24, và II Ti-mô-thê 4:11. Lu-ca là người viết thuộc về dân ngoại duy nhất trong Tân ước.
 4. Sự làm chứng thống nhất của hội thánh đầu tiên rằng tác giả là Lu-ca:
 - a. Măng Muratorian (năm 180-200 SCN từ Rô-ma nói rằng, “thu thập bởi bác sĩ Lu-ca”)
 - b. Các bài viết của Irenaeus (năm 130-200 SCN)
 - c. Các bài viết của Clement ở Alexandria (năm 156-215 SCN)
 - d. Các bài viết của Tertullian (năm 160-200 SCN)
 - e. Các bài viết của Origen (năm 185-254 SCN)
 5. Các bằng chứng nội tại về phong cách viết và ngữ vựng (đặc biệt là các từ y khoa) xác nhận Lu-ca là tác giả (quan điểm của Sir William Ramsay và A. Harnack)
- B. Chúng ta có 3 nguồn thông tin về Lu-ca:
1. Ba phân đoạn trong Tân ước (Cô-lô-se 4:10-14; Phi-lê-môn 24; II Ti-mô-thê 4:11) và bản thân sách Công vụ.
 2. Lời giới thiệu về Lu-ca từ tài liệu chống Marcion (Anti-Marcion) ở thế kỷ thứ hai.
 3. Eusebius, sử gia về hội thánh đầu tiên ở thế kỷ thứ tư trong cuốn *Ecclesiastical History* 3:4, nói như vậy: “Lu-ca, về quê quán, là người xứ An-ti-ốt, về nghề nghiệp, là một thầy thuốc, đã cộng tác chính với Phao-lô và cũng có quen biết với các sứ đồ còn lại nhưng không gần gũi bằng, là người đã để lại cho chúng ta những tấm gương về sự hàn gắn linh hồn mà ông đã nhận được từ họ trong hai cuốn sách được linh cảm, sách Phúc âm và Công vụ của các sứ đồ.”
 4. Đây là phần sơ lược tiểu sử đa hợp về Lu-ca:
 - a. Một người ngoại (được kể đến trong Cô-lô-se 4:12-14 cùng với Ê-pháp-ra và Ê-ma, chứ không phải cùng danh sách với những cộng sự người Do thái)
 - b. Quê quán hoặc từ An-ti-ốt thuộc Syria (theo lời giới thiệu chống Marcion) hay là Phi-líp thuộc Ma-xê-đoan (theo Sir William Ramsay khi bàn đến Công vụ 16:19)
 - c. Một thầy thuốc (Cô-lô-se 4:14); hay ít nhất là một người học rộng
 - d. Trở nên một tín đồ ở tuổi thanh niên sau khi hội thánh được thành lập ở An-ti-ốt (theo tài liệu lời giới thiệu chống Marcion)
 - e. Bạn đồng hành với Phao-lô (những phân đoạn “chúng tôi” trong Công vụ)
 - f. Không lập gia đình
 - g. Viết Phúc âm thứ ba và Công vụ (cùng lời giới thiệu, cùng lối viết và cách dùng chữ)
 - h. Đến 84 tuổi thì qua đời ở Boeotia
- C. Những thách thức không chấp nhận nguồn tác giả là Lu-ca:
1. Lời giảng của Phao-lô ở A-rê-ô-ba (Mars Hill) sử dụng các phạm trù và thuật ngữ triết học Hy-lạp để thiết lập một điểm chung (Công vụ 17), nhưng Phao-lô trong Rô-ma 1-2, dường như xem bất cứ một “điểm chung” nào (thiên nhiên, sự minh chứng đạo đức bên trong) cũng là vô ích.
 2. Lời giảng và bình luận của Phao-lô trong Công vụ cho thấy ông là một người Cơ đốc Do thái xem trọng Môi-se, nhưng các thư tín của Phao-lô hạ thấp giá trị Luật Môi-se xem đó là vấn đề và đã hết thời.
 3. Sự giảng dạy của Phao-lô trong Công vụ không có trọng tâm về lai thế như các thư tín trước đó của ông (như là I và II Tê-sa-lô-ni-ca).
 4. Những từ ngữ, lối viết và trọng tâm đối chọi nhau là một điều thú vị, nhưng chưa thuyết phục được. Cũng những tiêu chuẩn này khi áp dụng cho các sách Phúc âm, thì Chúa Jê-sus trong

các sách Tin lành cộng quan rất khác với Chúa Jêsus trong sách Giảng. Dù vậy, hiếm có học giả nào từ chối cho rằng cả hai đều phản ánh cuộc đời của Chúa Jêsus.

- D. Khi bàn về nguồn tác giả của sách Công vụ điều cần yếu đó là chúng ta phải bàn về các nguồn từ Lu-ca, bởi vì nhiều học giả (ví dụ C.C. Torrey) cho rằng Lu-ca sử dụng các nguồn tài liệu tiếng A-ram (hay là truyền thông truyền miệng) để viết một số chương trong 15 chương đầu. Nếu điều này là đúng, thì Lu-ca là người thu thập các tài liệu này, chứ không phải là tác giả. Ngay cả trong các bài giảng sau này của Phao-lô, Lu-ca chỉ cung cấp cho chúng ta phần tóm lược các lời của Phao-lô, chứ không phải một kỹ thuật theo từng chữ một. Câu hỏi về những nguồn tài liệu nào Lu-ca sử dụng cũng quan trọng như câu hỏi về nguồn tác giả có phải là Lu-ca hay không.

THỜI GIAN VIẾT

- A. Có rất nhiều bàn luận và bất đồng về thời điểm viết sách Công vụ, nhưng bản thân những sự kiện này diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 30-63 SCN (Phao-lô được thả ra khỏi tù ở Rô-ma vào khoảng giữa năm 60 và bị bắt trở lại và bị hành hình dưới thời Nê-rô, có lẽ là vào thời kỳ bắt bớ năm 65 SCN).
- B. Nếu chúng ta cho rằng sách Công vụ mang mục đích biện giáo liên quan đến chính quyền La mã thì thời điểm (1) trước năm 64 SCN (thời điểm bắt đầu cơn bắt bớ Cơ đốc nhân của Nê-rô ở Rô-ma) và/hoặc (2) liên quan đến cuộc nổi loạn của người Do thái vào năm 66-73 SCN.
- C. Nếu chúng ta muốn kết nối sách Công vụ với Phúc âm Lu-ca theo thứ tự với nhau, thì thời điểm viết sách Phúc âm này ảnh hưởng thời điểm viết sách Công vụ. Bởi vì sự thất thủ của Giê-ru-sa-lem vào tay Titus năm 70 SCN được tiên báo (Lu-ca 21) nhưng không được mô tả, thì điều đó dường như hợp với thời điểm trước năm 70 SCN. Nếu như vậy, sách Công vụ, nếu được viết liên tục, phải được kể vào thời điểm sau sách Phúc âm Lu-ca.
- D. Nếu chúng ta khó chịu với sự kết thúc bất ngờ (Phao-lô vẫn đang ở tù tại Rô-ma, theo F.F. Bruce), thì thời điểm liên hệ đến giai đoạn cuối của lần ở tù đầu tiên tại Rô-ma của Phao-lô, tức là năm 58-63 SCN, là thích hợp hơn.
- E. Một số ngày lịch sử liên hệ đến các sự kiện lịch sử được ghi lại trong sách Công vụ:
1. Đói kém lớn dưới thời Claudius (Công vụ 11:28, năm 44-48 SCN)
 2. Cái chết của Hê-rốt Ạc-ríp-ba I (Công vụ 12:20-23, mùa Xuân năm 44 SCN)
 3. Chức thống đốc của Sergius Paulus (Công vụ 13:7, được bổ chức vào năm 53 SCN)
 4. Sự trục xuất người Do thái khỏi La mã do lệnh của Claudius (Công vụ 18:2, vào năm 49 SCN)
 5. Chức thống đốc của Gallio, Công vụ 18:12 (năm 51 hoặc 52 SCN)
 6. Chức thống đốc của Felix (Công vụ 23:26; 24:27, vào khoảng năm 52-56 SCN)
 7. Festus thay thế Felix (Công vụ 24:27, vào năm 57-60 SCN)
 8. Các quan chức La mã ở Giu-đê
 - a. Quan coi về luật pháp hoặc tài chính (thay mặt chính quyền La mã) (procurators):
 - (1) Bôn-xơ Phi-lát, năm 26-36 SCN
 - (2) Marcellus, năm 36-37 SCN
 - (3) Marullus, năm 37-41 SCN
 - b. Vào năm 41 SCN hình thức người thay quyền (procuratorial) của hệ thống hành chính La-mã được đổi sang hình thức vua chư hầu trong hệ thống đế quốc thống trị. Hoàng đế La mã Claudius đã bổ nhiệm vua Hê-rốt Ạc-ríp-ba I vào năm 41 SCN.
 - c. Sau cái chết của vua Hê-rốt Ạc-ríp-ba I vào năm 44 SCN, hình thức người thay quyền lại được thiết lập trở lại cho đến năm 66 SCN
 - (1) Antonius Felix
 - (2) Porcius Festus

MỤC ĐÍCH VÀ KẾT CẤU CỦA SÁCH CÔNG VỤ

- A. Một trong những mục đích của sách Công vụ là ghi lại sự phát triển nhanh chóng của những người theo Chúa Jêsus có nguồn gốc từ những người Do thái mở rộng ra khắp nơi trên thế giới, từ phòng cao đóng chặt cửa đền cung điện của Sê-sa:
1. Mô thức địa lý này theo khuôn mẫu của Công vụ 1:8, tức là Đại mạng lệnh trong sách Công vụ (Ma-thi-ơ 28:19-20)
 2. Sự mở rộng về mặt địa lý này được trình bày qua các cách sau:
 - a. Đề cập đến biên giới các thành phố chính và biên giới các quốc gia. Trong Công vụ, chúng ta thấy có 32 nước, 54 thành phố, và 9 đảo thuộc vùng Địa trung hải. Ba thành phố chính là Giê-ru-sa-lem, An-ti-ốt và Rô-ma (Công vụ 9:15)
 - b. Đề cập đến các nhân vật chủ chốt. Công vụ dường như có thể được chia ra làm hai phần: chức vụ của Phi-e-rơ và chức vụ của Phao-lô. Có hơn 95 người được nói đến trong Công vụ, nhưng những người chính là: Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phi-líp, Ba-na-ba, Gia-cơ và Phao-lô.
 - c. Có hai hoặc ba hình thức văn chương xuất hiện nhiều lần trong Công vụ, là điều có lẽ phản ánh ý định sắp xếp cách viết sách này của tác giả:

(1) Các câu tóm tắt	(2) Các câu đề cập sự phát triển	(3) Sử dụng các con số
1:1- 6:7 (ở Giê-ru-sa-lem)	2:47	3:41
6:8-9:31 (ở Palestine)	5:14	4:4
9:32-12:24 (đến An-ti-ốt)	6:7	5:14
12:25-15:5 (đến Tiểu Á)	9:31	6:7
16:6-19:20 (đến Hy-lạp)	12:24	9:31
19:21-29:30 (đến Rô-ma)	16:5	11:21, 24
	19:20	12:24
		14:1
		19:20

- B. Công vụ rõ ràng liên quan đến sự hiểu lầm xung quanh cái chết của Chúa Jêsus vì một mưu phản. Điều hiển nhiên là Lu-ca viết cho những người ngoại (Thê-ô-phi-lơ, có lẽ là một viên chức La mã). Lu-ca dùng (1) các bài giảng thuyết của Phi-e-rơ, Ê-tiên, và Phao-lô để cho thấy mưu mô của những người Do thái và (2) sự thiện cảm của các quan chức La-mã đối với Cơ đốc giáo. Người La-mã không có gì phải sợ những người theo Chúa Jêsus.
1. Bài giảng của các lãnh đạo Cơ đốc:
 - a. Phi-e-rơ, 2:14-40; 3:12-26; 4:8-12; 10:34-43
 - b. Ê-tiên, 7:1-53
 - c. Phao-lô, 13:10-42; 17:22-31; 20:17-25; 21:40-22:21; 23:1-6; 24:10-21; 26:1-29
 2. Tiếp xúc với các viên chức chính quyền:
 - a. Bôn-xơ Phi-lát, Lu-ca 23:13-25
 - b. Sergius Paulus, Công vụ 13:7, 12
 - c. Các thượng quan ở Phi-líp, Công vụ 16:35-40
 - d. Gallio, Công vụ 18:12-17
 - e. Mấy quan lớn ở xứ A-si đến thành Ê-phê-sô, Công vụ 19:23-41 (đặc biệt là câu 31)
 - f. Claudius Lysias, Công vụ 23:29
 - g. Felix, Công vụ 24
 - h. Porcius Festus, Công vụ 24
 - i. A-c-ríp-ba II, Công vụ 26 (đặc biệt là câu 32)
 - j. Publius, Công vụ 28:7-10
 3. Khi so sánh bài giảng của Phi-e-rơ với bài giảng của Phao-lô, chúng ta thấy rõ ràng rằng Phao-lô không phải là một người giới thiệu một điều gì mới, nhưng là một người công bố lẽ

thật Phúc âm của các sứ đồ một cách trung thành. Bài giảng của các sứ đồ (the *kerygma*) thật sự thống nhất với nhau!

- C. Lu-ca không những biện hộ Cơ đốc giáo trước mặt chính quyền La-mã, mà ông còn biện hộ cho Phao-lô trước mặt các hội thánh người ngoại. Phao-lô nhiều lần bị các nhóm Do thái cực đoan tấn công (những người Giu-đa ở Ga-la-ti, những “siêu sứ đồ” trong II Cô-rinh-tô 10-13; và các nhóm người Hy-lạp (nhóm trí huệ giáo ở Cô-lô-se và Ê-phê-sô). Lu-ca cho họ thấy một con người bình thường của Phao-lô bằng cách bày tỏ tấm lòng và quan điểm thần học của Phao-lô qua các chuyện truyền giáo và bài giảng của ông.
- D. Mặc dù không có mục đích trở thành một cuốn sách tín lý, sách Công vụ đã ghi lại cho chúng ta những điểm căn bản trong các bài giảng của Các Sứ đồ, là điều mà C.H. Dodd gọi là “Bài giảng các sứ đồ” (*Kerygma*) (hay những lẽ thật trọng yếu về Chúa Jê-sus). Nó giúp chúng ta nhận thấy được những điều họ cảm nhận là những điều thiết yếu của Phúc âm, đặc biệt khi họ liên hệ nó đến sự chết và sống lại của Chúa Jê-sus.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (*KERYGMA*) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu ước giờ đây được ứng nghiệm khi Chúa Jê-sus, Đấng Mết-si-a đến (Công vụ 2:30; 3:19,24; 10:43; 26:6-7, 22; Rô-ma 1:2-4; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; I Phi-e-rơ 1:10-12; II Phi-e-rơ 1:18-19).
2. Chúa Jê-sus được Đức Chúa Trời xúc dầu làm Đấng Mết-si-a trong báp têm của Ngài (Công vụ 10:38).
3. Chúa Jê-sus bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê sau khi chịu báp têm (Công vụ 10:37).
4. Chức vụ của Ngài được thể hiện qua các việc lành và làm phép lạ bởi quyền năng Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).
5. Đấng Mết-si-a bị đóng đinh theo chương trình của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giảng 3:16; Công vụ 2:23; 3:13-15, 18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô-ma 8:34; I Cô-rinh-tô 1:17-18; 15:3; Ga-la-ti 1:4; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 1:2, 19; 3:19; I Giảng 4:10).
6. Ngài sống lại từ trong kẻ chết và hiện ra cho các môn đồ (Công vụ 2:24, 31-32; 3:15,26; 10:40-41; 17:31; 26:23; Rô-ma 8:34; 10:9; I Cô-rinh-tô 15:4-7, 12 và các câu sau; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; I Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:2; 3:18,21).
7. Ngài được Đức Chúa Trời tôn cao và được gọi là “Chúa” (Công vụ 2:25-29, 33-36; 3:13; 10:36; Rô-ma 8:34; 10:9; I Tim 3:16; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 3:22).
8. Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để thành lập một cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1:8; 2:14-18, 38-39; 10:44-47; I Phi-e-rơ 1:12)
9. Ngài sẽ trở lại để đoán xét và phục hồi mọi điều (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; I Cô-rinh-tô 15:20-28; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
10. Tất cả những ai nghe sứ điệp này nên ăn năn và chịu báp têm (Công vụ 2:21, 38; 3:19; 10:43, 47-48; 17:30; 26:20; Rô-ma 1:17; 10:9; I Phi-e-rơ 3:21).

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của Hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm theo Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống lại các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và góp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

- E. Trong cuốn *The Book of Acts, the Early Struggle for an Unhindered Gospel*, học giả Frank Stagg khẳng định mục đích của sách Công vụ chủ yếu là mô tả sự tiến triển của sứ điệp về Chúa Jêsus (hay là Phúc âm) từ một Do thái giáo mang nặng tính quốc gia biến thành một sứ điệp mang tính toàn cầu cho toàn thể nhân loại. Lời bàn của Stagg tập trung vào các mục đích của Lu-ca khi viết sách Công vụ. Người đọc có thể tìm thấy trong các trang 1-18 một bản tóm tắt và phân tích hữu dụng về các lý thuyết khác nhau. Stagg tập trung vào chữ ‘không bị ngăn cản’ trong câu 28 :31, là cách bất thường khi kết thúc một cuốn sách, là chìa khóa để hiểu được trọng tâm của Lu-ca nhấn mạnh vào sự tràn lan của Cơ đốc giáo vượt qua mọi trở ngại.
- F. Mặc dù Đức Thánh Linh được nhắc đến hơn 50 lần trong sách Công vụ, sách này không phải là ‘Công vụ của Đức Thánh Linh.’ Có 11 chương không bao giờ nói đến Đức Thánh Linh. Ngài chủ yếu được nhắc đến trong phần đầu của sách Công vụ, là phần Lu-ca lấy từ các nguồn khác (có lẽ từ các nguồn có nguyên ngữ tiếng A-ram). Sách Công vụ không nhằm mục đích hướng về Đức Thánh Linh như các sách Phúc âm hướng về Chúa Jêsus ! Điều này không nhằm hạ giá vị trí của Đức Thánh Linh, nhưng để cảnh giác chúng ta không nên xây dựng thần học về Đức Thánh Linh chủ yếu hay chỉ dựa vào sách Công vụ mà thôi.
- G. Sách Công vụ không được viết ra với mục đích dạy tín lý (xem sách của Fee và Stuart, *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 94-112). Một ví dụ của nó là nỗ lực dựa vào thần học về sự cải đạo từ sách Công vụ là điều chắc đem đến sự thất bại. Các thứ tự và những yếu tố về sự cải đạo khác nhau trong sách Công vụ ; vì vậy, mô thức nào là chuẩn ? Chúng ta phải tra xem các thư tín để hiểu thêm về tín lý này.

Mặc dù vậy, điều thú vị là một số học giả (Hans Conzelmann chẳng hạn) lại nhận thấy Lu-ca cố ý định hướng trở lại các quan điểm lai thể học cho rằng Chúa sắp trở lại trong thế kỷ đầu bằng cách nhắm vào sự phục vụ một cách kiên nhẫn để chờ đợi sự Chúa trị hoán trở lại. Vương quốc của Ngài đang ở đây, có quyền năng, thay đổi đời sống con người ngay trong lúc này. Hoạt động của hội thánh giờ này trở thành điểm trọng tâm, chứ không xoay vào sự trông đợi Chúa trở lại.

- H. Một mục đích khá dĩ khác của sách Công vụ cũng giống với mục đích của Rô-ma 9-11, đó là : tại sao người Do thái từ chối Đấng Mết-si-a cũng là người Do thái và tại sao hội thánh lại bao gồm hầu hết là người ngoại ? Một vài chỗ trong sách Công vụ chúng ta thấy bản chất toàn cầu của Phúc âm đã được loan báo một cách rõ ràng. Chúa Jêsus sai họ vào trong các dân tộc (1 :8). Người Do thái từ chối Ngài, nhưng người ngoại bang lại tiếp nhận. Sứ điệp của Ngài đã đến La-mã. Có thể mục đích của Lu-ca là muốn cho thấy Cơ đốc giáo của người Do thái (đại diện là Phi-e-rơ) và Cơ đốc giáo của người ngoại bang (đại diện là Phao-lô) có thể chung sống với nhau và cùng phát triển ! Họ không tranh đua với nhau nhưng cùng hợp tác với nhau để truyền giáo cho thế giới.
- I. Nói về mục đích của sách này, tôi hoàn toàn đồng ý với F. F. Bruce (trong cuốn *New International Commentary*, trang 18) bởi vì Lu-ca và Công vụ theo nguyên gốc là từ một tập sách, cho nên lời giới thiệu trong Lu-ca (1:1-4) cũng là phần giới thiệu cho sách Công vụ. Mặc dù không tận mắt chứng kiến mọi sự kiện, Lu-ca đã nghiên cứu kỹ càng và ghi lại chúng một cách chính xác, sử dụng khung lịch sử và văn chương của chính mình.

Trong sách Phúc âm và Công vụ, Lu-ca muốn cho thấy thực tế lịch sử và tính xác thực về thần học của Chúa Jêsus (Lu-ca 1 :4) và Hội thánh đầu tiên. Có lẽ trọng tâm của sách Công vụ là chủ đề về sự ứng nghiệm (không bị ngăn cản, đây là chữ cuối cùng trong sách, 28 :31). Chủ đề này được diễn tả qua một số từ ngữ và cụm từ khác nhau (xem sách của Walter L. Liefeld, *Interpreting the Book of Acts*, trang 23-24). Phúc âm không phải là điều chợt nảy ra sau này, hay là một kế hoạch B, cũng không phải là một điều gì mới lạ. Nó chính là chương trình đã hoạch định trước của Đức Chúa Trời (Công vụ 2:23 ; 3:18 ; 4 :28 ; 13:29).

THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG

- A. Sách Công vụ đối với Tân ước cũng giống như các sách Giô-suê đến II Các Vua trong Cựu ước: đó là, nó là một loại văn tường thuật lịch sử. Thể loại tường thuật lịch sử trong Kinh thánh căn cứ

trên sự thực nhưng trọng tâm của nó không phải là trình tự của sự kiện hay mô tả thấu đáo các sự kiện. Nó chọn ra một số sự kiện để giải thích Đức Chúa Trời là Ai, chúng ta là ai, làm thế nào để chúng ta làm hòa lại với Đức Chúa Trời, và Ngài muốn chúng ta phải sống ra sao.

- B. Vấn nạn khi giải thích các loại tường thuật trong Kinh thánh là các trước giả không bao giờ ghi trong các sách này (1) mục đích của họ là gì, (2) lẽ thật chính là gì, hoặc là (3) chúng ta phải bắt chước những điều được ghi lại như thế nào. Người đọc cần phải suy nghĩ kỹ càng các câu hỏi sau:
1. Tại sao sự kiện này được ghi lại?
 2. Nó liên hệ ra sao đến các dữ kiện Kinh thánh trước đó?
 3. Lẽ thật thần học trọng tâm ở đây là gì?
 4. Có điều gì quan trọng liên quan đến bối cảnh ngữ văn hay không (sự kiện nào có trước đó hay sau đó? Chủ đề này có được nói đến trong những chỗ khác không?)
 5. Ngữ cảnh này rộng đến đâu? (nhiều khi một số lớn các ký thuật khác nhau hình thành nên một chủ đề hay mục tiêu thần học)
- C. Các ký thuật lịch sử không nên là nguồn duy nhất về mặt tín lý. Nhiều sự kiện được ghi lại không phải lúc nào cũng quan trọng đối với mục đích của tác giả. Các tường thuật lịch sử có thể minh họa các lẽ thật được ghi lại ở những nơi khác trong Kinh thánh. Không phải bởi vì có một điều gì đó xảy ra trong Kinh thánh thì có nghĩa là đó là ý chỉ của Chúa cho mọi người ở mọi thời đại (ví dụ tự tử, đa thê, thánh chiến, khiếm răn, v.v...)
- D. Phần bàn luận cô đọng có ích lợi nhất về cách giải nghĩa thể loại tường thuật lịch sử là trong sách của Gordon Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 78-93 và 94-112.

THƯ MỤC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA SÁCH CÔNG VỤ

Các sách mới định vị sách Công vụ trong bối cảnh thế kỷ thứ nhất được thực hiện bởi các học giả chuyên nghiên cứu về Hy Lạp và La-tin cổ (classicists). Lối giao ngành này (inter-disciplinary approach) đã thật sự giúp độc giả hiểu hơn về Tân ước. Loạt sách này được Bruce M. Minter chủ biên.

- A. *The Book of Acts in Its Ancient Literary Setting*
- B. *The book of Acts in Its Graeco-Roman Setting*
- C. *The Book of Acts and Paul in Roman Custody*
- D. *The Book of the Acts in Its Palestianian Setting*
- E. *The Book of Acts in It Diaspora Setting*
- F. *The Book of Acts in Its Theological Setting*

Một số sách khác cũng rất hữu ích đó là:

1. A. N. Sherwin-White, *Roman Society and Roman Law in the New Testament*
2. Paul Barnett, *Jesus and the Rise of Early Christianity*
3. James S. Jeffers, *The Greco-Roman World*

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang vi)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này trong một lần đọc. Viết ra chủ đề trọng tâm của toàn bộ sách bằng chữ của bạn.

1. Chủ đề của toàn bộ sách
2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi-vii)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu đề diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân...

CÔNG VỤ ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI¹

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	JB
Lời hứa ban Thánh Linh 1:1-5	Lời mở đầu 1:1-3 Thánh Linh được hứa ban	Phần giới thiệu: Đấng Christ sống lại 1:1-5	Phần giới thiệu 1:1-5	Lời mở đầu 1:1-5
Sự thăng thiên của Chúa Jêsus 1:6-11	1:4-8 Chúa Jêsus lên trời 1:9-11	Sự thăng thiên 1:6-11	Chúa Jêsus được cất lên trời 1:6 1:7-9	Sự thăng thiên 1:6-8 1:9-11
Lựa chọn người thế cho Giu-đa 1:12-14 1:15-26	Buổi nhóm cầu nguyện tại phòng cao 1:12-14 Ma-thia được chọn 1:15-26	Cuộc nhóm họp của Mười hai sứ đồ 1:12-14 1:15-26	Người thế cho Giu-đa 1:12-14 1:15-17 1:18-19 1:20 1:21-22 1:23-26	Nhóm Sứ đồ 1:12-14 Giu-đa được thay thế 1:15-20 1:21-22 1:23-26

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

¹ Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi được ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để nhằm cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

BẢN NASB 1:1-5

¹ Hỡi Thê-ô-phi-lo, trong sách thứ nhất ta, ta từng nói về mọi điều Đức Chúa Jê-sus đã làm và dạy từ ban đầu, ² cho đến ngày Ngài được cất lên trời, sau khi Ngài cậy Đức Thánh Linh mà răn dạy các sứ đồ Ngài đã chọn. ³ Sau khi chịu đau đớn rồi, thì trước mặt các sứ đồ, Ngài lấy nhiều chứng cứ tỏ ra mình là sống, và hiện đến với các sứ đồ trong bốn mươi ngày, phán bảo những sự về nước Đức Chúa Trời. ⁴ Lúc ở với các sứ đồ, Ngài dặn rằng đừng ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, nhưng phải ở đó chờ điều Cha đã hứa, là điều các người đã nghe ta nói. ⁵ Vì chung Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước, nhưng trong ít ngày, các người sẽ chịu phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh.

1:1 “trong kỹ thuật đầu tiên ta đã viết” Câu này ở thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE INDICATIVE), theo nghĩa đen là “ta đã làm ra.” Lu-ca là trước giả hiển nhiên cho cả Phúc âm Lu-ca và sách Công vụ (đối chiếu Lu-ca 1:1-4 và Công vụ 1:1-2). Chữ “kỹ thuật” (hay ‘tập’ (volume)) được dùng trong tiếng Hy-lạp để chỉ một loại văn tường thuật lịch sử. Về kỹ thuật (tức là theo văn chương Hy-lạp cổ đại) nó hàm ý chỉ một trong ít nhất 3 tập sách. Điều khá chắc chắn là lối kết thúc bất ngờ trong sách Công vụ dường như giải thích rằng Lu-ca có kế hoạch định viết một tập thứ ba. Một số người thậm chí cho rằng các thư tín mục vụ (I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít) được viết bởi Lu-ca.

▣ **“Thê-ô-phi-lo”** Từ này được hình thành từ chữ (1) Đức Chúa Trời (*Theos*) và (2) tình anh em (*philos*). Có thể dịch là “người yêu Chúa,” “bạn của Chúa,” hay là ‘người được Chúa yêu.’

Danh hiệu “ngài” [bản tiếng Việt “ông”] (most excellent) trong Lu-ca 1:3 là một danh hiệu kính trọng dành cho viên chức chính quyền La-mã (Công vụ 23:26; 24:3; 26:25), có lẽ dùng để chỉ đội ngũ lâm của La-mã. Người này có thể là người ủng hộ tài chính cho việc viết, sao chép và phân phát hai tập sách của Lu-ca. Truyền thống giáo hội cho rằng ông là T. Flavius Clemens, anh em họ với Domitian.

▣ **“tất cả mọi điều Chúa Jê-sus đã làm từ ban đầu”** Câu này chỉ Phúc âm Lu-ca. Điều ngạc nhiên là Lu-ca nói “mọi điều” Chúa Jê-sus đã làm, bởi vì Phúc âm Lu-ca (cũng giống với các sách Tin lành Cộng quan khác) rất chọn lựa khi ghi lại cuộc đời và lời dạy của Chúa Jê-sus.

1:2 “cho đến ngày Ngài được cất lên trời” Có một số chữ tiếng Hy-lạp mô tả sự thăng thiên về trời của Chúa Jêsus như sau đây:

1. *Analambano*, cất lên (Công vụ 1:2, 11, 22; I Ti-mô-thê 3:16) là chữ cũng được dùng trong bản LXX sách II Các Vua 2:9, 11 để chỉ việc Ê-li lên trời, cũng có dùng trong I Maccabees 2:58
2. *Epaïro*, nhắc lên, đưa lên (Công vụ 1:9)
3. *Analepsis* (Lu-ca 9:51, thể #1)
4. *Diistemi*, lên đường
5. *Anabaino*, thăng thiên (Giăng 6:62)

Sự kiện này không được ghi lại trong Phúc âm Ma-thi-ơ và Mác. Phúc âm Mác chấm dứt ở câu 16:8, nhưng một trong ba phiên bản thêm vào sau này có mô tả sự kiện này trong câu 16:19 (*analambano*).

▣ **“Ngài bởi Thánh Linh”** Đây là lần đầu tiên “Thánh Linh” được nói đến, một nhân vật rất quan trọng trong sách Công vụ. Trong Cựu ước “Thánh Linh Đức Chúa Trời” (*ruach*) là một năng lực hoàn thành mục đích của Đức Giê-hô-va, nhưng không có một dấu tích nào cho thấy đó là một thân vị (personal) (tính độc thân trong Cựu ước). Tuy nhiên, trong Tân ước bản tính và bản thể hoàn toàn của Thánh Linh được ghi lại.

1. Ngài có thể bị nói phạm đến (Ma-thi-ơ 12:31; Mác 3:29)
2. Ngài dạy dỗ (Lu-ca 12:12; Giăng 14:26)
3. Ngài làm chứng (Giăng 15:26)
4. Ngài cáo trách, hướng dẫn (Giăng 16:7-15)
5. Ngài được gọi là “ai” (*hos*, Ê-phê-sô 1:14)
6. Ngài có thể bị làm buồn (Ê-phê-sô 4:30)
7. Ngài có thể bị dập tắt (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:19)

Các đoạn chỉ về Ba ngôi cũng nói đến ba thân vị (Xin xem chủ đề đặc biệt ở câu 2:32-33 “Ba ngôi Đức Chúa Trời”)

1. Ma-thi-ơ 28:19
2. II Cô-rinh-tô 13:14
3. I Phi-e-rơ 1:2

Thánh Linh được kết nối với các hoạt động của con người

1. Công vụ 15:28
2. Rô-ma 8:26
3. I Cô-rinh-tô 12:11
4. Ê-phê-sô 4:30
5. I Tê-sa-lô-ni-ca 5:15

Ngay từ đầu sách Công vụ, vai trò của Đức Thánh Linh đã được nhấn mạnh. Lễ Ngũ Tuần không phải là thời điểm Đức Thánh Linh mới bắt đầu làm việc, nhưng đó là một chương mới trong công tác của Ngài. Jêsus lúc nào cũng có Thánh Linh ở với. Sự kiện Chúa chịu báp têm không phải là thời điểm Đức Thánh Linh mới bắt đầu công việc, nhưng đó là một chương mới trong công tác của Ngài. Lu-ca chuẩn bị cho Hội thánh một chương mới của một mục vụ đầy kết quả. Chúa Jêsus vẫn là trọng tâm, Thánh Linh vẫn là công cụ có kết quả và tình yêu, sự tha thứ và sự phục hồi con người của Đức Chúa Cha trong ảnh tượng của Ngài vẫn là mục tiêu!

▣ **“truyền lệnh”** Chữ này chỉ thông tin không có trong Phúc âm Lu-ca, nhưng có ghi lại trong Ma-thi-ơ 28:18-20 và Công vụ 1:8.

▣ **“lệnh”** Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE (deponent) PARTICIPLE). Một số học giả cho rằng chữ này chỉ câu 1:8 (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:45-47 hoặc Lu-ca 24:49). Hội thánh có hai chức năng song song: (1) truyền giảng và nuôi dưỡng tín hữu lớn lên giống với Đấng Christ. Mỗi tín hữu phải chờ đợi quyền phép và sự trang bị của Chúa để làm được những điều này. (2) một số khác cho rằng chữ này chỉ việc “chờ đợi Thánh Linh đến và ban quyền phép ở Giê-ru-sa-lem” (câu 4; Lu-ca 24:49).

☐ “các sứ đồ” Xin xem sơ đồ tên của các sứ đồ trong câu 1:13.

☐ “Ngài đã chọn” Chữ “chọn” (*eklego*, thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ) được dùng trong hai ý nghĩa. Thông thường trong Cựu ước nó chỉ sự phục vụ, chứ không phải sự cứu rỗi, nhưng trong Tân ước nó thường chỉ sự cứu rỗi thuộc linh. Ở đây nó có lẽ chỉ cả hai ý này (Lu-ca 6:13).

1:3 “Ngài tỏ ra mình là sống” Điều này có lẽ chỉ 3 lần Chúa Jêsus xuất hiện tại phòng cao cho cả nhóm trong các buổi tối Chúa nhật liên tiếp, nhưng cũng có thể chỉ các lần xuất hiện khác (I Cô-rinh-tô 15:5-8). Sự sống lại của Chúa Jêsus là điều quan trọng liên quan đến tính chân thật của Phúc âm (2:24, 32; 3:15, 25; 4:10; 5:35; 10:40; 13:30, 33, 34, 37; 17:31; và đặc biệt là I Cô-rinh-tô 15:12-19,20). Bản sơ đồ sau đây chỉ những lần xuất hiện của Chúa Jêsus sau khi Ngài sống lại (trích từ sách của Paul Barnett, *Jesus and the Rise of Early Christianity*, trang 185).

Giăng	Ma-thi-ơ	Lu-ca	I Cô-rinh-tô
Lần xuất hiện tại Giê-ru-sa-lem			
Ma-ri (Giăng 20:15)	Các người đàn bà (Ma-thi-ơ 28:9)	Si-môn (Lu-ca 24:34) Hai môn đồ trên đường Em-ma-út (Lu-ca 24:15) Các môn đồ (Lu-ca 24:36)	Sê-pha (I Cô-rinh-tô 15:5) Mười hai sứ đồ (I Cô-rinh-tô 15:5)
Mười môn đồ (Giăng 20:17)			
Mười một môn đồ (Giăng 20:26)			
Lần xuất hiện tại Ga-li-lê			
			Hơn 500 người (I Cô-rinh-tô 15:6; có lẽ liên quan đến Ma-thi-ơ 28:16-20) Gia-cơ (I Cô-rinh-tô 15:7)
Bảy môn đồ (Giăng 21:1)	Các môn đồ (Ma-thi-ơ 28:16-20)		
Lần xuất hiện tại Giê-ru-sa-lem			
		Sự thăng thiên (Lu-ca 24:50-51)	Tất cả các sứ đồ (I Cô-rinh-tô 15:7)

☐
NASB, NRSV, NIV “bởi nhiều bằng chứng thuyết phục”
NKJV “bằng nhiều bằng chứng không thể sai lầm được”
TEV “nhiều lần nhiều cách chứng minh không làm cho có một chút nghi ngờ”
NJB “bằng nhiều sự tỏ bày”

Chữ *tekmerion* được dùng duy nhất tại đây trong cả Tân ước. Sách của Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*, trang 628, có phần bàn luận rất tốt về từ ngữ này trong văn chương Hy-lạp, có nghĩa là “bằng chứng bày tỏ điều gì.” Chữ này cũng được dùng trong the Wisdom of Solomon 5:11; 19:3 và III Maccabees 3:24.

▣ **“sau khi Ngài chịu đau đớn”** Người Do thái tin Chúa rất khó lãnh hội được khía cạnh này của Phúc âm (I Cô-rinh-tô 1:23). Sự chịu khổ của Đấng Mết-si-a được nói đến trong Cựu ước (Sáng thế ký 3:15; Thi-thiên 22; Ê-sai 53 và trong Lu-ca 24:45-47). Đây là điểm xác quyết thần học chủ đạo trong bài giảng của các sứ đồ (*kerygma*, Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 2:13).

Lu-ca thường dùng thể ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INFINITIVE) cho từ *pascho* (chịu khổ) để chỉ Chúa Jê-sus bị đóng đinh (Lu-ca 9:22; 17:25; 22:15; 24:26, 46; Công vụ 1:3; 3:18; 9:16; 17:3). Có lẽ Lu-ca lấy điều này từ Phúc âm Mác (xem câu 8:31).

▣ **“hiện ra cho họ”** Chúng ta có 10 hoặc 11 kỹ thuật về những lần xuất hiện của Chúa Jê-sus sau khi Ngài sống lại trong Tân ước. Tuy nhiên, đây chỉ là những kỹ thuật tiêu biểu chứ không phải là bảng liệt kê trọn vẹn. Rõ ràng Chúa Jê-sus đến và đi trong giai đoạn này nhưng không ở lại với một nhóm nào.

▣ **“bốn mươi ngày”** Đây là thành ngữ Cựu ước dùng để chỉ một thời gian dài không có thời điểm xác định, dài hơn cả chu kỳ mặt trăng. Ở đây nó chỉ thời điểm giữa các ngày lễ Vượt qua hằng năm của người Do thái và lễ Ngũ tuần (tức là 50 ngày). Sách Lu-ca là sách duy nhất chứa đựng thông tin này. Vì thời điểm Chúa thăng thiên không phải là vấn đề chính (các tác giả Cơ đốc mãi đến thế kỷ thứ 4 SCN mới chú ý đến nó), cho nên rõ ràng có một mục đích nào khác về con số này. Nó có thể chỉ thời gian Môi-se ở trên núi Si-na-i, dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng, Chúa Jê-sus bị cám dỗ, hoặc đơn giản là chúng ta không biết, nhưng điều chắc chắn là bản thân thời điểm này không phải là vấn đề quan trọng.

▣ **“dạy về những điều liên quan đến Nước Đức Chúa Trời”** Những người Trí huệ giáo (Gnostics) tuyên bố rằng Chúa Jê-sus đã bày tỏ thông tin bí mật cho nhóm của họ trong thời điểm từ Lễ Vượt qua đến lễ Ngũ tuần. Điều này rõ ràng là sai lầm. Tuy nhiên, kỹ thuật về hai môn đồ trên đường Em-ma-út là một ví dụ thuyết phục về sự dạy dỗ của Chúa Jê-sus sau khi Ngài sống lại. Tôi nghĩ rằng Chúa Jê-sus đã cho các lãnh đạo Hội thánh thấy từ Cựu ước những sự tiên đoán và những chỗ liên quan đến cuộc đời, sự chết và sự trở lại của Ngài. Xin xem Chủ đề đặc biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mết-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự giáng sinh của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giảng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ. 3:2; Mác 1:15). Chúa Jê-sus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ. 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ. 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ “nước Đức Chúa Trời.” Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jê-sus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là ‘Nước Trời,’ trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jê-sus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ

dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các bản dịch của Chúa Jê-sus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giăng “sự sống đời đời” là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Christ. Cựu ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mê-ti-si-a của Đức Chúa Trời- lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao- nhưng Tân ước cho biết Chúa Jê-sus đến lần đầu làm một Đầy tớ Chịu khổ trong Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường trong Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lấp nhau. Chúa Jê-sus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng “đã rồi” nhưng “chưa” của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

1:4

NASB	“nhóm họp họ lại”
NKJV	“nhóm lại với họ”
NRSV	“khi ở với họ”
TEV	“khi họ họp lại với nhau”
TEV ^a	“khi Ngài ở với họ”
TEV ^b , NIV	“khi Ngài ăn với họ”
NJB, KNOX	“khi ngồi tại bàn ăn với họ”

Câu 4-5 dùng một ví dụ về sự xuất hiện của Chúa Jê-sus trong nhiều lần xuất hiện và chứng cứ của Ngài. Chữ *sunalizomenos* có thể được đánh vần cách khác. Nếu đánh vần cách khác, ý nghĩa của nó cũng thay đổi.

1. Chữ ‘a’ âm dài- có nghĩa là nhóm họp lại/tụ họp lại
2. Chữ ‘a’ âm ngắn- có nghĩa là ăn cùng với (nghĩa đen là ‘với muối’)
3. Nguyên âm kép ‘au’- có nghĩa là ở với

Không rõ ý định tác giả ở đây là gì, nhưng Lu-ca 24:41-43 (Giăng 21) mô tả Chúa Jê-sus cùng ăn với các môn đồ, là điều bày tỏ chứng cứ về thân thể sống lại của Ngài (câu 3).

▣ **“dùng rồi Giê-ru-sa-lem”** Câu này cũng được ghi lại trong Lu-ca 24:49. Phần đầu của sách Công vụ là phần tóm lược đoạn cuối trong Phúc âm Lu-ca, có lẽ là cách kết nối hai sách lại với nhau theo lối văn chương.

▣ **“chờ điều Cha đã hứa”** Trong câu 2:16-21 Phi-e-rơ liên hệ điều này với lời tiên tri thời kỳ cuối trong Giô-ên 2:28-32. Họ đã chờ đợi 10 ngày cho đến khi đến ngày Lễ Ngũ Tuần. Lu-ca đã đặc biệt gọi “điều Cha đã hứa” là Đức Thánh Linh (Lu-ca 4:49; Công vụ 2:33). Trước đó Chúa Jê-sus đã nói với họ Đức Thánh Linh sẽ đến trong Giăng 14-16. Tuy nhiên, cũng có thể Lu-ca hiểu ‘điều Cha đã hứa’ không những chỉ là một điều (tức là Đức Thánh Linh), nhưng cũng có thể là sự cứu rỗi đã hứa trong Cựu ước sẽ được đem đến cho dân Y-sơ-ra-ên trong một con người là Đấng Mê-ti-si-a (Công vụ 2:39; 13:23, 32; 26:6).

▣ **“Cha”** Cựu ước giới thiệu Đức Chúa Trời như một người cha, một hình ảnh liên hệ mật thiết từ trong một gia đình: (1) quốc gia Y-sơ-ra-ên thường được gọi là con trai của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17); (2) ngay cả trước đó trong Phục truyền luật lệ ký, hình ảnh Đức Chúa Trời như một người cha cũng được dùng đến (1:31); (3) trong Phục truyền luật lệ ký 32:6, Y-sơ-ra-ên được gọi là “con của Ngài” và Đức Chúa Trời được gọi là “cha của các ngươi”; (4) hình ảnh này được nói đến trong Thi-thiên 103:13 và được xây dựng thêm trong Thi-thiên 68:5 (cha của những kẻ mồ côi); (5) hình ảnh này rất thông thường trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, Chúa là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jê-sus nói tiếng A-ram, cho nên những chỗ xuất hiện chữ “cha” tức là chữ *Pater* trong tiếng Hy-lạp, thì có nghĩa là chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Từ ngữ dùng trong gia đình “ba” “bố” diễn tả sự

mật thiết của Ngài với Cha; bằng cách bày tỏ điều này cho các môn đồ, Ngài cũng khuyến khích chúng ta có sự liên hệ mật thiết với Cha. Chữ “Cha” rất hiếm khi dùng đến trong Cựu ước (và cũng ít xuất hiện trong các văn thư Rabi) để chỉ Đức Giê-hô-va, nhưng Chúa Jê-sus thì thường dùng nó và dùng ở nhiều chỗ. Đây là một sự mặc khải lớn lao về mối liên hệ mới của người tin Chúa với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Ma-thi-ơ 6:9).

1:5 “Giăng” Cả 4 sách Tin lành (Ma-thi-ơ 3:1-12; Mác 1:2-8; Lu-ca 3:15-17; Giăng 1:6-8,19-28) đều thuật lại chức vụ của Giăng Báp-tít. Chữ “Giăng” là chữ viết ngắn lại của chữ Hê-bơ-rơ đầy đủ là Johanan, có nghĩa là “Đức Giê-hô-va giàu ơn” hay là “món quà của Đức Giê-hô-va.” Tên của ông mang đầy ý nghĩa bởi vì nó chỉ mục đích của Đức Chúa Trời cho đời sống của ông, giống như tất cả các tên trong Kinh thánh. Giăng là vị tiên tri cuối cùng của Cựu ước. Không có một tiên tri nào trong Y-sơ-ra-ên kể từ thời Ma-la-chi, khoảng năm 430 TCN. Chính sự có mặt của ông đem đến sự hưng phấn thuộc linh giữa vòng người Y-sơ-ra-ên.

▣ **“làm báp-têm bằng nước”** Làm báp-têm là một nghi lễ thông thường của người Do thái vào thế kỷ thứ nhất và thứ hai, nhưng chỉ liên quan đến những người mới nhập đạo. Nếu một người có gốc ngoại bang muốn trở thành một người con Y-sơ-ra-ên thật, người đó phải hoàn tất 3 điều: (1) nếu là đàn ông, phải thực hiện phép cắt bì; (2) tự báp-têm bằng cách dìm mình xuống nước trước sự chứng kiến của ba người; và (3) nếu được thì dâng một tế lễ nơi đền thờ. Trong các nhóm phái ở thế kỷ thứ nhất ở Palestine, như là nhóm Essenes, thì lễ báp-têm là một kinh nghiệm thông thường được lặp đi lặp lại. Tuy nhiên trong hệ thống Do thái giáo chính thống, các tiền lệ về nghi lễ có thể được trích dẫn để chỉ lễ thanh tẩy này (1) như là một biểu tượng tẩy rửa thuộc linh (Ê-sai 1:16); và (2) là một nghi lễ đều đặn được thực hiện bởi các thầy tế lễ (Xuất Ê-díp-tô ký 19:10; Lê-vi-ký 15).

▣ **“các ngươi sẽ được báp-têm bằng Đức Thánh Linh”** Động từ này ở thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG TUƠNG LAI (FUTURE PASSIVE INDICATIVE). Thể THỤ ĐỘNG có lẽ chỉ Chúa Jê-sus dựa vào Ma-thi-ơ 3:11; Lu-ca 3:16. Giới từ *en* có nghĩa là “trong,” “với,” hay “bằng” (tức là một phương tiện, Ma-thi-ơ 3:11). Cụm từ này có thể chỉ hai sự kiện: (1) trở thành một Cơ đốc nhân, (I Cô-rinh-tô 12:13) hoặc là (2) trong ngữ cảnh này, chỉ sự hứa ban cho quyền phép thiêng liêng để phục vụ kết quả. Giăng Báp-tít thường nói về mục vụ của Chúa Jê-sus bằng những chữ này (Ma-thi-ơ 3:11; Mác 1:8; Lu-ca 3:16-17; Giăng 1:33).

Điều này tương phản với phép báp-têm của Giăng. Đấng Mê-ti-a sẽ đăng quang một thời đại mới của Đức Thánh Linh. Báp-têm của Ngài sẽ là báp-têm với (hay là “trong,” “bởi”) Đức Thánh Linh. Có nhiều sự bàn cãi giữa các hệ phái về điều này, không biết nó chỉ đến sự kiện nào trong kinh nghiệm của người tin Chúa. Một số cho rằng nó chỉ kinh nghiệm được ban cho quyền phép sau khi đã tin Chúa, một loại phước thứ hai. Bản thân tôi nghĩ rằng nó chỉ đến sự kiện trở thành một Cơ đốc nhân (I Cô-rinh-tô 12:13). Tôi không gạt bỏ những sự đổ đầy Thánh Linh hay trang bị cho các tín hữu, nhưng tôi tin rằng chỉ có một báp-têm thiêng liêng lúc khởi đầu vào trong Đấng Christ qua đó những người tin Chúa đồng hóa chính mình với sự chết và sự sống lại với Chúa Jê-sus (Rô-ma 6:3-4; Ê-phê-sô 4:5; Cô-lô-se 2:12). Công tác ban đầu này của Thánh Linh được mô tả trong Giăng 16:8-11. Theo tôi các công tác của Thánh Linh bao gồm:

1. Cáo trách tội lỗi
2. Bày tỏ lẽ thật về Đấng Christ
3. Dẫn dắt vào sự tiếp nhận Phúc âm
4. Báp-têm vào trong Đấng Christ
5. Cáo trách người tin Chúa về tội lỗi vẫn tái phạm
6. Thành hình Đấng Christ trong những người tin Chúa

▣ **“trong ít ngày nữa”** Ở đây chỉ ngày lễ Ngũ tuần của người Do thái, là lễ diễn ra 7 tuần sau ngày lễ Vượt qua. Nó nhìn nhận chủ quyền của Đức Chúa Trời trên các hoa quả mùa màng. Nó xảy ra 50 ngày sau lễ Vượt qua (Lê-vi-ký 23:15-31; Xuất Ê-díp-tô ký 34:22; Phục truyền luật lệ ký 16:10).

BẢN NASB 1:6-11

⁶ Vậy, những người nhóm tại đó thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng? ⁷ Ngài đáp rằng: Kỳ hạn và ngày giờ mà Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các ngươi chẳng nên biết. ⁸ Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi, thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất. ⁹ Ngài phán bấy nhiêu lời rồi, thì được cất lên trong lúc các ngươi đó nhìn xem Ngài, có một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không thấy nữa. ¹⁰ Các người đó dương ngó chăm trên trời trong lúc Ngài ngự lên, xảy có hai người nam mặc áo trắng hiện đến trước mặt, ¹¹ và nói rằng: Hỡi người Ga-li-lê, sao các ngươi đứng ngóng lên trời làm chi? Jê-sus này đã được cất lên trời khỏi giữa các ngươi, cũng sẽ trở lại như cách các ngươi đã thấy Ngài lên trời vậy.

1:6 “họ hỏi Ngài” Thể CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT) chỉ một hành động lặp đi lặp lại trong quá khứ hay là bắt đầu của một hành động. Rõ ràng các môn đồ đã hỏi điều này nhiều lần.

▣ **“Chúa”** Chữ “Chúa” trong tiếng Hy-lạp (*kurios*) được dùng trong ý nghĩa chung tổng quát hoặc trong ý nghĩa thần học mở rộng. Nó có nghĩa là “ông,” “ngài,” “chủ,” “chủ nhân,” “chồng” hay là bản thể Trời-người toàn vẹn (Giăng 9:36, 38). Chữ Hê-bơ-rơ (*adon*) trong Cựu ước xuất phát từ sự ngần ngại của người Do thái phát âm tên giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH, là thể NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của động từ “là” trong tiếng Hê-bơ-rơ (Xuất Ê-díp-tô ký 3:14). Họ sợ vi phạm điều răn “Ngươi chớ lấy danh Chúa mà làm chơi” (Xuất Ê-díp-tô ký 20:7; Phục truyền luật lệ ký 5:11). Vì vậy, họ nghĩ rằng nếu họ không nói ra chữ này, thì họ sẽ không lấy danh này làm chơi. Họ đã thay thế bằng chữ *adon* trong tiếng Hê-bơ-rơ, có nghĩa tương đương với chữ *kurios* trong tiếng Hy-lạp (Chúa). Các tác giả Tân ước dùng thuật ngữ này để chỉ thần tính đầy đủ của Đấng Christ. Cụm từ “Jê-sus là Chúa” là một lời tuyên xưng đức tin công khai và là một câu tuyên bố trong lễ báp têm của hội thánh đầu tiên (Rô-ma 10:9-13; I Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:11).

▣ **“có phải trong lúc này Ngài sẽ phục hồi vương quốc Y-sơ-ra-ên”** Họ vẫn có cái nhìn hoàn toàn mang nặng chủ nghĩa dân tộc Do thái (Thi-thiên 14:7; Giê-rê-mi 33:7; Ô-sê 6:11; Lu-ca 19:11; 24:21). Có lẽ họ thậm chí hỏi Chúa chức vị của họ trong bộ máy chính quyền này.

Câu hỏi thần học này vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Tôi muốn đưa vào đây phần giải nghĩa của tôi trong sách Khải quyền, là phần đề cập ngay đến vấn đề này.

“Các tiên tri Cựu ước tiên báo một sự phục hồi vương quốc Do thái ở Palestine có trung tâm là Giê-ru-sa-lem, nơi mà mọi nước trên đất họp lại để tôn vinh và phục vụ một nhân vật cầm quyền từ ngôi Đa-vít, nhưng các sứ đồ trong Tân ước không bao giờ tập trung vào ý định này. Có phải Cựu ước cũng được thần cảm (Ma-thi-ơ 5:17-19)? Có phải các tác giả Tân ước đã bỏ qua những sự kiện quan trọng trong thời kỳ cuối cùng?

Các nguồn thông tin về thời kỳ cuối cùng của thế giới gồm có:

1. Các tiên tri Cựu ước
2. Các tác giả Cựu ước viết về thời kỳ cuối cùng (Ê-xê-chi-ên 37-39; Đa-ni-ên 7-12)
3. Các tác giả thời giữa hai giao ước (intertestament), các tác giả Do thái viết về thời kỳ cuối cùng trong các sách không phải thuộc kinh điển (non-canonical) (như là sách I Hê-nóc)
4. Chính Chúa Jê-sus (Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Các thư tín của Phao-lô (ICô-rinh-tô 15; IICô-rinh-tô 5; ITê-sa-lô-ni-ca 4; IITê-sa-lô-ni-ca 2)
6. Các sách của Giảng (sách Khải huyền)

Có phải tất cả các tài liệu này đều dạy về thời kỳ cuối cùng (các sự kiện liên quan, mốc thời gian, các nhân vật)? Nếu không, tại sao không? Có phải tất cả đều được linh cảm (ngoại trừ các sách viết ở thời kỳ giữa hai giao ước của người Do thái)?

Thánh Linh bày tỏ lẽ thật cho các trước giả Cựu ước bằng các từ ngữ và thể loại họ có thể hiểu được. Tuy vậy, qua sự mặc khải liên tiến (progressive revelation), Thánh Linh đã mở rộng các khái niệm lai thế học trong Cựu ước trong một mức độ phổ quát hơn (Ê-phê-sô 2:11-3:13). Sau đây là các ví dụ có liên quan:

1. Thành Giê-ru-sa-lem được dùng làm biểu tượng cho dân của Đức Chúa Trời (thành Si-ôn) và được khiến trở thành một danh từ chỉ việc Đức Chúa Trời đón nhận tất cả những người ăn năn, tin nhận Ngài (thành Giê-ru-sa-lem mới trong Khải huyền 20-22). Sự mở rộng thần học từ một cái thành thuộc vật chất, theo nghĩa đen trở nên một dân của Đức Chúa Trời ám chỉ lời hứa của Đức Chúa Trời muốn cứu nhân loại sa ngã trong Sáng thế ký 3:15, ngay cả trước khi có một người Do thái hay một thành đô nào của người Do thái. Ngay đến sự kêu gọi Áp-ra-ham cũng bao gồm dân ngoại trong đó (Sáng thế ký 12:3).
2. Trong Cựu ước, các kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên là các nước lân bang Cận đông (Ancient Near East), nhưng trong Tân ước, nó mở rộng ra để chỉ tất cả những người vô tín, chống cự Đức Chúa Trời, và bị Sa-tan xui khiến. Cuộc chiến đã chuyển từ một sự xung đột địa phận, địa lý đến một sự xung đột mang tầm vóc vũ trụ.
3. Lời hứa về đất hứa, là điều rất thiết yếu trong Cựu ước (lời hứa cho các tổ phụ) giờ đã trở thành lời hứa về cả trái đất. Giê-ru-sa-lem mới trở thành một trái đất được tái tạo, không phải chỉ là vùng Cận đông hay riêng cho vùng Cận đông (Khải huyền 20-22).
4. Một số khái niệm tiên tri khác trong Cựu ước cũng được mở rộng, ví dụ như: (1) hạt giống Áp-ra-ham giờ trở thành những người chịu cắt bì thuộc linh (Rô-ma 2:28-29); (2) dân giao ước giờ đây bao gồm cả người ngoại (Ô-sê 1:9; 2:23; Rô-ma 9:24-26; Lê-vi-ký 26:12; Xuất Ê-díp-tô ký 29:45; II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất Ê-díp-tô ký 19:5; Phục truyền luật lệ ký 14:2; Tít 2:14); (3) đền thờ giờ đây là hội thánh địa phương (I Cô-rinh-tô 3:16) hay là cá nhân tín hữu (I Cô-rinh-tô 6:19); và (4) ngay cả Y-sơ-ra-ên và các cụm từ mô tả các đặc tính của nó giờ đây cũng để chỉ toàn thể dân sự của Đức Chúa Trời (Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 2:5, 9-10; Khải huyền 1:6).

Mô hình tiên tri đã được ứng nghiệm, mở rộng và giờ đây bao gồm nhiều hơn. Chúa Jê-sus và các sứ đồ viết Kinh thánh không trình bày thời kỳ cuối cùng như cách các tiên tri Cựu ước đã làm (xem sách của Martin Wyngaarden, *The Future of the Kingdom in Prophecy and Fulfillment*). Khi tìm cách giải nghĩa mô hình Cựu ước theo nghĩa đen hay khệp nó vào một tiêu chuẩn, một số nhà giải kinh hiện đại đã làm méo mó sách Khải huyền, khiến nó trở nên một quyển sách rất Do thái và gượng ép ý nghĩa trong một số câu nói mơ hồ, phân tán của Phao-lô và Chúa Jê-sus! Các tác giả Tân ước không phủ nhận các tiên tri Cựu ước, nhưng cho thấy hàm ý phổ quát cuối cùng của nó.”

1:7

NASB “Kỳ hạn và ngày giờ là điều Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các ngươi chẳng nên biết”

NKJV “Kỳ hạn và ngày giờ là điều các ngươi chẳng nên biết”

NRSV “Kỳ hạn và ngày giờ là điều các ngươi chẳng nên biết”

TEV “kỳ hạn và dịp tiện”

NJB “Ngày giờ là điều các ngươi chẳng nên biết”

Chữ “ngày giờ” (time) (*chronos*) nghĩa là “kỳ nguyên” hay “thời đại” (tức là thời gian trôi qua), trong khi chữ “kỳ hạn” (epochs) (*kairos*) có nghĩa là “thời gian trong một sự kiện hay mùa màng nhất định” (xem Tít 1:2-3). Học giả Louw và Nida trong cuốn *Greek-English Lexicon* cho rằng chúng đồng nghĩa nhau, cùng chỉ một khoảng thời gian (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:1). Điều rõ ràng là người tin Chúa không nên tìm cách định những thời gian cụ thể; ngay cả Chúa Jê-sus cũng không biết lúc nào Ngài sẽ trở lại (Ma-thi-ơ 24:36; Mác 13:32). Người tin Chúa có thể biết một khoảng thời gian chung chung, nhưng họ phải sẵn sàng và cứ làm việc, chờ đợi sự kiện thật sẽ xảy ra (Ma-thi-ơ 24:32-33). Hai điểm tương đương mà Tân ước nhấn mạnh đề cập đến Sự trở lại của Chúa là phải chuyên tâm **làm việc** và cứ **sẵn sàng**. Những điều còn lại hãy để cho Chúa lo!

1:8 “các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép” Điều chúng ta đề ý là việc Đức Thánh Linh đến có liên quan đến quyền phép và sự làm chứng. Sách Công vụ chú trọng về “làm chứng” (tức là *martus*). Chủ đề này

chi phối cả sách (1:8, 22; 2:32; 3:15; 5:32; 10:39, 41; 13:31; 22:15, 20; 26:16). Hội thánh được giao cho một nhiệm vụ- đó là làm chứng về Phúc âm của Đấng Christ! Các sứ đồ đã là những nhân chứng sống trong cuộc đời và lời dạy của Chúa Jêsus ngày trước, giờ đây họ sẽ là những nhân chứng về cuộc đời và lời dạy của Ngài cho những người khác. Sự làm chứng hữu hiệu chỉ xảy ra bằng quyền phép của Thánh Linh mà thôi.

▣ **“Giê-ru-sa-lem...Giu-đê...Sa-ma-ri...cho đến cùng trái đất”** Đây là dàn bài địa lý của sách Công vụ: Giê-ru-sa-lem, chương 1-7; Giu-đê và Sa-ma-ri, chương 8-12; đến cùng trái đất (tức là Rô-ma), chương 13-28. Dàn bài này cho thấy cấu trúc văn bản và mục đích của tác giả. Cơ đốc giáo không phải là một nhánh của Do thái giáo, nhưng nó là một phong trào toàn cầu về một Chân Thần hoàn thành lời hứa của Ngài trong Cựu ước để phục hồi lại một nhân loại nổi loạn và đem họ trở về mối thông công với chính Ngài (Sáng thế ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5; Ê-sai 2:2-4; 56:7; Lu-ca 19:46).

Các nhà lãnh đạo Do thái thời ban đầu - là những người thông thạo bản Bảy mươi và vô số lời hứa tiên tri của Đức Giê-hô-va rằng Ngài sẽ khôi phục lại Giê-ru-sa-lem, đặt nó lên chỗ cao, và đem cả thế giới đến với nó - đã mong rằng những điều này sẽ ứng nghiệm đúng theo nghĩa đen của nó. Họ đã ở lại Giê-ru-sa-lem (8:1). Nhưng Phúc âm đã làm một cuộc cải cách và mở rộng các khái niệm Cựu ước. Mạng lệnh toàn cầu (Ma-thi-ơ 28:18-20; Công vụ 1:8) bảo những người tin Chúa phải đi ra khắp thế giới, và không chờ đợi thế giới đến với mình. Giê-ru-sa-lem trong Tân ước là biểu tượng của thiên đàng (Khải huyền 21:2) chứ không phải là một thành phố ở xứ Pa-lét-tin trên đất.

1:9 “Ngài được cất lên” Sự kiện này được biết đến với tên gọi là Sự Thăng thiên. Chúa Jêsus sống lại trở về nơi vinh quang Ngài đã từng hiện hữu trước đó (Lu-ca 24:50-51; Giăng 6:22; 20:17; Ê-phê-sô 4:10; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 4:14; I Phi-e-rơ 3:22). Tác nhân hàm ý trong THỂ THỤ ĐỘNG này là Đức Chúa Cha.

▣ **“một đám mây”** Đám mây là một dấu hiệu quan trọng liên hệ đến thời kỳ cuối. Đám mây được dùng ba cách khác nhau trong Cựu ước: (1) để chỉ sự hiện diện trên đất của Đức Chúa Trời, trụ mây vinh quang Shekinah (Xuất Ê-díp-tô ký 13:21; 16:10; Dân số ký 11:25); (2) để che sự thánh khiết của Ngài để con người không thể thấy Ngài, e phải chết (Xuất Ê-díp-tô ký 33:20; Thi-thiên 18:9; Ê-sai 6:5); (3) để vận chuyển Thần (Thi-thiên 104:3; Ê-sai 19:1). Trong Đa-ni-ên 7:13 các đám mây được dùng để vận chuyển Đấng Thánh Mết-si-a. Lời tiên tri này trong Đa-ni-ên được nói đến hơn 30 lần trong Tân ước. Sự liên kết tương tự giữa Đấng Mết-si-a và đám mây cũng được ghi lại trong Ma-thi-ơ 26:64; Mác 13:26; 14:62; Công vụ 1:9, 11 và I Tê-sa-lô-ni-ca 4:17.

1:10 “họ ngó chăm” Đây là thể CHỮA HOÀN THÀNH LỜI NÓI VÒNG (PERIPHRASTIC IMPERFECT). Họ vẫn tiếp tục nhướng mắt lên để xem Chúa Jêsus thật lâu. Ngay cả khi Chúa đã khuất khỏi tầm nhìn, họ vẫn tiếp tục ngó chăm.

Từ ngữ này đặc biệt có trong các sách của Lu-ca (Lu-ca 4:20; 22:56; Công vụ 1:10; 3:4, 12; 6:15; 7:55; 10:4; 11:6; 13:9; 14:9; 23:1, và chỉ có trong các sách khác 2 lần, đó là trong II Cô-rinh-tô 3). Nó chỉ ý nghĩa “nhìn chăm chăm,” “ngó chăm,” hay “dán mắt vào.”

▣ **“lên trời”** Người xưa cho rằng trời là ở trên, nhưng thời nay chúng ta quan niệm ở trên chỉ có ý tương đối. Trong Lu-ca 24:31 Chúa Jêsus biến mất. Đây có thể là một mô hình tốt hơn cho văn hóa chúng ta ngày nay. Trời không phải ở trên hay là ở ngoài đó, nhưng có thể là một chiều kích khác của không gian và thời gian. Trời không phải là một phương hướng, nhưng đó là một thân vị!

▣ **“hai người nam mặc áo trắng”** Tân ước thường mô tả các thiên sứ trong trang phục trắng sáng của họ (Lu-ca 24:4; Giăng 20:12). Thiên sứ xuất hiện trong ngày Chúa ra đời, khi Chúa bị cám dỗ, tại vườn Ghết-sê-ma-nê, nơi hang mộ, và tại đây nơi Chúa thăng thiên.

1:11 “Người Ga-li-lê” Lu-ca ghi lại xuất xứ Ga-li-lê của các môn đồ, một vài chỗ khác nhau trong sách Công vụ (2:7; 13:31). Tất cả các môn đồ, ngoại trừ Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, đều từ Ga-li-lê. Cư dân vùng Giu-đê thường khinh khi khu vực này bởi vì nó có số người ngoại khá đông, và vì nó không “kosher” (tức là gắt gạo) trong việc thực thi Các truyền thống truyền miệng (Talmud).

▣ **“Jê-sus này...sẽ trở lại”** Một số nhà thần học phân biệt Chúa Jê-sus và Đấng Christ. Các thiên sứ xác nhận chính Chúa Jê-sus mà họ đã từng biết sẽ trở lại. Đấng Christ được vinh hiển và được cất lên vẫn là Jê-sus ở Na-xa-rét. Ngài là Thần/nhân.

Jê-sus này sẽ trở lại như cách Ngài lìa trần gian trong đám mây (Ma-thi-ơ 10:23; 16:27; 24:3, 27, 37, 39; 26:64; Mác 8:38-39; 13:26; Lu-ca 21:27; Giăng 21:22; I Cô-rinh-tô 15:23; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10, 4:16; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7, 10; 2:1,8; Gia-cơ 5:7-8; II Phi-e-rơ 1:16; 3:4, 12; I Giăng 2:28; Khải huyền 1:7). Chúa Jê-sus trở lại lần thứ hai là đề tài chính và thường được nhắc đến trong Tân ước. Một lý do khiến các sách Phúc âm phải mất một thời gian dài để tập hợp lại thành một dạng văn bản viết là vì hội thánh đầu tiên mong đợi Đấng Christ sẽ rất mau sớm trở lại. Sự trì hoãn đáng ngạc nhiên của Ngài, sự ra đi dần của các sứ đồ, cộng với việc các tà giáo mọc lên khắp nơi khiến cho hội thánh quyết định ghi lại cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Jê-sus ở dạng văn bản viết.

BẢN NASB 1:12-14

¹² Bấy giờ, các người đó từ núi gọi là Ô-li-ve trở về thành Giê-ru-sa-lem; núi ấy cách thành Giê-ru-sa-lem một quãng đường ước đi một ngày Sa-bát. ¹³ Khi đã về đến, bèn lên một cái phòng cao kia, là nơi Phi -e-rơ, Giăng, Gia-cơ, Anh-rê, Phi-líp, Thô-ma, Ba-tê-lê-my, Ma-thi -ơ, Gia-cơ con của A-phê, Si-môn Xê-lốt, và Giu-đe con của Gia-cơ thường ở. ¹⁴ Hết thấy những người đó bèn lòng đồng một ý mà cầu nguyện với các người dờn bà, và Ma-ri là mẹ Đức Chúa Jê-sus cùng anh em Ngài.

1:12 “trở về” Lu-ca 24:52 thêm “mừng rỡ lắm.”

▣ **“núi Ô-li-ve”** Điểm này dường như mâu thuẫn với Lu-ca 24:50 (nói đến làng Bê-tha-ni); tuy nhiên, cần so sánh Lu-ca 19:29 và 21:37 với Mác 11:11-12 và 14:3. Dãy núi gọi là Ô-li-ve là một dãy trải dài khoảng 2.5 dặm và cao 300-400 bộ so với thành Giê-ru-sa-lem, chạy dài từ Bê-tha-ni đối ngang thung lũng Kidron, đối diện với Đền thờ. Nó được đề cập đến trong lời tiên tri về sự cuối cùng trong Cựu ước (xem Xa-cha-ri 14:4). Chúa Jê-sus gặp các môn đồ tại nơi này nhiều lần và có thể đã cắm trại tại đây.

▣ **“quãng đường ước một ngày Sa-bát”** Khoảng cách một người Do thái có thể di chuyển trong ngày Sa-bát được ấn định bởi các thầy ra-bi (Xuất Ê-díp-tô ký 16:29; Dân số ký 35:5). Quãng đường 2.000 cubit (tức là 2000 bước chân) là khoảng cách tối đa các ra-bi định ra cho một người có thể di chuyển trong ngày Sa-bát mà không phạm luật Môi-se.

1:13 “phòng cao” Đây có thể là địa điểm nơi buổi ăn tối cuối cùng diễn ra (Lu-ca 22:12; Mác 14:14-15). Truyền thống cho rằng đó là tầng cao (tầng 2 hay 3) trong nhà của Giăng Mác (Công vụ 12:12), là người viết lại những ghi nhớ của Phi-e-rơ thành Phúc âm Mác. Đây phải là một căn phòng lớn để có thể chứa được 120 người.

▣ **“họ”** Đây là một trong 4 danh sách liệt kê tên các sứ đồ (Ma-thi-ơ 10:2-4; Mác 3:16-19; Lu-ca 6:14-16). Các danh sách này không hoàn toàn giống nhau vì tên và thứ tự trong những danh sách này có sự thay đổi. Dù vậy, những người này đều giống nhau trong 3 nhóm 4 người. Phi-e-rơ luôn được đề cập trước tiên và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt sau cùng. Cách liệt kê 3 nhóm 4 người có lẽ là nhằm mục đích cho phép họ trở về nhà định kỳ để coi sóc và chăm lo cho gia đình.

	Ma-thi-ơ 10:2-4	Mác 3:16-19	Lu-ca 6:14-16	Công vụ 1:12-18
Nhóm một	Si-môn (Phi-e-rơ) Anh-rê (em Phi-e-rơ) Gia-cơ (con Xê-bê-đê) Giăng (anh Gia-cơ)	Si-môn (Phi-e-rơ) Gia-cơ (con Xê-bê-đê) Giăng (anh Gia-cơ) Anh-rê	Si-môn (Phi-e-rơ) Anh-rê (em Phi-e-rơ) Gia-cơ Giăng	Phi-e-rơ Giăng Gia-cơ Anh-rê
Nhóm hai	Phi-líp Ba-thê-lê-mi Thô-ma Ma-thi-ơ (người thu thuế)	Phi-líp Ba-thê-lê-mi Ma-thi-ơ Thô-ma	Phi-líp Ba-thê-lê-mi Ma-thi-ơ Thô-ma	Phi-líp Thô-ma Ba-thê-lê-mi Ma-thi-ơ
Nhóm ba	Gia-cơ (con A-phê) Tha-đê Si-môn (người Ca-na-an) Giu-đa (Ích-ca-ri-ốt)	Gia-cơ (con A-phê) Tha-đê Si-môn (người Ca-na-an) Giu-đa (Ích-ca-ri-ốt)	Gia-cơ (con A-phê) Si-môn (Xê-lốt) Giu-đa (con Gia-cơ) Giu-đa (Ích-ca-ri-ốt)	Gia-cơ (con A-phê) Si-môn (Xê-lốt) Giu-đa (con Gia-cơ)

▣ **“Phi-e-rơ”** Hầu hết người Do thái ở Ga-li-lê đều có một tên Do thái (Si-môn hay Si-mê-ôn, nghĩa là “nghe”) và một tên Hy-lạp (không được đặt). Chúa Jêsus cho ông một cái tên là “đá.” Trong tiếng Hy-lạp nó là *petros* và trong tiếng A-ram nó là *cephas* (Giăng 1:42; Ma-thi-ơ 16:16).

▣ **“Anh-rê”** Chữ Hy-lạp nghĩa là “có tính đàn ông.” Đọc trong Giăng 1:29-42 chúng ta biết được Anh-rê là môn đồ của Giăng Báp-tít và ông đã giới thiệu Chúa Jêsus cho anh của mình là Phi-e-rơ.

▣ **“Phi-líp”** Chữ Hy-lạp nghĩa là “thích loài ngựa.” Sự kêu gọi của ông được mô tả chi tiết trong Giăng 1:43-51.

▣ **“Thô-ma”** Chữ Hê-bơ-rơ nghĩa là “sinh đôi” hay là Đi-đim (Giăng 11:16; 20:24; 21:2)

▣ **“Ba-thê-lê-mi”** Chữ này nghĩa là “con trai của Ptolemy.” Ông có lẽ là Na-tha-na-ên trong Phúc âm Giăng (Giăng 1:45-49; 21:20).

▣ **“Ma-thi-ơ”** Chữ Hê-bơ-rơ nghĩa là “món quà của Đức Giê-hô-va.” Chữ này chỉ Lê-vi (2:13-17).

▣ **“Gia-cơ”** Chữ Hê-bơ-rơ là “Gia-cốp.” Có hai người tên Gia-cơ trong danh sách Mười hai sứ đồ. Một người là em của Giăng (Mác 3:17) và thuộc về nhóm 3 người thân cận (Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ). Người được đề cập ở đây được biết đến với tên gọi là Gia-cơ nhỏ (James the less).

▣ **“Si-môn Xê-lốt”** Bản Hy-lạp của Mác có chữ “Ca-na-an” (cũng có trong Ma-thi-ơ 10:4). Sách Mác, là sách được viết cho người La-mã, có lẽ đã không muốn dùng từ ngữ chính trị nóng bỏng “xê-lốt,” là từ chỉ phong trào du kích chống La-mã của người Do thái. Lu-ca thì gọi sứ đồ này với tên gọi này (Lu-ca 6:15 và Công vụ 1:13). Chữ “Ca-na-an” có thể có một số nguồn gốc sau:

1. Thuộc vùng Ga-li-lê, có tên là Ca-na
2. Từ cách dùng của Cựu ước cho chữ “người Ca-na-an” để chỉ những nhà buôn
3. Một từ chỉ định chung cho cư dân Ca-na-an

Nếu cách sử dụng từ của Lu-ca là chính xác, thì chữ “xê-lốt” là từ A-ram có nghĩa là “người nhiệt tình” (Lu-ca 6:15; Công vụ 1:17). Mười hai sứ đồ mà Chúa Jêsus chọn xuất phát từ các nhóm khác nhau và thậm chí kinh chống nhau. Si-môn là thành viên của nhóm quốc gia cổ động sự lật đổ thẩm quyền của La-mã bằng bạo lực. Thông thường Si-môn này và Lê-vi (hay là Ma-thi-ơ người thu thuế) đáng lẽ không ngồi chung một phòng với nhau.

▣ **“Tha-đê”** Ông cũng được gọi là “Lebbeus” (xem Ma-thi-ơ 10:3) hay là “Giu-đa” (Lu-ca 6:16; Giảng 14:22; Công vụ 1:13). Chữ Tha-đê và Lebbeus cùng có nghĩa là “đứa con được yêu.”

▣ **“Giu-đa Ích-ca-ri-ôt”** Có hai Si-môn, hai Gia-cơ, và hai Giu-đa. Chữ “Ích-ca-ri-ôt” có hai nguồn sau: (1) người Kerioth ở Giu-đa (Giô-suê 15:23) hay là (2) “người dùng dao găm” hay là kẻ ám sát, có nghĩa là ông cũng là một xê-lốt như Si-môn.

1:14 “những người này cùng đồng một ý” Chữ này là từ ghép từ chữ “giống nhau” (*homo*) và “cảm xúc của tâm trí” (*thumos*). Nó chỉ một bầu không khí đầy sự trông đợi hơn là một điều kiện tiên quyết. Thái độ này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong Công vụ (chỉ về người tin Chúa, xem 1:14; 2:46; 4:24; 5:12; 15:25; và chỉ những người khác trong 7:57; 8:6; 12:20; 18:12; 19:29).

▣

NASB “bền lòng”

NKJV “tiếp tục”

NRSV “liên tục bền lòng”

TEV “hợp lại thường xuyên”

NJB “hợp lại liên tục”

Chữ này (*pros* và *kaptereo*) nghĩa là kiên quyết, bền bỉ hay chăm chú tham dự vào. Lu-ca dùng chữ này rất thường (xem 1:14; 2:42, 46; 6:4; 8:13; 10:7). Đây là dạng **NÓI TRÁNH CHƯA HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT)**.

▣ **“với các người đàn bà”** Có một nhóm các bà cùng đi để chăm lo cho Chúa Jê-sus và các sứ đồ (Ma-thi-ơ 27:55-56; Mác 15:40-41; Lu-ca 8:2; 23:49; Giảng 19:25).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:			
NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ CÙNG ĐI VỚI CHÚA JÊ-SUS VÀ MÔN ĐỒ NGÀI			
Ma-thi-ơ 27:55-56	Mác 15:40-41	Lu-ca 8:2; 23:49	Giăng 19:25
Ma-ri Ma-đơ-len Ma-ri, mẹ của Gia-cơ và Giô-sép Mẹ của các con Xê-bê-đê (Gia-cơ và Giảng)	Ma-ri Ma-đơ-len Ma-ri, mẹ của Gia-cơ nhỏ, Joses Sa-lô-mê	Ma-ri Ma-đơ-len Joanna, vợ của Chuza (đầy tớ của Hê-rôt) Susanna và những người khác	Ma-ri, mẹ Chúa Jê-sus Chị mẹ Ngài Ma-ri, vợ Cơ-lê-ô-ba Ma-ri Ma-đơ-len

Sau đây là phần chú thích của tôi về các người đàn bà này lấy từ Mác 15:40-41:

“Cũng có một số người đàn bà ngó xem từ đằng xa” Các bà phục vụ các sứ đồ cả về phần tài chính và phần thuộc thể (như là nấu ăn, giặt giũ, vân vân, xem câu 41; Ma-thi-ơ 27:55; Lu-ca 8:3).

“Ma-ri Ma-đơ-len” Magdala là một thành phố nhỏ trên bờ biển Ga-li-lê, khoảng 3 dặm về phía bắc của Ti-bê-ri-át. Ma-ri theo Chúa Jê-sus từ vùng Ga-li-lê sau khi Ngài cứu bà khỏi quỷ dữ (Lu-ca 8:2). Bà bị gán là người làm điếm một cách không công bằng, vì không có một bằng chứng nào trong Tân ước chỉ điều này.

“Ma-ri, mẹ của Gia-cơ nhỏ và Joses” Trong Ma-thi-ơ 27:56 bà được gọi là “mẹ của Gia-cơ và Giô-sép.” Trong Ma-thi-ơ 28:1 bà được gọi là “một Ma-ri khác.” Câu hỏi chính là bà là vợ của ai? Từ Giăng 19:25, chúng ta đoán có thể bà là vợ của Cơ-lê-ô-ba (Clopas), nhưng con của bà là Gia-cơ, lại được gọi là “con của A-phê” (Ma-thi-ơ 10:3; Mác 3:18; Lu-ca 6:15).

“Sa-lô-mê” Đây là mẹ của Gia-cơ và Giăng, những môn đồ thân cận của Chúa Jê-sus, và là vợ của Xê-bê-đê (Ma-thi-ơ 27:56; Mác 15:40; 16:1-2).

Sau đây là phần chú thích của tôi về các người đàn bà này lấy từ Giăng 19:25:

“đứng tại bên thập tự của Chúa Jê-sus có mẹ Ngài, chị mẹ Ngài, Ma-ri, vợ của Cơ-lê-ô-ba, và Ma-ri Ma-đơ-len” Có nhiều tranh luận tại đây, không biết câu này nói đến 4 người hay 3 người. Có thể là 4 người bởi vì có thể không có hai chị em mang cùng tên Ma-ri. Chị của Ma-ri là Sa-lô-mê, được nói đến trong Mác 15:40 và Ma-thi-ơ 27:56. Nếu đúng như vậy, thì có nghĩa là Gia-cơ, Giăng và Chúa Jê-sus là anh em họ với nhau. Truyền thống ở thế kỷ thứ hai (*Hegesippus*) nói rằng Cơ-lê-ô-ba là em của Giô-sép. Ma-ri Ma-đơ-len là người Chúa đã đuổi ra 7 quỷ dữ, và là người đầu tiên Ngài chọn để hiện ra sau khi sống lại (20:1-2; 11-18; Mác 16:1; Lu-ca 24:1-10).

▣ **“anh em Ngài”** Chúng ta biết được một số tên của anh em Ngài: Giu-đê, Gia-cơ (Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 12:17), và Si-môn (Ma-thi-ơ 13:55; Mác 6:3 và Lu-ca 2:7). Họ từng là những người không tin (Giăng 7:5), nhưng nay đã ở trong nhóm các môn đồ thân tín. Muốn biết thêm về phần thảo luận ngắn khá lý thú về lịch sử của “sự đồng trình bất biến” của Ma-ri, xin xem sách của F.F. Bruce, *New International Commentary, Acts*, trang 44, chú thích 47.

BẢN NASB 1:15-26

¹⁵ Trong lúc này, Phi-e-rơ đứng dậy giữa các anh em, số người nhóm lại ước được một trăm hai mươi người, mà nói rằng: ¹⁶ Hỡi anh em ta, lời Đức Thánh Linh đã nhờ miệng vua Đa-vít mà nói tiên tri trong Kinh Thánh về tên Giu-đa, là đứa đã dẫn đường cho chúng bắt Đức Chúa Jê-sus, thì phải được ứng nghiệm. ¹⁷ Vì nó vốn thuộc về bọn ta, và đã nhận phần trong chức vụ này. ¹⁸ Tên đó lấy tiền thưởng của tội ác mình mà mua một đám ruộng, rồi thì nhào xuống, nứt bụng và ruột đổ ra hết. ¹⁹ Sự đó cả dân thành Giê-ru-sa-lem đều biết chán, đến nỗi chúng gọi ruộng đó theo thổ âm mình là Hác-en-đa-ma, nghĩa là ruộng huyết. ²⁰ Trong sách Thi Thiên cũng có chép rằng: Nguyên cho chỗ ở nó trở nên hoang loạn, Chớ có ai ở đó; lại rằng: Nguyên cho có một người khác nhận lấy chức nó. ²¹ Vậy, điều cần phải làm là nội những kẻ đã theo cùng chúng ta trọn lúc Đức Chúa Jê-sus đi lại giữa chúng ta, ²² từ khi Giăng làm phép báp-tem cho đến ngày Ngài được cất lên khỏi giữa chúng ta, phải có một người làm chứng cùng chúng ta về sự Ngài sống lại. ²³ Môn đồ cử ra hai người: Giô-sép tức là Ba-sa-ba, cũng gọi là Giúc-tu, và Ma-thia, ²⁴ rồi cầu nguyện rằng: Lạy Chúa, Ngài biết lòng mọi người, xin tỏ ra cho chúng tôi nội hai người này ai là người Chúa đã chọn, ²⁵ đặt dự vào chức vụ sứ đồ, thay vì Giu-đa đã bỏ đặt đi nơi của nó. ²⁶ Đoạn bắt thăm, trúng nhằm Ma-thia; người bèn được bỏ vào mười một sứ đồ.

1:15 “trong lúc này” Nghĩa đen là “trong những ngày này” (*en tais hemerais*). Cụm từ này thường được dùng trong các chương mở đầu (1-15) của sách Công vụ (1:15; 2:18; 5:37; 6:1; 7:41; 9:37; 11:27; 13:41). Lu-ca đang sử dụng các nguồn nhân chứng khác. Ông cũng thường sử dụng cụm từ “từ ngày này sang ngày khác” (*kath hemeran*), từ chỉ định thời gian không rõ ràng trong một số đoạn đầu của sách Công vụ (2:46, 47; 3:2; 16:5; 17:11, 31; 19:9). Từ đoạn 15 trở về sau, cá nhân Lu-ca đã trực tiếp tham dự vào các

sự kiện mà ông ghi lại. Tuy vậy ông vẫn dùng chữ “ngày,” nhưng không nhiều và không mơ hồ như những cụm từ trước đó.

▣ **“Phi-e-rơ đứng dậy”** Rõ ràng Phi-e-rơ là phát ngôn nhân của các sứ đồ (Ma-thi-ơ 16). Ông giảng bài giảng đầu tiên của hội thánh đầu tiên sau khi Đức Thánh Linh giảng lâm (Công vụ 2) và bài giảng thứ hai trong Công vụ 3. Chúa Jê-sus đã hiện ra với ông trước tiên trong những lần xuất hiện sau khi Ngài sống lại (Giăng 21 và I Cô-rinh-tô 15:5). Tên Hê-bơ-rơ của ông là “Si-mê-ôn” (Công vụ 15:14; II Phi-e-rơ 1:1). Chữ này đánh vần là “Si-môn” trong tiếng Hy-lạp. Chữ “Phi-e-rơ” là một từ Hy-lạp (*petros*) nghĩa là một “viên đá rời.” Trong tiếng A-ram nó là chữ “Sê-pha” nghĩa là “đá.” (Ma-thi-ơ 16:18).

▣ **“số người nhóm lại ước được 120 người”** Những chữ này ở trong ngoặc trong bản Hy-lạp UBS⁴ (nhưng không phải câu 18-19). Nhóm người này có lẽ gồm có 11 sứ đồ, các người đàn bà đã đi với Chúa Jê-sus, và một số môn đồ khác theo Chúa qua mục vụ giảng dạy và chữa bệnh của Ngài. Con số này có thể chỉ là tượng trưng, gắn với sự suy đoán của các thầy ra-bi về tỉ lệ người lãnh đạo và những người theo họ (tỉ lệ 1 trên 10, xem sách *Sanhedrin* 1:6).

1:16 “Kinh thánh” Trong các sách Tân ước, tất cả các trung dẫn đều ghi là “Kinh thánh” (ngoại trừ II Phi-e-rơ 3:15-16) dùng chữ Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-20; II Ti-mô-thê 3:15-17). Phân đoạn này cũng khẳng định Đa-vít được sự linh cảm của Thánh Linh (II Phi-e-rơ 1:21). Nó cũng ngầm công nhận sự kinh điển hóa “các sách Văn thơ” trong Kinh thánh Hê-bơ-rơ.

▣ **“phải được”** Đây là chữ *dei*, nghĩa là một sự cần thiết. Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) liên quan đến câu trích đầu tiên ở câu 20.

Chữ này thể hiện sự hiểu biết của Lu-ca về cuộc đời Chúa Jê-sus và hội thánh đầu tiên như một sự mở rộng của Cựu ước (Lu-ca 18:31-34; 22:37; 24:44). Lu-ca thường hay dùng chữ này (Lu-ca 2:49; 4:43; 9:22; 11:42; 12:12; 13:14, 16, 33; 15:32; 17:25; 18:1; 19:5; 21:9; 22:7,37; 24:7, 26, 44; Công vụ 1:16, 21; 3:21; 4:12; 5:29; 9:6, 16; 14:27; 15:5; 16:30; 17:3; 19:21, 36; 20:35; 23:11; 24:19; 25:10, 24; 26:9; 27:21, 24, 26). Chữ này có nghĩa là “bắt buộc,” “cần thiết” “không tránh khỏi.” Phúc âm và sự phát triển của nó không phải là một sự xảy ra tình cờ, nhưng là một kế hoạch định trước của Đức Chúa Trời và là sự ứng nghiệm Cựu ước (cách dùng của bản Bảy mươi LXX).

▣ **“ứng nghiệm”** Khi đọc những câu trích trong Cựu ước này (câu 20), người đọc nhận thấy người viết Thi-thiên không có dụng ý nhắm đến sự phản bội của Giu-đa khi viết những câu này. Các sứ đồ giải nghĩa Cựu ước trong ánh sáng của kinh nghiệm họ có với Chúa Jê-sus. Cách giải nghĩa này gọi là sự giải nghĩa theo hình bóng học. Chính Chúa Jê-sus có lẽ đã thiết lập khuôn mẫu cho cách tiếp cận này khi Ngài vừa đi vừa trò chuyện với hai môn đồ trên đường Em-mau (Lu-ca 24:13-35, đặc biệt là câu 25-27). Các nhà giải nghĩa Cơ đốc thời hội thánh đầu tiên thấy những tương quan song song giữa các sự kiện trong Cựu ước với cuộc đời và lời dạy của Chúa Jê-sus. Họ nhận thấy Chúa Jê-sus là sự ứng nghiệm lời tiên tri của toàn bộ Cựu ước. Người tin Chúa ngày nay cần cẩn trọng với phương pháp này! Những tác giả Tân ước này ở dưới một mức độ linh cảm và cá nhân họ rất quen thuộc với cuộc đời và lời dạy của Chúa Jê-sus. Chúng ta xác nhận lẽ thật và thẩm quyền về sự làm chứng của họ nhưng không thể tái dựng phương pháp của họ.

▣ **“Giu-đa”** Chính sự tà đạo của Giu-đa, chứ không phải sự chết của ông, khiến có cuộc bầu cử để thay thế ông trong chức vụ sứ đồ. Trong câu 20b, hành động của Giu-đa được xem là sự ứng nghiệm lời tiên tri. Tân ước không ghi lại một sự bầu cử sứ đồ nào khác sau cái chết của Gia-cơ (Công vụ 12:2). Có nhiều điều kỳ bí và bi kịch trong cuộc đời của Giu-đa. Ông có lẽ là sứ đồ duy nhất không xuất thân từ Ga-li-lê. Ông được cử làm thủ quỹ trong nhóm các sứ đồ (Giăng 12:6). Ông bị cáo là ăn cắp tiền trong suốt thời gian Chúa ở với họ. Người ta cũng cho rằng ông là sự ứng nghiệm lời tiên tri và là đối tượng công kích của Sa-tan. Động cơ của ông không bao giờ được đề cập đến, nhưng sự hối hận của ông dẫn đến việc ông tự kết thúc cuộc đời của mình sau khi trả lại món tiền mua chuộc.

Có nhiều suy luận về Giu-đa và những động cơ của ông. Ông được đề cập đến và bị phi báng trong Phúc âm Giảng (6:71; 12:4; 13:2, 26, 39; 18:2, 3, 5). Vỡ kịch hiện đại ngày nay “Siêu sao Jêsus” mô tả ông như một môn đệ trung thành đầy ảo tưởng, là người ra sức thúc đẩy Chúa Jêsus hoàn thành vai trò của Đấng Mê-ti-a theo cách nhìn đặc trưng của người Do thái, đó là lật đổ người La-mã, trừng phạt kẻ ác và thiết lập Giê-ru-sa-lem làm thủ đô của cả thế giới. Tuy nhiên, sử đồ Giảng mô tả động cơ của ông là tham lam và hiểm độc.

Vấn đề chính ở đây là vấn đề thần học liên quan đến quyền chủ tể của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Có phải Đức Chúa Trời hay Chúa Jêsus đã điều khiển Giu-đa? Giu-đa có chịu trách nhiệm về hành động của ông hay không nếu Sa-tan điều khiển ông hay là Đức Chúa Trời đã dự báo trước và khiến ông phản bội Chúa Jêsus? Kinh thánh không trả lời các câu hỏi này một cách trực tiếp. Đức Chúa Trời điều khiển lịch sử; Ngài biết các sự kiện tương lai, nhưng con người chịu trách nhiệm về những lựa chọn và hành động của mình. Ngài công bằng và không dùng mảnh khoe để lôi kéo ai.

Có một cuốn sách tìm cách biện hộ cho Giu-đa tựa đề *Giu-đa Kẻ Phản Bội hay Bạn của Chúa Jêsus (Judas Betrayer or Friend of Jesus)* của William Klassen, Fortress Press, 1996. Tôi không đồng ý với quan điểm viết trong cuốn sách này, nhưng nó là một cuốn sách khá lý thú kích thích suy nghĩ.

▣ **“là người dẫn đường cho những kẻ bắt Chúa Jêsus”** Sau đây là đoạn trích về lời chú giải của tôi trong Ma-thi-ơ 26:47-50:

“Có nhiều bàn luận về động cơ của Giu-đa. Phải nói rằng điều này vẫn còn mơ hồ. Nụ hôn Chúa Jêsus của ông trong câu 49 thể hiện (1) một là, dấu hiệu cho các quân lính biết ai là người họ phải bắt (câu 48); hoặc (2) hai là, ủng hộ cho thuyết ngày nay cho rằng ông cố làm cho tay Chúa phải hành động (27:4). Các phân đoạn Phúc âm khác cho biết ông là một tên trộm và là một người vô tín từ ban đầu (Giăng 12:6).

Lu-ca 22:52 cho chúng ta biết thành phần của đám đông này. Có các lính La-mã tham dự vào bởi vì họ là những người duy nhất có quyền mang gươm. Cũng có lính Đền thờ tham gia bởi vì họ thường cầm gậy. Những đại diện của tòa công luận Sanhedrin cũng có mặt tại nơi bắt Chúa (câu 47, 51).”

1:17 Giu-đa được Chúa Jêsus chọn, nghe Ngài giảng dạy, xem thấy phép lạ, được Chúa Jesus gọi đi truyền giáo cho Ngài, có mặt nơi phòng cao và tham dự vào các sự kiện này, vậy mà, ông đã phản bội Chúa Jêsus!

1:18

NASB, NKJV, NRSV, NJB, NIV “ngã lộn đầu, bụng vỡ ra”

TEV “ngã chết bụng vỡ ra”

Từ “ngã lộn đầu” có thể là một từ y học chỉ sự “phình lên” (xem sách của Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*, trang 535-536), là chữ được ghi lại trong một số bản dịch Anh ngữ (bản Phillips, Moffatt và Goodspeed). Muốn xem thêm phần thảo luận đầy đủ về các phiên bản về sự chết của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27:5 so với Công vụ 1:18), xem cuốn *Hard Sayings of the Bible*, trang 511-512.

▣ **“người này mua một đám ruộng”** Câu 18-19 được đặt trong dấu ngoặc (bản NASB, NKJV, NRSV, NJB, NIV). Người viết cung cấp thông tin này để người đọc hiểu thêm. Ma-thi-ơ 27:6-8 cho chúng ta biết các thầy tế lễ đã mua đám ruộng này và làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu ước (Ma-thi-ơ 27:9). Đây là tiền của Giu-đa, là tiền mà các thầy tế lễ cho là ô uế, và dùng để mua một đám ruộng để chôn những xác người không ai nhận. Câu 18-19 cho biết chính đám ruộng đó là nơi Giu-đa chết. Thông tin về cái chết của Giu-đa không được ghi lại ở một nơi nào khác.

1:19

NASB, NRSV “Hác-en-đa-ma, nghĩa là ruộng huyết”

NKJV “Akel dama, nghĩa là ruộng huyết”

TEV “Akeldama, nghĩa là ruộng huyết”

NJB “mẫu ruộng huyết...Hác-en-đa-ma”

Đây là bản dịch Hy-lạp từ một từ ngữ tiếng A-ram. Sự chuyển âm từ ngôn ngữ này qua ngôn ngữ nọ lúc nào cũng gặp những khó khăn. Cho dù sự chuyển âm của tiếng Hy-lạp có những khác biệt, từ ngữ A-ram này có nghĩa là “ruộng huyết.” Từ này có thể có những ý nghĩa sau: (1) một đám ruộng được mua bằng tiền có vấy máu (Ma-thi-ơ 27:7a); (2) đám ruộng có sự chém giết làm đổ máu (Công vụ 1:18); hay là (3) đám ruộng chôn những tên giết người hoặc người ngoại bang (Ma-thi-ơ 27:7b).

1:20 Đây là hai câu trích từ Thi-thiên. Câu trích thứ nhất từ Thi-thiên 69:25. Theo nguyên bản nó ở số nhiều. Nó làm nhiệm vụ của một cách nguyên rửa liên hệ đến Giu-đa. Câu trích thứ hai lấy từ Thi-thiên 109:8 (bản LXX). Nó cung cấp thông tin tiên báo về sự thay thế Giu-đa trong câu 21-26.

NASB, NKJV, NJB “chức vụ”
NRSV “các vị trí coi sóc”
TEV “chỗ phục vụ”

Trong bản Bảy mươi chữ *episkope* mang ý nghĩa một sự nhận lãnh nhiệm vụ, chức vụ của một nhân viên (Dân số ký 4:16; Thi-thiên 109:8). Sau này nó chỉ chức vụ trong hệ thống giáo phẩm của Công giáo La mã, nhưng trong tiếng Hy-lạp nó đơn thuần là từ chỉ người lãnh đạo của một thành bang Hy-lạp (bản NIV), như chữ trưởng lão (*presbuteros*) trong thuật ngữ Do thái dành cho người lãnh đạo (Sáng thế ký 50:7; Xuất Ê-díp-tô ký 3:16, 18; Dân số ký 11:16, 24, 25, 39; Phục truyền luật lệ ký 21:2, 3, 4, 6, 19, 20 và những chỗ khác). Vì vậy, sau cái chết của các sứ đồ, chỉ trừ trường hợp ngoại lệ của Gia-cơ, chữ “người coi sóc” và “trưởng lão” chỉ người mục sư (Công vụ 20:17, 28; Tít 1:5, 7; Phi-líp 1:1).

1:21 “điều cần phải làm là” Đây là chữ Hy-lạp *dei* (câu 16). Rõ ràng Phi-e-rơ cảm thấy con số Mười hai Sứ đồ như đại diện cho mười hai chi phái hay diễn tả các biểu tượng nào đó mà không thể mất đi được.

1:21-22 Đây là điều kiện để làm chức Sứ đồ. Để ý chúng ta thấy sự hiện diện của các tín hữu khác ngoài Mười hai sứ đồ, cũng là những người đi theo Chúa Jêsus trong suốt quá trình làm việc của Chúa Jêsus trên đất. Sau này các tiêu chuẩn này đã được những người muốn gạt bỏ Phao-lô khỏi chức sứ đồ sử dụng đến.

Lu-ca viết hai câu này rõ ràng để cho thấy thứ tự ưu tiên về sự làm chứng của các sứ đồ, chứ không phải sự bầu cử Ma-thia, là người sau này chúng ta không biết gì thêm. Hội thánh và Kinh thánh Tân ước được xây dựng trên cuộc đời và lời dạy của Chúa Jêsus, nhưng nó được chuyển tải qua trung gian các nhân chứng, nhân chứng có thẩm quyền, nhân chứng theo quan điểm thần học có chọn lọc, đó chính là sách Tân ước. Đây là vấn đề liên hệ đến thần học, chứ không phải là vấn đề tượng trưng của con số “mười hai”!

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỐ MƯỜI HAI

Số mười hai luôn là biểu trưng cho các sự sắp xếp

1. Ngoài Kinh thánh:
 - a. Mười hai ký hiệu hoàng đạo (Zodiac)
 - b. Mười hai tháng trong một năm
2. Trong Cựu ước
 - a. Các con của Gia-cốp (chi phái Y-sơ-ra-ên)
 - b. Biểu hiện qua:
 - (1) Mười hai cột trụ bàn thờ (Xuất Ê-díp-tô ký 24:4)
 - (2) Mười hai viên ngọc trên áo của thầy tế lễ thượng phẩm (tượng trưng cho các chi phái) (Xuất Ê-díp-tô ký 28:21)
 - (3) Mười hai ổ bánh trong nơi thánh tại đền tạm (Lê-vi-ký 24:5)
 - (4) Mười hai thám tử sai đi do thám Ca-na-an (Dân số ký 13) (một người cho một chi phái)

- (5) Mười hai cây gậy (tiêu chuẩn của mỗi chi phái) trong sự nổi loạn của Cô-rê (Dân số ký 17:2)
- (6) Mười hai hòn đá của Giô-suê (Giô-suê 4:3, 9, 20)
- (7) Mười hai quận hành chính trong hệ thống hành chính của Sa-lô-môn (I Các Vua 4:7)
- (8) Mười hai hòn đá nơi bàn thờ của Ê-li dâng cho Đức Giê-hô-va (I Các Vua 18:31)

3. Trong Tân ước:

- a. Mười hai sứ đồ được chọn
- b. Mười hai giỏ bánh (mỗi sứ đồ một giỏ) (Mathiơ 14:20)
- c. Mười hai ngôi cho các môn đồ thời Tân ước ngồi cai trị (chỉ 12 chi phái Y-sơ-ra-ên) (Ma-thi-ơ 19:28)
- d. Mười hai đạo thiên sứ giải cứu Chúa Jê-sus (Ma-thi-ơ 26:53)
- e. Biểu tượng trong Khải huyền:
 - (1) 24 trường lão trên 24 ngai (4:4)
 - (2) 144,000 (12x12) (7:4; 14:1,3)
 - (3) 12 ngôi sao trên vương miện của người đàn bà (2:1)
 - (4) 12 cửa, 12 thiên sứ tượng trưng cho 12 chi phái (21:12)
 - (5) 12 viên đá tảng của thành Giê-ru-sa-lem mới và trên đó có tên 12 Sứ đồ (21:14)
 - (6) 12 ngàn ếch-ta-đơ (21:16) (kích thước thành mới Giê-ru-sa-lem)
 - (7) Tường thành 144 cu-đê (21:17)
 - (8) 12 cửa bằng hột châu trong 21:21
 - (9) Cây trong Giê-ru-sa-lem mới có 12 loại (mỗi tháng một loại) (22:2)

1:23 “môn đồ cử ra hai người” Có những dị bản tiếng Hy-lạp tại đây, cho thấy vấn đề thần học trong cụm từ này.

1. *Estesan* (họ cử ra) có trong các bản a, A, B, C, D¹, E
2. *Estesen* (ông cử ra) có trong bản D* và Augustine

Nếu đồng ý với lựa chọn 1, thì đây là ví dụ về cả nhóm các môn đồ bỏ phiếu cho sự thay thế Giu-đa (một dạng tổ chức trong hội thánh (xem câu 15:22), nhưng nếu đồng ý với lựa chọn 2, thì đây là bằng chứng về sự ưu việt của Phi-e-rơ (xem câu 15:7-11, 14). Xét về bằng chứng của các bản cổ Hy-lạp, câu văn trong lựa chọn 1 được xếp vào loại chắc chắn (UBS⁴ xếp nó vào loại A).

☐ **“Giô-sép...Ma-thia”** Chúng ta không biết gì về hai người này trong Tân ước. Chúng ta phải nhớ rằng các sách Phúc âm và Công vụ không phải là sách lịch sử phương Tây, nhưng là những bài viết thần học chọn lọc nhằm giới thiệu Chúa Jê-sus và nhằm bày tỏ sứ điệp của Ngài ảnh hưởng đến thế giới này như thế nào.

1:24

NASB “Ngài biết lòng mọi người”

NKJV “Ngài biết lòng mọi người”

NRSV “người biết lòng mọi người”

TEV “Ngài biết ý tưởng mọi người”

NJB “Ngài có thể đọc được lòng mọi người”

Đây là một chữ ghép, “lòng và biết” (15:8). Câu này cho thấy một lẽ thật trong Cựu ước (I Sa-mu-ên 2:7; 16:7; I Các Vua 8:39; I Sứ ký 28:9; II Sứ ký 6:30; Thi-thiên 7:9; 44:21; Châm-ngôn 15:11; 21:2; Giê-rê-mi 11:20; 17:9-10; 20:12; Lu-ca 16:15; Công vụ 1:24; 15:8; Rô-ma 8:27). Chúa hoàn toàn biết rõ chúng ta và Ngài vẫn thương yêu chúng ta (Rô-ma 8:27).

Các môn đồ khẳng định rằng Đức Giê-hô-va biết động cơ của họ và động cơ cũng như đời sống của hai ứng cử viên. Họ muốn làm theo ý chỉ của Chúa trong sự lựa chọn này (dạng TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE)). Chúa Jê-sus đã chọn Mười hai người, nhưng giờ đây Ngài đang ở với Cha.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich and Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
 - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tâm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
 - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tâm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4; 7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tâm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tâm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
 - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, “Đức Chúa Trời buồn trong lòng” (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
 - b. Phục truyền 4:29; 6:5 “bằng cả tâm lòng, cả linh hồn”
 - c. Phục truyền 10:16, “tâm lòng không cất bì” và Rô-ma 2:29
 - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, “tâm lòng mới”
 - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, “tâm lòng mới” so với “tâm lòng bằng đá”

1:25 “đi nơi của nó” Đây là cách nói giảm để chỉ sự “địa ngục/nguyên rủa.” Sa-tan đã sử dụng ông để làm thành mục đích của nó (Lu-ca 22:3; Giăng 13:2, 27), nhưng Giu-đa phải chịu trách nhiệm về hành động và lựa chọn của ông (Ga-la-ti 6:7).

1:26 “họ bắt thăm” Điều này dựa vào nền tảng Cựu ước liên hệ đến việc sử dụng U-rim và Thu-mim của thầy tế lễ thượng phẩm trong Lê-vi-ký 16:8, hay các cá nhân sử dụng phương pháp tương tự (Châm-ngôn 16:33; 18:18). Các lính La-mã cũng bốc thăm chia áo của Chúa (Lu-ca 23:34). Tuy nhiên, đây là lần cuối cùng trong Tân ước phương pháp này được sử dụng để tìm biết ý chỉ của Chúa. Nếu một người có khuynh hướng dùng Kinh thánh để chứng minh cho ý của mình, thì phương pháp này sẽ trở nên tiêu chí để họ thực hiện các quyết định thuộc linh, là điều rất đáng tiếc (tức là, mở Kinh thánh ra và chỉ ngón tay vào bất cứ câu Kinh thánh nào rồi cho rằng đó là ý chỉ của Đức Chúa Trời). Người tin Chúa phải sống bằng đức tin, chứ không phải bằng một số phương cách máy móc để tìm biết ý Chúa (ví dụ trường hợp da chiên trong Các Quan Xét 6:17, 36-40).

▣ “**Ma-thia**” Eusebius cho rằng Ma-thia là người tham gia vào chiến dịch truyền giáo 70 người (Lu-ca 10). Các truyền thống sau này cho biết ông đã tuận đạo tại Ê-thi-ô-pi-a.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Chúa Jêsus ở với các môn đồ trong 40 ngày?
2. “Báp têm bằng Thánh Linh” nghĩa là gì?
3. Tại sao câu 7 là câu rất quan trọng?
4. Tại sao sự thăng thiên là quan trọng?
5. Tại sao Phi-e-rơ thấy nhu cầu cần có người thay thế Giu-đa?
6. Làm sao Phao-lô trở thành sứ đồ khi ông không đạt các tiêu chuẩn đã đề ra? (1:21-22)

CÔNG VỤ ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thánh Linh giảng lâm	Thánh Linh giảng lâm	Ngày lễ Ngũ Tuần	Thánh Linh giảng lâm	Lễ Ngũ Tuần
2:1-4	2:1-4	2:1-4	2:1-4	2:1-4
	Đám đông đáp ứng			
2:5-13	2:5-13	2:5-13	2:5-13	2:5-13
Bài giảng của Phi-e-rơ trong ngày lễ Ngũ Tuần	Bài giảng của Phi-e-rơ	Bài giảng của Phi-e-rơ	Bài giảng của Phi-e-rơ	Phi-e-rơ nói chuyện với đám đông
2:14-21	2:14-39	2:14-21	2:14-21	2:14-21
2:22-28		2:22-28	2:22-28	2:22-28
2:29-36		2:29-36	2:29-35	2:29-35
			2:36	2:36
		Sự kêu gọi ăn năn		Sự cải đạo đầu tiên
2:37-42		2:37-42	2:37	2:37-41
	Hội thánh đầy sức sống bắt đầu lớn mạnh		2:38-39	
	2:40-47		2:40-42	Sự cải đạo của các tín hữu Cơ đốc đầu tiên
Cuộc sống giữa vòng các tín hữu			Cuộc sống giữa vòng các tín hữu	2:42
2:43-47		2:43-47	2:43-47	2:43
				2:44-45
				2:46-47

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 2:1-4

¹ Đến ngày lễ Ngũ Tuần, môn đồ nhóm họp tại một chỗ. ² Thành linh, có tiếng từ trời đến như tiếng gió thổi ào ào, đầy khắp nhà môn đồ ngồi. ³ Các môn đồ thấy lưới rời rạc từng cái một, như lưới bằng lửa hiện ra, đậu trên mỗi người trong bọn mình. ⁴ Hết thấy đều được đầy đầy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các thứ tiếng khác, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói.

2:1 “Lễ Ngũ Tuần” Lễ hội hằng năm của người Do thái gọi là “Lễ Các Tuần Lễ” (Xuất Ê-díp-tô ký 34:22; Phục truyền luật lệ ký 16:10). Chữ “Ngũ tuần” nghĩa là “Thứ năm mươi.” Lễ này được tổ chức 50 ngày (7 tuần lễ) sau ngày Lễ vượt qua (tức là đếm từ ngày thứ hai của Lễ Bánh không men). Trong thời của Chúa Jê-sus, nó có ba mục đích: (1) kỷ niệm sự kiện Chúa ban luật pháp cho Môi-se (sách *Jubilees* 1:1); (2) cảm tạ Đức Chúa Trời ban cho mùa màng thu hoạch; (3) dâng lên Chúa các loại hạt đầu mùa (tức là dấu hiệu tất cả sự thu hoạch là thuộc chủ quyền của Đức Giê-hô-va). Nên tảng Cựu ước đề cập đến điều này được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 23:16-17; 34:22; Lê-vi-ký 23:15-21; Dân số ký 28:26-31 và Phục truyền luật lệ ký 16:9-12.



NASB, NRSV	“đến”
NKJV	“đã tràn đến”
TEV	“đến”
NJB	“đến”

Theo nghĩa đen, nó là “đã được đong đầy.” Đây là dạng NGUYÊN MẪU THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE INFINITIVE). Đây là thời điểm thiên thượng đem đến sự ứng nghiệm mang mục đích thiên thượng. Nó chỉ được dùng trong các sách của Lu-ca (Lu-ca 8:23; 9:51; tại đây; và một hình ảnh tương tự trong Lu-ca 2:6). Lịch sử của loài người được định ngày tháng bởi Đức Giê-hô-va.

Học giả M.R. Vincent trong cuốn *Word Studies*, cuốn 1, trang 224, nhắc chúng ta rằng người Do thái nhìn ngày này như một cái thùng được đổ đầy. Thời điểm lễ Ngũ Tuần đã tràn đến! Đó cũng là lúc Chúa dâng quang cách đặc biệt Thời đại Đức Thánh Linh, tức là sự mở đầu của hội thánh.

▣ **“họ đều nhóm họp tại một chỗ”** Những từ ngữ này cho thấy một sự hiệp nhất cả về không gian và tâm trí (câu 1:14). Không rõ điều này đã xảy ra tại đâu. Có lẽ nó xảy ra tại phòng cao (Công vụ 1:13; 2:2), nhưng có một lúc nào đó Đền thờ cũng dựa vào kinh nghiệm này (Lu-ca 24:53).

2:2 “từ trời xuống một tiếng động như tiếng gió thổi mạnh” Toàn bộ phần này nhấn mạnh đến tiếng động, chứ không phải gió hay là lửa. Điều này tương tự Sáng thế ký 3:8. Trong Cựu ước chữ *ruah* dùng chỉ hơi thở, gió và Thánh Linh (Ê-xê-chi-ên 37:9-14); trong Tân ước chữ *pneuma* được dùng để chỉ gió và Thánh Linh (Giăng 3:5-8). Chữ ‘gió’ trong câu này là *pnoe*. Chữ này chỉ được dùng tại đây và trong câu 17:25. Chữ *pneuma* dùng chỉ Thánh Linh trong câu 4.

2:3 “lưới bằng lửa đậu trên mỗi người” Bản văn dường như mô tả một sự kiện có tiếng động và ánh sáng. Tia sáng- như ngọn lửa - thoát đầu hợp lại làm một, sau đó chia ra nhiều phần và đậu lên mỗi người tin Chúa. Mỗi người trên phòng cao- các sứ đồ, những người trong gia đình Chúa Jê-sus, và các môn đồ- đều kinh nghiệm được việc Chúa nhận họ bằng một sự xác nhận nhìn thấy được. Hội thánh ngày xưa là một!

Trong Cựu ước, lửa tượng trưng cho (1) sự hiện diện của thần; (2) sự phán xét (Ê-sai 66:15-18); (3) sự thanh tẩy (Xuất Ê-díp-tô ký 3:2; Phục truyền luật lệ ký 5:4 và Ma-thi-ơ 3:11). Lu-ca sử dụng hình ảnh tương đương để cố gắng diễn tả sự kiện xảy ra rất đặc biệt đó là sự bày tỏ của Đức Thánh Linh qua phương tiện vật chất.

Lễ Ngũ Tuần phát triển trong Do thái giáo và trở nên một dịp mừng sự kiện Đức Chúa Trời ban Luật pháp cho Môi-se trên núi Si-na-i (thời điểm không rõ ràng, nhưng chắc chắn là ở thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, nhưng có thể có sớm hơn). Vì vậy tiếng gió thổi lớn tiếng và lửa là những điều nhắc đến tính siêu việt của Đức Giê-hô-va khi Ngài ngự xuống trên núi Hô-rêp (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16).

▣ **“trên mỗi người”** Không có sự phân biệt giữa các sứ đồ và các môn đồ; đàn ông hay đàn bà (Giô-ên 2:28-32; Công vụ 2:16-21).

2:4 “tất cả đều đầy dẫy Đức Thánh Linh” Chữ “đầy dẫy” được lặp đi lặp lại (2:4; 4:8, 31; 6:3, 5; 7:55; 9:17; 11:24; 13:9). Nó chỉ sự giống với Đấng Christ mỗi ngày (Ê-phê-sô 5:18 so với Cô-lô-se 3:16). Điều này khác với báp têm bằng Đức Thánh Linh, là kinh nghiệm Cơ đốc ban đầu hay là sự gia nhập vào Đấng Christ (I Cô-rinh-tô 12:13; Ê-phê-sô 4:4-5). Sự đầy dẫy là sự ban năng lực thuộc linh để thực hiện mục vụ có hiệu quả, tại đây là việc truyền giảng! Xin xem chú thích ở câu 3:10.

▣

NASB, NKJV “bắt đầu nói các thứ tiếng khác”
NRSV “bằng đầu nói các thứ tiếng khác”
TEV “nói các thứ tiếng khác”
NJB “bắt đầu nói các thứ tiếng khác nhau”

Theo nghĩa đen, nó là “các thứ tiếng khác” (*heterais gloassais*). Cách dịch “các thứ tiếng khác nhau” cho thấy sự hiểu rõ từ ngữ này dựa trên văn cảnh của câu 6 và 11. Một cách dịch khác nữa đó là “sự phát ra các âm thanh trong trạng thái mê ly,” dựa vào các đoạn trong I Cô-rinh-tô 12-14 và có thể trong Công vụ 2:13. Không rõ họ nói bao nhiêu thứ tiếng, nhưng Kinh thánh nói là nhiều. Nếu cộng lại tất cả các nước và các địa phương khác nhau trong câu 9-11, chúng ta thấy có trên 20 ngôn ngữ khác nhau. Một số trong số 120 tín hữu này chắc hẳn đã nói cùng một thứ tiếng nào đó.

Đức Chúa Trời đã làm một điều kỳ diệu và đầy quyền năng để khơi dậy nơi một nhóm nhỏ, những con người đầy run sợ chờ đợi nơi phòng cao một sự can đảm để rao truyền Phúc âm (cả nam và nữ). Cho dù dấu hiệu đầu tiên về sự giáng lâm theo lời hứa của Đức Thánh Linh là như thế nào, Chúa cũng đã dùng nó để xác nhận việc Ngài chấp nhận các nhóm người khác nữa (ví dụ như người Sa-ma-ri, thầy đội La-mã, và người ngoại). “Lưỡi/các thứ tiếng” trong Công vụ luôn là dấu hiệu cho người tin Chúa rằng Phúc âm đã vượt qua những rào cản về chủng tộc và địa lý. Có một sự khác nhau có thể phân biệt được giữa các thứ tiếng trong Công vụ và điều tương tự trong mục vụ sau này của Phao-lô tại Cô-rinh-tô (I Cô-rinh-tô 12-14).

Về mặt thần học, chúng ta thấy một sự tương phản giữa Lễ Ngũ tuần và tháp Ba-bêl (Sáng thế ký 10-11). Khi con người kiêu ngạo nổi loạn muốn khẳng định sự tự lập của mình (tức là không chịu tán ra và làm đầy dẫy đất), Đức Chúa Trời đã thi hành ý chỉ của Ngài bằng cách thêm vào nhiều thứ tiếng. Giờ đây trong thời đại mới của Thánh Linh, chủ nghĩa quốc gia, điều đã ngăn chặn con người hợp nhất lại với nhau (tức là chính thể duy thể giới thuộc thời cuối cùng), đã bị đảo ngược đối với người tin Chúa. Sự thông công Cơ đốc xuyên qua mọi rào cản liên quan đến con người (tức là tuổi tác, giới tính, tầng lớp, địa lý, ngôn ngữ) là sự đảo ngược các hậu quả nói đến trong Sáng thế ký 3.

▣ **“Đức Thánh Linh cho họ nói”** Động từ này ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE), nghĩa là Đức Thánh Linh bắt đầu cho họ nói. Chữ “nói” (*apophtheggomai*) ở dạng NGUYÊN MẪU THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE (deponent) INFINITIVE). Chỉ có Lu-ca dùng từ này trong Công vụ (2:4, 14; 26:25). Nó cũng được dùng trong bản Bảy mươi để chỉ lời nói của các tiên tri (lời giảng đầy Thánh Linh, Phục truyền luật lệ ký 32:5; I Sứ ký 25:1; Ê-xê-chi-ên 13:9, 19; Mi-chê 5:11; Xa-cha-ri 10:2).

Tôi nghiêng về lối giải nghĩa này hơn là cách giải thích trong tiếng Hy-lạp Cổ điển có gốc từ mang ý nghĩa là ‘âm lượng được nâng lên,’ ‘lời nói đầy nhiệt huyết,’ hay là ‘cách nói hùng biện sống động.’ Luca biết bản Bảy mươi và ông chắc đã bị ảnh hưởng bởi cách dùng từ ngữ của nó.

BẢN NASB 2:5-13

⁵ Và, bây giờ có người Giu-đa, kẻ mộ đạo, từ mọi quốc gia trên đất, ở tại thành Giê-ru-sa-lem. ⁶ Lúc tiếng ấy vang ra, dân chúng chạy đến, ai nấy đều sững sờ vì mỗi người đều nghe các môn đồ nói tiếng xứ mình. ⁷ Chúng đều sợ hãi và lấy làm lạ mà rằng: Hết thấy người nói đó, há chẳng phải là người Ga-li-lê sao? ⁸ Vậy thì sao chúng ta nghe ai nấy đều nói tiếng riêng của xứ chúng ta sanh đẻ? ⁹ Nào người Bạt-thê, Mê-di, Ê-la-mít, kẻ ở tại Mê-sô-bô-ta-mi, Giu-đê, Cáp-ba-đốc, Bông, A-si, ¹⁰ Phi-ri-gi, Bam-phi-ly, Ê-díp-tô, đất Li-by gần Sy-ren, nào kẻ từ Rô-ma đến, ¹¹ cả người Giu-đa hoặc người mới theo đạo Giu-đa, người Cơ-rét và A rập nữa, chúng ta đều nghe họ lấy tiếng chúng ta mà nói những sự cao trọng của Đức Chúa Trời. ¹² Ai ai đều sợ hãi, không biết nghĩ làm sao, bèn nói với nhau rằng: Việc này là nghĩa làm sao? ¹³ Nhưng có kẻ lại nhạo báng rằng: Họ say rượu mới đó.

2:5 “kẻ mộ đạo” Chữ này có nghĩa là “nắm chặt lấy điều gì” (bản Bảy mươi Lê-vi-ký 15:31; Mi-chê 7:2). Trong bối cảnh của Do thái giáo ở thế kỷ thứ nhất, chữ này hàm ý lòng tôn kính Chúa và các truyền thống của các trưởng lão (tức là Truyền thống Truyền miệng, sau này trở thành bản Talmud). Họ là những người rất sốt sắng về tôn giáo (8:2; 22:12; Luca 2:25).

▣ **“từ mọi quốc gia trên đất”** Mỗi người nam Do thái đều phải tham dự ba ngày lễ chính hàng năm (Lê-vi-ký 23) tại Đền thờ (Phục truyền luật lệ ký 16:16). Có lễ (1) có những người hành hương từ mọi nơi trong vùng Địa trung Hải đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt qua và ở lại cho đến lễ Ngũ Tuần; hoặc (2) đây là những cư dân hiện tại là những người đã đến từ những nơi khác bên ngoài Giê-ru-sa-lem (cách dùng chữ ở câu 4:16; 7:24; 9:22, 32).

2:6 “lúc tiếng ấy vang ra” Đây có thể là (1) tiếng gió rít (câu 2) hoặc là (2) tiếng các tín hữu nói những ngôn ngữ khác (câu 4).

NASB, NRSV, NJB “sững sờ”
NKJV “bối rối”
TEV “phấn chấn”

Chữ này theo nghĩa đen có nghĩa là “giữ lại với nhau” trong ý nghĩa “hạn chế, giam giữ hay đóng lại” (Lu-ca 8:45; 19:43; 22:63). Có khi nó được dùng theo cách hình bóng khi nói đến tâm trí hay cảm xúc (Lu-ca 8:37; 12:50 và một dạng từ khác trong Lu-ca 21:25).

Cũng chữ này được dùng trong Sáng thế ký 11:7, 9 bản LXX, liên hệ đến sự lộn xộn tiếng nói ở tháp Ba-bên. Tôi nghĩ sự kiện Ngũ Tuần là một sự lật ngược theo ý nghĩa hình bóng về chủ nghĩa quốc gia xuất phát từ tháp Ba-bên, đầu tiên là để phạt con người khước từ ý chỉ của Đức Chúa Trời muốn họ rải ra, và thứ hai là để bảo vệ con người khỏi tình trạng chính quyền một thế giới. Bản *Jerome Biblical Commentary*, cuốn 2, trang 172, khẳng định ý này khi đưa ra cách dùng chữ *diamezizo* trong Công vụ 2:3, là một thuật ngữ rất hiếm, nhưng cũng được sử dụng trong sách Phục truyền luật lệ ký 32:8 của bản LXX về sự phân tán tại tháp Ba-bên. Người tin Chúa không còn bị phân cách bởi tinh thần quốc gia!

▣ **“dân chúng chạy đến”** Điều này cho thấy sự kiện này xảy ra trong khu vực Đền thờ bởi vì một cái phòng nhỏ hay những con hẻm nhỏ ở Giê-ru-sa-lem không thể chứa được một đám đông người như vậy.

▣ **“nghe họ nói tiếng của xứ mình”** Đây có lẽ là phép lạ làm cho nghe được nhiều thứ tiếng, chứ không phải là phép lạ làm cho nói được nhiều thứ tiếng (câu 8 và 11). Nếu dường này người nói nhiều ngôn ngữ

khác nhau cùng một lúc, thì nó sẽ gây ra sự lộn xộn. Đây là thần học lật ngược của sự kiện thập Ba-bên (Sáng thế ký 11).

Chữ Hy-lạp này là *dialektos* (câu 8) từ đó có chữ “dialect” trong tiếng Anh. Lu-ca sử dụng từ này khá thường xuyên trong Công vụ (1:19; 2:6,8; 21:40; 22:2; 26:14). Nó được dùng với ý nghĩa “ngôn ngữ.” Tuy nhiên, trong bối cảnh này, phương ngữ (dialect) có thể là ý nghĩa nó muốn nói đến. Những người Do thái này nghe về Chúa Jê-sus bằng phương ngữ mẹ đẻ của họ. Điều này cũng nhằm cho thấy đây là một dấu hiệu xác nhận cho họ sự chân thật của sứ điệp mới này về Đức Chúa Trời.

2:7 Đề ý các thuật ngữ khác nhau diễn tả các cảm xúc cao độ trong khung cảnh này.

1. *Suecho*, “sửng sờ” (câu 6)
2. *Existemi*, “ngạc nhiên” (câu 7)
3. *Thaumazo*, “kinh ngạc” (câu 7, 12)
4. *Diaporeo*, “bối rối” (câu 12)

▣ **“Hết thảy những người nói đó há chẳng phải là người Ga-li-lê sao?”** Câu hỏi tu từ này được nêu lên bởi vì họ có âm miền Bắc (tức là phương ngữ, Ma-thi-ơ. 26:73). Chữ “sao” diễn tả từ ngữ Hy-lạp *idou* (xem kia), là chữ được sử dụng 23 lần trong cả Công vụ và Lu-ca.

▣ **“Nào người Bạt-thê, Mê-di, Ê-la-mít, kẻ ở tại Mê-sô-bô-ta-mi”** Toàn bộ nhóm người này xuất thân từ vùng Lưỡng hà (Mesopotamia), nơi Áp-ra-ham được kêu gọi (U-rơ thuộc Canh-dê, Sáng thế ký 11:28) và cũng là nơi dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lưu đày (Assyrian, Babylonian).

▣ **“Giu-đê”** Tại sao “Giu-đê” lại được liệt kê ở giữa hai nước không liên hệ với nhau? Tại sao nó không có MAO TỬ, là điều theo đúng ngữ pháp? Tại sao nó làm cho người ở Giu-đa ngạc nhiên khi người Ga-li-lê nói tiếng A-ram? Bởi có những câu hỏi này, nhiều người cho rằng đây là lỗi khi sao chép lại và từ ngữ này chỉ một nước khác.

1. Tertullian, Augustine cho rằng đó là Armenia
2. Jerome- Syria
3. Chrysostom, Eramus- Ấn độ
4. Muốn tìm hiểu thêm về những phỏng đoán này, xin xem sách của Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, trang 293.

2:9-10 “Cáp-ba-đốc, Bông, A-si,¹⁰ Phi-ri-gi, Bam-phi-ly” Đây là nhóm người từ nước Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.

2:10 “Ê-díp-tô, đất Li-by gần Sy-ren” Nhóm người này đến từ Bắc Phi.

▣ **“từ Rô-ma”** những người hành hương được cải đạo trong sự kiện này có thể là những người đầu tiên của hội thánh tại Rô-ma.

▣ **“những người mới theo đạo”** Chữ này chỉ những người mới theo đạo Giu-đa, là những người phải (1) giữ luật Môi-se; (2) cắt bì nếu là con trai; (3) tự báp têm trước những người làm chứng; và (4) dâng tế lễ nơi bàn thờ nếu làm được. Họ phải có mặt tại Giê-ru-sa-lem bởi vì tất cả những người nam đều phải dự ba ngày lễ chính này hằng năm (Xuất Ê-díp-tô ký 23 và Lê-vi-ký 23).

2:11 “người Cơ-rét” Đây là một hòn đảo lớn thuộc Địa Trung Hải gần với Thổ Nhĩ Kỳ. Nó có thể được dùng như danh từ tập hợp chỉ tất cả các hòn đảo thuộc vùng Aegean.

▣ **“A-rập”** Chữ này chỉ con cháu của Ê-sau. Có rất nhiều bộ tộc A-rập sống rải rác khắp phía Nam của Cận Đông. Đối với người Do thái ở thế kỷ thứ nhất, danh sách này đại diện cho toàn bộ thế giới. Có lẽ nó

là một biểu trưng giống như 70 ngôn ngữ của thế giới, là biểu trưng của Do thái chỉ tất cả loài người (Lu-ca 10). Ý nghĩa này cũng được bày tỏ trong Phục truyền luật lệ ký 32:8 trong bản LXX.

2:12 Những người hành hương này nhận biết sự kiện đặc biệt này là một dấu hiệu có ý nghĩa. Phi-e-ro đã tận dụng cơ hội này để trả lời những câu hỏi của họ.

2:13 “họ say rượu” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH LỐI NÓI TRÁNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC PERFECT PASSIVE INDICATIVE), khẳng định rằng các môn đồ đã uống rượu cho say và họ vẫn còn say.

“rượu ngọt” Một lối giải thích cho trường hợp này là các môn đồ của Chúa Jêsus bị say rượu (Ê-phê-sô 5:18a). Làm thế nào sự say sưa giải thích được khả năng nói được các ngôn ngữ? Tôi chắc rằng ở đó cũng có một không khí vui mừng và phấn chấn.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁI NHÌN CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU (CHẤT CÓ MEN) VÀ SỰ SAY RƯỢU (SỰ NGHIỆN NGẬP)

I. Các từ ngữ trong Kinh thánh

A. Cự ước

1. *Yayin*- Đây là từ ngữ tổng quát chỉ rượu, được dùng 141 lần. Từ nguyên của chữ này không rõ bởi vì nó không phải xuất phát từ gốc từ Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là các loại trái cây lên men, thường là nho. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Sáng thế ký 9:21; Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Dân số ký 15:5, 10.
2. *Tirosh*- Đây là “rượu mới.” Bởi vì điều kiện khí hậu ở vùng Cận đông, quá trình lên men có thể xảy ra sớm nhất là 6 giờ đồng hồ sau khi ép lấy nước trái cây. Từ này chỉ rượu đang trong giai đoạn lên men. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Phục truyền luật lệ ký 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11
3. *Asis*- Đây rõ ràng là các loại uống có cồn (Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar*- Đây là từ “đồ uống mạnh.” Từ Hê-bơ-rơ gốc là “say” hay “người say.” Nó có thêm một thứ gì khác vào để làm cho say hơn. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm-ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

B. Tân ước

1. *Oinos*- chữ Hy-lạp tương đương của chữ *yayin*.
2. *Neos oinos* (rượu mới)- từ Hy-lạp tương đương với chữ *tirosh* (Mác 2:22)
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt)- rượu trong thời kỳ đầu của giai đoạn lên men (Công vụ 2:13).

II. Các cách dùng trong Kinh thánh

A. Cự ước:

1. Rượu là một món quà từ Chúa (Sáng thế ký 27:28; Thi-thiên 104:14-15; Truyền đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-môt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần trong tế lễ hy sinh (Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Lê-vi-ký 23:13; Dân số ký 15:7,10; 28:14; Phục truyền luật lệ ký 14:26; Các quan xét 9:13).
3. Rượu được dùng như thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm-ngôn 31:6-7).
4. Rượu có thể trở thành một vấn đề nghiêm trọng (Nô-ê- trong Sáng thế ký 9:21; Lót- trong Sáng thế ký 19:33, 35; Sam-sôn- trong Các quan xét 16:19; Na-banh- trong I Sa-mu-ên 25:36; U-ri- II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn- II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la- I Các Vua 16:9; Bên-ha-đát- I Các Vua 20:12; Những người cầm quyền- A-môt 6:6; và Những người phụ nữ- A-môt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11, 22; 19:14;

28:7-8; Ô-sê 4:11).

6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người (Thầy tế lễ đang phiên trực, Lê-vi-ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; Na-xi-rê, Dân số ký 6; và những người cai trị, Châm-ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu được dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (A-mốt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

B. Thời kỳ giữa hai giao ước (Interbiblical)

1. Rượu dùng có chừng mực rất có ích lợi (sách Ecclesiasticus 31:27-30)
2. Các thầy ra-bi nói rằng, “Rượu là thứ thuốc tốt nhất, chỗ nào thiếu rượu thì thuốc mới cần đến.” (BB 58b).

C. Tân ước:

1. Chúa Jê-sus biến một khối lượng lớn nước thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Jê-sus uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; 22:17 và tiếp sau).
3. Phi-e-rơ bị cho là say ‘rượu mới’ trong ngày lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:13).
4. Rượu được dùng làm thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Lãnh đạo không được là người lạm dụng rượu. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn kiêng cử rượu (I Ti-mô-thê 3:3, 8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (Ma-thi-ơ 22:1 và tiếp sau; Khải huyền 19:9).
7. Ân hận khi say rượu (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

III. Các kiến giải thần học:

A. Sự căng thẳng biện chứng:

1. Rượu là một món quà Chúa ban
2. Sự say rượu là một vấn đề nghiêm trọng
3. Người tin Chúa trong một số văn hóa phải tự giới hạn sự tự do của mình vì Phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14:1-15; 13).

B. Khuynh hướng đi ra khỏi giới hạn cho phép:

1. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi điều tốt lành (tạo vật “rất tốt lành,” Sáng thế ký 1:31).
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những điều Chúa ban bằng cách đi ra khỏi giới hạn cho phép.

C. Sự lạm dụng ở tại chúng ta, chứ không phải trong đồ vật. Không có điều gì là gian ác trong các tạo vật thuộc vật chất này (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

IV. Văn hóa Do thái thế kỷ thứ nhất và sự lên men rượu:

- A. Sự lên men xảy ra rất sớm, khoảng 6 giờ sau khi nho được ép ra, đặc biệt là trong loại khí hậu nóng và điều kiện vệ sinh thấp
- B. Truyền thống Do thái nói rằng khi một miếng bột nhỏ xuất hiện trên bề mặt (dấu hiệu lên men), nó phải được biệt riêng ra phần mừi (sách *Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là ‘rượu mới’ hay là “rượu ngọt.”
- C. Sự lên men mạnh mẽ nhất chấm dứt sau một tuần.
- D. Quá trình lên men lần thứ hai mất khoảng 40 ngày. Đến lúc này, nó được xem là “rượu đã chín tới” và có thể được đem dâng trên bàn thờ (sách *Edhuyyoth* 6:1).
- E. Rượu để ở nơi khuất (rượu lâu năm) được kể là rượu tốt, nhưng phải lọc thật kỹ trước khi dùng.
- F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
- G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị đình lại khi ở trong môi trường

tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình lên men tự nhiên.

V. Lời kết:

- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh thánh của bạn không hạ giá Chúa Jê-sus và văn hóa Do thái và/hoặc văn hóa Cơ đốc! Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cữ rượu.
- B. Tôi không cô vũ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã tuyên bố quá đáng vị trí của Kinh thánh về đề tài này và tự xưng công bình ở đẳng cấp cao hơn dựa vào các thành kiến về hệ phái và văn hóa.
- C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp các kiến giải và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em trong niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.
- D. Nếu chúng ta cố áp đặt sự kiêng cữ hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có hàm ý gì về chính Chúa Jê-sus, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

BẢN NASB 2:14-21

¹⁴ Bấy giờ, Phi-e-ơ đứng ra cùng mười một sứ đồ, cất tiếng nói với dân chúng rằng: Hỡi người Giu-đa, và mọi người ở tại thành Giê-ru-sa-lem, hãy biết rõ điều này, và lắng tai nghe lời ta. ¹⁵ Những người này chẳng phải say như các người ngờ đâu, vì bây giờ mới là giờ thứ ba ban ngày. ¹⁶ Nhưng ấy là điều đáng tiên tri Giô-ên đã nói tiên tri rằng: ¹⁷ Đức Chúa Trời phán: Trong những ngày sau rốt, Ta sẽ đổ Thần ta khắp trên mọi xác-thịt; Con trai và con gái các người đều sẽ nói lời tiên tri, Bọn trai trẻ sẽ thấy điềm lạ, Và các người già cả sẽ có chiêm bao, ¹⁸ Phải, trong những ngày đó, ta sẽ đổ Thần ta khắp trên các dây tở trai và gái ta, Chúng nó đều nói lời tiên tri; ¹⁹ Ta lại sẽ tỏ ra sự lạ lùng ở trên trời, Và dấu lạ ở dưới đất; Tức là máu, lửa, và luồng khí; ²⁰ Một trời sẽ biến nên tối tăm, Mặt trăng hóa ra máu, Trước ngày lớn và vinh hiển của Chúa chưa đến; ²¹ Và lại ai cầu khẩn danh Chúa thì sẽ được cứu.

2:14 “Phi-e-ơ” Hãy nghĩ mà xem, trong tất cả các môn đồ, Phi-e-ơ lại là người đầu tiên giảng bài giảng về Đấng Christ! Người đã chối Chúa đến ba lần (Lu-ca 23)! Sự thay đổi của Phi-e-ơ từ một sự hèn nhát, khước từ đối thành một sự mạnh dạn và đầy sự hiểu biết thuộc linh là một bằng chứng nữa cho thấy thời đại của Thánh Linh đã đến đem theo quyền năng thay đổi cuộc đời. Đây là bài giảng đầu tiên của ông được ghi lại trong Công vụ. Nó cho chúng ta thấy nội dung và điểm nhấn mạnh về sự giảng dạy của các sứ đồ. Các bài giảng của các sứ đồ hình thành nên một phần quan trọng của sách Công vụ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (KERYGMA) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu ước giờ đây được ứng nghiệm khi Chúa Jê-sus, Đấng Mết-si-a đến (Công vụ 2:30; 3:19,24; 10:43; 26:6-7, 22; Rô-ma 1:2-4; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; I Phi-e-ơ 1:10-12; II Phi-e-ơ 1:18-19).
2. Chúa Jê-sus được Đức Chúa Trời xức dầu làm Đấng Mết-si-a trong báp têm của Ngài (Công vụ 10:38).
3. Chúa Jê-sus bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê sau khi chịu báp têm (Công vụ 10:37).
4. Chức vụ của Ngài được thể hiện qua các việc lành và làm phép lạ bởi quyền năng Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).

5. Đấng Mết-si-a bị đóng đinh theo chương trình của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giăng 3:16; Công vụ 2:23; 3:13-15, 18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô-ma 8:34; I Cô-rinh-tô 1:17-18; 15:3; Ga-la-ti 1:4; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 1:2, 19; 3:19; I Giăng 4:10).
6. Ngài sống lại từ trong kẻ chết và hiện ra cho các môn đồ (Công vụ 2:24, 31-32; 3:15,26; 10:40-41; 17:31; 26:23; Rô-ma 8:34; 10:9; I Cô-rinh-tô 15:4-7, 12 và các câu sau; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; I Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:2; 3:18,21).
7. Ngài được Đức Chúa Trời tôn cao và được gọi là “Chúa” (Công vụ 2:25-29, 33-36; 3:13; 10:36; Rô-ma 8:34; 10:9; I Tim 3:16; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 3:22).
8. Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để thành lập một cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1:8; 2:14-18, 38-39; 10:44-47; I Phi-e-rơ 1:12)
9. Ngài sẽ trở lại để đoán xét và phục hồi mọi điều (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; I Cô-rinh-tô 15:20-28; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
10. Tất cả những ai nghe sứ điệp này nên ăn năn và chịu báp-têm (Công vụ 2:21, 38; 3:19; 10:43, 47-48; 17:30; 26:20; Rô-ma 1:17; 10:9; I Phi-e-rơ 3:21).

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống hóa các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và góp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

▣ **“cùng mười một sứ đồ”** Điểm này cho thấy hai điều: (1) Phi-e-rơ là người phát ngôn, nhưng vẫn thuộc về nhóm các sứ đồ. Ông không tự nói một mình hoặc là dùng thẩm quyền riêng để nói. Đức Thánh Linh truyền lời của Ngài một cách đặc biệt qua cả nhóm này, những người được kêu gọi, những người chứng kiến, và (2) Ma-thi-a, mặc dù chúng ta không biết gì thêm về công việc của ông, ông đã chính thức gia nhập nhóm các sứ đồ.

▣ **“Người Giu-đê và những người sống tại Giê-ru-sa-lem”** Những người Phi-e-rơ nói đến ở đây dường như khác với nhóm những người hành hương liệt kê theo quốc gia trong câu 7-11.

▣ **“Hãy biết rõ điều này và lắng tai nghe”** Hai động từ này đều ở dạng MỆNH LỆNH (IMPERATIVES). Từ thứ nhất ở dạng CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE) và từ thứ hai ở dạng TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE (deponent)). Phi-e-rơ muốn họ toàn tâm lắng nghe.

Đây là một thành ngữ Do thái. Nó được dùng hai lần để giới thiệu bài giảng của Phi-e-rơ (2:14; 4:10) và hai lần cho Phao-lô (13:38; 23:28). Lu-ca là người cải đạo khi đã trưởng thành. Các di tích thành ngữ Do thái này cho thấy Lu-ca không viết ra các bài giảng trong Công vụ để phục vụ cho mục đích thần học riêng của mình, nhưng ông đã trung thành tóm tắt nguồn tài liệu ông có được.

2:15 “những người này không say rượu” Đáp lại lời cáo buộc trong câu 13, Phi-e-rơ giải thích rằng còn quá sớm để những người Do thái chính thống này say rượu. Điều này đi liền với sự giải thích của các thầy ra-bi trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:8 (xem E.M. Blaiklock, Tyndale NT Commentary Series, *Acts*, trang 58).

▣ **“giờ thứ ba”** Có lẽ là 9 giờ sáng. Đây là giờ dâng tế lễ mỗi buổi sáng ở đền thờ. Nó trở thành một thì giờ cầu nguyện đặc biệt đối với người Do thái. “Giờ thứ ba” là một mốc thời gian của người Do thái. Các trước giả Tân ước (đặc biệt là Giăng) sử dụng các mốc thời gian của người Do thái và người La-mã.

2:16 “đây là điều tiên tri Giô-ên đã nói tiên tri” Đây là câu trích từ Giô-ên 2:28-32 bản LXX. Chính Chúa Jêsus có lẽ là Người xác định lời tiên tri này đã được ứng nghiệm (Lu-ca 24:27).

2:17 “TRONG NHỮNG NGÀY SAU RỐT” Đây có lẽ là đoạn Lu-ca chỉnh sửa lại từ bản LXX. Trong Cựu ước những từ này chỉ ngày cuối cùng và Thời Kỳ của Đấng Mết-si-a. Trong Tân ước “những ngày sau rốt” chỉ hai thời kỳ trùng nhau của người Do thái. Thời kỳ mới bắt đầu khi Chúa nhập thể tại Bết-lê-hem cho đến khi Ngài trở lại lần thứ hai. Chúng ta đang sống trong thời kỳ giăng co giữa sự “đã,” “nhưng chưa” trong Vương quốc Đức Chúa Trời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý. Tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuynh hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi Đấng Mết-si-a (thường là một tinh binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thể học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là “sự mặc khải tiệm tiến.” (progressive revelation). Tân ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

Chúa Jêsus	Phao-lô	Thư Hê-bơ-rơ
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì sự tiên báo bắt ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của Đấng Mết-si-a. Sự nhập thể của Chúa Jêsus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một Nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giăng co của Tân ước về khái niệm đã, nhưng chưa!

☐ **“Đức Chúa Trời phán”** Bản Codex Bazaе và bản D có chữ *kurios* (Chúa). Chữ *Kurios* chỉ Đức Giê-hô-va trong Cựu ước hay chỉ Chúa Jêsus, Đấng Mết-si-a? Có thể những người sao chép dùng chữ *Theos* (Đức Chúa Trời) vì muốn cho người đọc rõ chữ này chỉ về Ai.

▣ **“TA SẼ ĐỒ THẦN TA TRÊN MỌI LOÀI XÁC THỊT”** Đề ý yếu tố toàn cầu ở đây (câu 39). Toàn bộ những ngăn trở truyền thống cũ đều bị dẹp bỏ trong Đấng Christ (I Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti. 3:28; Ê-phê-sô 3:6; Cô-lô-se 3:11). Mặc dù Giô-ên 2 không nói đến một sự phân biệt nào giữa Do thái và ngoại bang, đề ý câu 38, nó hàm ý không có sự phân biệt nào. Đức Giê-hô-va ban Thánh Linh Ngài cho mọi người dựng nên theo ảnh tượng của Ngài (nghĩa đen là “mọi xác thịt”), là điều được khẳng định trong Sáng thế ký 1:26-27.

▣ **“CON TRAI VÀ CON GÁI CÁC NGƯỜI SẼ NÓI TIÊN TRI...TA SẼ ĐỒ THẦN TA TRÊN ĐÂY TỔ TRAI VÀ ĐÂY TỔ GÁI”** Đề ý ở đây không có sự phân biệt giới tính.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

I. Cựu ước

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
 2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
 3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
 4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ
1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
 2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
 3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
 4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
 5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
 6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
- C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:
1. Mi-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
 2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
 3. Ê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
 4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
 5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư

II. Tân ước

- A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-la đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)
- B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:
1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
 2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
 3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
 4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
 5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)

6. Bê-rít-sin, bạn đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bê-t-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê, và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, bạn đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

- A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?
1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
 2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
 - a. Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
 - b. Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
 - c. Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
 - d. Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
 - e. Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
 - f. Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)
 3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.
- B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thế kỷ thứ nhất, và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?!

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *Corinth After Paul Left*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về

Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bởi đức Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia xẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có”!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tề phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác, và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tề. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

How to Read the Bible for All Its Worth của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

Gospel and Spirit: Issues in New Testament Hermeneutics của Gordon Fee

Hard Sayings of the Bible của Walter C. Kaiser, Peter H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

▣ **“tiên tri”** Có ít nhất hai cách để hiểu từ ngữ này: (1) trong các thư tín Cô-rinh-tô, chữ này chỉ sự chia xẻ hay rao giảng Phúc âm (14:1; Công vụ 2:17); (2) sách Công vụ có nói đến các tiên tri (12:27; 13:1; 15:32; 22:10, cũng nói đến các nữ tiên tri, 21:9), là những người tiên đoán việc trong tương lai.

Vấn đề ở đây là khi dùng từ ngữ này, nó có cho thấy ân tứ tiên tri trong Tân ước liên quan như thế nào đến các tiên tri thời Cựu ước hay không? Trong Cựu ước, các tiên tri là những người viết Kinh thánh. Trong Tân ước nhiệm vụ này được giao cho mười hai sứ đồ và các phụ tá của họ. Cũng giống như từ “sứ đồ” là từ được giữ lại để nói đến một ân tứ vẫn tiếp tục (Ê-phê-sô 4:11) nhưng các nhiệm vụ đã thay đổi sau khi mười hai sứ đồ chết, thì chức vụ tiên tri cũng vậy. Sự linh cảm đã chấm dứt và không còn có một Kinh sách nào được linh cảm sau đó (Giu-đê 3, 20). Nhiệm vụ chủ yếu của các tiên tri thời Tân ước là truyền bá Phúc âm, nhưng họ cũng có một nhiệm vụ khác đó là áp dụng những lẽ thật Tân ước vào tình huống và nhu cầu ngày nay.

▣ **“BỌN TRAI TRẺ...NGƯỜI GIÀ CẢ”** Đề ý ở đây không có sự phân biệt tuổi tác.

2:18 “ĐÀY TỐ” Đề ý ở đây không có sự phân biệt tình trạng kinh tế xã hội. Phi-e-rô thêm vào chữ “nói tiên tri” trong lời tiên tri của Giô-ên. Nó không phải từ bản Hê-bơ-rơ Masorete hay từ bản Hy Lạp Bảy mươi, nhưng nó được hiểu ngầm trong câu 17.

2:19-20 Đây hiển nhiên là ngôn ngữ khái thị vì Phi-e-rô khẳng định rằng điều này đã được ứng nghiệm, nhưng chưa có hiện tượng thiên nhiên cụ thể nào xảy ra, ngoại trừ sự tối tăm khi Chúa Jê-sus bị treo trên cây thập tự. Câu này diễn đạt ngôn ngữ theo nghĩa bóng, nói về sự trở lại của Đấng Tạo Hóa và cũng là vị Quan tòa. Trong Cựu ước, sự trở lại của Ngài đem đến phước hạnh hoặc là đoán xét. Mọi tạo vật đều nao loạn trước sự kiện Chúa trở lại (Ê-sai 13:6 và những câu tiếp theo, A-mốt 5:18-20). Trong các lời tiên tri

Cựu ước không có sự phân biệt rõ ràng giữa sự Nhập thể (sự đến lần thứ nhất) và sự Tận thể (sự đến lần thứ hai). Người Do thái đang mong đợi chỉ một sự trở lại mà thôi và đó là sự trở lại của một vị Quan tòa, một Đấng giải cứu.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG TẬN THỂ

Phần chủ đề đặc biệt này lấy từ tuyển tập giải kinh sách Khải Huyền.

Khải Huyền là một thể loại văn chương tận thể đặc biệt của người Do thái. Nó thường được sử dụng trong những gian đoạn lịch sử căng thẳng, xung đột để bày tỏ lòng tin quyết sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên dòng lịch sử và sự giải cứu dành cho dân sự của Ngài. Thể loại văn chương này có những đặc điểm

1. nhấn mạnh đến quyền cai trị phổ quát của Đức Chúa Trời (thuyết độc thần và thuyết định mệnh)
2. sự tranh chiến giữa thiện và ác, giữa đời này và đời sau (thuyết nhị nguyên)
3. sử dụng những chữ mật mã (thông thường xuất phát từ Cựu Ước hay là những tác phẩm thuộc thể loại tận thể của Do thái giáo trong giai đoạn giao thời sau khi Cựu Ước kết thúc nhưng trước khi Tân Ước bắt đầu)
4. đề cập đến những màu sắc, con số, thú vật đôi khi cả con người
5. dùng những khái tượng, giấc mơ như những cách thức để tương giao với thần linh.
6. tập trung chú trọng vào sự tận thể (thời đại mới)
7. dùng những nhóm biểu tượng cố định, không phải thực tại để truyền đạt những sứ điệp tận thể
8. Một số ví dụ của thể loại này
 - a. Cựu Ước
 - (1) Ê-sai 24-27, 56-66
 - (2) Ê-xê-chi-ên 37-48
 - (3) Đa-ni-ên 7-12
 - (4) Giô-ên 2:28-3:21
 - (5) Xa-cha-ri 1-6, 12-14
 - b. Tân Ước
 - (1) Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 21, và I Cô-rinh-tô 15 (trong vài phương diện)
 - (2) II Tê-sa-lô-ni-ca 2 (trong hầu hết các khía cạnh)
 - (3) Khải Huyền (chương 4-22)
 - c. Những sách không được kinh điển (dựa theo *The Method and Message of Jewish Apocalyptic*, của D. S. Russell, trang 37-38)
 - (1) I Hê-nóc, II Hê-nóc (những bí mật của Hê-nóc)
 - (2) Jubilees
 - (3) Những lời tiên tri của Sibylline III, IV, V
 - (4) Giao ước của mười hai Tô phụ
 - (5) Những Thi-thiên của Sa-lô-môn
 - (6) Sự thăng thiên của Môi-se
 - (7) Sự tuân đạo của Ê-sai
 - (8) Sự tận thể theo Môi-se (cuộc đời của A-đam và Ê-va)
 - (9) Sự tận thể theo Áp-ra-ham
 - (10) Giao ước của Áp-ra-ham
 - (11) II Esdras (IV Esdras)
 - (12) Ba-rúc II, III

2:20 “ngày lớn và vinh hiển của Chúa” chữ “vinh hiển” có chung một từ gốc với chữ *epiphaneia*, thường được dịch là sự đến lần thứ hai của Đức Chúa Giê-xu (xem I Ti-mô-thê 6:14; II Ti-mô-thê 4:1; Tít 2:13).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẾN LẦN THỨ HAI

Theo nghĩa đen đây là chữ “*Parousia*,” có nghĩa là “sự hiện diện” và được dùng cho sự viếng thăm hoàng tộc. Những chữ khác trong Tân Ước cũng dùng cho Sự đến lần thứ hai là (1) *epiphaneia*, “hiện ra đôi diện”; (2) *apokalupis*, “mở màn”; và (3) “ngày của Chúa” cùng với những “dị bản” của cụm từ này.

Cả Tân Ước được ghi chép trong thế giới quan của Cựu Ước khẳng định rằng

1. một thời kỳ hiện tại độc ác, nổi loạn
2. một giai đoạn công chính sắp đến
3. nó được đem đến bởi Đức Thánh Linh thông qua công tác của Đấng Mết-si-a (Đấng Được Xức Dầu)

Giả định thần học của khai thị tiệm tiến là cần thiết bởi vì các tác giả Tân Ước đã điều chỉnh đôi chút sự trông đợi của Y-sơ-ra-ên. Thay cho sự hiện đến của Đấng Mết-si-a theo khái niệm quân sự, chú trọng chủ nghĩa dân tộc (Do thái) là hai sự hiện đến. Sự đến thứ nhất là khái niệm thần linh nhập thể trong sự giáng sinh của Giê-xu người Na-xa-rét. Ngài đã đến không như một vị tướng hay là một quan án nhưng lại là một “đầy tớ khốn khổ” theo như Ê-sai 53, là một kỵ sĩ hiền lành cỡi lừa con (không phải là một ngựa chiến hay là một con la dành cho vua), giống như trong Xa-cha-ri 9:9. Sự đến thứ nhất mở đầu cho một kỷ nguyên mới của Đấng Mết-si-a. Trong một phương diện thì Nước Trời đã đến, nhưng dĩ nhiên trong khía cạnh còn lại thì nó vẫn còn ở xa chưa trọn vẹn. Sự “căng thẳng” giữa hai sự hiện đến của Đấng Mết-si-a này, mà trong một ý nghĩa nào đó, chính là sự chông lóp giữa hai thời đại mà Do-Thái-Giáo theo Cựu Ước không thấy hay ít nhất là không rõ. Trong thực tế, hai lần hiện đến này nhấn mạnh cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va (xem Sáng-thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; sự giảng dạy của các tiên tri, đặc biệt là Ê-sai và Giô-na).

Hội thánh không chờ đợi sự làm trọn của lời tiên tri trong Cựu Ước bởi vì đa số các lời tiên tri đề cập về sự đến lần thứ nhất (xem *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các tín hữu trông chờ sự trở lại vinh hiển của Vua của các Vua, Chúa của các Chúa, sự hoàn thành lịch sử được trông đợi cho thời đại mới của sự công chính dưới đất cũng như trên trời (xem Ma-thi-ơ 6:10). Những sự trình bày của Cựu Ước không phải là không chính xác, nhưng không đầy đủ. Ngài sẽ đến một lần nữa theo như các tiên tri đã tiên báo trong năng quyền của Đức Giê-hô-va.

Sự đến lần thứ hai không phải là một thuật ngữ Kinh thánh, nhưng khái niệm này định hình thế giới quan và khuôn khổ cho cả Tân Ước. Đức Chúa Trời sẽ làm ngay thẳng lại mọi sự. Sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại được dựng theo hình ảnh của Ngài được phục hồi. Tội ác sẽ bị xét xử và cất đi. Ý chỉ của Đức Chúa Trời sẽ không thể thất bại.

2:21 “ai” đây lại là một yếu tố phổ quát khác (xem câu 17 và 39). Đức Chúa Giê-xu chết cho tội lỗi của cả thế gian (xem Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Lưu ý Đức Thánh Linh được tuôn đổ trên cả nhân loại (xem câu 17).

▣ **“ai cầu khẩn danh”** đây là **THẺ CẦU KHẨN TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE SUBJUNCTIVE)**. Đáp ứng của con người là một phần trong chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời (xem Giô-ên 2:32; Giăng 1:12, 3:16; và Rô-ma 10:9-13). Mỗi cá nhân được gọi để ăn năn và tin nhận Phúc âm và bước vào mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (xem 3:16,19; 20:21; Mác 1:15). Đức Chúa Giê-xu đã chết thay cho cả thế gian; sự huyền nhiệm tại đây là tại sao một số người đáp

ứng với sự thuyết phục của Đức Thánh Linh (xem Giảng 6:44,65) trong khi một số khác thì không (xem II Cô-rinh-tô 4:4).

☐ **“danh Chúa”** chi tiết này đề cập đến thánh đức của Đức Chúa Giê-xu hay là những sự dạy dỗ về Ngài. Điều này có cả yếu tố cá nhân và tín lý.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH CỦA CHÚA

Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân Ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong Hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jê-sus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jê-sus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12, 16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-rơ 4:14)

Khi chúng ta làm trong bất cứ cương vị nào là người rao truyền, mục vụ, người giúp đỡ, chữa lành, đuổi quỷ, vân vân... chúng ta làm trong bản tính của Ngài, quyền năng, và sự cung ứng của Ngài - trong danh Ngài.

☐ **“sẽ được cứu”** theo văn mạch tại đây, điều này đề cập đến sự cứu rỗi tâm linh, nhưng trong sách Giô-ên, nó có lẽ có nghĩa là sự giải cứu thuộc thể khỏi cơn giận của Đức Chúa Trời (xem câu 40). Chữ “được cứu” sử dụng trong Cựu Ước theo nghĩa giải cứu thuộc thể (xem Ma-thi-ơ 9:22; Mác 6:56; Gia-cơ 5:14,20). Tuy nhiên, trong Tân Ước nó được dùng theo cách hình bóng chỉ sự cứu rỗi tâm linh hay là sự giải cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời (ví dụ Gia-cơ 1:21; 2:14; 4:12). Tấm lòng của Đức Chúa Trời dành cho sự cứu rỗi của mọi người (nam và nữ) đã được dựng nên hình ảnh của Ngài, tác tạo cho mối tương giao với Ngài.

BẢN NASB 2:22-28

²² Hỡi người Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này: Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét, tức là Người mà Đức Chúa Trời đã dùng làm việc quyền phép, sự lạ và dấu lạ ở giữa các người, để làm chứng cho Người trong vòng các người, như chính các người đều biết. ²³ Người đó bị nộp, theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời, các người đã mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi. ²⁴ Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Người sống lại, bứt đứt dây trói của sự chết, vì nó không thể giữ Người lại dưới quyền nó. ²⁵ Bởi chưng vua Đa-vít có nói về Người rằng: Tôi từng thấy Chúa ở trước mặt tôi luôn, Vì Ngài ở bên hữu tôi, hầu cho tôi chẳng bị rúng động chút nào. ²⁶ Bởi đó, lòng tôi vui vẻ, lưỡi tôi mừng rỡ, Và xác thịt tôi cũng sẽ yên nghỉ trong sự trông cậy; ²⁷ Vì Chúa sẽ chẳng để linh hồn tôi nơi âm phủ, Và chẳng cho Đấng Thánh của Ngài hư nát đâu. ²⁸ Chúa đã cho tôi biết đường sự sống; Cũng sẽ cho tôi đầy lòng vui mừng trước mặt Ngài.

2:22 “Hỡi người Y-sơ-ra-ên” những thánh giả này cũng là những nhân chứng cho các sự kiện diễn ra trong tuần lễ cuối cùng của Đức Chúa Giê-xu. Họ có sự hiểu biết về những điều Phi-e-rơ đang trình bày. Những ai nhận được sự soi sáng trong tâm linh đáp ứng với phúc âm, có khoảng ba ngàn người tin sau bài giảng đầu tiên (xem câu 41).

☐ **“hãy nghe lời”** đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Sự bày tỏ hiển lộ của Đức Thánh Linh thu hút họ, giờ đây đến sứ điệp phúc âm.

☐ **“Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét”** cụm từ này thường được giả định rằng tương đương với cụm từ “Giê-xu người Na-xa-rét.” Nhưng thật ra đây là một cách khác thường để bày tỏ cụm từ này. Có thể cụm từ này phản ánh danh hiệu của Đấng Mê-ti-si-a, “chồi, nhánh” (xem Ê-sai 4:2; 6:13; 11:1,10; 14:19; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15-16; Xa-cha-ri 3:8; 6:12-13). Chữ “nhánh” trong tiếng Do thái là *nezer*.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA GIÊ-XU Ở NA-XA-RÉT

Có nhiều chữ Hy Lạp khác nhau dùng trong Tân Ước dùng để làm rõ nói đến Giê-xu nào.

A. Những chữ trong Tân Ước

1. Na-xa-rét - thành phố trong xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 1:26; 2:4,39,51; 4:16; Công-vụ 10:38). Thành phố này không được nhắc đến trong các nguồn tài liệu đương thời nhưng lại xuất hiện trên những bia đá xuất hiện sau đó.

Chi tiết Đức Chúa Giê-xu từ Na-xa-rét không phải là lời ca ngợi (xem Giảng 1:46). Tấm bảng trên cây thập tự đóng đinh Đức Chúa Giê-xu có nhắc đến địa danh này cho biết đó một dấu hiệu chỉ sự khinh khi của người Do thái.

2. *Nazarēnos* - dường như cũng đề cập đến một sự xác định địa điểm (xem Lu-ca 4:34; 24:19).

3. *Nazōraios* - có thể đề cập đến một thành phố, nhưng cũng có thể là một cách chơi chữ dựa trên chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-ti-si-a trong tiếng Do thái (*netzer*, xem Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Lu-ca dùng chữ này cho Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 18:37 và Công-vụ 2:22; 3:6; 4:10; 6:14; 22:8; 24:5; 26:9.

B. Những cách sử dụng ngoài Tân Ước theo lịch sử. Cách định danh này có những cách dùng khác trong lịch sử.

1. Nó ám chỉ một nhóm dị giáo người Do thái trước thời kỳ của Cơ-Đốc-Giáo.
2. Nó đã được sử dụng trong vòng người Do thái để chỉ những người tin nơi Đấng Christ (xem Công-vụ 24:5,14; 28:22).
3. Nó trở thành chữ thông thường chỉ những tín hữu trong những Hội thánh người Sy-ri (nói tiếng A-ram). “Cơ-Đốc-Nhân” được dùng để chỉ những tín hữu trong các Hội thánh nói tiếng Hy Lạp.
4. Một thời gian sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem, những người Pha-ri-si tập hợp tại Jamnia mưu toan chính thức tách biệt giữa nhà hội và Hội thánh. Một bằng chứng tiêu biểu cho khuôn mẫu những lời nguyện rửa các Cơ-Đốc Nhân tìm thấy trong “Mười tám Lời kinh tạ ơn” trong *Berakoth* 28b-29a, gọi những tín hữu là “những người Na-xa-rét” như sau “Cầu cho những người Na-xa-rét cùng với những kẻ dị giáo biến mất trong giấy lát; chúng sẽ bị xóa khỏi sách sự sống và không được viết xuống cùng với những người trung tín”.

C. Ý kiến cá nhân của tác giả

Tôi lấy làm ngạc nhiên bởi nhiều cách đánh vần của chữ này dù tôi biết rằng đây không phải là chuyện chưa từng xảy ra cho Cựu Ước; như chữ “Giô-suê” có nhiều cách đánh vần trong tiếng Do thái. Tuy vậy, bởi vì các lý do sau (1) sự liên hệ gần gũi với chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-ti-si-a; (2) kết hợp với ẩn ý tiêu cực; (3) rất ít hầu như không có sự chứng thực hiện thời về thành phố Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê và (4) chữ này nằm trong lời của ma quỷ

nói theo ý nghĩa lai thế (“Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi sau?”) khiến tôi không chắc chắn về ý nghĩa chính xác của chữ này.

Để tham khảo đầy đủ những nghiên cứu riêng về chữ này bởi các học giả xem *New International Dictionary of NT Theology*, của Collin Brown (ed.), vol. 2, trang 346.

▣ **“làm chứng cho Người trong vòng các người”** đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Chữ này có nghĩa là “bày tỏ bằng sự chứng thực”. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cách rõ ràng và lặp lại nhiều lần trong lời nói và cuộc đời của Đức Chúa Giê-xu. Những thánh giá Giê-ru-sa-lem đã được thấy và nghe.

▣ **“việc quyền phép, sự lạ và dấu lạ”** Những thánh giá này là nhân chứng mọi điều Đức Chúa Giê-xu thi hành tại Giê-ru-sa-lem trong tuần lễ cuối cùng của Ngài. Chữ “wonders” (*teras*) có nghĩa phép lạ, thường xảy ra trên các tầng trời giống như trong câu 19-20. Chữ “signs” (*sēmeion*) có hàm ý chỉ sự kiện đặc biệt chuyển tải ý nghĩa hay tầm quan trọng. Đây là một từ khóa trong sách Phúc Âm Giảng (bày phép lạ đặc biệt, xem 2:1-11; 4:46-54; 5:1-18; 6:1-15,16-21; 9:1-41; 11:1-57). Những dấu hiệu này không phải luôn luôn được nhìn nhận theo chiều hướng tích cực (xem Giảng 2:18; 4:48; 6:2). Tại đây nó được sử dụng như một chuỗi những dấu hiệu quyền năng tiết lộ rằng thời đại mới của Đức Thánh Linh đã bắt đầu.

Thật thú vị khi Phi-e-rơ trong bài giảng đầu tiên (hay ít ra là theo phần tóm tắt trong Công-vụ 2) không đề cập đến cuộc đời và sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu. Sự làm trọn những lời tiên tri trong Cựu Ước, sự chết thay đã được định trước và sự phục sinh vinh hiển của Ngài là những điểm chính.

2:23 “tức là Người” đây có thể là một thành ngữ chỉ sự khinh khi (xem 5:28; 6:13; Lu-ca 23:14; Giảng 9:16; 18:29), nhưng trong Công-vụ 23:9 và 20:31-32, nó không phải là một thành ngữ tiêu cực.

▣

NASB	“chương trình định trước”
NKJV	“ý chỉ định sẵn”
NRSV	“chương trình định rõ”
TEV	“chương trình của Đức Chúa Trời”
NJB	“chủ ý đã cân nhắc”

Chữ *horizō* ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Ý nghĩa cơ bản của chữ này là xác định, chỉ định hay là ấn định. Trong Cựu Ước, nó được dùng để lập ranh giới/giới hạn của đất đai hay dục vọng. Lu-ca dùng chữ này thường xuyên (xem Lu-ca 22:22; Công-vụ 2:23; 10:42; 11:29; 17:26,31). Thập tự giá không phải là sự ngạc nhiên với Đức Chúa Trời, nó đã luôn luôn là phương thức được Ngài chọn (hệ thống tế lễ trong Lê-vi Ký 1-7) để đem lại sự cứu chuộc cho nhân loại nổi loạn (xem Sáng-thế Ký 3:15; Ê-sai 53:10; Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21).

Cái chết của Đức Chúa Giê-xu không phải là một tai nạn. Nó chính là kế hoạch của Đức Chúa Trời (xem Lu-ca 22:22; Công-vụ 3:18; 4:28; 13:29; 26:22-23). Đức Chúa Giê-xu đã đến trần gian để chết (xem Mác 10:45).

▣ **“sự biết trước của Đức Chúa Trời”** đây là chữ *prognosis* (biết trước) chỉ được sử dụng tại đây và trong I Phi-e-rơ 1:2. Khái niệm Đức Chúa Trời biết trước tất cả lịch sử nhân loại khiến cho chúng ta khó dung hòa với khái niệm ý chí tự do của con người. Đức Chúa Trời là thần linh vĩnh hằng không bị giới hạn bởi sự tiếp nối thời gian. Mặc dù Ngài kiểm soát và thiết định lịch sử, con người có trách nhiệm với những động cơ và việc làm của họ. Sự biết trước không ảnh hưởng đến tình thương và sự tuyển chọn của Đức Chúa Trời. Nếu đúng như vậy thì nó sẽ có điều kiện phụ thuộc vào cố gắng trong tương lai và phẩm chất xứng đáng của con người. Đức Chúa Trời là Toàn năng và Ngài đã chọn để những người tin theo giao ước của Ngài có được sự tự do chọn lựa trong một khía cạnh nào đó để đáp ứng lại với Ngài (xem Rô-ma 8:29; I Phi-e-rơ 1:20).

Có hai thái cực trong lãnh vực thần học này: (1) sự tự do được đẩy quá xa: một số người nói rằng Đức Chúa Trời không biết những sự chọn lựa và hành động trong tương lai của con người (Thuyết hữu thần mở rộng, là một khai triển triết học của trường phái Quy trình Tư tưởng) và (2) sự Toàn trị bị đẩy quá xa, mà trong đó Đức Chúa Trời chọn một số người lên thiên đàng và một số vào địa ngục (thuyết thiên mệnh, thuyết Calvinism đôi). Riêng tôi thích Thi-thiên 139 hơn.

☐ **“các người”** Phi-e-rơ xác nhận tội ác và sự gian trá dẫn đến cái chết của Đức Chúa Giê-xu cho những thánh giá Giê-ru-sa-lem này (xem 3:13-15; 4:10; 5:30; 10:39; 13:27,28). Họ không phải là một phần trong đám đông kêu nài đóng đinh Ngài; họ không phải là những thành viên của Tòa công luận đã giao nạp Ngài cho Phi-lát; họ cũng không phải là những sĩ quan hay quân lính La mã đã đóng đinh Ngài, nhưng họ vẫn chịu trách nhiệm, cũng như chúng ta. Tội lỗi và sự phản loạn của nhân loại dẫn đến cái chết của Đức Chúa Giê-xu.

☐ **“đóng đinh Người trên thập tự giá”** nghĩa đen của chữ này là “trói chặt” (*apospēgnumi*). Nó chỉ được sử dụng tại đây trong Tân Ước. Nó ám chỉ cả việc đóng đinh và trói vào thập tự giá. Trong 5:30, quá trình tương tự được mô tả là “treo trên cây gỗ”. Những lãnh đạo Do thái không muốn Đức Chúa Giê-xu bị ném đá vì tội phạm thượng giống như Ê-tiên sau đó (xem Công-vụ 7), nhưng họ muốn Ngài bị đóng đinh (Louw và Nida cho biết chữ *hapax legomenon* này (tức là chữ chỉ xuất hiện một lần) có thể tương đương với chữ *stauroō*, có nghĩa là đóng đinh, [xem trang 237 phần phụ chú 9]). Chi tiết này có thể liên hệ đến lời nguyện rửa trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23. Trong nguyên thủy, lời nguyện rửa này liên hệ đến hình phạt bị đóng cọc xiên qua người nơi công cộng và sự chôn cất không đúng cách, nhưng đến thời của Đức Chúa Giê-xu, các tu sĩ Do-Thái-Giáo liên kết nó với sự đóng đinh. Đức Chúa Giê-xu mang lấy sự nguyện rửa của luật pháp Cựu Ước cho tất cả người tin (xem Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 2:14).

☐ **“mượn tay độc ác”** trong nghĩa đen đây là “người không luật pháp” đồng thời ám chỉ đến người La mã.

2:24 “Đức Chúa Trời đã khiến Người sống lại” Tân Ước xác nhận cả ba thân vị Đức Chúa Trời Ba Ngôi vận hành trong sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu: (1) Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 8:11); (2) Đức Chúa Con (xem Giảng 2:19-22; 10:17-18); và (3) nhắc đến nhiều nhất là Đức Chúa Cha (xem Công-vụ 2:24,32; 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9). Những việc làm của Đức Chúa Cha chứng nhận Ngài chấp nhận cuộc đời, cái chết và sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu. Đây là một khía cạnh chính trong những bài giảng ban đầu của các Sứ-đô. Xem chủ đề đặc biệt: *Kerygma* trong 2:14.

☐ **“bứt đứt dây trói của sự chết”** chữ này có nghĩa (1) những cơn đau sinh nở theo nghĩa đen (xem Rô-ma 8:22); (2) hình bóng về những vấn nạn trước khi sự đến lần thứ hai (xem Ma-thi-ơ 24:8; Mác 13:8; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:3). Có thể nó phản ánh những chữ Do thái “bẫy, lưới” hay là “thông lọng” trong Thi-thiên 18:4-5 và 116:3, là những hình bóng về sự phán xét trong Cựu Ước (xem Ê-sai 13:6-8; Giê-rê-mi 4:31).

☐ **“vì nó không thể giữ Người lại dưới quyền nó”** Giảng 20:9 cũng liên kết sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu với sự tiên tri trong Cựu Ước (xem câu 25-28).

2:25 “Bồi chửng vua Đa-vít có nói về Người” đây là trích dẫn từ Thi-thiên 16:8-11. Phi-e-rơ đang quá quyết rằng Thi-thiên 16 là Thi-thiên chỉ về đấng Mê-ti-si-a (so sánh với Phao-lô trong 13:36) và Thi-thiên này chỉ trực tiếp về Đức Chúa Giê-xu. Sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu là hy vọng cho những tác giả Thi-thiên cũng như những tín hữu trong Tân Ước.

☐ **“sự trông cậy”** chữ này không được dùng trong các sách Phúc âm, nhưng được dùng trong sách Công-vụ để mô tả niềm tin của những tín hữu về sự làm trọn những lời hứa của phúc âm trong tương lai (xem

23:6; 24:15; 26:6,7; 28:20). Chữ này được sử dụng thường xuyên trong những tác phẩm của Phao-lô, nhưng theo nhiều ý liên hệ đến chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TRÔNG CẬY

Phao-lô thường sử dụng chữ này theo nhiều ý khác biệt nhưng có liên hệ lẫn nhau. Nó thường liên kết với sự làm trọn đức tin của tín hữu (xem I Ti-mô-thê 1:1). Chữ này có thể dùng như sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu rỗi sau cùng, sự trở lại lần thứ hai, vân vân... Ý nghĩa làm trọn bày tỏ rõ ràng, nhưng yếu tố thời gian thì thuộc về tương lai và không chắc chắn.

1. Sự đến lần thứ hai (xem Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13)
2. Đức Chúa Giê-xu là nguồn hy vọng của chúng ta (xem I Ti-mô-thê 1:1)
3. Tín hữu sẽ phải trình diện trước Đức Chúa Trời (xem Cô-lô-se 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19)
4. Hy vọng đặt nơi thiên đàng (xem Cô-lô-se 1:5)
5. Sự cứu rỗi sau rốt (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13)
6. Vinh quang của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-se 1:27)
7. Sự cứu rỗi của người ngoại trong Đấng Christ (xem Cô-lô-se 1:27)
8. Sự bảo đảm cho ơn cứu rỗi (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9)
9. Sự sống đời đời (xem Tít 1:2; 3:7)
10. Sự cứu chuộc của tất cả tạo vật (xem Rô-ma 8:20-22)
11. Việc làm trọn của sự nhận làm con (xem Rô-ma 8:23-25)
12. Danh hiệu của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 15:13)
13. Chỉ dẫn Cựu Ước cho những tín hữu Tân Ước (xem Rô-ma 15:4)

2:27 “âm phủ” đây là chữ Hy Lạp chỉ nơi giữ người chết. Nó tương đương với chữ Do thái *Sheol* trong Cựu Ước. Trong Cựu Ước, đời sau được mô tả như sự hiện hữu có nhận thức với thân nhân, gia đình nhưng không có cảm xúc hay là sự tương giao. Chỉ với khái niệm khai thị tiệm tiến trong Tân Ước mới định nghĩa rõ hơn đời sau (có thiên đàng và địa ngục).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

I. Cựu Ước

- A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cựu Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *She'ol*
 1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
 2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
 3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự hủy diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9:2
 4. liên hệ với khái niệm “hố” (mồ má), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
 5. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
 6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
 7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)

B. Đặc tính của *Hades*

1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cựu Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23

C. Sự phân biệt khả dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo

1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)

D. *Gehenna*

1. Phản ảnh cụm từ trong Cựu Ước “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sứ ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
 - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
 - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
 - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
 - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
 - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
 - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
 - g. khái niệm *Gehenna* trong tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
 - h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chồng chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục).
3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

- A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.

1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
 2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
 3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.
- B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lìa khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh
1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
 2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
 3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
 4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
 5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
 6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

IV. Thiên đàng

- A. Chử này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.
1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
 2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
 3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)
- B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).
- C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

▣ **“chẳng cho Đấng Thánh của Ngài hư nát”** đây là một trung dẫn rõ ràng chỉ về Đấng Mết-si-a liên hệ đến cái chết nhưng lại không bị hư hoại của Đấng Được Hứa, Đấng Được Xức Dầu, Đấng Thánh (xem Thi-thiên 49:15 và 86:13).

2:28 “cho tôi đầy lòng vui mừng trước mặt Ngài” cụm từ này ám chỉ trải nghiệm vui mừng riêng tư với Đức Chúa Cha (câu 22-28) trên thiên đàng qua sự chết của Đấng Mết-si-a (xem Ê-sai 53:10-12). Cũng chính quan điểm tích cực về sự thông công cá nhân với Đức Chúa Trời trong đời sau được ghi lại trong Gióp 14:14-15; 19:25-27.

BẢN NASB 2:29-36

²⁹ Hỡi anh em, ta thật có thể nói cách vững vàng với anh em về tổ Đa-vít rằng người đã chết và chôn rồi, ngày nay mồ mả người còn ở giữa chúng ta. ³⁰ Nhưng, vì người là đáng tiên tri, và biết Đức Chúa Trời đã thề hứa với người sẽ cho một hậu tự người ngồi trên ngai mình, ³¹ thì người đã thấy trước và nói trước về sự sống lại của Đấng Christ rằng: Ngài chẳng bị để nơi âm phủ, và xác thịt Ngài chẳng thấy sự hư nát. ³² Đức Chúa Jê-sus này, Đức Chúa Trời đã khiến sống lại, và chúng ta thấy đều làm chứng về sự đó. ³³ Vậy, sau khi Ngài đã được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời, và từ nơi Cha đã nhận lấy Đức Thánh Linh mà Cha đã hứa ban cho, thì Ngài đổ Đức Thánh Linh ra, như các người đương thấy và nghe. ³⁴ Vì vua Đa-vít chẳng hề lên trời, nhưng chính người có nói: Chúa đã phán cùng Chúa tôi rằng: Hãy ngồi bên hữu ta, ³⁵ Cho đến chừng nào ta để kẻ thù nghịch người dưới chơn người, đặt làm bệ cho người. ³⁶ Vậy, cả nhà Y-sơ-ra-ên khá biết chắc rằng Đức Chúa Trời đã tôn Jê-sus này, mà các người đã đóng đinh trên thập tự giá, làm Chúa và Đấng Christ.

2:29-31 Thật không dễ cho những đọc giả phương tây trong thời hiện đại theo dõi sự phân tích Thi-thiên của Phi-e-rơ bởi vì ông sử dụng phương pháp giải kinh của các tu sĩ Do-Thái-Giáo (điều này lặp lại trong sách Hê-bơ-rơ). Phi-e-rơ có thể đã nghe lập luận này trong nhà hội chỉ về Đấng Mết-si-a sắp đến và giờ đây hiểu rằng nó ám chỉ đến Giê-xu người Na-xa-rét.

2:29 Phi-e-rơ bày tỏ rằng Thi-thiên 16, dù trong nhiều cách chỉ đến Đa-vít (đặc biệt trong 16:10b), không thể chỉ hoàn toàn nói về Đa-vít.

2:30 “người là đáng tiên tri” người Do thái tin rằng Đức Chúa Trời phán qua các tiên tri. Môi-se được gọi là tiên tri (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:18). Các sách Cựu Ước: Giô-suê, Các Quan Xét, I và II Sa-mu-ên cùng với I và II Các Vua được biết đến trong kinh điển của người Do thái là “tiền tiên tri”. Sau khi tiên tri cuối cùng, Ma-la-chi, qua đời thì các tu sĩ Do-Thái-Giáo cho rằng sự khai thị đã chấm dứt. Theo ý người Do thái hiểu chữ này (người viết Kinh thánh) mà Đa-vít được xem là một tiên tri. Trước đó trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho Môi-se (xem Sáng-thể Ký 49) rằng Đấng Mết-si-a sẽ đến từ chi phái Giu-đa. Trong II Sa-mu-ên 7, Đức Chúa Trời tiết lộ rằng Đấng Mết-si-a thuộc dòng dõi hoàng tộc của Đa-vít. Trong Thi-thiên 110, Đức Chúa Trời tiết lộ thêm rằng Đấng Mết-si-a cũng thuộc về dòng dõi thầy tế lễ Mên-chi-xê-đéc (xem câu 34-35).

▣ **“Đức Chúa Trời đã thề hứa với người sẽ cho một hậu tự người ngồi trên ngai mình”** Đây là tóm tắt hay là tóm lược tham khảo từ II Sa-mu-ên 7:11-16; Thi-thiên 89:3-4; hay 132:11. Chi tiết này chứng tỏ ý định từ xa xưa của Đức Chúa Trời được hoàn thành trong Giê-xu người Na-xa-rét. Cái chết, sự phục sinh của Ngài không phải là kế hoạch dự phòng, như là chương trình cứu rỗi đã được định sẵn từ trước khi sáng thế của Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).

2:31 “Đấng Christ” Đây là cách dịch sang tiếng Hy Lạp của chữ “Đấng Mết-si-a” có nghĩa đen là “Đấng Được Xức Dầu.” Đức Chúa Giê-xu không chỉ là con của Đa-vít, Vua của Y-sơ-ra-ên, nhưng còn là Con của Đức Chúa Trời ngự trên ngai tại thiên đàng (xem Thi-thiên 110).

▣ **“Ngài chẳng bị để nơi âm phủ, và xác thịt Ngài chẳng thấy sự hư nát”** Trong bản dịch Kinh thánh NASB (nhận chánh) phiên bản năm 1995, cụm từ này được đánh dấu là trích dẫn từ Cựu ước. Nó rõ ràng đề cập đến Thi-thiên 16.

2:32-33 “Đức Chúa Giê-xu...Đức Chúa Trời...Đức Thánh Linh” Mặc dù chữ “ba ngôi” không hề được dùng trong Kinh thánh, khái niệm Đức Chúa Trời Ba Ngôi phải có bởi (1) thần tính của Đức Chúa

Giê-xu và (2) nhân tính của Đức Thánh Linh. Kinh thánh trình bày khái niệm này bằng cách nhắc đến ba thân vị của Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong cùng một bối cảnh (xem Công-vụ 2:32-33; Ma-thi-ơ 28:19; I Cô-rinh-tô 12:4-6; II Cô-rinh-tô 1:21-22; 13:14; Ê-phê-sô 4:4-6 and I Phi-e-rơ 1:2).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Đề ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ “Ba ngôi,” không phải là chữ Kinh thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

1. Các sách Phúc âm
 - a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
 - b. Giăng 14:26
2. Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
 - a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
 - b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
 - c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
 - d. Ga-la-ti 4:4-6
 - e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
 - f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
 - g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2
5. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu ước cũng có hướng về điều này

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời
 - a. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
 - b. Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
 - c. Chữ “Một” trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)
2. Thiên sử của Chúa là đại diện thấy được của thần linh
 - a. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
 - b. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
 - c. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
 - d. Xa-cha-ri 3:1-2
3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
4. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mết-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
5. Đấng Mết-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jê-sus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm nhặt, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội

ngộ Nicea vào năm 325.

2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
 3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine
- Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh thể hiện với ba thân vị đời đời.

2:32 “Đức Chúa Jêsus này, Đức Chúa Trời đã khiến sống lại” Xem chú thích đầy đủ tại 2:24.

▣ **“chúng ta thấy đều làm chứng về sự đó”** chi tiết này đề cập đến những người đã chứng kiến Đấng Christ phục sinh. Tham khảo biểu đồ về những lần Đức Chúa Giê-xu hiện ra sau khi phục sinh trong, *Jesus and the Rise of Early Christianity*, của Paul Barnett trang 185.

2:33 “đem lên bên hữu Đức Chúa Trời” đây là một ẩn dụ theo phép hình người dùng để chỉ địa vị, quyền hạn, thẩm quyền và trung gian hòa giải (xem I Giăng 2:1), trích từ Thi-thiên 110:1 (được trích dẫn trong Tân ước nhiều hơn mọi Thi-thiên khác) hoặc là từ Thi-thiên 118:16. Đức Chúa Trời là thần linh vĩnh hằng, hiện hữu trong suốt sự sáng tạo thể chất và tâm linh. Nhân loại phải sử dụng những ngôn ngữ và khái niệm thuộc về trần gian để diễn tả Ngài, chúng có thể là (1) sự phủ nhận (2) tương tự hay là (3) ẩn dụ. Ngay cả chữ “Cha” dùng để mô tả Đức Chúa Trời hay là “Con” dùng để mô tả Đức Chúa Giê-xu cũng là những ẩn dụ. Tất cả mọi phép ẩn dụ đều bị giới hạn, gây đổ ở một điểm nào đó. Chúng được dùng để chuyển tải chân lý chính hay là một khái niệm về thần linh. Do đó cần phải cẩn trọng với những nghĩa đen của chúng. Chắc chắn bạn không trông đợi sẽ thấy một cụ già, một thanh niên hay là một con chim màu trắng trong thiên đàng.

▣ **“Đức Thánh Linh mà Cha đã hứa ban cho”** Cựu Ước hứa hẹn thời đại mới của sự công chính Đức Thánh Linh dẫn dắt vận hành bởi công tác của Đấng Mết-si-a.

1. Giăng 7:39, thời đại mới đã đến
2. Ga-la-ti 3:14, sự chúc phước của Áp-ra-ham (xem Sáng-thế Ký 12:3) giờ đây thì dành cho cả thế giới
3. Ê-phê-sô 1:13, những tín hữu trong thời đại mới được ấn chứng bởi Đức Thánh Linh.

▣ **“các người đương thấy và nghe”** đây là sự nhấn mạnh tiếp tục trong bài giảng này về đặc tính là nhân chứng của các thánh giả (câu 14,22,32,33,36). Họ đã biết điều Phi-e-rơ nói là thật bởi vì họ đã hiện diện tại đó. Các luật sư gọi đây là nguồn chứng cứ chính.

2:34 “Chúa đã phán cùng Chúa tôi rằng” đây là trích dẫn từ Thi-thiên 110:1. Đức Chúa Giê-xu sử dụng trích dẫn này trong Ma-thi-ơ 22:41-46. Trong Tân Ước, nó bày tỏ hai phương diện của nước Trời; Đức Chúa Giê-xu thì đã ngự bên phải Đức Chúa Trời, nhưng những kẻ thù của Ngài vẫn chưa bị quy phục dưới bệ chân Ngài. Xem chủ đề đặc biệt: Nước Trời trong 1:3.

2:36 “cả nhà Y-sơ-ra-ên” chi tiết này đề cập đến giới lãnh đạo Do thái cùng với dân chúng, nhóm đối tượng mà Phi-e-rơ đang rao giảng. Ông đang quả quyết rằng các lời tiên tri của Cựu Ước đã được làm trọn hoàn toàn trong Giê-xu người Na-xa-rét. Xem chủ đề đặc biệt: Nước Trời trong 1:3.

▣

- NASB “biết cho chắc”
NKJV “biết quả quyết”
NRSV “biết với sự chắc chắn”
TEV “biết cho chắc”
NJB “có thể chắc chắn”

Cụm từ này phản ánh hai chữ Hy Lạp, PHÓ TỪ (ADVERB) *aphalōs*, có nghĩa là “cột chặt” (ý ẩn dụ là chắc chắn, xem 16:23) và dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) của chữ *ginōskō*, có nghĩa là “biết”. Họ là những nhân chứng cho tuần lễ cuối, sự chết, và sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu nên họ không thể nghi ngờ sự chân thật trong lời giảng của Phi-e-rơ.

☐ **“Chúa và Đấng Christ”** Chữ “Chúa” (*kurios*) có thể sử dụng theo ý thông thường hay là theo ý thần học riêng biệt. Nó có thể có nghĩa là “ông”, “ngài”, “thầy”, “chủ”, “chồng” hay là “người-trời” hoàn toàn. Cách sử dụng chữ này trong Cựu Ước (*adon*) đến từ thái độ lưỡng lự của người Do thái khi phải xưng đến danh hiệu giao ước của Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va, là dạng NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE FORM) của động từ “thì, là” trong tiếng Do thái (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14). Họ sợ phạm phải điều răn, “Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mà làm chơi” (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7, Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:11). Họ cho rằng khi họ không phát âm chữ này, thì họ không thể phạm điều răn. Do đó, người Do thái thay thế bằng chữ Do thái *adonai*, có ý nghĩa tương tự giống như chữ *Kurios* (Chúa) trong tiếng Hy Lạp. Các tác giả Tân Ước, sử dụng chữ này để mô tả thần tính đầy trọn của Đấng Christ. Cụm từ “Đức Chúa Giê-xu là Chúa” là sự xưng nhận đức tin công khai và nghi thức báp-tem của Hội thánh ban đầu (xem Rô-ma 10:9-13; I Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:11).

“Đấng Christ” là chữ Hy Lạp tương đương với chữ *messiah* trong tiếng Do thái, có nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu” (xem 2:31,36; 3:18,20; 4:26; 5:42; 8:5; 9:22; 17:3; 18:5,28; 26:23). Nó ám chỉ “người được Đức Chúa Trời kêu gọi và trang bị cho một công tác đặc biệt.” Trong Cựu Ước, có ba nhóm lãnh đạo: các thầy tế lễ, các vua và các tiên tri được xức dầu. Đức Chúa Giê-xu làm trọn cả ba chức vụ này (xem Hê-bơ-rơ 1:2-3).

Bằng việc sử dụng cả hai danh hiệu của Cựu Ước cho Giê-xu người Na-xa-rét, Lu-ca khẳng định cả thần tính (xem Phi-líp 2:6-11) và thẩm quyền Đấng Mết-si-a của Ngài (xem Lu-ca 2:11). Điều này chắc chắn dẫn đến sự công bố (*kerygma*) trong các bài giảng khác của sách Công-vụ.

☐ **“Jêsus này, mà các người đã đóng đinh trên thập tự giá”** Phi-e-rơ tố cáo dân chúng tại thành Giê-ru-sa-lem tráo trở dẫn đến cái chết của Đức Chúa Giê-xu. Tất cả nhân loại sa ngã đều có dự phần vào tội ác này như nhau. Xem ghi chú trong 2:23.

☐ **“Jêsus này”** Sự định danh “Giê-xu này” (xem 2:23,32,36) liên kết sự công bố của Phi-e-rơ về con người Giê-xu lịch sử với Đấng Christ phục sinh được tôn cao. Cả hai khái niệm này đều đúng và là sự thật. Trong Kinh thánh không có sự tách biệt giữa con người Giê-xu trước đó và Đức Chúa Giê-xu của đức tin.

BẢN NASB 2:37-42

³⁷ Chúng nghe bấy nhiêu lời, trong lòng cảm động, bèn hỏi Phi-e-rơ và các sứ đồ khác rằng: **Hỡi anh em, chúng ta phải làm chi?** ³⁸ Phi-e-rơ trả lời rằng: **Hãy hối cải, ai nấy phải nhơn danh Đức Chúa Jêsus chịu phép báp-tem, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh.** ³⁹ Vì lời hứa thuộc về các người, con cái các người, và thuộc về hết thảy mọi người ở xa, tức là bao nhiêu người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ gọi. ⁴⁰ Phi-e-rơ lại lấy nhiều lời giảng nữa mà giục lòng và khuyên lơn chúng rằng: **Các người khá cứu mình thoát khỏi giữa dòng dãi gian tà này!** ⁴¹ Vậy, những kẻ nhận lời đó đều chịu phép báp-tem; và trong ngày ấy, có độ ba ngàn người thêm vào Hội thánh. ⁴² Vả, những người ấy bèn lòng giữ lời dạy của các sứ đồ, sự thông công của anh em, lễ bẻ bánh, và sự cầu nguyện.

2:37 “trong lòng cảm động” Đây là chữ Hy Lạp *kata* kết hợp với chữ *nussō*. Từ gốc của chữ này được sử dụng trong Giảng 19:34 chỉ Đức Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên thập tự giá. Bài giảng của Phi-e-rơ gắn chặt những thính giả này vào chân lý phúc âm. Chi tiết này rõ ràng ám chỉ sự thuyết phục của Đức Thánh Linh cần phải có trước để dẫn đến sự cứu rỗi (xem Giảng 16:8-11).

2:38 “ăn năn” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE), có nghĩa là làm một quyết định. Chữ ăn năn trong tiếng Do thái có nghĩa là thay đổi hành động. Chữ ăn năn trong tiếng Hy lạp có nghĩa là đổi mới tâm trí. Sự ăn năn là sự tự nguyện vui lòng muốn thay đổi. Nó không có nghĩa là hoàn toàn chấm dứt phạm tội, nhưng là một ước muốn làm vui lòng Đức Chúa Trời, chứ không phải chính mình. Là con người sa ngã, chúng ta sống cho chính mình, nhưng là những tín hữu thì chúng ta sống cho Đức Chúa Trời. Sự ăn năn và đức tin là những đòi hỏi của Đức Chúa Trời cho sự cứu rỗi (xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19; 20:21). Đức Chúa Giê-xu đã phán “nếu các ngươi không ăn năn, thì tất cả sẽ bị hư mất” (xem Lu-ca 13:3,5). Sự ăn năn là ý muốn của Đức Chúa Trời cho nhân loại sa ngã (xem II Phi-e-rơ 3:9, Ê-xê-chi-ên 18:23, 30, 32). Sự huyền nhiệm giữa quyền tể trị của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người có thể bày tỏ rõ ràng qua điểm sự ăn năn là đòi hỏi cho sự cứu rỗi. Tuy nhiên, trong cặp nghịch lý hay biện chứng thì nó cũng lại là ơn, tặng phẩm từ Đức Chúa Trời (xem 5:31; 11:18 and II Ti-mô-thê 2:25). Dường như luôn luôn có sự đối chọi, căng thẳng trong sự trình bày của Kinh thánh về ân sủng khởi đầu của Đức Chúa Trời và sự đáp ứng với giao ước cần phải có của nhân loại. Giao ước mới giống như giao ước cũ với cấu trúc “nếu- thì”. Có một số từ được sử dụng trong Tân Ước có liên hệ với khái niệm ăn năn.

Bối cảnh được dùng để mô tả là II Cô-rinh-tô 7:8-11. Các chữ được dùng là (1) “buồn rầu” (*lupē*, câu 8, 9, 10, 11), trung tính về phương diện đạo đức; (2) “hối cải” (*metamelomai*, câu 8, 10), có nghĩa là “đau buồn về hành động trong quá khứ”. Nó được dùng cho Giu-đa (xem Ma-thi-ơ 27:3) và Ê-sau (xem Hê-bơ-rơ 12:16-17); và (3) “ăn năn” (*metanoeō*, câu 9, 10, 11), có nghĩa là thay đổi tâm trí, một tính nét mới, một hướng đi mới trong cuộc đời. Không phải đau buồn là đặc tính của sự ăn năn, nhưng thái độ tự nguyện sẵn sàng thay đổi cho thích hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Đây là phần chủ đề về “sự ăn năn” từ tập giải kinh của tôi cho II Cô-rinh-tô 7.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN

Sự ăn năn (cùng với đức tin) là đòi hỏi giao ước của cả giao ước cũ (*Nacham*, I Các Vua 8:47; *Shuv*, I Các Vua 8:48; Ê-xê-chi-ên 14:6; 18:30; Giô-ên 2:12-13; Xa-cha-ri 1:3-4) và giao ước mới.

1. Giảng Báp-tít (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:4; Lu-ca 3:3,8)
2. Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 4:17; Mác 1:15; 2:17; Lu-ca 5:32; 13:3,5; 15:7; 17:3)
3. Phi-e-rơ (Công-vụ 2:38; 3:19; 8:22; 11:18; II Phi-e-rơ 3:9)
4. Phao-lô (Công-vụ 13:24; 17:30; 20:21; 26:20; Rô-ma 2:4; II Cô-rinh-tô 2:9-10)

Ăn năn là gì? Nó có phải là sự đau buồn không? Nó có phải là sự chấm dứt phạm tội không? Khúc Kinh thánh trong Tân Ước làm rõ những ẩn ý khác biệt của khái niệm này là II Cô-rinh-tô 7:8-11, nơi ba chữ Hy lạp khác nhau nhưng có liên hệ cùng được sử dụng.

1. “đau buồn” (*lupē*, xem câu 8 [hai lần], 9 [ba lần], 10 [hai lần], 11). Nó có nghĩa là cảm xúc đau đớn, buồn bã và mang ẩn ý trung tính về thần học.
2. “ăn năn” (*metanoeō*, xem câu 9,10). Nó là từ ghép của “sau” và “tâm trí” ám chỉ một tâm trí mới, một lối suy nghĩ mới và một thái độ mới đối với cuộc sống và Đức Chúa Trời. Đây là sự ăn năn thật sự.
3. “hối hận” (*metamelomai*, xem câu 8 [hai lần], 10). Chữ này là từ ghép giữa “sau” và “quan tâm”. Nó được dùng cho Giu-đa trong Ma-thi-ơ 27:3 và Ê-sau trong Hê-bơ-rơ 12:16-17. Nó ám chỉ đến nỗi buồn về những hậu quả chứ không phải vì những nguyên nhân của hành động.

Ăn năn và đức tin là những hành động cần phải có theo giao ước (xem Mác 1:15; Công-vụ 2:38,41; 3:16,19; 20:21). Có một số khúc kinh văn ám chỉ rằng Đức Chúa Trời ban cho sự ăn năn (xem Công-vụ 5:31; 11:18; II Ti-mô-thê 2:25). Nhưng theo đa số những khúc kinh văn thì xem điều này như là đáp ứng theo giao ước cần thiết của con người đối với sự ban cho ơn cứu rỗi miễn phí của Đức Chúa Trời (khôi phục lại mối tương giao gia đình, xem Lu-ca 15:20-24).

Cần phải dựa vào định nghĩa của chữ này trong cả tiếng Do thái và Hy lạp để hiểu thấu ý nghĩa đầy đủ của khái niệm ăn năn. Theo định nghĩa tiếng Do thái thì cần phải có sự thay đổi hành động,

trong khi trong tiếng Hy Lạp thì phải thay đổi tâm trí. Người đã được cứu tiếp nhận tâm trí mới, tấm lòng mới, suy nghĩ theo cách khác và có lối sống khác. Thay vì hỏi rằng “Điều gì dành cho tôi?” câu hỏi bây giờ là “Ý muốn của Đức Chúa Trời là gì?”. Sự ăn năn không phải là cảm xúc sẽ phai nhạt theo thời gian hay là tình trạng hoàn toàn vô tội, nhưng là mối liên hệ mới với Đấng Thánh biến đổi tín hữu mỗi ngày một thánh khiết hơn.

▣ **“chịu phép báp-tem”** đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE) (xem bản dịch Kinh thánh NASB, NKJV). Curtis Vaughan, trong *Acts* có một phụ chú thú vị trong trang 28.

“Chữ ‘báp-tem’ trong tiếng Hy Lạp ở dạng mệnh lệnh ngôi thứ ba; còn chữ ‘ăn năn’ lại là dạng mệnh lệnh ngôi thứ hai. Sự thay đổi mệnh lệnh từ ngôi thứ hai sang ngôi thứ ba ít trực tiếp hơn ám chỉ rằng yêu cầu chính của Phi-e-rơ là phải ăn năn.”

Điều này lặp theo điểm nhấn mạnh trong sự giảng dạy của Giảng Báp-tít (xem Ma-thi-ơ 3:2) và Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 4:17). Sự ăn năn dường như là điểm chính yếu trong tâm linh và lễ báp-tem là biểu lộ bên ngoài cho sự thay đổi tâm linh bên trong. Trong Tân Ước không hề có tín hữu nào mà không làm báp-tem. Trong Hội thánh ban đầu, lễ báp-tem là sự bày tỏ đức tin công khai. Nó là cơ hội để bày tỏ công khai đức tin nơi Đấng Christ, chứ không phải là phương thức cho sự cứu rỗi. Cần phải nhớ rằng trong bài giảng thứ hai của Phi-e-rơ không có nhắc đến lễ báp-tem nhưng lại có đề cập đến sự ăn năn (xem 3:19; Lu-ca 24:17). Lễ báp-tem là khuôn mẫu được thiết lập bởi Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 3:13-18). Đức Chúa Giê-xu dạy thi hành lễ báp-tem (xem Ma-thi-ơ 28:19). Những nghi vấn trong thời hiện đại về tính cần thiết của lễ báp-tem trong sự cứu rỗi không được đề cập trong Tân Ước; tất cả mọi tín hữu đều trông đợi được làm báp-tem. Tuy nhiên, mỗi người cần phải tránh tin cách máy móc vào thuyết bí tích. Sự cứu rỗi là một vấn đề đức tin, không phải là vấn đề về nơi chốn, câu chữ hay là nghi thức nào cho thích hợp.

▣ **“nhơn danh Đức Chúa Jê-sus”** đây là thành ngữ Do thái (phản ảnh Giô-ên 2:32) đề cập đến thân vị và thánh đức của Đức Chúa Giê-xu. Có thể trong nghi thức lễ báp-tem của Hội thánh ban đầu người nhận thánh lễ lặp lại câu “Tôi tin Đức Chúa Giê-xu là Chúa” (xem Rô-ma 10:9-13). Đây vừa là sự xác nhận thần học vừa là chứng nhận lòng tin cậy cá nhân. Trong Đại Mạng Lệnh ở Ma-thi-ơ 28:19-20, danh xưng Đức Chúa Trời Ba Ngôi là nghi thức của lễ báp-tem. Một lần nữa, chúng ta cần phải tránh tin cách máy móc vào thuyết bí tích. Danh hiệu hay nghi thức không phải là điểm chính yếu, nhưng tấm lòng của người nhận lễ báp-tem mới là quan trọng.

▣

NASB, NJB, NIV **“cho sự tha thứ nhiều tội”**

NKJV **“cho sự tha thứ nhiều tội”**

NRSV **“để tội có thể được tha”**

TEV **“để tội sẽ được tha”**

Nghi vấn thần học đặt ra tại đây là chữ “cho” (*eis*) vận hành như thế nào? Sự tha thứ liên kết với “ăn năn” hay là “được báp-tem”? Sự tha thứ có phụ thuộc vào sự ăn năn và/hoặc là lễ báp-tem không?

Có thể có nhiều cách dùng chữ *eis*. Cách dùng thông thường nhất là “cho mục đích” hay là “với quan điểm”. Đa số các học giả Báp-tít chọn “bởi vì” cho ý nghĩa thần học nhưng nó chỉ là lựa chọn thứ cấp. Thông thường định kiến của chúng ta vận hành ngay cả tại cấp độ phân tích ngữ pháp này. Chúng ta cần phải để cho Kinh thánh được trình bày theo văn mạch, sau đó kiểm chứng lại với những khúc kinh văn tương đương, rồi sau đó mới định hình hệ thống thần học cho riêng chúng ta. Tất cả người giải nghĩa Kinh thánh đều bị chi phối bởi lịch sử, hệ phái và trải nghiệm cá nhân.

Sự tha thứ bởi đức tin trong Đấng Christ là chủ đề lặp lại trong những bài giảng của sách Công-vụ (xem Phi-e-rơ trong 2:38; 3:19; 5:31; 10:43; và Phao-lô trong 13:38).

▣ **“lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ TƯƠNG LAI [FUTURE MIDDLE (deponent) INDICATIVE]. Tặng phẩm của Đức Thánh Linh là (1) sự bảo đảm cho sự cứu rỗi; (2) sự hiện diện ngự bên trong; (3) sự trang bị để phục vụ; và (4) sự tăng trưởng trở nên giống như đấng Christ. Chúng ta cần phải tránh thay đổi các sự kiện hay là thúc đẩy tiến trình của sự cứu rỗi bởi vì trong sách Công-vụ chúng thường là khác nhau. Sách Công-vụ không có ý truyền dạy một công thức hay là tiến trình thần học khuôn mẫu (xem *How To Read the Bible for All Its Worth*, trang 94-112), nhưng chỉ ghi lại những gì đã xảy ra.

Liệu người giải kinh có nên sử dụng khúc kinh văn này để khẳng quyết về trình tự của những hành động cứu rỗi: ăn năn, làm báp-tem, được tha thứ và rồi nhận lãnh Đức Thánh Linh hay không? Quan điểm thần học của tôi đòi hỏi phải có Đức Thánh Linh chủ động từ trước (xem Giăng 6:44,65) và tiếp tục giữ sự chính yếu trong suốt cả tiến trình thuyết phục (xem Giăng 16:8-12), ăn năn (xem 5:31; 11:18; II Ti-mô-thê 2:25), và đức tin. Đức Thánh Linh là điểm chính yếu tối quan trọng từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc (xem Rô-ma 8:9). Chắc chắn Ngài không thể chỉ là yếu tố cuối cùng trong tiến trình.

2:39 “lời hứa thuộc về các người, con cái các người” Đây là một khái niệm có tính tập thể, nhiều thế hệ trong gia đình của Cựu ước (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:5-6 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:9-10; 7:9). Đức tin của con cháu bị ảnh hưởng từ cha mẹ và đó là trách nhiệm của cha mẹ (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:9; 6:6; 20-25; 11:15; 32:46). Sự ảnh hưởng tập thể này cũng có một khía cạnh khủng khiếp theo sự bày tỏ của Ma-thi-ơ 27:25 (“xin huyết người đổ lại trên chúng tôi và con cái chúng tôi”).

Lời hứa của sự ảnh hưởng đức tin từ nhiều thế hệ giúp tôi tin cậy Đức Chúa Trời sẽ sử dụng đức tin của tôi để ảnh hưởng, ban phước và bảo vệ con cháu của tôi. Điều này không loại bỏ trách nhiệm cá nhân, nhưng thêm vào đó yếu tố ảnh hưởng tập thể. Đức tin nơi Đấng Christ và sự hầu việc Chúa trung tín của tôi có tác động đến gia đình của tôi, gia đình của các con tôi và cứ tiếp tục sau đó (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 7:9). Thật là một lời hứa khích lệ và niềm hy vọng an ủi. Đức tin truyền lại qua gia đình.

▣ **“và thuộc về hết thảy mọi người ở xa”** Phi-e-rơ đang nói đến người Do thái. Cụm từ này trong nguyên thủy ám chỉ đến những người Do thái ly hương đã được quay về lại vùng Đất Hứa (xem Ê-sai 57:19). Tuy nhiên, trong một số khúc kinh văn nó dường như cũng đề cập đến những người ngoại bang không nhận biết Đức Giê-hô-va (xem Ê-sai 49:1; Xa-cha-ri 6:15). Tin mừng của phúc âm đó là có một Đức Chúa Trời chân thật (thuyết độc thần) là đấng đã tạo dựng nên cả nhân loại theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng-thế Ký 1:26-27), mong muốn thiết lập mối liên hệ với tất cả mọi người (xem I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Đây là niềm hy vọng của sự hiệp một cả nhân loại trong Đấng Christ. Trong Ngài, không còn phân biệt người Do thái-người ngoại bang, nô lệ-tự do, nam giới-phụ nữ nhưng tất cả là một (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Thời đại mới của Đức Thánh Linh đã đem đến sự hiệp nhất bất ngờ.

▣ **“bao nhiêu người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ gọi”** Đây là dạng CẦU KHẨN TRUNG CẤP (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH [AORIST MIDDLE (deponent) SUBJUNCTIVE]. Lúc ban đầu nó ám chỉ sự tán lạc của Do-Thái-Giáo. Đức Chúa Trời luôn luôn chủ động khởi đầu trong mọi sự, dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE), xem Giăng 6:44,65. Theo Ê-xê-chi-ên 18:32; Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9, chúng ta được biết Đức Chúa Trời kêu gọi mọi người trong mọi thứ bậc cho Ngài. Nhưng họ cần phải đáp ứng, lối CẦU KHẨN (SUBJUNCTIVE MOOD).

Chữ “nhiều” và “tất cả” là cặp song đối Kinh thánh (so sánh “tất cả” trong Ê-sai 53:6 với “nhiều” trong Ê-sai 53:11,12; hay “tất cả” trong Rô-ma 5:18 với “nhiều” trong Rô-ma 5:19). Lòng Đức Chúa Trời hướng về thế gian hư mất đã từng được dựng nên theo hình ảnh của Ngài, cho sự tương giao với chính Ngài.

2:40 “lại lấy nhiều lời giảng nữa” Đây là bằng chứng từ bản văn cho biết những bài giảng được ghi lại trong sách Công-vụ là những bản tóm tắt; cũng giống như lời giảng và dạy của Đức Chúa Giê-xu được ghi lại trong các sách Phúc âm. Chúng ta xác nhận (thừa nhận theo sự giả định) tính xác thực và đặc điểm

được hà hơi của những bản tóm tắt này. Thế giới trong thế kỷ thứ nhất thì lại quen thuộc với việc diễn thuyết và ghi nhớ lời giảng.

▣ **“giục lòng”** Chữ Hy Lạp này (*dia* kết hợp với *marturomai*) rất thông thường với Lu-ca (xem 2:40; 8:25; 10:42; 18:5; 20:21,23,24; 23:11; 28:23; Lu-ca 16:28). Phúc âm có tính khẩn cấp và tuyệt đối không thể lơ là trong việc rao giảng hay tiếp nhận.

▣ **“khuyên lơn chúng”** Con người cần phải đáp ứng với sự ban cho của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (xem Giảng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13). Đây là mâu thuẫn giữa sự Toàn trị của Đức Chúa Trời và ý chỉ tự do của con người (xem Phi-líp 1:12-13).

▣ **NASB, NKJV “được cứu”**
NRSV, TEV, NJB “cứu chính mình”

Dạng biến cách của chữ này là MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE), nhưng các bản dịch NRSV, TEV, và NJB dịch chữ này trong dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE). Đây là sự căng thẳng thần học liên hệ đến sự cứu rỗi. Có phải Đức Chúa Trời làm tất cả mọi sự? hay là người nghe cần phải để cho Đức Chúa Trời thi hành trong đời sống của họ?

Chữ “cứu” trong tiếng Hy Lạp (*sōsō*) phản ánh khái niệm (*yasha*) của người Do thái chỉ sự giải cứu thuộc thể (xem Gia-cơ 5:15,20), trong khi cách sử dụng của Tân Ước thì lại mang ẩn ý của sự giải cứu tâm linh hay là sự cứu rỗi (xem Gia-cơ 1:21; 2:14; 4:12).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn.

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (QUÁ KHỨ)

- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI HIỆN TẠI (HOÀN THÀNH) (PERFECT)

- Ê-phê-sô 2: 5, 8

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIẾN TRÌNH TIẾP DIỄN (HIỆN TẠI)

- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐỈNH ĐIỂM TRONG TƯƠNG LAI (TƯƠNG LAI trong THÌ CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- (Được hàm ý trong Ma-thi-ơ 10:22; 24:13; Mác 13:13)

▣ **“dòng dõi gian tà này”** đây có thể là ám chỉ đến Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:5 và Thi-thiên 78:8. Từ gốc trong Cựu Ước cho các chữ “đúng”, “công chính”, “ngay thẳng”, “công bình” là “cây sậy”. Nó là ẩn dụ từ ngành xây dựng, một cây sậy dùng để đo hay làm thước đo chuẩn mực. Đức Chúa Trời chọn hình bóng này để mô tả bản tính của Ngài. Đức Chúa Trời chính là tiêu chuẩn. Đa số những chữ chỉ tội lỗi

trong tiếng Do thái và Hy Lạp ám chỉ đến sự sai lệch khỏi tiêu chuẩn này (ví dụ cong queo, sai trật). Cả nhân loại đều cần được cứu và phục hồi.

2:41

NASB “tiếp nhận”

NKJV “vui lòng tiếp nhận”

NRSV “chào đón”

TEV “tin cậy”

NJB “tiếp nhận”

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE PARTICIPLE) của chữ *apodechomai*. Louw và Nida, trong *Greek-English Lexicon*, liệt kê ba cách sử dụng chữ này (xem vol. 2, trang 28).

1. chào mừng một người
2. chấp nhận một điều gì đó hay là một ai đó là đúng và đáp ứng cách thích hợp
3. thừa nhận chân lý hay là giá trị của một điều gì đó hay là một ai đó

Lu-ca dùng chữ này thường xuyên (xem Lu-ca 8:40; 9:11; Công-vụ 2:41; 18:27; 24:3; 28:30). Phúc âm như là một con người cần được chào đón, một chân lý để tin cậy và một nếp sống để bắt chước. Cả ba yếu tố này đều quan trọng.

☐ **“chịu phép báp-tem”** Lễ báp-tem không phải là một nghi lễ tôn giáo mà người Do thái trông đợi. Những người nhập đạo Do-Thái-Giáo tự làm báp-tem, nhưng không phải là người Do thái. Đây là sự kiện tôn giáo mới cho những thánh giá này. Đức Chúa Giê-xu đã được báp-tem; Đức Chúa Giê-xu truyền dạy cho chúng ta làm báp-tem, điều này phá bỏ mọi nghi vấn, thắc mắc. Tân Ước không hề có những tín hữu không được làm báp-tem. Đối với tôi nó dường như là sự tách biệt rõ ràng khỏi Do-Thái-Giáo và khởi lập một dân sự mới của Đức Chúa Trời.

☐ **“ba ngàn người”** Đây là một con số được làm tròn, nhưng vẫn là một số lớn. Sứ điệp của Phi-e-rơ đụng đến tâm khảm của những nhân chứng này. Họ sẵn sàng thực hiện sự thay đổi đột ngột bởi đức tin để đáp ứng.

1. Đức Chúa Giê-xu chính là Đấng Mết-si-a
2. Đấng Mết-si-a được định trước phải chịu khổ nạn
3. đức tin trong Ngài là cách thức duy nhất để được tha thứ
4. nhận lễ Báp-tem là điều phải lẽ

Những việc này đòi hỏi phải có quyết định dứt khoát, ngay lập tức, thay đổi cuộc sống (cũng giống như trong ngày hôm nay). Xem chủ đề đặc biệt: *Kerygma* trong 2:14.

2:42 “những người ấy bền lòng” Lu-ca dùng khái niệm này thường xuyên (xem 1:14; 2:42,46; 6:4; 8:13; 10:7). Lưu ý những việc họ làm chung với nhau: (1) dạy dỗ (xem 2:42; 4:2,18; 5:21,25,28,42); (2) thông công; (3) bẻ bánh (chi tiết này có lẽ đề cập đến lễ Tiệc Thánh); và (4) cầu nguyện (xem câu 43-47). Đây là những điều chúng ta cần phải dạy cho những tín hữu mới. Những người mới nhập đạo này khao khát chân lý và sự thông công với cộng đồng tín hữu.

BẢN NASB 2:43-47

⁴³ Mọi người đều kính sợ vì có nhiều sự kỳ phép lạ làm ra bởi các sứ đồ. ⁴⁴ Phàm những người tin Chúa đều hiệp lại với nhau, lấy mọi vật làm của chung. ⁴⁵ Bán hết gia tài điền sản mình mà phân phát cho nhau, tùy sự cần dùng của từng người. ⁴⁶ Ngày nào cũng vậy, đồng lòng đến đền thờ; còn ở nhà, thì bẻ bánh và dùng bữa chung với nhau cách vui vẻ thật thà, ⁴⁷ ngợi khen Đức Chúa Trời và được đẹp lòng cả dân chúng. Mỗi ngày Chúa lấy những kẻ được cứu thêm vào Hội thánh.

2:43 “Mọi người đều kính sợ” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG (biến cách) KHÔNG HOÀN THÀNH [IMPERFECT PASSIVE (deponent) INDICATIVE]. Chúng ta có được chữ “phobia” trong Anh ngữ từ chữ “kinh ngạc” hay “sợ hãi” này. Sự hiện diện và quyền năng của Đức Chúa Trời tạo nên môi trường thánh khiết đến nỗi ngay cả những tội nhân chưa được cứu cũng nhận biết sự linh thiêng.

2:44 “những người tin Chúa” Xem ghi chú trong 3:16.

▣ **“lấy mọi vật làm của chung”** Thí nghiệm ban đầu trong cộng đồng này không thành công (xem 4:32-5:11). Điều này không có phải là một nguyên tắc phổ quát, nhưng chỉ là cố gắng hỗ trợ nâng đỡ nhau của cộng đồng đức tin. Đây là một ví dụ tiêu biểu rằng không phải tất cả mọi điều ghi lại trong Kinh thánh là để áp dụng chung cho tất cả. Những tín hữu ban đầu này có tình thương quảng đại dành cho người khác. Phải chỉ chúng ta được tiếp nhận một lần nữa tình thương, sự hiện diện và quyền năng của Đức Chúa Trời ở giữa chúng ta giống như tại đây (xem Giảng 17:11,21,22,23).

2:46 “đồng lòng” Hội thánh ban đầu có đặc tính hiệp một trong mục tiêu (xem 1:14; 2:46; 4:24; 5:12). Điều này không có nghĩa là họ đồng ý trong tất cả mọi sự, nhưng tấm lòng và tâm trí họ gắn kết với nhau cho những ưu tiên của nước Trời thay vì là những lựa chọn, chương trình cá nhân.

▣ **“đền đền thờ”** Có lẽ họ họp nhau tại “hiên cửa Sa-lô-môn” (xem 3:11; 5:12). Đức Chúa Giê-xu đã dạy dỗ tại đây (xem Giảng 10:23). Hiên cửa hay là cổng vòm Sa-lô-môn là hàng cột có mái che dọc theo phía đông của khu vực sân bên ngoài dành cho người ngoại bang của đền thờ Hê-rôt (xem *Antiq.* 15:11:3 của Giô-se-phút). Các tu sĩ, học giả Do thái giảng dạy tại đây, dân chúng thường tập hợp lại để nghe. Lưu ý Hội thánh ban đầu tham dự trong đền thờ và có thể là cả tại những nhà hội địa phương cho đến khi các tu sĩ Do-Thái-Giáo thiết lập nghi thức nguyên rửa (vào khoảng năm 70 sau Chúa) buộc thành viên nhà hội rửa sả Đức Chúa Giê-xu. Việc này tạo nên sự tách rời giữa Hội thánh và Do-Thái-Giáo. Những tín hữu ban đầu tiếp tục giữa sự thờ phượng hằng tuần, nhưng họp lại vào ngày Chúa nhật để kỷ niệm sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu.

▣ **“còn ở nhà, thì bê bánh”** Nếu chữ “bê bánh” là một thuật ngữ chỉ về lễ Tiệc Thánh (xem Lu-ca 22:19 và đặc biệt là trong bối cảnh của những bữa ăn bày tỏ tình thương [I Cô-rinh-tô 11:17-22; II Phi-e-rơ 2:13-14; Giu-đe câu 12] trong Hội thánh ban đầu, ví dụ Công-vụ 20:7), thì tại đây đề cập đến tiệc thánh được tổ chức hằng ngày tại tư gia (nhưng cũng cần phải thừa nhận rằng cụm từ này cũng được dùng cho bữa ăn thông thường trong Lu-ca 24:30,35). Cần phải cẩn trọng với truyền thống giáo lý của từng hệ phái về các yếu tố khi nào, nơi đâu, tần suất và dạng thức của lễ Tiệc Thánh.

2:47

NASB “lòng vui mừng và chân thật”
NKJV “lòng vui mừng và đơn sơ”
NRSV “lòng vui mừng và rộng rãi”
TEV “lòng vui mừng và khiêm nhường”
NJB “vui mừng và rộng rãi”

Sự đa dạng trong việc dịch chữ thứ hai bày tỏ mức độ khó khăn khi dịch chữ *aphelotēs*. Theo nghĩa đen, nó có nghĩa là trơn láng hay là rõ ràng, nhưng nó lại được dùng trong ý ẩn dụ theo các nghĩa “đơn giản”, “chân thật” hay là “khiêm nhường” (Louw và Nida). Xem chủ đề đặc biệt: Tấm lòng trong 1:24.

▣

NASB, NKJV “được lòng của dân chúng”
NRSV “được thiện cảm của dân chúng”
TEV “nhận thiện cảm của dân chúng”
NJB “được dân chúng kính nể”

Cụm từ này ám chỉ thái độ dân chúng tại thành Giê-ru-sa-lem tiếp nhận các Cơ-Đốc Nhân lúc ban đầu. Mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội đều có thiện cảm với những tín hữu đầu tiên. Các Cơ-Đốc Nhân không phải là mối đe dọa cho sự an ổn hay là cấp thẩm quyền La mã (đây là một chủ đích của sách Công-vụ). Trong giai đoạn ban đầu của Hội thánh, không có sự tách rời khỏi Do-Thái-Giáo.

▣ **“Mỗi ngày Chúa lấy những kẻ được cứu thêm vào”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Kinh thánh nhấn mạnh đến thẩm quyền cai trị của Đức Chúa Trời. Không điều gì xảy ra ngoài ý muốn của Ngài. Không điều chi khiến Ngài ngạc nhiên. Tuy nhiên, cách quả quyết thuyết độc thần này của Cựu Ước (quan hệ nhân quả) đã bị hiểu lầm. Tôi muốn bỏ tước hai phần chủ đề đặc biệt một về nhu cầu cần phải giữ sự cân bằng, một về giao ước. Tôi hy vọng giúp làm sáng tỏ vấn đề chứ không phải thêm sự tranh cãi.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời “vâng” của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiên định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý (Một Đức Chúa Trời cách biệt và một Đức Chúa Trời gần gũi, ví dụ sự cứu rỗi chắc chắn và sự trung kiên; Chúa Jê-sus ngang bằng với Đức Chúa Cha và Chúa Jê-sus chịu phục Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ đốc nhân và trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với người bạn theo giao ước... vẫn vẫn...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Chữ *berith*, giao ước, trong tiếng Hê-bơ-rơ, không phải dễ định nghĩa. Không có một ĐỘNG TỪ tương ứng trong tiếng Hê-bơ-rơ. Toàn bộ các nỗ lực nhằm truy tìm định nghĩa bằng từ nguyên của nó đều không mấy thuyết phục. Tuy nhiên, trọng tâm hiển nhiên của nó đã buộc các học giả phải xem xét cách sử dụng chữ này để cố gắng tìm ra ý nghĩa hiện có của nó.

Giao ước là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời làm việc với tạo vật của Ngài là con người. Khái niệm giao ước, hiệp ước, hay sự thỏa thuận rất quan trọng để giúp hiểu được mặc khải của Kinh thánh. Tính căng thẳng giữa sự chủ tể của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người được thấy rõ ràng trong khái niệm giao ước. Các giao ước được lập dựa trên bản tính, hành động và mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Chính tạo vật (Sáng-thế-ký 1-2)
2. Sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12)
3. Giao ước với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15)
4. Sự bảo Tòan và lời hứa đối với Nô-ê (Sáng-thế-ký 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước đòi hỏi một sự đáp ứng

1. Bằng đức tin, A-đam phải vâng lời Đức Chúa Trời không ăn cây ở giữa vườn Ê-đen (Sáng-thế-ký 2)
2. Bởi đức tin, Áp-ra-ham phải lìa gia đình theo Chúa và tin vào một hậu tự trong tương lai (Sáng-thế-ký 12, 15)
3. Bởi đức tin, Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn cách xa biển và tụ tập thú vật lại (Sáng-thế-ký 6-9)
4. Bởi đức tin, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô và nhận lãnh những chỉ thị cụ thể về cách tổ chức cuộc sống xã hội và tôn giáo với lời hứa lãnh và dữ cập theo (Phục truyền 27-28)

Cũng sự căng thẳng này trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người được đề cập đến trong “giao ước mới.” Sự gay gắt này được thấy rõ ràng khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Giao ước dựa vào hành động yêu thương của Đức Chúa Trời hay dựa vào sự đáp ứng bắt buộc từ con người? Đây là vấn đề gay gắt giữa Giao ước cũ và mới. Mục tiêu của cả hai giao ước này đều giống nhau: (1) phục hồi lại môi trường bị cắt đứt trong Sáng-thế-ký 3 và (2) thiết lập một dân tộc công bình phản ánh bản tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 giải quyết tình trạng căng thẳng này bằng cách cất đi việc làm của con người như một phương tiện để được chấp nhận. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở thành một sự mong muốn từ bên trong chứ không phải là công việc làm bên ngoài. Mục tiêu của một dân tin kính, công bình vẫn giữ nguyên, nhưng phương pháp thì thay đổi. Con người sa ngã đã tự chứng minh họ không đủ tốt để phản ánh ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:9-18). Vấn đề không phải ở tại giao ước, nhưng tại tội lỗi và sự yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Cũng tình trạng căng thẳng này giữa giao ước có điều kiện và không điều kiện của Cựu ước vẫn giữ nguyên trong Tân ước. Sự cứu rỗi là hoàn Tòan miễn phí bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Jê-sus Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (lúc ban đầu và tiếp tục sau đó). Nó vừa là sự tuyên bố theo luật pháp vừa là một sự kêu gọi sống giống với Đấng Christ, vừa là lời tuyên bố chỉ định sự chấp nhận, vừa là mạng lệnh phải sống thánh khiết! Người tin Chúa không được cứu bởi công việc, nhưng được cứu để sống vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Lối sống thánh khiết là bằng chứng của sự cứu rỗi, chứ không phải là phương tiện để được cứu.



NASB, NRSV “tăng thêm số”
NKJV “thêm vào Hội thánh”
TEV “thêm vào nhóm”
NJB “thêm vào cộng đồng”

Cụm từ *epi to auto* được sử dụng trong tiếng Hy Lạp Cổ Điển và tiếng Hy Lạp Koine (bản Kinh thánh Septuagint và trong Công-vụ 1:15; 2:1,47; I Cô-rinh-tô 11:20; 14:23), có nghĩa là “hợp lại với nhau”. Tại đây trong Tân Ước nó đề cập đến buổi họp mặt trong Hội thánh. Do đó, nó có nghĩa là Đức Chúa Trời thêm người vào những buổi nhóm họp của Hội thánh mỗi ngày.

▣ **“những kẻ được cứu”** Cụm từ “Chúa (Đức Chúa Trời hay Đấng Christ) thêm vào” ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE), nhưng cụm từ này lại là ĐỘNG TÍNH TỬ THỤ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE PARTICIPLE). Yếu tố dứt khoát trong THỂ THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) chính là Chúa. Chữ “được cứu” ám chỉ ở trong một tiến trình. Sự cứu rỗi khởi đầu với niềm tin/đức tin/sự tin cậy hằng ngày. Sự cứu rỗi là mối liên hệ được khởi đầu bởi Đức Chúa Trời/Đức Thánh Linh (xem Giăng 6:44,65), nhưng nó phải là một kinh nghiệm tiếp diễn. Nó không phải là một vé lên thiên đàng hay là một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; nó là mối liên hệ đức tin tăng trưởng mỗi ngày. Xem chủ đề đặc biệt: Các thì của động từ Hy Lạp dùng cho sự cứu rỗi trong 2:40.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Lập dàn ý bài giảng của Phi-e-rơ
2. Chủ đích của lễ Ngũ tuần là gì?
3. Lời tiên tri của Giô-ên liên hệ như thế nào đến bối cảnh tại đây?
4. Mô tả cách sử dụng những khúc Kinh thánh Cựu ước của Phi-e-rơ.

CÔNG VỤ ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Người bại tại cửa Đền thờ được chữa lành	Một người bại được chữa lành	Sự chữa lành tại Cửa Đẹp	Người ăn xin bại liệt được chữa lành	Sự chữa lành người bại
3:1-10	3:1-10	3:1-10	3:1-10	3:1-10
Bài giảng của Phi-e-rơ tại hiên cửa Sa-lô-môn	Bài giảng tại hiên cửa Sa-lô-môn	Bài giảng của Phi-e-rơ	Sứ điệp của Phi-e-rơ trong Đền thờ	Phi-e-rơ giảng cho dân chúng
3:11-26	3:11-26	3:11-16 3:17-26	3:11-16 3:17-26	3:11-16 3:17-24 3:25-26

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

Trong chương 3-5, có sự căng thẳng tại Giê-ru-sa-lem về sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu những phép lạ mà các Sứ-đồ thi hành. Khoảng thời gian cho năm chương đầu tiên này là chừng một năm.

- A. Phi-e-rơ và Giảng chữa lành người bại, 3:1-4:31 (một ví dụ cho Công-vụ 2:43)
 1. sự chữa lành
 2. bài giảng thứ hai của Phi-e-rơ giải thích sự chữa lành
 3. phản ứng và việc xét xử (bài giảng thứ ba của Phi-e-rơ trước Tòa công luận)
 4. sự bắt bớ bắt đầu
- B. Mục toan tác động đến đời sống cộng đồng, Công-vụ 4:32-5:11
 1. sự hiệp một của những tín hữu ban đầu
 2. nan đề do A-na-nia và Sa-phi-ra gây ra
- C. Mối liên hệ của Hội thánh ban đầu với giới tu sĩ Do-Thái-Giáo, 5:12-42

1. sinh hoạt trong Hội thánh
2. sự ghen tức của Tòa công luận
3. sự giải cứu của thiên sứ
4. bài giảng thứ tư của Phi-e-rơ
5. phản ứng và sự trừng phạt

CÁC DANH HIỆU CỦA ĐỨC CHÚA GIÊ-XU TRONG CHƯƠNG 3-4

- A. Giê-xu người Na-xa-rét, 3:6; 4:10
- B. Giê-xu Đầy tớ Đức Chúa Trời, 3:13,26; 4:27
- C. Đấng Thánh và Công Chính, 3:14
- D. Hoàng Tử của Sự Sống, 3:15
- E. Đấng Christ, 3:18,20; 4:10
- F. Tiên tri, 3:22
- G. Ám chỉ đến danh hiệu “dòng dõi của Áp-ra-ham,” 3:25-26
- H. Viên đá góc, 4:11

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 3:1-10

¹ Buổi cầu nguyện giờ thứ chín, Phi-e-rơ với Giăng cùng lên đền thờ. ² Và, có một người què từ lúc sanh ra, cứ hằng ngày người ta đem đặt tại cửa đền, gọi là Cửa Đẹp, dựng ăn mày những người vào đền. ³ Người thấy Phi-e-rơ và Giăng vào, thì xin hai người bố thí. ⁴ Phi-e-rơ với Giăng ngó chăm người, rồi nói rằng: Hãy nhìn xem chúng ta. ⁵ Vậy, người bèn nhìn chăm chăm hai người, tưởng sẽ được chút gì. ⁶ Nhưng Phi-e-rơ nói với người rằng: Ta chẳng có vàng bạc chi hết, song điều ta có thì ta cho người: hơn danh Đức Chúa Jê-sus Christ ở Na-xa-rét, hãy bước đi! ⁷ Phi-e-rơ nắm tay hữu người đỡ dậy. Tức thì bàn chơn và mắt cá người trở nên cứng vững; ⁸ người liền nhảy, đứng lên và bước đi cùng hai người vào đền thờ, vừa đi vừa nhảy, vừa ngợi khen Đức Chúa Trời. ⁹ Cả dân chúng đều thấy người bước đi và ngợi khen Đức Chúa Trời. ¹⁰ Người ta nhận là chính người đó đã ngồi tại Cửa Đẹp đền thờ dựng xin bố thí; nên đều bỏ nghề và sống sờ về việc đã xảy đến cho người.

3:1 “Phi-e-rơ với Giăng cùng lên đền thờ” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Thói quen của tất cả những môn đồ đầu tiên là đi đến Đền thờ mỗi ngày (xem Lu-ca 24:53; Công-vụ 2:46). Những người theo Đức Chúa Giê-xu từ lúc đầu tiên trong xứ Pa-léc-tin thờ phượng (1) trong Đền thờ (nếu không mỗi ngày thì ít nhất cũng trong những ngày đặc biệt); (2) trong nhà hội địa phương (mỗi ngày Sa-bát); và (3) với những tín hữu trong ngày Chúa nhật. Đây là khuôn mẫu trong một thời gian dài. Những tín hữu này không nhận thức sự khác biệt giữa đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu như là Đấng Mết-si-a Được Hứa và Do-Thái-Giáo. Họ xem chính mình là “dân sự hay là hội chúng của Y-sơ-ra-ên”. Đây là lý do tại sao họ chọn tên gọi *ekklesia* cho tập thể của mình. Trong bản Septuagint, đây là cách dịch cụm từ giao ước trong tiếng Do thái “hội chúng (*qahal*) của Y-sơ-ra-ên”.

Người Do thái có phản ứng chính thức sau sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem thiết lập khuôn mẫu lời nguyện chối bỏ Đức Chúa Giê-xu không phải là Đấng Mết-si-a, giới hạn quyền thành viên tại các nhà hội địa phương. Đến lúc này thì Hội thánh mới cố định sự thờ phượng vào ngày Chúa nhật (ghi nhớ ngày Đức Chúa Giê-xu phục sinh và ngày mà Đức Chúa Giê-xu hiện ra ba lần cho các môn đồ trên phòng cao).

Giăng thường xuyên được nhận dạng cùng với Phi-e-rơ trong Công-vụ (xem 1:13; 3:1,3,4,11; 4:13,19; 8:14). Gần như chắc chắn rằng trong Hội thánh ban đầu tại Giê-ru-sa-lem có nhiều nhóm lãnh đạo đại diện cho những quan điểm và sự nhấn mạnh khác nhau của phúc âm. Có lẽ Phi-e-rơ và Giăng cởi mở hơn với sự truyền giảng cho người ngoại (xem câu 8,10), trong khi Gia-cơ (em của Đức Chúa Giê-xu) đại diện cho nhóm người Do thái bảo thủ. Tất cả những điều này thay đổi sau Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15.

▣ **“Buổi cầu nguyện giờ thứ chín”** Chi tiết này ám chỉ chín giờ sau khi mặt trời mọc. Người Do thái, đặc biệt là những người Pha-ri-si có truyền thống cầu nguyện mỗi ngày vào lúc 9 giờ sáng, 12 giờ trưa và 3 giờ chiều (có thể là dựa vào Thi-thiên 55:17). Khúc kinh văn này đề cập đến thời điểm dâng của lễ buổi chiều (của lễ buổi sáng dâng lúc 9 giờ sáng). Có lẽ có nhiều người tại đền thờ vào lúc này (xem 10:30).

3:2 “một người què từ lúc sanh ra” Mọi người thường xuyên đến Đền thờ đều biết tình trạng của người này [(cụm từ “hằng ngày đem đặt” ở trong dạng THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE)]; do đó, không thể nào có mưu đồ can dự vào sự chữa lành này (xem 3:10; 4:22). Đây là sự làm trọn lời tiên tri về Đấng Mết-si-a trong Cựu Ước (xem Ê-sai 35:6). Người Do thái muốn dấu hiệu; Đức Chúa Giê-xu đã ban cho họ nhiều dấu hiệu, phải chi họ có “mắt” để thấy.

Tại đây người bại hằng ngày ngồi tại nhà của Đức Chúa Trời trở thành nghịch lý gây sốc. Thậm chí có những sự ngăn cấm những người này dự phần trong sự thờ phượng (cấm hầu việc trong chức vụ thầy tế lễ, xem Lê-vi Ký 21:16-24). Phúc âm mang đến thời kỳ mới, ngay cả vị quan thái giám (bị giới hạn về tình trạng thân thể) người Ê-thi-ô-pi (bị giới hạn về chủng tộc) cũng được chào đón trong vương quốc mới (xem 8:26-40).

▣ **“Cửa Đẹp”** không rõ địa điểm chính xác của cổng này. Nó có thể là Cổng Nicanor được làm bằng đồng của thành Cô-rinh-tô (theo Giô-se-phút, *Antiq.* 15.11.3; *Wars* 5.5.3). Nó dẫn từ Sân Người ngoại đến Sân Phụ nữ ở phía đông của Đền thờ, đối diện với Núi Ô-li-vê, gần Hiên cửa Sa-lô-môn.

▣ **“đặng ăn mày những người vào đền”** Sự bố thí, giúp đỡ người nghèo là một yêu cầu theo đức tin Do-Thái-Giáo (xem Ma-thi-ơ 6:1-4; Lu-ca 11:41; 12:33; Công-vụ 10:2,4,31; 24:17). Thông thường, tiền quyên góp hằng tuần trong các nhà hội địa phương được dùng để mua thức ăn để phân phát, nhưng dường như vẫn có một số người ăn xin hằng ngày trong khu vực Đền thờ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỐ THÍ

I. Từ ngữ

- A. Chữ này phát triển trong vòng Do-Thái-Giáo (thời kỳ bản dịch Septuagint).
- B. Nó ám chỉ đến sự ban phát cho người nghèo hay người thiếu thốn.
- C. Chữ “almsgiving” trong Anh ngữ xuất phát từ dạng rút gọn của chữ Hy Lạp *eleēmosunē*.

II. Khái niệm trong Cựu Ước

- A. Khái niệm giúp đỡ người nghèo được trình bày rất sớm trong Torah (những tác phẩm của Môi-se, Sáng-thể Ký đến Phục-truyền Luật-lệ Ký).
 1. bối cảnh thông thường trình bày trong, Phục-truyền Luật-lệ Ký 15:7-11
 2. “mót lúa”, để lại một phần của mùa vụ khi thu hoạch cho người nghèo, Lê-vi Ký 19:9; 23:22; Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:20
 3. “năm Sa-bát” cho phép người nghèo thu lượm những sản vật trong năm thứ bảy, năm để hoang đất ruộng, Xuất Ê-díp-tô Ký 23:10-11; Lê-vi Ký 25:2-7.
- B. Khái niệm được thiết lập trong những sách khôn ngoan (những ví dụ tuyển chọn)
 1. Gióp 5:8-16; 29:12-17 (người ác được mô tả trong 24:1-12)
 2. Thi-thiên 11:7
 3. Châm-ngôn 11:4; 14:21,31; 16:6; 21:3,13

III. Sự phát triển của khái niệm này trong Do-Thái-Giáo

- A. Phần đầu tiên của Mishnah đề cập đến cách đối đãi với người nghèo, thiếu thốn và những người Lê-vi tại địa phương.
- B. Những trích dẫn chọn lọc
1. “như nước dập tắt ngọn lửa hung, sự bố thí chuộc lại tội lỗi” (sách Ecclesiasticus (còn được biết đến bởi tên gọi Sự khôn ngoan của Ben Sirach 3:30, NRSV)
 2. “đồn chứa sự bố thí trong kho tàng người và nó sẽ cứu người khỏi mọi tai vạ” (Ecclesiasticus 29:12, NRSV)
 3. “còn về những người hành xử theo lẽ thật sẽ được sung túc trong mọi việc làm. Còn những ai làm sự công bình^b 7bố thí từ gia sản mình và giữ mắt mình khỏi tiếc rẻ những của bố thí. Đùng ngoảnh mặt người khỏi kẻ nghèo, thì Đức Chúa Trời sẽ không ngoảnh mặt Ngài khỏi người. 8Nếu người có nhiều tài sản, hãy bố thí nhiều, nếu ít đùng ngần ngại ban phát số ít người có. 9Nếu làm như vậy người sẽ để dành sản của báu tốt cho mình trong ngày cần dùng. 10Vì sự bố thí cứu khỏi cái chết và giữ người khỏi bước vào sự tối tăm. 11Quả thật, tất cả những ai làm sự bố thí đã dâng của dâng tốt đẹp trong sự hiện diện của Đấng Tối Cao”. (Tobit 4:6-11, NRSV)
 4. “8Cầu nguyện và kiêng ăn^d thì tốt, nhưng bố thí với sự công bình thì hơn cả hai. Một ít của cải cho sự công bình thì tốt hơn là sự giàu có với việc làm sai bậy^e. Bố thí thì tốt hơn là đồn chứa vàng ròng. 9Bởi vì sự bố thí cứu khỏi cái chết và làm sạch mọi tội lỗi. Những ai bố thí sẽ hưởng cuộc sống đầy trọn”. (Tobit 12:8-9, NRSV)
- C. Trong sự trích dẫn cuối cùng từ Tobit 12:8-9 trình bày sự phát triển của nan đề. Việc làm/công đức của con người được xem như phương cách cho sự tha thứ và sung túc. Khái niệm này phát triển thêm trong bản Septuagint, khi mà chữ Hy Lạp chỉ sự bố thí (*eleēmosunē*) trở thành từ đồng nghĩa với sự công bình (*dikaïosunē*). Hai chữ này có thể dùng thay thế cho nhau khi dịch chữ Do thái *hesed* (sự thành tín và tình thương theo giao ước của Đức Chúa Trời, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:25; 24:13; Ê-sai 1:27; 28:17; 59:16; Đa-ni-ên 4:27).
- D. Việc làm nhân từ của con người trở thành mục tiêu để đạt đến sự xung túc trong đời này và sự cứu rỗi khỏi cái chết. Chính việc làm này, thay vì là động cơ phía sau hành động trở thành điểm nhấn mạnh thần học. Đức Chúa Trời xem xét trong tâm lòng rồi sau đó phán xét việc làm. Đây chính là sự giảng dạy của các tu sĩ Do-Thái-Giáo, nhưng vì một lý do gì đó nó bị lược bỏ trong việc tìm sự tự xưng công bình cho mỗi cá nhân (xem Mi-chê 6:8).

IV. Phản ứng từ Tân Ước

- A. Chữ này được tìm thấy trong
1. Ma-thi-ơ 6:1-4
 2. Lu-ca 11:41; 12:33
 3. Công-vụ 3:2-3,10; 10:2,4,31; 24:17
- B. Đức Chúa Giê-xu đề cập đến cách hiểu truyền thống của Do-Thái-Giáo về sự công bình (xem II Clement 16:4) trong bài giảng trên núi của Ngài (xem Ma-thi-ơ 5-7) đề cập đến
1. bố thí
 2. kiêng ăn
 3. cầu nguyện
- Một số người Do thái tin cậy vào việc làm của họ. Những việc làm này được xem như là sự bày tỏ ra lòng yêu mến Đức Chúa Trời, Lời Ngài cùng với những anh chị em trong giao ước, chứ không phải lợi ích và sự công bình cá nhân. Khiêm nhường và kín đáo là những chỉ dẫn cho những việc làm thích hợp. Tâm lòng là quan trọng. Tâm lòng con người thì gian ác. Đức Chúa Trời cần phải thay đổi tâm lòng con người, ban cho con người tâm lòng mới mô phỏng chính Ngài.

3:3 Động cơ ban đầu của người đàn ông này chỉ vì tiền bạc (xem câu 5).

3:4 “ngó chăm người” xem chú thích trong câu 1:10.

▣ **“Hãy nhìn xem chúng ta”** Các Sứ-đồ muốn ông tập trung hoàn toàn (chữ *blepō* ở dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE)).

3:5 Các Sứ-đồ không phải là những người giàu có tiền bạc, nhưng họ có những tài nguyên tâm linh từ Đức Chúa Trời (xem câu 6).

3:6 “nhơn danh Đức Chúa Jêsus Christ” “danh” là một thành ngữ Do thái nói về đặc tính của một người (xem Lu-ca 9:48,49; 10:17; 21:12,17; 24:47). Điều này chắc hẳn phải khiến người đàn ông này kinh ngạc. Đức Chúa Giê-xu là một tội nhân vừa mới bị lên án và đóng đinh, mà giờ đây người lạ mặt này (Phi-e-ơ) đang xưng là “Đấng Mết-si-a” (“Đấng Christ” là cách dịch chữ Hy Lạp).

▣ **“Na-xa-rét”** Xem chủ đề đặc biệt trong 2:22.

▣ **“bước đi”** đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Phi-e-ơ và Giăng, giống như Đức Chúa Giê-xu, dùng những cơ hội gặp mặt để bày tỏ tình thương và quyền năng của Đức Chúa Trời đồng thời xác nhận sứ điệp phúc âm (xem câu 9). Sự chữa lành này thu hút sự chú ý của những người Do thái đi thờ phượng (xem câu 12ff).

3:7 đây là tường trình của nhân chứng trong nhiều chi tiết. Một ai đó đã hiện diện chứng kiến và kể lại cho Lu-ca về sự kiện này với những chi tiết rõ ràng, cụ thể.

▣ **“Tức thì”** đây là chữ Hy Lạp *parachrēma*. Lu-ca sử dụng chữ này mười lần trong sách phúc âm của ông và sáu lần trong sách Công-vụ (xem 3:7; 5:10; 12:23; 13:11; 16:26,33). Nó chỉ được sử dụng hai lần trong sách Ma-thi-ơ. Trong bản Septuagint, chữ này được sử dụng một vài lần. Lu-ca dùng những thành ngữ và chữ từ bản dịch tiếng Hy Lạp của Kinh thánh Cựu Ước tiếng Do thái thường xuyên. Ông chắc hẳn phải biết rõ Cựu Ước, có thể từ mối liên lạc với Sứ đồ Phao-lô hay bởi cộng tác trong giáo lý Cơ-Đốc-Giáo thuộc lòng cho những tân tín hữu.

3:8 “người liền nhảy” đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE) (xem câu 9). Người đàn ông này đã bắt đầu bước đi vòng quanh khu vực này của Đền thờ. Quả thật là một cơ hội tốt để chia sẻ Tin Mừng.

3:10 Họ đã biết người đàn ông này (dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH [IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE]), họ bắt đầu nhận ra ông. Ông không phải là người lạ hay là khách vắng lai. Họ đã thấy ông ngày này qua ngày khác ngồi tại cửa đền thờ khi họ đi qua. Tuy nhiên, những sứ giả của Đức Chúa Giê-xu không chỉ đi qua, nhưng họ đã hành động trong quyền năng giống như tại lễ Ngũ Tuần.

▣ **“nên đều”** Lu-ca sử dụng chữ này thường xuyên. Nhân loại có bị “làm đầy” với nhiều thứ:

1. giận dữ, Lu-ca 4:28; 6:11

2. sợ hãi, Lu-ca 5:26

3. ghen tức, Công-vụ 5:17; 13:45

4. bối rối, Công-vụ 19:29

5. kinh ngạc và thắc mắc, Công-vụ 3:10

6. Đức Thánh Linh, Lu-ca 1:15,41,67; Công-vụ 2:4; 4:8,31; 9:17; 13:9

Phi-e-ơ và Giăng muốn những người đang kinh ngạc này (ông đã thu hút sự chú ý của họ) được đầy đầy bởi phúc âm.

☐ **“bỡ ngỡ và sững sờ”** những chữ/thái độ này cũng thông thường trong những tác phẩm của Lu-ca.

1. bỡ ngỡ, là chữ *thambos*, Lu-ca 3:6; 5:9; Công-vụ 3:10 và chữ *ekthambos* in 3:11

2. sững sờ

a. *ekstasis*, Lu-ca 5:26; Công-vụ 3:10; 10:10; 11:5; 22:17

b. *existēmi*, Lu-ca 2:47; 8:56; 24:22; Công-vụ 2:7,12; 8:9,11; 9:21; 10:45; 12:16

Tình thương và những việc làm của Đức Chúa Trời luôn luôn tạo ra sự kinh ngạc (những chữ Hy Lạp này được sử dụng trong bản Septuagint chỉ sự sợ hãi và kính sợ Đức Chúa Trời, xem Sáng-thể Ký 15:12; Xuất Ê-díp-tô Ký 23:27; Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:28).

BẢN NASB 3:11-16

¹¹ Người ấy đang cầm tay Phi-e-rơ và Giảng, thì cả dân chúng lấy làm lạ, chạy đến cùng các người đó ở nơi hiên cửa gọi là Sa-lô-môn. ¹² Phi-e-rơ thấy vậy, bèn nói với dân chúng rằng: Hỡi người Y-sơ-ra-ên, sao các người lấy làm lạ về việc vừa xảy đến? Sao các người ngó sững chúng ta, dường như chúng ta đã nhờ quyền phép hay là nhờ đức riêng của mình mà khiến người này đi được vậy? ¹³ Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cóp, Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã làm vinh hiển đầy tớ Ngài là Đức Chúa Jê-sus, là Đấng mà các người đã bắt nộp và chối bỏ trước mặt Phi-lát, trong khi người có ý tha Ngài ra. ¹⁴ Các người đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công bình mà xin tha một kẻ giết người cho mình; ¹⁵ các người đã giết Chúa của sự sống, mà Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại, và chúng ta là người làm chứng về điều đó. ¹⁶ Ấy là bởi đức tin trong danh Ngài, nên danh Ngài làm cho vững người này là người các người thấy và biết; nghĩa là đức tin bởi Ngài mà ra, đã ban cho người này sự mạnh khỏe trọn vẹn, tại trước mặt hết thầy các người.

3:11 “đang cầm tay Phi-e-rơ” đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE). Tôi tưởng tượng rằng ông ta nắm lấy Phi-e-rơ giống như Ma-ri-ôm, giữ Đức Chúa Giê-xu trong buổi sáng Phục sinh (xem Giảng 20:16-17).

☐ **“nơi hiên cửa gọi là Sa-lô-môn”** đây là khu vực có mái che kéo dài ở phía đông của Sân dành cho người ngoại bang (xem *Antiq.* 20.9.7 của Giô-se-phút). Mái vòm được đỡ bằng nhiều hàng cột. Nó được đặt tên này bởi vì nằm gần vị trí của nền đền thờ Sa-lô-môn. Đức Chúa Giê-xu đã giảng dạy tại đây thường xuyên (xem Giảng 10:23).

3:12 “Phi-e-rơ thấy vậy” Họ thấy sự kinh ngạc và tò mò của đám đông và tận dụng cơ hội để chia xẻ phúc âm (bài giảng thứ hai của Hội thánh).

☐ **“Hỡi người Y-sơ-ra-ên”** Phi-e-rơ đã gọi họ bằng cách này trong 2:22. Phi-e-rơ vẫn đang giảng cho người Do thái.

☐ **“tại sao...tại sao”** Phi-e-rơ hỏi họ tại sao ngạc nhiên bởi sự chữa lành kỳ diệu. Đức Chúa Giê-xu không có làm những phép lạ kỳ diệu giống như vậy trong tuần lễ cuối cùng của Ngài sao?

Cũng vậy, tại sao họ nhìn Phi-e-rơ và Giảng vô cùng kinh ngạc, như là chính họ đã làm phép lạ? Đây là dấu chỉ về sự đáng tin của phúc âm và quyền năng trong danh của Đấng Mết-si-a phục sinh.

Đức Thánh Linh đã thi hành phép lạ này vì nhiều lý do.

1. xác nhận quyền lãnh đạo của Phi-e-rơ và Giảng
2. cứu giúp người có nhu cầu
3. làm chứng cho những người Do thái tại Đền thờ

3:13 “Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp” chi tiết này chứng tỏ chức vụ và phúc âm của Đức Chúa Giê-xu liên hệ vô cùng chặt chẽ với Giao ước của Đức Chúa Trời và dân sự Ngài trong Cựu Ước (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:6,15; Lu-ca 20:37).

Cơ-Độc-Giáo phải được mô tả như một hình thức khai triển hay phát triển từ Do-Thái-Giáo. Những người Do thái hiện đại sẽ coi điều này như sự xuyên tạc, nhưng các tác giả Tân Ước xem nó như sự làm trọn. Những người tin theo Đức Chúa Giê-xu là những bông trái được hứa theo “giao ước mới” của Giê-rê-mi 31:31-34. Y-sơ-ra-ên đã không hoàn tất sứ mạng trở thành vương quốc của các thầy tế lễ cho thế gian (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Hội thánh đã được ban cho mạng lệnh này (xem Ma-thi-ơ 28:18-20). Mục đích của Đức Chúa Trời là sự phục hồi hình ảnh của Ngài trong nhân loại, từ đó mục đích thông công có từ lúc sáng thế của Ngài được hoàn tất. Nếu chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất (thuyết độc thần), thì không thể chỉ có một chủng tộc đặc biệt, nhưng có những đầy tớ hầu việc Đức Chúa Trời trong những mục đích phổ quát cho cả nhân loại.

▣ **“đã làm vinh hiển”** chữ này có thể được hiểu theo nhiều cách.

1. bối cảnh hiện tại: sự chữa lành cho người bại này trong Danh Đức Chúa Trời
2. bối cảnh rộng hơn trong bài giảng của Phi-e-rơ: Đức Chúa Giê-xu bị đóng đinh và bởi đó được vinh hiển
3. bối cảnh Cựu Ước: Đức Chúa Giê-xu như là Đấng Mết-si-a hiện đến
4. trong Phúc âm Giảng: chữ này luôn luôn được Đức Chúa Giê-xu sử dụng để chỉ sự đóng đinh của Ngài (xem 7:39; 12:10,23; 13:31-32; 16:14; 17:1).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân (“sức nặng”). Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

▣ **“đầy tớ Ngài”** Chữ “người đầy tớ” (*pais* trong bản dịch LXX) là một danh hiệu tôn kính trong Cựu ước dùng cho Gia-cốp, Môi-se, Giô-suê, và Đa-vít (xem Thi-thiên 105; Lu-ca 1:69). Chữ này được dùng trong những Bài ca Người Đầy tớ trong Ê-sai (42:1-5; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12) để chỉ (1) đất nước Y-sơ-ra-ên (xem 41:8-9; 42:19; 43:10; 44:1,21; cũng như Lu-ca 1:54 bản LXX) và (2) Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời (xem 42:1; 52:13; 53:11). Có sự tách biệt rõ ràng giữa khía cạnh cá nhân và tập thể, đặc biệt trong bài ca cuối cùng (Ê-sai 52:13-53:12). Trong bối cảnh của Bài ca này thì nó không thể ám chỉ Y-sơ-ra-ên.

1. quốc gia Y-sơ-ra-ên không thể là đối tượng vô tội để chuộc tội bởi cả nước đáng nhận sự trừng phạt (xem Ê-sai 53:8d)

2. bản Septuagint đổi từ “ngươi” trong Ê-sai 52:14 thành “Ngài” (trong câu 15). Các dịch giả Do thái trước sự giáng sinh của Đức Chúa Giê-xu (vào khoảng năm 250-150 trước Chúa) xem đoạn kinh văn này là chỉ về đấng Mết-si-a và có tính cách cá nhân.

Chữ *Pais* (viết hoa) được dùng để chỉ Đức Chúa Giê-xu như là người Đầy tớ /Đấng Mết-si-a trong Công-vụ 3:13,26; 4:27,30.

☐ **“Giê-xu”** Khi chữ “Giê-xu” được sử dụng riêng rẽ, nó thường nhấn mạnh đến nhân tính của Ngài (xem câu 6).

☐ **“Đấng mà các ngươi đã bắt nộ và chối bỏ”** Chữ “các ngươi” thật là dứt khoát. Không chỉ giới lãnh đạo người Do thái phải chịu trách nhiệm về cái chết của Đức Chúa Giê-xu (xem câu 17; 2:23). Phi-e-rơ nhắc đến một trích dẫn cụ thể về phản ứng của đám đông trước Phi-lát (xem Lu-ca 23:18-25). Có thể là một số người trong đó có hiện diện tại đây, nhưng Phi-e-rơ đề cập đến đám đông tại đây như là một nhóm phải chịu trách nhiệm (xem câu 15). Tuyên dân của Đức Chúa Trời (người Do thái) đã giao nộ và khước từ Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời.

☐ **“Phi-lát”** Xem chủ đề đặc biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BÔN-XƠ PHI-LÁT

I. Thân thế

- A. Không biết năm sinh và quê quán
- B. Thuộc binh chủng kỵ binh (giai cấp thượng lưu trong xã hội La mã)
- C. Có gia đình nhưng không có con
- D. Không biết những chức vụ đảm nhiệm trước đó (chắc hẳn phải có)

II. Nhân cách

- A. Hai quan điểm khác biệt
 - 1. Philo (*Legatio and Gaium*, trang 299-305) và Giô-se-phút (*Antiq.* 18.3.1 và *Jewish Wars* 2.9.2-4) mô tả ông là nhà độc tài độc ác và tàn nhẫn.
 - 2. Tân ước (các sách Phúc âm và sách Công-vụ) mô tả ông là một vị quan La mã nhu nhược và dễ bị thao túng
- B. Paul Barnett, trong *Jesus and the Rise of Early Christianity*, trang 143-148 trình bày một giải thích hợp lý cho hai quan điểm trên.
 - 1. Phi-lát được bổ nhiệm vào năm 26 sau Chúa dưới triều đại vua Tiberius là một người ủng hộ người Do thái (xem Philo, *Legatio and Gaium*, trang 160-161), nhưng do Sejanus một cố vấn chống người Do thái của vua Tiberius bổ nhiệm.
 - 2. Vua Tiberius mất nhiều quyền lực chính trị vào tay L. Aelius Sejanus, vị quan này mới chính là người nắm quyền thực sự sau hậu trường, ông là người ghét người Do thái (Philo, *Legatio and Gaium*, trang 159-160).
 - 3. Phi-lát là người được Sejanus đỡ đầu và đã cố gắng tạo ấn tượng tốt với Sejanus bằng việc:
 - a. Áp đặt những tiêu chuẩn La mã cho thành Giê-ru-sa-lem (năm 26 sau Chúa), điều mà những vị quan khác không thi hành. Những biểu tượng của các vị thần La mã đã khiến những người Do thái nổi giận (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18:31; *Jewish Wars* 2.9.2-3).
 - b. Đúc tiền (năm 29-31 sau Chúa) mà trên đó có khắc những biểu tượng của sự thờ lạy La mã. Giô-se-phút cho biết Phi-lát có chủ ý cố gắng thay đổi những phong tục và

- luật lệ của người Do thái (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.4.1-2).
- c. Trưng dụng tiền từ ngân quỹ Đền thờ để xây cất hệ thống dẫn nước cho thành Giê-ru-sa-lem (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.3.2; *Jewish Wars* 2.9.3).
 - d. Xử tử hình một số người Ga-li-lê trong khi họ dâng tế lễ trong lễ Vượt-qua tại Giê-ru-sa-lem (xem Lu-ca 13:12).
 - e. Đem những tấm thuẫn La mã treo trong thành Giê-ru-sa-lem năm 31 sau Chúa. Những con trai của Hê-rốt Đại Đế phản đối việc này và yêu cầu ông gỡ bỏ chúng nhưng Phi-lát từ chối. Do đó, họ khiếu nại đến Hoàng đế Tiberius; người ra lệnh đòi những tấm khiên La mã này về thành Sê-sa-rê bằng đường biển (xem Philo, *Legatio and Gaium*, trang 299-305).
 - f. Tàn sát nhiều người Sa-ma-ri trên núi Gê-ri-xim (năm 36/37 sau Chúa) khi họ truy tìm các thánh tích bị thất lạc theo tín ngưỡng của họ. Sự kiện này khiến cấp trên của Phi-lát (Vitellius, tổng trấn xứ Sy-ri) cất chức và gọi ông về La mã (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.4.1-2).
 - g. Sejanus bị tử hình vào năm 31 sau Chúa. Hoàng đế Tiberius nắm giữ lại tất cả quyền lực chính trị. Do đó, các điểm a,b,c và có thể là cả d đã được Phi-lát dùng để chinh phục lòng tin cậy của Sejanus. Các điểm sau đó (e) và (f) thì lại có thể là những cố gắng để tìm được sự tin tưởng của Tiberius, nhưng phản tác dụng.
 - h. Rõ ràng là khi Hoàng đế Tiberius ủng hộ người Do thái nắm giữ lại quyền lực có gửi một văn thư cho các quan cầm quyền cần dạn phải đối xử nhân đạo với người Do thái (xem Philo, *Legatio and Gaium*, trang 160-161), thì giới lãnh đạo Do thái tại Giê-ru-sa-lem đã tận dụng thế yếu chính trị của Phi-lát trước Hoàng đế Tiberius mà thao túng ông và khiến Đức Chúa Giê-xu bị đóng đinh. Giả thuyết này của Barnett kết hợp hai quan điểm về Phi-lát với nhau theo một cách thức hợp lý.

III. Số phận của Phi-lát

- A. Ông đến La mã ngay sau khi Hoàng đế Tiberius qua đời (năm 37 sau Chúa).
- B. Ông không được tái bổ nhiệm.
- C. Không biết gì về phần sau cuộc đời ông. Có nhiều giả thuyết nhưng không có chứng cứ cụ thể.

☐ **“trong khi người có ý tha Ngài ra”** Chi tiết này phản ánh Lu-ca 23:4,14,22, khi Phi-lát tuyên bố ba lần, “Ta không thấy người này có tội gì” cũng như ba lần ông đã có ý thả Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 23:16,20,22). Nhiều học giả tin rằng sách Công-vụ được viết để chứng tỏ rằng các quan chức chính quyền La mã không tìm thấy âm mưu phản loạn nơi Đức Chúa Giê-xu. Phi-lát phải miễn cưỡng làm điều do giới lãnh đạo Do thái thúc ép ông làm.

3:14 “Đấng Thánh và Đấng Công bình” Chi tiết này bày tỏ rõ ràng sự vô tội của Đức Chúa Giê-xu. Việc xử kiện là một tình huống trở trêu. Đây cũng là một danh hiệu khác của Đấng Mết-si-a trong Cựu ước (xem Ê-sai 53:11; Công-vụ 7:52; 22:14; Giăng 6:69). Ma quý đã gọi Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời trong Mác 1:24; Lu-ca 4:34.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

“Sự công bình” là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là “công minh” hay “công bình.” Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công

cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vùa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaioisune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là

“công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jêsus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xưng công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhân mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tịem tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Đề dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cập theo Đức Chúa Trời là Quan án)

- a. Rô-ma 3:26
- b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
- c. II Ti-mô-thê 4:8
- d. Khải huyền 16:5

2. Đức Chúa Jêsus công bình

- a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
- b. Ma-thi-ơ 27:19
- c. I Giăng 2:1, 29; 3:7

3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình

- a. Lê-vi-ký 19:2
- b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)

4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình

- a. Rô-ma 3:21-31
- b. Rô-ma 4
- c. Rô-ma 5:6-11
- d. Ga-la-ti 3:6-14
- e. Được Chúa ban cho
 - i. Rô-ma 3:24; 6:23
 - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
 - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
- f. Nhận bởi đức tin
 - i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
 - ii. I Cô-rinh-tô 5:21
- g. Qua công tác của Đức Chúa Con
 - i. Rô-ma 5:21-31
 - ii. II Cô-rinh-tô 5:21
 - iii. Phi-líp 2:6-11

5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình

a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
 b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
 c. II Cô-rinh-tô 6:14
 d. I Ti-mô-thê 6:11
 e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
 f. I Giăng 3:7
 g. I Phi-e-rơ 2:24

6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
 a. Công-vụ 17:31
 b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

☐ **“mà xin tha một kẻ giết người”** Thật là mỉa mai chính Ba-ra-ba phạm tội mà họ cáo buộc Đức Chúa Giê-xu: xúi giục nổi loạn (xem Lu-ca 23:18-19,23-25).

3:15

NASB, NKJV	“Chúa của sự sống”
NRSV, NIV	“tác giả sự sống”
TEV	“đấng dẫn đến sự sống”
NJB	“chúa của sự sống”
Moffatt	“người khám phá sự sống”

Danh hiệu này thể hiện một trong ba nghĩa của chữ *archēgos*: (1) tác giả hay là Đấng khởi đầu (xem NRSV, Hê-bơ-rơ 2:10; 12:2); (2) tác nhân của sự sáng tạo (xem Giăng 1:3; I Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2); hoặc là (3) Đấng đi trước nhất, mở đường (xem Công-vụ 5:31 trong bản TEV, NEB, Moffatt). Chữ này là sự đối lập hoàn toàn với chữ “kẻ giết người” (câu 14).

☐ **“Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại”** thông thường trong Tân ước, Đức Chúa Cha đem Đức Chúa Con khỏi sự chết được dùng như một dấu chỉ sự chấp nhận của Ngài đối với cuộc đời, sự giảng dạy và sự chết thay của Đức Chúa Giê-xu. Tân ước cũng xác nhận rằng cả ba thân vị trong Đức Chúa Trời Ba Ngôi cùng hành động trong sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu: (1) Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 8:11); (2) Đức Chúa Con (xem Giăng 2:19-22; 10:17-18); và (3) Đức Chúa Cha (xem Công-vụ 2:24,32; 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9). Đây là khía cạnh thần học quan trọng của *Kerygma*. Nếu điểm này không phải là chân lý, thì tất cả mọi điều khác đều sai trật (xem I Cô-rinh-tô 15:12-19).

☐ **“chúng ta là người làm chứng về điều đó”** Điểm này có thể là (1) sự nhấn mạnh đến nguồn tài liệu chính: những thánh giá chính là nhân chứng (xem 2:22) hay là (2) một dẫn chứng đến các Sứ đồ và các môn đồ có hiện diện tại Phòng Cao (xem 1:22; 2:32). Theo bối cảnh thì dường như là nghĩa thứ (2) thích hợp hơn.

3:16 “Áy là bởi đức tin” Chữ Hy Lạp (*pistis*) có thể được dịch sang Anh ngữ là “faith” (đức tin), “trust” (tin cậy) hay là “believe” (tin). Nó là sự đáp ứng có điều kiện của nhân loại đối với ân sủng vô điều kiện

của Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 2:8-9). Đơn giản nó là sự tin cậy của tín hữu nơi đặc tính đáng tin cậy của Đức Chúa Trời (bản tính của Ngài, những lời hứa của Ngài, Đấng Mết-si-a Ngài hứa ban) hay là tin nơi sự thành tín của Đức Chúa Trời. Trong những sự kiện chữa lành của các sách Phúc âm và sách Công-vụ thì khó mà trình bày phương diện tâm linh (giao ước) của sự kiện. Những sự chữa lành này không phải luôn luôn là “được cứu” (xem Giảng 5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN (*PISTIS* [danh từ], *PISTEUŌ*, [động từ], *PISTOS* [tính từ])

- A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).
- B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)
1. Chữ “đức tin” trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.
 2. Nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là sự tán thành trong tâm trí (những chân lý, lẽ thật), đời sống đạo đức (lối sống) và hơn nữa là sự cam kết liên hệ (sẵn sàng tiếp đón) với một người nào đó, một cam kết tự nguyện (một quyết định) dành cho một người nào đó.
- C. Cách sử dụng trong Cựu ước
- Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mết-si-a sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thể Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20).
- D. Cách sử dụng trong Tân ước
- Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Ví dụ, dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giảng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giảng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là Đấng Mết-si-a. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giảng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).
- E. Cách sử dụng như là GIỚI TỪ (PREPOSITIONS)
1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
 - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
 2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giảng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
 3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17;

- 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỪ (DATIVE CASE with no PREPOSITION) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
 5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
 - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
 - d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a (Giăng 11:27; 20:31)
 - e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
 - f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
 - g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
 - h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
 - i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
 - j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)
 - k. ĐỨC CHÚA GIÊ-XU ĐÃ CHẾT VÀ ĐÃ SỐNG LẠI (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)

☐ Phần thứ hai của câu 16 được trình bày trong thể song đối đồng nghĩa, một hình thức thông thường của thể loại văn chương khôn ngoan Do thái.

1. a. “trong danh Ngài ”
- b. “làm cho vững người này”
- c. “là người các người thấy và biết”
2. a. “đức tin bởi Ngài mà ra”
- b. “đã ban cho người này sự mạnh khoẻ trọn vẹn”
- c. “tại trước mặt hết thấy các người”

BẢN NASB 3:17-26

¹⁷ Hỡi anh em, bây giờ ta biết anh em và các quan của anh em, vì lòng ngu dốt nên đã làm điều đó. ¹⁸ Nhưng nhờ thế mà Đức Chúa Trời đã làm ứng nghiệm mọi lời Ngài đã phán trước qua miệng các tiên tri rằng Đấng Christ của Ngài phải chịu đau đớn. ¹⁹ Vậy, các người hãy ăn năn và trở lại, đừng cho tội lỗi mình được xóa đi, ²⁰ hầu cho kỳ thơ thái đến từ Chúa, và Chúa sai Đấng Christ đã định cho các người, tức là Jê-sus, ²¹ mà trời phải rước về cho đến kỳ muôn vật đổi mới, là kỳ mà Đức Chúa Trời thuở xưa đã phán trước bởi miệng các thánh tiên tri. ²² Môi-se có nói rằng: Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ đẩy lên trong anh em các người một Đấng tiên tri như ta; các người phải nghe theo mọi điều Ngài sẽ phán dặn. ²³ Hễ ai không nghe Đấng tiên tri ấy sẽ bị truất khỏi dân sự. ²⁴ Hết thấy các tiên tri đã phán, từ Sa-mu-ên và các đấng nối theo người, cũng đều có rao truyền những ngày này nữa. ²⁵ Các người là dòng dõi của các đấng tiên tri, và của giao ước Đức Chúa Trời đã lập với tổ phụ chúng ta, khi Ngài phán cùng Áp-ra-ham rằng: Các dân thiên hạ sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước. ²⁶ Đức Chúa Trời đã đẩy Đầy tớ Ngài lên, rồi trước hết sai Người xuống ban phước cho các người, mà dặt ai nấy trong bọn các người xây lại khỏi tội ác mình.

3:17 “vì lòng ngu dốt nên đã làm điều đó” Chi tiết này phản ảnh lời của Đức Chúa Giê-xu trên thập tự giá (xem Lu-ca 23:34). Tuy nhiên ngay cả khi họ không biết thì vẫn chịu trách nhiệm tâm linh. Trong một phương diện nào đó, viện dẫn lý do này là một cách thức để giúp cho con người chấp nhận trách nhiệm

của họ (xem 13:27; 17:30; 26:9; I Cô-rinh-tô 2:8). Để tham khảo kỹ lưỡng về khái niệm này xem quyển *Christian Theology* 2nd ed. của Millard Erickson trang 583-585.

▣ **“các quan của anh em”** Lu-ca thường hay tạo sự tách biệt giữa dân chúng và những quan cai trị họ (xem Lu-ca 7:29-30; 23:35; Công-vụ 13:27; 14:5). Chủ đích khi cố gắng thực hiện điều này có thể bởi vì trách nhiệm liên đới của cả hai nhóm. Thông thường được cho rằng Đức Chúa Giê-xu không lên án tất cả người Do thái, nhưng chỉ những lãnh đạo bất hợp pháp của họ (không thuộc dòng dõi A-rôn). Quả thật rất khó để xác định sự nguyên rủa cây vả (xem Mác 11:12-14,20-24) và câu chuyện về những tá điền vườn nho gian ác (xem Lu-ca 20:9-18) là sự lên án Do-Thái-Giáo trong thế kỷ thứ nhất hay chỉ là những lãnh đạo của nó. Lu-ca dường như trình bày cả hai.

3:18 “phán trước” Phúc âm không phải là một ý định mới có của Đức Chúa Trời, nhưng đó là chương trình có chủ đích đời đời của Ngài (xem Sáng-thế Ký 3:15; Mác 10:45; Rô-ma 1:2; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28). Những bài giảng ban đầu trong Công-vụ (the *kerygma*) trình bày Đức Chúa Giê-xu là sự hoàn thành của những lời hứa và tiên tri trong Cựu ước.

Có vài khía cạnh của *Kerygma* (những phương diện thần học chính trong những bài giảng của sách Công-vụ) trình bày trong những câu Kinh Thánh này.

1. Đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu là chính yếu
2. Thân vị và việc làm của Đức Chúa Giê-xu đã được tiên báo bởi những tiên tri trong Cựu ước
3. Đấng Mết-si-a phải chịu khổ nạn
4. Họ phải ăn năn
5. Đức Chúa Giê-xu sẽ trở lại

▣ **“Đức Chúa Trời phán trước bởi miệng của các tiên tri”** Đức Chúa Giê-xu đã làm trọn lời tiên tri Cựu ước (xem câu 34, Ma-thi-ơ 5:17-48). Riêng tôi cho rằng chính Đức Chúa Giê-xu đã trình bày cho hai môn đồ trên đường về Em-ma-út (xem Lu-ca 24:13-35) những lời tiên tri trong Cựu ước có liên quan đến sự khổ nạn, chết và phục sinh của Ngài. Hai môn đồ này đã chia sẻ những điều này với các Sứ đồ rồi sau đó trở thành một phần trong sự giảng dạy của họ. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tiên tri trong Tân ước tại 11:27.

▣ **“Christ”** Đây là từ chuyển ngữ sang tiếng Hy Lạp của chữ Do thái “Mết-si-a” có nghĩa là Đấng Xức Dầu. Danh hiệu này chỉ một đại diện đặc biệt từ Đức Chúa Trời mà cuộc đời và cái chết sẽ khởi đầu cho một thời kỳ mới của sự công chính, giai đoạn mới của Đức Thánh Linh.

▣ **“chịu đau đớn”** Đây là một sự đề cập gián tiếp đến một số đoạn kinh văn trong Cựu ước (xem Sáng-thế Ký 3:15; Thi-thiên 22; Ê-sai 53). Đấng Mết-si-a chịu khổ nạn là một điều gây sốc cho người Do thái (xem I Cô-rinh-tô 1:23). Họ trông chờ một tướng lãnh chinh phục (xem Khải-huyền 20:11-16). Đây là điểm nhấn mạnh trong thần học của Phao-lô (xem Công-vụ 17:3; 26:23) cũng như của Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 1:10-12; 2:21; 3:18).

3:19 “ăn năn và trở lại” Chữ “ăn năn” trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là thay đổi tâm trí. Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) của chữ *metanoō*. Chữ “ăn năn” trong tiếng Do thái có nghĩa là thay đổi hành động (“trở lại” [*emistrephō*] có thể dịch từ chữ *shub* trong tiếng Do thái có nghĩa là “quay” hay là “chuyển” xem Dân-số Ký 30:36; Phục-truyền Luật-lệ Ký 30:2,10 trong bản Septuagint). Sự ăn năn là một yếu tố giao ước cần thiết trong tiến trình cứu rỗi cùng với đức tin (xem Mác 1:15 và Công-vụ 3:16,19; 20:21). Sự ăn năn là tuyệt đối cần thiết (xem Lu-ca 13:3 và II Phi-e-rơ 3:9). Trong căn bản, sự ăn năn là lòng tự nguyện thay đổi. Nó vừa là một hành động tự nguyện của con người vừa một tặng phẩm từ Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 5:31; 11:18; II Ti-mô-thê 2:25). Xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 2:38.

▣ **“tội lỗi mình được xóa đi”** Chữ này có nghĩa là “xóa”, “che” hay là “chùi đi” (xem Cô-lô-se 2:14; Khải-huyền 3:5; 7:17; 21:4). Trong thế giới cổ đại, mực ở dạng a-xít do đó không thể nào tẩy xóa được. Đây quả thật là phép lạ của ân điển Đức Chúa Trời (xem Thi-thiên 51:1; 103:11-13; Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; Giê-rê-mi 31:34; Mi-chê 7:19). Khi Đức Chúa Trời tha thứ thì Ngài cũng quên đi tội lỗi (bôi xóa).

3:20 “kỳ thơ thái” chữ Hy Lạp (*anapsuchō, anapsuxis*) có nghĩa đơn giản là “xả hơi, thư giãn, giảm dịu” (xem *A Greek-English Lexicon* của Baker, Arndt, Gingrich, và Danker, trang 63), “đổi gió” hay là “chữa trị một vết thương bằng gió” (xem *Theological Dictionary of the New Testament* của Kittel vol. 9, trang 663). Ý nghĩa ẩn dụ mở rộng là sự làm mới hoặc là phục hồi trong thuộc thể hay là tâm linh.

Trong bản Septuagint, chữ này được sử dụng theo nghĩa phục hồi sức lực sau trận chiến (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:12; Các Quan Xét 15:19; II Sa-mu-ên 16:14) hay là sự an ủi trong cảm xúc như trong I Sa-mu-ên 16:23.

Sự trích dẫn của Phi-e-rơ xem dường như là một lời hứa trong Cựu ước, nhưng cụm từ này không hề được sử dụng trong Cựu ước. Đối với người sống tại sa mạc, khoảng không mở rộng đồng nghĩa với sự tự do và vui mừng, trong khi đó khoảng không đóng kín là dấu hiệu của sự khốn khổ và lo lắng. Đức Chúa Trời đang đem đến một thời kỳ mở rộng và làm tươi mới tâm linh. Đó là những việc làm của Đấng Mê-ti-si-a trong Phúc âm. Thời điểm “làm mới lại” đã đến trong Giê-xu người Na-xa-rét. Tuy nhiên, sự làm trọn này sẽ đem đến một thời đại mới của Đức Thánh Linh. Trong bối cảnh cụ thể tại đây, Phi-e-rơ đang ám chỉ đến sự Trở Lại Thứ Hai của Chúa. Cụm từ này xem như tương tự với cụm từ “thời kỳ khôi phục” (câu 21). Xin xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kerygma tại 2:14.

▣ **“Chúa sai Đức Chúa Giê-xu”** đây là dạng CẦU KHẨN CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE SUBJUNCTIVE), trình bày yếu tố ngẫu nhiên. Trong một ý nghĩa nào đó thì hành động từ những thính giả của Phi-e-rơ, xác định thời điểm của sự làm trọn tâm linh (xem *Answers to Questions*, của F. F. Bruce, trang 201 khi ông liên kết Công-vụ 3:19-21 với Rô-ma 11:25-27).

Sự đặt cạnh nhau của chữ “Giê-xu” và “Đấng Christ/Mê-ti-si-a” dường như ám chỉ rằng Phi-e-rơ đang quả quyết Giê-xu người Na-xa-rét chính là Đấng Mê-ti-si-a. Về sau trong Tân ước, chữ “Chúa”, “Đức Chúa Giê-xu” và “Christ” thường xuyên xuất hiện như là một sự dẫn chứng kết hợp chỉ về Giê-xu (Đức Chúa Giê-xu Christ) hơn là một sự nhấn mạnh đến danh hiệu Mê-ti-si-a. Điều này đặc biệt chính xác trong những Hội thánh đa số là người ngoại.

▣ **“Đấng Christ đã định cho các ngươi,”** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Cũng một chữ này được dùng cho sự tuyển lựa từ trước của Đức Chúa Trời trong 10:41; 22:14; 26:16; Đức Chúa Giê-xu đến trong thế gian và chết cho nhân loại đã luôn luôn là chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời (xem 2:23; 3:18; 4:28; 13:29). Trong bản Septuagint chữ này thể hiện một sự lựa chọn, nhưng không có sự biết trước (đối với Lu-ca tiền tổ “pro” có nghĩa là “trước khi”, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:13 và Giô-suê 3:12), là điều hiển nhiên trong cách dùng chữ này trong sách Công-vụ. Nó chuyển tải ý nghĩa rằng việc sai phái Đức Chúa Giê-xu là lựa chọn của Đức Chúa Trời để ban ơn phước và cứu chuộc con người.

3:21

NASB, NKJV “người phải tiếp nhận thiên đàng”

NRSV “người phải cứ ở trong thiên đàng”

TEV, NIV “người phải cứ ở trong thiên đàng”

NJB “người phải giữ thiên đàng”

Chủ ngữ của cụm từ này là “thiên đàng”; bổ ngữ là “người” (Đức Chúa Giê-xu). Có hai ĐỘNG TỪ (VERBALS) trong cụm từ này. Động từ đầu tiên là *dei*, từ chữ *deō*, có nghĩa là “nó là cần thiết” hay “nó là thích hợp”.

Động từ thứ hai là dạng NGUYÊN THỂ TRUNG CẤP (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE [deponent] INFINITIVE) của chữ *dechomai*. Harold K Moulton trong quyển *The Analytical*

Greek Lexicon Revised cho biết trong bối cảnh tại đây nó có nghĩa là “tiếp nhận vào và tiếp tục giữ” (trang 88). Quý vị có thể thấy các bản dịch Anh ngữ thể hiện khía cạnh văn mạch như thế nào. Lu-ca sử dụng chữ này nhiều hơn các tác giả Tân ước khác (13 lần trong sách Phúc âm Lu-ca và 8 lần trong sách Công-vụ). Ý nghĩa của các từ ngữ cần phải dựa vào sự ngụ ý của nó và cách sử dụng theo văn mạch chứ không thể dựa vào việc nghiên cứu nguồn gốc của chúng. Các sách từ vựng (các quyển tự điển) chỉ trình bày cách sử dụng. Chúng không xác định ý nghĩa.



NASB “cho đến khi”
NKJV, NRSV, TEV “cho đến khi”
NJB “đến khi”

Chữ này có trong bản văn tiếng Hy Lạp UBS⁴. Tôi không biết tại sao bản NASB lại đặt chữ này in nghiêng, ám chỉ rằng nó không có trong bản văn tiếng Hy Lạp, chỉ được sử dụng để giúp các độc giả Anh ngữ dễ hiểu.

Trong phiên bản năm 1970 của bản dịch NASB thì chính xác, mạo từ được in nghiêng nhưng chữ “đến khi” thì không.

▣ **“kỳ muôn vật đổi mới”** Chi tiết này đề cập đến sự tạo dựng lại muôn vật (xem Ma-thi-ơ 17:11; và đặc biệt là Rô-ma 8:13-23). Điều xấu xa (gian ác) đã có do sự nổi loạn của nhân loại trong Sáng-thể Ký 3 đã bị tiêu hủy và sự sáng tạo được phục hồi; mối liên lạc với Đức Chúa Trời được tái lập. Cuối cùng, chủ đích nguyên thủy của sự sáng tạo được hoàn thành.

▣ **“kỳ mà Đức Chúa Trời thuở xưa đã phán trước bởi miệng các thánh tiên tri”** Sách Phúc âm của Mác bắt đầu với trích dẫn từ Ma-la-chi 3:1. Ma-thi-ơ 1:22-23 đề cập đến lời tiên tri trong Ê-sai 7:14. Lu-ca đã sử dụng chính cụm từ này trong Lu-ca 1:70. Một phương diện của *Kerygma* (các chân lý thần học tái diễn trong các bài giảng của sách Công-vụ, xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 2:14) đó là sự giáng sinh, cuộc đời, cái chết và sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu làm trọn các lời tiên tri trong Cựu ước. Chức vụ của Đức Chúa Giê-xu không phải là một ý định mới nảy sinh hay là kế hoạch dự phòng. Nó đã là chương trình định sẵn của Đức Chúa Trời (xem 2:23; 3:18; 4:28; 13:29). Tất cả mọi sự diễn ra để hoàn tất sự phục hồi trọn vẹn ý định của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo.

3:22 “Môi-se có nói rằng” Danh hiệu “đấng Tiên Tri” được dùng để chỉ đấng Mết-si-a (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:14-22; đặc biệt trong câu 15,18; Giăng 1:21,25). Dẫn chứng tài liệu về Đức Chúa Giê-xu từ trong Luật pháp Môi-se (phần kinh điển được xem là có thẩm quyền nhất đối với người Do thái cho cả người Sa-đu-sê và người Pha-ri-si) sẽ rất là quan trọng đối với những thánh giả người Do thái này. Đức Chúa Giê-xu luôn luôn là kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Ngài đến trần gian để chết (xem Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21).

3:23 Đây là một lời cảnh cáo nghiêm khắc. Nó là một sự ám chỉ đến Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:19. Khước từ Đức Chúa Giê-xu đã từng xảy ra và sẽ còn tiếp tục là một vấn đề nghiêm trọng đời đời.

Việc nhắc đến Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:14-22 cũng có một số ý nghĩa thần học sâu sắc.

1. Lưu ý cả hai khía cạnh cá nhân và tập thể. Tấm lòng của mỗi người phải đáp ứng cách cá nhân với Đấng Mết-si-a. Cho dù được làm một thành viên trong tuyên dân Y-sơ-ra-ên thì vẫn không đủ.
2. Cụm từ “huỷ diệt hoàn toàn” là một ám chỉ về “thánh chiến”. Đức Chúa Trời sẽ tia sửa những nhánh nho của Ngài (Y-sơ-ra-ên, xem Rô-ma 9-11). Những ai khước từ “Đấng tiên tri” tất nhiên bị Đức Chúa Trời từ bỏ. Vấn đề quyết định cho sự cứu rỗi là sự đáp ứng bằng đức tin của mỗi người đối với đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời. Gia đình, chủng tộc, đạo đức, việc vâng giữ nghiêm ngặt những điều luật đều không phải là những tiêu chuẩn giao ước mới của sự cứu rỗi, duy chỉ bởi đức tin trong Đấng Christ mà thôi.

3:24 “Sa-mu-ên” Trong kinh điển của người Do thái, Sa-mu-ên được xem là một trong những “Tiên Tiên Tri” một bộ phận trong phần thứ hai của Kinh Thánh Do thái. Sa-mu-ên được gọi là tiên tri trong I Sa-mu-ên 3:20 và cũng là tiên kiến (một chữ khác dùng để gọi tiên tri) trong I Sa-mu-ên 9:9; I Sứ-ký 29:29.

▣ **“những ngày nầy nữa”** Các cụm từ “thời điểm làm mới lại” (câu 20) và “thời kỳ phục hồi mọi sự” (câu 21) ám chỉ về sự hoàn thành của nước Đức Chúa Trời khi Đấng Christ trở lại, nhưng cụm từ này chỉ đến sự khởi đầu của vương quốc thuộc về đấng Mết-si-a, bắt đầu từ sự giáng sinh của Đức Chúa Giê-xu tại Bết-lê-hem hay ít nhất là trọn khoảng thời gian sau đó, thời kỳ giữa hai lần đấng Christ hiện đến trên thế giới. Cụm ước chỉ hiểu về một lần đến của đấng Mết-si-a. Nên khi Ngài đến lần thứ nhất như là “Người Đầy tớ Khốn khổ” (câu 18) gây sốc (ngạc nhiên vì không thể hiểu được); nhưng sự trở lại vinh hiển của Ngài như là lãnh tụ quân sự, một quan án thì lại được trông đợi.

3:25 Phi-e-rơ nói với những người Do thái này như là những con cháu của Áp-ra-ham, tuyển dân của giao ước. Tuy nhiên, dân tộc giao ước này phải đáp ứng bằng đức tin và ăn năn với Đức Chúa Giê-xu và Phúc âm nếu không thì họ sẽ bị khước từ (câu 23).

Tân ước (giao ước mới) chú trọng vào con người, chứ không phải một nhóm chủng tộc. Trong tất cả những lời kêu gọi Áp-ram đều có yếu tố phổ quát (xem Sáng-thế Ký 12:3). Lời kêu gọi có tính chất phổ quát này đến từ Đấng Christ và dành cho tất cả mọi người (Lu-ca viết chính cho người ngoại bang. Sách Phúc âm mang tên ông và sách Công-vụ trình bày lời mời gọi này cụ thể và lặp lại nhiều lần).

▣ **“giao ước”** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giao ước trong 2:47.

▣ **“Các dân thiên hạ sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước.”** Đây là sự đề cập đến lời hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham trong Sáng-thế Ký 12:1-3. Lưu ý đến yếu tố phổ quát trong Sáng-thế Ký 22:18. Đức Chúa Trời chọn Áp-ra-ham để chọn một dân tộc để từ đó chọn cả thế giới (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Ê-phê-sô 2:11-3:13).

3:26 “rồi trước hết...cho các người” Người Do thái bởi di sản giao ước có được cơ hội trước nhất được nghe để hiểu sứ điệp của Phúc âm (xem Rô-ma 1:16; 9:5). Tuy nhiên, họ vẫn phải đáp ứng giống như mọi người khác: ăn năn, tin cậy, nhận lễ báp-tem, vâng phục và bền đỗ.

▣ **“đã đầy Đầy tớ Ngài lên, rồi trước hết sai Người”** Xem ghi chú trong 2:24.

▣ **“ban phước cho các người”** Đây là điều Đức Chúa Trời muốn cho cả nhân loại (xem Sáng-thế Ký 12:3). Tuy nhiên, Ngài đã sai phái Đức Chúa Giê-xu đến với những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên trước nhất!

▣ **“dắt ai nấy trong bọn các người xây lại khỏi tội ác mình.”** Sự cứu rỗi bao gồm sự thay đổi tâm trí đối với tội lỗi và bày tỏ qua sự thay đổi trong hành động và những việc quan trọng khác. Sự thay đổi này là bằng chứng của sự cải đạo thật. Sự sống đời đời có những khía cạnh có thể thấy được.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Sự “tiếp tục” trong đoạn này là gì?
2. Tại sao sự chữa lành thì thật quyền năng?

3. Tại sao đấng Mê-ti-a chịu khổ nạn gây sốc cho người Do thái?
4. Tại sao Lu-ca trích dẫn từ Sáng-thể Ký 12:3?
5. Có phải người Do thái được cứu rỗi theo cách khác với người ngoại bang không?

CÔNG VỤ ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phi-e-rơ và Giảng trước Tòa công luận 4:1-4	Phi-e-rơ và Giảng bị bắt 4:1-4	Phi-e-rơ và Giảng bị bắt giam và được thả 4:1-4	Phi-e-rơ và Giảng trước Tòa công luận 4:1-4	Phi-e-rơ và Giảng trước Tòa công luận 4:1-4
4:5-22	Giảng trước Tòa công luận 4:5-12 Bị cấm rao giảng Danh của Đức Chúa Giê-xu 4:13-22	4:5-12 4:13-22	4:5-7 4:8-12 4:13-17 4:18-22	4:5-12 4:13-17 4:18-22
Các tín hữu cầu xin sự dạn dĩ 4:23-31	Lời cầu xin sự mạnh mẽ, dạn dĩ 4:23-31	4:23-31	Các tín hữu cầu xin sự dạn dĩ 4:23-30 4:31	Lời cầu nguyện của các Sứ đồ trong cơn bắt bớ 4:23-26 4:27-31
Mọi vật là của chung 4:32-37	Chia xẻ mọi sự 4:32-37	Sự chia xẻ mọi tài sản (4:32-5:6) 4:32-5:11	Những tín hữu chia xẻ tài sản của họ 4:32-35 4:36-37	Cộng đồng Cơ-Đốc-Nhân đầu tiên 4:32 4:33 4:34-35 Sự rời rộg của Ba-na-ba 4:36-37

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Cách chia đoạn trong sách Công-vụ rõ ràng là không thích hợp
- B. Câu 1-31 liên quan đến việc chữa lành cho người bại trong đoạn 3 và những hệ quả của nó.
- C. Câu 32-37 nên đặt chung với khúc Kinh thánh đoạn 5:1-11.
- D. Những khó khăn xảy ra liên tục và càng tăng thêm, nhưng cùng lúc đó là ân sủng và quyền năng của Đức Thánh Linh hành động. Hội thánh được tăng trưởng.
- E. Để giải thích sự nhấn mạnh của Lu-ca về đặc tính yêu thương và sự ban cho của Hội thánh lúc ban đầu tại Giê-ru-sa-lem, các nhà giảng nghĩa hiện đại ở Tây phương cần phải tránh khỏi việc chống lại sự sai lệch của chủ nghĩa tư bản. Lu-ca dường như xác nhận tinh thần tự nguyện phụ thuộc lẫn nhau. Sách Công-vụ không thể ủng hộ chủ nghĩa cộng sản hay là chủ nghĩa tư bản bởi vì cả hai đều chưa được biết tới trong thời kỳ này. Lời kinh văn cần phải được giải nghĩa theo thời điểm của nó, theo ý định tác giả và thế giới đương thời của độc giả lúc đó.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 4:1-4

¹ Phi -e-rơ và Giăng đương nói với dân chúng, thì các thầy tế lễ, quan coi đền thờ, và người Sa-đu-sê thoạt đến, ² tức mình vì hai người dạy dân chúng và rao truyền, như Đức Chúa Jê-sus, sự từ kẻ chết sống lại. ³ Họ bắt hai người giam vào ngục cho đến bữa sau, vì bây giờ đã tối rồi. ⁴ Dầu vậy, có nhiều người đã nghe đạo thì tin, số tín đồ lên đến độ năm ngàn.

4:1 “các thầy tế lễ” Đây là chữ dùng trong các bản chép tay tiếng Hy Lạp viết chữ in κ , A, D, và E, nhưng trong bản C thì dùng chữ “các thầy tế lễ cả” (*archiereis*). Bản UBS⁴ xếp lỗi này loại B (gần như chắc chắn). Trong bối cảnh của đoạn 4 chúng ta thấy sự chống đối không phải đến từ “các thầy tế lễ cả” (xem câu 6).

Trong Cựu ước chi phái Lê-vi (chi phái của Môi-se and A-rôn) được chọn để hầu việc Đức Giê-hô-va thay thế cho “con đầu lòng” (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 13). Những gia tộc trong chi phái này được phục vụ như là (1) những giáo sư dạy luật pháp tại địa phương; (2) những người hầu việc trong đền thờ; và (3) thầy tế lễ cử hành lễ nghi trong Đền thờ, đặc biệt liên hệ đến nghi thức dâng của lễ (xem Lê-vi Ký 1-7). Gia tộc của thầy tế lễ cả phải là từ dòng dõi của Môi-se và A-rôn. Chi phái này không được nhận phần đất sản nghiệp giống như những chi phái khác của Gia-cốp/Y-sơ-ra-ên. Họ có được cấp cho một số thành phố (48 thành của người Lê-vi, xem Giô-suê 20). Những gia tộc Lê-vi này phụ thuộc vào sự giúp đỡ của các chi phái khác bằng các của lễ dâng phần mười trong Đền thờ và thuế phần mười vào năm thứ ba ở mỗi địa phương.

Tất cả mọi điều luật này thay đổi khi đế quốc La Mã cai trị xứ Pa-les-tin. Chức vụ thầy tế lễ cả phải mua từ chính quyền La Mã. Nó không còn là một chức vụ thiêng liêng như trong Cựu ước nữa, nhưng là một địa vị của quyền thế chính trị và thương mại.

Thầy tế lễ cả đương nhiệm là Cai-phe (xem Ma-thi-ơ 26:3; Lu-ca 3:2; Giăng 18), nhưng người nắm quyền hành thực sự là An-ne, người giữ chức thầy tế lễ cả trước đó (xem Lu-ca 3:2; Giăng 18:13,24; Công-vụ 4:6). Gia tộc này thuộc phái Sa-đu-sê của Do-Thái-Giáo.

☐ **“quan coi đền thờ”** Đây là một chức vụ đặc biệt của người Lê-vi có quyền hạn bên dưới thầy tế lễ cả (xem Giô-se-phút, *Wars* 6:5:3). Người giữ chức vụ này kiểm soát lực lượng tự vệ của đền thờ (xem I Sứ-

ký 9:11; Nê-hê-mi 11:11; Lu-ca 22:4,52; Công-vụ 5:24,26). Trong tiếng Do thái, ông được gọi là “người chủ của nhà trên núi”.

☐ “**người Sa-đu-sê**” đây là những lãnh đạo chính trị giàu có trong Tòa công luận.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI SA-ĐU-SÊ

I. Nguồn gốc của nhóm này

- A. Đa số các học giả tin rằng tên của nhóm này phát xuất từ Xa-đốc, một trong những thầy tế lễ cả trong thời vua Đa-vít (xem II Sa-mu-ên 8:17; 15:24). Sau đó, vua Sa-lô-môn trục xuất thầy tế lễ A-bi-tha bởi vì ông tham dự trong cuộc nổi loạn của A-đô-ni-gia (xem I Các Vua 2:26-27) đồng thời xác nhận Xa-đốc là thầy tế lễ cả duy nhất (xem I Các Vua 2:35). Sau thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn, dòng dõi thầy tế lễ này được tái lập với gia tộc của Giê-hô-sua (xem A-ghe 1:1). Gia tộc Lê-vi này được chọn để quản trị đền thờ. Sau đó, những người thuộc về truyền thống thầy tế lễ này cùng với những người ủng hộ được gọi là người Sa-đu-sê.
- B. Theo sự tương truyền của tu sĩ Do-Thái-Giáo vào khoảng thế kỷ thứ chín sau Chúa, *Aboth* của Rabbi Nathan, thì Xa-đốc là đồ đệ của Antigonus of Sokho (sống vào khoảng thế kỷ thứ hai trước Chúa). Xa-đốc đã hiểu sai một lời phán nổi tiếng của người thầy của mình liên hệ đến “phần thưởng sau cái chết” và từ đó phát triển thành một thần học phủ nhận đời sau và do đó cũng chối bỏ sự phục sinh của thân thể.
- C. Sau đó, trong Do-Thái-Giáo những người Sa-đu-sê bị đồng nhất với những người theo phái Boethus. Boethus cũng là một đồ đệ của Antigonus of Sokho. Ông cũng đã phát triển một thần học tương tự như của Xa-đốc, chối bỏ khái niệm đời sau.
- D. Theo Giô-se-phút (xem *Antiquities* 13:10:5-6), danh hiệu Sa-đu-sê không xuất hiện cho đến thời của John Hyrcanus (năm 135-104 trước Chúa). Trong *Antiquities* 13:5:9, Giô-se-phút cho biết có “ba trường phái tư tưởng”: Pha-ri-si, Sa-đu-sê, và Essenes.
- E. Có một giả thuyết đối nghịch cho rằng nhóm này xuất hiện dưới sự cai trị của Antiochus IV Epiphanes (năm 175-163 trước Chúa) khi có những cố gắng Hy Lạp hoá chức thầy tế lễ. Trong cuộc cách mạng của Mạc-ca-bê, một dòng thầy tế lễ mới khởi đầu với Si-môn Mạc-ca-bê (năm 142-135 trước Chúa) và các hậu duệ của ông (xem I Mạc-ca-bê 14:41). Những thầy tế lễ cả dòng Hasmonean này có lẽ làm nên sự khởi đầu của giới quý tộc Sa-đu-sê. Người Pha-ri-si cũng phát triển trong cùng khoảng thời gian này từ Hasidim (nghĩa là “những người biệt lập”, xem I Mạc-ca-bê 2:42; 7:5-23).
- F. Có một giả thuyết hiện đại khác (T. W. Manson) cho rằng Sa-đu-sê là sự chuyển ngữ của chữ Hy Lạp *sundikoi*. Chữ này ám chỉ đến giới thẩm quyền địa phương giao du với chính quyền La mã. Giả thuyết này giải thích tại sao một số người Sa-đu-sê không phải là thầy tế lễ quý tộc, nhưng lại là những thành viên của Tòa công luận.

II. Điểm khác biệt trong niềm tin

- A. Họ là nhóm thầy tế lễ bảo thủ trong số những phe nhóm Do thái trong thời kỳ Hasmonean và La mã.
- B. Họ đặc biệt chú trọng đến những cách thức, lễ nghi và sự thờ phượng trong đền thờ.
- C. Họ xem luật pháp thành văn Torah (Sáng-thể Ký-Phục-truyền Luật-lệ Ký) có thẩm quyền, nhưng chối bỏ các lời truyền khẩu (Talmud).
- D. Do đó, họ chối bỏ rất nhiều những giáo lý được phe Pha-ri-si khai triển và quý trọng như:
 1. Sự phục sinh của thân thể (xem Ma-thi-ơ 22:23; Mác 12:18; Lu-ca 20:27; Công-vụ 4:1-2; 23:8)

2. Sự bắt diệt của linh hồn (xem *Antiquities* 18:1:3-4; *Wars* 2:8:14)
 3. Sự hiện hữu của các đẳng cấp, thứ bậc của các thiên sứ (xem Công-vụ 23:8)
 4. Họ giữ luật “mắt-đền-mắt” (*lex talionis*) theo nghĩa đen và ủng hộ sự trừng phạt thể xác và án tử hình (thay vì nộp tiền phạt)
- E. Một vấn đề thần học tranh cãi khác là giữa sự tiền định với ý chí tự do của con người. Trong ba nhóm được Giô-se-phút đề cập thì
1. Nhóm Essenes công nhận một loại thuyết định mệnh
 2. Người Sa-đu-sê chú trọng vào ý chí tự do của con người (xem *Antiquities* 13:5:9; *Wars* 2:8:14)
 3. Người Pha-ri-si giữ một quan điểm trung dung giữa hai nhóm
- F. Trong một phương diện nào đó, những mâu thuẫn giữa hai nhóm (người Sa-đu-sê-người Pha-ri-si) thể hiện sự căng thẳng giữa giới thầy tế lễ và các tiên tri trong Cựu ước.

Một sự xung đột khác nảy sinh từ việc nhóm Sa-đu-sê đại diện cho giai cấp thượng lưu, chủ đất. Họ là những quý tộc (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 13:10:6; 18:1:4-5; 20:9:1), trong khi đó những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo chỉ là các học giả và người sùng đạo trong dân sự. Sự xung đột này bày tỏ trong sự xung khắc giữa đền thờ tại Giê-ru-sa-lem với những nhà hội địa phương.

Một xung khắc khác có thể từ việc người Sa-đu-sê khước từ ảnh hưởng của trường phái triết học Bái hỏa giáo (Zoroastrian) trên thần học của người Pha-ri-si. Ví dụ: ngành thiên sứ học phát triển xa vời, thuyết nhị nguyên (dualism) giữa Đức Giê-hô-va và Satan cùng với quan điểm về đời sau được mô tả theo phương diện vật chất. Những sự thái quá này của người Pha-ri-si và cả nhóm Essenes tạo sự phản ứng của người Sa-đu-sê. Họ trở lại với thần học bảo thủ chỉ giữ những gì do Môi-se dạy mà thôi như là một nỗ lực để hóa giải những sự suy diễn của các phái Do-Thái-Giáo khác.

III. Nguồn tài liệu

- A. Giô-se-phút là nguồn tài liệu duy nhất về người Sa-đu-sê. Ông bị thiên lệch/chủ quan khi nhận xét về người Pha-ri-si cũng như khi ông có ý định tô vẽ một hình ảnh tốt đẹp về đời sống của dân Do thái dưới sự cai trị của Đế quốc La mã.
- B. Các nguồn tài liệu khác là những tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo. Tuy nhiên, trong số tài liệu này rõ ràng cũng có sự thiên lệch. Nhóm Sa-đu-sê chối bỏ thẩm quyền và tính xác thực của Các Lời Truyền Khẩu của các Trưởng Lão (Talmud). Còn những tác phẩm của người Pha-ri-si thì mô tả đối thủ của họ một cách tiêu cực, thậm chí phóng đại (gọi người Sa-đu-sê là bù nhìn, rơm rạ)
- C. Không có một tác phẩm nào của chính người Sa-đu-sê viết tồn tại ngày nay. Cùng với sự tàn phá của thành Giê-ru-sa-lem và Đền thờ trong năm 70 sau Chúa, mọi tài liệu và ảnh hưởng của nhóm thầy tế lễ ưu tú bị tiêu hủy. Họ muốn bảo tồn sự hòa bình trong khu vực và cách thức duy nhất để thực hiện trong hoàn cảnh thế kỷ thứ nhất là hợp tác với người La mã (xem Giảng 11:48-50).

4:2

NASB, NKJV

“rất bực mình”

NRSV

“rất khó chịu”

TEV

“khó chịu”

NJB

“cực kỳ tức giận”

Đây là một chữ Hy lạp hiếm gặp, ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP [biến cách] THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE [deponent] PARTICIPLE), có nghĩa là “làm một điều gì đó chăm chỉ”. Chữ này chỉ xuất hiện thêm một lần nữa trong Công-vụ tại 16:18. Nó không xuất hiện trong bản Septuagint, hay là bản giấy cói tiếng Koine ở Ai-cập.

Giới lãnh đạo Sa-đu-sê tức giận bởi vì những người lãnh đạo Cơ-Độc-Giáo đang giảng dạy cho đám đông tại Đền thờ trong danh của Đức Chúa Giê-xu và công bố sự phục sinh của Ngài (điều mà người Sa-đu-sê phủ nhận, cùng với khái niệm thần học về sự phục sinh tổng quát). Dựa theo lời văn trong câu 2 cũng có thể là các Sứ đồ không chỉ khẳng định sự sống lại của Đức Chúa Giê-xu, nhưng còn là sự ứng dụng đầy trọn cho sự sống lại của mọi người tin đạo (xem I Cô-rinh-tô 15). Không chỉ có một người tin thoát khỏi sự chết nhưng là tất cả mọi tín hữu.

4:3 “họ” Trong câu 2, đại từ quan hệ là Phi-e-rơ, Giăng, và có thể là cả người bại đờng chữa lành. Trong câu 3, đại từ quan hệ là các thầy tế lễ và quan coi đền thờ.

▣ **“bắt”** Đây là một động từ tiếng Hy Lạp có ngữ nghĩa rộng, nhưng Lu-ca thường hay sử dụng nó trong ý bị bắt giam (xem Lu-ca 20:19; 21:12; Công-vụ 5:18; 12:1; 21:27).

▣ **“cho đến bữa sau”** Luật Do-Thái-Giáo nghiêm cấm xét xử sau khi hoàng hôn. Những người lãnh đạo này muốn việc giảng/dạy chấm dứt ngay lập tức. Do đó họ giam các sứ đồ qua đêm ở một nơi nào đó trong sân đền thờ thay vì giam trong nhà tù (xem 5:18).

4:4 “người đã nghe đạo thì tin” Cả hai đều là động từ ở dạng THÌ BẮT ĐỊNH (AORIST). Đức tin bắt đầu với việc nghe (xem Rô-ma 10:17). Nghe Phúc âm dẫn đến kết quả (với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh, xem Giăng 6:44,65; 16:8-11) tin Phúc âm. Xem chủ đề đặc biệt: Những thì của động từ cứu rỗi trong tiếng Hy Lạp tại 2:40.

▣ **“số tín đồ lên đến độ năm ngàn”** Lưu ý rằng con số này không kể phụ nữ và trẻ em. Thông thường trong Tân ước ám chỉ rằng niềm tin của người cha mở rộng và bao gồm luôn cả gia đình (xem 11:14; 16:15,31,33). Số những người trên phòng cao là khoảng 120 người. Trong Lễ Ngũ Tuần, tăng thêm 3.000 người (xem 2:41); đến đây thì số tín hữu là trên 5.000 người. Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem đang tăng trưởng nhanh chóng.

BẢN NASB: 4:5-12

⁵ Bữa sau, các quan, các trưởng lão, các thầy thông giáo nhóm tại thành Giê-ru-sa-lem, ⁶ với An-ne, là thầy cả thượng phẩm, Cai-phe, Giăng, A-léc-xan-đơ và hết thầy mọi người thuộc về họ thầy cả thượng phẩm. ⁷ Họ bắt Phi-e-rơ và Giăng đến hầu trước mặt mình, và hỏi rằng: Bởi quyền phép nào hay là nhờ danh ai mà các ngươi làm điều này? ⁸ Bấy giờ Phi-e-rơ, đầy dẫy Đức Thánh Linh, nói rằng: Hỡi các quan và các trưởng lão, ⁹ nếu ngày nay chúng tôi bị tra hỏi vì đã làm phước cho một người tàn tật, lại hỏi chúng tôi thế nào người đó được lành, ¹⁰ thì hết thầy các ông, và cả dân Y-sơ-ra-ên đều biết, ấy là nhờ danh Đức Chúa Jê-sus Christ ở Na-xa-rét, Đáng mà các ông đã đóng đinh trên thập tự giá, và Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại, ấy là nhờ Ngài mà người này được lành mạnh hiện đứng trước mặt các ông. ¹¹ Jê-sus này là hòn đá bị các ông xây nhà bỏ ra, rồi trở nên hòn đá góc nhà. ¹² Chẳng có sự cứu rỗi trong đáng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu.

4:5 “các quan, các trưởng lão, các thầy thông giáo” Tòa công luận (hay là Hội đồng xem 5:21; cho khu vực Giê-ru-sa-lem cũng gọi là Hội đồng các trưởng lão xem 22:5) gồm có 70 vị lãnh đạo người Do thái. Đây là cơ quan chính trị/tôn giáo cao nhất (mà chính quyền La mã cho phép) trong vòng Do-Thái-Giáo vào thời của Đức Chúa Giê-xu. Khái niệm này được khởi đầu (theo truyền thống Do thái) bởi E-xơ-ra và

những thành viên của “Nhà Hội Lớn”. Tòa công luận thường có cùng nghĩa với cụm từ “các thầy thông giáo, các trưởng lão và các thầy tế lễ cả” trong Tân ước (xem Lu-ca 23:13; Công-vụ 3:17; 4:5,8; 13:27).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÒA CÔNG LUẬN

I. Nguồn Tài Liệu

- A. Từ chính Tân ước.
- B. Tác phẩm *Antiquities of the Jews* của Giô-se-phút.
- C. Phần Mishnah của Talmud (phần luận văn “Tòa công luận”)
- D. Tiếc là Tân ước và Giô-se-phút không đồng quan điểm với các tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo, các tác phẩm này dường như xác định có đến hai Tòa công luận tại Giê-ru-sa-lem, một là thuộc về các thầy tế lễ (người Sa-đu-sê), do thầy tế lễ cả kiểm soát và giải quyết những vấn đề về dân sự và hình sự; Tòa thứ hai do những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo kiểm soát giải quyết những vấn đề liên quan đến truyền thống và tôn giáo. Tuy nhiên, những tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo này chỉ xuất hiện khoảng năm 200 sau Chúa; và nói lên Toàn cảnh văn hóa sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Chúa do tướng La mã Titus đánh chiếm. Những người Do thái tái lập đời sống tôn giáo của họ tại một thành phố gọi là Jamnia và sau đó vào năm 118 sau Chúa chuyển đến Ga-li-lê.

II. Tên gọi

Nạn đề của việc nhận dạng cơ quan pháp lý này liên hệ đến nhiều tên gọi của nó. Có một vài chữ được dùng để mô tả những các cơ quan pháp lý bên trong cộng đồng Do thái tại Giê-ru-sa-lem.

- A. *Gerousia* - “thượng nghị viện” hay là “hội đồng”. Đây là chữ xưa nhất được dùng vào khoảng cuối thời kỳ của người Ba-tư (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 12.3.3 và *II Mạc-ca-bê* 11:27). Chữ này được Lu-ca sử dụng trong Công-vụ 5:21 cùng với chữ “Tòa công luận.” Nó có thể được dùng như một cách để giải thích cho các đọc giả nói tiếng Hy Lạp (xem *I Mạc-ca-bê* 12:35).
- B. *Synedrion* - “Tòa công luận.” Đây là một từ ghép của *syn* (cùng với) và *hedra* (ghế, chỗ ngồi). Điều kinh ngạc là chữ này được dùng trong tiếng A-ram, nhưng nó phản ánh một chữ Hy Lạp. Đến cuối giai đoạn Mạc-ca-bê, chữ này trở thành từ được dùng cho Tòa án tối cao của người Do thái tại Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 26:59; Mác 15:1; Lu-ca 22:66; Giăng 11:47; Công-vụ 5:27). Vấn đề xảy ra khi cũng một chữ này lại được dùng cho các hội đồng pháp lý địa phương (Tòa án trong nhà hội địa phương) bên ngoài Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 5:22; 10:17).
- C. *Presbyterion* - “hội đồng các trưởng lão” (xem Lu-ca 22:66). Vào thời Cựu ước chữ này dùng để chỉ những người lãnh đạo các chi phái. Tuy nhiên, nó lại trở thành cách dùng để chỉ Tòa án tối cao tại Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 22:5).
- D. *Boulē* - đây là chữ “hội đồng” tuy không được Tân ước sử dụng nhưng lại được Giô-se-phút dùng trong *Wars* 2.16.2; 5.4.2, để mô tả một vài cơ quan xét xử: (1) Thượng Nghị Viện tại La mã; (2) các Tòa án La mã địa phương; (3) Tòa án tối cao của người Do thái tại Giê-ru-sa-lem; và (4) các Tòa án địa phương của người Do thái. Giô-sép người A-ri-ma-thê được mô tả là một thành viên của Tòa công luận bằng một dạng của từ này (*bouleutēs*, có nghĩa là “thành viên hội đồng”, xem Mác 15:43; Lu-ca 23:50).

III. Lịch sử phát triển

Trong giai đoạn sau lưu đày, người được cho là đã thành lập Hội Đồng Tối Cao là E-xơ-ra (xem Nhã ca 6:1 trong bản Targum), dường như nó trở thành Tòa công luận trong thời của Đức Chúa Giê-xu.

- A. Những bản Mishnah (Talmud) cho biết có hai Tòa án chính tại Giê-ru-sa-lem (xem Sanh. 7:1).
1. Một Tòa gồm có 70 hay 71 thành viên (trong *Sand.* 1:6 thậm chí cho rằng chính Môi-se đã thành lập Tòa công luận đầu tiên trong Dân-số Ký 11:16-25).
 2. Một Tòa có 23 thành viên (nhưng đây có thể đề cập đến những Tòa trong các nhà hội địa phương).
 3. Một số học giả Do thái cho rằng có đến 3 Tòa công luận mỗi Tòa có 23 thành viên tại Giê-ru-sa-lem. Khi cả ba Tòa này hợp lại, cùng với 2 vị lãnh đạo, lập nên “Tòa công luận Tối Cao” với 71 thành viên (xem *Nasi and Av Bet Din*).
 - a. một Tòa thầy tế lễ (người Sa-đu-sê)
 - b. một Tòa luật pháp (người Pha-ri-si)
 - c. một Tòa giới quý tộc (các trưởng lão)
- B. Trong thời kỳ sau lưu đày, đại diện của dòng dõi Đa-vít trở về là Giê-ru-ba-bên còn đại diện của dòng dõi A-rôn là Giê-xua (*Jeshua*). Sau khi Giê-ru-ba-bên qua đời, dòng dõi Đa-vít không còn, do đó việc xét xử giao trọn cho các thầy tế lễ (xem I Mạc-ca-bê 12:6) và các trưởng lão địa phương (xem Nê-hê-mi 2:16; 5:7).
- C. Trong thời kỳ Hellenistic (người Hy-Lạp cai trị), vai trò xét xử của các thầy tế lễ được trình bày trong Diodorus 40:3:4-5.
- D. Chức vụ này của thầy tế lễ trong chính quyền cứ kéo dài trong giai đoạn Selucid. Giô-se-phút có trích dẫn Antiochus “Đại Đế” III (năm 223-187 trước Chúa) trong *Antiquities* 12:138-142.
- E. Quyền hạn này của thầy tế lễ tiếp tục được duy trì trong giai đoạn Mạc-ca-bê, theo Giô-se-phút trong *Antiquities* 13:10:5-6; 13:15:5.
- F. Dưới thời kỳ La mã, quan trấn thủ của xứ Sy-ri (Gabinius, vào khoảng năm 57-55 trước Chúa) thiết lập năm “Tòa công luận” địa phương (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 14:5:4; và *Wars* 1:8:5), chính quyền La mã giải thể cơ cấu này sau đó (năm 47 trước Chúa).
- G. Tòa công luận đã có một đối đầu chính trị với vua Hê-rốt trước đó (*Antiquities* 14.9.3-5); vào năm 37 trước Chúa, vua Hê-rốt trả thù bằng cách tử hình hầu hết thành viên Tòa tối cao (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 14.9.4; 15.1.2).
- H. Dưới quyền cai trị của các quan trấn thủ La mã (trong khoảng năm 6-66 sau Chúa), Giô-se-phút cho chúng ta biết (xem *Antiquities* 20.200,251) một lần nữa Tòa công luận tạo ảnh hưởng và quyền lực đáng kể (xem Mác 14:55). Có ba vụ xử án được ghi lại trong Tân ước, Tòa công luận dưới quyền lãnh đạo của gia đình thầy tế lễ cả thi hành án.
 1. Vụ xử án Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 14:53-15:1; Giăng 18:12-23,28-32)
 2. Phi-e-rơ và Giăng (xem Công-vụ 4:3-6)
 3. Phao-lô (xem Công-vụ 22:25-30)
- I. Khi người Do thái nổi loạn vào năm 66 sau Chúa, người La mã tàn phá thành Giê-ru-sa-lem và tiêu diệt xã hội Do thái vào năm 70 sau Chúa. Tòa công luận giải thể vĩnh viễn, dù rằng sau đó phe Pha-ri-si ở Jammia cố gắng đưa Tòa án tối cao (*Beth Din*) trở vào lại trong Do-Thái-Giáo, nhưng không phải trong chính trị và dân sự.

IV. Thành viên

- A. Kinh thánh đề cập lần đầu tiên đến Tòa án tối cao ở Giê-ru-sa-lem là trong II Sứ-ký 19:8-11. Nó gồm có (1) người Lê-vi; (2) các thầy tế lễ; và (3) trưởng các gia tộc (các trưởng lão, xem I Mạc-ca-bê 14:20; II Mạc-ca-bê 4:44).
- B. Trong thời kỳ Mạc-ca-bê, Tòa án tối cao bị áp đảo bởi (1) các gia đình thầy tế lễ người Sa-đu-sê và (2) giới quý tộc địa phương (xem I Mạc-ca-bê 7:33; 11:23; 14:28). Sau đó trong giai đoạn này, các thầy thông giáo (các luật sư về luật pháp Môi-se đa số là người Pha-ri-si) được bổ sung, có lẽ là bởi Salome vợ của Alexander Jannaeus (năm 76-67 trước Chúa). Bà

thậm chí đã tuyên bố làm cho nhóm người Pha-ri-si trở thành nhóm áp đảo trong Tòa công luận (xem Giô-se-phút, *Wars of the Jews* 1:5:2).

- C. Đến thời kỳ của Đức Chúa Giê-xu, Tòa án bao gồm
1. Các gia đình của các thầy tế lễ cả
 2. Thành viên của những gia đình quyền quý địa phương
 3. Các thầy thông giáo (xem 11:27; Lu-ca 19:47)

V. Các nguồn tài liệu tham khảo

- A. *Dictionary of Jesus and the Gospels*, IVP, trang 728-732
B. *The Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible*, vol. 5, trang 268-273
C. *The New Schaff-Herzog Encyclopedia of Religious Knowledge*, vol. 10, trang 203-204
D. *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, vol. 4, trang 214-218
E. *Encyclopedia Judaica*, vol. 14, trang 836-839

4:6 “An-ne” Tên của ông trong tiếng Hy Lạp là Hannas; Giô-se-phút gọi ông là Hannanos. Tên này dường như xuất phát từ chữ Do thái “thương xót” hay là “ân sủng” (*hānān*).

Trong Cựu ước, chức vụ thầy tế lễ cả kéo dài trọn đời và truyền lại trong dòng dõi của A-rôn. Tuy nhiên, người La mã biến chức vụ này thành trò chơi chính trị, bán nó cho một gia tộc Lê-vi. Thầy tế lễ cả kiểm soát và điều hành hoạt động kinh doanh trong phần sân dành cho phụ nữ của Đền thờ. Khi Đức Chúa Giê-xu dọn sạch Đền thờ, khiến gia đình này nổi giận.

Theo Giô-se-phút, An-ne giữ chức thầy tế lễ cả trong khoảng năm 6-14 sau Chúa. Ông được Quirinius, quan tổng trấn xứ Sy-ri bổ nhiệm và bị cất chức bởi Valerius Gratus. Dòng dõi của ông (5 người con trai và 1 người cháu trai) kế tục ông. Cai-phe (năm 18-36 sau Chúa), con rể của ông (xem Giảng 18:13), là người kế nhiệm của ông. Nhưng An-ne mới chính là người nắm quyền thực sự phía sau hậu trường. Giảng cho biết Đức Chúa Giê-xu bị giải đến ông trước nhất (xem 18:13,19-22).

▣ **“Cai-phe”** Ông được bổ nhiệm làm thầy tế lễ thượng phẩm bởi Valerius Gratus, quan tổng trấn xứ Giu-đê (xem MS D, *Iōnathas*, xem NEB, NJB) năm 18-36 sau Chúa.

▣ **“Giăng”** Đây có thể là “Giô-na-than”, Giô-se-phút cho chúng ta biết cũng là một trong những người con của Annas, trở thành thầy tế lễ cả vào năm 36 sau Chúa, tiếp theo Cai-phe. Tuy nhiên, bản UBS⁴ xếp loại “A” (chắc chắn) cho chữ *Iōannēs* (Giăng); ngay cả REB (danh hiệu tôn trọng chỉ quý ông trong tiếng Do thái) ám chỉ đến “Giăng”.

▣ **“A-léc-xan-đơ”** Chúng ta không biết điều gì về người này, nhưng ông có lẽ cũng giống như Giăng, là một thành viên của gia tộc An-ne hay là một lãnh đạo của nhóm Sa-đu-sê.

4:7 “Họ bắt Phi-e-rơ và Giăng đến hầu trước mặt mình” Các thành viên của Tòa công luận ngồi theo hình bán nguyệt trên một lễ đài.

▣ **“và hỏi rằng”** Đây là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE), chỉ (1) một hành động tiếp tục trong quá khứ hay (2) sự khởi đầu của một hành động.

▣ **“Bởi quyền phép nào hay là nhờ danh ai”** Họ ám chỉ rằng sự chữa lành được thực hiện bởi phép thuật (xem 19:13). Họ cũng đã sử dụng mách khéo này với Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 11:14-26; Mác 3:20-30). Họ không thể chối bỏ những phép lạ, do đó họ cố gắng công kích cách thức hay là nguồn gốc của quyền năng.

4:8 “đầy đầy Đức Thánh Linh” Đức Thánh Linh là nguồn của sự khôn ngoan và dạn dĩ của các Sứ đồ (xem Lu-ca 12:11-12; 21:12-15). Cần nhớ rằng đây chính là người không lâu trước đó đã chối Chúa vì sợ hãi (xem 4:13). Lưu ý rằng Phi-e-rơ được “đầy đầy” (xem 2:4; 4:8,31). Chi tiết này bày tỏ một kinh nghiệm lặp lại (xem Ê-phê-sô 5:18). Tham khảo ghi chú đầy đủ trong 2:4 và 3:10.

4:9 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) giả định là đúng theo chủ đích của tác giả.

▣ **“nếu ngày nay chúng tôi bị tra hỏi”** Cụm từ Hy Lạp này có nghĩa đen là “bị tòa tra hỏi” (xem 12:19; 24:8; 28:18; Lu-ca 23:14). Chữ này được sử dụng cho những người Do thái tại Bê-rê tra xem Kinh thánh để kiểm chứng xem Phao-lô giải nghĩa có chính xác hay không (xem 17:11).

▣ **“vì đã làm phước cho một người tàn tật”** Phi-e-rơ đang nhấn mạnh đến tính bất hợp lý của phiên Tòa dàn dựng bởi sự thù nghịch này: xét xử một phép lạ chữa lành kỳ diệu và sự thương xót. Lẽ ra họ phải ca ngợi Đức Chúa Trời.

▣ **“người đó được lành”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE) có nghĩa là chân người bại được hồi phục, hoàn toàn khoẻ mạnh.

4:10 “thì hết thầy các ông, và cả dân Y-so-ra-ên đều khá biết” đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE IMPERATIVE). Đức Thánh Linh khiến cho Phi-e-rơ dạn dĩ. Ông không bị khung cảnh xét xử làm cho sợ hãi. Những vị lãnh đạo này không thể giữ Đấng Christ trong ngôi mộ và họ cũng không thể chối cãi người bại được chữa lành đang đứng trước họ.

▣ **“ấy là nhơn danh Đức Chúa Jê-sus Christ ở Na-xa-rét”** Phi-e-rơ dùng câu hỏi của Tòa và trả lời cụ thể phép lạ đã xảy ra như thế nào. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giê-xu người Na-xa-rét trong 2:22.

▣ **“mà các ông đã đóng đinh”** đây là sự thật hiển nhiên. Chính họ đã chủ mưu sát hại Chúa Giê-xu. Lưu ý cụm từ “bị các ông” trong câu 11, nhấn mạnh tội lỗi của họ.

▣ **“Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại”** Tân ước xác nhận cả ba ngôi Đức Chúa Trời hành động trong sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu: (1) Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:11; (2) Đức Chúa Giê-xu, Giăng 2:19-22; 10:17-18; và (3) Đức Chúa Cha, Công-vụ 2:24,32; 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9. Đây là sự xác nhận lẽ thật về cuộc đời của Đức Chúa Giê-xu và sự giảng dạy về Đức Chúa Trời cũng như Đức Chúa Cha hoàn toàn chấp nhận sự chết thay của Đức Chúa Giê-xu. Đây là điểm chính của *Kerygma* (các bài giảng trong Công-vụ).

▣ **“hiện đứng trước mặt các ông”** Đây là cách chơi chữ của từ “đứng”. Người bại đứng lên và đứng trước mặt họ.

4:11 Đây là một trích dẫn Thi-thiên 118:22, nhưng không phải từ bản Masoretic hay là bản Septuagint (xem Ê-phê-sô 2:20; I Phi-e-rơ 2:4ff). Đức Chúa Giê-xu dùng trích dẫn này chỉ về Ngài trong Mác 12:10 và Lu-ca 20:17, từ bản Septuagint. Nó báo hiệu sự hoàn thành của lời tiên tri Cựu ước về đấng Mết-si-a bị chối bỏ, Đấng làm tâm điểm chương trình đời đời của Đức Chúa Trời cứu chuộc nhà Y-so-ra-ên và cả thế giới. Lời phát biểu này khiến cho những lãnh đạo người Do thái bị sốc (xem I Ti-mô-thê 2:5).

▣
NASB “viên đá góc chính”
NKJV “viên đá góc chính”
NRSV, NJB “viên đá góc”
TEV “viên đá quan trọng nhất”

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VIÊN ĐÁ GÓC NHÀ

I. Các cách dùng trong Cựu ước

- A. Khái niệm một viên đá như một vật thể cứng lâu bền dùng làm nền móng vững chắc được dùng để mô tả Đức Giê-hô-va (Thi thiên 18:1).
- B. Sau đó nó phát triển thành một danh hiệu của Đấng Mết-si-a (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 28:16).
- C. Nó trở thành biểu tượng của sự đoán xét từ Đức Giê-hô-va bởi Đấng Mết-si-a (Ê-sai 8:14; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45).
- D. Chữ này phát triển thành một hình ảnh về xây dựng
 1. Đá làm nền, được đặt đầu tiên, là đá vững chắc định các góc cạnh còn lại cho một căn nhà, được gọi là “viên đá góc nhà.”
 2. Nó cũng có thể chỉ viên đá cuối cùng được đặt xuống, là viên đá làm cho các bức tường kết chặt lại với nhau (Xa-cha-ri 4:7; Ê-phê-sô 2:20, 21), gọi là ‘đá đầu’ từ chữ *rush* trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là ‘cái đầu’
 3. Nó cũng có thể chỉ ‘đá chìa khóa,’ là viên đá đặt chính giữa vòm cửa để giữ trọng lượng của Toàn bộ bức tường.

II. Các cách dùng trong Tân ước

- A. Chúa Jêsus trích dẫn Thi thiên 118 một vài lần để chỉ về chính Ngài (Ma-thi-ơ 21:41-46; Mác 12: 10-11; Lu-ca 20:17)
- B. Phao-lô dùng Thi thiên 118 để liên hệ đến việc Đức Giê-hô-va từ chối dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn và bất trung (Rô-ma 9:33)
- C. Phao-lô dùng khái niệm ‘đá đầu’ trong Ê-phê-sô 2:20-22 để chỉ Đấng Christ
- D. Phi-e-rơ dùng khái niệm này về Chúa Jêsus trong I Phi-e-rơ 2:1-10. Chúa Jêsus là viên đá góc nhà và người tin Chúa là những đá sống (tức là người tin Chúa là các đền thờ, I Cô-rinh-tô 6:19), dựng trên Ngài (Chúa Jêsus là đền thờ mới, Mác 14:58; Ma-thi-ơ 12:6; Giăng 2:19-20).

Khi người Do Thái bác bỏ Chúa Jêsus là Đấng Mết-si-a thì họ cũng từ chối nền tảng hy vọng của họ.

III. Những tuyên bố thần học

- A. Đức Giê-hô-va cho phép Đa-vít/Sa-lô-môn xây cất đền thờ. Ngài bảo họ rằng nếu họ giữ giao ước, Ngài sẽ ban phước và ở cùng họ, nhưng nếu họ không làm như vậy, đền thờ này sẽ bị hoang tàn (I Các Vua 9:1-9)!
- B. Do thái giáo của các thầy ra-bi chú trọng đến hình thức và lễ nghi mà bỏ qua khía cạnh cá nhân của đức tin (đây không phải là câu tuyên bố gom đũa cả nắm; vì có những thầy ra-bi yêu mến Chúa). Đức Chúa Trời tìm kiếm một mối quan hệ cá nhân, tin kính hằng ngày với những người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27). Lu-ca 20:17-18 chứa đựng những lời đoán xét khiếp sợ.
- C. Chúa dùng khái niệm đền thờ để chỉ thân thể vật chất của Ngài. Điều này tiếp nối và mở rộng khái niệm đức tin cá nhân nơi Chúa Jêsus, là Đấng Mết-si-a, chìa khóa dẫn đến mối liên hệ với Đức Giê-hô-va.
- D. Sự cứu rỗi nhằm phục hồi ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người để mỗi tương giao với Đức Chúa Trời có thể thực hiện được. Mục đích của Cơ đốc giáo bây giờ là trở nên giống với Đấng Christ. Người tin Chúa phải trở nên đá sống xây theo khuôn mẫu của Đấng Christ (đền thờ mới).
- E. Chúa Jêsus là nền tảng đức tin của chúng ta và là đá đầu của đức tin chúng ta (tức là An-pha và Ô-mê-ga). Nhưng Ngài cũng là đá gậy vấp ngã và ngăn trở. Hụt mất Ngài là hụt mất tất cả. Không có một lập trường trung dung ở đây!

4:12 “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác” Đây là dạng PHỦ ĐỊNH ĐÔI (DOUBLE NEGATIVE). Không có sự cứu rỗi trong Áp-ra-ham hay là Môi-se (xem Giăng 14:6; I Ti-mô-thê 2:5). Quả thật là một lời tuyên bố chắn động. Nó thật là nghiêm ngặt nhưng cũng thật rõ ràng. Đức Chúa Giê-xu quả quyết rằng chỉ qua mối liên hệ cá nhân với Ngài mà con người mới có thể biết Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ dạn dĩ công bố điều này cho giới lãnh đạo ưu tú người Do thái. Do điều này mà Cơ-Độc-Giáo thường bị mang tai tiếng xấu là độc đoán. Không có điểm trung dung tại đây. Chỉ có thể lời tuyên bố này chính xác hay Cơ-Độc-Giáo là sai lạc.

▣ **“vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người”** ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) “ban cho” là dạng THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE). Đức Chúa Trời đã ấn định điều này. Đức Chúa Giê-xu là giải đáp của Ngài cho nhu cầu tâm linh của nhân loại. Tại đây không hề có kế hoạch dự phòng. Một quyển sách hay về những tuyên bố dành riêng cho Cơ-Độc-Giáo là *Dissonant Voices: Religious Pluralism and the Question of Truth* của H. A. Netland.

▣ **“cho loài người”** Lưu ý yếu tố phổ quát (xem Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:5; II Phi-e-rơ 3:9).

▣ **“để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu”** Cụm từ này có hai THỂ ĐỘNG TỪ (VERBALS).

1. *dei*, CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE), “chúng ta phải”
2. *sōthēnai*, NGUYÊN THỂ THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INFINITIVE) của *sōzō*.

Chữ “cứu” có hai cách dùng trong Tân ước.

1. Sự giải cứu thuộc thể (theo nghĩa Cựu ước, xem Ma-thi-ơ 9:22; Mác 6:56; Lu-ca 1:71; 6:9; 7:50; Công-vụ 27:20,31; Gia-cơ 1:21; 2:14; 4:12; 5:20)
2. Sự cứu rỗi tâm linh (cách dùng trong Tân ước, xem Lu-ca 19:10; Công-vụ 2:21,40,47; 11:14; 15:11; 16:30-31)

Người bại được chứng nghiệm cả hai điều này. Những lãnh đạo tôn giáo cần phải tin cậy Đức Chúa Giê-xu như là hy vọng duy nhất của họ để được tiếp nhận và tha thứ. Nhân loại cần được cứu rỗi và Đức Chúa Giê-xu là cách thức duy nhất cho sự cứu rỗi đã hoàn tất. Sự trích dẫn Cựu ước ở trong câu 12 chứng tỏ rằng Ngài luôn luôn là chương trình kế hoạch của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 8:14-15; 28:14-19; 52:13-53:12).

BẢN NASB 4:13-22

¹³ Khi chúng thấy sự dạn dĩ của Phi-e-rơ và Giăng, biết rõ rằng ấy là người dốt nát không học, thì đều lấy làm lạ; lại nhận biết hai người từng ở với Đức Chúa Jê-sus. ¹⁴ Nhưng vì thấy người được chữa lành đứng bên hai người, nên chúng không có lời gì để bẻ bác được hết. ¹⁵ Chúng biểu hai người ra khỏi tòa công luận rồi, bèn bàn luận cùng nhau, ¹⁶ rằng: Chúng ta xử với hai người này làm sao? Vì cả dân thành Giê-ru-sa-lem đều biết rõ thật họ đã làm ra một phép lạ sò sò; chúng ta chối không nổi. ¹⁷ Dầu vậy, hầu cho việc khởi đồn ra trong dân nữa, chúng ta nên lấy lời ngấm dọ, cầm họ, từ rày về sau, chớ lấy danh đó dạy dỗ không cứ là ai. ¹⁸ Họ bèn đòi hai người vào, rồi cầm tiệt, chẳng cho nhen danh Đức Chúa Jê-sus mà nói hay là dạy. ¹⁹ Nhưng Phi-e-rơ và Giăng trả lời rằng: Chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chăng? ²⁰ Vì, về phần chúng tôi, không có thể chẳng nói về những điều mình đã thấy và nghe. ²¹ Vậy, họ lại ngấm dọ hai người nữa, rồi tha ra, không tìm phương bắt tội, vì cơ dân chúng, bởi ai nầy đều ngợi khen Đức Chúa Trời về việc đã xảy ra. ²² Vả, người đã nhờ phép lạ cho được chữa bệnh đó, là người đã hơn bốn mươi tuổi.

4:13 “đốt nát” Đây là chữ *agrammatos*, có nghĩa là “văn tự” trong dạng TIỂU TỪ PHỦ ĐỊNH ALPHA (ALPHA PRIVATIVE). Chữ này có nghĩa là (1) họ không biết hay là vô học (xem Moulton, Milligan, *Vocabulary*, trang 6) hay là (2) không được huấn luyện trong các trường tu sĩ Do-Thái-Giáo (xem A. T. Robertson, *Word Pictures in the Greek New Testament*, vol. 3, trang 52 và *Lexicon*, vol. 1, của Louw và Nida, trang 328).

▣ **“không học”** Đây là chữ *idiōtēs*, thường được dịch là “thường dân” hay là “không được huấn luyện trong một lãnh vực nào đó”. Lúc đầu, chữ này ám chỉ một người dân bình thường để đối lập với người lãnh đạo hay là người đại diện. Sau đó, nó được dùng để phân biệt một người bên ngoài với thành viên của một nhóm (xem I Cô-rinh-tô 14:16,23-24; II Cô-rinh-tô 11:6).

Lưu ý những cách dịch khác nhau của cụm từ này trong các bản dịch Anh ngữ.

NASB, NKJV “người vô học và không được huấn luyện”

NRSV “người thường và vô học”

TEV “người thường không học thức”

NJB “người thường vô học”

▣ **“đều lấy làm lạ”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) giống như hai động từ sau đó. Chúng ám chỉ sự khởi đầu của một hành động hay là hành động lặp lại trong quá khứ, CHỈ ĐỊNH CÁCH (INDICATIVE MOOD). Mặc dù không phải là luôn luôn nhưng Lu-ca cũng thường hay sử dụng chữ này (18 lần trong Lu-ca và Công-vụ); chữ này thường có một hàm ý tích cực (xem Lu-ca 11:38; 20:26; Công-vụ 4:13; 13:41).

▣ **“lại nhận biết hai người từng ở với Đức Chúa Jê-sus”** Thật ra đây là một lời khen ngợi. Đức Chúa Giê-xu cũng không được huấn luyện trong các trường tu sĩ Do-Thái-Giáo, nhưng Ngài biết rõ Cựu ước. Ngài cũng đã học trong các trường của nhà hội như mọi trẻ em Do thái khác bị bắt buộc phải học (Phi-e-rơ và Giăng cũng vậy). Giới chức lãnh đạo nhận thấy sự dạn dĩ và quyền năng của Phi-e-rơ và Giăng. Hai đặc điểm này giống như trong Đức Chúa Giê-xu.

4:14 Tất cả mọi người đều biết người bại này, bởi vì hằng ngày ông ngồi tại cửa Đền thờ. Nhưng bây giờ thì ông không còn phải ngồi nữa. Đám đông trong đền thờ không thể chối bỏ điều này (xem câu 16,22).

4:15 Họ yêu cầu cả ba người rời khỏi nơi xử án trong khi họ thảo luận các quyết định và bàn tính cách thức chối bỏ và lừa gạt (xem 17-18).

4:17-18 Đây là kế hoạch của họ. Ngừng việc rao giảng về Đức Chúa Giê-xu và ngừng việc cứu dân chúng trong danh Ngài. Vậy còn những người đang ca ngợi Đức Chúa Trời về sự chữa lành thì sao (xem 3:8-9; 4:16)?

4:19 “có nên” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL), được dùng không vì thực tế, nhưng theo dòng lập luận. Phi-e-rơ và Giăng nghĩ rằng mệnh lệnh của họ không hợp lý (xem 5:28).

▣ **“đúng”** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong 3:14.

▣ **“Chính các ông hãy suy xét”** Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Họ đã lên án chính mình bằng những lời nói, việc làm, và động cơ của họ.

4:20 Phi-e-rơ và Giăng quả quyết rằng họ không thể chối bỏ những gì họ đã kinh nghiệm và họ sẽ không ngưng lại việc chia xẻ nó.

4:21 “họ lại ngăm dọa hai người nữa” Tôi thắc mắc rằng họ đe dọa điều gì. Đức Chúa Giê-xu đã được khiến sống lại từ cõi chết. Người bại đã được khiến đứng dậy. Những người lãnh đạo này sẽ làm gì với Phi-e-rơ and Giăng?

▣ **“không tìm phương bắt tội”** Điều này có thể cho biết một trong những chủ định của Lu-ca khi viết sách Công-vụ. Cơ-Đốc-Giáo không phải là mối đe dọa cho La mã hay là sự an bình của Giê-ru-sa-lem. Ngay cả Tòa công luận cũng không tìm được bằng chứng để kết án những lãnh đạo Cơ-Đốc-Giáo.

▣ **“vì có dân chúng”** Những nhân chứng của những sự kiện tại Giê-ru-sa-lem tôn trọng Hội thánh đầu tiên (xem 2:47). Các lãnh đạo Do thái cảm thấy bị đe dọa bởi những người bình dân này (sự phổ biến này) (xem 5:13,26).

BẢN NASB 4:23-31

²³ Khi chúng đã tha ra, hai người đến cùng anh em mình, thuật lại mọi điều các thầy tế lễ cả và các trưởng lão đã nói. ²⁴ Mọi người nghe đoạn, thì một lòng cất tiếng lên cầu Đức Chúa Trời rằng: Lạy Chúa, là Đấng dựng nên trời, đất, biển, cùng muôn vật trong đó, ²⁵ và đã dùng Đức Thánh Linh, phán bởi miệng tổ phụ chúng tôi, tức là đầy tớ Ngài, là vua Đa-vít, rằng: Vì sao các dân nổi giận, Lại vì sao các nước lập mưu vô ích? ²⁶ Các vua trên mặt đất dấy lên, Các quan hiệp lại, Mà nghịch cùng Chúa và Đấng chịu xức dầu của Ngài. ²⁷ Vả, Hê-rốt và Bô-xơ Phi-lát, với các dân ngoại, cùng dân Y-sơ-ra-ên thật đã nhóm họp tại thành này đặng nghịch cùng Đầy tớ thánh Ngài là Đức Chúa Jê-sus mà Ngài đã xức dầu cho, ²⁸ để làm mọi việc tay Ngài và ý Ngài đã định rồi. ²⁹ Nay, xin Chúa xem xét sự họ ngăm dọa, và ban cho các đầy tớ Ngài rao giảng đạo Ngài một cách dạn dĩ, ³⁰ gơ tay Ngài ra, để nhớ danh Đầy tớ thánh của Ngài là Đức Chúa Jê-sus, mà làm những phép chữa lành bệnh, phép lạ và dấu kỳ. ³¹ Khi đã cầu nguyện, thì nơi nhóm lại rúng động; ai nấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ.

4:23 Hai sứ đồ quay trở về Phòng Cao gặp các môn đồ.

4:24 “một lòng” Sự hiệp một trong tấm lòng và tâm trí là đặc điểm của Hội thánh ban đầu (xem 1:14; 2:46; 4:24; 5:12; 15:25). Có sức mạnh tâm linh và được tập trung lại thành hành động trong môi trường hiệp một có mục đích.

▣ **“Chúa”** Đây là chữ Hy Lạp *despota*, từ đây chúng ta có chữ “despot” trong Anh ngữ. Nó ám chỉ đến một đối tượng có thẩm quyền tuyệt đối. Tại đây nó ám chỉ Đức Chúa Cha (xem Lu-ca 2:29 và Khải-huyền 6:10). Chữ này cũng được dùng cho Đức Chúa Giê-xu (xem II Phi-e-rơ 2:1 and Giu-đe 4).

▣ **“Đấng dựng nên trời, đất, biển, cùng muôn vật trong đó”** Đây có thể là ám chỉ đến Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11. Nó cũng được trích dẫn trong 14:15 và sự thật được trình bày trong 17:24.

4:25 Có nhiều khác biệt trong phần đầu của câu này. Các bản chép tay xưa nhất như P⁷⁴, κ , A, và B đã kết hợp những dị bản tối nghĩa. Dù rằng không biết chính xác cách diễn đạt của lời văn, nhưng chủ đề trong bản văn thì rõ ràng. Để tham khảo đầy đủ nan đề và những giả thuyết về những sự kiện đã xảy ra xem Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, trang 321-323).

▣ **“đã dùng Đức Thánh Linh, phán bởi miệng tổ phụ chúng tôi, tức là đầy tớ Ngài, là vua Đa-vít”** Chi tiết này quả quyết sự linh cảm của Cựu ước. Đây là trích dẫn Thi-thiên 2:1-2 trong bản Septuagint, một Thi-thiên về Đấng Mết-si-a được dùng trong hoàng cung. Sự chống đối từ thế gian là điều đương nhiên, nhưng sự đắc thắng của Đức Giê-hô-va cũng vậy.

Trong sách Công-vụ, Lu-ca ghi lại một vài trích dẫn Cựu ước có liên hệ đến Phúc âm.

1. Giô-ên 2:1-5 trong Công-vụ 2:16
2. Thi-thiên 16:8-11 trong Công-vụ 2:25
3. Ê-sai 52:12-53:13 trong Công-vụ 3:18
4. Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15-20 trong Công-vụ 3:22
5. Sáng-thế Ký 12:3; 22:18 trong Công-vụ 3:25
6. Thi-thiên 118:22 trong Công-vụ 4:11
7. Thi-thiên 2:1-2 trong Công-vụ 4:25-26

Cơ-Độc-Giáo không phải là một điều gì đó mới lạ, nhưng là sự hoàn thành của Cựu ước (xem Ma-thi-ơ 5:17-48).

▣ **“các dân...các nước...Các vua...Các quan”** tại đây dường như các Sứ đồ đang sử dụng cách liên kết các từ mà các tu sĩ Do-Thái-Giáo sử dụng cho chữ “các quan”. Trong một ý nào đó, họ đang gọi Tòa công luận là *Goyim* (nghĩa là ngoại bang).

▣ **“nổi giận”** chữ này có nghĩa đen “khịt mũi” ám chỉ sự kiêu kỳ ngạo mạn.

▣ **“Chúa và Đấng chịu xúc dầu của Ngài”** Lưu ý rằng Đức Giê-hô-va và Đấng Mết-si-a được đề cập chung với nhau. Tôi ngạc nhiên khi họ không trích dẫn Thi-thiên 110:1.

Rất là khó cho người tin thuyết độc thần xác quyết thần tính trọn vẹn của Đấng Christ và thân vị của Đức Thánh Linh (xem câu 25). Tuy vậy, ba thân vị thần linh vĩnh hằng này cứ xuất hiện lặp lại nhiều lần trong bối cảnh Tân ước. Cần phải lưu ý rằng trong tất cả tác giả Kinh thánh ngoại trừ Lu-ca đều là những Cơ-Độc-Nhân Do thái độc thần. Phải có một điều căn bản triết đề nào đó khiến họ thay đổi xác nhận Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Phúc âm). Xem ghi chú đầy đủ về Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong 2:32.

4:27 “Đầy tớ thánh Ngài là Đức Chúa Jêsus mà Ngài đã xúc dầu cho” Lưu ý các danh hiệu của Đấng Mết-si-a.

1. Thánh (xem 3:14; 4:30)
2. Đầy tớ (*pais*, xem 3:13,26; 4:25,27,30)
3. Được xúc dầu (*chriō*, từ gốc của chữ Christ, xem Lu-ca 4:18; Công-vụ 4:27; 10:38)

Những câu này quả quyết bằng nhiều cách rằng Đức Chúa Giê-xu được Đức Giê-hô-va sai phái và trao thẩm quyền. Đức Chúa Giê-xu là chương trình đời đời và là phương cách cứu chuộc và tái tạo của Đức Chúa Trời (xem câu 28).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XÚC DẦU TRONG KINH THÁNH.

- A. Dùng để trang điểm (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:40; Ru-tơ 3:3; II Sa-mu-ên 12:20; 14:2; II Sứ-ký 28:1-5; Đa-ni-ên 10:3; A-mốt 6:6; Mi-chê 6:15)
- B. Dùng cho khách (xem Thi-thiên 23:5; Lu-ca 7:38,46; Giăng 11:2)
- C. Dùng chữa bệnh (xem Ê-sai 6:1; Giê-rê-mi 51:8; Mác 6:13; Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14) [sử dụng trong ý tiết trùng trong Ê-xê-chi-ên 16:9]
- D. Dùng trong việc chuẩn bị an táng (xem Sáng-thế Ký 50:2; II Sứ-ký 16:14; Mác 16:1; Giăng 12:3,7; 19:39-40)
- E. Dùng trong mục đích tôn giáo (như là một đồ vật, xem Sáng-thế Ký 28:18,20; 31:13 [trụ đá]; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:36 [bàn thờ]; Xuất Ê-díp-tô Ký 30:36; 40:9-16; Lê-vi Ký 8:10-13; Dân-số Ký 7:1 [đền tạm])
- F. Dùng trong việc bổ nhiệm những lãnh đạo
 1. Các thầy tế lễ
 - a. A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 28:41; 29:7; 30:30)

- b. Các con trai của A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 40:15; Lê-vi Ký 7:36)
- c. Như cụm từ hay là danh hiệu tiêu chuẩn (xem Dân-số Ký 3:3; Lê-vi Ký 16:32)
- 2. Các vua
 - a. bởi Đức Chúa Trời (xem I Sa-mu-ên 2:10; II Sa-mu-ên 12:7; II Các Vua 9:3,6,12; Thi-thiên 45:7; 89:20)
 - b. bởi các tiên tri (xem I Sa-mu-ên 9:16; 10:1; 15:1,17; 16:3,12-13; I Các Vua 1:45; 19:15-16)
 - c. bởi các thầy tế lễ (xem I Các Vua 1:34,39; II Các Vua 11:12)
 - d. bởi các trưởng lão (xem Các Quan Xét 9:8,15; II Sa-mu-ên 2:7; 5:3; II Các Vua 23:30)
 - e. Đức Chúa Giê-xu như là vị vua Mết-si-a (xem Thi-thiên 2:2; Lu-ca 4:18 [Ê-sai 61:1]; Công-vụ 4:27; 10:38; Hê-bơ-rơ 1:9 [Thi-thiên 45:7])
 - f. Những người tin theo Đức Chúa Giê-xu (xem II Cô-rinh-tô 1:21; I Giăng 2:20,27 [*chrisma*])
- 3. Có thể cho các thầy tiên tri (xem Ê-sai 61:1)
- 4. Các công cụ “không tin” được dùng cho sự giải cứu thiên thượng
 - a. vua Si-ru (xem Ê-sai 45:1)
 - b. vua Ty-ơ (xem Ê-xê-chi-ên 28:14)
- 5. Chữ hay là danh hiệu “Mết-si-a” có nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu”

▣ **“đã nhóm họp tại thành này dựng nghịch cùng Đầy tớ thánh Ngài”** Đây là danh sách những kẻ đối nghịch chống đối Đức Chúa Giê-xu tại Giê-ru-sa-lem.

1. Hê-rốt, quan cai trị xứ Pa-les-tin được chính quyền La mã bổ nhiệm
2. Bôn-xơ Phi-lát, lãnh đạo hành chính của Đế quốc La mã trong xứ Pa-les-tin
3. Dân ngoại, có thể ám chỉ đến quân đội La mã hay là người gia nhập Do-Thái-Giáo.
4. Dân Y-sơ-ra-ên, có thể ám chỉ đến giới chức cầm quyền Do thái và đám đông dân Do thái đã xin thả Ba-ra-ba và đóng đinh Đức Chúa Giê-xu.

4:28 “để làm mọi việc tay Ngài và ý Ngài đã định rồi” Ngay từ trước sự sáng tạo Đức Chúa Trời chuẩn bị trước chương trình cứu rỗi (xem Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; Ê-phê-sô 1:4; I Phi-e-rơ 1:20; Khải-huyền 13:8; Công-vụ 2:13; 3:18; 13:29). Những kẻ thù của Đấng Christ này chỉ thực hiện những điều trong ý định của Đức Chúa Trời muốn họ thực hiện. Đức Chúa Giê-xu đến để chết (xem Mác 10:45). “Tiền định” được dịch ra do một chữ được ghép gồm GIỚI TỪ (PREPOSITION) “trước” và “đặt giới hạn” (án định biên giới) (xem Rô-ma 8:29,30; I Cô-rinh-tô 2:7; Ê-phê-sô 1:5,11).

Những khúc Kinh thánh trình bày sự tiền định trong Tân ước là Rô-ma 8:28-30; Rô-ma 9; và Ê-phê-sô 1:3-14. Những khúc kinh văn này rõ ràng nhấn mạnh Đức Chúa Trời Toàn quyền. Ngài giữ Toàn quyền kiểm soát tất cả mọi việc kể cả lịch sử nhân loại. Có một chương trình cứu rỗi thiên thượng đã được định trước vận hành theo đồng thời gian. Tuy nhiên, chương trình này không độc đoán hay là phân biệt lựa chọn. Chương trình này không chỉ có được do quyền tối thượng và sự biết trước của Đức Chúa Trời, mà còn nơi những đức tính không đời đời của Ngài như: yêu thương, thương xót và ban cho ân điển mà con người không đáng nhận.

Chúng ta cần phải cân trọng với chủ nghĩa cá nhân tây phương (Hoa kỳ) của chúng ta hay là lòng truyền giáo nhiệt huyết tô vẽ chân lý sâu nhiệm này. Chúng ta cũng cần phải giữ mình khỏi bị phân cực vào những tranh cãi trong dòng lịch sử thần học giữa Augustine và Pelegius hay là giữa Calvinism và Arminianism.

Sự tiền định không phải là một giáo lý để giới hạn tình thương, ân sủng và sự thương xót của Đức Chúa Trời hay là để loại trừ cá nhân hay tập thể nào đó ra khỏi Phúc âm. Nó có ý nghĩa là để làm vững vàng những tín hữu qua việc hình thành thế giới quan của họ. Tình thương của Đức Chúa Trời là dành cho cả nhân loại (xem I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Đức Chúa Trời đang nắm quyền kiểm soát tất cả

mọi sự. Ai hay là điều gì có thể tách biệt chúng ta khỏi Ngài (xem Rô-ma 8:31-39)? Sự tiền định tạo nên một trong hai cách để nhìn cuộc sống. Đức Chúa Trời xem tất cả lịch sử đều như là hiện tại. Nhân loại bị ràng buộc theo thời gian. Quan điểm cùng với những khả năng hiểu biết của chúng ta bị giới hạn. Không có sự mâu thuẫn nào giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Nó là một cấu trúc giao ước. Đây là một dẫn chứng về đặc điểm những chân lý Kinh thánh được bày tỏ theo từng “đôi” biện chứng, nghịch lý, đầy mâu thuẫn. Các giáo lý Kinh thánh được trình bày trong những khía cạnh khác nhau. Chúng thường xem như là nghịch lý. Chân lý chính là sự quân bình giữa những “đôi” xem dường như là đối nghịch này. Chúng ta cần phải tránh việc xóa bỏ sự căng thẳng bằng cách chọn một phía của những lẽ thật. Chúng ta cần phải tránh việc cô lập lẽ thật Kinh thánh thành từng phần riêng lẻ.

Có điều quan trọng cần phải bổ túc ở đây: mục đích của sự chọn lựa không phải chỉ là để chúng ta được lên thiên đàng sau khi qua đời, nhưng là để có một đời sống giống-như-Đấng-Christ ngay bây giờ (xem Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Chúng ta được chọn lựa để trở nên “thánh khiết và không chỗ trách được”. Đức Chúa Trời chọn chúng ta để biến đổi đời sống chúng ta hầu cho bởi sự biến đổi này mà những người khác nhận biết và đáp ứng bằng sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Sự tiền định không phải là một đặc ân cá nhân, nhưng là một trách nhiệm giao ước. Chúng ta được cứu để phục vụ.

4:29 “giảng đạo Ngài” đây là dạng HIỆN TẠI CHỦ ĐỘNG NGUYÊN THỂ (PRESENT ACTIVE INFINITIVE). Đây là một lời cầu xin được tiếp tục dạn dĩ, mạnh mẽ (xem Ê-phê-sô 6:19 và Cô-lô-se 4:3) cùng với sự xác nhận được linh cảm (xem II Ti-mô-thê 3:15-17).



NASB	“với tất cả sự tự tin”
NKJV, NRSV, TEV	“với tất cả sự dạn dĩ”
NJB	“không chút sợ hãi”

Xem Chủ Đề Đặc Biệt sau đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ DẠN DĨ (*PARRĒSIA*)

Chữ Hy Lạp này là từ ghép giữa “tất cả” (*pan*) với “diễn thuyết” (*rhēsis*). Sự tự do và dạn dĩ rao giảng thường có nghĩa bao hàm của sự dạn dĩ trước sự chống đối hay là bất bớ (xem Giăng 7:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2).

Trong các tác phẩm của Giăng (xuất hiện 13 lần) chữ này thường có ẩn ý là một sự công bố công khai (xem Giăng 7:4, cũng như trong các thư tín của Phao-lô xem Cô-lô-se 2:15). Tuy nhiên, đôi khi từ này chỉ có nghĩa đơn giản là “rõ ràng” (xem Giăng 10:24; 11:14; 16:25,29).

Trong sách Công-vụ, các Sứ đồ rao giảng sứ điệp về Đức Chúa Giê-xu trong cùng một cách thức như Đức Chúa Giê-xu đã nói về Đức Chúa Cha cùng với những kế hoạch và lời hứa của Ngài (xem Công-vụ 2:29; 4:13,29,31; 9:27-28; 13:46; 14:3; 18:26; 19:8; 26:26; 28:31). Phao-lô nhờ cầu thay cho ông để ông có thể dạn dĩ rao giảng Phúc âm (xem Ê-phê-sô 6:19; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2) và sống Phúc âm (xem Phi-líp 1:20).

Sự hy vọng về đời sau trong Đấng Christ của Phao-lô đem lại cho ông sự dạn dĩ và tự tin để rao giảng Phúc âm trong thời kỳ tội lỗi hiện nay (xem II Cô-rinh-tô 3:11-12). Ông cũng có sự tự tin rằng những người tin theo Đức Chúa Giê-xu sẽ hành động cách phải lẽ (xem II Cô-rinh-tô 7:4).

Còn có thêm một khía cạnh nữa của chữ này. Người Do thái sử dụng nó theo một ý đặc biệt chỉ sự dạn dĩ trong Đấng Christ để đến với Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài (xem Hê-bơ-rơ 3:6; 4:16; 10:19,35). Những tín hữu đã được chấp nhận hoàn Tòan và được mời gọi bước vào mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Con.

4:30 “giơ tay Ngài ra...mà làm những phép chữa lành bệnh” Đây là một cụm từ dùng cử chỉ của con người để mô tả Đức Chúa Trời quyền năng và sự thương xót của Ngài. Những dấu hiệu này là một phương cách để xác nhận sứ điệp Phúc âm. Nó là một sứ điệp khác biệt hoàn toàn với những gì mà đám đông thánh giá đã từng nghe suốt đời họ trong nhà hội.

4:31 “nơi nhóm lại rúng động” Đức Chúa Trời khích lệ những chứng nhân này bằng một sự bày tỏ khác về quyền năng và sự hiện diện của Ngài, giống như Ngài đã làm tại Lễ Ngũ Tuần. Chử được dùng tại đây là chỉ gió thổi lên cánh buồm.

▣ **“ai nấy đều được đầy đầy Đức Thánh Linh”** Lưu ý tại đây một lần nữa tất cả mọi người được đầy đầy (xem 2:4; 4:8,31; 9:17; 13:9,52). Sự “đầy đầy” này là để công bố Phúc âm dạn dĩ, mạnh mẽ. Cũng cần lưu ý rằng dấu hiệu “tiếng lạ” không được đề cập. Mỗi khi dấu hiệu “tiếng lạ” được đề cập trong sách Công-vụ thì đó thường xảy ra trong bối cảnh truyền giảng Phúc âm vượt qua rào cản văn hóa-chủng tộc hay là/ rào cản địa lý.

BẢN NASB 4:32-35

³² Và, người tin theo đông lắm, cứ một lòng một ý cùng nhau. Chẳng ai kể của mình là của riêng; nhưng kể mọi vật là của chung cho nhau. ³³ Các sứ đồ lại lấy quyền phép rất lớn mà làm chứng về sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ; và hết thầy đều được phước lớn. ³⁴ Vì trong tín đồ không ai thiếu thốn cả, bởi những người có ruộng hay nhà, đều bán đi, bán được bao nhiêu tiền cũng đem đến ³⁵ đặt dưới chơn các sứ đồ; rồi tùy theo sự cần dùng của mỗi người mà phát cho.

4:32 “cứ một lòng một ý cùng nhau” Tinh thần hiệp một giữa những tín hữu (xem 1:14) phản ánh sự hiệp một trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 4:4-6). Cũng chính những chữ này được dùng trong Mác 12:30 phản ánh điều răn thứ nhất trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4-5.

▣ **“kể mọi vật là của chung”** Họ cảm nhận và hành động như một gia đình. Đây là nỗ lực đầu tiên của Hội thánh để trang trải những chi phí của mục vụ. Nó là tự nguyện và liên đới với nhau, chứ không phải bắt buộc. Tình thương và sự quan tâm chính là động lực, chứ không phải là chính thể hay là giai cấp xã hội.

4:33 “làm chứng về sự sống lại” Đây là chân lý cốt lõi trong sứ điệp của họ (xem I Cô-rinh-tô 15). Đức Chúa Giê-xu đã sống lại.

▣ **“hết thầy đều được phước lớn”** Từ các thư tín của Phao-lô, chúng ta biết được rằng một thời gian sau đó, Hội thánh này rất túng thiếu (xem Rô-ma 15:3; Ga-la-ti 2:10). Ân điển dư dật, cũng như sự sống dư dật (xem Giăng 10:10) không liên hệ nhiều đến vật chất. Lưu ý rằng sự dư dật này là cho tất cả mọi người, chứ không phải chỉ dành cho những người lãnh đạo, những người được nhận lãnh những ân tứ đặc biệt hay là những người thuộc về tầng lớp xã hội-kinh tế nào đó.

4:34 Hội thánh cảm thấy phải có tinh thần chịu trách nhiệm lẫn nhau. Những ai có thì ban cho cách rộng rãi cho những người có nhu cầu (xem câu 35). Đây không phải là chủ nghĩa cộng sản, nhưng là tình thương được thể hiện bằng hành động.

4:35 “đặt dưới chơn các sứ đồ” Đây là một tập tục văn hóa của việc tặng cho ai một điều gì đó. Họ đã đặt tiền và sản vật nơi chân các Sứ đồ bởi vì họ đã phó dâng đời sống mình nơi chân Đức Chúa Giê-xu.

☐ **“phát cho”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE), cho biết một hành động tiếp tục trong quá khứ.

☐ **“tùy theo sự cần dùng của mỗi người”** Có một lời nhận xét thú vị trong *Introduction to Biblical Interpretation* của Klein, Blomberg, và Hubbard, trang 451-453, rằng bản tuyên ngôn của Các Mác (Karl Marx) chứa đựng hai trích dẫn từ sách Công-vụ:

1. “Mỗi người tùy theo sức riêng” - 11:29
2. “Tùy theo sự cần dùng của từng người”

Sự giải nghĩa bị rắc rối là khi con người thời hiện đại cố gắng sử dụng Kinh thánh để cổ vũ cho những điều Kinh thánh không hề đề cập hay thực hiện. Kinh thánh không thể nào có những ý nghĩa cho chúng ta khác với ý nghĩa mà tác giả gởi đến độc giả nguyên thủy. Chúng ta có thể áp dụng đoạn kinh văn theo nhiều cách khác nhau tùy theo từng hoàn cảnh và văn hóa cụ thể, nhưng những sự áp dụng đó không thể tách rời khỏi ý định nguyên thủy của tác giả. Mỗi đoạn kinh văn đều chỉ có duy nhất một ý nghĩa, nhưng có nhiều áp dụng và có nhiều điều giá trị.

BẢN NASB 4:36-37

³⁶ **Vậy có Giô-sép mà các sứ đồ đặt tên là Ba-na-ba, nghĩa là con trai của sự yên ủi, về họ Lê-vi, quê hương tại Chíp-rơ,** ³⁷ **có một đám ruộng, bán đi, đem tiền đặt nơi chôn các sứ đồ.**

4:36 “Giô-sép, về họ Lê-vi” Cựu ước nghiêm cấm thầy tế lễ sở hữu ruộng đất, nhưng chính quyền La mã đã thay đổi nhiều điều trong xứ Pa-les-tin.

☐ **“các sứ đồ đặt tên là Ba-na-ba, nghĩa là con trai của sự yên ủi”** Đây có lẽ là ý nghĩa thông dụng của chữ “Ba-na-ba”. Trong tiếng A-ram, nó có nghĩa là “con của lời tiên tri”. Ông là bạn và là giáo sĩ đồng lao với Phao-lô. Eusebius, sử gia Hội thánh đầu tiên, cho biết ông là một trong bảy mươi môn đồ trong Lu-ca 10.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA-NA-BA

I. Con người

- A. Sinh tại đảo Chíp-rơ (Công-vụ 4:36)
- B. Thuộc về chi phái of Lê-vi (Công-vụ 4:36)
- C. Biệt danh là “con của sự an ủi” (Công-vụ 4:36; 11:23)
- D. Là một thành viên của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 11:22)
- E. Ông có ân tứ tiên tri và giáo sư (Công-vụ 13:1)
- F. Được gọi là một Sứ đồ (Công-vụ 14:14)

II. Chức vụ

- A. Tại Giê-ru-sa-lem
 1. Bán tài sản và dâng trọn số tiền cho các Sứ đồ để giúp đỡ người nghèo (Công-vụ 4:37)
 2. Lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 11:22)
- B. Cùng với Phao-lô
 1. Ông là một trong những người đầu tiên tin sự cải đạo của Phao-lô là chân thật (Công-vụ 11:24).
 2. Ông đi đến Tạt-sơ để tìm Phao-lô và đưa Phao-lô đến An-ti-ốt để gây dựng Hội thánh mới tại đó (Công-vụ 11:24-26).
 3. Hội thánh tại An-ti-ốt gởi Ba-na-ba và Sau-lơ đến Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem với số quyền góp giúp người nghèo (Công-vụ 11:29-30).

4. Ba-na-ba và Phao-lô cùng đi trong chuyến truyền giáo đầu tiên (Công-vụ 13:1-3)
5. Ba-na-ba là người lãnh đạo nhóm truyền giáo tại đảo Chíp-rơ (quê nhà của ông), nhưng không lâu sau đó quyền lãnh đạo của Phao-lô được ghi nhận (xem Công-vụ 13:13)
6. Họ báo cáo với Hội thánh Giê-ru-sa-lem: họ giải thích và tường trình công tác truyền giáo của họ giữa vòng người ngoại (xem Công-vụ 15, gọi là chương Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem).
7. Ba-na-ba và Phao-lô có sự bất đồng đầu tiên là về luật lệ thực phẩm Do thái và về nhóm tín hữu ngoại bang ghi lại trong Ga-la-ti 2:11-14.
8. Ba-na-ba và Phao-lô dự tính chuyến truyền giáo thứ hai, nhưng có một tranh cãi nổ ra liên quan đến người anh em họ của Ba-na-ba, Giăng (Mác) (xem Cô-lô-se 4:10), người đã bỏ dỡ công tác trong chuyến truyền giáo thứ nhất (xem Công-vụ 13:13). Phao-lô từ chối đem ông theo trong chuyến truyền giáo thứ hai, do đó đoàn truyền giáo chia rẽ (xem Công-vụ 15:36-41). Điều này dẫn đến có hai đoàn truyền giáo Ba-na-ba/Giăng (Mác) và Phao-lô/Si-la.

III. Truyền thống Hội thánh (theo Eusebius)

- A. Ba-na-ba là một trong bảy mươi môn đồ được Đức Chúa Giê-xu sai phái (xem Lu-ca 10:1-20).
- B. Ông là một Cơ-Đốc-Nhân tử đạo tại quê hương ông, đảo Chíp-rơ.
- C. Giáo phụ Tertullian nói rằng Ba-na-ba viết sách Hê-bơ-rơ.
- D. Clement of Alexandria nói rằng Ba-na-ba viết sách Thư Tín của Ba-na-ba (không được kể là kinh điển).

4:37 “có một đám ruộng” Đây không phải là chữ thông thường chỉ một miếng đất. Nó có thể ám chỉ đến một chỗ chôn cất, một nghĩa địa. Chương 5 cho thấy hiểm họa của việc lạm dụng tài chính trong mục vụ (ganh tỵ, dối trá và cái chết).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Những người Sa-đu-sê là ai? Tại sao họ quá giận?
2. Tòa công luận là gì?
3. Đâu là điểm quan trọng của Thi-thiên 118?
4. Tại sao câu 12 lại quá quan trọng?
5. Sự tiền định trong câu 28 ám chỉ đến cá nhân hay là chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời? Tại sao?
6. Lu-ca có đang cố gắng thiết lập một tiền lệ cho Hội thánh trong 4:32-5:11 không?

CÔNG VỤ ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
A-na-nia và Sa-phi-ra	Dối gạt Đức Thánh Linh	Sự chia xẻ tài vật (4:32-5:11) 4:32-5:6	A-na-nia và Sa-phi-ra	Sự lừa dối của A-na-nia và Sa-phi-ra
5:1-11	5:1-11	5:7-11	5:1-6 5:7-8 5:9-11	5:1-6 5:7-11
Nhiều dấu kỳ phép lạ được thi hành	Quyền năng tiếp tục được bày tỏ trong Hội thánh	Các Sứ đồ bị bắt giam lần thứ hai	Những dấu kỳ và phép lạ	Tình hình chung
5:12-16	5:12-16	5:12-16	5:12-16	5:12-16
Sự bắt bớ các Sứ đồ	Các Sứ đồ bị bắt giam và được thả		Các Sứ đồ bị bắt bớ	Các Sứ đồ bị bắt và được giải cứu
5:17-26	5:17-21		5:17-21a	5:17-18 5:19-21a Bị gọi trình diện trước Tòa công luận
	Các Sứ đồ bị xử án một lần nữa 5:22-32	5:21b-26	5:21b-26	5:21b-26
5:27-32		5:27-32	5:27-28	5:27-33
	Lời đề nghị của Ga-ma-li-ên	Ga-ma-li-ên	5:29-32	
5:33-42	5:33-42	5:33-39a	5:33-39a	Sự can thiệp của Ga-ma-li-ên 5:34-39a
		5:39b-42	5:39b-42	5:39b-41 5:42

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 5:1-6

¹ Nhưng có một người tên là A-na-nia, thuận với vợ là Sa-phô-ra, bán gia sản mình, ² và đồng mưu với vợ, giữ lại một phần tiền giá bán; rồi mới đem phần còn lại đặt dưới chơn các sứ đồ. ³ Phi-e-rơ bèn nói với người rằng: Hỡi A-na-nia, sao quỷ Sa-tan đã đầy dẫy lòng ngươi, đến nỗi ngươi nói dối cùng Đức Thánh Linh, mà bớt lại một phần giá ruộng đó? ⁴ Nếu ngươi chưa bán ruộng đó, há chẳng phải là của ngươi sao? Khi bán rồi, giữ giá đó há chẳng được sao? Điều đó nhập vào lòng những thế nào? Ấy chẳng phải ngươi nói dối loài người, bèn là nói dối Đức Chúa Trời. ⁵ A-na-nia nghe bấy nhiêu lời, thì ngã xuống và tắt hơi; phạm người nào hay điều đó đều sợ hãi quá đỗi. ⁶ Nhưng các gã trẻ tuổi đứng dậy khâm liệm thây người và đem đi chôn.

5:1 “A-na-nia” Tên đầy đủ trong tiếng Do thái là Hananiah, có nghĩa là “Đức Giê-hô-va đầy ơn” hay là “Đức Giê-hô-va ban đầy ơn”

▣ **“Sa-phi-ra”** Bà là vợ của A-na-nia. Tên của bà trong tiếng A-ram có nghĩa là xinh đẹp. Cả hai đều là người tin đạo.

5:2 “giữ lại” Cũng chính chữ này (*nosphizomai*) được dùng trong bản Septuagint (LXX) tại Giô-suê 7:1 để trình bày tội lỗi của A-can. F. F. Bruce có nhận định rằng những gì A-na-nia gây cho Hội thánh đầu tiên cũng giống như những gì A-can làm trong cuộc chinh phục đất hứa. Tội lỗi này có nguy cơ gây tổn hại đến cho cả Hội thánh. Chữ này cũng được dùng trong Tít 2:10 chỉ những nô lệ trộm cắp đồ đạc của chủ.

▣ **“đem phần còn lại đặt dưới chơn các sứ đồ”** Việc làm này bắt chước giống như Ba-na-ba trong 4:37. Đôi vợ chồng này có quyền tự do bán hay không bán tài sản cá nhân của họ (xem câu 4). Họ cũng có quyền tự do dâng trọn tất cả hay chỉ một phần cho công việc của Đức Chúa Trời. Nhưng họ không có quyền chỉ dâng một phần mà lại xưng rằng mình đã dâng trọn. Động cơ và hành động dối trá bày tỏ tấm lòng của họ (xem câu 4c; Lu-ca 21:14). Đức Chúa Trời xem xét trong tấm lòng (xem I Sa-mu-ên 16:7; I Các Vua 8:39; I Sứ-ký 28:9; Châm-ngôn 21:2; Giê-rê-mi 17:10; Lu-ca 16:15; Công-vụ 1:24; Rô-ma 8:27).

5:3 “Sa-tan...Đức Thánh Linh” Chi tiết này bày tỏ sự hiện hữu hai thể linh đang hành động trong thế giới và cuộc đời của chúng ta. Trong Ê-phê-sô 2:2-3 liệt kê ba kẻ thù của nhân loại sau giai đoạn sáng thế: (1) hệ thống thế giới sa ngã; (2) tư dục; và (3) bản chất sa ngã của con người.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tớ của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình

của họ.

2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không thuộc kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.

3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng cố chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khai thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)

2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)

3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sử ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẩn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh

vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn Tàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương Khải tượng (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự căm dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

▣ **“đầy dẫy”** Đây cũng là chữ được dùng cho Đức Thánh Linh (xem Ê-phê-sô 5:18). Sự đầy dẫy đòi hỏi phải có sự hợp tác. Chúng ta đã được đầy dẫy với “điều gì đó”. Sa-tan có tác động nhưng chính chúng ta phải chịu trách nhiệm (xem Lu-ca 22:3-6). Tôi giới thiệu quyển *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare*, của Clinton E. Arnold. Tại đây cũng là một bằng chứng về sự ảnh hưởng của quyền lực ma quỷ trên đời sống của tín hữu (xem I Giăng 5:18-19). Xem ghi chú đầy đủ trong 2:4 và 3:10.

▣ **“nói dối cùng Đức Thánh Linh”** Họ đã dối gạt Phi-e-rơ và Hội thánh, nhưng thực ra họ dối gạt Đức Thánh Linh. Về phương diện thần học, điều này tương tự như khi Đức Chúa Giê-xu hỏi Phao-lô trên đường đến Đa-mách, “Tại sao ngươi bắt bớ Ta?” (xem Công-vụ 9:4). Phao-lô bắt bớ những tín hữu, nhưng Đức Chúa Giê-xu xem đó là bắt bớ Ngài, giống như Đức Thánh Linh tại đây. Đây nên là lời cảnh báo cho những tín hữu trong thời hiện đại.

5:4 “Áy chẳng phải ngươi nói dối loài người, bèn là nói dối Đức Chúa Trời” Không phải vì họ đã giữ lại một phần số tiền, nhưng chính vì họ đã lừa gạt để tôn mình là thiêng liêng. Lưu ý là ngay cả với một việc làm tốt đẹp, ban cho rộng rãi nhưng nếu được thực hiện bởi động cơ xấu thì vẫn là tội. Lưu ý Đức Thánh Linh được đề cập trong câu 3 thì tại đây được xưng là Đức Chúa Trời.

5:5 “ngã xuống và tắt hơi” Trong thế giới cổ đại, hơi thở cuối cùng được xem là bằng chứng linh hồn đã rời khỏi thân xác con người (xem Các Quan Xét 4:2; Ê-xê-chi-ên 21:7 trong bản LXX). Chữ này hiếm khi được tìm thấy trong Tân ước và chỉ xuất hiện trong sách Công-vụ (xem 5:4,10; 12:23). Đây là một ví dụ của sự phán xét ngay tức thì. Điểm này tương tự như sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với những con trai của A-rôn trong Lê-vi Ký 10. Đối với Đức Chúa Trời, tội lỗi là điều vô cùng nghiêm trọng. Nó khiến mất sự sống (xem II Các Vua 14:6; Ê-xê-chi-ên 18:4,20).

▣ **“phàm người nào hay điều đó đều sợ hãi quá đỗi”** Có thể đây là mục đích của sự phán xét ngay trong thời điểm này. Nó cũng có thể tương tự như cái chết của Na-đáp và A-bi-hu trong Cựu ước ở Lê-vi Ký 10 và của U-xa trong II Sa-mu-ên 6. Theo I Cô-rinh-tô 11:30; Gia-cơ 5:20; và I Giăng 5:16-17, có thể giả định rằng một số tội lỗi của những tín hữu gây ra hậu quả là cái chết sớm. Rất khó để giữ sự quân bình

giữa đặc tính thánh khiết của Đức Chúa Trời (sự siêu việt vượt trội hơn con người) và địa vị Cha Thiên Thượng của Ngài (nội tại, gần gũi với mọi tạo vật).

5:6 “đem đi chôn” Người Do thái trong thế kỷ thứ nhất không ướp xác (hiện giờ cũng vậy) có lẽ bởi vì Sáng-thế Ký 3:19 (xem Thi-thiên 103:14; 104:29). Một xác chết phải được chôn cất nhanh chóng, thường là chỉ trong ngày. Bởi vì tội của A-na-nia nên không có lễ tưởng niệm hay là thực hiện nghi thức chôn cất theo Cơ-Độc-Giáo.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẬP TỤC CHÔN CẤT

I. Mê-sô-pô-ta-mi

- A. Việc chôn cất đúng cách rất quan trọng cho hạnh phúc trong “đời sau”.
- B. Ví dụ có một lời nguyện rủa của người Mesopotami là, “Cầu cho đất không nhận thân xác người”.

II. Cựu ước

- A. Chôn cất đúng cách rất quan trọng (xem Truyền-đạo 6:3).
- B. Nó được thực hiện rất nhanh chóng (xem Sa-ra trong Sáng-thế Ký 23 và Ra-chên trong Sáng-thế Ký 35:19 cũng như lưu ý Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23).
- C. Việc chôn cất không đúng cách là dấu hiệu của sự khước từ và tội lỗi.
 - 1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:26
 - 2. Ê-sai 14:2
 - 3. Giê-rê-mi 8:2; 22:19
- D. Nếu có thể thì việc chôn cất được tiến hành nơi phần mộ gia đình hay là hang động trong khu vực sinh sống.
- E. Không có ướp xác giống như ở Ai-cập. Con người từ bụi đất và phải trở về bụi đất (Sáng-thế Ký 3:19; Thi-thiên 103:14; 104:29).
- F. Trong Do-Thái-Giáo, khó để quân bình giữa việc tôn trọng và xử lý xác chết với khái niệm bị ô uế vì tiếp xúc với người chết.

III. Tân ước

- A. Việc chôn cất được thi hành nhanh chóng sau khi chết, thường là trong vòng hai mươi bốn giờ. Người Do thái thường trông chừng ngôi mộ trong ba ngày vì tin rằng linh hồn có thể nhập lại vào xác chết trong khoảng thời gian đó (xem Giăng 11:39).
- B. Việc chôn cất bao gồm làm sạch xác và quấn lại với những hương liệu (xem Giăng 11:44; 19:39-40).
- C. Trong thế kỷ thứ nhất tại vùng Pa-les-tin, không có sự khác biệt trong nghi thức chôn cất hay những vật đặt trong mộ giữa Do-Thái-Giáo và Cơ-Độc-Giáo.

BẢN NASB 5:7-11

⁷ Khi đó độ ba giờ, vợ người bước vào, vốn chưa hề biết việc mới xảy đến. ⁸ Phi-e-rơ cất tiếng nói rằng: **Hãy khai cho ta, người đã bán đám ruộng giá có ngàn ấy phải không? Thưa rằng: Phải, giá ngàn ấy đó.** ⁹ Phi-e-rơ bèn rằng: **Sao các người dám đồng mưu để thử Thánh Linh của Chúa? Kìa, chơn những kẻ chôn chồng người đang ở ngoài cửa, họ sẽ đem người đi luôn.** ¹⁰ Chính lúc đó, nàng té xuống nơi chơn Phi-e-rơ và tắt hơi. Các gã tuổi trẻ trở về, thấy nàng đã chết, bèn khiêng đi chôn bên chồng nàng. ¹¹ Cả Hội thánh đều rất sợ hãi, cho đến người nào nghe tin cũng vậy.

5:7 “độ ba giờ” Chi tiết này bày tỏ tính sống động từ tường trình của nhân chứng. Điểm đặc biệt của Lu-ca khi viết thường chú ý đến những chi tiết. Điều này thể hiện cả văn phong và phương pháp nghiên cứu của ông.

5:8 Sự dối trá, giả vờ vẫn tiếp tục.

5:9 “thử” Có hai chữ Hy Lạp được dùng với nghĩa “thử”. Tại đây là chữ có ẩn ý “thử xem với ý hướng đến sự hủy hoại”. Chữ này có thể phản ánh Xuất Ê-díp-tô Ký 17:2 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:16, những khúc kinh văn cảnh báo việc “thử” Đức Giê-hô-va (xem Thi-thiên 78:18,41,56).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ GÀN NGHĨA

Có hai từ Hy Lạp mang ý nghĩa thử nghiệm có mục đích với một người nào đó.

A. *Dokimazo, dokimion, dokimasia*

Đây là thuật ngữ của những nhà luyện kim dùng để thử nghiệm tính xác thực của một vật (nghĩa bóng, của một người) bằng lửa. Lửa làm lộ ra kim khí thật bằng cách đốt cháy đi (tẩy đi) những cặn bã. Tiến trình vật lý này trở nên một thành ngữ rất hiệu quả để chỉ sự thử nghiệm của Chúa, của Sa-tan hoặc những nguyên nhân khác để thử nghiệm con người. Từ ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực hướng tiến đến sự chấp nhận.

Nó được dùng trong Tân ước nói về sự thử nghiệm:

1. Con bò, Lu-ca 14:19
2. Chính chúng ta, I Cô-rinh-tô 11:28
3. Đức tin, Gia-cơ 1:3
4. Ngay cả chính Chúa, Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả của những cuộc thử nghiệm này được cho là tích cực (Rô-ma 1:28; 14:22; 16:10; II Cô-rinh-tô 10:18; 13:3; Phi-líp 2:27; I Phi-e-rơ 1:7). Vì vậy, từ ngữ này chuyển tải ý nghĩa một người được thử nghiệm và cho thấy là:

1. Xứng đáng
2. Tốt
3. Thật
4. Có giá trị
5. Đáng tôn trọng

B. *Peirazo, peirasmos*

Từ ngữ này có ý nghĩa thử thách với mục đích tìm ra cái sai hoặc để từ chối. Nó thường được dùng với cảm dỗ của Chúa Giê-sus trong đồng vắng.

1. Nó mang ý nghĩa tìm cách để gài bẫy Chúa (Ma-thi-ơ 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; 10:25; Hê-bơ-rơ 2:18).
2. Chữ này được dùng làm danh hiệu cho Sa-tan trong Ma-thi-ơ 4:3; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5.
3. Chúa Giê-xu dùng chữ này (trong dạng từ ghép *ekpeirazo*) khi nói: “không được thử Chúa” (Ma-thi-ơ 4:7; Lu-ca 4:12; I Cô-rinh-tô 10:9). Nó nói lên một toan tính làm một việc gì đó mà thất bại (Công-vụ 9:20; 20:21; Hê-bơ-rơ 11:29). Chữ này được dùng khi nói đến những cảm dỗ và thử thách cho người tin Chúa (I Cô-rinh-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ 1:2, 13,14; I Phi-e-rơ 4:12; II Phi-e-rơ 2:9).

5:10 Chữ này dùng để chỉ “thanh niên” (*neōteroi* trong câu 6 thì khác với chữ *neanikoi* trong câu 10). Không rõ đây có phải là chủ ý về cách dùng đa dạng của tác giả hay là những nhóm thanh niên khác nhau trong Hội thánh. Cả hai chữ Hy Lạp đều có chung một từ gốc (*neos*).

5:11 “đều rất sợ hãi, cho đến người nào nghe tin cũng vậy” Lu-ca sử dụng chữ *phobos* vài lần theo nghĩa cảm xúc của đám đông (xem Lu-ca 1:69; 3:37; Công-vụ 19:17). Đối với những tín hữu, nó là lòng sùng kính, tôn trọng và kính sợ; còn đối với những người không tin là linh tính, sợ và kinh hãi (xem Lu-ca 12:4-5; Hê-bơ-rơ 10:31).

☐ **“Hội thánh”** Đây là lần đầu tiên chữ này được dùng trong sách Công-vụ, mặc dù trong Textus Receptus nó xuất hiện tại 2:47. Đây là chữ Hy Lạp *ekklesia*. Chữ này kết hợp từ hai chữ “ra khỏi” và “kêu gọi”; do đó, chữ này ám chỉ những người được nhận sự kêu gọi thiêng liêng. Hội thánh ban đầu chọn lấy chữ này từ cách sử dụng thông thường (xem Công-vụ 19:32,39,41) và bởi vì bản Septuagint dùng chữ này để cho “hội chúng” của Y-sơ-ra-ên (xem Dân-số Ký 16:3; 20:4). Họ dùng chữ này cho chính mình như là một sự tiếp nối của dân sự Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Họ chính là Y-sơ-ra-ên mới (xem Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 2:5,9; Khải-huyền 1:6), sự hoàn thành sứ mạng Toàn cầu của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6).

BẢN NASB 5:12-16

¹² Bây giờ, có nhiều phép lạ dấu kỳ được làm ra trong dân bởi tay các sứ đồ; và các môn đồ đều hiệp một lòng nhóm nhau dưới hiên cửa Sa-lô-môn. ¹³ Dầu vậy, chẳng một kẻ nào khác dám nhập bọn với môn đồ, nhưng dân chúng thì cả tiếng ngợi khen. ¹⁴ Số những người tin Chúa càng ngày càng thêm lên, nam nữ đều đông lắm, ¹⁵ đến nỗi người ta đem kẻ bệnh để ngoài đường, cho nằm trên giường nhỏ hoặc trên chõng, để khi Phi-e-rơ đi ngang qua, bóng của người ít nữa cũng che được một vài người. ¹⁶ Dân sự ở các thành Giê-ru-sa-lem, đem đến những người đau ốm và kẻ bị tà ma khuấy hại, thì hết thấy đều được chữa lành.

5:12-16 Đây là một tóm lược văn tắt, là một đặc điểm của sách Công-vụ (xem 2:43-47 và 4:32-35).

5:12 “nhiều phép lạ dấu kỳ” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG (biến cách) KHÔNG HOÀN TOÀN (IMPERFECT PASSIVE [deponent] INDICATIVE). Hai chữ này xuất hiện trong sự trích dẫn Giô-ên đoạn 2 của Phi-e-rơ trong Công-vụ 2:19. Các phép lạ được lặp lại (xem 2:43; 4:30; 5:12; 6:8; 7:36; 14:3; 15:20). Cần nhớ rằng những phép lạ không phải luôn luôn là biểu hiện của thần linh (xem Ma-thi-ơ 24:24; và II Tê-sa-lô-ni-ca 2:9), nhưng nó đã và đang là một cách thức để kiểm chứng sự điệp của Cơ-Độc-Nhân.

☐ **“đều hiệp một lòng”** Xem ghi chú trong 1:14.

☐ **“hiên cửa Sa-lô-môn”** Đây là một dãy cột mà mọi người được phép đứng trong khu vực Đền thờ dọc theo tường hướng đông của Sân người ngoại bang. Đức Chúa Giê-xu đã thường giảng dạy tại đây (xem Giảng 10:23). Đây cũng là địa điểm Phi-e-rơ và Giảng bị bắt giam lần đầu.

5:13

NASB	“không ai trong số còn lại dám gia nhập với họ”
NKJV, NRSV	“không ai trong số còn lại dám gia nhập với họ”
TEV	“không có ai ngoài hội dám gia nhập với họ”
NJB	“không ai khác dám gia nhập với họ”

Đây là một cụm từ bất thường. Nó dường như bày tỏ khía cạnh tiêu cực của sự sợ hãi. Có nhiều nhóm người được ám chỉ trong bối cảnh tại đây (xem câu 12-16). Đối với đa số, những sự kiện này là sự bày tỏ đức tin trong đấng Christ (xem #5 và có thể là #6 và #7) hay là một sự xác nhận của đức tin trong Đấng Christ (điểm #3).

1. Các Sứ đồ, câu 12
2. Dân chúng, câu 12,13

3. Những tín hữu (hiệp một lòng tại hiên cửa Sa-lô-môn), câu 12
4. Những người còn lại (giới lãnh đạo Do thái), câu 13
5. Những tín hữu mới, câu 14
6. Những người bệnh tại Giê-ru-sa-lem, câu 15
7. Những người bệnh, bị quỷ ám từ các làng lân cận, câu 16

Chữ “hợp lại” ở dạng NGUYÊN THỂ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE INFINITIVE) có nghĩa đen là “dán hay gắn lại với nhau”. Lu-ca thường hay sử dụng chữ này với nhiều nghĩa đa dạng. Tại đây, chữ này ám chỉ rằng họ không trở thành một phần của nhóm mới (những người tin Đức Chúa Giê-xu là đấng Mê-ti-a được hứa).

5:14 “những người tin” Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỰ CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE), chỉ một hành động tiếp tục. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:40.



NASB, TEV, NJB, NIV “trong Chúa”
NKJV, NRSV “từ Chúa”

Dạng ngữ pháp này (hệ thống tám thể cách) có thể hiểu như TẶNG CÁCH (DATIVE) “cho” hay là “đến” hoặc là CÁCH VỊ TRÍ (LOCATIVE) “trong, ở trong”. Tôi nghĩ đây là một cách thức để chứng tỏ những tín hữu thuộc về Chúa. Chúng ta thuộc về Ngài, Ngài là của chúng ta.

▣ **“càng ngày càng thêm lên”** Lu-ca thường hay dùng những câu tóm tắt sự tăng trưởng của Hội thánh (xem 2:47; 5:14; 6:7; 9:31; 12:24; 16:5; 19:20).

5:15 “để khi Phi-e-rơ đi ngang qua, bóng của người ít nữa cũng che được một vài người” Những phép lạ trong giai đoạn này thông thường như một cách thức để chứng nhận Phúc âm. Phi-e-rơ hiển nhiên là phát ngôn viên cho các Sứ đồ. Cũng một cách thức chứng nhận, chữa lành này lặp lại sau đó qua Phao-lô (xem 19:12).

Là những người giải nghĩa, chúng ta cần phải nhớ rằng những phép lạ được ban cho để:

1. Bày tỏ sự thương xót của Đức Chúa Trời
2. Bày tỏ chân lý của Phúc âm
3. Bày tỏ ai là người lãnh đạo được Đức Chúa Trời kêu gọi

Những dấu hiệu này được ban cho trong môi trường văn hóa cụ thể, với một mục đích xác định. Bởi vì Đức Chúa Trời đã thi hành tại đây, nó không đương nhiên có nghĩa rằng Ngài sẽ làm điều giống như vậy trong mỗi giai đoạn lịch sử trong mọi nền văn hóa. Không phải vì Đức Chúa Trời không chủ động hay là kém thương xót trong mỗi thời đại, nhưng dân sự của Đức Chúa Trời phải đi bởi đức tin chứ không phải bởi mắt thấy. Những phép lạ tiếp tục bày tỏ, nhưng sự cứu rỗi của tội nhân phải là mục tiêu lớn nhất chứ không phải sự chữa lành thuộc thể cho những con người sẽ phải chết.

Đối với tôi dường như Đức Chúa Trời không hề thay đổi. Bản tính của Ngài, quyền năng, sự thương xót và lòng mong ước cho mọi người được cứu vẫn y nguyên. Nhưng nhìn từ khía cạnh thần học lịch sử, có hai giai đoạn quan trọng của những dấu hiệu siêu nhiên mạnh mẽ từ cả Đức Chúa Trời và Sa-tan.

1. Khoảng thời điểm hình thành và phát triển của Hội thánh đầu tiên
2. Trước những sự kiện của thời tận thế khi mà những tín hữu sẽ ở dưới sự bắt bớ kinh khiếp

Tôi muốn trích dẫn A. T. Robertson, trong quyển *Word Pictures in the New Testament*, vol. III, trang 62

“Dĩ nhiên là không có đặc ân hay là quyền phép gì trong cái bóng của Phi-e-rơ. Đó là đức tin kèm theo với sự mê tín giống như những trường hợp tương tự xuất hiện trong các sách Phúc âm (Ma-thi-ơ 9:20; Mác 6:56; Giăng 9:5) và việc sử dụng khăn của Phao-lô (Công-vụ 19:12). Đức Chúa Trời quý trọng ngay cả đức tin “mê tín” nếu đó là đức tin chân thật nơi Ngài. Chỉ có một số ít người hoàn toàn tránh khỏi sự mê tín”.

5:16 “hết thấy đều được chữa lành” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE), khẳng định mỗi người đều được chữa lành (tác nhân chữa lành không được bày tỏ nhưng chắc hẳn là Đức Thánh Linh), lặp đi lặp lại, cho đến khi không còn một ai cần được chữa lành nữa.

Đây là một câu thuộc thể loại tổng kết. Chúng ta có thể hiểu câu này theo nghĩa đen không (tất cả mọi người)? Đức Chúa Giê-xu đòi hỏi phải có đức tin hay là dùng sự chữa lành để (1) huấn luyện các môn đồ hoặc (2) để khiến đám đông lắng nghe.

Điều khiến tôi kinh ngạc là không phải tất cả mọi người được chữa lành trong Tân ước đều được “cứu” cùng lúc (tin cậy Đấng Christ và nhận sự sống đời đời). Chữa lành thuộc thể là sự thay thế không đáng kể đối với sự cứu rỗi tâm linh. Các phép lạ chỉ thực sự ích lợi nếu nó đem chúng ta đến với Đức Chúa Trời. Cả nhân loại sống trong thế giới sa ngã. Những điều xấu xảy ra. Đức Chúa Trời thường chọn không can thiệp, nhưng điều đó không liên hệ gì với tình thương và sự chăm sóc của Ngài. Cần phải cần trọng với đòi hỏi Đức Chúa Trời luôn luôn phải thi hành phép lạ trong thời kỳ tội lỗi hiện tại. Ngài là tối thượng và chúng ta không hiểu biết đầy đủ ý nghĩa tiềm ẩn của tất cả hoàn cảnh xảy ra.

Trong điểm này, tôi muốn kết hợp ghi chú của tôi trong sách giải kinh tại II Ti-mô-thê 4:20 về Phao-lô và sự chữa lành thuộc thể:

“Có quá nhiều thắc mắc mà chúng ta muốn hỏi những tác giả Tân ước. Một chủ đề mà tất cả mọi tín hữu nghĩ đến đó là sự chữa lành thuộc thể. Trong sách Công-vụ (xem 19:12; 28:7-9) Phao-lô có thể chữa lành, nhưng tại đây và trong II Cô-rinh-tô 12:7-10 cũng như Phi-líp 2:25-30, dường như ông lại không được. Tại sao chỉ một số được chữa lành mà không phải là tất cả, và liệu giai đoạn liên kết những sự chữa lành này đã chấm dứt?”

Tôi tin hoàn toàn nơi Cha Thiên Thượng siêu nhiên và thương xót, Đấng đã và đang chữa lành thuộc thể cũng như tâm linh, nhưng tại sao dường như khía cạnh chữa lành này hiện diện rồi lại làm người ta phải chú ý khi nó “vắng bóng”? Tôi không nghĩ rằng nó liên kết với đức tin của con người, bởi vì chắc chắn Phao-lô có đức tin (xem II Cô-rinh-tô 12). Tôi cảm nhận rằng sự chữa lành và niềm tin nơi phép lạ xác nhận đặc tính chân thật và thích hợp của Phúc âm, điều này vẫn xảy ra ở những vùng trên thế giới nơi mà Phúc âm được rao giảng lần đầu tiên. Tuy nhiên, tôi cảm nhận rằng Đức Chúa Trời muốn chúng ta bước đi bởi đức tin chứ không phải bởi mắt thấy. Ngoài ra, bệnh tật trên thân thể thường được phép xảy đến trong đời sống những tín hữu (1) như là một sự sửa phạt tội lỗi tạm thời; (2) như là những hệ quả của cuộc sống trong thế giới sa ngã; và (3) giúp những tín hữu trưởng thành tâm linh. Nan đề của tôi là tôi không bao giờ biết được đâu là nguyên nhân thực sự. Lời cầu nguyện của tôi là: xin ý Chúa được nên trong mỗi trường hợp, đây không phải là sự thiếu đức tin nhưng lại là một nỗ lực chân thành để thuận phục Đức Chúa Trời thương xót, đầy ơn thực thi ý chỉ của Ngài trên mỗi cuộc đời”.

▣ “tà ma” Xem Chủ Đề Đặc Biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hóa này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.
 1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
 2. Ai-cập, thứ tự và vận hành
 3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of Israel* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92

C. Cựu ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Nó có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.

1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc, xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Sa-tan là một đày tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hỏa giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Jesus the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hóa ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là Sammael
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (vol. 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân ước.

E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-xu đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-xu phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-xu bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-xu khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tột cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa

Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.

- G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Paul Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi.

BẢN NASB 5:17-26

¹⁷ Bấy giờ thầy cả thượng phẩm và những kẻ theo người (ấy là phe Sa-đu-sê) đều đứng dậy, đầy lòng ghen tương, ¹⁸ bắt các sứ đồ bỏ vào khám công. ¹⁹ Nhưng đương ban đêm, có một thiên sứ của Chúa mở cửa khám cho sứ đồ ra, và dặn rằng: ²⁰ Đi đi, hãy đứng nơi đền thờ, mà rao giảng cho dân chúng mọi lời này của sự sống. ²¹ Sứ đồ nghe bấy nhiêu lời, vừa lúc rạng ngày, vào đền thờ, khởi sự dạy dỗ. Nhưng thầy cả thượng phẩm và những kẻ ở với người đến thành linh, nhóm tòa công luận và hội đồng trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên lại, sai người vào khám đặng điệu các sứ đồ đến. ²² Các kẻ sai đến khám, không thấy sứ đồ tại đó, bèn trở về trình ²³ rằng: chúng tôi thấy khám đóng kĩ, lính canh đứng ngoài cửa; nhưng lúc mở ra chẳng thấy một người nào ở trong. ²⁴ Quan coi đền thờ và các thầy tế lễ cả nghe vậy, đều bức tức về việc các sứ đồ và về manh mối của việc ấy. ²⁵ Nhưng có người thoát đến, báo với họ rằng: Kìa, những người mà các quan đã bỏ tù, nay đương ở trong đền thờ dạy dỗ dân sự! ²⁶ Kế đó, quan coi đền thờ với các kẻ sai cùng đi đến nơi bắt và dẫn các sứ đồ đi nhưng không dùng cách dữ tợn, vì sợ dân chúng ném đá;

5:17 “đầy lòng ghen tương” Chữ Hy Lạp này có nghĩa đơn giản là “sôi”. Do đó, chắc hẳn bối cảnh phải cho chúng ta biết đây là sự ghen tỵ. Chi tiết này bày tỏ động cơ thực sự của những lãnh đạo tôn giáo này là vì ghen tỵ. Trong các sách Phúc âm, kẻ thù chính của Đức Chúa Giê-xu là những người Pha-ri-si, nhưng trong sách Công-vụ, kẻ thù chính của những người tin theo Ngài lại là những người Sa-đu-sê.

5:18 Những chương đầu của sách Công-vụ này trình bày những nan đề mà Hội thánh đầu tiên phải đối diện. Những nan đề sẽ khác nhau trong từng thời kỳ, theo mỗi nền văn hóa; nhưng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời dành cho chúng ta, ở với chúng ta và làm cho chúng ta mạnh mẽ để vượt qua. Không một điều gì: nhà tù, những đe dọa, sỉ nhục v.v. có thể “cướp” những tín hữu khỏi sự hiện diện và bình an của Đấng Christ (xem Rô-ma 8:31-39).

5:19 “thiên sứ của Chúa” cụm từ này được sử dụng theo hai cách trong Cựu ước.

1. Một thiên sứ (xem Sáng-thế Ký 24:7,40; Xuất Ê-díp-tô Ký 23:20-23; 32:34; Dân-số Ký 22:22; Các Quan Xét 5:23; I Sa-mu-ên 24:16; I Sứ-ký 21:15ff; Xa-cha-ri 1:28)
2. Như là một cách để ám chỉ đến Đức Giê-hô-va (xem Sáng-thế Ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2,4; 13:21; 14:19; Các Quan Xét 2:1; 6:22-24; 13:3-23; Xa-cha-ri 3:1-2)

Lu-ca thường hay sử dụng cụm từ này (xem Lu-ca 1:11,13; 2:9; Công-vụ 5:19; 7:30; 8:26; 12:7,11,23; 10:3; 27:23), nhưng cũng theo ý #1 như trên. Tân ước không sử dụng ý #2, ngoại trừ trong Công-vụ 8:26 và 29, chỗ “thiên sứ của Chúa” được trình bày song song với Đức Thánh Linh.

▣ **“mở cửa khám”** Chi tiết này tương tự với trải nghiệm của Phao-lô và Si-la tại thành Phi-líp (xem Công-vụ 16:26). Trong nhiều phương diện, cuộc đời của Phi-e-rô tương tự như cuộc đời của Phao-lô. Chi tiết này có thể có chủ đích của tác giả.

5:20 “Đi đi, hãy đứng nơi đèn thờ, mà rao giảng” Những việc làm này ở dạng ba MỆNH LỆNH (IMPERATIVES).

1. Đi, MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE [deponent] IMPERATIVE)
2. Đứng, ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE) dùng như một MỆNH LỆNH (IMPERATIVE) (Friberg’s, *Analytical Greek New Testament*, trang 379)
3. Rao giảng, MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE)
Thiên sứ ban một sứ mệnh truyền giảng cho các sứ đồ.

▣ **“rao giảng cho dân chúng”** Đây là trọng điểm chính trong chức vụ của các Sứ đồ. Dạn dĩ, không sợ, nó bày tỏ những đời sống mới được đầy đầy Đức Thánh Linh của họ.

▣

NASB	“trọn sứ điệp sự sống”
NKJV	“tất cả mọi lời của sự sống”
NRSV	“cả sứ điệp về sự sống này”
TEV	“tất cả về sự sống mới này”
NJB	“tất cả về sự sống mới này”

Cụm từ này đề cập đến sự sống mới (*zōē*, sự sống đời đời) chỉ tìm được trong Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ. Họ đã được tự do cả tâm linh (sự cứu rỗi) và thuộc thể (ra khỏi tù). Giờ đây họ phải nói lại tất cả cho mọi người.

5:21 Lưu ý rằng dù được giải cứu cách siêu nhiên không có nghĩa là họ sẽ không bị bắt giam lần nữa. Mặc dù có sự dự phòng của Đức Chúa Trời cũng không có nghĩa là tất cả mọi khó khăn sẽ được giải quyết và bị triệt tiêu trong chức vụ của họ (xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Rô-ma 8:17; I Phi-e-rô 4:12-16)

▣ **“tòa công luận và hội đồng trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên”** Xem ghi chú về Tòa công luận trong 4:15. “Hội đồng” đề cập đến nhóm người nào? Trong *Acts* của Curtis Vaughan trang 39-40, cho biết đó là những trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem nhưng không phải là thành viên của Tòa công luận (xem M. R. Vincent, *Word Studies*, Vol. 1, trang 234), nhưng bản dịch NASB và NIV giả định rằng Hội đồng và Tòa công luận là từ đồng nghĩa.

5:23 “đóng kỹ” Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Ý của đoạn kinh văn tại đây là cửa ngục đóng kín và có những lính canh gác (ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH [PERFECT ACTIVE PARTICIPLE]), nhưng những tù nhân đã đi rồi.

5:24 “đều bực tức” Lu-ca sử dụng chữ này nhiều lần. Nó là dạng nhấn mạnh của chữ *aporeō* (xem Lu-ca 24:4; Công-vụ 25:20) với *dia* (xem Lu-ca 9:7; Công-vụ 2:12; 5:24; 10:17). Nghĩa đơn giản là nghi ngờ, không chắc, bối rối.

☐ **“về mạnh mỗi của việc ấy”** Dạng ngữ pháp của cụm từ này câu ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN (FOURTH CLASS CONDITIONAL) không trọn vẹn, “*an*” kèm theo MONG MỖI TRUNG CẤP (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE [deponent] OPTATIVE). Dạng MONG MỖI (OPTATIVE MOOD) trình bày sự bối rối (xem Lu-ca 1:61-62; 3:15; 8:9; 15:26; 22:23; Công-vụ 5:24; 8:31; 10:17; 21:33, xem *New Testament Greek*, của James Allen Hewett, trang 195).

5:26 “vì sợ dân chúng ném đá” Chi tiết này chứng tỏ sự phổ biến của Hội thánh đầu tiên (xem câu 13; 2:47; 4:21) và cũng là nguồn gốc của sự ghen tỵ liên tục của những lãnh đạo Do thái.

BẢN NASB 5:27-32

²⁷ và khi điệu các sứ đồ đi rồi, thì đem đến tòa công luận. Thầy cả thượng phẩm tra hỏi các sứ đồ, rằng: ²⁸ Chúng ta đã cấm ngặt các người, không cho lấy danh đó mà dạy dỗ, song các người lại làm cho thành Giê-ru-sa-lem đầy dẫy đạo giáo mình. Vậy, các người muốn khiến máu người ấy đổ lại trên chúng ta sao! ²⁹ Phi-e-rơ và các sứ đồ trả lời rằng: Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta. ³⁰ Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã khiến Đức Chúa Jê-sus sống lại, là Đấng mà các ông đã treo trên cây gỗ và giết đi. ³¹ Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa, để ban lòng ăn năn và sự tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên. ³² Còn Chúng ta đây là kẻ làm chứng mọi việc đó, cũng như Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho kẻ vâng lời Ngài vậy.

5:28

NASB, NRSV, TEV “chỉ thị nghiêm ngặt”
 NKJV “mệnh lệnh nghiêm khắc”
 NJB “cảnh báo nghiêm trọng”

Bản KJV thì lại dịch là “*không* ra lệnh nghiêm khắc”, từ điểm dị biệt của các bản chép tay tiếng Hy Lạp \aleph^2 , D, và E, nhưng lại không có trong các bản P⁷⁴, \aleph^* , A, hay B. Chữ “*không*” chắc hẳn phải được các nhà chép kinh thêm vào sau.

Cấu trúc thành ngữ thuộc hệ ngôn ngữ Xê-mít (Semitic) (xem Lu-ca 22:15) tương tự dạng ĐỐI CÁCH TỪ CHUNG GỐC (COGNATE ACCUSATIVE) trong tiếng Hy Lạp Koine, khi động từ (*parangellō*) và bổ ngữ trực tiếp (*parangelia*) đều có chung từ gốc. Cấu trúc này nhấn mạnh nghĩa cơ bản của những từ này. Có nhiều học giả tin rằng cấu trúc này phản ánh một thành ngữ trong hệ ngôn ngữ Xê-mít. Thật thú vị là chữ này trong một bản giấy cói tiếng Hy Lạp Koine được tìm thấy tại Ai-cập thì có nghĩa là lệnh triệu hồi chính thức đến tòa hay là một sắc lệnh từ tòa án (xem quyển *Vocabulary* của Moulton và Milligan, trang 481).

☐ **“danh đó”** Chi tiết này bày tỏ sự miệt thị của những lãnh đạo người Do thái. Họ không bao giờ nhắc đến danh của Đức Chúa Giê-xu. Thậm chí trong Talmud gọi Ngài là “vân vân và vân vân” (xem M. R. Vincent, *Word Studies*, vol. 1, trang 234).

☐ **“máu người ấy đổ lại trên chúng ta”** Phi-e-rơ và Giăng tiếp tục quả quyết rằng những lãnh đạo người Do thái sắp đặt cái chết của Đức Chúa Giê-xu (xem câu 30; 3:14-15). Đây cũng là sự tố cáo của Ê-tiên trong 7:52.

5:29 “Thà phải” Chữ *dei* tại đây có nghĩa là sự cần thiết về đạo đức. Chi tiết này chứng tỏ có sự ràng buộc của các Sứ đồ phải rao giảng chân lý bất chấp những hệ quả (xem 4:19).

5:30 “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta” Những Cơ-Độc-Nhân đầu tiên này tin rằng họ thực sự là đồng đội thuộc linh của dân sự Đức Chúa Trời trong Cựu ước (xem Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 3:5,9; Khải-huyền 1:6).

▣ **“đã khiến Đức Chúa Jê-sus sống lại”** Tân ước xác nhận rằng Đức Chúa Cha khiến Đức Chúa Giê-xu sống lại (xem Công-vụ 2:24,32; 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 27:31; Rô-ma 6:4,9) để xác nhận lễ thật trong cuộc đời và sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu. Đây là khía cạnh chính của *Kerygma* (xem I Cô-rinh-tô 15).

▣ **“là Đấng mà các ông đã treo trên cây gỗ và giết đi.”** Chi tiết này liên hệ đến sự rửa sả trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23. Những lãnh đạo tôn giáo này muốn Giê-xu, người mà theo họ là kẻ giả dạng Đấng Mết-si-a, gánh lấy sự nguyên rửa của Đức Giê-hô-va. Đức Chúa Giê-xu đã gánh lấy sự rửa sả của luật pháp Cựu ước (linh hồn nào phạm tội sẽ phải chết [xem Ê-xê-chi-ên 18:4,20] và tất cả nhân loại đều đã phạm tội, xem Rô-ma 3:23; Cô-lô-se 1:15; II Cô-rinh-tô 2:14) cho chúng ta (xem Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 1:14). Đức Chúa Giê-xu là Chiên con vô tội của Đức Chúa Trời (xem Giăng 1:29; II Cô-rinh-tô 5:21).

5:31 “Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài” Chữ “đem lên/tôn cao” được dịch là “nâng lên” trong Giăng 3:14 còn trong Phi-líp 2:5 thì lại là “tôn rất cao”. Thập tự giá là cách tôn cao và đặc thắng của Đấng Christ (xem Cô-lô-se 1:15; II Cô-rinh-tô 2:14). Cụm từ “bên hữu” được diễn tả theo cách loài người là một ẩn dụ chỉ về địa vị và thẩm quyền (xem Ma-thi-ơ 26:64). Đức Chúa Trời là Thần Linh vĩnh hằng. Ngài không có hình thể vật chất.

▣ **“Vua”** Câu này nhấn mạnh rõ ràng và cụ thể thẩm quyền Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Giê-xu. Cũng chữ này dùng cho Đức Chúa Giê-xu trong 3:15, được dịch là “tác giả”. Nó có thể có nghĩa là “người lãnh đạo”, “người mở đường” hay là “hoàng tử”. Nó cũng có thể được dùng cho người thành lập trường học hay là gia đình (xem Hê-bơ-rơ 2:10; 12:2).

▣ **“Cứu Chúa”** Chữ này được sử dụng ở thế kỷ thứ nhất trong thế giới Hy Lạp-La mã cho Sê-sa. Ông xưng mình là vị cứu tinh cho nền hòa bình và văn hóa. Một chữ nữa mà những vị Sê-sa dùng làm danh xưng, nhưng các Cơ-Độc-Nhân chỉ dùng riêng cho Đức Chúa Giê-xu, là chữ Chúa (*kurios*).

Một khía cạnh khác của chữ “Cứu Chúa” là chữ dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu ước (xem II Sa-mu-ên 22:3; Thi-thiên 106:21; Ê-sai 43:4,11; 45:15,21; 49:26; 60:16; 63:8). Những tác giả Tân ước thường xác nhận thần tính của Đức Chúa Giê-xu bằng cách quy cho Ngài những danh hiệu của Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Lưu ý cách Phao-lô thực hiện điều này trong thư gửi cho Tít.

1. 1:3, “Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta”
2. 1:4, “Đức Chúa Giê-xu Christ, Cứu Chúa chúng ta”
3. 2:10, “Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta”
4. 2:13, “Đức Chúa Trời vĩ đại và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Christ”
5. 3:4, “Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta”
6. 3:6, “Đức Chúa Giê-xu Christ, Cứu Chúa chúng ta”

▣ **“để ban lòng ăn năn và sự tha tội cho dân Y-so-ra-ên”** Chi tiết này bày tỏ mục đích cái chết của Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 24:47 và Công-vụ 2:38). Thật là khác thường khi những tác giả đề cập đến sự ăn năn như là một tặng phẩm từ Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 11:18; II Ti-mô-thê 2:25). Thông thường nó là một trong những đòi hỏi của Giao ước Mới (xem Mác 1:15 và Công-vụ 3:16,19; 20:21).

Thông thường những ai chỉ chú tâm vào vai trò của Đức Chúa Trời trong Giao ước Mới dùng câu Kinh thánh này để chứng minh rằng sự cứu rỗi là đến hoàn toàn từ Đức Chúa Trời và không hề liên hệ đến bất cứ sự dự phần nào của con người. Tuy nhiên, đây là một ví dụ điển hình của một bằng chứng bản văn thích hợp với hệ thống thần học chủ định của một số người. Kinh thánh xác nhận rõ ràng ưu tiên và cần thiết của sự khởi đầu từ Đức Chúa Trời, nhưng cũng bày tỏ khái niệm giao ước trình bày “chính xác” nhất mô hình Ngài chọn để liên hệ đến những nhu cầu của con người. Tự do là tặng phẩm mà Đức Chúa

Trời đã ban cho trong sự sáng tạo. Đức Chúa Trời không hề xâm phạm món quà/tặng phẩm này (xem Rô-ma 2:4; II Cô-rinh-tô 7:10). Ngài có cuốn hút chúng ta, thu phục chúng ta, hành động trong chúng ta và ban cho chúng ta một phương cách cứu chuộc (xem Giăng 6:44,65). Nhưng nhân loại sa ngã phải đáp ứng và liên tục đáp ứng bởi sự ăn năn, đức tin, vâng phục và bền đỗ.

Đây là một trích dẫn thú vị từ *New Testament Theology* của Frank Stagg, trang 119:

“Con người không thể giành lấy được nhưng chỉ có thể tiếp nhận sự ăn năn, họ vẫn còn phải tiếp nhận nó. Bởi đức tin, con người tiếp nhận Đấng Christ vào trong sâu thẳm tâm can của mình; và sự hiện diện của Đấng Christ là sự biến đổi làm đảo ngược đường hướng của cuộc đời: từ chỗ tin cậy chính mình chuyển sang tin cậy nơi Đức Chúa Trời, từ xác nhận chính mình đến từ bỏ chính mình. Sự chuyển đổi này là sự lật ngược lại của sự Sa ngã mà trong đó con người tìm kiếm ý nghĩa đầy đủ cho sự hiện hữu nơi chính mình”.

5:32 Một vài lần trong sách Công-vụ, Phi-e-rơ nhắc đến việc các Sứ đồ và những môn đồ là những nhân chứng của cuộc đời, cái chết và sự sống lại của Đức Chúa Giê-xu. Trong bối cảnh tại đây, ông thêm “Đức Thánh Linh” như là nhân chứng. Đây cũng có thể là một phương cách để hội đủ sự cần thiết phải có ít nhất hai nhân chứng theo Cựu ước (xem Dân-số Ký 35:30; Phục-truyền Luật-lệ Ký 17:6).

☐ **“kẻ vâng lời Ngài”** Vâng phục là chọn lối sống. Chúng ta phải vâng phục bằng cách tin nơi Phúc âm. Chúng ta phải tiếp tục trong sự tin cậy để hưởng nhận những kết quả của nó (xem Lu-ca 6:46). Chữ “vâng phục” là một chữ hiếm (*peithomai* kết hợp với *archē*, xem 27:21; Tít 3:1), được sử dụng trong câu 29 và 32, là sự kết hợp của chữ “quan cai trị” (*archē*) và vâng lời.

BẢN NASB 5:33-39

³³ Họ nghe mấy lời thì nghiêng ngàm, giận hoảng, bàn mưu giết các sứ đồ. ³⁴ Nhưng một người Pha-ri-si, tên là Ga-ma-li-ên, làm luật sư, được dân sự tôn kính, đứng lên giữa tòa công luận, truyền lệnh đem các sứ đồ ra ngoài một lát. ³⁵ Kế đó, người nói rằng: Hỡi người Y-sơ-ra-ên, hãy cẩn thận về điều các ngươi sẽ xử với những người này. ³⁶ Trước đây, Thê-đ-a dấy lên, xưng mình là kẻ tôn trọng, có độ bốn trăm người theo hấn: hấn bị giết, và cả thầy những kẻ theo hấn đều tan lạc, rốt lại chẳng qua là hư không. ³⁷ Kế hấn thì có Giu-đa, người Ga-li-lê, dấy lên, về thời kỳ tu sở dân, rủ nhiều người theo mình; nhưng rồi cũng chết, bao nhiêu kẻ theo phải tan tành. ³⁸ Nay ta khuyên các ngươi: Hãy lánh xa những người đó để mặc họ đi. Vì nếu mưu luận và công cuộc này ra bởi người ta, thì sẽ tự hư đi; ³⁹ nhưng nếu bởi Đức Chúa Trời ra, thì các ngươi phá diệt những người đó chẳng nổi, và lại là liều mình đánh giặc cùng Đức Chúa Trời.

5:33

NASB “họ như bị cắt vào tâm can”
 NKJV “họ diên tiết”
 NRSV “họ nổi giận”
 TEV “họ rất giận”
 NJB “điều này khiến họ nổi giận”

Chữ này có nghĩa đen là “bị cắt bởi lưỡi cưa” hay “nghiến răng”. Cùng trong hình thức của chữ này được dùng trong 7:54, có thêm cụm từ “như cắt vào tim”, bày tỏ đầy đủ ý nghĩa ẩn dụ (cũng xem trong Lu-ca 2:35). Chữ nhấn mạnh này (*diapriō*) có ý nghĩa tương tự trong 2:37a.

☐ **“bàn mưu giết các sứ đồ”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE [deponent] INDICATIVE), ám chỉ rằng (1) từ thời điểm này họ bắt đầu cố gắng giết hai sứ đồ hay là (2) đây là kế hoạch và tham vọng tái diễn. Theo hiểu biết của chúng ta về sự phát triển của Hội thánh đầu tiên trong Công-vụ, #1 thích hợp nhất. Lưu ý rằng chính những người

Sa-đu-sê bày tỏ sự giận dữ và ý định giết người. Cũng có thể những người Pha-ri-si (Ga-ma-li-ên) xem Hội thánh đầu tiên như những gai nhọn hữu dụng để đâm thủng quan điểm chối bỏ sự sống lại tổng quát của người Sa-đu-sê. Những người Pha-ri-si không muốn xác nhận sự sống lại của Đức Chúa Giê-xu, nhưng lại muốn khẳng định khái niệm sự sống lại với một cuộc sống trong tương lai với Đức Chúa Trời.

Việc những lãnh đạo tôn giáo lại lập mưu giết người khiến những người đọc Kinh thánh hiện nay kinh ngạc. Nhưng cần nhớ rằng đây là những người Sa-đu-sê cam kết giữ lời dạy của Môi-se mà trong đó ra lệnh kẻ phạm tội phạm thượng phải bị ném đá chết. Những vị lãnh đạo này cho rằng họ đại diện cho Đức Chúa Trời hành động theo Lời của Ngài (xem Lê-vi Ký 24:10-16).

5:34 “Pha-ri-si” Xem Chủ Đề Đặc Biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI PHA-RI-SI

Chữ này có thể xuất phát từ một trong những nguồn gốc như sau:

- A. “Biệt lập”. Nhóm này phát triển trong thời kỳ Mặc-ca-bê. (Đây là quan điểm được chấp nhận rộng rãi nhất).
- B. “Tách rời” đây là một ý nghĩa khác của cùng một gốc từ Do thái. Một số người cho rằng nó có nghĩa là người thông dịch (xem II Ti-mô-thê 2:15).
- C. “Ba-tư”. Đây là một ý nghĩa khác của cùng một gốc từ trong tiếng A-ram. Một số những giáo lý của những người Pha-ri-si có nhiều điểm chung với thuyết nhị nguyên của Bái hòa giáo ở Ba-tư.

Họ phát triển trong giai đoạn Mặc-ca-bê từ “*Hasidim*” (người sùng đạo). Một vài nhóm khác như nhóm Essenes xuất phát từ phản ứng chống ảnh hưởng Hy Lạp từ Antiochus IV Epiphanes. Những người Pha-ri-si được đề cập lần đầu trong *Antiquities of the Jews* 8:5:1-3 của Giô-se-phút. Những giáo lý chính của họ.

- A. Tin nơi sự hiện diện của Đấng Mết-si-a, bị ảnh hưởng bởi những sách thuộc thể loại thời tận thế xuất hiện trong thời kỳ giữa Cựu ước và Tân ước như I Hê-nóc.
- B. Đức Chúa Trời hành động trong cuộc sống hằng ngày. Điểm này đối nghịch hoàn toàn với người Sa-đu-sê. Phần lớn giáo lý của người Pha-ri-si đối nghịch với những giáo lý của người Sa-đu-sê.
- C. Đời sau vẫn có khuynh hướng vật chất do dựa theo cuộc đời ở trần gian này, phụ thuộc vào việc thưởng và phạt. Những quan điểm này có thể đến từ Đa-ni-ên 12:2.
- D. Thẩm quyền của Cựu ước và Lời Truyền khẩu (Talmud). Họ ý thức vâng giữ mạng lệnh của Đức Chúa Trời trong Cựu ước khi chúng được giảng nghĩa và áp dụng bởi những học giả tu sĩ Do-Thái-Giáo (Shammai, khuynh hướng bảo thủ, và Hillel, khuynh hướng phóng khoáng). Sự giảng nghĩa dựa trên đối thoại giữa những tu sĩ Do-Thái-Giáo thuộc hai trường phái khác nhau, một bảo thủ và một phóng khoáng. Những sự tranh luận bằng lời nói về ý nghĩa của Kinh thánh được viết lại ở hai dạng cuối cùng là: bản Babylonian Talmud và bản Palestinian Talmud chưa hoàn tất. Người Pha-ri-si tin rằng Môi-se đã nhận được những giải nghĩa theo dạng lời nói này trên núi Si-na-i. Điểm khởi đầu lịch sử của những tranh luận này là E-xơ-ra cùng với những người thuộc về “Nhà hội lớn” (về sau được gọi là Tòa công luận).
- E. Thiên sứ học phát triển. Ngành nghiên cứu này có cả những thể linh thiện và những thể linh ác được phát triển từ thuyết nhị nguyên của người Ba-tư và những tác phẩm của người Do thái trong khoảng thời gian giữa Cựu ước và Tân ước.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GA-MA-LI-ÊN

I. Tên gọi

- A. Tên này có nghĩa là “Đức Chúa Trời là đáng ban thưởng của tôi”.
- B. Ông được biết như là “trưởng lão” hay là Ga-ma-li-ên I để phân biệt với những họ hàng về sau, cũng rất tích cực hoạt động trong giới lãnh đạo người Do thái.

II. Con người

- A. Theo truyền thống, ông là cháu của Hillel.
- B. Theo những truyền thống khác thì ông có những liên hệ với hoàng tộc của vua Hê-rốt (vua A-c-ríp-ba I).
- C. Truyền thống cho biết ông là người đứng đầu trong Tòa công luận, nhưng chi tiết này có lẽ đề cập đến Ga-ma-li-ên II.
- D. Ông là một trong bảy học giả người Do thái rất được kính trọng được phong danh hiệu Rabban.
- E. Ông qua đời trước năm 70 sau Chúa.

III. Thần học

- A. Ông là một học giả người Do thái rất được kính trọng.
- B. Ông được biết đến bởi sự quan tâm và nắm quyền kiểm soát những cộng đồng Do thái ly hương tản lạc.
- C. Ông cũng được biết tới bởi sự lưu tâm đến những nhóm người bị xã hội bỏ rơi (Takkonot của ông thường khởi đầu với “vì lợi ích của nhân loại”).
 - 1. những trẻ mồ côi
 - 2. những goá phụ
 - 3. phụ nữ
- D. Ông là học giả Do thái cổ vấn cho Sứ đồ Phao-lô tại Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 22:3).
- E. Trong Công-vụ 5:33-39, ông chứng tỏ sự khôn ngoan chín chắn về việc làm thế nào để xử lý Hội thánh đầu tiên trong xứ Pa-les-tin.
- F. Vị học giả này rất được tôn trọng đến nỗi việc ông qua đời được ghi lại: “Khi vị trưởng lão Rabban Ga-ma-li-ên qua đời vinh quang của Luật pháp (Torah) chấm dứt và sự tinh sạch cùng với sự thiêng liêng (nghĩa đen là sự tách biệt) tàn lụi” (*Sot.* 9:15, lấy từ *Encyclopedia Judaica*, vol. 7, trang 296).
- G. Cần phải tuyên bố rằng không biết rõ động cơ của Ga-ma-li-ên trong trường hợp này. Ông có thể đang xác quyết tri thức của người Pha-ri-si đối lại với sự bốc đồng của người Sa-đu-sê. Hai nhóm người Do thái có uy quyền này luôn khai thác mọi cơ hội để chống nhau.

5:36-37 “Thêu-đa...Giu-đa, người Ga-li-lê” Giô-se-phút có đề cập đến hai tên giống như tại đây (xem *Antiq.* 20.5.1). Tuy nhiên, ông liệt kê theo thứ tự ngược lại. Những dữ kiện lịch sử chứng tỏ có hai người mang tên này là những nhà cách mạng Do thái chống lại người La mã. Do đó, có thể cả Tân ước lẫn Giô-se-phút đều chính xác. Ga-ma-li-ên đề cập đến những người nổi loạn vào năm thứ 6 sau Chúa, trong khi đó Giô-se-phút đề cập đến những người nổi loạn vào năm 44 sau Chúa.

5:37 “về thời kỳ tu số dân” Giô-se-phút (xem *Antiq.* 18:1:1; *Wars* 2:8:1) cho chúng ta biết Au-gút-tơ ra lệnh đánh thuế dân Do thái ngay sau khi A-chê-la-u bị truất ngôi và Qui-ri-ni-u được bổ nhiệm làm quan tổng đốc xứ Sy-ri (vào khoảng năm 6-7 sau Chúa). Việc kiểm kê dân số để đánh thuế diễn ra mỗi mười bốn năm một lần nhưng kéo dài nhiều năm mới hoàn tất.

▣ **“Giu-đa, người Ga-li-lê”** người này được Giô-se-phút nhắc đến vài lần (xem *Antiq.* 18.1.1-6; 20.5.2 và *Wars* 2.8:1; 2.17.8-9). Cuộc nổi loạn của ông diễn ra vào năm 6 hay 7 sau Chúa. Ông là người sáng lập

phong trào cách mạng. Những người cách mạng này (Giô-se-phút gọi họ là “trường phái triết học thứ tư”) và những người Sicarii (những sát thủ) có lẽ là cùng một phong trào chính trị.

5:38 “Hãy lánh xa những người đó để mặc họ đi” Thật là một lời khuyên lạ lùng. Cụm từ này có hai MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE)

1. *aphistēmi*, tách biệt, để riêng
2. *aphiēmi*, đuổi đi, giải tán

▣ **“nếu”** Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL), có nghĩa là một hành động có khả năng.

5:39 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL), thường có ám chỉ xác nhận sự thật, nhưng tại đây thì không thể là sự thật. Chi tiết này bày tỏ cách sử dụng theo nghĩa đen của dạng ngữ pháp này.

▣ **“và lại là liềm mình đánh giặc cùng Đức Chúa Trời”** Cần phải nhớ rằng những lãnh đạo tôn giáo này nghĩ rằng họ đang đại diện Đức Chúa Trời mà hành động. Việc Ga-ma-li-ên nói rằng sự thành thật của họ có thể sai lầm là lời tuyên bố gây sốc cho họ (xem 11:17).

BẢN NASB 5:40-42

⁴⁰ Chúng nghe theo lời người: thì đòi các sứ đồ trở vào, sai đánh đòn, rồi cấm không được lấy danh Đức Chúa Jê-sus mà giảng dạy; đoạn, tha ra. ⁴¹ Vậy, các sứ đồ từ tòa công luận ra, đều hớn hờ về mình đã được kể là xứng đáng chịu nhục vì danh Đức Chúa Jê-sus. ⁴² Ngày nào cũng vậy, tại trong đền thờ hoặc từng nhà, sứ đồ cứ dạy dỗ rao truyền mãi về Tin Lành của Đức Chúa Jê-sus, tức là Đấng Christ.

5:40 “Chúng nghe theo lời người” Cụm từ này gộp chung trong câu 39 trong một số bản dịch (xem NRSV) và trong câu 40 ở những bản dịch khác (xem NASB, NKJV). Bản dịch TEV và NJB để cụm từ này trong câu 39, nhưng khởi đầu một đoạn văn mới.

▣ **“đánh đòn”** Đây không phải là hình phạt quất roi da của người La mã (*mastix*, xem Công-vụ 22:24-25), mà Đức Chúa Giê-xu hứng chịu. Chi tiết này đề cập đến cách đánh bằng gậy của người Do thái (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 25:3; i.e. *derō*, Lu-ca 12:47-48; 20:10-11; 22:63). Hình phạt này rất đau đớn nhưng không đến nỗi đe dọa tính mạng.

Nạn đề của việc giải nghĩa tại đây đó là đây là hai chữ Hy Lạp thường hay sử dụng tráo đổi cho nhau. Phục-truyền Luật-lệ Ký 25:3 trong bản Septuagint thì dùng chữ *mastix*, nhưng nó lại ám chỉ đến cách hình phạt của người Do thái. Lu-ca thường hay sử dụng chữ *derō* cho việc đánh đòn trong nhà hội người Do thái như tại đây (chữ này có nghĩa đen là “lột da thú vật”).

▣ **“rồi cấm không được lấy danh Đức Chúa Jê-sus mà giảng dạy”** Chính Hội đồng này đã thi hành điều tương tự trước đây (xem 4:17,21). Lần này họ đánh các Sứ đồ và lặp lại lời cảnh cáo.

5:41 Đức Chúa Giê-xu đã tiên báo trước cách cư xử này (xem Ma-thi-ơ 10:16-23; Mác 13:9-13; Lu-ca 12:1-12; 21:10-19; Giăng 15:18-27; 16:2-4).

▣ **“hớn hờ về mình đã được kể là xứng đáng chịu nhục vì danh Đức Chúa Jê-sus”** Điều này dường như khiến chúng ta ngạc nhiên, bởi vì trong xã hội chúng ta sống hiện nay sự hành hạ về thể xác hiếm khi xảy ra, nhưng đây không phải là hoàn cảnh của đa số những tín hữu qua các thời đại.

Đức Chúa Giê-xu nói rõ những người theo Ngài sẽ phải chịu khốn khổ. Xin hãy đọc Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-21; 16:1-2; 17:14; Công-vụ 14:22; Rô-ma 5:3-4; 8:17; II Cô-rinh-tô 4:16-18; Phi-líp 1:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4. Cũng lưu ý trong I Phi-e-rơ sự khốn khổ của Đức Chúa Giê-xu (xem 1:11; 2:21,23; 3:18; 4:1,13; 5:1) tái hiện như thế nào cho những người theo Ngài (xem 1:6-7; 2:19; 3:13-17; 4:1,12-19; 5:9-10).

5:42 “Ngày nào cũng vậy, tại trong đền thờ” Những chứng nhân cho Đức Chúa Giê-xu lúc ban đầu không chịu im lặng, ngay cả tại trung tâm của Do-Thái-Giáo là đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

▣ **“từng nhà”** Hội thánh đầu tiên có những buổi nhóm họp trong những tư gia trải rộng trong cả thành phố (xem 2:46). Không hề có cơ sở Hội thánh cho đến một vài trăm năm sau đó.

CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO CÔNG VỤ 3-5

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao các Sứ đồ ở trong vòng Do-Thái-Giáo lâu như vậy?
2. Liệt kê những danh hiệu của Đức Chúa Giê-xu được dùng trong chương 3 và ý nghĩa của chúng.
3. Hai điều kiện tối thiểu của sự cứu rỗi là gì?
4. Tại sao trong Tân ước thường trích dẫn Môi-se?
5. Giao ước Áp-ra-ham có điểm quan trọng nào đối với Hội thánh Tân ước?
6. Tại sao Phi-e-rơ và Giăng bị bắt?
7. Lập dàn ý bài giảng thứ ba của Phi-e-rơ.
8. Đây là điểm quan trọng trong lời cầu nguyện ở câu 24-31?
9. Để theo đúng Tân ước, con người có phải trở thành cộng sản không? (xem 4:32)
10. Liệt kê những lý do tại sao Lu-ca bao gồm tường trình về A-na-nia và Sa-phi-ra.
11. A-na-nia có nhận thức rằng ông bị Sa-tan chiếm hữu không? Ông có nhận biết rằng ông lừa dối Đức Chúa Trời không?
12. Tại sao Đức Chúa Trời lại dường như quá khắc nghiệt?
13. Còn về những phép lạ (đặc biệt là sự chữa lành) trong thời đại chúng ta thì sao?
14. Tại sao những người Sa-đu-sê lại quá giận?
15. Tại sao thiên sứ thả các Sứ đồ khỏi tù giam?
16. Lập dàn ý bài giảng thứ tư của Phi-e-rơ. Liệt kê những điểm chung với những bài giảng của ông trước đó trong sách Công-vụ
17. Ga-ma-li-ên là ai?
18. Tại sao những Cơ-Đốc-Nhân nên vui mừng khi bị khốn khổ?

CÔNG VỤ ĐOẠN 6

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự bổ nhiệm bảy chấp sự	Bảy chấp sự được chọn để phục vụ	Sự chọn lựa bảy chấp sự	Bảy chấp sự	Lập bảy chấp sự
6:1-6	6:1-7	6:1-7	6:1-4 6:5-6	6:1-6
6:7			6:7	6:7
Bắt giam Ê-tiên	Ê-tiên bị tố cáo phạm thượng	Bài giảng và sự tuân đạo của Ê-tiên (6:8-7:2a)	Sự bắt giam Ê-tiên	Sự bắt giam Ê-tiên
6:8-15	6:8-15	6:8-7:2a	6:8-15	6:8-15

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Chương 6 và 7 là cách Lu-ca dùng lịch sử/văn chương để mở đầu trình bày về giáo vụ cho người ngoại.
- B. Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem phát triển nhanh chóng trong giai đoạn này (xem 6:1).
- C. Hội thánh gồm có những người Do thái nói tiếng A-ram từ vùng Pa-les-tin và những người Do thái nói tiếng Hy Lạp từ những cộng đồng Do thái ly hương.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 6:1-6

¹ Trong lúc đó, bởi số môn đồ càng thêm lên, nên người Hê-lê-nít phản nài nghịch cùng người Hê-bơ-ơ, vì những người góa ụa của họ đã bị bỏ bê trong sự cấp phát hằng ngày. ² Mười hai sứ đồ bèn gọi hết thầy môn đồ nhóm lại, mà nói rằng: Bỏ sự dạy đạo Đức Chúa Trời mà giúp việc bàn tiệc thật chẳng xứng hợp. ³ Vậy, anh em hãy chọn trong bọn mình bảy người có danh tốt, đầy đầy Đức Thánh Linh và trí khôn, rồi chúng ta sẽ giao việc này cho. ⁴ Còn chúng ta sẽ cứ chuyên lo về sự cầu nguyện và chức vụ giảng đạo. ⁵ Cả hội đều lấy lời đó làm đẹp lòng, bèn cử Ê-tiên, là người đầy đức tin và Đức Thánh Linh, Phi-líp, Bô-cô-ơ, Ni-ca-no, Ti-môn, Ba-mê-na và Ni-cô-la, là người An-ti-ốt mới theo đạo Giu-đa; ⁶ và trình bảy người đó cho các sứ đồ; các sứ đồ cầu nguyện rồi, thì đặt tay lên.

6:1 “môn đồ” Chữ này có nghĩa đen là “những người theo học” từ chữ Hy Lạp *manthanō*. Một điều rất quan trọng là phải hiểu cận kề: Tân ước nhấn mạnh đến “trở thành những môn đồ” (xem Ma-thi-ơ 28:19), không phải đơn thuần chỉ là quyết định. Danh hiệu này của những tín đồ chỉ có trong các sách Phúc âm và Công-vụ. Trong các thư tín, những chữ như “các anh em” và “các thánh đồ” thường được dùng để chỉ những người tin theo Đức Chúa Giê-xu.

▣ **“số môn đồ càng thêm lên”** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE). Sự phát triển luôn luôn gây nên những xung đột.

▣ **“phản nài”** Chữ này có nghĩa là “nói cách riêng tư nhỏ nhẹ” (Moulton, *Analytical Lexicon*, trang 81). Nó xuất hiện vài lần trong Xuất Ê-díp-tô Ký trong thời kỳ lưu lạc trong đồng vắng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:7,8; 17:3; cũng như Dân-số Ký 11:1; 14:27). Tại đây có sự bất mãn ngầm ngầm. Cũng chữ này xuất hiện trong Lu-ca 5:30 và vài lần trong Giảng (xem 6:41,43,61; 7:12,32).

▣ **“người Hê-lê-nít phản nài nghịch cùng người Hê-bơ-ơ”** Chi tiết này đề cập đến những tín hữu Do thái, là những người từ xứ Pa-les-tin và giao tiếp chính bằng tiếng A-ram với những người sinh trưởng trong các cộng đồng Do thái ly hương nói tiếng Hy Lạp Koine. Chắc hẳn có những yếu tố văn hóa và chủng tộc tác động trong trường hợp này.

▣ **“trong sự cấp phát hằng ngày”** Hội thánh đầu tiên lập lại những mô hình của nhà hội. Mỗi tuần đều có lạc quyên (bổ thí) để nuôi người nghèo. Số tiền này được dùng để mua thức ăn, được phân phát mỗi tuần tại nhà hội và hằng ngày trong Hội thánh đầu tiên. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự bổ thí trong 3:2.

Đường như từ trong lịch sử đã có nhiều gia đình người Do thái sinh sống và làm việc ở các quốc gia khác trở về lại xứ Pa-les-tin trong những năm cuối đời của người cha để khi qua đời ông được chôn tại Đất Hứa. Do đó có nhiều người góa phụ trong xứ Pa-les-tin, đặc biệt trong khu vực Giê-ru-sa-lem.

Do-Thái-Giáo có tổ chức thiện nguyện (giao ước Môi-se) quan tâm đến người nghèo, ngoại kiều và những người góa phụ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 22:21-24; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:18; 24:17). Trong những tác phẩm của Lu-ca bày tỏ Đức Chúa Giê-xu cũng quan tâm đến những bà góa (xem Lu-ca 7:11-15; 18:7-8; 21:1-4). Vì vậy, hiển nhiên Hội thánh đầu tiên lập lại mô hình này theo khuôn mẫu công tác xã hội của nhà hội và những sự dạy dỗ của Đức Chúa Giê-xu, có sự quan tâm cụ thể đến những bà góa trong Hội thánh.

6:2 “Mười hai sứ đồ” Đây là danh hiệu chung của các Sứ đồ trong sách Công-vụ. Họ là những người đầu tiên, được lựa chọn cách đặc biệt, là những người đồng hành với Đức Chúa Giê-xu, trong suốt chức vụ trên trần gian của Ngài khởi đầu từ xứ Ga-li-lê.

☐ **“bèn gọi hết thầy môn đồ nhóm lại”** Không rõ ý nghĩa chính xác tại đây là gì, bởi vì đến thời điểm này Hội thánh gồm có vài ngàn người do đó không có nhà hay cơ sở nào đủ lớn để tổ chức buổi họp mặt này. Chắc hẳn sự kiện này phải diễn ra trong Đền thờ, tại hiên cửa Sa-lô-môn (xem 3:11; 5:12).

Đây là dẫn chứng đầu tiên về nguyên mẫu tổ chức của Hội thánh sau này (xem câu 3,5; 15:22). Đây là một trong ba cách tổ chức của Hội thánh hiện nay: (1) giám mục (một vị lãnh đạo hàng đầu); (2) trưởng nhiệm (một nhóm người lãnh đạo); và (3) hội chúng (tập thể tất cả những tín hữu). Tất cả những hình thức này đều có hiện diện trong Công-vụ 15.

☐ **“Bỏ sự dạy đạo Đức Chúa Trời mà giúp việc bàn tiệc thật chẳng xứng hợp.”** Đây không phải là xem thường việc phục vụ, nhưng là khởi đầu của nhận thức cần có sự phân chia trách nhiệm giữa dân sự của Đức Chúa Trời. Đây không phải là những địa vị, nhưng là những trách nhiệm được giao phó. Công bố Phúc âm cần phải được đặt ưu tiên hơn một số những giáo vụ cần thiết khác. Các Sứ đồ được kêu gọi và đáp ứng cách đặc biệt cho những công tác của họ. Không nên bớt đi điều gì khỏi công tác này. Đây không phải là chọn lựa “hoặc là/ hay là” nhưng là sự kết hợp “và/cùng với”.

Chữ “hầu việc” là chữ Hy Lạp thông thường cho nghĩa phục vụ, *diakonia*. Tiếc rằng có nhiều nhà giải kinh hiện đại dựa vào chữ này để tìm những nguyên tắc của chức vụ chấp sự (xem Phi-líp 1:1; I Ti-mô-thê 3:8-10,12-13) đã dùng chữ này để thiết định những công tác của chức vụ này. Tuy nhiên, những người này không phải là những chấp sự, họ là những mục sư, người giảng đạo tình nguyện. Chỉ có những người “đặt thêm nghĩa cho đoạn kinh văn” mới tìm thấy những chấp sự trong Công-vụ 6.

Cách Hội thánh ban đầu hoạt động mà lại không có cơ sở khiến tôi vô cùng thích thú.

1. Khi họ họp mặt mọi người chắc hẳn phải tại Đền thờ.
2. Trong những ngày Sa-bát, chắc họ họp lại trong các nhà hội địa phương còn trong những ngày Chúa Nhật có lẽ tại những Hội thánh tư gia.
3. Những ngày trong tuần, các Sứ đồ di chuyển giữa những nhà của các tín hữu từ nhà này sang nhà khác (xem 2:46).

6:3

NASB, NRSV “chọn”
NKJV “lựa ra”
TEV “lựa”
NJB “phải chọn”

Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ BẮT ĐỊNH (AORIST MIDDLE [deponent] IMPERATIVE). Phải làm một điều gì đó để khôi phục sự hiệp một và đồng lòng. Nan đề nhỏ này có thể tác động sâu xa đến Phúc âm. Ngôn ngữ hiện đại là “giết từ trong trứng nước”.

☐ **“bảy người”** Không có lý do gì đằng sau con số này ngoại trừ đây là con số biểu tượng cho sự hoàn hảo trong Cựu ước bởi vì liên hệ đến sự sáng tạo trong bảy ngày (xem Sáng-thế Ký 1; Thi-thiên 104). Trong Cựu ước, có một tiền lệ cho quy trình tương tự cho việc phát triển giới lãnh đạo cấp thứ hai trong Dân-số Ký 18.

☐

NASB, NJB “danh tiếng tốt”
NKJV “có tiếng tốt”
NRSV “tiêu chuẩn tốt”
TEV “người được tiếng tốt”

Những sự khác biệt trong những bản dịch Anh ngữ thể hiện hai cách dùng khác nhau của chữ này.

1. “Làm chứng” hay là cung cấp thông tin về (xem bản TEV, NIV)
2. “Khen ngợi ai đó” (xem Lu-ca 4:22).

6:3 “đầy đầy Đức Thánh Linh” Sự đầy đầy Đức Thánh Linh được đề cập vài lần trong sách Công-vụ, thường liên hệ với mười hai Sứ đồ và những chức vụ giảng, dạy và những giáo vụ khác của họ. Nó ám chỉ

quyền năng trong chức vụ. Sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong đời sống một người có thể nhận biết được. Có những bằng chứng bày tỏ trong thái độ, những hành động và tính hiệu quả trong công việc. Những người được Hội thánh chọn để giúp trong nan đề này không hề được mô tả như thể để giải quyết nan đề này, nhưng như là để rao giảng Phúc âm. Những bà góa quan trọng, nhưng sự công bố Phúc âm là ưu tiên (xem câu 4). Xem ghi chú đầy đủ về sự đầy dẫy trong 2:4 và 3:10.

▣ **“và trí khôn”** Có hai loại khôn ngoan.

1. Tiếp thu kiến thức
2. Kinh nghiệm sống

Nhóm bảy người này có cả hai.

▣ **“rồi chúng ta sẽ giao việc này cho”** Họ được bổ nhiệm để thực hiện một công tác. Khúc Kinh thánh này không thể dùng để quả quyết rằng những chấp sự chịu trách nhiệm về những vấn đề điều hành của Hội thánh (bản KJV dịch là, “công tác này”). Chữ “công tác” (*chraomai*) có nghĩa là “nhu cầu” chứ không phải là “chức vụ/địa vị” (Alfred Marshall, *RSV Interlinear*, trang 468).

6:4 “Còn chúng ta sẽ cứ chuyên lo” Chữ Hy Lạp này được dùng trong nhiều nghĩa.

1. Liên lạc gần gũi với ai đó, Công-vụ 8:13
2. Phục vụ ai đó cách cá nhân, Công-vụ 10:7
3. Kiên định cam kết vào một điều gì đó hay là một ai đó
 - a. Giữa những môn đồ đầu tiên với nhau và sự cầu nguyện, Công-vụ 1:14
 - b. Những môn đồ đầu tiên giữ sự dạy dỗ của các Sứ đồ, Công-vụ 2:42
 - c. Giữa những môn đồ đầu tiên với nhau, Công-vụ 2:46
 - d. Các Sứ đồ giữ chức vụ giảng đạo và cầu nguyện, Công-vụ 6:4 (Phao-lô cũng dùng chữ này để kêu gọi những tín hữu kiên trì cầu nguyện, Rô-ma 12:12; Cô-lô-se 4:2).

▣ **“sự cầu nguyện và chức vụ giảng đạo”** Cụm từ này được đặt trước trong câu văn tiếng Hy Lạp để nhấn mạnh. Thật là một nghịch lý khi nhóm bảy người này lại là những người đầu tiên nhận ra giáo vụ Toàn cầu của Phúc âm, chứ không phải là các Sứ đồ. Chính sự giảng dạy của nhóm bảy người này đã đẩy đến sự tách rời khỏi Do-Thái-Giáo, chứ không phải các Sứ đồ.

6:5 “Ê-tiên” Tên ông có nghĩa là “vương miện của người đắc thắng”. Tất cả bảy người đều có tên Hy Lạp, đa số những người Do thái trong các cộng đồng Do thái ly hương có hai tên: một tên Do thái, một tên Hy Lạp. Dựa theo tên của những người này thì không có nghĩa tất cả họ là người Do thái nói tiếng Hy Lạp. Có lẽ có lý do đại diện cho cả hai nhóm.

▣ **“đầy đức tin”** Chữ “đức tin” phát xuất từ chữ *emeth* trong Cựu ước, có ý nghĩa nguyên thủy là một người đứng nơi vững vàng. Nó được dùng theo ý ẩn dụ cho người đáng tin, trung tín, có thể tin cậy và trung thành. Trong Tân ước, chữ này được dùng cho đáp ứng của tín hữu đối với lời hứa của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Chúng ta tin cậy nơi sự đáng tin của Ngài. Chúng ta tin nơi sự thành tín của Ngài. Ê-tiên tin cậy nơi sự đáng tin của Đức Chúa Trời; do đó, ông được mô tả với những đặc tính của Đức Chúa Trời (đầy dẫy đức tin, thành tín).

▣ **“đầy...Đức Thánh Linh”** Có nhiều cụm từ khác nhau mô tả công tác của Đức Thánh Linh:

1. Sự thuyết phục của Đức Thánh Linh (xem Giăng 6:44,65)
2. Báp-tem trong Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 12:13)
3. Bông trái Đức Thánh Linh (xem Ga-la-ti 5:22-23)
4. Những ân tứ Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 12)
5. Đầy dẫy Đức Thánh Linh (xem Ê-phê-sô 5:18).

Được đầy dẫy Đức Thánh Linh ám chỉ hai điều: (1) người đó đã được cứu (xem Rô-ma 8:9) và (2) người đó được Đức Thánh Linh hướng dẫn (xem Rô-ma 8:14). Dường như “sự đầy dẫy” có liên hệ với tiếp tục

được “đổ đầy” dạng MỆNH LỆNH THU ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE) trong Ê-phê-sô 5:18.

▣ **“Phi-líp”** Có một vài người tên Phi-líp trong Tân ước. Tại đây đề cập đến một thành viên trong nhóm bảy người. Tên của ông có nghĩa là “người mê thích ngựa”. Chức vụ của ông được trình bày trong Công-vụ 8. Ông là một công cụ Chúa dùng cho sự phục hưng tại Sa-ma-ri và người làm chứng cho vị quan người Ê-thi-ô-pi. Ông được gọi là “nhà truyền đạo” trong Công-vụ 21:8, các con gái của ông cũng hoạt động tích cực trong chức vụ (nữ tiên tri, xem Công-vụ 21:9).

▣ **“Bô-cô-ro”** Ít có thông tin về người này. Trong *The International Standard Bible Encyclopedia*, vol. 4, James Orr (ed.) cho biết về sau ông trở thành giám mục của Nicomedia và tuận đạo tại An-ti-ốt (trang 2457).

▣ **“Ni-ca-no”** Trong lịch sử Hội thánh không biết gì về người này. Tên của ông trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “người chinh phục”.

▣ **“Ti-môn”** Trong lịch sử Hội thánh không biết gì về người này. Tên của ông trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “được tôn trọng”.

▣ **“Ba-mê-na”** Đây là dạng viết tắt của *Parmenides*. Truyền thống Hội thánh nói rằng ông tuận đạo tại thành Phi-líp dưới triều đại của Trajan (xem *The International Standard Bible Encyclopedia*, vol. 4, trang 2248).

▣ **“Ni-cô-la, là người An-ti-ốt mới theo đạo Giu-đa”** Có nhiều thông tin về người này có lẽ vì ông cùng quê quán với Lu-ca. Để trở thành người nhập đạo Do-Thái-Giáo đòi hỏi ba điều: (1) tự mình làm báp-tem có sự hiện diện của nhân chứng; (2) nếu đó là một người nam thì phải làm phép cắt bì; và (3) nếu có dịp tiện thì người đó phải dâng một của lễ trong đền thờ.

Có một vài ngộ nhận về người này trong lịch sử Hội thánh bởi vì có một nhóm người cùng tên được đề cập trong Khải-huyền 2:14-15. Một số những giáo phụ của Hội thánh đầu tiên (Irenaeus và Hippolytus) cho rằng ông là người sáng lập của nhóm tà giáo này. Đa số những giáo phụ có đề cập đến mối liên hệ này cho rằng nhóm này chọn lấy tên ông như để quả quyết rằng người sáng lập của họ là một lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem.

6:6 “thì đặt tay lên” Ngữ pháp ám chỉ rằng cả Hội thánh đặt tay trên họ (xem 13:1-3), mặc dù đại từ đề cập đến ai thì mơ hồ.

Hội thánh Công-giáo La mã dùng khúc kinh văn này để khẳng định thẩm quyền truyền nói các Sứ đồ. Trong môi trường Báp-tít, chúng ta sử dụng những khúc kinh văn giống như tại đây để xác quyết việc phong chức (cung hiến ai vào một chức vụ nào đó). Nếu thật sự mọi tín hữu được kêu gọi là các Mục sư được ban cho ân tứ theo như Ê-phê-sô 4:11-12, thì trong Tân ước không có sự phân biệt giữa hàng giáo phẩm và giáo dân. Chủ thuyết về những người ưu tú, cao trọng tách biệt khỏi giáo dân chỉ được thành lập và truyền bá bởi những truyền thống giáo hội không dựa vào Kinh thánh nên cần phải được xét lại dưới sự bày tỏ của Kinh thánh Tân ước. Việc đặt tay có thể chỉ bày tỏ về chức vụ (hoàn thành công việc được Chúa giao), chứ không phải là một địa vị hay là uy quyền đặc biệt. Nhiều truyền thống trong các hệ phái của chúng ta chỉ dựa theo tính chất lịch sử hay là đặc tính của hệ phái chứ không đặt nền tảng trên sự dạy dỗ rõ ràng của Kinh thánh hay là sự cho phép của Kinh thánh. Truyền thống không hề là nan đề cho đến khi nó nâng lên ngang tầm với thẩm quyền của Kinh thánh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH

Hành động liên hệ cá nhân này được sử dụng theo nhiều cách khác nhau trong Kinh thánh.

1. Giao lại quyền lãnh đạo gia đình (xem Sáng-thế Ký 48:18)
2. Đồng nhất với cái chết của con vật dâng làm của lễ thiêu như là sự thay thế
 - a. Các thầy tế lễ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:10,15,19; Lê-vi Ký 16:21; Dân-số Ký 8:12)
 - b. Người thường (xem Lê-vi Ký 1:4; 3:2,8; 4:4,15,24; II Sử-ký 29:23)
3. Biệt riêng ai đó để hầu việc Đức Chúa Trời trong trách nhiệm hay là chức vụ đặc biệt (xem Dân-số Ký 8:10; 27:18,23; Phục-truyền Luật-lệ Ký 34:9; Công-vụ 6:6; 13:3; I Ti-mô-thê 4:14; 5:22; II Ti-mô-thê 1:6)
4. Dự phần vào trong việc xử án tội nhân bằng cách ném đá (xem Lê-vi Ký 24:14)
5. Tiếp nhận sự chúc phước sức khỏe, hạnh phúc và tin kính (xem Ma-thi-ơ 19:13,15; Mác 10:16)
6. Liên hệ đến sự chữa lành thuộc thể (xem Ma-thi-ơ 9:18; Mác 5:23; 6:5; 7:32; 8:23; 16:18; Lu-ca 4:40; 13:13; Công-vụ 9:17; 28:8)
7. Tiếp nhận Đức Thánh Linh (xem Công-vụ 8:17-19; 9:17; 19:6)

Những phân đoạn Kinh thánh đã từng được sử dụng trong lịch sử để ủng hộ cho việc bổ nhiệm các vị lãnh đạo giáo hội (phong chức họ) lại thiếu sự thống nhất cách nghiêm trọng.

1. Trong Công-vụ 6:6 thì các Sứ đồ đặt tay cho bảy người trong chức vụ tại địa phương.
2. Trong Công-vụ 13:3 thì những tiên tri và các giáo sư đặt tay trên Ba-na-ba và Phao-lô cho chức vụ truyền giáo.
3. Trong I Ti-mô-thê 4:14 thì những Trưởng lão địa phương liên hệ đến sự kêu gọi ban đầu và bổ chức cho Ti-mô-thê.
4. Trong II Ti-mô-thê 1:6 thì Phao-lô là người đặt tay cho Ti-mô-thê.

Sự đa dạng và mơ hồ này trình bày sự thiếu tổ chức của Hội thánh trong thế kỷ thứ nhất. Hội thánh đầu tiên thì linh động hơn và thường xuyên sử dụng những ân tứ thiêng liêng của các tín hữu hơn (xem I Cô-rinh-tô 14). Tân ước không đơn giản được viết để cổ vũ hay là phác họa cho một cơ cấu tổ chức hay là tiến trình phong chức.

BẢN NASB 6:7

⁷ Đạo Đức Chúa Trời càng ngày càng tràn ra, số môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem thêm lên nhiều lắm. Cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa.

6:7 “Đạo Đức Chúa Trời” Tại đây đề cập đến Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ. Cuộc đời, sự chết, sự sống lại và sự giảng dạy của Ngài về Đức Chúa Trời hình thành nên cách nhìn mới về Cựu ước (xem Ma-thi-ơ 5:17-48). Đức Chúa Giê-xu là Ngôi Lời (xem Giảng 1:1; 14:6). Tôn giáo Cơ-Đốc là về một Con Người.

▣ **“càng ngày càng tràn ra”** Cả ba động từ trong câu 7 là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE). Đây là chủ đề chính của sách Công-vụ, lời của Đức Chúa Trời đang được lan rộng bởi những con người của giao ước mới tin cậy nơi Đấng Christ và trở thành một phần thuộc về dân sự mới của Đức Chúa Trời (xem 6:7; 12:24; 19:20). Đây có thể là sự ám chỉ đến những lời hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham về sự phát triển số lượng của dòng dõi ông, những người đã trở thành dân sự của Đức Chúa Trời theo giao ước cũ (xem 7:17; Sáng-thế Ký 17:4-8; 18:18; 28:3; 35:11).

☐ **“có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa”** Đây là một trong những nguyên nhân khiến giới lãnh đạo người Do thái (người Sa-đu-sê) náo động vì Cơ-Đốc-Giáo. Những ai biết rõ Cựu ước đều bị thuyết phục rằng Giê-xu người Na-xa-rét thật là đấng Mết-si-a được hứa. Nhóm nòng cốt của Do-Thái-Giáo đang rạn nứt. Những câu tóm tắt sự phát triển Hội thánh có thể là chìa khóa để tìm hiểu cấu trúc của cả sách (xem 9:31; 12:24; 16:5; 19:20; 28:31).

☐ **“vâng theo đạo”** Chữ này có thể tiềm ẩn vài ý nghĩa riêng biệt: (1) ý nghĩa trong Cựu ước có nghĩa là “thành tín” hay là “đáng tin cậy”; do đó nó được dùng để chỉ việc chúng ta tin nơi sự thành tín của Đức Chúa Trời hay là sự tin cậy của chúng ta nơi sự đáng tin của Ngài; (2) sự chấp nhận hay là tiếp nhận của chúng ta ơn tha thứ miễn phí từ Đức Chúa Trời trong Đấng Christ; (3) thành tín, đời sống tin kính; hay là (4) ý nghĩa tổng quát về đức tin Cơ-Đốc-Nhân hay là sự thật trong giáo lý về Đức Chúa Giê-xu (xem Rô-ma 1:5; Ga-la-ti 1:23; và Giu-đe 3, 20). Trong một vài khúc Kinh thánh, như II Tê-sa-lô-ni-ca 3:2, khó mà biết Phao-lô muốn đề cập đến ý nghĩa gì.

BẢN NASB 6:8-15

⁸ Ê-tiên được đầy ơn và quyền làm dấu kỳ phép lạ rất lớn trong dân. ⁹ Nhưng có mấy hội viên của nhà hội gọi là nhà hội của bọn được tự do, với những người quê ở Sy-ren, người quê ở A-léc-xan-đơ, cùng người Giu-đa ở xứ Si-li-si và xứ A-si, nổi lên mà cãi lẫy cùng Ê-tiên. ¹⁰ Song chúng không chống lại nổi với trí khôn người cùng với Đức Thánh Linh, là Đấng người nhờ mà nói ¹¹ bèn xui xiểm mấy người dặng nói rằng: chúng ta đã nghe người nói ra những lời phạm đến Mô-i-se và Đức Chúa Trời. ¹² Chúng xúi dân sự, các trưởng lão và các thầy thông giáo, rồi xông vào người, dùng sức mạnh bắt và điệu đến trước tòa công luận. ¹³ Chúng đặt ra những kẻ chứng đối, nói rằng: người này hằng nói những lời phạm đến nơi thánh và luật pháp. ¹⁴ Vì chúng chúng ta đã nghe người nói rằng Jê-sus ở Na-xa-rét này sẽ phá nơi đây và đổi tục lệ mà Mô-i-se đã truyền lại cho chúng ta. ¹⁵ Bấy giờ, phàm những người ngồi tại tòa công luận đều ngó chăm Ê-tiên, thấy mặt người như mặt thiên sứ vậy.

6:8 “được đầy ơn và quyền” “Đầy ơn” ám chỉ đến sự chúc phước của Đức Chúa Trời trên cuộc đời và chức vụ của ông. Chữ “quyền” liên hệ đến cụm từ tiếp theo đó, “làm dấu kỳ phép lạ rất lớn”.

☐ **“làm dấu kỳ phép lạ rất lớn”** Đây là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) (giống như câu 7). Điều này có thể xảy ra trước khi ông được chọn là một trong nhóm bảy người. Sự điệp Phúc âm của Ê-tiên được chứng thực qua chính ông (được đầy ơn) và quyền phép (những dấu kỳ phép lạ).

6:9 “mấy hội viên của nhà hội gọi là nhà hội...” Tại đây có một nghi vấn liên hệ đến làm thế nào để giải nghĩa có bao nhiêu nhóm người nổi lên chống lại Ê-tiên.

1. Một nhà hội (người đến từ mọi quốc gia đều được kể)
2. Hai nhà hội
3. Những người Do thái từ Sy-ren và A-léc-xan-tri
4. Những người Do thái từ xứ Si-li-ci và A-si (Phao-lô đến từ Si-li-ci)
5. Một nhà hội nhưng có hai nhóm người
6. Năm nhà hội riêng biệt

Chữ Hy Lạp (*tôn*) ở dạng MAO TỪ SỐ NHIỀU GIỐNG ĐƯỢC SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE MASCULINE PLURAL ARTICLE) được lặp lại hai lần.

☐ **“bọn được tự do”** Có một lý do cần phải giải thích rõ trong cụm từ này đó là chữ “bọn được tự do” hay là “người tự do” là một chữ trong tiếng La-tin. Đường như tại đây có những người Do thái bị bắt làm

nô lệ (vì lý do quân sự hay là kinh tế) đem đi nước ngoài, nhưng bây giờ trở về lại xứ Pa-les-tin như người tự do nhưng vẫn sử dụng tiếng Hy Lạp Koine như ngôn ngữ chính.

6:10 Không chỉ sử dụng Phúc âm Ê-tiên được chứng nhận bởi những phép lạ, nhưng dường như nó cũng thuyết phục cách hợp lý. Chương 7 là một ví dụ về cách giảng của ông.

▣ **“Đức Thánh Linh”** Trong bản văn tiếng Hy Lạp không có cách nào để phân biệt đâu là chữ in; do đó đây là sự giải nghĩa của những nhà phiên dịch Kinh thánh. Chữ “LINH” viết hoa chỉ về Đức Thánh Linh, chữ “linh” viết thường chỉ linh hồn con người (xem 7:59; 17:16; 18:25; Rô-ma 1:9; 8:16; I Cô-rinh-tô 2:11; 5:4; 16:18; II Cô-rinh-tô 2:13; 7:13; 12:18; Ga-la-ti 6:18; Phi-líp 4:23). Đây có thể là một ám chỉ đến Châm-ngôn 20:27.

6:11 “bèn xui xiêm mấy người đặng nói rằng” Chữ “xui xiêm” có nghĩa là (1) hối lộ (xem Louw và Nida, *Lexicon*, vol. 1, trang 577-578) hoặc là (2) bí mật lập mưu (xem Bauer, Arndt, Gingrich, và Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 843). Đây cũng là xảo thuật dùng chống lại Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 26:61) và Phao-lô (xem Công-vụ 21:28). Sự cáo buộc của họ là một sự vi phạm Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7, trừng phạt bằng án tử hình.

▣ **“chúng ta đã nghe người nói ra những lời phạm đến Môi-se”** Bài giảng của Ê-tiên trong Công-vụ 7 trả lời sự cáo buộc này. Không rõ Công-vụ 7 là một bài giảng Phúc âm kiểu mẫu của Ê-tiên hay đó là một cách thức để đáp trả những lời cáo buộc ông; nhưng có lẽ Ê-tiên thường sử dụng Cựu ước quả quyết địa vị đáng Mết-si-a của Đức Chúa Giê-xu.

▣ **“và Đức Chúa Trời”** Những người Do thái này đặt Đức Chúa Trời sau Môi-se. Chính cấu trúc lời nói của họ bày tỏ nan đề trong nhận thức của họ. Luật pháp của Môi-se là tuyệt đỉnh.

6:12 “các trưởng lão và các thầy thông giáo...” Cụm từ “các trưởng lão và các thầy thông giáo” là lược hiệu thu gọn của những thành viên trong Tòa công luận. Đây là cấp thẩm quyền tôn giáo của quốc gia Do thái dưới sự cai trị của đế quốc La mã trong giai đoạn trước năm 70 sau Chúa. Nó bao gồm (1) các thầy tế lễ cả và gia đình; (2) những địa chủ giàu có tại địa phương và những lãnh đạo dân sự; và (3) các thầy thông giáo địa phương. Nó gồm có bảy mươi lãnh đạo trong vùng Giê-ru-sa-lem. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tòa công luận tại 4:5.

6:13 “người này” Đây là cách bày tỏ sự khinh miệt trong hệ ngôn ngữ Xê-mít (Semitic). Cụm từ này thường dùng chỉ Đức Chúa Giê-xu.

▣ **“nói những lời phạm đến nơi thánh và luật pháp”** Cụm từ này là sự mở rộng của lời tố cáo trong câu 11. Chi tiết này ám chỉ sự xác nhận của Ê-tiên về lời phán của Đức Chúa Giê-xu liên hệ đến Đền thờ có ghi lại trong Lu-ca 19:44-48, cũng có thể là trong Ma-thi-ơ 26:61; 27:40; Mác 14:58; 15:29; Giăng 2:19 (xem câu 14). Đức Chúa Giê-xu xem chính Ngài là “Đền thờ mới”; trung tâm thờ phượng mới, nơi gặp gỡ mới giữa Đức Chúa Trời và nhân loại (xem Mác 8:31; 9:31; 10:34).

Ê-tiên giảng về sự tha thứ miễn phí và trọn vẹn trong Đức Chúa Giê-xu có lẽ là nguồn gốc của sự tố cáo “nói phạm đến Luật Pháp”. Sử điệp Phúc âm thu hẹp “Giao ước Môi-se” thành một nhân chứng lịch sử thay vì là một phương cách cứu rỗi.

Trong thế kỷ thứ nhất, những người Do thái cho đây là sự giảng dạy cực đoan, sự phạm thượng. Điều này hoàn toàn tách biệt khỏi sự hiểu biết Cựu ước thông thường về thuyết độc thân, sự cứu rỗi và vị thế đặc biệt của Y-sơ-ra-ên.

6:14 Trong một ý nghĩa nào đó những sự tố cáo của họ chính xác. Hai sự cáo buộc này là nhằm để sách động người Sa-đu-sê (“phá nơi đây”) và người Pha-ri-si (“đổi tục lệ mà Môi-se đã truyền lại”).

▣ “**Jêsus ở Na-xa-rét này**” Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:22.

6:15 “ngó chằm Ê-tiên” Đây là một phương cách văn học Lu-ca hay sử dụng. Nó ám chỉ đến sự tập trung không gián đoạn (xem Lu-ca 4:20; 22:56; Công-vụ 1:10; 3:4,12; 6:15; 7:55; 10:4; 11:6; 13:9; 14:9; 23:1).

▣ “**mặt người như mặt thiên sứ**” Chi tiết này có thể tương tự như (1) gương mặt của Môi-se sáng rỡ sau khi tiếp xúc với Đức Giê-hô-va (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29-35, II Cô-rinh-tô 3:7); (2) thân hình và gương mặt của Đức Chúa Giê-xu sáng lòa trong Sự Hóa Hình (xem Ma-thi-ơ 17:2; Lu-ca 9:29); hoặc là (3) thiên sứ mang sứ điệp trong Đa-ni-ên 10:5-6. Đây là cách thức ẩn dụ ám chỉ ai đó được ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Hội thánh đầu tiên chọn những người thiêng liêng nhất để hầu bàn tiệc?
2. Tại sao có sự căng thẳng trong khi Hội thánh phát triển nhanh chóng?
3. Mục đích của việc đặt tay là gì?
4. Tại sao Ê-tiên bị tấn công?

CÔNG VỤ ĐOẠN 7

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Bài giảng của Ê-tiên	Bài giảng của Ê-tiên: Sự kêu gọi Áp-ra-ham	Bài giảng và sự tuân đạo của Ê-tiên (6:8-8:1a)	Bài giảng của Ê-tiên	Bài giảng của Ê-tiên
7:1-8	7:1-8		7:1 7:2-8	7:1-8
	Các tổ phụ trong xứ Ai-cập	7:2b-8		
7:9-16	7:9-16	7:9-16	7:9-16	7:9-16
7:17-22	7:17-36	7:17-22	7:17-22	7:17-22
7:23-29		7:23-29	7:23-29	7:23-29
7:30-43		7:30-34	7:30-34	7:30-34
	Y-sơ-ra-ên chống nghịch Đức Chúa Trời 7:37-43 Đền tạm thật của Chúa	7:35-43	7:35-38	7:35-43
7:44-50	7:44-50	7:44-50	7:44-47 7:48-50	7:44-50
	Y-sơ-ra-ên chống nghịch với Đức Thánh Linh			
7:51-53	7:51-53	7:51-53	7:51-53	7:51-53
Sự ném đá Ê-tiên	Ê-tiên, người tuân đạo		Sự ném đá Ê-tiên	Sự ném đá Ê-tiên, Sau- lơ người bắt bớ
7:54-8:1a	7:54-60	7:54-8:1a	7:54-8:1a	7:54-8:1

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3

4. Vần vãn...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Bài giảng của Ê-tiên trong đoạn 7 là bài giảng dài nhất được ghi lại trong sách Công-vụ. Nó phá vỡ nền tảng hiểu biết thần học của Phao-lô về mối liên hệ giữa Phúc âm và Cựu ước. Bài giảng này đáp trả hai cáo buộc chống lại ông, chúng tỏ rằng
1. Đức Chúa Trời có truyền phán bên ngoài Đền thờ
 2. Người Do thái đã luôn luôn khước từ người rao báo sứ điệp của Đức Chúa Trời và bây giờ họ khước từ đáng Mê-t-si-a.
- B. Sự bào chữa của Ê-tiên tác động đến tâm lòng của Sau-lơ người Tạt-sơ và thần học của Phao-lô.
- C. Ê-tiên tiết lộ sự liên tục bội tín giao ước của người Do thái và sự khải thị của Đức Chúa Trời bên ngoài vùng Đất Hứa, tách biệt khỏi Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem mà trong thế kỷ thứ nhất trở thành trọng điểm thờ phượng của người Do thái.
- D. Dân Do thái đã thường xuyên khước từ người phát ngôn của Đức Chúa Trời và giờ đây họ lại thực hiện điều đó một lần nữa. Họ đã chối bỏ Giê-xu người Na-xa-rét một cách tàn bạo và giờ đây họ sắp làm điều đó với Ê-tiên, nhân chứng của Ngài.
- E. Ê-tiên bị tố cáo tội phạm thượng giống như Đức Chúa Giê-xu bởi cùng một nhóm người. Đang khi bị ném đá, Ê-tiên nói vài điều lặp lại giống như những lời và hành động của Đức Chúa Giê-xu trên thập tự giá. Liệu đây có phải là một phương pháp văn chương được Lu-ca sử dụng có chủ ý? Dường như là vậy!
- F. Quan điểm của Ê-tiên về mối liên hệ giữa những người Do thái và những Cơ-Đốc-Nhân sẽ xếp đặt cho sự bắt bớ trong xem 8:1-3 và sau đó đỉnh điểm là sự phân rẽ giữa hai nhóm.
- G. Bài diễn thuyết/bào chữa/giảng của Ê-tiên có một vài chi tiết khác với bản Cựu ước trong tiếng Do thái (ông trích dẫn từ bản Septuagint). Các học giả nên cố gắng bênh vực cho lời giảng của Ê-tiên hay là xem chúng như những truyền thống của Do-Thái-Giáo hoặc thậm chí là những sai sót về lịch sử? Câu hỏi này tiết lộ sự thiên lệch trong khía cạnh cảm xúc và tri thức của những nhà giải kinh. Tôi tin rằng Kinh thánh bày tỏ lịch sử một cách chính xác, Cơ-Đốc-Giáo tồn tại hay sụp đổ tùy thuộc vào những sự kiện trong Kinh thánh. Tuy nhiên, phần khởi đầu (Sáng-thế Ký 1-11) và phần kết thúc (sách Khải-huyền) không phải là "lịch sử bình thường". Còn về chi tiết của những sự kiện can thiệp, tôi nghĩ rằng chúng đúng và chính xác. Điều này cần phải nhìn nhận đôi khi chúng:
1. khác biệt về những con số
 2. khác thể loại
 3. khác biệt trong chi tiết
 4. những cách thức giải nghĩa của các học giả Do thái (kết hợp hai hay là nhiều khúc kinh văn với nhau)
- Những điều này không tác động đến sự khẳng định của tôi về tính chính xác lịch sử hay là đáng tin cậy của những truyện kể trong Kinh thánh. Ê-tiên có thể kể lại những gì ông được học từ trường học trong Nhà hội hay có thể ông chuyển đổi lời kinh văn để thích ứng với chủ đích của ông cũng có thể là ông bị nhầm lẫn về những chi tiết. Bỏ qua cả sứ điệp của ông bởi vì tập trung vào một, hai chi tiết chỉ chứng tỏ phương pháp nghiên cứu lịch sử trong thời hiện đại của chúng ta chứ không phải là cách nhìn/cách hiểu về lịch sử trong thế kỷ thứ nhất.
- H. Dàn ý cơ bản tóm lược cách Đức Chúa Trời đối đãi với Y-sơ-ra-ên của Ê-tiên trong chương 7
1. các Tổ phụ, câu 2-16
 2. ra khỏi Ai-cập và lưu lạc trong đồng vắng, câu 17-43
 3. Đền tạm và Đền thờ, câu 44-50
 4. sự áp dụng của chúng trong sự tóm tắt Cựu ước, câu 51-53

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 7:1-8

¹ Thầy cả thượng phẩm bèn hỏi Ê-tiên rằng: Có phải thật như vậy chăng? ² Ê-tiên trả lời rằng: Hỡi các anh, các cha, xin nghe lời tôi! Đức Chúa Trời vinh hiển đã hiện ra cùng tổ chúng ta là Áp-ra-ham, khi người còn ở tại Mê-sô-bô-ta-mi, chưa đến ở tại Cha-ran, ³ mà phán rằng: Hãy ra khỏi quê hương và bà con người, mà đi đến xứ ta sẽ chỉ cho. ⁴ Bấy giờ người ra khỏi xứ Canh-đê, rồi đến thành Cha-ran. Từ đó, lúc cha người qua đời rồi, Đức Chúa Trời khiến người từ nơi đó qua xứ các ông hiện đương ở; ⁵ Ngài chẳng ban cho người sản nghiệp gì trong xứ này, dầu một thẻo đất lọt bàn chơn cũng không, nhưng Ngài hứa ban xứ này làm kỉ vật cho người và dòng dõi người nữa, dầu bấy giờ người chưa có con cái mặc lòng. ⁶ Đức Chúa Trời phán như vậy: Dòng dõi người sẽ ở ngụ nơi đất khách, người ta sẽ bắt chúng nó làm tôi và hà hiếp trong bốn trăm năm. ⁷ Đức Chúa Trời lại phán rằng: Nhưng ta sẽ đoán xét dân nào đã bắt chúng nó làm tôi, kể đó, chúng nó sẽ ra khỏi, và thờ phượng ta trong nơi này. ⁸ Đoạn, Đức Chúa Trời ban cho người sự giao ước về phép cắt bì. Ấy vậy, khi Áp-ra-ham đã sanh một con trai là Y-sác, thì làm phép cắt bì cho, trong ngày thứ tám; Y-sác làm phép cắt bì cho Gia-cốp, và Gia-cốp làm phép ấy cho mười hai tổ phụ.

7:1 “Thầy cả thượng phẩm” Đây là Cai-phe. Xem chú thích trong 4:6.

7:2 “Ê-tiên trả lời rằng” Sự bào chữa của Ê-tiên thì rất giống với sách Hê-bơ-rơ. Ông đáp trả sự cáo buộc theo hai cách: (1) người Do thái đã liên tục khước từ Môi-se trong quá khứ và (2) Đền thờ chỉ là một trong nhiều cách mà Đức Chúa Trời sử dụng để phán với Y-sơ-ra-ên. Đây là câu trả lời trực tiếp cho những cáo buộc chống lại ông trong 6:13.

▣ **“xin nghe lời”** đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) của chữ Hy Lạp word *akouō*. Nó được dùng trong bản Septuagint để dịch lời cầu nguyện quan trọng của Do-Thái-Giáo, *Shema* (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4-5). Chữ này cũng được dùng trong các sách tiên tri thể hiện ý “hãy lắng nghe” (xem Mi-chê 1:2; 6:1). Thật khó để xác nhận ẩn ý tại đây khi những người Do thái trình bày tư tưởng của mình trong tiếng Hy Lạp Koine, nhưng theo như một vài bối cảnh giống như tại đây thì điểm này có thể đúng.

▣ **“Đức Chúa Trời vinh hiển”** Vinh quang của Đức Chúa Trời hiện ra cho Tổ phụ Áp-ra-ham (xem Sáng-thế Ký 12:1, 15:1,4; 17:1; 18:1, 22:1), đây là sự khởi đầu của dân Do thái. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 3:13.

▣ **“Áp-ra-ham”** Áp-ra-ham được xem là tổ tiên của dân Do thái. Ông là Tổ phụ đầu tiên. Sự kêu gọi ông cùng với việc ông đi với Đức Chúa Trời được mô tả trong Sáng-thế Ký 12:1-25:11. Trong Rô-ma 4, Phao-lô dùng ông như ví dụ điển hình về sự xưng công bình bởi đức tin.

▣ **“khi người còn ở tại Mê-sô-bô-ta-mi, chưa đến ở tại Cha-ran”** Sáng-thế Ký 11:31 ám chỉ rằng Áp-ra-ham ở tại thành phố Cha-ran khi Đức Giê-hô-va phán với ông. Tuy nhiên, thời điểm của sự kiện này không được trình bày cụ thể. Áp-ra-ham có quê quán tại U-rơ (xem Sáng-thế Ký 11:28,31), nhưng sau đó dọn đến Cha-ran (xem Sáng-thế Ký 11:31,32; 29:4) theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Điểm được đề cập tại đây đó là Đức Chúa Trời phán với Áp-ra-ham bên ngoài vùng đất Ca-na-an. Áp-ra-ham không sở hữu bất cứ phần đất nào của vùng Đất Thánh (xem câu 5) trong cả đời ông (ngoại trừ một hang động để chôn cất gia đình).

Chữ “Mê-sô-pô-ta-mi” có thể đề cập đến nhiều nhóm sắc tộc khác nhau: (1) nhóm người ở khu vực phía bắc của sông Tigris và Euphrates (“Sy-ri ở giữa những con sông”) hay là (2) nhóm người ở cửa sông Tigris và Euphrates.

7:3 “Hãy ra khỏi quê hương và bà con ngoi, mà đi đến xứ ta sẽ chỉ cho” đây là trích dẫn từ Sáng-thế Ký 12:1. Vấn đề thần học liên hệ đến đoạn trích dẫn này là khi Đức Chúa Trời phán điều này với Áp-ram: (1) trong khi ông đang ở U-rơ trước khi ông đem Tha-rê cha ông và Lót cháu ông đến Cha-ran, hay là (2) trong khi ông đang ở tại Cha-ran và ông chờ đợi cha ông qua đời rồi theo Đức Chúa Trời tiến về phía nam đến xứ Ca-na-an?

7:4 “người ra khỏi xứ Canh-đê” Canh-đê có thể là tên của một quận gần nơi cửa sông Tigris và Euphrates (xem ghi chú trong 7:2). Về sau, nó trở thành đề cập đến một quốc gia phát triển trong vùng này được biết đến bởi tên Ba-by-lôn. Quốc gia này sản sinh nhiều học giả thiết lập những công thức toán học liên hệ đến sự vận hành của những tinh tú (các thiên thể, ngôi sao, sao chổi vân vân). Nhóm các nhà thông thái này (những nhà chiêm tinh) cũng được biết đến với tên gọi Canh-đê (xem Đa-ni-ên 2:2; 4:7; 5:7-11).

▣ **“Cha-ran”** Cha-ran là thành phố Tha-rê, Áp-ra-ham và Lót dọn đến (xem Sáng-thế Ký 11:31-32). Một người em trai khác của Áp-ram định cư tại đây và nơi này được gọi theo tên của ông (thành của Na-cô, xem Sáng-thế Ký 24:10; 27:43). Thành phố này nằm ở phần trên của sông Euphrates (dòng phụ lưu Balikh) thành lập vào khoảng thiên niên kỷ thứ ba trước Chúa và vẫn giữ tên này cho đến ngày hôm nay. Có một điểm thú vị, tên người em trai của Áp-ra-ham, Cha-ran, trong tiếng Do thái không đánh vần giống như tên thành phố.

▣ **“cha người qua đời rồi”** có nhiều người nhận thấy sự mâu thuẫn giữa khúc kinh văn này và Sáng-thế Ký 11:26,32; 12:4. Có thể có ít nhất hai cách giải thích: (1) Áp-ra-ham có thể không phải là người con cả, nhưng là người con được biết đến nhiều nhất (liệt kê đầu tiên) hay là (2) trong Ngũ Kinh của người Sa-ma-ri cho biết Tha-rê qua đời lúc 145 tuổi chứ không phải 205 tuổi, như trong bản văn tiếng Do thái. Tham khảo Gleason L. Archer, *Encyclopedia of Bible Difficulties*, trang 378.

7:5 “Ngài hứa ban xứ này làm kỉ vật cho người và dòng dõi người nữa” đây là sự ám chỉ đến Sáng-thế Ký 12:7 hay 17:8. Điềm chính thần học không chỉ là lời hứa của Đức Chúa Trời, nhưng là đức tin của Áp-ra-ham nơi Đức Chúa Trời ban cho ông dòng dõi cũng như đất đai. Đức tin này được nhấn mạnh trong Sáng-thế Ký 15:6 (xem Rô-ma 4).

7:6 Lời tiên tri này được tiên báo trong Sáng-thế Ký 15:13,14 và tái xác nhận trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:12. Tuy nhiên, trong Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40 chép là “430 năm” thay vì “400 năm”. Trong bản Septuagint (LXX) dịch Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40 là “kỳ kiều ngụ của con cháu Y-sơ-ra-ên, trong khi lưu trú trong xứ Ai-cập và xứ Ca-na-an là 430 năm”.

Các tu sĩ Do-Thái-Giáo nói rằng con số “400 năm” tính từ sự dâng hiến Y-sác trong Sáng-thế Ký 22. John Calvin thì cho rằng 400 năm là con số được làm tròn. Nó có thể liên hệ đến bốn thế hệ, mỗi thế hệ kéo dài 100 năm (xem Sáng-thế Ký 15:6).

7:7 “dân nào” đây là trích dẫn Sáng-thế Ký 15:14 từ bản Septuagint. Đây không phải là sự tối nghĩa, như là một câu tổng quát. Quốc gia được đề cập tại đây hiển nhiên là Ai-cập. Những quốc gia khác (Phi-li-tin, Sy-ri, A-sy-ri, Ba-by-lôn) sẽ trở thành kẻ đàn áp dân Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời cũng sẽ phán xét họ.

▣ **“kế đó”** cụm từ này trích dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 3:12. Ê-tiên đang kể lại dòng chảy lịch sử của Y-sơ-ra-ên theo một cách rất thoáng. Lời kinh văn quả quyết rằng xứ Ca-na-an và thành Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành một nơi đặc biệt của Đức Giê-hô-va. Chi tiết này thích hợp với sự nhấn mạnh của Phục-truyền Luật-lệ Ký.

▣ **“trong nơi này”** theo bối cảnh của trích dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 3:12, chi tiết này đề cập đến núi Si-na-i, cũng là nằm ngoài vùng Đất Hứa và là địa điểm của một trong những sự kiện chính trong đời sống dân Y-sơ-ra-ên (việc ban cho Luật pháp Môi-se).

7:8 “giao ước” Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:47.

▣ **“phép cắt bì”** đây là một tập tục được tất cả những nước láng giềng của Y-sơ-ra-ên thực hành, ngoại trừ người Phi-li-tin (người trong vùng Aegean nói tiếng Hy Lạp). Trong đa số những nền văn hóa tt, nó thường là một nghi lễ của tiến trình trở thành nam giới, nhưng đối với Y-sơ-ra-ên, nó là nghi thức “nhập tịch” của dân sự giao ước. Nó là dấu chỉ của một mối liên hệ đức tin đặc biệt với Đức Giê-hô-va (xem Sáng-thế Ký 17:9-14). Chính mỗi Tổ phụ cắt bì cho con mình (thi hành trong địa vị là thầy tế lễ cho chính gia đình mình). Robert Girdlestone trong *Synonyms of the Old Testament*, trang 214, nói rằng nghi lễ cắt bì liên kết với nghi thức đổ máu bởi vì hành động cắt bì. Máu được liên kết với sự hình thành giao ước (xem Sáng-thế Ký 15:17), phá bỏ giao ước (xem Sáng-thế Ký 2:17) và giao ước chuộc lại (xem Ê-sai 53).

▣ **“mười hai tổ phụ”** “Các Tổ phụ” thường đề cập đến Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, nhưng tại đây nó đề cập đến mười hai con trai của Gia-cốp, sẽ trở thành mười hai chi phái của Y-sơ-ra-ên.

BẢN NASB 7:9-10

⁹ Mười hai tổ phụ ghen ghét Giô-sép, nên bán qua xứ Ê-díp-tô; nhưng Đức Chúa Trời ở cùng người. ¹⁰ Ngài giải cứu người khỏi cảnh khó khăn, và cho đầy ơn và trí trước mặt Pha-ra-ôn, vua Ê-díp-tô, vua ấy lập người làm tể tướng cai quản xứ Ê-díp-tô và cả nhà vua nữa.

7:9 “Giô-sép” chi tiết này trong Sáng-thế Ký 37:11,28; 45:4. Ê-tiên đang cố gắng chứng tỏ rằng dân Do thái và những lãnh đạo của họ thường hay chối bỏ những người lãnh đạo được Đức Chúa Trời chọn lựa (Môi-se in câu 35).

7:10 Chi tiết này trong Sáng-thế Ký 39:12; 41:40-46.

BẢN NASB 7:11-16

¹¹ Bấy giờ, xảy có cơn đói kém trong cả xứ Ê-díp-tô và xứ Ca-na-an; sự túng ngặt lớn lắm, tổ phụ chúng ta chẳng tìm được đồ ăn. ¹² Gia-cốp nghe bên Ê-díp-tô có lúa mì, thì sai tổ phụ ta qua đó lần thứ nhứt. ¹³ Đến lần thứ hai, anh em Giô-sép nhận biết người, và Pha-ra-ôn mới biết dòng họ người. ¹⁴ Giô-sép bèn sai rước Gia-cốp là cha mình và cả nhà, cộng là bảy mươi lăm người. ¹⁵ Vậy, Gia-cốp xuống xứ Ê-díp-tô, rồi chết tại đó, và tổ phụ chúng ta cũng vậy; ¹⁶ sau được đem về Si-chem, chôn nơi mộ mà Áp-ra-ham đã lấy bạc mua của con cháu Hê-mô què ở Si-chem.

7:11 Chi tiết này trong Sáng-thế Ký 41:54-55; 42:5.

7:12 Chi tiết này trong Sáng-thế Ký 42:4.

7:13 Chi tiết này trong Sáng-thế Ký 45:1-4.

7:14 “bảy mươi lăm người” Chi tiết này dựa theo bản Septuagint và các bản chép tay trong Những Cuộn Biên Chết, trong khi bản văn Masoretic là “bảy mươi” (xem Sáng-thế Ký 46:27; Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5). Thoạt tiên, dường như đây là vấn đề giữa bản chép tay LXX, mà Ê-tiên trích dẫn, và lời kinh văn tiếng Do thái của Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5. Nghiên cứu sâu hơn, có thể có hai cách tính tổng số con cháu của Gia-cốp. Nan đề nảy sinh giữa Sáng-thế Ký 46:26 và 27: (1) câu 27 trong bản Masoretic có hai người con trai của

Giô-sép sinh tại Ai-cập, trong khi bản LXX thì đến chín người, có nghĩa là về sau Ép-ra-im và Ma-na-se có thêm những con cái hoặc là (2) trong bản văn tiếng Do thái, Gia-cốp và vợ cũng được tính chung, nhưng những con của Ép-ra-im và Ma-na-se không được kể. Cả hai đều chính xác, nhưng hai cách tính dòng dõi của Gia-cốp này căn cứ vào những thời điểm khác nhau và tính theo những cách khác nhau. Bản văn tiếng Do thái trong Những Cuộn Biên Chết cũng dùng “bảy-mươi-lăm người” trong Sáng-thể Ký 46:27 và Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5. Philo ở Alexandria quen thuộc với cả hai con số.

Tất cả chúng ta đều được ích lợi từ những học giả trong thời hiện đại khi gặp những khúc kinh văn khó hiểu hay những nan đề về con số như tại đây. Ngày nay có những nguồn tài liệu Kinh thánh chú trọng giải thích cho những khúc kinh văn khó hiểu này. Tôi giới thiệu:

1. *Hard Sayings of the Bible*, IVP
 2. *More Hard Sayings of the Bible*, IVP
 3. *Encyclopedia of Bible Difficulties* của Gleason Archer.
- Xem thảo luận về Công-vụ 7:14-15 trong #1 trang 521-522.

7:15 Chi tiết này trong Sáng-thể Ký 46:5; 49:33; Xuất Ê-díp-tô Ký 1:6.

7:16 “Si-chem” Theo tường trình của sách Sáng-thể Ký (1) sự chôn cất Giô-sép ghi lại trong Giô-suê 24:32 và (2) sự chôn cất Gia-cốp ghi lại trong Sáng-thể Ký 50:13, dường như có sự trái ngược trong bài giảng của Ê-tiên. Vấn đề tại đây là (1) thành phố; lẽ ra nó phải là Hép-rôn, chứ không phải Si-chem, hay là (2) các Tô phụ, lẽ ra là Gia-cốp, chứ không phải Áp-ra-ham. Tuy nhiên, cả Áp-ra-ham lẫn Gia-cốp đều mua đất với 400 đơn vị tiền tệ (xem Sáng-thể Ký 23:16; 33:19). Ở Hép-rôn, Sa-ra và Áp-ra-ham được chôn cất (xem Sáng-thể Ký 23:19; 24:9), cũng như Y-sác và Rê-bê-ca (xem Sáng-thể Ký 49:29-31) và Gia-cốp (xem Sáng-thể Ký 50:13). Cho dù có nghi vấn về miếng đất nghĩa địa tại Si-chem, nhưng có thể là Áp-ra-ham đã mua miếng đất trước đó trong khi ông dừng chân tại Si-chem theo Sáng-thể Ký 12:6-7. Sau đó, Gia-cốp đã chuộc lại miếng đất này (xem Sáng-thể Ký 33:19; Giô-suê 24:32). Hiên nhiên đây chỉ là sự phỏng đoán, nhưng Ê-tiên xem như rất hiểu biết về lịch sử Cựu ước chắc có lẽ đây là cách thức duy nhất làm cho những sự khác biệt phù hợp với nhau.

BẢN NASB 7:17-29

¹⁷ Nhưng, gần đến kỳ phải ứng nghiệm lời hứa Đức Chúa Trời đã thề với Áp-ra-ham, dân cư sanh sản và thêm nhiều lên trong xứ Ê-díp-tô, ¹⁸ cho đến khi trong xứ đó có một vua khác dấy lên, chẳng nhìn biết Giô-sép. ¹⁹ Vua này dùng mưu hại dòng giống và hà hiếp tô phụ chúng ta, ép phải bỏ con mới sanh, hầu cho sống chẳng được. ²⁰ Trong lúc đó, Môi-se sanh ra; người xinh tốt khác thường, được nuôi trong ba tháng tại nhà cha mình. ²¹ Khi người bị bỏ, thì con gái Pha-ra-ôn vớt lấy, nuôi làm con mình. ²² Môi-se được học cả sự khôn ngoan của người Ê-díp-tô; lời nói và việc làm đều có tài năng. ²³ Nhưng lúc người được đầy bốn mươi tuổi rồi, trong lòng nhớ đến, muốn đi thăm anh em mình là con cái Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Môi-se thấy có người hà hiếp một người trong đám họ, nên bình vực kẻ bị hà hiếp và đánh người Ê-díp-tô để báo thù cho. ²⁵ Người ngờ anh em mình chắc hiểu rằng Đức Chúa Trời dùng tay mình giải cứu họ; nhưng họ chẳng hiểu. ²⁶ Đến ngày sau, chúng đang đánh lộn với nhau, thì người đến gần mà giải hòa, rằng: Hỡi các người, đã là anh em, sao lại làm hại nhau vậy? ²⁷ Kẻ đang ức hiếp người lân cận mình xô Môi-se ra, mà rằng: Ai đã lập ngươi lên làm quan cai trị và quan xử đoán chúng ta? ²⁸ Há ngươi muốn giết ta như hôm qua đã giết người Ê-díp-tô sao? ²⁹ Môi-se vừa nghe lời đó thì trốn đi ở trong xứ Ma-đi-an, nơi đó người sanh được hai con trai.

7:17 Chi tiết này đề cập đến Sáng-thể Ký 15:12-16 (lời hứa) và Xuất Ê-díp-tô Ký 1:7 (dân số đông đảo của họ).

7:18 “cho đến khi trong xứ đó có một vua khác dậy lên” Đây là trích dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 1:8. Đã có và vẫn còn tiếp tục tranh luận giữa những học giả về thời điểm ra khỏi xứ Ai-cập. Có sự bất đồng ý kiến trong việc nhận diện vị vua Ai-cập vào thời điểm của sự kiện này. Có người xác định đây là vị vua trong triều đại XVIII (năm 1445 trước Chúa) hay là triều đại thứ XIX (năm 1290 trước Chúa). Có người thì nêu giả thuyết liên hệ vị vua này với triều đại đầu tiên của người Ai-cập bản xứ, người đã lật đổ sự cai trị của người Hyksos (người Xê-mít (Semitic)) tại Ai-cập. Giả thuyết này có thể giải thích việc sử dụng chữ *heteros* trong câu 18. Người bản xứ Ai-cập không muốn người Xê-mít (Semites), ở đây là người Do thái, sinh sống đông đảo trong lãnh thổ của mình, vì sợ một cuộc xâm chiếm khác giống như đã xảy ra với người Hyksos.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRANH LUẬN VỀ THỜI ĐIỂM RA KHỎI XỨ AI-CẬP

Có hai quan điểm của những học giả về thời điểm ra khỏi xứ Ai-cập.

- A. Theo I Các Vua 6:1, viết rằng “Xây ra năm bốn trăm tám mươi, sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô, là năm thứ tư của Sa-lô-môn trị vì trên Y-sơ-ra-ên, nhằm tháng Xíp, nghĩa là tháng thứ hai, thì người cất đền của Đức Giê-hô-va.”
1. Sa-lô-môn bắt đầu cai trị vào năm 970 trước Chúa. Con số này được tính dựa theo trận chiến *Qarqar* (năm 853 trước Chúa) như là cột mốc khởi tính thời gian chính xác.
 2. Đền thờ được xây dựng vào năm thứ tư của ông (năm 965 trước Chúa), vậy thì thời điểm ra khỏi xứ Ai-cập diễn ra vào khoảng năm 1445/6 trước Chúa
 3. Thời điểm này khiến nó có thể xảy ra vào triều đại vua Ai-cập thứ 18.
 - a. Vị Pha-ra-ôn đàn áp dân Do thái phải là *Thutmose III* (năm 1490-1436 trước Chúa).
 - b. Vị Pha-ra-ôn trong thời điểm ra khỏi Ai-cập phải là *Amenhotep II* (năm 1436-1407 trước Chúa).
 - (1) Một số người tin giả thuyết này dựa trên dữ kiện không có liên hệ ngoại giao giữa Giê-ri-cô và Ai-cập trong suốt triều đại của *Amenhotep III* (năm 1413-1377 trước Chúa).
 - (2) Bản văn *Amarna*, những liên lạc ngoại giao chép trên những mảnh gốm sứ có ghi lại sự tàn phá *Habiru*
 - (3) Xứ Ca-na-an ở dưới sự cai trị của *Amenhotep III*. Do đó, sự ra khỏi Ai-cập phải diễn ra trong triều đại của *Amenhotep II*.
 - (4) Thời kỳ của Các Quan Xét không kéo dài đủ nếu thời điểm ra khỏi xứ Ai-cập là thế kỷ 13 trước Chúa.
 4. Những vấn đề có thể xảy ra với những thời điểm trên.
 - a. Bản Septuagint (LXX) ghi 440 năm chứ không phải 480 năm.
 - b. Có thể 480 năm là đại diện cho mười hai thế hệ, mỗi thế hệ 40 năm (do đó đây là con số tượng trưng).
 - c. Có mười hai đời thầy tế lễ từ A-rôn đến Sa-lô-môn (xem I Sử-ký 6), sau đó có mười hai đời từ Sa-lô-môn đến Đền thờ Thứ hai. Người Do thái, giống như người Hy Lạp tính mỗi đời/thế hệ là bốn mươi năm. Do đó, có một khoảng đệm thời gian 480 năm trước đó và 480 năm về sau (về cách sử dụng biểu tượng những con số, xem quyển *Redating the Exodus and Conquest* của Bimson).
 5. Có ba khúc kinh văn khác đề cập đến thời điểm.
 - a. Sáng-thế Ký 15:13,16 (xem Công-vụ 7:6), 400 năm nô lệ
 - b. Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40-41 (xem Ga-la-ti 3:17)
 - (1) Bản MT - 430 năm lưu trú tại Ai-cập
 - (2) Bản LXX - 215 năm lưu trú tại Ai-cập
 - c. Các Quan Xét 11:26 - 300 năm giữa thời kỳ của Giép-thê và sự chinh phục Đất hứa (ủng hộ cho thời điểm năm 1445 trước Chúa)

- d. Công-vụ 13:19 - ra khỏi xứ Ai-cập, lưu lạc trong đồng vắng và đánh chiếm Đất hứa - 450 năm
6. Tác giả của sách Các Vua sử dụng những cột mốc tham khảo lịch sử chính xác mà không làm tròn số (Edwin Thiele, *A Chronology of the Hebrew Kings*, trang 83-85)
- B. Những bằng chứng không hoàn toàn chắc chắn từ Khảo-cổ học dường như chỉ về thời điểm năm 1290 trước Chúa hay là triều đại Ai-cập thứ mười chín.
1. Giô-sép có thể viếng thăm cha mình và Pha-ra-ôn trong cùng một ngày. Vị Pha-ra-ôn người bản xứ đầu tiên là người đã dời kinh đô Ai-cập từ Thebes trở về vùng Tam giác sông Nile, nơi gọi là *Avaris/zoan/Tanis*, kinh đô của triều đại Hyksos, là *Seti I* (năm 1309-1290 trước Chúa). *Seti I* phải là vị Pha-ra-ôn đàn áp dân Do thái.
 - a. Chi tiết này dường như phù hợp với hai đặc điểm về triều đại của người Hyksos tại Ai-cập.
 - (1) Có tìm được một bia đá vào thời của Ramses II ghi nhớ sự thành lập Avaris bốn trăm năm trước đó (khoảng năm 1700 trước Chúa) của triều đại Hyksos
 - (2) Lời tiên tri trong Sáng-thể Ký 15:13 nói về 400 năm bị áp bức.
 - b. Điều này ám chỉ sự thăng tiến quyền lực của Giô-sép diễn ra dưới triều đại của vị Pha-ra-ôn người Hyksos (Semitic). Triều đại vua Ai-cập mới sau đó được đề cập trong Xuất Ê-díp-tô Ký 1:8.
 2. Hyksos là chữ Ai-cập có nghĩa là “người cai trị của xứ ngoại quốc” chỉ một nhóm những người cai trị người Xê-mít (Semitic) không phải là người Ai-cập, đã cai trị Ai-cập trong suốt triều đại thứ 15 và 16 (năm 1720-1570 trước Chúa). Một số người muốn liên hệ triều đại này với sự thăng tiến quyền lực của Giô-sép. Nếu chúng ta trừ bớt 430 năm của Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40 từ năm 1720 trước Chúa, chúng ta được thời điểm vào khoảng năm 1290 trước Chúa
 3. Con của Seti I là Rameses II (năm 1290-1224 trước Chúa). Tên này được đề cập như một trong những thành kho tàng do những nô lệ người Do thái xây dựng trong Xuất Ê-díp-tô Ký 1:11. Ngoài ra khu vực trong xứ Ai-cập gần xứ Gô-sen được gọi là Rameses theo Sáng-thể Ký 47:11. *Avaris/zoan/Tanis* được biết đến với tên gọi “nhà của Rameses” trong khoảng năm 1300-1100 trước Chúa
 4. Thutmose III được biết đến như là nhà xây dựng tài ba, cũng giống như Rameses II.
 5. Rameses II có bốn mươi bảy con gái sống trong những lâu đài riêng biệt.
 6. Khoa Khảo-cổ học chứng tỏ rằng đa số những thành phố lớn có tường thành trong xứ Ca-na-an (Hazor, Debir, Lachish) bị phá hủy và tái xây dựng lại nhanh chóng vào khoảng năm 1250 trước Chúa. Chi tiết này cho phép diễn ra giai đoạn ba mươi tám năm lưu lạc trong đồng vắng, phù hợp với thời điểm năm 1290 trước Chúa
 7. Khoa Khảo-cổ học có tìm thấy một bằng chứng của việc dân Do thái định cư trong phía nam của xứ Ca-na-an trên một bia đá tường niệm của người tiếp nối Rameses, *Merneptah* (năm 1224-1214 trước Chúa) tham khảo The Stele of Merneptah, có vào năm 1220 trước Chúa.
 8. Ê-dôm và Mô-áp dường như đạt được chủ quyền quốc gia rõ rệt trong khoảng cuối những năm 1300 trước Chúa. Những quốc gia này không có tổ chức trong khoảng thế kỷ mười lăm trước Chúa (Glueck).
 9. Trong quyển sách *Redating the Exodus and Conquest* của John J. Bimson, ấn hành bởi trường Đại học Sheffield năm 1978, biện luận chống lại tất cả những bằng chứng khảo cổ học ủng hộ cho việc định một thời điểm sớm hơn.

7:19 Câu chuyện này dựa theo Xuất Ê-díp-tô Ký 1:10ff

7:20 “Môi-se sanh ra” Chi tiết này căn cứ vào Xuất Ê-díp-tô Ký 2.

☐ **“xinh đẹp trước mặt Chúa”** Đây là thành ngữ tiếng Do Thái mô tả vẻ đẹp (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 2:2). Thậm chí Giô-se-phút cũng bình phẩm về sắc diện của Môi-se (xem *Antiq.* 2:9:6).

7:21 Chi tiết này căn cứ vào Xuất Ê-díp-tô Ký 2:5-6,10.

☐ **“người bị bỏ”** Đây là chữ Hy Lạp *ektithēmi*, có nghĩa là “phơi bày” (xem câu 19) hay “đặt ra ngoài”. Dân Ai-cập ép buộc người Do Thái từ bỏ những bé trai, phó mặc chúng cho thiên nhiên và thú dữ để kiểm chế sự tăng dân số nhanh chóng của họ.

☐

NASB, NKJV

“con gái Pha-ra-ôn đem ông đi”

NRSV, JB

“con gái Pha-ra-ôn nhận làm con”

TEV

“con gái của vua nhận làm con”

Chữ *anaireō* có nghĩa đen là “vớt lên”. Môi-se đã được vớt lên khỏi nước và bởi biển cỏ này trở thành con nuôi của con gái Pha-ra-ôn.

7:22 Môi-se được tiếp thu kiến thức và sự huấn luyện quân sự tốt nhất khi ở ông trong cung điện của Pha-ra-ôn.

☐ **“lời nói và việc làm đều có tài năng”** Đây phải là sự đúc kết về phần sau của cuộc đời Môi-se. Bởi vì khi ông gặp YHWH tại bụi gai cháy, chính ông đã quả quyết rằng mình không có tài ăn nói (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:10-17).

7:23-24 Chi tiết này ở Xuất Ê-díp-tô Ký 2:11-12

7:23 “Nhưng lúc người được đầy bốn mươi tuổi” Tôi cho rằng D. L. Moody là người đưa ý kiến cuộc đời Môi-se có thể chia làm ba giai đoạn bốn mươi năm: (1) trong bốn mươi năm đầu tiên, Môi-se nghĩ rằng mình là người quan trọng (vì ông được giáo dục trong cung điện Pha-ra-ôn); (2) trong bốn mươi năm sau đó, Môi-se nghĩ rằng mình là người tầm thường (lưu đày trong xứ Ma-đi-an, học cách sống và địa thế của vùng sa mạc Si-na-i); và (3) trong bốn mươi năm cuối, ông được chứng nghiệm Đức Chúa Trời có thể làm gì với một người tầm thường (dẫn dắt dân sự Đức Chúa Trời đến Đất Hứa).

7:25 Câu Kinh thánh này là sự giả định của Ê-tiên (có thể là dựa theo lời truyền khẩu Do-Thái-Giáo) không có trong Xuất Ê-díp-tô Ký.

7:26-29 Chi tiết này dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký 2:13-14.

7:29 “Môi-se vừa nghe lời đó thì TRỐN” Chi tiết này dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký 2:15,22. Sự sợ hãi sau khi giết người Ai-cập cho thấy Pha-ra-ôn không bênh vực cho địa vị là con nuôi công chúa Ai-cập của Môi-se. Chi tiết này được giải thích rõ hơn trong Hê-bơ-rơ 11:27.

☐ **“VÀ TRỞ THÀNH NGƯỜI KIÊU NGỰ TRONG XỨ MA-ĐI-AN”** Đức Chúa Trời hiện ra cùng Môi-se trong bụi gai cháy tại xứ Ma-đi-an (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3-4) rồi sau đó ban luật pháp cho ông tại Si-na-i trong đất Ma-đi-an (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19-20) chứng tỏ Đức Chúa Trời không bị giới hạn về nơi chốn để bày tỏ chính mình Ngài. Sự nhấn mạnh về việc Đức Chúa Trời hiện ra tách biệt khỏi đền thờ Giê-ru-sa-lem còn được trình bày trong Công Vụ 7:36, 44, 48 và 53.

☐ **“nơi đó người sanh được hai con trai”** Chi tiết này được dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký 18:3-4.

BẢN NASB: 7:30-34

³⁰ Cách bốn mươi năm, một thiên sứ hiện ra cùng người, tại đồng vắng núi Si-na-i, trong ngọn lửa nơi bụi gai đương cháy. ³¹ Môi-se thấy vậy, lấy làm lạ về sự hiện ra đó, đang áp lại để xem cho gần hơn, thì nghe tiếng Chúa phán rằng: ³² “Ta là Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, của Y-sác và của Gia-cốp”. Môi-se run sợ, chẳng dám nhìn xem. ³³ Chúa bèn phán rằng: “Hãy cởi giày ở chơn ngươi ra; vì chỗ mà ngươi đứng đó là một nơi đất thánh. ³⁴ Ta đã đoái xem và thấy cảnh khó khăn của dân ta trong xứ Ê-díp-tô, ta đã nghe tiếng than thở của chúng nó, và xuống định giải cứu. Bây giờ hãy đến, đừng ta sai ngươi qua xứ Ê-díp-tô.”

7:30 Chi tiết này được dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký đoạn 3 và 4.

▣ **“thiên sứ”** Trong bản văn Cựu ước thiên sứ được đề cập tại đây chính là YHWH. Xem ghi chú đầy đủ tại 5:19. Lưu ý đến cách vị thiên sứ này được miêu tả

1. Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2, “thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra cũng người trong ngọn lửa”
2. Xuất Ê-díp-tô Ký 3:4, “Đức Giê-hô-va thấy người tê bước lại xem”
3. Xuất Ê-díp-tô Ký 3:4, “Đức Chúa Trời (*Elohim*) bèn ở giữa bụi gai gọi rằng”

▣ **“Núi Si-na-i”** Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỊA ĐIỂM NÚI SI-NA-I

- A. Nếu Môi-se đề cập đến “ba ngày đường” khi ông cầu xin Pha-ra-ôn (3:18; 5:3; 8:27) theo nghĩa đen chứ không phải trong ý ẩn dụ, thì khoảng thời gian đó không đủ để đoàn dân đến địa điểm theo truyền thống tại phía nam của bán đảo Si-na-i. Vì lý do đó nên nhiều học giả đặt vị trí của núi Si-na-i gần ốc đảo Kadesh-Barnea.
- B. Địa điểm truyền thống được gọi là “Jebel Musa,” trong Đồng Vắng Xin, có nhiều đặc điểm phù hợp
 1. Có vùng đất bằng phẳng rộng lớn trước ngọn núi.
 2. Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:2 cho biết hành trình từ núi Si-na-i đến Kadesh-Barnea kéo dài mười một ngày.
 3. Tên “Sinai” không phải là chữ Do Thái. Tên này có thể có liên hệ với tên Đồng Vắng Xin để chỉ về một hoang mạc nhỏ có bụi cây. Tên Do Thái cho ngọn núi là Hô-rếp (nghĩa là hoang mạc).
 4. Địa điểm truyền thống của núi Si-na-i đã được đề cập từ thế kỷ thứ tư. Nó nằm trong “đất Ma-đi-an” vùng đất rộng lớn bao gồm cả bán đảo Si-na-i và Ả-rập.
 5. Khoa khảo cổ học gần như đã kiểm chứng được địa điểm của một số thành phố có đề cập trong Xuất Ê-díp-tô Ký (*Elim, Dophkah, Rephidim*) ở miền tây của bán đảo Si-na-i.
- C. Người Do Thái chưa bao giờ bày tỏ sự lưu tâm đến vị trí địa lý của núi Si-na-i. Người Do Thái tin rằng Đức Chúa Trời đã ban cho họ Luật Pháp và hoàn thành lời hứa của Ngài từ Sáng-thế Ký 15:12-21. “Địa điểm” không phải là điều chính yếu đối với người Do Thái vì vậy họ không hề có dự kiến trở về địa điểm này (không tổ chức những chuyến hành hương hằng năm).
- D. Địa điểm truyền thống của núi Si-na-i chỉ được xác định vào khoảng năm 385-388 sau Chúa trong *Pilgrimage of Silvia* (xem *Commentary on the Book of Acts*, của F.F. Bruce, trang 151).
- E. Hiện nay có nhiều phỏng đoán về một vị trí mới nằm đối ngang vịnh Aqaba tại Ả-rập. Địa điểm này gây sự chú ý vì:
 1. Vùng đất Ma-đi-an hoàn Toàn thuộc về Ả-rập
 2. Trong Ga-la-ti 4:25, Phao-lô cho biết núi Si-na-i thuộc về Ả-rập.

3. Hình ảnh vệ tinh tiết lộ tuyến đường cổ xưa có bờ đá đắp cao từ Ai-cập dẫn ngang qua bán đảo Si-na-i và vịnh Aqaba.
4. Phần đỉnh cao nhất của địa điểm này bị nhuộm đen (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:16,18)
Hay nói một cách khác, đơn giản là chúng ta không biết địa điểm chính xác.

7:32 Chi tiết này dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký 3:6.

▣ **“tổ phụ”** Trong cả bản văn tiếng Do Thái lẫn bản dịch tiếng Hy Lạp (bản Septuagint) từ này ở dạng SỐ ÍT. Trong mọi lần xuất hiện khác cụm từ này ở dạng SỐ NHIỀU. Đức Chúa Trời biết người cha nô lệ của Môi-se.

7:33 Chi tiết này được dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký 3:5. Môi-se tiến đến bụi gai bởi sự tò mò chứ không phải bởi lòng sùng đạo. Chúng ta không tìm được lý do chính xác của việc Môi-se cởi giày.

1. Giày có thể dơ bẩn (bởi phân súc vật).
2. Hành động cởi giày ra có thể bày tỏ sự thân mật của gia đình (như đang ở tại nhà).
3. Một phong tục văn hóa của thời đại các Tổ Phụ hay là lễ nghi của Ai-cập.

7:34 Chi tiết này được trưng dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 3:7. Riêng cá nhân tôi, câu Kinh thánh này chứa đựng ý nghĩa thần học vô cùng quan trọng vì: YHWH nghe lời khẩn cầu, xem thấy nỗi đau khổ và giải cứu. Ngài giáng hạ để giải cứu, nhưng cần phải lưu ý rằng sự giải cứu của Đức Chúa Trời được thực thi qua phương tiện con người. Đức Chúa Trời sai phái một Môi-se miễn cưỡng. Đức Chúa Trời sử dụng con người để giải quyết cho con người.

BẢN NASB: 7:35-43

³⁵ Môi-se này là người họ đã bỏ ra, và rằng: **AI ĐÃ LẬP NGƯỜI LÊN LÀM QUAN CẠI TRỊ VÀ QUAN ĐOÁN XÉT CHÚNG TA? Ấy là người mà Đức Chúa Trời đã sai làm quan cai trị và đấng giải cứu cật tay một thiên sứ đã hiện ra với người trong bụi gai.** ³⁶ Ấy là người đã đem họ ra khỏi, làm những dấu kỳ phép lạ trong xứ Ê-díp-tô, trên Biển-đỏ, và nơi đồng vắng trong bốn mươi năm. ³⁷ Ấy là Môi-se này đã nói cùng con cái Y-sơ-ra-ên rằng: **ĐỨC CHÚA TRỜI SẼ ĐÁY LÊN TRONG HÀNG ANH EM CÁC NGƯỜI MỘT ĐÁNG TIÊN TRI GIỐNG NHƯ TA.** ³⁸ Ấy là người, trong hội chúng tại nơi đồng vắng, đã ở với thiên sứ, là đấng phán cùng người trên núi Si-na-i, và với tổ phụ chúng ta, người lại nhận lấy những lời sự sống đặng trao lại cho các người. ³⁹ Ấy là người mà tổ phụ chúng ta không chịu vâng lời, đã bỏ người đặng nghiêng lòng về xứ Ê-díp-tô, ⁴⁰ VÀ NÓI VỚI A-RÔN RẰNG: **HÃY LÀM CÁC THẦN ĐI TRƯỚC CHÚNG TA; VÌ VỀ PHẦN MÔI-SE NÀY, LÀ NGƯỜI ĐÃ DẪN CHÚNG TA RA KHỎI XỨ Ê-DÍP-TÔ, CHẴNG BIẾT CÓ ĐIỀU CHI XẤY ĐẾN CHO NGƯỜI RỒI.** ⁴¹ Trong những ngày đó, họ đúc một tượng bò con, dâng tế lễ cho tượng và vui mừng về việc tay mình làm nên. ⁴² Đức Chúa Trời bèn lia bỏ họ, phú họ thờ lạy cơ binh trên trời, như có chép trong sách các đấng tiên tri rằng: **HỒI NHÀ Y-SƠ-RA-ÊN, VẬY CÓ PHẢI CÁC NGƯỜI TỪNG DẴNG CON SINH VÀ CỦA LỄ CHO TA, TRONG BỐN MƯƠI NĂM Ở NƠI ĐỒNG VẮNG, ⁴³ KHI CÁC NGƯỜI KHIÊNG NHÀ TRẠI CỦA MO-LỐC VÀ NGÔI SAO CỦA THẦN ROM-PHAN, TỨC LÀ NHỮNG HÌNH TƯỢNG MÀ CÁC NGƯỜI LÀM RA ĐỂ THỜ LẠY CHẴNG? TA CŨNG SẼ ĐÁY CÁC NGƯỜI QUA BÊN KIA BA-BY-LÔN.**

7:35 “Môi-se này mà họ bỏ ra” Dân sự Chúa thường hay khước từ người phát ngôn của Đức Chúa Trời (xem câu 51-52). Điều này cũng có thể là chủ ý trong câu 27.

▣ **“cật tay một thiên sứ đã hiện ra với người trong bụi gai”** Lại một lần nữa, Đức Chúa Trời đến với dân Do Thái bên ngoài vùng đất hứa. Công tác của Đức Chúa Trời không bị lệ thuộc vào bất cứ địa điểm nào. Phần nhiều lịch sử dân Do Thái diễn ra bên ngoài vùng đất Ca-na-an và trước giai đoạn Đền Thờ

Giê-ru-sa-lem. Trong suốt cả dòng lịch sử đó, người lãnh đạo của Chúa luôn bị khước từ bởi chính đồng bào mình (xem câu 9, 27-28, 35, 39). Đây là chủ đề được tái diễn.

Thiên sứ được mô tả tại đây như một vị thần (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2,4). Sự hiển lộ thần linh này còn được thấy trong Sáng-thê Ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất Ê-díp-tô Ký 13:21; 14:19; Các Quan Xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22; Xa-cha-ri 3:1-2. Tuy nhiên, “thiên sứ của Đức Chúa Trời” không phải luôn luôn được dùng để diễn tả sự hiển lộ thần linh; đôi khi đó chỉ là một thiên sứ hay là một sứ giả (xem Sáng-thê Ký 24:7,40; Xuất Ê-díp-tô Ký 23:20-23; 32:34; Dân-số Ký 22:22; II Sa-mu-ên 24:16; Giăng 5:23; I Cô-rinh-tô 21:15ff; Xa-cha-ri 1:11:12-13).

7:36 Đây là tóm tắt về quyền năng của Đức Chúa Trời thi hành qua Môi-se (cây gậy) và A-rôn.

7:37-38 Đây là trích dẫn chỉ về Đấng Mết-si-a từ Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15. Ê-tiên đang đồng nhất sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Xuất Ê-díp-tô Ký và giai đoạn lang thang trong đồng vắng bằng hình ảnh Thiên Sứ của Đức Chúa Trời và những nhân vật đặc biệt tiếp nối Môi-se (Đấng Mết-si-a, các tiên tri). Ê-tiên không hề có ý xem thường Môi-se nhưng ngược lại ông đang thực sự tuân theo Môi-se.

7:38 “hội chúng” Đây là chữ Hy Lạp *ekklesia*, nhưng tại đây thể hiện sự tập hợp chứ không có nghĩa là Hội thánh.

▣ **“thiên sứ, là đấng phán cùng người trên núi Si-na-i”** Thần học của các tu sĩ Do-Thái-Giáo quả quyết rằng thiên sứ làm trung gian giữa YHWH và sự kiện ban luật pháp (xem chú thích tại 7:53) và có thể thiên sứ được dùng để ám chỉ về chính YHWH (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:21 so sánh với 14:19; và Xuất Ê-díp-tô Ký 32:34; Dân-số Ký 20:16; Các Quan Xét 2:1).

7:39 “người mà tổ phụ chúng ta không chịu vâng lời” Ê-tiên đang liên kết lại sự phản loạn trong Cựu ước với hàm ý rằng người Do Thái đã luôn luôn khước từ những người lãnh đạo của Đức Chúa Trời và bây giờ họ đã khước từ chính Đấng Mết-si-a.

▣ **“đã bỏ người”** Chi tiết này dẫn chứng từ Dân-số Ký 14:3-4

7:40-41 Chi tiết này dẫn chứng từ Xuất Ê-díp-tô Ký 32. Đây không phải là thờ hình tượng, nhưng là sự kiến tạo hình thể vật chất của Đức Chúa Trời. Điều này dẫn đến sự thờ lạy thần Sinh Sản sau đó.

7:41 Ê-tiên giải thích bò con vàng chính là hình tượng và dùng sự kiện lịch sử này để đưa vào trích dẫn từ A-môt đoạn 5 ám chỉ rằng dân Do Thái ngay từ thời kỳ ra khỏi Ai-cập và giai đoạn lang thang trong đồng vắng đã phản loạn và thờ hình tượng.

7:42 “Đức Chúa Trời bèn lia bỏ họ, phú họ thờ lạy” Câu 42 và 43 trích dẫn từ A-môt 5:25-27 quả quyết rằng dân Do Thái luôn luôn dâng lễ vật thờ phượng cho các thần tượng ngoại quốc. Đó là khuôn mẫu lặp lại đều đặn có từ rất sớm trong lịch sử của họ (xem Giô-suê 24:20). Điều này khiến ta liên tưởng đến một trong những lời chối bỏ thẳng thừng trong Rô-ma 1:24,26,28.

▣ **“cơ binh trên trời”** Chi tiết này đề cập đến tập tục thờ lạy các vì sao của người A-sy-ri và Ba-by-lôn (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 17:3; II Các Vua 17:16; 27:3; II Sử-ký 33:3,5; Giê-rê-mi 8:2; 19:13). Phân đoạn A-môt 5:25-27 có một số chi tiết bất đồng về từ ngữ giữa bản văn tiếng Do Thái (MT), bản văn tiếng Hy Lạp (LXX) và lời trích dẫn của Ê-tiên: (1) tên của vị thần sao. Bản văn Do Thái dùng chữ *kywn* hay *kaiwann*, là tên của sao Thổ trong tiếng A-sy-ri. Bản văn Hy Lạp thì dùng chữ *rypn* hay *raiphan*, hoặc là *repa* là tên của thần sao Thổ theo tiếng Ai-cập; (2) Bản văn Do Thái và bản văn Hy Lạp (LXX) cùng sử dụng “bên kia Đa-mách” trong khi đó Ê-tiên lại trích dẫn rằng “bên kia Ba-by-lôn”; không có bản văn hoặc dị bản nào hỗ trợ cho sự trích dẫn của Ê-tiên. Ê-tiên có lẽ có ý kết hợp sự lưu đày sang A-sy-ri mà A-môt đề cập với sự lưu đày dân Do Thái sang Ba-by-lôn sau đó nhưng lại thay thế địa điểm của sự kiện.

Sự thờ phượng các vì sao khởi đầu tại Mê-sô-bô-ta-mi, nhưng sau đó truyền đến Sy-ri-a và Ca-na-an (xem Gióp 31:26-27). Những khám phá khảo cổ học tại Tell El-Amarna bao gồm hàng trăm văn kiện gửi từ vùng Ca-na-an đến Ai-cập vào khoảng thế kỷ 14 trước Chúa sử dụng những vị thần sao như những địa danh.

▣ **“như có chép trong sách các đấng tiên tri”**. Chi tiết này đề cập đến những cuộn sách da chứa đựng mười hai sách tiêu tiên tri (xem 13:40), phần trích dẫn trong câu 42-43 dựa vào phân đoạn A-môt 5:25-27 của bản Septuagint.

7:43 “MOLOCH” Chữ vua trong tiếng Do Thái có những phụ âm là *mlk*. Có vài tên của các thần xứ Ca-na-an là sự kết hợp dựa trên ba phụ âm này như: *Milcom*, *Molech*, hay *Moloch*. Nhiều trẻ em được cúng tế cho *Moloch* là vị thần Sinh sản chính của dân A-mô-rít để cầu mong sức khỏe và sự phồn thịnh cho cộng đồng và quốc gia (xem 20:2-5; I Các Vua 11:5,7,33; II Các Vua 23:10,13,14; Giê-rê-mi 32:35, 7:31). A.T. Robertson trong quyển *World Pictures In the New Testament*, vol. 3, trang 93, mô tả *Moloch* là pho tượng đầu bò với đôi tay vươn ra để nhận những trẻ em làm sinh tế, bên dưới có ngọn lửa để thiêu sinh tế. Chữ *Molech* được đề cập ở Lê-vi Ký 18:21 có bối cảnh liên hệ đến sự dâm loạn nên khiến cho nhiều học giả phỏng đoán rằng những trẻ em không bị thiêu để hiến tế cho *Molech* nhưng bị dâng hiến để làm điểm trong đền thờ cả nam và nữ. Cách lý giải này phù hợp với tập quán thông thường của tín ngưỡng phồn thực.

BẢN NASB: 7:44-50

⁴⁴ Đền tạm chứng cứ vốn ở giữa tổ phụ chúng ta trong đồng vắng, như Chúa đã truyền lệnh cho Môi-se phải làm y theo kiểu mẫu người đã thấy. ⁴⁵ Tổ phụ chúng ta đã nhận lấy đền tạm ấy, rồi đồng đi với Giô-suê đem vào xứ họ đã chiếm lấy của các dân mà Đức Chúa Trời đã đuổi khỏi trước mặt họ; đền tạm cứ ở đó cho đến đời vua Đa-vít, ⁴⁶ là người được ơn trước mặt Đức Chúa Trời, và xin ban một chỗ ở cho Đức Chúa Trời của Gia-cóp. ⁴⁷ Kế đó, vua Sa-lô-môn cất cho Chúa một cái nhà. ⁴⁸ Nhưng Đấng Rất Cao chẳng ở trong nhà bởi tay người ta làm ra, như đấng tiên tri đã nói: ⁴⁹ Chúa phán: TRỜI LÀ NGAI TA, ĐẤT LÀ BỆ CHƠN TA. NÀO CÓ NHÀ NÀO CÁC NGƯỜI CẤT CHO TA, CÓ NƠI NÀO CHO TA YÊN NGHỈ CHĂNG? ⁵⁰ HÁ CHẴNG PHẢI TAY TA ĐÃ DỰNG NÊN MỌI VẬT NÀY CHĂNG?

7:44 Chi tiết này trưng dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 25-31, 36-40. Bản vẽ chi tiết của đền tạm được bày tỏ cho Môi-se tại núi Si-na-i. Sách Hê-bơ-rơ có đề cập đến đền tạm hay là đền thờ trên trời (xem 8:5-6; 9:11,23) là nguyên mẫu mà đền tạm dưới đất là hình bóng.

7:45 Câu Kinh thánh này tóm lược khoảng thời gian từ gian đoạn đánh chiếm đất hứa (năm 1400 hay là năm 1250 trước Chúa) cho đến triều đại của Đa-vít (khoảng năm 1011 đến năm 971/970 trước Chúa theo Harrison; năm 973 trước Chúa theo Young; năm 961 trước Chúa theo Bright).

7:46 Câu Kinh thánh này phản hồi khúc Kinh thánh quan trọng trong II Sa-mu-ên 7 thiết lập vương triều của nhà Đa-vít.

7:47 “vua Sa-lô-môn cất cho Chúa một cái nhà” Chi tiết này được dẫn chứng dựa vào I Các Vua 6-8 và II Sử-ký 1-6

7:48 Câu Kinh thánh tương tự như lời tuyên bố của Sa-lô-môn trong I Các Vua 8:27 và II Sử-ký 6:18

7:49-50 Đây là trưng dẫn từ khúc Kinh thánh Ê-sai 66:1-2 trong bản Septuagint. Điểm nhấn mạnh ở đây là đến ngay cả vua Sa-lô-môn cũng thừa nhận rằng không có tòa nhà nào có thể chứa đựng Chúa.

Liệu những câu Kinh thánh này có ẩn chứa luận cứ cho sự bao gồm người ngoại bang hay không? Nếu có thì vẫn còn như bị ẩn giấu. Tuy nhiên, chính vua Sa-lô-môn nhìn nhận rằng đền thờ là nơi để trần gian đến với YHWH (xem I Các Vua 8:41-43). Nhóm người Do Thái nói tiếng Hy Lạp (bảy người trong Công-vụ 6) đã nhận thức và thực thi giáo vụ ở tầm mức Toàn cầu trước khi những sứ đồ nhận thức khía cạnh này trong sự giảng dạy của Chúa Giêsu (xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Công-vụ 1:8). Ê-tiên có lẽ cũng quá quyết về chân lý này trong câu 50.

BẢN NASB: 7:51-53

⁵¹ Hỡi những người cứng cổ, lòng và tai chẳng cắt bì kia! Các ngươi cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài; tổ-phụ các ngươi thế nào, thì các ngươi cũng thế ấy! ⁵² Há có đấng tiên tri nào mà tổ phụ các ngươi chẳng bắt bớ ư? Họ cũng đã giết những người nói tiên tri về sự đến của Đấng Công bình; và hiện bây giờ chính các ngươi lại đã nộp và giết Đấng đó; ⁵³ các ngươi đã nhận luật pháp truyền bởi các thiên sứ, nhưng không giữ lấy!

7:51 “cứng cổ” Ê-tiên ám chỉ đến cách Môi-se mô tả tính cách đặc trưng của người Do Thái, dòng dõi Gia-cốp (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32:9; 33:3,5).

▣ **“không cắt bì trong lòng”** Đây là thành ngữ Do Thái chỉ sự bất trung, phản loạn, không đáng tin cậy (xem Lê-vi Ký 26:41; Giê-rê-mi 4:4; 9:25-26; Ê-xê-chi-ên 44:7).

▣ **“tai chẳng cắt bì”** Chi tiết này ám chỉ đến thái độ không sẵn lòng lắng nghe và đáp ứng với những sứ giả của Đức Chúa Trời (xem Giê-rê-mi 6:10).

▣ **“nghịch với Đức Thánh Linh hoài”** Chi tiết này rất giống với Ê-sai 63:10. Tình thương và sự thành tín của Đức Chúa Trời được bày tỏ, ca tụng trong Ê-sai 63:9,11-14; nhưng phản ứng của con người là lòng vô tín.

7:51b-52 Đây là sự tố cáo gay gắt tầng lớp lãnh đạo Do Thái đương thời, họ cũng giống như những lãnh đạo trước đây. Dân sự của Chúa đã giết những sứ giả của Đức Chúa Trời ngày xưa, thì nay họ giết Đấng Mết-si-a (xem 3:14; 5:28).

7:52 “Đấng Công Bình” Từ này được dùng như một danh hiệu của Đức Chúa Giê-xu trong câu 3:14 và 22:14. Xem thêm phần Chủ Đề Đặc Biệt về Đấng Công Bình trong phần phụ chú của câu 3:14.

7:53 “truyền bởi các thiên sứ” Chi tiết này căn cứ vào cách chú giải của các tu sĩ Do-Thái-Giáo câu Kinh thánh Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:2 (bản Septuagint) rằng Đức Chúa Trời ban luật pháp cho Môi-se qua trung gian là các thiên sứ; điều này có vẻ như được xác nhận qua Ga-la-ti 3:19 và Hê-bơ-rơ 2:2.

▣ **“nhưng không giữ lấy!”** Ê-tiên mở đầu lời bào chữa của mình bằng việc xin cho lời mình nói được lắng nghe, có thể là sự phản hồi *Shema* của người Do Thái (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4). Ê-tiên và sau đó là Gia-cơ (em của Đức Chúa Giê-xu) cùng khẳng quyết “hãy làm, chớ lấy nghe làm đủ” (xem Gia-cơ 1:22-23 và Đức Chúa Giê-xu, Ma-thi-ơ 7:24-27; Lu-ca 11:48; Giăng 13:17; và Phao-lô, Rô-ma 2:13).

BẢN NASB: 7:54-60

⁵⁴ Chúng nghe những lời đó, thì giận trong lòng, và nghiêng rặng với Ê-tiên. ⁵⁵ Nhưng người, được đầy dẫy Đức Thánh Linh, mắt ngó chằm lên trời, thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Giê-xu đứng bên hữu Đức Chúa Trời; ⁵⁶ thì người nói rằng: Kia, ta thấy các tầng trời mở ra, và Con người đứng bên hữu Đức Chúa Trời. ⁵⁷ Bây giờ, chúng kêu lớn tiếng lên, bịt lỗ tai

lại, cùng nhau chạy a lại,⁵⁸ kéo người ra ngoài thành, rồi ném đá người. Các kẻ làm chứng lấy áo xống mình để nơi chôn một người trẻ tuổi kia tên là Sau-lơ.⁵⁹ Chúng đang ném đá, thì Ê-tiên cầu nguyện rằng: Lạy Đức Chúa Giê-xu, xin tiếp lấy linh hồn tôi.⁶⁰ Đoạn, người quì xuống, kêu lớn tiếng rằng: Lạy Chúa, xin đừng đổ tội này cho họ! Người vừa nói lời đó rồi thì ngủ.

7:54 “họ” Âm chỉ về những thành viên của Tòa công luận (Sanhedrin) (xem 6:15)

▣	
NASB	“thấu đến xương tủy”
NKJV	“cắt vào lòng”
NRSV	“họ điên tiết”
TEV	“họ nổi giận”
NJB	“họ tức tối”

Đây là hình thức CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE), có nghĩa đen là “cắt vào lòng” (xem 5:33). Sứ điệp của Ê-tiên thực sự tác động đến những người lãnh đạo, nhưng thay vì ăn năn thì họ lại khước từ và thủ tiêu sứ giả như thường lệ (xem 5:33).

▣ **“nghiến răng”** Đây là biểu hiện của cơn giận (xem Gióp 16:9; Thi-thiên 35:16; Ca-thương 2:16).

7:55 “Đức Thánh Linh...Đức Chúa Trời...Đức Chúa Giê-xu” Lưu ý đến sự đề cập Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt câu 2:32-33.

▣ **“đầy đầy Đức Thánh Linh”** Khái niệm được đầy đầy Đức Thánh Linh để công bố Phúc âm là điểm đặc biệt của sách Công-vụ (nghĩa là *plēroō*, xem 2:4; 4:8,31; *plērēs*, xem 6:3,5,8; 7:55; 11:24)

Có những chân lý Thánh Kinh liên hệ đến Đức Thánh Linh với những đặc điểm:

1. Thân vị của Đức Thánh Linh (xem Giăng 14-16)
2. Báp-tem trong Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 12:13)
3. Bông trái của Đức Thánh Linh (xem Ga-la-ti 5:22-23)
4. Ân tứ Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 12)
5. Đầy đầy Đức Thánh Linh (xem Ê-phê-sô 5:18)

Trong số những đặc điểm liệt kê, sách Công-vụ chú trọng vào đặc điểm thứ năm. Những lãnh đạo của Hội thánh ban đầu được nhận lãnh năng quyền, nhiều lần, để công bố Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ mạnh mẽ và bạo dạn. Trong trường hợp của Ê-tiên, tác dụng hiệu quả của bài giảng khiến ông tuận đạo. Xem Toàn bộ chú thích về chủ đề “đầy đầy” tại 2:4 và 3:10.

▣ **“mắt ngó chăm lên trời”** Lu-ca thường hay sử dụng từ này (xem Lu-ca 4:20; 22:56; Công-vụ 1:10; 3:4,12; 6:15; 7:55; 10:4; 11:6; 13:9; 14:9; 23:1). Ê-tiên nhìn lên như cách thức cầu nguyện thông thường của người Do Thái, nhưng thay vì cầu nguyện, Đức Chúa Trời tiết lộ cho ông thấy Thiên Đàng.

▣ **“thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời”**. Cần phải lưu ý: Ê-tiên không nói rằng ông thấy Chúa, ông thấy sự vinh hiển của Chúa. Không ai có thể nhìn thấy Chúa mà sống sót (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 33:20-23). Gióp tin rằng ông sẽ đối diện với Chúa (xem Gióp 19:25-27; 7:55). Đức Chúa Giê-xu hứa người có lòng trong sạch sẽ được thấy Đức Chúa Trời (xem Ma-thi-ơ 5:18). Xem thêm phần Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Vinh Hiển tại 3:13.

▣ **“Đức Chúa Giê-xu đứng bên hữu Đức Chúa Trời”** Cụm từ “Đức Chúa Giê-xu đứng bên hữu Đức Chúa Trời” là một thành ngữ nhân diện hóa (dùng cử chỉ và hình dáng của con người để diễn tả cho dễ

hiểu về Đức Chúa Trời) chỉ về quyền năng và thẩm quyền thiên thượng. Chi tiết Đức Chúa Giê-xu đang đứng bày tỏ sự lưu tâm và chăm sóc của Ngài cho Cơ-Độc-Nhân tuận đạo đầu tiên.

Đức Chúa Trời tiết lộ chính mình Ngài cho Ê-tiên trong dạng thức và cách mà Ê-tiên có thể tiếp nhận. Điều này không hề có hàm ý rằng:

1. Địa điểm của thiên đàng là nằm ở phía trên
2. Đức Chúa Trời sẽ ngồi trên một cái ngai

Điều có ý bày tỏ sự quan tâm và chăm sóc của Đức Chúa Giê-xu. Chúng ta cần phải cẩn trọng với đặc điểm văn hóa trong ngôn từ nhân diện hóa. Xu hướng tiếp nhận nghĩa đen của đoạn kinh văn như là cách thức bày tỏ lòng tin cậy và sùng bái Kinh thánh của những đọc giả Tây phương cận đại là một trào lưu văn hóa sai bậy. Đức Chúa Trời thật sự có tiết lộ chính mình Ngài cho những tạo vật của Ngài, nhưng Ngài thực hiện trong những cách và hình thức mà những tạo vật của Ngài có thể hiểu được. Chắc chắn sẽ phải có yếu tố sắp xếp, điều chỉnh trong quá trình này. Con người, một tạo vật giới hạn và đã bị sa ngã, thì hoàn toàn không có thể nào hiểu thấu được cõi thiêng liêng. Đức Chúa Trời chọn lựa nhiều thứ thuộc về văn hóa hay trải nghiệm trần gian rồi sử dụng chúng như những phép so sánh tương đồng hay ẩn dụ để mà giao tiếp với con người. Những sự bày tỏ này đúng, nhưng không phải là bày tỏ đầy đủ hoàn toàn (tường tận).

7:56 “Con người” Ê-tiên xác nhận Đức Chúa Giê-xu chính là “Đấng Công Bình” trong 5:52. Những thánh giả của Ê-tiên chắc chắn phải nghe sự xác nhận đặc tính này của Đấng Mết-si-a. Chữ “con người” được sử dụng theo hai cách trong Cựu ước: (1) cụm từ thông thường để chỉ về một người (xem Ê-xê-chi-ên 2:1; Thi-thiên 8:4) và (2) được sử dụng để chỉ về một nhân vật thần linh (đấng Mết-si-a) trong Đa-ni-ên 7:13-14 và Thi-thiên 110:1. Do đó, từ này có nghĩa rộng để chỉ về cả nhân tính và thần tính. Đó cũng chính là lý do vì sao từ này được Đức Chúa Giê-xu sử dụng như tước hiệu cá nhân và bị các tu sĩ Do-Thái-Giáo có khuynh hướng sử dụng các danh hiệu Cựu ước theo cách phân biệt hay theo chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa quân phiệt loại bỏ. Việc Ê-tiên sử dụng từ “con người” tại đây là một trong hai lần chữ này xuất hiện mà không nằm trong những lời phán của Đức Chúa Giê-xu (xem Giảng 12:34).

7:57-58 Những người nghe cho rằng Ê-tiên phạm thượng khi ông khẳng định Đức Chúa Giê-xu chính là “Con Người” được tiên báo (xem Đa-ni-ên 7:13). Đây là điều không thể chấp nhận được đối với những người Do Thái độc thần này. Họ xử Ê-tiên về tội phạm thượng theo đúng luật Môi-se (xem Lê-vi Ký 24:14-16; Phục-truyền Luật-lệ Ký 13:9; 17:7). Vì vậy sự xưng nhận của Ê-tiên là chân thật hoặc ông là một kẻ phạm thượng đáng chết, không thể nào có sự bất nhất khi xưng nhận Đức Chúa Giê-xu (xem Giảng 14:6-9).

7:57 “cùng nhau chạy a lại” Đây là cụm từ Lu-ca thường sử dụng để mô tả sự hiệp một của các môn đồ đầu tiên (xem 1:14; 2:46; 5:12; 15:25). Cả tòa công luận đồng nổi giận và chối bỏ Ê-tiên (xem thêm câu 18:22 khi người Do Thái tại A-chai đồng lòng khước từ Phao-lô và câu 19:29 về cơn thịnh nộ của người ngoại bang tại thành Ê-phê-sô đối với những Cơ-Độc-Nhân).

7:58 “kéo người ra ngoài thành” Án tử hình không thể thực thi trong phạm vi thành Giê-ru-sa-lem bởi vì nó được xem là đất thánh.

▣ **“ném đá người”** Có người cho rằng người Do Thái sống dưới sự cai trị của đế quốc La mã không có quyền xử tử phạm nhân. Điều này không phải luôn luôn đúng. Bạo động đám đông không dễ dàng đối phó.

▣ **“một người trẻ tuổi kia tên là Sau-lô”** Trong cộng đồng Do Thái, người dưới bốn mươi tuổi đều được kể là còn trẻ. Đây là lần đầu tiên nhắc đến Sau-lô người Tạt-sơ là Sứ đồ Phao-lô về sau. Phao-lô đã nghe Ê-tiên tóm tắt Cựu ước và cũng có thể đã có nghe Ê-tiên trước đó trong nhà hội của người Si-ci-ly tại thành Giê-ru-sa-lem. Có nhiều nghi vấn rằng liệu đây có phải là điểm khởi đầu của một giai đoạn

Phao-lô nghi vấn, thắc mắc, dò xét trong lòng mà ông đã cố gắng giải quyết bằng cách bắt bớ các Cơ-Đốc-Nhân.

7:59 “Lạy Đức Chúa Giê-xu, xin tiếp lấy linh hồn tôi” Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE IMPERATIVE). Cần lưu ý Ê-tiên tin rằng ông lên thẳng thiên đàng ở với Đức Chúa Giê-xu (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8) chứ không phải qua Hades (nơi cầm giữ người chết giống như *sheol* trong tiếng Do Thái). Ê-tiên có lẽ đã chứng kiến Đức Chúa Giê-xu bị đóng đinh hay là được nghe kể lại chi tiết bởi vì ông lặp lại những lời tương tự (câu 59 và 60, xem Lu-ca 23:34,46).

Điểm khác cần lưu ý: Ê-tiên cầu nguyện với Đức Chúa Giê-xu giống như các môn đồ tại 1:24, trong khi tất cả những lời cầu nguyện còn lại trong Tân ước là với Đức Chúa Cha trong danh Đức Chúa Con.

7:60 “người quì xuống” Xử tử bằng cách ném đá không phải là một tiến trình nhanh chóng. Bản văn cho biết nó kéo dài vài phút.

▣ **“kêu lớn tiếng rằng”** Chi tiết này lặp lại trải nghiệm của Đức Chúa Giê-xu. Những lời cuối cùng của Ê-tiên hướng đến YHWH nhưng cũng dành cho đám đông và chắc hẳn rằng nó vang dội trong tâm tưởng của Sau-lơ.

▣ **“người ngủ”** Đây là phép ẩn dụ của Kinh thánh để chỉ cái chết (Gióp 3:13; 14:12; Thi-thiên 76:5; II Sa-mu-ên 7:12; I Các Vua 2:10; Giê-rê-mi 51:39,57; Đa-ni-ên 12:2; Ma-thi-ơ 27:52; Giảng 11:11; Công-vụ 7:60; 13:36; I Cô-rinh-tô 15:6,18,20; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13; II Phi-e-rơ 3:4).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Lời biện hộ của Ê-tiên nhằm mục đích gì?
Nó bày tỏ điều gì về người Do Thái?
Tại sao họ lại nổi cơn thịnh nộ?
2. Trong câu 37, Đức Chúa Giê-xu giống Môi-se như thế nào?
3. Tại sao sự trích dẫn Ê-sai 66:1-2 trong câu 49-50 lại vô cùng quan trọng?
4. Trong khái tượng về Đức Chúa Giê-xu của Ê-tiên có điểm nào quan trọng?

CÔNG VỤ ĐOẠN 8

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sau-lơ bắt bớ Hội Thánh 8:1b-3	Sau-lơ bắt bớ Hội Thánh 8:1-3	Phúc âm lan đến vùng Sa-ma-ri và vùng ven biển 8:1b-3	Sau-lơ bắt bớ Hội Thánh 8:1b-2 8:3	Ê-tiên tuân đạo, Sau-lơ bắt bớ Hội Thánh (7:55-8:3) 8:2 8:3
Phúc âm được giảng ở Sa-ma-ri 8:4-8	Đấng Christ được rao giảng ở Sa-ma-ri 8:4-8	8:4-8	Phúc âm được giảng ở Sa-ma-ri 8:4-8	Phi-líp ở Sa-ma-ri 8:4-8
8:9-13	Đức tin của thầy pháp 8:9-13	8:9-13	8:9-13	Thầy pháp Si-môn 8:9-13
8:14-24	Tội lỗi của thầy pháp 8:14-24	8:14-24	8:14-17 8:18-19 8:20-24	8:14-17 8:18-24
8:25	8:25	8:25	8:25	8:25
Phi-líp và hoạn quan Ê-thi-ô-pi 8:26-33	Đấng Christ được rao giảng cho người Ê-thi-ô-pi 8:26-40	8:26-40	Phi-líp và hoạn quan Ê-thi-ô-pi 8:26-30 8:31-33	Phi-líp làm báp-tem cho hoạn quan 8:26-33
8:34-40			8:34-37 8:38-40	8:34-40

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 8:1a

¹ Sau-lơ vốn ưng thuận về sự Ê-tiên bị giết.

8:1 “Sau-lơ vốn ưng thuận về sự Ê-tiên bị giết.” Cụm từ này kết thúc chương 7. Đây là DẠNG NÓI TRÁNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT ACTIVE). Phao-lô nhắc lại ký ức này với sự tủi hổ (xem Công-vụ 22:20; I Cô-rinh-tô 15:9; Ga-la-ti 1:13-23; Phi-líp 3:6; I Ti-mô-thê 1:13). Đôi khi câu Kinh thánh này kết hợp với 26:10 dùng để ám chỉ rằng Phao-lô đã biểu quyết trong tòa công luận kết án tử hình các Cơ-Độc-Nhân.

BẢN NASB 8:1b-3

Trong lúc đó, Hội thánh ở thành Giê-ru-sa-lem gặp cơn bắt bớ dữ tợn; trừ ra các sứ đồ, còn hết thầy tín đồ đều phải chạy tan lạc trong các miền Giu-đê và xứ Sa-ma-ri. ² Dầu vậy, có mấy người tin kính chôn xác Ê-tiên và than khóc người quá bội. ³ Nhưng Sau-lơ làm tàn hại Hội thánh: sấn vào các nhà, dùng sức mạnh bắt đờn ông, đờn bà mà bỏ tù.

▣ “Trong lúc đó, Hội thánh ở thành Giê-ru-sa-lem gặp cơn bắt bớ dữ tợn” Chi tiết này bày tỏ những hoạt động của tầng lớp lãnh đạo Do Thái, đa số là phe Sa-đu-sê, để đối phó với sự phát triển bùng nổ và nổi bật của Hội thánh ban đầu tại Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên đó cũng là cách thức Đức Chúa Trời thúc ép Hội thánh thực thi Công-vụ 1:8. Nếu không thi hành 1:8 thì nhận lãnh 8:1.

Không phải ngẫu nhiên mà Lu-ca sử dụng chữ *ekklesia* để chỉ tập hợp của người tin. Những người này cả đàn ông và phụ nữ không xem họ là sự tách biệt khỏi những lời hứa Cựu ước nhưng trái lại là sự làm trọn, hoàn thành Cựu ước. Trong bản Septuagint, chữ này đã được dịch thành “hội chúng” (MT-qahal) của dân Do Thái, đến đây thì nó được sử dụng cho cộng đồng những tín hữu tại Giê-ru-sa-lem. Lu-ca thường hay sử dụng chữ “lớn, nhiều” (*megas*). Ông đã sử dụng từ này hai mươi lần trong sách Phúc âm ông viết và hai mươi chín lần trong sách Công-vụ. Riêng trong chương 8 thì Lu-ca đã sử dụng nó:

1. Cuộc bắt bớ dữ tợn, câu 1
2. Than khóc sâu thẳm, câu 2
3. Tiếng kêu lớn, câu 7
4. Con người quan trọng, câu 9
5. Quyền phép lớn, câu 10
6. Dầu kỳ phép lạ, câu 13

▣ “trừ ra các sứ đồ, còn hết thầy tín đồ đều phải chạy tan lạc” Đây là chi tiết vô cùng đặc biệt cần chú ý: cuộc bắt bớ xảy ra tránh các sứ đồ nhưng lại hướng trực tiếp vào nhóm tín hữu Do Thái nói tiếng Hy Lạp. Có vẻ như cho đến giai đoạn này, các sứ đồ vẫn còn chấp nhận là một phần của Do-Thái-Giáo, vẫn chỉ rao giảng tại Giê-ru-sa-lem cho người Do Thái hoặc người đã cải đạo gia nhập Do-Thái-Giáo.

▣ “tan lạc trong các miền Giu-đê và xứ Sa-ma-ri” Đây là chi tiết làm trọn Đại Mạng Lệnh mà Lu-ca đề cập trong 1:8. Một khoảng thời gian đã trôi qua từ khi Đức Chúa Giê-xu truyền phán mạng lệnh này, Hội thánh vẫn còn lưỡng lự, miễn cưỡng thi hành. Đường như chỉ có cơn bắt bớ là cách thức duy nhất để thúc đẩy Hội thánh thực hiện mạng lệnh đi rao giảng khắp thế giới.

8:2 “có mấy người tin kính chôn xác Ê-tiên” Chữ “tin kính” thường được dùng cho những người Do Thái có sự tinh nhạy tâm linh (xem Lu-ca 2:25). Chữ này có thể được dùng cho những Cơ-Độc-Nhân Do Thái hay những người Do Thái không tán thành sự quá khích của đám đông và tính bất hợp pháp của việc xử tử Ê-tiên. *Mishnah* cho phép chôn cất tử tội bị kết án phạm thượng nhưng cấm người chôn cất than

khóc. Những người tin kính này bày tỏ sự đau buồn cách công khai (1) bày tỏ sự phản đối với sự kiện vừa xảy ra (2) liên quan đến chi tiết sự kiện xảy ra không được xét xử một cách chính thức.

8:3 “Sau-lơ làm tàn hại Hội thánh” Đây là động từ CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE) thể hiện sự bắt đầu của hành động trong quá khứ (xem bản NASB, NJB) hay một hành động tái diễn (xem bản NKJV, NRSV, TEV).

Chữ “tàn hại” có nghĩa là xé xác con mồi. Trong bản Septuagint, chữ này được sử dụng cho thú vật trong Thi-thiên 79:13 và sự bại trận trong Giê-rê-mi 28:2 và 31:18. Dường như có sự tranh chiến với lễ thật từ lời chứng của Ê-tiên trong lòng Phao-lô và Phao-lô cố gắng che giấu điều đó bằng cách bắt bớ Hội thánh khốc liệt (xem Công-vụ 9:1,13,21; 22:4,19; 26:10-11; I Cô-rinh-tô 15:9; Ga-la-ti 1:13; Phi-líp 3:6; I Ti-mô-thê 1:13).

▣ **“sấn vào các nhà”** Cụm từ này có thể hiểu hai nghĩa: (1) Phao-lô tìm đến những nhà mà các sứ đồ đã thăm viếng (xem 5:42) hoặc là (2) trong giai đoạn này các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem thường xuyên nhóm họp tại một số Hội thánh tư gia. Các Cơ-Độc-Nhân đầu tiên thường nhóm họp (1) trong ngày Sa-bát tại nhà hội; (2) tại Đền Thờ vào những dịp lễ trọng thể hoặc đôi khi là mỗi ngày (3) trong ngày Chúa Nhật tại những địa điểm đặc biệt hoặc tư gia.

▣ **“bắt đòn ông, đòn bà”** Đây là động từ được dùng khi Satan than khóc cho một phần ba các vì sao trên trời trong Khải-huyền 12:4. Động từ này được sử dụng vài lần trong Công-vụ (xem 8:3; 14:19; 17:6). Sau-lơ bắt bớ Hội thánh dữ tợn (xem 26:10), với bằng chứng là cụm từ “cả đàn ông và đàn bà”. Ông chia cắt các gia đình tín đồ, bỏ tù và ngay cả giết một số người. Chính vì vậy mà về sau Phao-lô tự gọi chính mình là “kẻ thấp hèn nhất trong các thánh đồ” (xem 9:1,13,21; 22:4,19; 26:10-11; I Cô-rinh-tô 15:9; Ga-la-ti 1:13,23; I Ti-mô-thê 1:13).

BẢN NASB 8:4-8

⁴ Vậy, những kẻ đã bị tan lạc đi từ nơi này đến nơi khác, truyền giảng đạo Tin Lành. ⁵ Phi-líp cũng vậy, xuống trong thành Sa-ma-ri mà giảng về Đấng Christ tại đó. ⁶ Đoàn dân nghe người giảng và thấy các phép lạ người làm, thì đồng lòng lắng tai nghe người nói; ⁷ vì có những tà ma kêu lớn tiếng lên mà ra khỏi nhiều kẻ bị ám, cùng kẻ bại và què được chữa lành cũng nhiều. ⁸ Tại cố đó, trong thành được vui mừng khôn xiết.

8:4 “những kẻ đã bị tan lạc đi từ nơi này đến nơi khác, truyền giảng đạo Tin Lành”. Cần chú ý, những người này không phải là các sứ đồ, vì các sứ đồ vẫn còn ở tại Giê-ru-sa-lem, nhưng các tín hữu Do Thái nói tiếng Hy Lạp bị tản lạc khắp nơi và trở thành những nhà truyền giáo đầu tiên. Điều đáng ngạc nhiên là giáo vụ Toàn cầu được khởi xướng, thúc đẩy bởi Ê-tiên và Phi-líp chứ không phải bởi các sứ đồ.

Chữ “truyền đạo” không chỉ đơn thuần là rao giảng Phúc âm nhưng là thực hiện Đại Mạng Lệnh (Ma-thi-ơ 28:18-20) theo đường hướng của Ê-tiên: đặt trọng tâm cho Toàn cầu.

8:5 “Phi-líp” là một trong nhóm bảy chấp sự được đề cập trong 6:5 (xem 21:8-9). Ông là người khai mở ba môi trường truyền giảng (1) vùng Sa-ma-ri; (2) cho hoạn quan Ê-thi-ô-pi; (3) giáo vụ cho vùng ven biển Pa-les-tin. Nhóm bảy chấp sự có lòng hướng đến truyền giáo.

▣ **“xuống trong thành Sa-ma-ri”** Có câu hỏi đặt ra về chi tiết trong lời văn của các bản chép tay tại đây, “xuống thành Sa-ma-ri” hay là “xuống một thành trong xứ Sa-ma-ri”? Những bằng chứng từ các bản chép tay nghiêng về cách giải thích khẳng định địa danh “thành Sa-ma-ri” (xem MSS, P⁷⁴, A, B). Tuy nhiên vào lúc đó, thành phố này chưa được gọi là Sa-ma-ri nhưng là Sebaste vì trong thời kỳ cai trị của đế quốc La mã, tên Sa-ma-ri được đặt cho cả một vùng đất. Thành phố lớn nhất của vùng Sa-ma-ri phải là Shecham. Có một giả thuyết cho rằng thành phố này cũng là Gitta bởi vì theo tương truyền nó có ngôi nhà của Simon Magus. Tác giả của giả thuyết này là Justin Martyr, một người cũng xuất thân từ vùng đất này.

▣ **“giảng về Đấng Christ tại đó”**. Người Sa-ma-ri bị người Do Thái kỳ thị, bởi vì họ là dân lai (xem E-xơ-ra 4:1-3). Sau cuộc lưu đày sang A-sy-ri năm 722 trước Chúa, vùng đất thuộc về mười chi phái phía bắc bị dân ngoại bang chiếm hữu và sinh sống chung với phần còn lại của dân Do Thái hình thành nên dân Sa-ma-ri (xem II Các Vua 17:24-41).

Nhóm người bị kỳ thị này cũng được Đức Chúa Giê-xu quan tâm dạy dỗ (xem Giảng 4). Phi-líp đến đây giảng dạy về Đấng Christ (Mạo Từ Xác định [DEFINITIVE ARTICLE]) là bản dịch tiếng Hy Lạp của chữ “Mết-si-a”. Những kinh sách Cựu ước có liên hệ đến lời hứa của YHWH sẽ sai phái một Đấng thiết lập một vương quốc mới, khởi đầu cho thời đại mới của Đức Thánh Linh. Chi tiết này được báo trước qua chức vụ của Đức Chúa Giê-xu và đặc biệt được ủy thác trong mạng lệnh cuối cùng của Ngài (1:8)

8:6 “đồng lòng” Cụm từ ‘đồng lòng’ thường được Lu-ca sử dụng. Xem phần ghi chú 1:14

▣ **“đoàn dân nghe người giảng và thấy các phép lạ người làm”** Chi tiết này đề cập đến những phép lạ Phi-líp thi hành kèm theo bài giảng (xem câu 7). Đức Thánh Linh biểu lộ cùng một cách đồng công trong chức vụ của Đức Chúa Giê-xu, mười hai sứ đồ và bảy mươi môn đồ.

8:7 Hiện tượng bị quỷ ám là một thực tế trong thế giới chúng ta (xem hai sách của Merrill F. Unger: [1] *Biblical Demonology* và [2] *Demons in the World Today*). Xem thêm phần Chủ Đề Đặc Biệt 5:16.

BẢN NASB 8:9-13

⁹ Bấy giờ trong thành đó có một người tên là Si-môn, làm nghề phù phép, tự khoe mình làm người danh tiếng, khiến cho dân Sa-ma-ri rất lấy làm lạ lùng. ¹⁰ Hết thầy từ trẻ đến già đều nghe theo người, mà nói rằng: Chính người là quyền phép của Đức Chúa Trời, tức là quyền phép lớn như thường gọi vậy. ¹¹ Nhon đó chúng nghe theo người, vì đã lâu nay người lấy phù phép giục họ thấy đều phải khen lạ. ¹² Nhưng khi chúng đã tin Phi-líp, là người rao giảng Tin Lành của nước Đức Chúa Trời và danh Đức Chúa Giê-xu Christ cho mình, thì cả đờn ông, đờn bà đều chịu phép báp-tem. ¹³ Chính Si-môn cũng tin, và khi đã chịu phép báp-tem, thì ở luôn với Phi-líp; người thấy những dấu lạ phép kỳ đã làm ra, thì lấy làm lạ lắm.

8:9 “một người tên là Si-môn” Chúng ta không biết rõ người này có đức tin thật hay chỉ đơn thuần là một thầy phù thủy tìm kiếm quyền phép. Nhưng dựa trên câu 24, tôi phải khen ngợi sự thối nát của ông. Thật đáng ngạc nhiên là có rất nhiều truyền thông của Hội thánh ban đầu được thành hình qua việc diễn giải về nhân vật này (xem *The Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible*, vol. 5, trang 442-444).

▣

NASB, NRSV “ma thuật”
NKJV, TEV “phù thủy”
NJB “ảo thuật”

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA THUẬT

Trong thời xưa, xuất hiện được một vài nhóm cá nhân và tập thể có liên hệ đến ma thuật.

1. Có một nhóm thầy phù thủy gọi là Chaldeans từ Mê-đi nghiên cứu chiêm tinh, tử vi (xem Daniên 1:20; 2:2,10,27, 4:7,9, 5:11; Ma-thi-ơ 2:1,7,16). Herodotus gọi họ là những “thầy phù thủy Mê-đi.” Họ nghiên cứu việc báo trước hay thay đổi sự kiện trong tương lai dựa trên chuyển động và cấu hình của các tinh tú (nghĩa là thiên thể, sao, chòm sao, sao chổi).

2. Có một phái triết học, toán học Hy Lạp gọi là Pythagorians.
3. Hầu hết các nhóm thầy phù thủy là những người tự xưng có thể thao túng siêu nhiên hay thiên nhiên (xem Sáng-thể Ký 41:8,24, Xuất Ê-díp-tô Ký 7:11,22, 8:7,19, 9:11). Thông thường các thể lực (hoặc thần linh) bị xem là xung đột với con người và bởi việc liên kết với những thể lực hoặc thần linh mà con người có thể đạt được ý nguyện của mình (xem bản giấy coi ma thuật thể kỷ thứ ba và thứ tư sau Chúa). Các cá nhân tự xưng có thể:
 - a. báo trước tương lai
 - b. can thiệp vào các sự kiện tương lai
 - c. giải thích các sự kiện tương lai, giải mộng
 - d. nguyên rủa hoặc là bảo vệ các cá nhân, thành phố, quốc gia, quân đội, v.v
4. Các thầy phù thủy như trong Công-vụ 8:9,11 tuyên bố có thể thao túng các quyền lực thiên nhiên hoặc điều khiển các quỷ theo ý muốn. Điều này thường có liên quan đến thần chú hay nghi thức bùa phép.
5. Các thầy phù thủy “chính công” thường công kích những thầy phù thủy khác đã không thực hiện lễ nghi một cách chính xác là bắt tài hay là bịp bợm (xem Công-vụ 13:6,8, 19:13).
6. Quyền năng của Phúc Âm được bày tỏ qua chức vụ của Phao-lô ở thành phố Ê-phê-sô, nơi các cựu thầy phù thủy sau khi đặt đức tin nơi Đấng Christ đốt sách ma thuật của họ (sách dạy cách làm phép, thần chú và các nghi lễ, xem Công-vụ 19:19).
7. Nghiên cứu thêm
 - a. Susan Garrett, *The Demise of the Devil*, Fortress Press, 1989
 - b. Merrill Unger, *Biblical Demonology*, Scripture Press, 1967
 - c. Hendrik Berkhof, *Christ and the Powers*, Herald Press, 1977
 - d. Waller Wink, *Naming the Powers*, Fortress Press, 1984
 - e. Clinton Arnold, *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare*, Baker, 1997

8:10 “Chính người là quyền phép của Đức Chúa Trời, tức là quyền phép lớn như thường gọi vậy” đây là danh hiệu cho chúa tể của các thần (thần Zeus). Trong tiếng A-ram, câu này có nghĩa “Đây là quyền năng của vị thần tối cao”. Người đàn ông này đã lừa hết cả người dân địa phương, thậm chí ông có thể lừa chính mình (xem câu 9,13).

8:12 “tin” Xem chủ đề đặc biệt “Đức Tin” ở 3:16.



NASB “giảng Tin lành”
NKJV “giảng nhiều điều”
NRSV “công bố Phúc âm”
NRSV “sứ điệp về Phúc âm”

Đây là động từ Hy Lạp *evangelizō*, là một từ ghép giữa tốt (*eu*) và thông điệp (*angelizō*). Chúng ta có được từ evangelism trong Anh ngữ phát xuất từ chữ Hy Lạp này. Phi-líp trình bày câu chuyện về Chúa Jesus với các người Sa-ma-ri và họ đã đáp ứng bằng đức tin.

▣ **“nước Đức Chúa Trời”** Xem hai mục đặc biệt về chủ đề này trong 1:3 và 2:35.

▣ **“danh Đức Chúa Giê-xu Christ”** Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt tại 2:21.

▣ **“đều chịu phép báp-tem”** Xem phần chú thích tại 2:38.

▣ **“cả đòn ông, đòn bà”** Xét theo ngữ cảnh có hai điểm quan trọng trong cụm từ này.

1. Phao-lô bắt bớ “người đàn ông và đàn bà (xem 8:3)”, nhưng Phúc âm cũng đã cứu rỗi “người đàn ông và đàn bà”
2. Trong Do-Thái-Giáo chỉ có đàn ông được cắt bì, nhưng bây giờ trong Phúc âm, cả hai được dự phần trong nghi lễ báp-tem.

8:13 “Chính Si-môn cũng tin” Hầu hết người Tin Lành thuần túy (evangelical) thường sử dụng chữ “tin” theo một chiều hướng rất là quả quyết, nhưng có nhiều chỗ trong Tân ước (ví dụ: Giảng 8:31), biểu hiện một điều gì đó “thiếu hụt” so với sự cải đạo (xem Giảng 8:59).

Đức tin ban đầu không phải là tất cả (xem Ma-thi-ơ 13:1-9, 10-23, 24:13). Bền đỗ và vâng phục cũng là những bằng chứng của một liên hệ thật sự với Đấng Christ.

▣ **“thì ở luôn với Phi-líp”** đây là dạng NÓI TRÁNH KHÔNG HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT), chú ý đến trình tự

1. ông nghe, câu 6-7, 12
2. ông thấy, câu 6-7, 13
3. ông tin, câu 13
4. ông chịu báp-tem, câu 13
5. ông ở với Phi-líp, câu 13

BẢN NASB 8:14-24

¹⁴ Các sứ đồ vẫn ở tại thành Giê-ru-sa-lem, nghe tin xứ Sa-ma-ri đã nhận lấy đạo Đức Chúa Trời, bèn sai Phi-e-rơ và Giăng đến đó. ¹⁵ Hai người tới nơi, cầu nguyện cho các môn đồ mới, để cho được nhận lấy Đức Thánh Linh. ¹⁶ Vì Đức Thánh Linh chưa giáng xuống trên một ai trong bọn đó; họ chỉ nhơn danh Đức Chúa Giê-xu mà chịu phép báp-tem thôi. ¹⁷ Phi-e-rơ và Giăng bèn đặt tay trên các môn đồ, thì đều được nhận lấy Đức Thánh Linh. ¹⁸ Si-môn thấy bởi các sứ đồ đặt tay lên thì có Đức Thánh Linh xuống, bèn lấy bạc dâng cho, mà nói rằng: ¹⁹ Cũng hãy cho tôi quyền phép ấy, để tôi đặt tay trên ai thì nấy được nhận lấy Đức Thánh Linh. ²⁰ Nhưng Phi-e-rơ trả lời rằng: Tiền bạc ngươi hãy hư mất với ngươi, vì ngươi tưởng lấy tiền bạc mua được sự ban cho của Đức Chúa Trời! ²¹ Ngươi chẳng có phần hoặc số trong việc này; vì lòng ngươi chẳng ngay thẳng trước mặt Đức Chúa Trời. ²² Vậy, hãy ăn năn điều ác mình, và cầu nguyện Chúa, hầu cho ý tưởng của lòng ngươi đó họa may được tha cho. ²³ Vì ta thấy ngươi đương ở trong mật đắng và trong xiềng tội ác. ²⁴ Si-môn trả lời rằng: Xin chính mình các ông hãy cầu nguyện Chúa cho tôi, hầu cho tôi chẳng mắc phải điều ông nói đó.

8:14 “Các sứ đồ vẫn ở tại thành Giê-ru-sa-lem, nghe tin xứ Sa-ma-ri đã nhận lấy đạo Đức Chúa Trời, bèn sai Phi-e-rơ và Giăng đến đó” Trong giai đoạn chức vụ của Đức Chúa Giê-xu, các môn đồ bị cấm thi hành chức vụ trong xứ Sa-ma-ri (xem Ma-thi-ơ 10:5). Nhưng bây giờ thì có vẻ như các sứ đồ muốn chính thức công nhận phong trào cấp tiến và triệt để mà Đức Thánh Linh đang thi hành giữa vòng nhóm chủng tộc có truyền thống là bị khinh ghét này. Khu vực này đã được đề cập cụ thể trong 1:8. Như mọi khi, Phi-líp nắm bắt ý nghĩa ngụ ý “rao giảng khắp thế giới” của Đức Chúa Giê-xu trước mười hai sứ đồ.

Lưu ý: Tin nơi Đức Chúa Giê-xu thì luôn kèm theo “tiếp nhận lời Đức Chúa Trời”. Lời Đức Chúa Trời có thể là:

1. Toàn thể mối liên lạc của Đức Chúa Trời với con người.
2. Những liên lạc của Đức Chúa Trời với con người đã được viết thành văn (Kinh thánh)
3. Đức Chúa Con (Ngôi Lời, xem Giảng 1:1) là sự bày tỏ Đức Chúa Trời (xem Hê-bơ-rơ 1:3)

Lưu ý rằng Phi-e-rơ và Giăng được sai đi. Phi-e-rơ được thừa nhận là người lãnh đạo của các sứ đồ và Giăng là người đã từng muốn xin lửa từ trời tiêu diệt dân Sa-ma-ri (xem Lu-ca 9:54).

8:15 “cầu nguyện cho các môn đồ mới, để cho được nhận lấy Đức Thánh Linh” Có những vấn đề vô cùng nan giải trong cố gắng xây dựng thần học của sự cứu rỗi từ sách Công-vụ vì lý do sau: thứ tự các sự kiện và chính bản thân các sự kiện liên quan đến sự cứu rỗi khác nhau ở mỗi đoạn kinh văn. Đức Thánh Linh trong đoạn này được đề cập đến như một sự xác nhận, tương tự như tại Lễ Ngũ Tuần, chứng tỏ Đức Chúa Trời đã chấp nhận và cứu chuộc những người Sa-ma-ri. Họ không thể nào thật sự được cứu nếu không có việc làm của Đức Thánh Linh kèm theo (xem Rô-ma 8:9), chữ “*nhận lãnh*” ở thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE INDICATIVE).

Tôi nghĩ rằng kinh nghiệm của Lễ Ngũ Tuần thiết lập một mô hình mà Đức Chúa Trời lặp lại trong kinh nghiệm của các chủng tộc và nhóm thổ ngữ khác nhau, để bày tỏ và xác nhận với Hội thánh người Do Thái rằng Đức Chúa Trời thật sự và hoàn toàn chấp nhận một nhóm mới. Do đó, sự biểu lộ của Đức Thánh Linh trong sách Công-vụ (tại Lễ Ngũ Tuần) khác biệt về phương diện thần học với ân tứ tiếng lạ của tín hữu Cô-rinh-tô.

Đoạn kinh văn này không thể sử dụng để đòi hỏi sự trải nghiệm giống như của tín hữu tại Cô-rinh-tô mà kiểm chứng sự cứu rỗi (xem I Cô-rinh-tô 12:29-30, là một loạt các câu hỏi tu từ mà câu trả lời được chờ đợi là không). Lu-ca ghi lại những gì đã xảy ra, chứ không phải những gì đáng lẽ phải xảy ra.

8:16-17 Đây là sự khác biệt với trình tự sự kiện được ghi trong sách Công-vụ 2:38. Sự khác biệt là do những hành động riêng biệt của Đức Thánh Linh: (1) trong 2:38 liên quan đến sự cứu rỗi và (2) trong 8:16 liên quan đến một loại hình kinh nghiệm giống Lễ Ngũ Tuần. Cùng một “sự kiện Chúa Thánh Linh” trong Công-vụ 2 bây giờ đang xảy ra với người Sa-ma-ri. Điều này đã không chỉ có ích cho người Sa-ma-ri mà thôi, nhưng phần lớn là cho cộng đồng tín hữu Do Thái. Nó bày tỏ cho các tín hữu Do Thái rằng Đức Chúa Trời đã hoàn toàn chấp nhận người Sa-ma-ri. Nhưng không có nghĩa là để khẳng định trải nghiệm sự cứu rỗi khởi đầu với hai giai đoạn.

Xin lưu ý rằng chính Phi-e-rơ và Giảng đã nhận thấy sự thiếu sót biểu hiện đặc biệt của Đức Thánh Linh mà họ đã kinh nghiệm tại Lễ Ngũ Tuần. Tại đây không có ngụ ý rằng các dấu kỳ phép lạ đi kèm với sự giảng dạy của Phi-líp không phải là dấu hiện của Đức Thánh Linh (xem câu 13). Phi-e-rơ và Giảng muốn có một Lễ Ngũ Tuần của người Sa-ma-ri. Điều này là vô cùng quan trọng, vì vậy khi Cọt-nây cũng có cùng một trải nghiệm, Phi-e-rơ biết rằng Đức Chúa Trời đã hoàn toàn chấp nhận một quân nhân La mã và gia đình. Phúc âm là dành cho tất cả mọi người. Đây là chân lý quan trọng với những chứng nghiệm được bày tỏ qua cả sách Công-vụ.

8:16 Đây có thể gọi là Lễ Ngũ Tuần ở Sa-ma-ri.

8:17 Điều này không thể xem là một bằng chứng văn bản cho sự cần thiết của phép đặt tay. Thực hiện phép đặt tay với mục đích như trường hợp này không lặp lại một lần nào nữa trong sách Công-vụ. Nó biểu hiện cho quyền và phép của các sứ đồ. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Phép Đặt Tay tại 6:6.

8:20 Câu hỏi thần học cho chúng ta trở thành câu hỏi về cứu thực học (soteriological) cho Si-môn. Ông có được cứu hay không? Lời nói của Phi-e-rơ có thể xem như là nguyên rủa hay là cảnh báo. Tất cả các tín hữu đều yêu đuối và có những hiểu biết lệch lạc về Phúc âm, nhưng liệu câu hỏi của Si-môn có thể hiện sự thêm thắt yếu tố của chủ thuyết tự cao tự đại (egotism) hay không? Con người với những mâu thuẫn trong ưu tiên cuộc sống có được cứu rỗi không?

▣ **“sự ban cho của Đức Chúa Trời”** Tại đây Đức Thánh Linh đại diện cho mọi công tác Đức Chúa Trời thực hiện cho con người tội lỗi chống nghịch với Ngài (xem Ê-sai 55:1-2; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38; Lu-ca 11:13; Công-vụ 2:38).

8:21 “Người chẳng có phần hoặc số trong việc này” Chữ “phần” thứ nhất có nghĩa thông thường là một phần chia. Tại đây chữ này có hàm ý tiêu cực giống như trong II Cô-rinh-tô 6:15.

Chữ “phần” thứ hai, (*klēros*) là chữ “phần rút thăm” trong Cựu ước, khi dân sự tìm biết ý muốn Đức Chúa Trời (bằng *Urim* và *Thummim*). Chữ này được dùng khi dân sự bắt thăm để chia đất hứa thành sản

nghiệp cho từng chi phái (xem Giô-suê 12-19). Do đó, nó được sử dụng với ẩn ý chỉ về di sản thừa kế. Nhưng trong tiếng Anh từ này lại được dùng cho giới tăng lữ dù rằng nghĩa gốc trong thời Tân ước là cho tất cả mọi tín hữu.

▣ **“lòng người chẳng ngay thẳng trước mặt Đức Chúa Trời”** Đây có thể là hình bóng dựa vào Thi-thiên 78:37. Các chữ “đứng” và “công chính” cùng với nhiều biến thể của chúng đều phát xuất từ chữ cây sậy ở những con sông trong vùng Mê-sô-pô-ta-mi. Cây sậy thẳng đứng và cao từ mười lăm đến hai mươi bộ. Đức Chúa Trời chọn từ này, vốn được dùng trong xây dựng để kiểm tra độ bằng phẳng theo chiều ngang của các bức tường, để mô tả tính cách đạo đức của Ngài. Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn, là thước đo mà cả nhân loại sẽ bị đoán xét bởi đó làm sáng tỏ tình trạng hư mất của nhân loại (xem Rô-ma 3:9-18,23).

8:22 “ăn năn” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) bày tỏ sự khẩn cấp. Xem chú thích và Chủ Đề Đặc Biệt tại 2:38.

▣ **“cầu nguyện”** Đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE (deponent) IMPERATIVE). Tương giao với Đức Chúa Trời là bằng chứng của mối liên hệ cá nhân với Ngài, trong khi sự cáo trách, vốn dẫn tới sự ăn năn, là biểu hiện sự ngự vào của Đức Thánh Linh.

▣ **“nếu”** Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL), được giả định là đúng theo ý văn hay quan điểm của tác giả. Trong câu này nó biểu hiện sự bất ngờ dựa trên thái độ sốt sắng ăn năn và cầu xin tha tội của Si-môn. Suy nghĩ và hành động của ông là sự lệch lạc nghiêm trọng cho Cơ-Đốc-Giáo.

▣ **“ý tưởng của lòng người”** Tội lỗi bắt đầu trong tư tưởng. Các tu sĩ Do-Thái-Giáo nói rằng tâm trí giống như một khu vườn đã cày xới sẵn sàng để gieo hạt. Những gì mà chúng ta tiếp nhận bằng mắt, bằng lỗ tai sẽ đâm rễ. Và nếu chúng ta dầm mình trong những tư tưởng đó, chúng sẽ trở thành hành động. Đó là lý do tại sao Tân ước xác nhận rằng chúng ta cần phải nên “bền chí như thể thất lưng” (xem I Phi-e-rơ 1:13), hoặc “đổi mới tâm thần” (xem Rô-ma 12:2; Ê-phê-sô 4:23).

8:23

NASB, NRSV	“đầy cay đắng”
NKJV	“nọc cay đắng”
TEV	“đầy cay đắng”
NJB	“sự cay đắng”

Chữ *cholē* và *pikros* cùng diễn tả sự cay đắng trong tâm hồn thường kèm theo sự tức giận và bội đạo (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 29:18; 32:28-33; Hê-bơ-rơ 12:15). Phao-lô dùng chữ “cay đắng” nhiều lần khi liệt kê những điều cần phải tránh (Rô-ma 3:14; Ê-phê-sô 4:31).

▣

NASB	“nô lệ tội lỗi”
NKJV	“tội lỗi trói buộc”
NRSV	“xiềng xích gian ác”
TEV	“tù nhân của tội lỗi”
NJB	“xiềng tội lỗi”

Đây là sự ám chỉ đến công tác của Đấng Mết-si-a (xem Ê-sai 58:6). Đức Chúa Giê-xu giải thoát Si-môn ra khỏi vòng nô lệ cho quyền lực cá nhân cũng như Ngài cứu ông khỏi hậu quả của tội lỗi. Tội lỗi có hai phương diện: (1) chết trong cả thể chất lẫn tâm linh và (2) kiểm soát đời sống của tội nhân (điều này ảnh hưởng trên cả người được cứu và người bị hư mất, xem I Cô-rinh-tô 3:1-3). Tội lỗi phải được giải quyết trong hiện tại và cho cõi đời đời. Chỉ có Đấng Christ và Đức Thánh Linh có thể giải quyết dứt điểm sức mạnh cũng như hậu quả của tội lỗi, nhưng trước tiên chúng ta cần phải để Ngài hành động.

8:24 “Xin chính mình các ông hãy cầu nguyện Chúa cho tôi” Đây là thể MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE) ở số nhiều vì có ý nói đến Toàn bộ nhóm truyền giảng. Si-môn lặp lại lời của Phi-e-rơ đã khiến ông sợ hãi trong câu 22. Tôi tin rằng Si-môn là một tín hữu, nhưng là một tín hữu mới còn non nớt.

BẢN NASB 8:25

²⁵ Sau khi Phi -e-rơ và Giảng đã làm chứng và giảng đạo Chúa như thế, thì trở về thành Giê-ru-sa-lem vừa đi vừa giảng Tin Lành trong nhiều làng của người Sa-ma-ri.

8:25 “làm chứng” xem phần ghi chú 2:40

☐ “vừa đi vừa giảng Tin Lành trong nhiều làng của người Sa-ma-ri.” Chi tiết này đánh dấu sự thay đổi thái độ của các sứ đồ đối với người Sa-ma-ri. Dường như hai khái niệm “lời Đức Chúa Trời” và “Phúc âm” trở thành từ đồng nghĩa.

BẢN NASB 8:26-40

²⁶ Bấy giờ, có một thiên sứ của Chúa phán cùng Phi-líp rằng: Hãy chớ dậy đi qua phía nam, trên con đường từ thành Giê-ru-sa-lem xuống thành Ga-xa. Đường ấy vắng vẻ. ²⁷ Người chớ dậy và đi. Kìa, có một hoạn quan Ê-thi-ô-bi, làm quan hầu của Can-đác, nữ vương nước Ê-thi-ô-bi, coi sóc hết cả kho tàng bà, đã đến thành Giê-ru-sa-lem để thờ phượng, ²⁸ khi trở về, ngồi trên xe mà đọc sách tiên tri Ê-sai. ²⁹ Đức Thánh Linh phán cùng Phi-líp rằng: Hãy lại gần và theo kịp xe đó. ³⁰ Phi-líp chạy đến, nghe người Ê-thi-ô-bi đọc sách tiên tri Ê-sai, thì nói rằng: Ông hiểu lời mình đọc đó chăng? ³¹ Hoạn quan trả lời rằng: Nếu chẳng ai dạy cho tôi, thế nào tôi hiểu được? Người bèn mời Phi-líp lên xe ngồi kề bên. ³² Và, chỗ người đọc trong Kinh thánh là đoạn này: Người đã bị kéo đi như con chiên đến hàng làm thịt, Lại như chiên con câm trước mặt kẻ hốt lông, người chẳng mở miệng. ³³ Trong khi người hèn hạ thì sự đoán xét Người đã bị cất đi. Còn ai sẽ kê đời của Người? Vì sự sống Người đã bị rút khỏi đất rồi. ³⁴ Hoạn quan cất tiếng nói cùng Phi-líp rằng: Tôi xin hỏi ông, đấng tiên tri đã nói điều đó về ai? Có phải nói về chính mình người chăng, hay là về người nào khác? ³⁵ Phi-líp bèn mở miệng, bắt đầu từ chỗ Kinh thánh đó mà rao giảng Đức Chúa Giê-xu cho người. ³⁶ Hai người đương đi dọc đường, gặp chỗ có nước, hoạn quan nói rằng: Này, nước đây, có sự gì ngăn cấm tôi chịu phép báp-tem chăng? ³⁷ Phi-líp nói: Nếu ông hết lòng tin, điều đó có thể được. Hoạn quan trả lời rằng: Tôi tin rằng Đức Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời. ³⁸ Người biểu dừng xe lại; rồi cả hai đều xuống nước, và Phi-líp làm phép báp-tem cho hoạn quan. ³⁹ Khi ở dưới nước lên, thì Thánh Linh của Chúa đem Phi-líp đi; hoạn quan chẳng thấy người nữa, cứ hớn hở đi đường. ⁴⁰ Còn Phi-líp thì người ta thấy ở trong thành A-xốt; từ đó người đi đến thành Sê-sa-rê, cũng giảng Tin Lành khắp những thành nào mình đã ghé qua.

8:26 “có một thiên sứ của Chúa phán cùng Phi-líp” Tại đây “thiên sứ của Chúa” và “Đức Thánh Linh” được xem như đồng nghĩa (xem câu 29). Điều này là thông thường trong sách Công-vụ. Xem thêm phần ghi chú 5:19.

☐ “chờ dậy đi qua phía nam” cả hai động từ này đều ở thể MỆNH LỆNH (IMPERATIVES) chỉ một trong hai con đường hướng về Ai-cập. Sứ điệp này có thể được ban ra ở dạng âm thanh nghe được vì đặc tính cụ thể của nó. Hiển nhiên, đây là sự can thiệp thiên thượng giống như trường hợp của Phao-lô.

☐
NASB “(Đây là một đường sa mạc)”
NKJV “Đây là sa mạc”

NRSV “(Đây là một đường vắng vẻ)”
TEV “(Đây là một đường bỏ hoang)”
NJB “đường sa mạc”

Đây là lời nhận xét của Lu-ca hay là Lu-ca đang làm rõ nguồn tài liệu của mình? Hay đây là lời nhận xét từ người cung cấp tài liệu cho Lu-ca? Có thể đó là Phi-líp chăng? (xem Công-vụ 21:8). Những nghi vấn trên không thể nào giải đáp cách thoả đáng. Sự linh cảm phủ trùm Toàn bộ quá trình hình thành Kinh thánh cho dù có bao nhiêu người can dự vào quá trình đó.

8:27 “hoạn quan” chúng ta không biết chắc đây là hoạn quan thật sự hay chỉ là một vị quan bình thường trong cung đình. Trong Cựu ước, Phô-ti-pha bị gọi là hoạn quan nhưng ông ta vẫn có vợ (xem Sáng-thể Ký 39:1). Theo luật pháp Cựu ước trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 23:1, hoạn quan hay người bị hoạn bị cấm dự phần trong dân sự. Tuy nhiên đến Ê-sai 56:3 thì điều luật cấm này bị huỷ bỏ. Chi tiết này chứng tỏ thời đại của Đức Thánh Linh đã hé lộ. Không rõ vị quan này là người kính sợ Chúa hay là người đã cải đạo. Cụm từ “một thành viên của triều đình” ám chỉ đây là vị quan có chức vụ quan trọng.

▣ **“Can-dác, nữ vương nước Ê-thi-ô-bi”** Can-dác là một danh hiệu như Pha-ra-ôn hay Sê-sa. Lý do của việc đề cập đến nữ vương là vì vua Ê-thi-ô-bi được xưng là thần nên chỉ người bên dưới vua mới can dự vào việc cai trị đất nước.

8:28 “đọc sách tiên tri Ê-sai” có vẻ như vị quan này mới mua một cuộn sách Ê-sai bằng da đắt tiền, dài khoảng hai mươi chín bộ, giống như cuộn da tìm được ở Biển Chết. Bởi sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, ông ta mở ra và đọc đúng ngay đoạn sứ điệp về Đấng Mết-si-a, Ê-sai 53:7-8.

8:29 “Đức Thánh Linh phán cùng Phi-líp rằng: Hãy lại gần và theo kịp xe đó” đây là dạng MỆNH LỆNH THU ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE IMPERATIVE), nó có nghĩa đen là ‘dán’ hay là ‘gắn chặt’. Đức Thánh Linh ban cho Phi-líp những hướng dẫn chi tiết.

8:30 “Phi-líp chạy đến, nghe người Ê-thi-ô-bi đọc sách tiên tri Ê-sai” Thời xưa, người ta có thói quen đọc lớn thành tiếng ngay cả khi đọc một mình.

▣ **“Ông hiểu lời mình đọc đó chăng?”** Thật là một câu hỏi hay! Có đọc Kinh thánh mà không hiểu rõ ý nghĩa là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Đức Thánh Linh đang dẫn dắt Phi-líp đến “khoảnh khắc khai thị” mà sẽ:

1. bày tỏ thời kỳ mới đã khởi đầu.
2. đem lại một nhân chứng hùng hồn cho một dân tộc khác

8:31 Tác phẩm “*Word Pictures in the New Testament*” của A. T. Robertson nhận xét về câu Kinh thánh này như sau: “Đây là một câu điều kiện hỗn hợp, kết luận đứng trước ở thể thứ tư... với ‘an’ và kiểu mong mỏi, nhưng điều kiện... thì ở thể thứ nhất... một hiện tượng bình thường trong tiếng Koine” (trang 110). Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITION), giống như trong Lu-ca 19:40 sử dụng *ean* thay cho *ei*. Điều kiện được xác định bởi dạng thức chứ không phải cấu trúc của câu văn (xem Lu-ca 19:40).

8:32-33 Đây là câu trích dẫn Ê-sai 53:7-9 từ bản Septuagint. Tôi ngạc nhiên là những câu này được nhấn mạnh mà không phải là những phân đoạn chỉ về Đấng Mết-si-a khác trong Cựu ước. Tuy nhiên, Phi-líp khởi đầu ngay từ chỗ vị quan đang đọc và giải nghĩa Toàn bộ khúc Kinh thánh làm sáng tỏ cuộc đời, chức vụ, sự chết và phục sinh của Giê-xu người Na-xa-rét. Lời tiên tri Cựu ước đã được ứng nghiệm và sự tha tội qua Đấng Christ dành cho mọi người.

8:35 “Phi-líp bèn mở miệng” điều này chứng tỏ chủ đề “người đầy tớ khốn khổ” trong sứ điệp Cựu ước liên hệ với việc công bố Phúc âm. Tôi tin rằng chính Đức Chúa Giê-xu bày tỏ cho Hội thánh ban đầu rằng Ngài làm ứng nghiệm các lời tiên tri Cựu ước (xem Lu-ca 24:27).

8:36 “Này, nước đây, có sự gì ngăn cản tôi chịu phép báp-tem chăng?” Sứ điệp Phúc âm của Phi-líp bao gồm lễ báp-tem (xem Ma-thi-ơ 3; 28:19; Công-vụ 2:38; Rô-ma 6:1-11; Cô-lô-se 2:12). Chúng ta cần lưu ý rằng Phi-líp không cần sự cho phép của các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem để tiến hành nghi lễ báp-tem. Lễ báp-tem không phải là một tranh luận giáo phái nhưng là một hệ quả của Nước Trời. Chúng ta cần phải cẩn thận với những truyền thống giáo phái làm vắn đục chân lý Thánh kinh qua các nghi thức của chúng ta ngày nay. Có điều gì khiến vị hoạn quan này ngần ngại nhận báp-tem không?

1. Khác biệt chủng tộc
2. Trở ngại thể chất
3. Trở ngại xã hội-kinh tế
4. Nan đề giáo lý vắn đáp.

Tất cả mọi rào cản đều bị Đức Chúa Giê-xu Christ phá đổ (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Mọi người đều có thể đến với Ngài.

8:37 Câu Kinh thánh này ghi lại lời tuyên xưng đức tin của vị hoạn quan không có trong các bản chép tay trên giấy cói tiếng Hy Lạp P⁴⁵ (Chester Beatty Papyri), P⁷⁴ (Bodmer Papyri), hay là bản chép tay tiếng Hy Lạp viết chữ in A, B, hay C. Nó cũng không có trong các bản dịch cổ tiếng La-tin, Sy-ri, Cóp-tic hay Ê-thi-ô-pi. Câu 37 không có trong nguyên tác sách Công-vụ. UBS⁴ xếp lỗi sót này ở loại “A” có nghĩa rằng chắc chắn. Câu này không có trong bản kinh thánh NASB phiên bản 1970, nhưng xuất hiện trong phiên bản 1995.

8:38-39 “cả hai đều xuống nước...khi ở dưới nước lên” Đây không phải bản văn chứng minh cho cách thức dìm mình xuống nước. Ngữ cảnh của khúc Kinh thánh này ám chỉ rằng họ bước vào một nguồn nước chứ không phải chỉ cách thức thi hành lễ báp-tem. Cần phải thận trọng với những thành kiến có sẵn.

8:39 “thì Thánh Linh của Chúa đem Phi-líp đi” Không thể khẳng định đây là sự lặp lại phép lạ giống Ê-li-sê (xem I Các Vua 18:12; II Các Vua 2:16) hoặc Ê-xê-chi-ên (xem Ê-xê-chi-ên 3:14; 8:3) hay chỉ đơn giản cho biết Phi-líp ra đi ngay lập tức. Đức Thánh Linh can thiệp sâu đậm trong sự cải đạo này. Cần phải lưu ý rằng người mới tin ở đây không được thăm viếng hay dạy giáo lý nhưng chỉ có bản Kinh thánh Ê-sai và Đức Thánh Linh ngự trong lòng.

▣ **“cứ hớn hở đi đường”** Phúc âm luôn luôn đi đôi với sự vui mừng (xem 8:8). Ireaneus ghi lại rằng về sau vị hoạn quan này trở thành giáo sĩ rao giảng Phúc âm cho dân tộc ông. Chính Đức Thánh Linh đã thực hiện việc đào luyện môn đệ.

8:40 Phi-líp tiếp tục, dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE), chức vụ truyền giảng tại thành A-xốt trong xứ Phi-li-tin (*Azotus*) trong chuyến hành trình về nhà tại Sê-sa-rê bằng đường biển. Hiển nhiên, Phi-líp hiểu việc thực thi mạng lệnh truyền giảng toàn cầu cho người Sa-ma-ri và Ê-thi-ô-pi. Đến đây thì Phúc âm dành cho cả người Phi-li-tin.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao toàn quyền điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Chúa cho phép bắt bớ xây đền cho Hội thánh ban đầu?
2. Tại sao Phúc âm được rao giảng cho người Sa-ma-ri một cách đặc biệt?
3. Si-môn có phải là người tin đạo không?
4. Tại sao người Sa-ma-ri không được nhận lãnh Đức Thánh Linh ngay khi tin đạo?
5. Vị hoạn quan đại diện cho hạng người, nhóm người nào?
6. Tại sao câu 37 không có trong mọi bản Kinh thánh?

CÔNG VỤ ĐOẠN 9

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự cải đạo của Sau-lơ 9:1-9	Đường Đa-mách: Sau-lơ cải đạo 9:1-9	Sự cải đạo của Sau-lơ, người Tạt-sơ 9:1-9	Sự cải đạo của Sau-lơ 9:1-2 9:3-4 9:5a 9:5b-6 9:7-9	Sự cải đạo của Sau-lơ 9:1-2 9:3-9 8:3
9:10-19a	A-na-nia báp-tem Sau-lơ 9:10-19	9:10-19a	9:10a 9:10b 9:11-12 9:13-14 9:15-16 9:17-19a	9:10-12 9:13-19a
Sau-lơ giảng tại Đa-mách 9:19b-22	Sau-lơ rao giảng Đấng Christ 9:20-22	9:19b-22	Sau-lơ giảng tại Đa-mách 9:19b-20 9:21 9:22	Bài giảng của Sau-lơ tại Đa-mách 9:19b-22
Sau-lơ trốn khỏi người Do Thái 9:23-25	Sau-lơ thoát chết 9:23-25	Chuyến đi Giê-ru-sa-lem thứ nhất của Sau-lơ 9:23-25	9:23-25	9:23-25
Sau-lơ tại Giê-ru-sa-lem 9:26-30	Sau-lơ tại Giê-ru-sa-lem 9:26-30 Hội Thánh phát triển	9:26-30	Sau-lơ tại Giê-ru-sa-lem 9:26-30	Chuyến thăm Giê-ru-sa-lem của Sau-lơ 9:26-30 Lắng đọng
9:31	9:31	9:31	9:31	9:31
Sự chữa lành cho Ê-nê 9:32-35	Ê-nê được chữa lành 9:32-35	Hành trình của Phi-e-rơ đến Ly-đa và Gióp-be 9:32-35	Phi-e-rơ thăm Ly-đa và Gióp-be 9:32-35	Phi-e-rơ chữa lành người bại tại Gióp-be 9:32-35
Đô-ca sống lại 9:36-43	Đô-ca sống lại 9:36-43	9:36-43	9:36-43	Phi-e-rơ khiến một người đàn bà sống lại ở Gióp-be 9:36-38 9:39-42 9:43

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phần đoạn 1
2. Phần đoạn 2
3. Phần đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Sự nhấn mạnh của sách Công-vụ bắt đầu chuyển từ Sứ đồ Phi-e-rơ sang Sứ đồ Phao-lô, trong vùng Pa-les-tin đến khu vực Địa Trung Hải, chỉ dành cho người Do Thái nay hướng đến người ngoại.
- B. Việc Phao-lô cải đạo là cột mốc quan trọng trong lịch sử Hội thánh được ghi lại đến ba lần trong sách Công-vụ
 1. Qua sự tường thuật của Lu-ca, 9:1-30
 2. Lời chứng của Phao-lô trước đám đông tại Giê-ru-sa-lem, 22:3-16
 3. Lời chứng của Phao-lô trước vua A-c-ríp-ba II tại Sê-sa-rê, 26:4-18
 4. Phao-lô cũng có nhắc đến sự kiện này ngắn gọn trong Ga-la-ti 1:13-17 và II Cô-rinh-tô 11:32-33
- C. Đặc điểm giống nhau giữa sứ điệp của Ê-tiên và Phao-lô là hiển nhiên. Phao-lô cũng khởi đầu chức vụ với nhóm người Do Thái nói tiếng Hy Lạp mà Ê-tiên đã giảng dạy. Phao-lô đã được nghe bài giảng của Ê-tiên trong Công-vụ 7 (xem 7:58; 8:1; 22:20). Phao-lô cũng có thể là một trong những lãnh đạo trong nhà hội của nhóm người này tại Giê-ru-sa-lem, chắc cũng đã từng tranh luận với Ê-tiên và thất bại.
- D. Những yếu tố có thể đã tác động đến sự cải đạo của Phao-lô
 1. Do-Thái-Giáo thất bại trong việc đem lại niềm vui và sự bình an nội tại.
 2. Cuộc đời và sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu thì nổi tiếng, là đề tài đàm luận trong giới tu sĩ Do-Thái-Giáo (đặc biệt là tại Giê-ru-sa-lem).
 3. Phao-lô đã được nghe bài giảng và chứng kiến sự tuấn đạo của Ê-tiên (có thể cũng đã tranh luận với Ê-tiên).
 4. Ông đã thấy thái độ và đức tin của những Cơ-Độc-Nhân khi bị bắt bớ.
 5. Sự đối diện với Chúa Phục Sinh đã thay đổi Phao-lô hoàn toàn.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 9:1-9

¹ Bấy giờ, Sau-lơ chỉ hằng ngăm đe và chém giết môn đồ của Chúa không thôi, đến cùng thầy cả thượng phẩm, ² xin người những bức thư để gửi cho các nhà hội thành Đa-mách, hầu cho họ gặp người nào thuộc về đạo bất kỳ dờn ông dờn bà, thì trối giải về thành Giê-ru-sa-lem. ³ Nhưng Sau-lơ đang đi đường gần đến thành Đa-mách, thành linh có ánh sáng từ trời soi sáng chung quanh người. ⁴ Người té xuống đất, và nghe có tiếng phán cùng mình rằng: Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ ta? ⁵ Người thưa rằng: Lạy Chúa, Chúa là ai? Chúa phán rằng: Ta là Giê-xu mà ngươi bắt bớ; ⁶ nhưng hãy đứng dậy, vào trong thành, người ta sẽ nói cho ngươi mọi điều phải làm. ⁷ Những kẻ cùng đi với người đều đứng lại sững sờ, nghe tiếng nói, mà chẳng thấy ai hết. ⁸ Sau-lơ chờ dậy khỏi đất, mắt đầu mở, nhưng không thấy chi cả; người ta bèn cầm tay dắt người đến thành Đa-mách; ⁹ người ở đó trong ba ngày chẳng thấy, chẳng ăn và cũng chẳng uống.

9:1 “Sau-lơ chỉ hằng ngăm đe và chém giết môn đồ” Có nghĩa đen là “khinh bỉ”. Trong Công-vụ 26:11, Phao-lô khi nói về chính mình, ông nổi cơn cuồng nộ với những tín hữu. Dường như Phao-lô cũng đã giết một số Cơ-Độc-Nhân (xem 8:1).

▣ **“môn đồ của Chúa”** Chữ này có nghĩa là người theo học, chỉ xuất hiện trong các sách Phúc âm và Công-vụ. Về sau, chữ này bị thay thế bởi chữ ‘thánh đồ’. Lưu ý số từ được dùng để chỉ những người thuộc về Chúa trong chương này:

1. môn đồ, câu 1,10,19,25,26,36,38
2. thuộc về đạo, câu 2
3. thánh đồ, câu 13,32,41
4. anh em, câu 17

▣ **“đến cùng thầy cả thượng phẩm”** Hiển nhiên tại đây ám chỉ Tòa công luận (xem Công-vụ 26:10). Xem ghi chú về Tòa công luận trong 4:5

9:2 “xin người những bức thư để gửi cho các nhà hội thành Đa-mách” Chính quyền Rô-ma có ban cho Tòa công luận một số quyền giới hạn trong việc tổ chức và kiểm soát sinh hoạt của nhà hội cùng với những chi tiết liên quan đến đời sống Do Thái trong đế quốc (xem I Mác-ca-bê 15:16-21 hay Giô-se-phút, *Antiq.* 14:10:2). Do-Thái-Giáo là tôn giáo hợp pháp được công nhận trong xã hội Hy Lạp-La mã. Có lẽ đây là những bức thư cho phép dẫn độ những Cơ-Độc-Nhân đã trốn khỏi Giê-ru-sa-lem khi cơn bắt bớ xảy ra (xem 9:14,21; 22:5; 26:10).

▣ **“nếu”** Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL) có nghĩa một hành động có thể xảy ra.

▣ **“Đạo”** Đây là một trong những tên gọi xuất hiện sớm của các tín hữu (xem 19:9,23; 22:4; 24:14,22 và có thể 18:25,26). Tên này có gốc từ Cựu ước nói lên đời sống đức tin (xem Thi-thiên 1:1; 119:105; Châm-ngôn 4:10-19). Có thể có một sự ám chỉ về tên gọi này trong Giăng 14:6.

▣ **“đàn bà”** Việc ba lần nhắc đến phụ nữ trong nhóm người Phao-lô bắt bớ là một cách biểu thị sự tàn bạo trong những việc Phao-lô thực hiện (xem 8:3; 22:4).

9:3 “Đa-mách” Đây là một thành phố cổ và cũng là thủ phủ của tỉnh Sy-ri trong đế quốc La mã, nằm phía bắc, đông bắc của biển Ga-li-lê, cách Giê-ru-sa-lem khoảng 150 dặm.

▣ **“thình lình”** Chữ này có ẩn ý là bất ngờ, không biết trước.

▣ **“ánh sáng từ trời”** Ba lần sách Công-vụ đề cập về sự kiện này qua lời kể của Phao-lô đều khác nhau.

1. “ánh sáng từ trời soi sáng chung quanh người” (9:3)
2. “có ánh sáng lớn, từ trời giáng xuống, soi sáng chung quanh mình tôi” (22:6)
3. “tôi thấy có ánh sáng từ trên trời, giáng xuống chói lói hơn mặt trời sáng lòa chung quanh tôi” (26:13)

Cách Phao-lô ghi nhớ sự kiện này thật là sống động. Nguồn sáng này chỉ có thể là sự liên kết thần học/vật chất với sự vinh hiển của YHWH (*Shekinah*) đã ở với dân Do Thái trong những năm tháng họ lang thang trong đồng vắng. Khái niệm của người Do Thái về sự “vinh hiển” như một nguồn sáng lớn phát xuất từ sự kiện lịch sử này. Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Vinh Hiển tại 3:13. Nguồn sáng này đã chứng tỏ cho Sau-lô, một tu sĩ Do-Thái-Giáo rằng đây chính là sự hiện diện của Chúa.

9:4 “nghe có tiếng phán” Tiếng phán từ trời là một khái niệm quen thuộc trong Do-Thái-Giáo, gọi là *bath kol*. Khái niệm này đem lại một cách thức để người Do Thái nhận sứ điệp hoặc sự xác nhận từ Đức Chúa Trời (trong giai đoạn giữa Cựu ước và Tân ước, từ khi kết thúc sách Ma-la-chi cho đến sự khởi đầu chức vụ của Giảng Báp-tít). Hình thức khai thị này là thiết yếu bởi vì không có những tiên tri được linh cảm trong giai đoạn này.

▣ **“Sau-lô, Sau-lô”** Trong tiếng Do Thái, lặp lại việc gọi tên là một cách bày tỏ sự khẩn thiết.

▣ **“sao người bắt bố ta”** Đây là chi tiết vô cùng quan trọng về thần học bởi vì nó chứng tỏ sự liên tục và mật thiết giữa Đức Chúa Giê-xu và Hội thánh Ngài (xem Ma-thi-ơ 10:40; 25:40,45). Phao-lô bắt bố Hội thánh nhưng Đức Chúa Giê-xu xem đó là bắt bố chính Ngài. Dựa vào Công-vụ 26:14, chúng ta biết Đức Chúa Giê-xu phán với Phao-lô trong tiếng A-ram.

Đây là một điểm thần học quan trọng, Cơ-Đốc-Giáo là cả về cá nhân (Đức Chúa Giê-xu) lẫn tập thể (Hội thánh). Những hình bóng tập thể chỉ về Hội thánh là:

1. thân thể
2. gia đình
3. công trình xây dựng
4. các thánh đồ

Tất cả đều nhấn mạnh đến đặc tính gắn kết của đức tin (xem I Cô-rinh-tô 12:7). Nó khởi đầu ở mỗi cá nhân nhưng sau đó chuyển sang tập thể (quan tâm và ngay thẳng). Đặc tính liên kết của mỗi cá nhân được trình bày trong sự bàn luận của Phao-lô về A-đam và Đấng Christ trong Rô-ma 5:12-21. Vị Cá thể này (chỉ Chúa Jê-sus) là một phần của tập thể, và vị Cá thể này tác động đến Toàn thể (xem Giô-suê 7).

9:5a “Lạy Chúa, Chúa là ai?” Phao-lô có ý gì khi sử dụng chữ “Chúa”?

1. Ngài, một danh hiệu bày tỏ sự tôn trọng (ví dụ Giảng 4:11)
2. YHWH (Giê-hô-va) dịch là “Chúa” trong Cựu ước (ví dụ Sáng-thể Ký 2:4)

Nếu sự ngạc nhiên là động lực của câu hỏi thì sự lý giải thứ nhất thích hợp. Nhưng nếu nguồn sáng từ trời này ám chỉ một sự can thiệp của Đức Chúa Trời thì cần phải lý giải theo cách thứ hai. Nếu lý giải theo cách thứ hai thì nền tảng thần học của Phao-lô là một tu sĩ Do Thái bị thách thức. Thời điểm này chắc là Phao-lô vô cùng kinh hãi và bối rối.

9:5b-6b Những câu này không có trong các bản chép tay cổ nhất trong tiếng Hy Lạp. Chúng chỉ duy nhất xuất hiện trong một nhóm bản chép tay tiếng La-tin. Erasmus, khi dịch từ bản Vulgate, có xen những câu này vào trong bản Tân ước tiếng Hy Lạp đầu tiên năm 1516. Những từ này có xuất hiện sau đó trong Công-vụ 26:14. Sự gộp vào này minh chứng cho xu hướng làm cho đồng nhất và đầy đủ chi tiết của các thầy dạy luật, các nhà chép Kinh thánh.

9:5 “Ta là Giê-xu mà ngươi đang bắt bớ” Phao-lô xưng nhận đã được xem thấy Đấng Christ vinh hiển (xem Công-vụ 22:14; I Cô-rinh-tô 9:1; 15:8-9). Về sau, Phao-lô nhận biết rằng kinh nghiệm này một phần quan trọng trong sự kêu gọi ông làm sứ đồ cho người ngoại bang.

9:6 Câu này được giải thích chi tiết trong câu 10-19.

9:7 “những kẻ cùng đi với người” Đây có thể là (1) những cảnh vệ đền thờ cùng đi với Phao-lô; (2) những người Do Thái cuồng tín khác từ các nhà hội nói tiếng Hy Lạp; hoặc (3) những sinh viên thần học khác từ Giê-ru-sa-lem.

▣ **“nghe tiếng nói, mà chẳng thấy ai hết”** Xem như có sự khác biệt chi tiết về sự kiện này giữa 9:7 và 22:9. Có một số giả thuyết lý giải sự khác biệt này:

1. Đây là một vấn đề ngữ pháp. Động từ “nghe” có thể ở dạng SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE) trong 9:7 hay là ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE) như 22:9. Các dạng khác biệt này có những cách áp dụng hay ẩn ý khác nhau. Bản Kinh thánh NRSV, trong phần phụ chú ghi, “tiếng Hy Lạp gợi ý rằng những người cùng đi không có nghe tiếng nói, chỉ nghe âm thanh vọng lại từ tiếng nói”.
2. Lý giải khác cho rằng, chi tiết này tương tự với Giăng 12:29-30 khi Đức Chúa Giê-xu tiến vào thành Giê-ru-sa-lem và có tiếng từ trời.
3. Lý giải khác cho rằng những người đi đường nghe tiếng nói là tiếng của Phao-lô chứ không phải là tiếng của Đức Chúa Giê-xu.
4. Lý giải khác cho rằng điều này tương tự như những nan đề của Tin Lành Cộng Quan.

Những tác giả Phúc âm cùng chép lại cùng một sự kiện, bài giảng, việc làm của Đức Chúa Giê-xu trong những cách khác nhau, dựa vào những nhân chứng khác nhau.

9:8 “mắt dần mở, nhưng không thấy chi cả” Dường như Phao-lô gặp vấn đề về thị giác (xem Ga-la-ti 4:13-15; 6:11). Tôi tin rằng “cái giằm xóc vào thịt” (xem II Cô-rinh-tô 12:7-10) là bệnh viêm mắt sinh ra từ sự kiện này. Thật trở trêu là Phao-lô trải nghiệm sự tái định hướng cho mình. Ông tưởng mình sáng mắt (về thuộc thể lẫn thuộc linh, xem Giăng 9), nhưng bây giờ thì ông mới biết rằng mình bị mù lòa. Sau khi được gặp Đấng Christ, ông bị mù thân thể một thời gian nhưng được Chúa mở mắt tâm linh.

9:9 “người ở đó trong ba ngày chẳng thấy” Đây là dạng NÓI TRÁNH KHÔNG HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT). Có nhiều ý kiến cho rằng đây chính là thời điểm Phao-lô được xem thấy khải tượng về thiên đàng mà sau này được ghi lại trong II Cô-rinh-tô 12:1-4.

▣ **“chẳng ăn cũng chẳng uống”** Phao-lô đang kiêng ăn và cầu nguyện (câu 11). Đây thật là sự tái định hướng lớn trong tâm trí Phao-lô (thần học) và tâm lòng (ước nguyện). Ông bắt đầu sự biến đổi từ người bắt bớ Phúc âm thành người công bố Phúc âm.

BẢN NASB 9:10-19a

¹⁰ Và, tại Đa-mách có một môn đồ tên là A-na-nia. Chúa phán cùng người trong sự hiện thấy rằng: **Hỡi A-na-nia!** Người thưa rằng: **Lạy Chúa, có tôi đây.** ¹¹ Chúa phán rằng: **Hãy chỗi dậy, đi lên đường gọi là đường Ngay thẳng, tìm tên Sau-lo, người Tạt-sơ, ở nhà Giu-đa; vì người đương cầu nguyện,** ¹² và đã thấy một người, tên là A-na-nia, bước vào đặt tay trên mình, để cho người được sáng mắt lại. ¹³ A-na-nia thưa rằng: **Lạy Chúa, tôi có nghe nhiều kẻ nói người này đã làm hại biết bao các đấng thánh của Chúa trong thành Giê-ru-sa-lem.** ¹⁴ **Bây giờ người ở đây, có trọn quyền của các thầy tế lễ cả phó cho, đặt bắt trời hết thấy mọi người cầu khẩn đến danh Ngài.** ¹⁵ Nhưng Chúa phán rằng: **Hãy đi, vì ta đã chọn người này làm một đồ dùng ta, để đem**

đanh ta đồn ra trước mặt các dân ngoại, các vua, và con cái Y-sơ-ra-ên; ¹⁶ ta lại sẽ tỏ ra cho người biết phải chịu đau đớn vì danh ta là bao nả. ¹⁷ A-na-nia bèn đi, vào nhà, rồi đặt tay trên mình Sau-lơ mà nói rằng: Hỡi anh Sau-lơ, Chúa là Giê-xu này, đã hiện ra cùng anh trên con đường anh đi tới đây, đã sai tôi đến, hầu cho anh được sáng mắt lại và đầy Đức Thánh Linh. ¹⁸ Tức thì có cái chi như cái vẩy từ mắt người rớt xuống, thì người được sáng mắt; rồi chờ dậy và chịu phép báp-tem. ¹⁹ Khi người ăn uống rồi, thì được mạnh khỏe lại.

9:10 “A-na-nia” Tên này có nghĩa là “YHWH nhân từ” có lẽ ông là một người Do Thái tin Chúa có danh tiếng chứ không phải là người lánh nạn (xem 22:12).

▣ **“Lạy Chúa, có tôi đây”** Đây là thành ngữ Do Thái bày tỏ sự sẵn sàng (xem Ê-sai 6:8). Câu 11 hiển nhiên là lời truyền miệng bởi vì mạng lệnh cụ thể chi tiết.

9:12 “đã thấy (trong khả tượng) một người, tên là A-na-nia” “Trong khả tượng” không có trong các bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁷⁴, N, và A, nhưng có trong bản B và C. Câu Kinh thánh này chứng tỏ sự xuất hiện của A-na-nia, cùng với hành động và sứ điệp của ông đều xác nhận sứ điệp của Đức Chúa Giê-xu cho Phao-lô (câu 6).

▣ **“đặt tay trên mình”** Xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 6:6.

9:13 “tôi nghe nhiều người nói” Đương nhiên là A-na-nia đã nghe nhiều lời tường trình về việc Phao-lô bắt bớ tàn bạo tước bỏ từ những người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem chạy nạn.

▣ **“các đấng thánh”** Chữ *hagioi* có gốc từ chữ Hy Lạp “*hagios*” có nghĩa là thánh. Trong bối cảnh Cựu ước (*kadosh*) chỉ về vật, người hay nơi chốn được Chúa biệt riêng cho một công tác hay sử dụng đặc biệt. Chữ “thánh đồ” luôn luôn là số nhiều, chỉ trừ một trường hợp đặc biệt trong Phi-líp 4:21 là số ít, nhưng cũng thuộc về văn mạch số nhiều. Làm Cơ-Độc-Nhân là thuộc về một gia đình, một cộng đồng. Không thể có những kẻ đơn côi trong đức tin.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÁNH ĐỒ

Đây là danh từ Hy Lạp tương đương từ tiếng Do Thái *kadash*, có nghĩa căn bản là đặt ai, vật gì, hay nơi nào riêng biệt ra cho Đức Giê-hô-va sử dụng mà thôi. Nó chuyển tải khái niệm “vật thánh, người thánh” từ tiếng Anh. Chính YHWH tách biệt khỏi con người bởi bản chất của Ngài (Thần đời đời không được ai khác tạo dựng nên) và bản tính của Ngài (thiện mỹ hoàn toàn). Ngài là tiêu chuẩn để dựa vào đó mọi điều khác được đo lường hay phân xử. Ngài là Đấng siêu việt, Đấng Thánh Có Một, Đấng Thánh Độc Nhất.

Đức Chúa Trời tạo dựng con người để tương giao với Ngài, nhưng sự sa ngã (Sáng thế ký 3) đã dựng lên rào cản về mối liên hệ và về phương diện đạo đức giữa một Đức Chúa Trời Thánh khiết và con người tội lỗi, Ngài đã quyết định phục hồi lại tạo vật có lương tâm của Ngài; vì vậy, Ngài gọi dân của Ngài là dân “thánh” (Lê-vi-ký 11:44; 19:2; 20:7, 26; 21:8). Bởi mối liên hệ bằng đức tin với YHWH, dân Ngài chẳng những được trở thành dân thánh bởi vị trí của họ trong Ngài qua giao ước, nhưng cũng được gọi để sống đời sống thánh khiết (Ma-thi-ơ 5:48).

Lối sống thánh khiết này có thể có được bởi vì các người tin đã được chấp nhận hoàn toàn và

được tha thứ mọi tội lỗi qua cuộc đời và công tác của Chúa Giê-xu cũng như sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong tâm trí của họ. Điều này tạo nên một tình huống nghịch lý:

1. Trở nên thánh bởi sự thánh khiết của Đấng Christ ban cho
2. Được kêu gọi sống thánh khiết bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh

Các tín nhân là “những thánh đồ” (*hagioi*) là bởi vì có sự hiện diện (1) của ý chỉ Đấng Thánh (Đức Chúa Cha) trong đời sống chúng ta; (2) công tác của Đấng Thánh (Đức Chúa Con); và (3) sự hiện diện của Đức Thánh Linh.

Tân ước luôn dùng chữ các thánh ở SỐ NHIỀU (ngoại trừ Phi-líp 4:12, nhưng bối cảnh cũng làm cho nó trở thành SỐ NHIỀU). Được cứu cũng có nghĩa là được trở thành một thành viên của một gia đình, một thân thể, một ngôi nhà. Đức tin theo Kinh thánh bắt đầu với một sự tiếp nhận cách cá nhân nhưng tuôn ra thành một mối liên hệ tập thể. Mỗi người chúng ta có những ân tứ khác nhau (I Cô-rinh-tô 12:11) góp phần cho sức khỏe, sự lớn mạnh, và tình trạng chung của thân thể Đấng Christ tức là Hội thánh (I Cô-rinh-tô 12:7). Chúng ta được Chúa cứu để phục vụ. Sự thánh khiết là một đặc tính của gia đình này.

9:14 “các thầy tế lễ cả” Trong thời Cựu ước, thầy tế lễ cả được phong chức trọn đời và truyền lại cho con trai (xem Lê-vi Ký 8-10). Tuy nhiên, dưới sự cai trị của đế quốc La mã, chức thầy tế lễ cả phải mua từ các quan chức La mã. Do đó, có đến một vài thầy tế lễ cả Sa-đu-sê trong gia tộc An-ne.

▣ **“mọi người cầu khẩn đến danh Ngài”** Cụm từ này có áp dụng thần học quan trọng. Lu-ca sử dụng nó vài lần trong sách Công-vụ cho:

1. người xưng đến danh Đức Chúa Giê-xu (xem 7:59)
2. người nhận Đức Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Rỗi (xem 9:14,21)
3. một trích dẫn Cựu ước từ A-mốt 9:12, cho những người cầu khẩn danh YHWH (xem 15:17)
4. một cách thức để công khai bày tỏ đức tin trong Đức Chúa Giê-xu (xem 22:16)

Cụm từ này cũng là một phần trong lời của Phao-lô khuyên nài dân Do Thái dựa trên Giô-ên 2:32 trong Rô-ma 10:9-13 (xem II Ti-mô-thê 2:22). Phi-e-rơ cũng sử dụng khúc Kinh thánh này (Giô-ên 2:28-32) trong bài giảng trong Lễ Ngũ Tuần và mời gọi mọi người hiện diện “cầu khẩn danh Đức Chúa Trời”. Tên gọi đại diện cho con người, qua việc cầu khẩn trong danh Chúa, tội nhân nài xin Đức Chúa Giê-xu hành động trên chính mình và nhận họ vào gia đình Đức Chúa Trời.

9:15 “Hãy đi” Đây là dạng MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI TRUNG CẤP (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Đức Chúa Giê-xu sai phái một A-na-nia lưỡng lự đến với Sau-lơ.

▣ **“ta đã chọn người này làm một đồ dùng ta”** Thật vĩ đại thay ân điển và sự chọn lựa của Đức Chúa Trời. Mẫu người như Phao-lô không thích hợp cho cách truyền giảng nhờ vào sự cải đạo tình nguyện hay quyết định bằng ý chí cá nhân. Ông đã bị ‘bắt quân dịch’ (drafted) một cách đầy kịch tính.

▣

NASB, NKJV “trước dân ngoại”
NRSV, NJB “đem danh Ta đến cho dân ngoại”
TEV “làm cho danh Ta được đến trong dân ngoại”

Đây quả là một sứ điệp sùng sốt cho một sứ giả người Do Thái (xem Ê-phê-sô 3:7) Nhưng điều này là nằm trong chương trình của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Ê-phê-sô 2:11-3:13). Dân Do Thái chỉ là một dụng cụ dùng để tác động đến thế giới, đã được dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 1:26-27), nhưng đã sa ngã (xem Sáng-thế Ký 3:15).

☐ **“và các vua”** Phao-lô rao giảng cho những lãnh đạo chính quyền lớn và nhỏ, và cuối cùng cho Sê-sa.

☐ **“và các con cái Y-so-ra-ên”** Khuôn mẫu truyền giáo của Phao-lô là đầu tiên đến giảng tại nhà hội (xem Rô-ma 1:16) sau đó mới hướng đến người ngoại.

9:16 “ta lại sẽ tỏ ra cho người biết phải chịu đau đớn vì danh ta là bao nả.” Phải chịu đau khổ không là một ngoại lệ nhưng là một định chuẩn cho Cơ-Đốc-Nhân trong thế giới sa ngã (xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-21; 16:1-2; 17:14; Công-vụ 14:22; Rô-ma 5:3-4; 8:17-18; II Cô-rinh-tô 4:7-12; 6:3-10; 11:24-33; Phi-líp 1:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4; I Phi-e-rơ 4:12-16).

Có một sự liên kết thần học giữa sự khốn khổ của Đấng Christ và sự đau khổ của những người tin theo Ngài trong thế giới sa ngã. Sách I Phi-e-rơ bày tỏ sự tương ứng này.

1. Sự khốn khổ của Đức Chúa Giê-xu, 1:11; 2:21,23; 3:18; 4:1,13; 5:1

2. Sự đau khổ của những người tin theo Ngài, 1:6-7; 2:19; 3:13-17; 4:1,12-19; 5:9-10

Nếu thế gian đã chối bỏ Chúa thì cũng sẽ chối bỏ những ai thuộc về Ngài (xem Giăng 7:7; 15:18-19; 17:14).

9:17 “rời đặt tay trên mình Sau-lo” Không có một nền tảng Kinh thánh nào cho khái niệm “thẩm quyền của các sứ đồ” trong việc ban phát ân tứ thuộc linh. A-na-nia chỉ là một tín hữu vô danh ở thành Đa-mách trở thành (1) người phát ngôn và tác nhân cho Chúa; (2) Phao-lô được đầy đầy Đức Thánh Linh (câu 17); (3) Phao-lô được chữa lành (câu 18); và (4) Phao-lô nhận báp-tem (câu 18).

☐ **“Anh Sau-lo”** Quả là một ví dụ về tình yêu thương và sự vâng lời.

9:18 “cái chi như cái vảy từ mắt người rớt xuống” Đây là thuật ngữ y khoa chỉ lớp da tróc ra từ vết thương. Lu-ca sử dụng từ này để mô tả diễn biến xảy ra cho mắt Phao-lô trong khoảnh khắc được chữa lành. Chữ “vảy” như trong vảy cá được sử dụng trong bản văn Septuagint (xem Lê-vi Ký 11:9,10,12; Phục-truyền Luật-lệ Ký 14:9). Ý nghĩa mở rộng ẩn dụ có thể tìm thấy trong Dân-số Ký 16:38, khi được dùng mô tả những miếng kim loại phẳng. Trong ngữ cảnh tại đây, có lẽ những lớp da hay là mạc (bụi) biến đi khỏi mắt Phao-lô.

☐ **“chịu phép báp-tem”** Dường như chính A-na-nia làm báp-tem cho Phao-lô. Lễ báp-tem trong Tân ước là một hành động bày tỏ sự vâng phục theo gương mẫu của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 3:13-17; Mác 1:9-11; Lu-ca 3:21-22) và mạng lệnh của Ngài (xem Ma-thi-ơ 28:19.) Nghi lễ này đánh dấu sự thay đổi bản phận và quyền sở hữu đời sống.

9:19a “người ăn uống rồi, thì được khoẻ mạnh” Phao-lô kiêng ăn và cầu nguyện kể từ khi bị nguồn sáng đánh ngã (câu 9). Sau ba ngày hoàn toàn kiêng ăn (không ăn, không uống), ông chắc là rất yếu.

BẢN NASB 9:19b-22

^{19b} Sau-lo ở lại một vài ngày với các môn đồ tại thành Đa-mách. ²⁰ Người liền giảng dạy trong các nhà hội rằng Đức Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. ²¹ Phàm những người nghe điều lấy làm lạ, mà nói rằng: Há chẳng phải chính người đó đã bắt bớ tại thành Giê-ru-sa-lem những kẻ cầu khẩn danh này, lại đến đây để trối họ điếu về cho các thầy tế lễ cả hay sao? ²² Còn Sau-lo lần lần càng thêm vững chí, bắt bẻ những người Giu-đa ở tại thành Đa-mách, mà nói rõ rằng Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ.

9:20 “Người liền giảng dạy trong các nhà hội” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Nó có nghĩa là (1) sự khởi đầu của một hành động hay (2) hành động lặp lại. Thật là một nghịch lý. Lúc trước, ông đến với một lá thư của thầy tế lễ cả ở Giê-ru-

sa-lem gởi cho các nhà hội tại Đa-mách dùng để bắt bớ những người tin theo Đức Chúa Giê-xu, còn bây giờ thì ông lại đến chính nhà hội đó để giảng rằng chính Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a (câu 21).

▣ **“rằng Đức Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời”** Đây là lần duy nhất danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” xuất hiện trong sách Công-vụ (ngoại trừ sự trưng dẫn Thi-thiên 2:7 trong Công-vụ 13:33). Bối cảnh Cựu ước của từ này phản hồi ý nghĩa của nó: (1) quốc gia Do Thái (xem Ô-sê 11:1); (2) Vua của Do Thái (xem II Sa-mu-ên 7:14); và (3) Đấng Mết-si-a (xem Ma-thi-ơ 2:15). Niềm tin độc thần nghiêm ngặt của Phao-lô đã được biến cải.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐỨC CHÚA TRỜI

Đây là một trong những danh hiệu chính của Đức Chúa Giê-xu trong Tân ước. Nó chắc chắn mang ý nghĩa thiêng liêng. Nó bao hàm ý nghĩa Đức Chúa Giê-xu là “Con” hay “Con Ta” và Đức Chúa Trời là Cha. Từ này xuất hiện 124 lần trong Tân ước. Ngay cả danh hiệu tự xưng của Đức Chúa Giê-xu “Con Người” cũng có ý nghĩa linh thiêng rút ra từ Đa-ni-ên 7:13-14.

Trong Cựu ước, từ “con trai” có thể chỉ ba nhóm khác nhau:

1. Thiên sứ (thường dùng SỐ NHIỀU, xem Sáng-thế Ký 6:2; Gióp 1:6; 2:1)
2. Vua của Y-sơ-ra-ên (xem II Sa-mu-ên 7:14; Thi-thiên 2:7; 89:26-27)
3. Cả quốc gia Do Thái (xem Xuất 4:22-23; Phục-truyền 14:1; Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 2:10)
4. Các quan xét của Y-sơ-ra-ên (Thi 82:6)

Ý nghĩa thứ hai trong nhóm này liên hệ đến Chúa Giê-xu. Như vậy “con Đa-vít” và “con Đức Chúa Trời” đều liên hệ đến II Sam. 7; Thi 2 và 89. Trong Cựu ước từ ngữ “con Đức Chúa Trời” không bao giờ được chỉ cụ thể đến Đấng Mết-si-a, trừ trường hợp vị vua trong thời cuối cùng (eschatological king) chức vụ được xức dầu của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, trong Cuốn Biên Chết danh hiệu chỉ đến Đấng Mết-si-a là rất thông thường (xem cuốn *Dictionary of Jesus and the Gospels*, trang 770). Từ “Con Đức Chúa Trời” cũng là một danh hiệu của Đấng Mết-si-a trong các tập sách ngụ kinh của người Do thái (xem II Esdras 7:28; 13:32,37,52; 14:9 và I Hê-nóc 105:2).

Nền tảng Tân ước của danh hiệu này khi chỉ đến Chúa Giê-xu được tóm tắt lại theo các mục sau:

1. Sự hiện hữu từ trước của Ngài (Giăng 1:1-18)
2. Sự sanh ra đặc biệt bởi nữ đồng trinh (Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31-35)
3. Báp-têm (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11; Lu-ca 3:22. Tiếng phán của Đức Chúa Trời từ trời đã kết hợp danh hiệu vua trong Thi thiên 2 với danh hiệu đầy tớ chịu khổ nạn trong Ê-sai 53).
4. Chịu ma quỷ cám dỗ (Ma-thi-ơ 4:1-11; Mác 1:12,13; Lu-ca 4:1-13. Ngài bị cám dỗ để sanh nghi ngờ về địa vị làm con của Ngài hay ít ra hoàn thành mục đích bằng một con đường khác hơn là thập tự giá).
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi những kẻ tuyên xưng không được chấp nhận
 - a. Ma quỳ (Mác 1 :23-25 ; Lu-ca 4 :31-37 ; Mác 3 :11-12)
 - b. Những kẻ không tin Chúa (Ma-thi-ơ 27 :43 ; Mác 14 :61 ; Giăng 19 :7)
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi các môn đồ
 - a. Ma-thi-ơ 14 :33 ; 16 :16
 - b. Giăng 1 :34, 49 ; 6 :69 ; 11 :27
6. Sự tự xác nhận của Ngài :
 - a. Ma-thi-ơ 11 :25-27
 - b. Giăng 10 :36
7. Cách dùng hình ảnh quen thuộc của Chúa Giê-xu chỉ Đức Chúa Trời là Cha
 - a. Chúa dùng chữ ‘*abba*’ để chỉ Đức Chúa Trời
 - 1) Mác 14 :36
 - 2) Rô-ma 8 :15

3) Ga-la-ti 4 :6

b. Chúa thường dùng chữ Cha (*pater*) để diễn tả mối liên hệ với Đấng Thần linh

Tóm lại, danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” có ý nghĩa thần học lớn lao đối với những người am tường Cựu ước, các lời hứa và các cách chỉ định, nhưng những người viết Tân ước có phần lúng túng về cách dùng của nó đối với người ngoại bởi vì theo cách hiểu thông thường của họ ‘các thần’ lấy phụ nữ rồi sanh con cháu là những ‘người tài giỏi’ hay ‘người khổng lồ.’

9:21 Đây là câu hỏi trong dạng đặc biệt mà trông đợi câu trả lời chấp thuận.

▣ **“bắt bớ”** Trong nguyên ngữ có nghĩa là phá hủy. Đây là chữ có nghĩa là cướp phá, tiêu hủy, hủy diệt hoàn toàn; rất là mãnh liệt và hiếm khi xuất hiện. Trong Tân ước, chữ này chỉ xuất hiện tại đây và Ga-la-ti 1:13,23; ngoài ra còn có thêm một lần nữa trong IV Mạc-ca-bê 4:23. Phao-lô qua thật là người bắt bớ hung bạo!

9:22

NASB “Sau-lơ cứ mạnh mẽ thêm”

NKJV “Sau-lơ mạnh mẽ thêm bội phần”

NRSV “Sau-lơ càng trở nên có uy quyền”

TEV “lời giảng của Sau-lơ trở nên uy quyền mạnh mẽ”

NJB “năng lực của Sau-lơ tăng lên đều đặn”

Đây là thể **CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE)**. Sau ít lâu, những ân tứ và kỹ năng của Sau-lơ phát triển mà theo văn mạch cho biết là kỹ năng giảng và tranh luận (TEV).

▣ **“bắt bẻ”** Đây là dạng **CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN TOÀN (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE)**, chỉ một hành động lặp lại trong quá khứ. Đây là từ ghép của chữ “hợp lại” (*sun*) và “đổ ra” (*cheō*). Chữ này chỉ tìm thấy trong sách Công-vụ.

1. 2:6, hoang mang

2. 9:22, bác bẻ

3. 19:32, lộn xộn

4. 21:27, sách động

5. 21:32, nhảm lẫn

Người Do Thái không thể giải thích sự cải đạo của Phao-lô hay lời giảng uy quyền của ông rằng Đức Chúa Giê-xu chính là đấng Mết-si-a được hứa trong Cựu ước.

▣ **“nói rõ ràng”** Chữ này có nghĩa là kết luận (xem Công-vụ 16:10; 19:33) và nghĩa rộng là chứng minh. Phương pháp của Phao-lô gần giống như của Ê-tiên. Cả hai đều sử dụng những sứ điệp Cựu ước và sự hoàn thành của chúng trong cuộc đời của Giê-xu người Na-xa-rét để chứng minh rằng Ngài chính là Đấng Mết-si-a được hứa từ trong Cựu ước.

▣ **“Đấng Christ”** Đây là một cách chỉ về đấng Mết-si-a (Đấng Được Xức Dầu, Đấng Được Hứa). Có nhiều lần trong sách Công-vụ, **MẠO TỬ CHỈ ĐỊNH (DEFINITE ARTICLE)** đứng trước danh từ (ví dụ 2:31,36; 3:18,20). Sau-lơ đang khẳng định với năng quyền và sự tin quyết rằng Giê-xu người Na-xa-rét, đã bị giết tại Giê-ru-sa-lem, chính là con Đức Chúa Trời, là đấng Mết-si-a. Nếu điều này là sự thật, nó sẽ thay đổi mọi sự đối với người Do Thái và người ngoại bang. Họ đã hiểu lầm và chối bỏ Ngài. Họ đã để lỡ tặng phẩm của Đức Chúa Trời và vẫn còn ở trong sự tăm tối tâm linh và thiếu thốn. Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt: Sự xúc dầu trong Kinh thánh tại 4:27.

BẢN NASB 9:23-25

²³ Cách lâu ngày, người Giu-đa mưu với nhau để giết Sau-lơ. ²⁴ Nhưng có người báo tin cho Sau-lơ về cơ mưu chúng nó. Người ta lại giữ các cửa cả ngày và đêm để giết Sau-lơ. ²⁵ Song lúc ban đêm, các môn đồ lấy thúng dòng người qua lỗ hồng trên vách thành.

9:23 “Cách lâu ngày” Chúng ta cần phải xét đến lời chứng cá nhân của Phao-lô trong Ga-la-ti 1:15-24, cho biết ông sống một thời gian dài ở Ả-rập. Trong bối cảnh này, vùng đất Ả-rập được đề cập là vương quốc Nabataean, do vua Aretas IV cai trị từ năm 9 TCN đến năm 40 SCN. Vương quốc này ở hướng đông nam của thành Đa-mách. Khoảng thời gian “ba năm” có thể chỉ kéo dài mười tám tháng. Người Do Thái tính phần của ngày như là trọn một ngày (xem Ma-thi-ơ 26:61; 27:40,63); cách thức này cũng áp dụng cho việc tính năm.

☐ **“người Giu-đa mưu với nhau để giết Sau-lơ”** Người Do Thái có lẽ đã sách động chính quyền địa phương (xem II Cô-rinh-tô 11:32-33). Sự kiện này chắc phải khiến Phao-lô nhục nhã bởi vì ông đã đề cập đến sự kiện này khi ông giảng về sự yếu đuối trong II Cô-rinh-tô 11.

9:25 “qua lỗ hồng trên vách thành” Có thể đây là một cửa sổ của một nhà ngay tại tường thành (xem II Cô-rinh-tô 11:33; Giô-suê 2:15; I Sa-mu-ên 19:12).

BẢN NASB 9:26-30

²⁶ Sau-lơ tới thành Giê-ru-sa-lem rồi, muốn hiệp với các môn đồ; nhưng hết thấy đều nghi sợ người, không tin là môn đồ. ²⁷ Ba-na-ba bèn đem người đi, đưa đến các sứ đồ và thuật lại cho biết thể nào dọc đường Chúa đã hiện ra và phải cùng người, lại thể nào người đã giảng dạy cách bạo dạn về danh Đức Chúa Giê-xu tại thành Đa-mách. ²⁸ Từ đó, Sau-lơ tới lui với môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem, ²⁹ và nhơn danh Chúa mà nói cách dạn dĩ. Người cũng nói và cãi với những người Hê-lê-nít; nhưng bọn này tìm thể để hại mạng người. ³⁰ Các anh em hay điều đó, thì đem người đến thành Sê-sa-rê, và sai đi đất Tạt-sơ.

9:26 “Sau-lơ tới thành Giê-ru-sa-lem” Chi tiết này có lẽ xảy ra trong khoảng từ mười tám đến ba mươi sáu tháng sau đó (xem Ga-la-ti 1:15-24). Câu Kinh thánh này bày tỏ mức độ nghi ngờ của những tín hữu tại Giê-ru-sa-lem đối với người từng bắt bớ họ trước đây. Đường như sách Công-vụ còn ghi lại một vài lần khác mà Sứ đồ Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem sau sự kiện cải đạo đặc biệt.

1. 9:26, chuyến viếng thăm đầu tiên
2. 11:30, đi cứu trợ
3. 12:25, sau chuyến truyền giảng
4. 15:2, dự Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem
5. 18:22, chuyến thăm viếng Hội thánh ngắn gọn
6. 21:17, thăm Gia-cơ và các trưởng lão, giữ lời thề nguyện Na-xi-rê và bị bắt

9:27 “Ba-na-ba” Ý nghĩa phổ biến, không phải từ nghĩa gốc, là “con của sự an ủi”. Đây là một thánh nhân vĩ đại được nhắc đến từ 4:36, sau này trở thành người đầu tiên đồng công truyền giảng với Phao-lô. Xem phần ghi chú và Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:36.

☐ **“đưa đến các sứ đồ”** Chi tiết này còn được ghi lại một lần khác trong Ga-la-ti 1:18.

☐ **“thuật lại cho biết”** Ba-na-ba biết và chia sẻ lời làm chứng của Sau-lơ mở đường cho việc chấp nhận Phao-lô (câu 28).

9:28

NASB “tới lui”

NKJV “đến và đi”

NRSV “đi vào ra”

TEV “đi mọi nơi”

NJB “đi khắp”

Đây là một thành ngữ Cựu ước chỉ hoạt động thường ngày (xem Dân-số Ký 27:17; I Các Vua 3:7).

9:29 “Người cũng nói và cãi với những người Hê-lê-nít” Đây là cũng một nhóm từ nhà hội nói tiếng Hy Lạp tại Giê-ru-sa-lem đã giết Ê-tiên trước đây; bây giờ thì họ đang lập kế hoạch để giết Phao-lô, cũng là một người Do Thái ly hương. Chắc họ nghĩ rằng Ê-tiên đã sống lại.

9:30 “các anh em hay điều đó” Trong 22:17-21 chúng ta được biết rằng Đức Chúa Giê-xu đã hiện ra cùng Phao-lô và báo cho ông trốn khỏi Giê-ru-sa-lem. Đức Chúa Giê-xu đã hiện ra cho Phao-lô nhiều lần trong chức vụ của ông để khích lệ và hướng dẫn ông (xem 18:9-11; 22:17-21; và qua hình ảnh là thiên sứ của Chúa trong 27:23).

☐ **“Sê-sa-rê”** Đây là một cảng biển La mã nằm trên bờ Địa Trung Hải trong xứ Pa-les-tin. Tại cảng biển này, đặt trụ sở chính của chính quyền La mã tại Pa-lét-tin.

☐ **“Tạt-sơ”** Phao-lô đã rời xa quê hương một vài năm. Tạt-sơ là một thành phố tự do và cũng là trung tâm học thuật lớn thứ ba trong thế giới cổ đại sau A-lê-t-xan-ri-a và A-thên. Những trường đại học tại Tạt-sơ nhấn mạnh triết học, hùng biện và luật. Do đó chắc chắn là Phao-lô đã được đào luyện kỹ năng hùng biện và triết học Hy Lạp cũng như luật lệ Do-Thái-Giáo.

BẢN NASB 9:31

³¹Ấy vậy, Hội-thánh trong cả xứ Giu-đê, xứ Ga-li-lê và xứ Sa-ma-ri được hưởng sự bình an, gây dựng và đi trong đường kính sợ Chúa, lại nhờ Đức Thánh Linh vừa giúp, thì số của hội được thêm lên.

9:31 Đây là câu tổng kết sự kiện cải đạo của Phao-lô và giới thiệu những chuyến đi của Phi-e-rơ. Lu-ca thường hay sử dụng những câu tổng kết trong sách Công-vụ. Xem phần dẫn nhập mục IV Mục Đích và Cấu Trúc phần A.

☐ **“Hội thánh”** Xem chú thích tại 5:11 và lưu ý điểm tại sao “Hội thánh” trong số ít lại chỉ về nhiều Hội chúng độc lập. Chữ “Hội thánh” có thể là Hội thánh địa phương (ví dụ Cô-lô-sê 1:18,24; 4:15,16), hay tất cả Hội thánh trong một vùng, khu vực (ví dụ Ê-phê-sô 1:22; 3:10,21; 5:23,24,25,27,29,32) và tất cả Hội thánh toàn cầu (ví dụ Ma-thi-ơ 16:18).

☐ Lưu ý những chi tiết mà Lu-ca đề cập:

1. bình an trong tất cả Hội thánh
2. tăng trưởng và phát triển
3. có sự an ủi từ Đức Thánh Linh

Quả thật là sự thay đổi hoàn toàn so với sự bắt bớ trong 8:1. Sẽ luôn luôn có những nan đề, nhưng Đức Chúa Trời đáp ứng cho mọi nhu cầu.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Phao-lô bắt bớ Hội thánh vô cùng tàn bạo?
2. Tại sao việc Phao-lô cải đạo lại được ghi đến ba lần trong sách Công-vụ?
3. Có điểm đặc biệt nào khi Phao-lô được sai phái, đặt tay cầu nguyện và làm báp-tem bởi A-na-nia?
4. Có điểm đặc biệt nào khi Phao-lô xưng Đức Chúa Giê-xu là “con Đức Chúa Trời”?
5. Tại sao Lu-ca không ghi chép gì về khoảng thời gian ba năm lưu lạc trong xứ Ả-rập của Phao-lô?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CỦA 9:32-10:48

- A. Mặc dù sách Công-vụ bắt đầu sự chuyển tiếp từ Phi-e-rơ sang Phao-lô, phân đoạn 9:32-12:25 trình bày chức vụ lưu động của Phi-e-rơ.
- B. Khúc Kinh thánh này đề cập đến chức vụ của Phi-e-rơ tại Ly-đa, 9:32-35; Gióp-be, 9:36-43, 10:9-23; Sê-sa-rê, 10:1-8, 23-48; và tại Giê-ru-sa-lem, 11:1-18; 12:1-17.
- C. Đây là khúc Kinh thánh vô cùng quan trọng bởi vì nó mô tả (1) những tranh cãi tiếp tục phát sinh từ giáo vụ cho người ngoại bang; (2) những tác động của Phi-e-rơ, trong địa vị là người đứng đầu trong vòng các sứ đồ, để giải quyết nan đề này. Lu-ca cho rằng câu chuyện Cột-nây là vô cùng quan trọng bằng cách lặp lại ba lần trong phân đoạn này.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 9:32-35

³² Và, Phi -e-rơ đi khắp các xứ, cũng đến cùng các thánh đồ ở tại thành Ly-đa. ³³ Tại đó, Phi -e-rơ gặp một người đau bại tên là Ê-nê, nằm trên giường đã tám năm rồi. ³⁴ Phi -e-rơ nói với người rằng: Hỡi Ê-nê, Đức Chúa Giê-xu-Christ chữa cho ngươi được lành, hãy chỗi dậy, dọn dẹp lấy giường ngươi. Tức thì, người vùng dậy. ³⁵ hết thầy dân ở Ly-đa và Sa-rôn thấy vậy đều trở về cùng Chúa.

9:32 “Phi-e-rơ đi khắp các xứ” Có lẽ các sứ đồ đang rao giảng ở Pa-les-tin và những vùng phụ cận.

▣ **“các thánh đồ”** Chữ này được sử dụng trong sách Công-vụ để mô tả Hội thánh. Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thánh Đồ 9:13. Chữ “các thánh đồ” dần dần thay thế cho chữ “các môn đồ”. Chữ “các thánh đồ” có gốc tích từ chữ “thánh khiết” trong Cựu ước có nghĩa là “biệt riêng” cho Đức Chúa Trời sử dụng. Nó không bao giờ được dùng ở số ít trừ một trường hợp duy nhất trong Phi-líp 4:21 nhưng cũng có văn mạch dạng tập thể, số nhiều. Điều này chứng tỏ làm một thánh đồ là thuộc về một tập thể. Xem chú thích ở 9:13. Cần phải lưu ý cách giảng giải không thích hợp mà Giáo hội Công giáo La mã sử dụng để

phong tước hiệu cho một số tín hữu đặc biệt. Trong Tân ước mọi tín hữu đều được gọi là thánh đồ. Đó là sự nhấn mạnh địa vị của chúng ta trong Đấng Christ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ NÊN THÁNH

Kinh thánh Tân ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Giê-xu bằng sự ăn năn và đức tin, thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống Đấng Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí, như vậy sự nên thánh là một lối sống phải chịu mất mát nhiều điều (phải trả giá).

Đáp ứng ban đầu	Tiến trình giống với Đấng Christ
Công-vụ 20:23; 26:18	Rô-ma 6:19
Rô-ma 15:16	II Cô-rinh-tô 7:1
I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11	I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:23
II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13	I Ti-mô-thê 2:15
Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12	II Ti-mô-thê 2:21
I Phi-e-rơ 1:1	Hê-bơ-rơ 12:14
	I Phi-e-rơ 1:15-16

▣ **“Ly-đa”** Thành Ly-đa nằm ngay trên tuyến đường buôn bán giữa Ba-by-lôn và Ai-cập. Trong thời Cựu ước nó được biết với tên là thành “Lót” (xem I Sứ-ký 8:12). Nó cách biển Địa Trung Hải khoảng mười một dặm. Phi-líp cũng đã ghé thăm khu vực này trong 8:40.

9:33 “một người tên là Ê-nê” Đây là một tên Hy Lạp có nghĩa là “ca ngợi”. Ông ta là một tín hữu hay là người chưa tin thì không biết rõ, nhưng có vẻ như Phi-e-rơ đang thăm viếng những Hội thánh được Phi-líp thành lập.

▣ **“nằm trên giường đã tám năm rồi”** Cách chuyển ngữ này cũng là cách giải nghĩa phổ biến nhất của cụm từ Hy Lạp này trong cách bản Kinh thánh (NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB). Tuy nhiên, cụm từ Hy Lạp này cũng có thể dịch là “kể từ khi tám tuổi” (xem Newman and Nida, *A Translator's Handbook on The Acts of the Apostles*, trang 199).

9:34 “Đức Chúa Giê-xu-Christ chữa cho người được lành” Không có mạo từ tại đây, điều này có nghĩa rằng hai chữ này cùng chỉ định một đối tượng. Đây là một hình thức ngôn ngữ, THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PRESENT), có nghĩa là “ngay giây phút này đáng Mê-ti-a đang chữa lành cho ông.”

▣ **“hãy chớ dậy, dọn dẹp lấy giường người”** Đây là hai MỆNH LỆNH CÁCH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVES) bày tỏ sự mạnh mẽ và khẩn cấp.

▣ **“Tức thì, người vùng dậy.”** chứng tỏ đức tin của người đàn ông này đáp ứng lại sứ điệp về Đức Chúa Giê-xu của Phi-e-rơ.

9:35 “hết thấy dân ở Ly-đa” Đây là một bằng chứng cụ thể việc Kinh thánh sử dụng chữ “tất cả” nhưng không có ý bao gồm tất cả (xem Sáng-thế Ký 41:37; Phục-truyền Luật-lệ Ký 2:25; Lu-ca 2:1; Rô-ma. 11:26).

▣ **“Sa-rôn”** Đây là vùng đồng bằng ven biển ở phía bắc xứ Pa-les-tin kéo dài khoảng ba mươi dặm từ Gióp-be đến Sê-ra-sê.

▣ **“thấy vậy đều trở về cùng Chúa”** Chữ “trở về” có thể tương ứng với chữ “ăn năn” trong Cựu ước (*shub*). Nó chỉ việc xây khôi tội lỗi cũng như chính mình (ăn năn) và hướng đến (đức tin) Đức Chúa Trời (xem 11:21). Lời tổng kết ngắn gọn này được lặp lại nhiều lần trong phân đoạn này bày tỏ sự vận hành vĩ đại Đức Thánh Linh thực hiện qua Phi-e-rơ và sau đó là Phao-lô. Phép lạ này mở cửa cho sự rao giảng Tin Lành.

BẢN NASB 9:36-43

³⁶ Tại thành Gióp-bê, trong đám môn đồ, có một người đờn bà tên là Ta-bi-tha, nghĩa là Đô-ca; người làm nhiều việc lành và hay bố thí. ³⁷ Trong lúc đó, người đau và chết. Người ta tắm rửa xác người, rồi để yên trong một phòng cao. ³⁸ Môn đồ nghe Phi-e-rơ đương ở tại Ly-đa, gần thành Gióp-bê, bèn sai hai người đi mời người đến chớ chậm trễ. ³⁹ Phi-e-rơ đứng dậy đi với hai người. Khi tới nơi, người ta dẫn Phi-e-rơ đến chỗ phòng cao; hết thấy các đờn bà góa đều đến cùng người mà khóc, và giơ cho người xem bao nhiêu áo xống và áo ngoài, lúc Đô-ca còn sống ở với mình đã may cho. ⁴⁰ Phi-e-rơ biểu người ta ra ngoài hết, rồi quì gối mà cầu nguyện; đoạn, xây lại với xác, mà rằng: Hỡi Ta-bi-tha, hãy chớ dậy! Người mở mắt, thấy Phi-e-rơ, bèn ngồi dậy liền. ⁴¹ Phi-e-rơ đưa tay ra đỡ cho đứng dậy; đoạn gọi các thánh đồ và đờn bà góa đến, cho họ thấy người sống. ⁴² Việc đó đồn ra khắp thành Gióp-bê; nên có nhiều người tin theo Chúa. ⁴³ Còn Phi-e-rơ ở tại nhà người thợ thuộc da, tên là Si-môn.

9:36 “Gióp-be” Thành phố này ngày nay là Jaffa (*Yafo*). Nó là cảng biển cổ xưa của Giê-ru-sa-lem. Ngày nay, thành phố này là một phần của cụm đô thị hiện đại Tel Aviv-*Yafo*.

▣ **“môn-đồ”** Chữ “môn-đồ” được dùng thường xuyên trong phân đoạn này của sách Công-vụ. Chữ này có nghĩa đen là “người theo học” nhưng lại được dùng để chỉ những người tin đạo.

▣ **“Ta-bi-tha. . .Đô-ca. . .Linh dương”** Tên của người phụ nữ này trong tiếng A-ram là *Tabitha*; tiếng Hy Lạp là *Dorcas*. Hầu hết những người Do Thái có giao tiếp xã hội hay buôn bán với những sắc dân không phải Do Thái đều sử dụng hai tên, một trong tiếng A-ram và một trong tiếng Hy Lạp. Cả hai tên này đều có nghĩa là “linh dương” biểu tượng của sự duyên dáng và vẻ đẹp (xem Nhã-ca 2:9, 17; 4:5; 7:3).

▣ **“người làm nhiều việc lành hay bố thí.”** Tại đây liên hệ đến sự bố thí của người Do Thái. Đây là khái niệm hình thành từ trong nhà hội về việc đóng góp hằng tuần để chăm sóc những người thiếu thốn trong cộng đồng. Sự bố thí được người Do Thái trong thời Đức Chúa Giê-xu cho rằng có những giá trị quan trọng tâm linh. Hội thánh tiếp tục khuôn mẫu này (xem Công-vụ 6). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 3:2.

▣ **“hay bố thí”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) cho biết một thói quen hành động trong quá khứ.

9:37 “Người ta tắm rửa xác người, rồi để yên trong một phòng cao.” Việc rửa xác là cách thức chuẩn bị để chôn cất của người Do Thái. Trong thành Giê-ru-sa-lem, một xác chết phải chôn trong ngày, nhưng bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem việc chôn cất có thể chờ đợi đến ba ngày. Xem Chủ Đề Đặc Biệt 5:6.

9:38 “sai hai người đi mời người” Những tín hữu này đã nghe những phép lạ Đức Chúa Trời thực hiện qua Phi-e-rơ và họ tin rằng ông có thể làm điều gì đó cho người nữ Cơ-Đốc-Nhân Do Thái đáng kính này.

9:39 “hết thấy các đòn bà góa đều đến cùng người” Có lẽ những họ đang mặc những bộ đồ mà bà Đô-ca đã may cho họ cả đồ bên trong và áo khoác ngoài.

9:40 “Phi-e-rơ biểu người ta ra ngoài hết” Có nghĩa đen là “đuổi họ ra ngoài”. Đây cũng là cách Đức Chúa Giê-xu đã làm trong Mác 5:40. Có nhiều chi tiết giống nhau giữa những phép lạ thi hành trong phân đoạn này và những phép lạ Đức Chúa Giê-xu làm trong khi thi hành chức vụ. Chức vụ của Đức Chúa Giê-xu là khuôn mẫu duy nhất của các sứ đồ.

Câu hỏi đặt ra là “Tại sao Phi-e-rơ muốn tất cả họ rời khỏi phòng?” Đức Chúa Giê-xu đã đuổi mọi người khỏi phòng bởi vì Ngài không muốn chỉ được biết đến như là người chữa lành mà thôi và sứ điệp Phúc âm vào lúc đó chưa được làm trọn. Nhưng tại sao Phi-e-rơ lại làm điều này? Dường như chính nhờ phép lạ mà đã mở cửa lòng của nhiều người thì lẽ ra ông phải muốn càng có nhiều người thấy phép lạ càng tốt.

▣ **“quỳ gối”** Tư thế cầu nguyện thông thường của người Do Thái là đứng thẳng với tay và mắt hướng lên trời. Tuy nhiên trong sách Công-vụ ghi lại nhiều lần rằng các môn đồ quỳ gối cầu nguyện (xem 7:60; 20:36; 21:5). Có lẽ họ làm như Đức Chúa Giê-xu trong vườn Gết-sê-ma-nê (xem Lu-ca 22:41).

▣ **“Hỡi Ta-bi-tha, hãy chớ dậy!”** Có lẽ Phi-e-rơ gọi bằng tiếng A-ram. Đức Chúa Giê-xu và người Do Thái ở Pa-les-tin trong thế kỷ thứ nhất đều nói tiếng A-ram, chứ không phải tiếng Do Thái, điều này có từ thời E-xơ-ra, Nê-hê-mi (xem Nê-hê-mi 8:4-8).

9:41 “các thánh đồ” Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thánh Đồ ở 9:13.

9:42 “có nhiều người tin theo Chúa” Đây là một câu kết luận khác cho biết những kết quả lớn của những bài giảng và phép lạ Phi-e-rơ thi hành.

9:43 “Còn Phi-e-rơ ở tại nhà người thợ thuộc da, tên là Si-môn” Phi-e-rơ đã phá bỏ sự tuân thủ luật pháp Do Thái khi ở trọ tại nhà người làm nghề thuộc da, bị xem là ô uế do tiếp xúc với da của thú vật chết.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao sự cải đạo của Phao-lô được ghi lại ba lần trong sách Công-vụ?
2. Tại sao chi tiết trong ba lần ghi chép này lại có phần khác nhau?
3. Phao-lô có những sự lựa chọn nào trong sự cải đạo của mình? Trải nghiệm của Phao-lô có thông thường không?
4. Tại sao những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp tìm cách giết Phao-lô?
5. Nếu Phi-e-rơ và Phao-lô dùng phép lạ để mở cửa cho Phúc âm, tại sao Chúa không sử dụng phương pháp đó ngày nay?

CÔNG VỤ ĐOẠN 10

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phi-e-rơ và Cọt-nây 10:1-8	Cọt-nây sai đầy tớ tìm Phi-e-rơ 10:1-8	Sự cải đạo của Cọt-nây 10:1-8	Phi-e-rơ và Cọt-nây 10:1-3 10:4a 10:4b-8	Phi-e-rơ ghé thăm người đội trưởng quân La mã 10:1-2 10:3-8
10:9-16	Khải tượng của Phi-e-rơ 10:9-16	10:9-16	10:9-13 10:14	10:9-16
10:17-23a	Lời mời đến Sê-sa-rê 10:17-23	10:17-23a	10:15-16 10:17-18 10:19-21 10:22-23a	10:17-23
10:23b-33	Phi-e-rơ gặp Cọt-nây 10:24-33	10:23b-29 10:30-33	10:23b-29 10:30-33	10:23b-33
Phi-e-rơ giảng tại nhà Cọt-nây 10:34-43	Giảng tại nhà Cọt-nây 10:34-43	10:34-43	Bài giảng của Phi-e-rơ 10:34-43	Phi-e-rơ giảng tại nhà Cọt-nây 10:34-35 10:36-43
Người ngoại bang nhận lãnh Đức Thánh Linh 10:44-48	Đức Thánh Linh giảng trên người ngoại bang 10:44-48	10:44-48	Người ngoại bang đón mừng Đức Thánh Linh 10:44-48	Lễ báp-tem đầu tiên cho người ngoại bang 10:44-48

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DỐI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 10:1-8

¹ Trong thành Sê-sa-rê, có một người tên là Cọt-nây, làm đội trưởng của đội binh gọi là Y-ta-li. ² Người vẫn là đạo đức, cùng cả nhà mình đều kính sợ Đức Chúa Trời, người hay bố thí cho dân, và cầu nguyện Đức Chúa Trời luôn không thôi. ³ Đương ban ngày, nhằm giờ thứ chín, người thấy rõ ràng trong sự hiện thấy có một vị thiên sứ của Đức Chúa Trời vào nhà mình và truyền rằng: Hỡi Cọt-nây! ⁴ Đói mắt người ngó chăm thiên sứ và run sợ lắm, thưa rằng: Lạy Chúa, có việc chi? Thiên sứ nói: Lời cầu nguyện cùng sự bố thí người đã lên thấu Đức Chúa Trời, và Ngài đã ghi nhớ lấy. ⁵ Vậy, bây giờ hãy sai người đến thành Gióp-bê, mời Si-môn nào đó, cũng gọi là Phi-e-rơ. ⁶ Người hiện trợ nơi Si-môn, là thợ thuộc da, nhà ở gần biển. ⁷ Khi thiên sứ, là đấng truyền cho người, đã trở lui, thì Cọt-nây gọi hai người trong đám đầy tớ mình và một tên lính tin kính trong những lính thuộc về mình, ⁸ mà thuật lại mọi điều cho họ nghe, rồi sai đến thành Gióp-bê.

10:1 “có một người tại thành Sê-sa-rê” Cọt-nây cải đạo là một sự kiện vô cùng quan trọng. Tuy nhiên cần phải ghi nhớ rằng Cọt-nây không phải là ranh giới xã hội đầu tiên mà Phúc âm vượt qua. (1) Đầu tiên là người Sa-ma-ri; (2) sau đó là vị hoạn quan Ê-thi-ô-pi có thể là một người kính sợ Chúa; và (3) rồi đến Cọt-nây, không chỉ là một người ngoại bang bình thường, nhưng là một sĩ quan quân đội La mã là một bộ phận của đạo quân chiếm đóng vùng Đất Hứa. Điểm nhấn mạnh của sự kiện này không phải vì Cọt-nây cải đạo, ông đã là người một người kính sợ Chúa giống như hoạn quan Ê-thi-ô-pi, mà là số đông bà con, bạn hữu được đề cập trong câu 1,24,27,44,48, được cứu rỗi. Phi-e-rơ tường trình lại sự kiện này trong Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem ở Công-vụ 15:7-9 mở màn cho việc Hội thánh truyền giảng cho người ngoại bang.

▣ **“Cọt-nây”** Phần ghi chú 1 trong quyển *Commentary on the Book of the Acts*, của F. F. Bruce, trang 214 cho biết “Cọt-nây là một tên gọi vô cùng phổ thông trong đế quốc La mã từ khi Publius Cornelius Sulla vào năm 82 TCN phóng thích 10,000 nô lệ; những nô lệ này lấy họ Cọt-nây.”

▣ **“sĩ quan chỉ huy một trăm lính”** chữ này được đề cập nhiều lần trong Tân ước và luôn luôn với thiện ý (xem Ma-thi-ơ 8:5; Lu-ca 7:2; 23:47; Công-vụ 10:1; 22:5; 27:3...). Theo đúng nghĩa đây là người chỉ huy của một trăm quân lính; tuy nhiên, họ chỉ là hạ sĩ quan, tương tự như cấp bậc thượng sĩ ngày nay.

▣ **“đội binh gọi là Y-ta-li”** thông thường một đội binh La mã có 600 lính. Đặc biệt đội binh này có đến một ngàn lính tình nguyện đồn trú tại Sy-ri. Dựa vào những chứng cứ lịch sử, chúng ta được biết đội binh này được gọi là đội binh yểm trợ, có thể là những lính bán cung. Quân đội La mã phải đóng quân trong xứ Pa-les-tin bởi vì sự nổi loạn của người Do Thái.

10:2 “Người đạo đức” Có ba phương diện mô tả sự mộ đạo của Cọt-nây:

1. Ông cùng với cả nhà ông kính sợ Chúa (xem phân chú thích câu 22)
2. Ông luôn bố thí rộng rãi
3. Ông có thói quen cầu nguyện với Chúa (xem câu 22; 13:16,26).

Đây là một người có tôn giáo, cảm xúc và giao tế gắn liền với nhà hội dù rằng ông không hoàn toàn cải đạo. Để trở thành một người chính thức nhập đạo:

1. phải chịu phép cắt bì nếu là nam giới

2. phải được báp-tem có sự hiện diện của nhân chứng
3. nếu có thể, dâng một cửa lễ trong đền thờ.

Những điều kiện này ngăn trở nhiều người ngoại bang có cảm tình trở thành người chính thức nhập đạo.

▣ **“với cả nhà”** Đây là lần đầu tiên gia đình được đề cập như một đơn vị tôn giáo, điều thường xuất hiện trong sách Công-vụ (xem Công-vụ 10:2; 11:14; 16:15, 31; 18:8). Chi tiết này bày tỏ bối cảnh văn hóa đức tin của người cha luôn luôn là đức tin của cả gia đình luôn cả những gia nhân, nô lệ.

▣ **“hay bố thí”** Đối với người Do Thái, điều này chứng tỏ Cọt-nây là thành viên tích cực của nhà hội và là một người kính sợ Chúa. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bố Thí ở 3:2.

▣ **“cầu nguyện Đức Chúa Trời luôn không thôi”** Có 3 ĐỘNG TÍNH TỪ HIỆN TẠI (PRESENT PARTICIPLES) ở đây, chỉ hành động liên tục bày tỏ sự sùng đạo của Cọt-nây.

1. kính sợ, HIỆN TẠI TRUNG CẤP (PRESENT MIDDLE) dạng biến cách.
2. bố thí, HIỆN TẠI CHỦ ĐỘNG (PRESENT ACTIVE)
3. cầu nguyện, HIỆN TẠI TRUNG CẤP (PRESENT MIDDLE) dạng biến cách.

Lòng mộ đạo của Cọt-nây là cá nhân và liên tục mỗi ngày. Ông làm hai việc mà các tu sĩ Do-Thái-Giáo ca ngợi: bố thí và cầu nguyện.

10:3 “nhằm giờ thứ chín” Đây là giờ cầu nguyện buổi chiều (khoảng 3 giờ chiều, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 25:39, 41; I Các Vua 18:29; Thi-thiên 5:11; Đa-ni-ên 6:10). Đây là thời điểm cầu nguyện theo thông lệ.

▣

NASB, NRSV, TEV	“thấy rõ”
NKJV	“thấy rõ”
NJB, NIV	“thấy rõ ràng”

Trong các sách Phúc âm, phó từ *phanerōs* có nghĩa là xuất hiện công khai hay xuất hiện nơi công cộng (xem Mác 1:45; Giăng 7:10). Sự xuất hiện duy nhất của phó từ này bên ngoài sách Phúc âm là tại đây, Công-vụ 10, có nghĩa là “rõ ràng” hay “hiển nhiên”. Khái tượng này xảy ra ban ngày và rất thật.

▣ **“thiên sứ của Đức Chúa Trời”** Trong một phương diện nào đó sự cải đạo này giống như kinh nghiệm của Phao-lô. Đây là người mộ đạo nhiệt thành. Đức Chúa Trời đã sai phái thiên sứ để hướng dẫn ông đến đức tin. Trong trường hợp này ai có thể từ chối? Những sự cải đạo này là bằng chứng sự tuyển chọn của Đức Chúa Trời không phải bởi ý riêng của con người. Những người này chỉ đáp ứng với bằng chứng và trải nghiệm thực tế của Phúc âm.

10:4 Sứ điệp của thiên sứ chứa đựng hai từ dùng trong sự tế lễ: “lên thầu” và “Ngài ghi nhớ lấy”. Dường như Đức Chúa Trời đã chấp nhận sự thờ phượng của ông (qua lời cầu nguyện và sự bố thí) từ trước khi ông được nghe giảng Phúc âm.

▣ **“ngó chăm thiên sứ”** Xem phần ghi chú tại 1:10.

▣ **“Lạy Chúa, có việc chi?”** Chữ “Chúa” tại đây rất khó dịch. Chữ này có thể dịch là “ông”, “ngài” hoặc là “Chúa” trong ý nghĩa thần học bày tỏ chủ sở hữu, quyền cai trị. Một khúc Kinh thánh khác trong Tân ước có cùng tình trạng nhiều nghĩa là Giăng 4:1,11,15,19,49.

Riêng đối với sách Công-vụ thì còn có thể phát sinh thêm một ý nghĩa khác. Cọt-nây gọi thiên sứ là Chúa (xem Khải-huyền 7:14) và Phi-e-rơ ứng xử với “lời phán” (xem 10:13,15) như là Chúa (xem 10:14). Do đó, chữ này có thể dùng ám chỉ cho mọi trường hợp có tính siêu nhiên, hiển lộ liên hệ đến Đức Chúa Giê-xu. Trong 8:26 và 29 thì “thiên sứ của Chúa” được xác nhận là Đức Thánh Linh. Sự lập lờ, chuyển đổi này xảy ra giữa “tiếng phán” và Đức Thánh Linh trong 10:13,14,15 và 19,20.

10:5 “bây giờ hãy sai người đến thành Gióp-bê” Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE (deponent) IMPERATIVE). Lưu ý là thiên sứ không chia xẻ Phúc âm, nhưng chỉ báo tìm Phi-e-rơ. Đức Chúa Trời sử dụng công cụ là con người (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:7-10). Cọt-nây, dù là một người mộ đạo nhiệt thành như Sau-lơ, vẫn cần được nghe và đáp ứng với Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ.

10:7 “Cọt-nây gọi hai người trong đám đầy tớ mình và một tên lính tin kính” Tại đây cho biết có ba người được gọi đi, nhưng trong câu 19 chỉ đề cập hai người. Có thể người lính canh gác để hai gia nhân nói chuyện.

10:8 Cọt-nây lôi cuốn gia đình, bạn hữu vào điều ông tin. Đây là người sống như điều mình tin. Vì vậy nhờ ông mà cả một cộng đồng đặt đức tin trong đấng Christ.

Nhóm ba người chắc đã phải đi suốt đêm ngạc nhiên, bàn luận về sứ điệp của thiên sứ và niềm tin của người chủ và những bạn hữu của ông.

BẢN NASB 10:9-16

⁹ Bữa sau, trong lúc ba người ấy đương đi đường và đã đến gần thành, vừa nhằm giờ thứ sáu Phi-e-rơ leo lên mái nhà để cầu nguyện. ¹⁰ người đói và thèm ăn; khi người ta đương dọn cho ăn, thì người bị ngất trí đi. ¹¹ Người thấy trời mở ra, và có vật chi giống như một bức khăn lớn níu bốn chéo lên, giáng xuống và sa đến đất: ¹² thấy trong đó có những thú bốn cẳng, đủ mọi loài, côn trùng bò trên đất, và chim trên trời. ¹³ Lại có tiếng phán cùng người rằng: Hỡi Phi-e-rơ, hãy dậy, làm thịt và ăn. ¹⁴ Song Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, chẳng vậy; vì tôi chẳng ăn giống gì đơ dáy chẳng sạch bao giờ. ¹⁵ Tiếng đó lại phán cùng người lần thứ hai rằng: Phàm vật chi Đức Chúa Trời đã làm cho sạch, thì chớ cảm bằng đơ dáy. ¹⁶ Lời đó lặp lại ba lần; rồi vật ấy liền bị thâu lên trên trời.

10:9 “vừa nhằm giờ thứ sáu” Mặc dù những tu sĩ Do-Thái-Giáo đã dành riêng 9 giờ sáng và 3 giờ chiều để cầu nguyện (cũng là thời điểm dâng tế lễ hằng ngày tại đền thờ), những người Pha-ri-si đặt thêm buổi trưa làm một thời điểm thuận lợi nữa để cầu nguyện. Tại đây, Phi-e-rơ giữ theo lời dạy truyền thống hay có thể là vừa mới ngủ trước giờ ăn trưa.

10:10 “người đói và thèm ăn” Bối cảnh khi khái tượng xảy ra là lúc Phi-e-rơ đang đói cùng với quang cảnh Địa Trung Hải thấy từ mái nhà của Si-môn.

Chữ “đói” chỉ xuất hiện độc nhất tại đây trong tất cả tài liệu tiếng Hy Lạp đã biết. Không thể nào biết được chính xác những ý nghĩa tiềm ẩn trong từ này, nhưng với sự kết hợp của giới từ *pros*, nó có thể là “rất đói”, nhưng đó sẽ là sự ngạc nhiên trong bối cảnh này. Chữ *hapax legomenon* này (tức là chữ chỉ được dùng một lần duy nhất trong Tân ước) cần phải được xem là không rõ ý nghĩa cho đến khi có thêm những khám phá mới về ý nghĩa của từ này. Không rõ tại sao Lu-ca sử dụng chữ hiếm thấy này, nhưng ý tổng quát của bối cảnh thì rõ ràng.

▣ **“người bị ngất trí đi”** Có nghĩa đen là xuất thần, chữ thường hay dùng để bày tỏ sự kinh ngạc (xem Mác 5:42; 16:8; Lu-ca 5:26; và vài chỗ khác trong bản LXX). Chúng ta có chữ “ecstasy” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này. Trong câu này và 11:5 và 22:17, chữ này có nghĩa là một trạng thái nửa tỉnh nửa mê mà Đức Chúa Trời dùng để truyền phán vào tiềm thức con người. Chữ này khác với chữ được dùng trong câu 3 để mô tả khái tượng của Cọt-nây.

10:11

NASB

“trời mở ra”

NKJV, TEV

“thiên đàng mở ra”

NRSV “thiên đàng mở ra”
NJB “thiên đàng mở ra”

Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE), có nghĩa đen là “thiên đàng đã và tiếp tục mở.” Trong Cựu ước, thiên đàng luôn ở dạng số nhiều. Sự mở ra trong không trung này là một thành ngữ cho phương diện tâm linh vô hình xâm nhập vào vật chất thực tại (xem Ê-xê-chi-ên 1:1; Ma-thi-ơ 3:16; Mác 1:10; Lu-ca 3:21; Giăng 1:51; Công-vụ 7:56; 10:11; Khải-huyền 4:1; 19:11).

▣ “giống như một bức khăn lớn” Đây là chữ dùng cho cánh buồm của chiếc tàu.

10:12 “những thú bốn cẳng, đủ mọi loài, côn trùng bò trên đất, và chim trên trời” Đây cũng là cách chia thú vật làm ba nhóm như trong Sáng-thế Ký 1 và 6:20. Những con thú này bao gồm những loài được kể là tinh sạch và không tinh sạch theo luật về thực phẩm của người Do Thái trong Lê-vi Ký 11.

10:13 “có tiếng phán cùng người” Từ thời điểm kết thúc sách Ma-la-chi cho đến thời kỳ Tân ước không có sự truyền phán nào từ Chúa giữa vòng dân Do Thái. Trong giai đoạn này, nếu người Do Thái muốn kiểm chứng sự điệp có phải thực sự đến từ Chúa thì họ phải dựa vào *bath kol*. Chúng ta biết được điều này trong Tân ước ở sách Ma-thi-ơ 3:17; 17:5; cũng như trong Công 9:7 và tại đây.

10:14 “Lạy Chúa, chẳng vậy; vì tôi chẳng ăn giống gì dơ dáy chẳng sạch bao giờ” “chẳng vậy” là một cụm từ Hy Lạp được sử dụng nhiều lần trong bản Septuagint để dịch vài thành ngữ Do Thái. Phi-e-ơ vẫn còn tranh chiến với đức tin Do-Thái-Giáo chính thống. Việc làm của ông dựa vào sự dạy dỗ trong Lê-vi Ký 11. Tuy nhiên Đức Chúa Giê-xu có lần giải quyết vấn đề này trong Mác 7:14ff, đặc biệt trong câu 19. Có điểm thú vị cần lưu ý về sách phúc âm Mác là dường như đây là tuyển tập những bài giảng của Sứ đồ Phi-e-ơ tại Rô-ma.

10:15 “Phàm vật chi Đức Chúa Trời đã làm cho sạch, thì chớ cầm bằng dơ dáy.” Đây là thể MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI với TIẾP ĐẦU NGŨ TIÊU CỰC (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE with a NEGATIVE PARTICLE), thường chỉ sự ngưng lại của hành động đang thực hiện.

10:16 “Lời đó lặp lại ba lần” Trong Kinh thánh, không có gì là bất thường khi lời cầu nguyện, ca ngợi hay hành động quan trọng được lặp lại ba lần: (1) Lời cầu nguyện của Đức Chúa Giê-xu trong vườn Ghết-sê-ma-nê (xem Mác 14:36,39); (2) Đức Chúa Giê-xu dò hỏi Phi-e-ơ sau khi phục sinh (xem Giăng 21:17); (3) Lời cầu nguyện của Phao-lô cho “cái giảm xóc” trong thân thể ông (xem II Cô-rinh-tô 12:8). Đó là cách thức nhấn mạnh của hệ ngôn ngữ Semitic (xem Ê-sai 6:3; Giê-rê-mi 7:4). Trong trường hợp cụ thể này, Phi-e-ơ miễn cưỡng vâng lời.

Trong quyển sách, *Word Pictures In the New Testament*, A. T. Robertson có nhận định sắc sảo về điểm này. “Đây là một minh họa tiêu biểu cho sự ngoan cố của người thừa nhận tiếng phán của Chúa khi mà mạng lệnh của Chúa vượt trên những lựa chọn ưu tiên và định kiến sẵn có. Ngày nay có rất nhiều ví dụ cho điều này, thật ra Phi-e-ơ đang tuân giữ một thái độ thành kính bên ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời” (trang 137).

BẢN NASB 10:17-23a

¹⁷ Phi-e-ơ đương nghi ngờ về ý nghĩa của sự hiện thấy mình đã thấy, thì các người mà Cột-nây sai đi đã hỏi thăm được nhà Si-môn, và tới đứng tận cửa. ¹⁸ Họ kêu và hỏi đây có phải là nơi Si-môn tức Phi-e-ơ ở chẳng. ¹⁹ Phi-e-ơ còn đương ngẫm nghĩ về sự hiện thấy đó, thì Đức Thánh Linh phán cùng người rằng: Kìa, có ba người đương tìm ngươi. ²⁰ Vậy, hãy đứng dậy, xuống mà đi với họ, chớ hồ nghi, vì ta đã sai họ đó. ²¹ Phi-e-ơ bèn xuống cùng họ mà nói rằng: Ta đây, là người các ngươi đương tìm; các ngươi đến đây có việc gì? ²² Họ trả lời rằng: Đội

trường Cọt-nây là người công bình, kính sợ Đức Chúa Trời, cả dân Giu-đa đều làm chứng tốt về người, người đó đã bởi một thiên sứ thánh mà chịu mạng lịnh từ nơi cao rằng phải mời ông về nhà và nghe lời ông. ²³ Phi-e-rơ bèn mời họ vào nhà và cho trọ tại đó.

10:17 “Phi-e-rơ đương nghi ngờ” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) chỉ sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Chữ này được Lu-ca sử dụng vài lần để diễn tả sự bối rối tâm trí (xem Lu-ca 9:7; Công-vụ 2:12; 5:24; 10:17). Phi-e-rơ không hiểu ý nghĩa khái tượng ngay lập tức.

▣ **“khái tượng”** Chữ dùng để mô tả trải nghiệm của Phi-e-rơ, *horama*, cũng là chữ dùng để mô tả khái tượng của Cọt-nây trong câu 3 (xem câu 19).

10:19 “Thánh Linh phán cùng người” Mỗi liên hệ chính xác giữa “Đức Thánh Linh” (câu 19) đang phán và “thiên sứ” (câu 3,22) trong bối cảnh này là không thể xác định (xem câu 20, “vì ta đã sai họ đó”). Có lẽ thiên sứ đại diện cho Đức Thánh Linh phán hoặc là cả hai được xem như phương cách Đức Chúa Trời truyền phán (Old Testament theophony) (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2,4; Công-vụ 8:26,29).

10:20 Đây là câu Kinh thánh được nhấn mạnh.

1. “hãy đứng dậy”, ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) được sử dụng như MỆNH LỆNH (IMPERATIVE)
2. “xuống”, MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE)
3. “đi với họ”, MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) IMPERATIVE)
4. “chớ hồ nghi”, ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) được dùng như MỆNH LỆNH (IMPERATIVE)
5. “vì ta đã sai họ”, *ego* với CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH.

Phi-e-rơ không có sự lựa chọn nào khác hơn là phải đi. Đây là một sự sắp xếp thiên thượng. Chính Đức Thánh Linh là tác nhân khái tượng của Cọt-nây, việc Cọt-nây gọi người đi, khái tượng của Phi-e-rơ và bây giờ là sự đáp ứng lời yêu cầu của Phi-e-rơ.

10:22 Họ thành thật kể lại mọi sự.

▣

NASB	“người liêm chính”
NKJV	“một người công chính”
NRSV, NJB	“ngay thẳng”
TEV	“một người tốt”

Chữ này phải được dùng theo nghĩa Cựu ước là “không chỗ trách được”. Tuy nhiên, chữ này không có nghĩa là “vô tội” (xem Sáng-thể Ký 6:1; Gióp 1:1; Lu-ca 1:6; 2:25) hay là được xưng công chính trong Đấng Christ (xem Rô-ma 4). Đây là một người sống trọn theo mọi điều ông hiểu về ý muốn Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Xưng Công Chính trong 3:14

▣

NASB, NRSV, NJB	“kính sợ Chúa”
NKJV	“người kính sợ Chúa”
TEV	“người thờ phượng Chúa”

Cụm từ này hay là những cụm từ có ý nghĩa tương tự được dùng để mô tả Cọt-nây (xem 10:2,22,35). Trong Công-vụ 13:16,26,43,50 nó được dùng để chỉ những người không phải là Do Thái hay là đã chính thức cải đạo nhưng thường xuyên đến nhà hội. Họ được gọi là những người kính sợ Chúa (xem 16:14; 17:4,17; 18:7).

10:23 “Phi-e-rơ bèn mời họ vào nhà và cho trọ tại đó” Đây là một ví dụ nữa chứng tỏ Phi-e-rơ tiếp tục tách biệt khỏi việc tuyệt đối vâng giữ luật pháp Do Thái. Người lính đi theo hộ tống chắc chắn là một người La mã, nhưng Phi-e-rơ vẫn mời ăn tối và thông công. Lưu ý trong câu 48, Phi-e-rơ ở trọ trong một nhà người La mã vài ngày.

BẢN NASB 10:23b-29

Ngày mai, Phi-e-rơ chờ dậy đi với họ, có một vài người trong hàng anh em từ Gióp-bê cùng đi với. ²⁴ Bữa sau, đến thành Sê-sa-rê. Cột-nây với bà con và bạn thiết đương chờ đợi. ²⁵ Phi-e-rơ vừa vào, thì Cột-nây ra rước, phục xuống dưới chơn người mà lạy. ²⁶ Nhưng Phi-e-rơ đỡ người dậy, nói rằng: Người hãy đứng dậy, chính ta cũng chỉ là người mà thôi. ²⁷ Phi-e-rơ đương nói chuyện với Cột-nây, bước vào, thấy có nhiều người nhóm lại. ²⁸ Người nói cùng chúng rằng: người Giu-đa vốn không được phép giao thông với người ngoại quốc hay là tới nhà họ; nhưng Đức Chúa Trời đã tỏ cho ta biết chẳng nên coi một người nào là ô uế hay chẳng sạch. ²⁹ Nên khi các người đã sai tìm, thì ta chẳng ngại gì mà đến đây. Vậy ta hỏi vì việc chi mà các người mời ta đến.

10:24 “có một vài người trong hàng anh em từ Gióp-bê cùng đi” Trong 11:12 cho biết có sáu người đi với Phi-e-rơ. Phi-e-rơ biết sự việc này sẽ tạo nên một số nan đề trong số những tín hữu Do Thái. Do đó, ông đem theo vài người nhân chứng (xem 11:12).

▣ **“Sê-sa-rê”** Sê-sa-rê là một thành phố xinh đẹp nằm bên bờ biển. Nó được đặt tên theo tên Hoàng đế La mã Sê-sa. Thành phố này cũng là nơi doanh trại của quân đội La mã trong lãnh thổ Pa-les-tin. Người La mã biến Sê-sa-rê thành một hải cảng nhỏ.

▣ **“bà con và bạn thiết đương chờ đợi”** Cột-nây trông chờ một diễn giả từ Đức Chúa Trời nên đã mời cả gia đình, bạn hữu, gia nhân và có thể là cả những binh sĩ nữa. Họ đã chờ đợi lâu, hàng nhiều giờ. Tinh thần chờ đợi, trông mong tràn ngập ngôi nhà này. Chắc hẳn là mọi người bàn tán về khái tượng và những sứ điệp của nó.

Đây quả thật là một sự chấn động cho hàng ngũ lãnh đạo nhóm tín hữu Do Thái trong Hội thánh; một số đông người ngoại bang, nhiều người trong số đó không phải là người kính sợ Chúa cũng được nhận Đức Thánh Linh và lễ báp-tem. (xem câu 27).

10:25,27 “Phi-e-rơ vừa vào...bước vào” Tại đây có một chút lúng túng trong bản văn tiếng Hy Lạp. Tuy nhiên, chữ “vào” đề cập trong câu 25 có thể là cổng thành hoặc là sân, vườn nhà, và chữ “vào” thứ hai trong câu 27 có thể là nhà Cột-nây. Cho dù như thế nào đi nữa, Phi-e-rơ đã vi phạm luật lệ truyền thống Do Thái khi bước vào nhà của người ngoại bang.

10:25 “phục xuống dưới chơn người mà lạy.” Đây là chữ thông thường trong bản Septuagint và trong các sách Phúc âm cho từ thờ phượng. Nhưng trong bối cảnh tại đây, “bày tỏ sự kính trọng” có thể diễn đạt ý nghĩa chính xác hơn (xem bản dịch NJB). Thiên sứ đã chuẩn bị việc người này đến, nên dĩ nhiên Cột-nây sẽ kính trọng vị sứ giả (xem Khải-huyền 19:10; 22:8-9).

10:28 “người Giu-đa vốn không được phép giao thông với người ngoại quốc hay là tới nhà họ” Phi-e-rơ đang trưng dẫn từ sự giáo dục của nhà hội. Tuy nhiên, chi tiết này không hề có trong Cựu ước, chỉ là sự diễn giải của những tu sĩ Do-Thái-Giáo.

☐ **“người ngoại quốc”** Đây là một chữ đặc biệt nữa chỉ xuất hiện duy nhất tại đây trong cả Tân ước. Lu-ca đã chọn một số chữ rất hiếm trong chương này.

1. *eusebēs*, câu 2,7, mộ đạo (xem II Phi-e-rơ 2:9)
2. *prospeinos*, câu 10, đối
3. *dienthumeomai*, câu 19, ngấm nghĩ
4. *sunomileō*, câu 27, nói chuyện
5. *athemiton*, câu 28, bất hợp pháp
6. *allophulō*, câu 28, người ngoại quốc
7. *anantirrētos*, câu 29, chẳng ngại gì (xem Công 19:36)
8. *prosōpolēemptēs*, câu 34, chẳng vị nể ai (trương tự như trong Rô-ma 2:11; Ê-phê-sô 6:9; Gia-cơ 2:19)
9. *katadumasteuō*, câu 38, ức hiếp (xem Gia-cơ 2:6)
10. *procheirotoneō*, câu 41, đã chọn trước

Không rõ khi Lu-ca ghi lại những bài giảng đầu tiên cùng với những sự kiện trong sách Công-vụ là dựa trên những nguồn tài liệu hay là từ những phỏng vấn trực tiếp với các nhân vật, nhân chứng được đề cập.

☐ **“nhưng Đức Chúa Trời đã tỏ cho ta biết chẳng nên coi một người nào là ô uế hay chẳng sạch”** Đến đây thì Phi-e-rơ hiểu được sứ điệp. Những thú vật trong bức khăn đại diện cho nhân loại, mọi chủng tộc, họ được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 1:26-27). Tình yêu Chúa dành cho Cột-nây cùng với gia đình và bạn hữu bày tỏ cho Phi-e-rơ phạm vi toàn cầu của Phúc âm. Điều này xác nhận lời chứng của Phi-líp và Ê-tiên.

BẢN NASB 10:30-33

³⁰ Cột-nây trả lời rằng: **Đã bốn ngày nay, nhằm giờ thứ chín, tôi đương ở nhà cầu nguyện, thỉnh linh có một người mặc áo sáng lòà, hiện ra trước mặt tôi, ³¹ mà phán rằng: Hỡi Cột-nây, lời cầu nguyện ngươi đã được nhậm, Đức Chúa Trời đã ghi nhớ việc bố thí của ngươi. ³² Vậy, ngươi hãy sai đến thành Gióp-bê, mời Si-môn, là Phi-e-rơ đến đây: người đương tại nhà Si-môn, thợ thuộc da, gần biển. ³³ Tức thì tôi sai tìm ông, mà ông đến đây là rất phải. Vậy bây giờ, thay thầy chúng tôi đang ở trước mặt Đức Chúa Trời, để nghe mọi điều Chúa đã dặn ông nói cho chúng tôi.**

10:30 “mặc áo sáng lòà” Thiên sứ thường xuất hiện trong hình dạng này (xem 1:10; Ma-thi-ơ 28:3; Mác 16:5; Giăng 20:12; Lu-ca 24:4).

10:31 Đây là lần thứ ba trong chương này, lòng mộ đạo của Cột-nây được xác nhận (xem câu 4,22). Cột-nây không phải là sự ngạc nhiên nhưng chính những bạn hữu, gia nhân và gia đình cũng tin Chúa tạo nên sự ngạc nhiên. Đây là một trong vài ví dụ “cả nhà được cứu” của sách Công-vụ.

Những ai lớn lên trong mô hình truyền giáo Tây phương nhấn mạnh đến sự đáp ứng tự nguyện cá nhân sẽ thấy ngạc nhiên với những đáp ứng tập thể giống như trường hợp này; nhưng phần lớn thế giới có định hướng tập thể theo gia đình hay bộ tộc. Đức Chúa Trời có thể làm việc qua nhiều hình thức để đến với nhân loại được dựng theo hình ảnh Ngài. Không thể chỉ có duy nhất một cách thức truyền giảng.

10:33 Những người này sẵn sàng để lắng nghe. Họ nhận thức rằng họ đang được dự phần trong khoảnh khắc thiên thượng với sứ giả từ Chúa sai đến.

BẢN NASB 10: 34-43

³⁴ Phi-e-rơ bèn mở miệng nói rằng: Quả thật, ta biết Đức Chúa Trời chẳng vị nể ai, ³⁵ nhưng trong các dân, hễ ai kính sợ Ngài và làm sự công bình, thì nấy được đẹp lòng Chúa. ³⁶ Ấy là lời Ngài đã phán cùng con cái Y-sơ-ra-ên, khi rao giảng tin lành về sự bình an bởi Đức Chúa Giê-xu-Christ, tức là Chúa của loài người. ³⁷ Việc đã bắt đầu từ xứ Ga-li-lê rồi tràn ra trong cả xứ Giu-đê, kể sau Giảng đã giảng ra phép báp-tem, thì các người biết rồi; ³⁸ thế nào Đức Chúa Trời đã xức cho Đức Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét bằng Đức Thánh Linh và quyền phép, rồi Ngài đi từ nơi nọ qua chỗ kia làm phước và chữa lành hết thấy những người bị ma quỷ ức hiếp; vì Đức Chúa Trời ở cùng Ngài. ³⁹ Chúng ta từng chứng kiến về mọi điều Ngài đã làm trong xứ người Giu-đa và tại thành Giê-ru-sa-lem. Chúng đã treo Ngài trên cây gỗ mà giết đi. ⁴⁰ Nhưng ngày thứ ba, Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại, lại cho Ngài được tỏ ra, ⁴¹ chẳng hiện ra với cả dân chúng, nhưng với những kẻ làm chứng mà Đức Chúa Trời đã chọn trước, tức là với chúng ta, là kẻ đã ăn uống cùng Ngài, sau khi Ngài từ trong kẻ chết sống lại. ⁴² Lại Ngài đã biểu chúng ta khá giảng dạy cho dân chúng, và chúng quyết chính Ngài là Đấng Đức Chúa Trời đã lập lên để đoán xét kẻ sống và kẻ chết. ⁴³ Hết thấy các đấng tiên tri đều làm chứng nầy về Ngài rằng hễ ai tin Ngài thì được sự tha tội vì danh Ngài.

10:34 “Đức Chúa Trời chẳng vị nể ai” Đây là mở đầu bài giảng của Phi-e-rơ cho Cọt-nây. Nó là một kiểu mẫu thích hợp cho Hội thánh ban đầu rao giảng cho người ngoại bang. Trong Cựu ước, cụm từ pháp lý này bày tỏ bản chất của Đức Chúa Trời (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:17; II Sử-ký 19:7) và cũng là điều đòi hỏi nơi dân sự Ngài (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:17; 16:19). Cụm từ này cũng là một cách thông thường mô tả tính cách của Đức Chúa Trời trong Tân ước (xem Rô-ma. 2:11; Ga-la-ti 2:6; Ê-phê-sô. 6:9; Cô-lô-se. 3:24-25; I Phi-e-rơ 1:17). Trong Cựu ước, cụm từ này có nghĩa đen là “nâng mặt lên”. Trong tòa án Do Thái, bị cáo phải cúi đầu xuống để quan tòa không thể nhận dạng mà thiên vị.

Đức Chúa Trời không thiên vị một đất nước, chủng tộc hay cá nhân nào. Nếu điều này đúng thì làm sao có thể lý giải sự tiền định? Hay là tại sao dân Do Thái đặc biệt? Cần phải cân trọng với hệ thống thần học hiện đại.

10:35 “trong các dân, hễ ai kính sợ Ngài và làm sự công bình, thì nấy được đẹp lòng Chúa.” Sự mô tả này không ám chỉ khái niệm cứu rỗi tâm linh, nhưng là hàm ý sự bố thí, cầu nguyện, và lòng mộ đạo. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 3:2. Cụm từ này cần phải được quân bình trong phương diện thần học với việc tiếp nhận Phúc âm (xem Giảng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13).

Chân lý chính yếu đó là Đức Chúa Trời chấp nhận người ngoại bang không phải bởi vì họ trở thành người hoàn toàn cải đạo. Điểm này mở màn cho những tranh luận thần học trong Công-vụ 15 tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem.

10:36 “Ấy là lời Ngài đã phán cùng con cái Y-sơ-ra-ên” Tại đây không có ý chỉ về Cựu ước, nhưng mà là sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu và các sứ đồ.

☐ **“rao giảng tin lành về sự bình an bởi Đức Chúa Giê-xu-Christ”** Đây có thể là sự ám chỉ đến Ê-sai 52:7. Chữ “bình an” được sử dụng với ba cách trong Tân ước: (1) bình an giữa Đức Chúa Trời và nhân loại (xem Cô-lô-sê 1:20); (2) sự bình an chủ quan của mỗi tín hữu (xem Giảng 14:27; 16:33, Phi-líp 4); và (3) sự bình an giữa những nhóm người đáp ứng với Đấng Christ (xem Ê-phê-sô 2:14-3:6; Cô-lô-se 3:16). Mọi rào cản của con người bị phá đổ trong Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11)

☐ **“Chúa của loài người”** Đây là chi tiết phổ quát của sứ điệp và lời mời gọi trong Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ nghe như vẫn còn quá cấp tiến cho môi miệng của người Do Thái chính thống (xem

Công-vụ 2:36; Ma-thi-ơ 28:18; Rô-ma 10:12; Ê-phê-sô 1:20-22; Cô-lô-se 2:10; I Phi-e-rơ 3:22). Ngài là Chúa của mọi chủng tộc và mọi loài (nghĩa là chủ quyền trên cả vũ trụ).

10:37,39 “Việc đã bắt đầu...thì các người biết rồi” Phi-e-rơ sử dụng dần ý giống như trong bài giảng Lễ Ngũ Tuần (xem 2:22,33). Họ đã nghe về Đức Chúa Giê-xu và những gì xảy đến cho Ngài tại Giê-ru-sa-lem.

Có người sẽ tự hỏi rằng làm thế nào mà người này biết hết những thông tin đó. Phi-e-rơ có đang sử dụng cách nói cường điệu không? Những người này có liên hệ gì đến những sự kiện ở Giê-ru-sa-lem không? Trong số những gia nhân trong gia đình này có ai là người Do Thái không? Lời văn tại đây quá vắn tắt và chúng ta không thể trả lời được.

Có một số người sử dụng bài giảng để có những nhận định sau:

1. Chính Lu-ca đã viết mọi bài giảng trong Công-vụ (nhưng Lu-ca là một văn sĩ tiếng Hy Lạp Koine tài ba mà câu 36-38 thì lại không phải là tiếng Hy Lạp chuẩn xác, chấp nhận được).
2. Lu-ca trung thực với những nguồn tư liệu, trích dẫn những nguồn tư liệu mà không sửa lỗi văn phạm.
3. Cụm từ này có ý là để giúp cho những độc giả về sau của sách Công-vụ có thể hiểu (xem *The Jerome Commentary*, vol. II, trang 189).

10:37 “sau lễ báp-tem của Giăng” Lý do Đức Chúa Giê-xu chịu báp-tem trở thành điểm lưu tâm của những tín hữu là vì lễ báp-tem của Giăng là lễ báp-tem của sự ăn năn tội. Đức Chúa Giê-xu không cần phải ăn năn hay nhận sự tha thứ bởi vì Ngài vô tội (xem II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 2:22; I Giăng 3:5). Có những giả thuyết đặt ra: (1) đó là khuôn mẫu để những tín hữu làm theo; (2) bày tỏ sự xác nhận của Ngài đối với nhu cầu của những tín hữu; (3) đó là sự phong chức và trang bị cho chức vụ của Đức Chúa Giê-xu; (4) đó là dấu hiệu cho công tác cứu chuộc của Ngài; (5) đó là sự chấp thuận của Ngài đối với chức vụ và sứ điệp của Giăng Báp-tít; hoặc (6) đó là hình bóng tiên tri của sự chết, chôn và sống lại của Chúa (xem Rô-ma 6:4; Cô-lô-se 2:12).

Lễ báp-tem của Giăng được xem như điểm khởi đầu cho chức vụ được đầy đầy Đức Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu. Cả ba sách Tin Lành Cộng Quan đều ghi lại sự kiện “nhậm chức” này. Mác bắt đầu sách Phúc âm của mình (theo lời kể của Phi-e-rơ) với sự kiện này. Sự kiện này được Hội thánh ban đầu xem như là thời điểm khởi đầu đặc biệt cho thời đại mới của Đức Thánh Linh trong sự liên hệ với chức vụ công khai của Đức Chúa Giê-xu.

10:38 “thế nào Đức Chúa Trời đã xúc cho Đức Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét bằng Đức Thánh Linh và quyền phép” Lưu ý những điểm Phi-e-rơ xác nhận về Đức Chúa Giê-xu.

1. Ngài được Đức Chúa Trời xúc dầu (“xúc dầu” là từ gốc trong tiếng Do Thái của chữ Mết-si-a)
2. bằng Đức Thánh Linh (thời đại mới là thời kỳ của Đức Thánh Linh)
3. bằng quyền phép (chức vụ hữu hiệu)
 - a. làm việc lành
 - b. chữa lành cho mọi người bị quỷ ám (thắng hơn quyền của quỷ và Sa-tan)
4. Đức Chúa Trời ở với Ngài (Ngài phán và hành động đại diện cho YHWH)

Đường như chi tiết này chỉ về lễ báp-tem của Đức Chúa Giê-xu (xem F. F. Bruce, *Answers to Questions*, trang 171-172). Robert B. Girdlestone, trong quyển *Synonyms of the Old Testament*, đưa ra sự nhận xét thú vị:

“Động từ *χρίεν* được sử dụng năm lần trong Tân ước. Bốn trong năm lần thì nó chỉ rằng Đấng Christ được Cha Ngài xúc dầu, trong Lu-ca 4:18, trích dẫn từ Ê-sai 61:1; Hê-bơ-rơ 1:9, trích dẫn từ Thi Thiên 45:7; Công-vụ 4:27, khi nó được dùng trong sự tham khảo đặc biệt trích dẫn từ Thi Thiên thứ hai, ngay trước đó; và trong Công-vụ 10:38, cho biết Đức Chúa Trời xúc dầu cho Đức Chúa Giê-xu bằng Đức Thánh Linh (trang 183). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kerygma tại 2:14

10:39 “Chúng đã treo Ngài trên cây gỗ mà giết đi.” “Họ” tại đây ám chỉ những lãnh đạo Do Thái, đám đông và nhà cầm quyền La mã. Xem ghi chú ở 2:23. Khái niệm treo trên cây gỗ được đề cập trong 5:30

và phản hồi Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23 (có ý nghĩa nguyên thủy là treo lên cây cọc sau khi đã chết để sỉ nhục, những tu sĩ Do-Thái-Giáo trong thời Đức Chúa Giê-xu giải nghĩa rằng đó là hình phạt đóng đinh của người La mã), bởi đó Đức Chúa Giê-xu gánh lấy sự rửa sả của luật pháp Cựu ước (xem Ê-sai 53) cho chúng ta (xem Ga-la-ti 3:13).

10:40 “Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại” Tân ước chứng nhận rằng cả ba ngôi Đức Chúa Trời cùng hành động trong sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu: (1) Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:11); (2) Đức Chúa Giê-xu (Giăng 2:19-22; 10:17-18); và (3) Đức Chúa Cha (Công-vụ 2:24,32; 3:15,25; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 27:31; Rô-ma 6:4,9). Điều này chứng thực chân lý trong đời sống của Đức Chúa Giê-xu, sự chết và sự giảng dạy về Đức Chúa Trời. Đây là khía cạnh chính của *Kerygma* (nghĩa là những bài giảng trong sách Công-vụ).

▣ **“ngày thứ ba”** Dựa theo I Cô-rinh-tô 15:4, có một số người liên kết câu Kinh thánh này với Thi-thiên 16:10 hay Ô-sê 6:2, nhưng có lẽ chính xác hơn là Giô-na 1:17 bởi vì Ma-thi-ơ 12:40.

▣ **“lại cho Ngài được tỏ ra, chẳng hiện ra với cả dân chúng”** Đức Chúa Giê-xu đã hiện ra với nhiều nhóm người được chọn (xem Giăng 14:19, 24; 15:27; 16:16, 22; I Cô-rinh-tô 15:5-9).

10:41 “là kẻ đã ăn uống cùng Ngài, sau khi Ngài từ trong kẻ chết sống lại.” Mặc dù thân thể phục sinh của Đức Chúa Giê-xu không cần sự nuôi dưỡng thể xác, Ngài đã ăn và uống để bày tỏ cho những nhân chứng rằng Ngài là thật và thể hiện mối thông công với họ (xem Lu-ca 24:35, 41-43; Giăng 21:9-13).

10:42 “Ngài đã biểu chúng ta khá giảng dạy cho dân chúng” Tại đây đại từ chỉ về Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47-48; Công-vụ 1:8; Giăng 15:27). Lời chứng này bắt đầu từ Giê-ru-sa-lem nhưng lan truyền đến cùng thế giới.

▣ **“đoán xét kẻ sống và kẻ chết.”** Đấng Christ là đại diện của Đức Chúa Cha trong sự đoán xét (xem Đa-ni-ên 7:13-14; Giăng 5:22,27; Công-vụ 17:31; II Cô-rinh-tô 5:10; II Ti-mô-thê 4:1; I Phi-e-rơ 4:5) cũng như Ngài là đại diện của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo (xem Giăng 1:3; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2). Đức Chúa Giê-xu không đến để đoán xét nhưng để cứu rỗi (xem Giăng 3:17-19).

Cụm từ “sống và chết” chỉ về sự phán xét lại thể, khi Đức Chúa Giê-xu đến lần thứ hai. Một số tín hữu còn đang sống trong lúc đó (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).

10:43 “hết thấy các đấng tiên tri đều làm chứng nầy về Ngài” Đức Chúa Giê-xu bày tỏ cho hai môn đồ trên con đường Ê-ma-út (chỉ có ghi lại trong Lu-ca 24:13-35) phân đoạn và cách mà Cựu ước chỉ về chính Ngài. Hai môn đồ này kể lại cho những sứ đồ trên phòng cao và những dữ kiện này trở thành phương pháp chuẩn mực để làm chứng cho người Do Thái (xem 3:18).

▣ **“trong danh Ngài”** (xem Giô-ên 2:32 và Lu-ca 24:47)

▣ **“hễ ai tin Ngài thì được sự tha tội”** Đây chính là sứ điệp Phúc âm:

1. hễ ai
2. bởi danh Ngài
3. ai tin Ngài
4. nhận sự tha tội

Sứ điệp Phúc âm chú trọng vào Đức Chúa Giê-xu, chứ không phải chú trọng vào nỗ lực của con người. Mọi điều cần làm để cứu mọi người, hay bất cứ ai muốn có sự cứu rỗi, đều đã được làm trọn. Đức Chúa Trời đã chọn tác động đến con người qua giao ước. Ngài đã khởi đầu, sắp đặt chương trình, nhưng Ngài cũng đòi hỏi con người đáp ứng lại bằng sự ăn năn, đức tin, vâng phục và bền đỗ. Con người phải nhận tặng phẩm của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Đây không phải là một sự chuyển giao tự động.

Frank Stagg, trong *New Testament Theology*, có nhận xét thú vị về sự tha thứ và mối liên hệ giả định của nó với sự ăn năn.

“Sự tha tội đòi hỏi một nhận thức mới về tội lỗi và một sự phân rẽ khỏi nó. Sự tha thứ và thanh tẩy được đảm bảo bởi sự xưng tội (I Giăng 1:9), nhưng không có lời hứa nào dành cho trường hợp không có sự xưng tội. Tại nhà của Cọt-nây, Phi-e-ơ đã liên kết sự tha thứ với đức tin, công bố rằng Đấng (Đức Chúa Giê-xu) được tất cả các tiên tri làm chứng rằng: “hễ ai tin Ngài thì được sự tha tội vì danh Ngài” (Công-vụ 10:43). Theo như chân lý này, cùng với sự ăn năn và xưng tội, mọi người đều phải thừa nhận rồi sau đó từ bỏ tội lỗi mình. Điều này không có nghĩa rằng sự ăn năn *chinh phục* sự tha tội; ngay cả sự ăn năn cũng không thể khiến một ai xứng đáng với sự tha tội. Hay nói một cách khác, tội nhân phải thừa nhận sự hư mất của mình rồi sau đó chấp thuận mình được chấp nhận dù biết rằng mình không đáng được chấp nhận. Tội nhân *không thể* tha thứ được cho đến khi sẵn lòng chấp nhận sự khước từ của Chúa để được nghe sự chấp nhận của Ngài” (trang 94).

BẢN NASB 10:44-48

⁴⁴ Khi Phi-e-ơ đương nói, thì Đức Thánh Linh giáng trên mọi người nghe đạo. ⁴⁵ Các tín đồ đã chịu phép cắt bì, là người kẻ đồng đến với Phi-e-ơ, đều lấy làm lạ, vì thấy sự ban cho Đức Thánh Linh cũng đổ ra trên người ngoại nữa. ⁴⁶ Vì các tín đồ nghe họ nói tiếng ngoại quốc và khen ngợi Đức Chúa Trời. ⁴⁷ Bấy giờ Phi-e-ơ lại cất tiếng nói rằng: Người ta có thể từ chối nước về phép báp-tem cho những kẻ đã nhận lấy Đức Thánh Linh cũng như chúng ta chẳng? ⁴⁸ Người lại truyền làm phép báp-tem cho họ nphon danh Đức Chúa Giê-xu Christ. Họ bèn nài người ở lại với mình một vài ngày.

10:44 Lưu ý rằng khi Phi-e-ơ chưa chấm dứt bài giảng thì Đức Thánh Linh giáng xuống (xem 8:16-17; 10:44; 11:15).

▣ **“giáng trên mọi người nghe đạo.”** Sự tranh luận thần học thật sự không phải vì Cọt-nây, vì ông đã hoàn toàn được chấp nhận trong nhà hội; nhưng là vì những bạn hữu của ông. Họ dường như không có một liên hệ nào trước đó ngay cả với Do-Thái-Giáo, nhưng bây giờ Đức Chúa Trời hoàn toàn chấp nhận họ. Sự chấp nhận này được chứng tỏ và củng cố bởi cùng một cách thức bày tỏ quyền phép thiêng liêng và dấu hiệu giống như tại Lễ Ngũ Tuần.

Cũng cần phải lưu ý về thứ tự diễn ra của sự kiện, Đức Thánh Linh giáng xuống trước lễ báp-tem, chứ không phải cùng một lúc (xem 2:38) hay sau đó (xem 8:17). Lu-ca ghi lại những gì đã xảy ra, chứ không phải những gì “đáng lẽ phải” xảy ra. Cần phải cẩn trọng tránh biến những sự kiện Phúc âm được ghi lại trong sách Công-vụ thành những cản trở cho Phúc âm.

10:45 Cùng một cách thức bày tỏ siêu nhiên của Đức Thánh Linh (xem câu 46) đã xuất hiện trong Lễ Ngũ Tuần, nay lặp lại cho người La mã. Dấu hiệu đặc biệt này không chỉ dành cho Cọt-nây và bạn hữu mà thôi, nhưng trước hết là để cho những tín hữu chịu cắt bì (xem câu 47). Nó bày tỏ một cách mạnh mẽ, không thể chối cãi rằng Đức Chúa Trời đã chấp nhận người ngoại bang (xem 11:17) kể cả người La mã.

Lu-ca đang chuẩn bị bối cảnh cho Công-vụ 15, Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem. Cả Phi-e-ơ và Phao-lô đều đã được thuyết phục cùng với những tín hữu Do Thái nói tiếng Hy Lạp rằng Đức Chúa Trời đã hoàn toàn chấp nhận người ngoại bang qua đấng Christ.

▣ **“sự ban cho Đức Thánh Linh”** Chức vụ của Đức Thánh Linh được trình bày rõ ràng trong Giăng 16:8-14. Theo đó, cáo trách tội lỗi là một sự ban cho từ Đức Thánh Linh. Sự cứu rỗi cũng là sự ban cho từ Đức Thánh Linh. Sự ngự bên trong cũng là một sự ban cho từ Đức Thánh Linh. Đây là thời kỳ mới của Đức Thánh Linh. Không có điều chi bền vững và hữu hiệu xảy ra mà không có sự hiện diện và quyền năng của Đức Thánh Linh.

▣ “**đổ ra**” Đây là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). “Đổ ra” là một phần trong trình tự tế lễ trong Cựu ước. Đức Thánh Linh đã được báo trước trong Giô-ên 2:28 và được Phi-e-rơ trích dẫn trong bài giảng Lễ Ngũ Tuần (xem 2:17,33). Đức Chúa Trời đã ban Đức Thánh Linh cho những người tin Ngài hoàn toàn và vĩnh viễn.

10:47 Đây là câu hỏi tu từ cho một câu trả lời phủ nhận. Câu hỏi này là để thu phục sự đồng lòng của những tín hữu Do Thái đồng đi với Phi-e-rơ từ Gióp-bê.

10:48 “**Người lại truyền làm phép báp-tem cho họ nơh danh Đức Chúa Giê-xu Christ.**” Lưu ý rằng tại đây phép báp-tem được tổ chức ngay lập tức và nó được cử hành trong danh Đức Chúa Giê-xu giống như trong 2:38 và 19:5. Nghi thức báp-tem trong sách Công-vụ là trong danh Đức Chúa Giê-xu, trong khi tại Ma-thi-ơ 28:19 là trong danh Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Thế thức không phải là điểm chính yếu nhưng mà là tấm lòng của những người nhận lễ báp-tem.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao sự cứu rỗi của Cọt-nây lại quan trọng?
2. Trải nghiệm cứu rỗi của Cọt-nây giống Phao-lô như thế nào?
3. Khái tượng tấm khăn đầy thú vật cùng với lời nhận định của Phi-e-rơ có điểm thần học quan trọng nào liên hệ đến Cọt-nây?
4. Tại sao sự cải đạo của những bạn hữu Cọt-nây tạo nên nan đề ?
5. Lập dàn ý bài giảng của Phi-e-rơ và so sánh nó với những sự kiện cứu rỗi khác trong sách Công-vụ. Tất cả đều khác biệt nhưng lại giống nhau.

CÔNG VỤ ĐOẠN 11

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Báo cáo của Phi-e-rơ cho Hội thánh Giê-ru-sa-lem 11:1-18	Phi-e-rơ bênh vực cho ân điển của Đức Chúa Trời 11:1-18	Lời bào chữa của Phi-e-rơ 11:1-18	Báo cáo của Phi-e-rơ cho Hội thánh Giê-ru-sa-lem 11:1-4 11:5-17 11:18	Giê-ru-sa-lem: Phi-e-rơ bào chữa cho việc làm của mình 11:1-10 11:11-14 11:15-17 11:18
Hội thánh tại An-ti-ốt 11:19-26	Ba-na-ba và Sau-lơ tại An-ti-ốt 11:19-26	Giáo vụ cho người Hy lạp tại An-ti-ốt 11:19-26	Hội thánh tại An-ti-ốt 11:19-26	Nền tảng của Hội thánh tại An-ti-ốt 11:19-21 11:22-24 11:25-26
11:27-30	Cứu trợ Giu-đê 11:27-30	Cứu đời gọi đến Giê-ru-sa-lem 11:27-30	11:27-30	Ba-na-ba và Sau-lơ được gọi đi làm đại diện cho hội thánh Giê-ru-sa-lem 11:27-30

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 11:1-18

¹ Các sứ đồ và anh em ở xứ Giu-đê nghe tin người ngoại cũng đã nhận lấy đạo Đức Chúa Trời. ² Khi Phi-e-rơ đã trở lên thành Giê-ru-sa-lem, có người tín đồ vốn chịu phép cắt bì trách móc người, ³ rằng: Người đã vào nhà kẻ chưa chịu phép cắt-bì, và ăn chung với họ! ⁴ Nhưng Phi-e-rơ đem mọi sự đã qua thuật cho họ theo thứ tự và từng điều, ⁵ rằng: Ta đương cầu nguyện trong thành Gióp-bê, lúc đó ta bị ngất trí đi, thấy sự hiện thấy: có vật gì giống như cái khăn lớn, níu bốn chéo lên, từ trên trời sa xuống đến tận ta. ⁶ Ta xem xét kỹ càng, thấy trong đó có các loài thú bốn cẳng trên đất, các thú rừng, các côn trùng và các loài chim trên trời. ⁷ Ta lại nghe có tiếng phán rằng: Hỡi Phi-e-rơ, hãy chớ dậy, giết thịt và ăn. ⁸ Ta thưa rằng: Lạy Chúa, chẳng vậy; vì không bao giờ có vật chi dơ dáy hay chẳng sạch vào miệng tôi đâu. ⁹ Tiếng từ trời phán cùng ta lần thứ hai mà rằng: Chớ coi điều Chúa đã làm cho tinh sạch như là dơ dáy. ¹⁰ Lời đó lặp lại ba lần, đoạn, thay thay đều thả lại lên trời. ¹¹ Kia, cũng một lúc đó, ba người ở thành Sê-sa-rê chịu sai đến cùng ta, đã tới tận cửa nhà ta ở. ¹² Đức Thánh Linh truyền cho ta phải đi với ba người ấy, đừng nghỉ ngơi gì. Này, sáu người anh em dây đồng đi với ta, và chúng ta đều vào trong nhà Cọt-nây. ¹³ Người này thuật lại cho ta thể nào tại nhà mình đã thấy một thiên sứ hiện đến và phán rằng: Hãy sai tới thành Gióp-bê, mời Si-môn cũng gọi là Phi-e-rơ đến đây. ¹⁴ Người ấy sẽ nói cho người những lời, mà nhờ đó người và cả nhà mình sẽ được cứu rỗi. ¹⁵ Ta mới khởi sự nói, thì có Đức Thánh Linh giảng trên họ, cũng như ban đầu Ngài đã giảng trên chúng ta. ¹⁶ Ta bèn nhớ lại lời Chúa đã truyền rằng: Giảng đã làm phép báp-tem bằng nước; nhưng các người sẽ chịu phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh. ¹⁷ Vậy, nếu Đức Chúa Trời đã ban cho họ cũng một ơn như cho chúng ta, là kẻ đã tin đến Đức Chúa Giê-xu Christ, thì ta là ai, mà ngăn trở Đức Chúa Trời được? ¹⁸ Tín đồ nghe bấy nhiêu lời xong, đều thỏa thuận và ngợi khen Đức Chúa Trời, rằng: Vậy Đức Chúa Trời cũng đã ban sự ăn năn cho người ngoại để họ được sự sống!

11:1 Câu Kinh thánh này cho biết lãnh đạo trong Hội thánh kinh ngạc với diễn biến của sự kiện. Họ bị chần động và không hoàn toàn ủng hộ. Họ vẫn chưa thật sự hiểu Đại Mạng Lệnh (xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8).

▣ **“anh em”** Đây là một danh hiệu ban đầu của những tín hữu nhân mạnh tính liên hệ gia đình (xem 1:15; 6:3; 9:30; 10:23; 11:1,12, 29; 12:17; 14:2; 15:1,3,22,23,32-33,40; 16:2,40; 17:6,10,14; 18:18,27; 21:7,17; 22:5; 28:14-15). Là một Cơ-Độc-Nhân có nghĩa là trở thành một phần trong gia đình.

▣ **“ở xứ Giu-đê”** Chi tiết này bày tỏ giới hạn địa lý của Hội thánh cho đến thời điểm này. Ngay cả sau nhiều năm, Hội thánh vẫn không vượt qua những rào cản văn hóa. Mạng lệnh của Đức Chúa Giê-xu trong 1:8 chưa được vâng phục.

▣ **“người ngoại cũng đã nhận lấy đạo Đức Chúa Trời”** Đây là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE (deponent) INDICATIVE). Nó chứng tỏ tính thiết yếu của việc tiếp nhận sứ điệp Phúc âm cách cá nhân (xem Giảng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13; Ê-phê-sô 2:8-9).

Cụm từ “lời Đức Chúa Trời” tương đương với “Phúc âm”. Những lời hứa/tiên tri của Cựu ước được làm trọn.

11:2 “Khi Phi-e-rơ đã trở lên thành Giê-ru-sa-lem” Có vẻ như vấn đề với giáo vụ cho người ngoại bang được tiếp tục trong chương 15, là một nan đề tái diễn thường xuyên cho lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem

của Hội thánh ban đầu. Nhiều người cải đạo sang Cơ-Đốc-Giáo nhưng vẫn còn giữ chủ nghĩa dân tộc (xem 15:5; 21:18-26).



NASB “những người chịu cắt bì”
NKJV “những người cắt bì”
NRSV, NJB “những người tín hữu cắt bì”
TEV “những người muốn cắt bì người ngoại bang”
Williams “những người bênh vục phép cắt bì”

Cụm từ này được sử dụng trong nhiều nghĩa: (1) trong 10:45 để mô tả sáu người Do Thái đồng hành với Phi-e-rơ; (2) tại đây, nó chỉ về một nhóm tín hữu của Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem (xem 11:18); và (3) trong Ga-la-ti, cụm từ này dùng cho cả những tín hữu tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem 2:12) cũng như những người Do Thái không tin (xem 1:7; 2:4; 5:10,12).

Không có một nghi vấn gì về sự ngay thẳng cũng như lập luận của những tín hữu này. Tuy nhiên, đặc tính cấp tiến của Phúc âm đã mở cửa cho tất cả mọi người hoàn toàn bị loại bỏ theo luật Môi-se. Đây là sứ điệp (ân điển chứ không phải việc làm dẫn đến sự cứu rỗi) mà nhiều tín hữu hiện nay cần được nghe và chú tâm nghe.



NASB “trách móc”
NKJV “tranh cãi”
NRSV, TEV “chỉ trích”
NJB “phản đối”

Đây là **CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE)**. Hình thức ngữ pháp này có thể ám chỉ cho hành động lặp lại trong quá khứ hay là sự bắt đầu của một hành động. Lưu ý rằng những tín hữu truyền thống này trách móc Phi-e-rơ, chứ không phải Phúc âm. Họ không nhận thấy đây là một vấn đề Phúc âm.

11:3 “Người đã vào nhà kẻ chưa chịu phép cắt-bì, và ăn chung với họ” Hiển nhiên, Phi-e-rơ không phải là dạng người lãnh đạo không thể bị chất vấn. Về mặt ngữ pháp, câu này có thể là lời tuyên bố nhưng cũng có thể là một câu hỏi (NRSV).

Thông công, cùng ăn chung là một vấn đề vô cùng quan trọng cho người Do Thái. Đây có thể chính là lý do ẩn sau những luật về thức ăn trong Lê-vi-ký 11. Người Do Thái không tham dự chung bất cứ sự kiện xã hội nào với người Ca-na-an. Ăn chung trong vùng Cận Đông cổ đại là một dạng của kết ước thông công. Đức Chúa Giê-xu đã từng bị cáo buộc tương tự vì vi phạm truyền thống trong Ma-thi-ơ 9:11; 11:19; Lu-ca 5:30; 15:2.

Phi-e-rơ tranh chiến với vấn đề này trong chức vụ của ông (xem Ga-la-ti 2:12). Quả thật, đây là một vấn đề vô cùng nhạy cảm đối với những tín hữu ban đầu. Thay đổi truyền thống, văn hóa và sở thích cá nhân là một việc vô cùng khó khăn, nhưng đó chính là điều Phúc âm đòi hỏi chúng ta thực hiện (xem I Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:23-29; Cô-lô-se 3:11).

11:4-18 Phi-e-rơ kể lại sự kiện xảy ra tại nhà Si-môn và nhà Cọt-nây (Công-vụ 10) cho những lãnh đạo Do Thái tại Giê-ru-sa-lem. Sự lặp lại (xem Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong chương 15) là cách Lu-ca bày tỏ tầm quan trọng của vấn đề này (truyền giáo toàn cầu) chính là sự sống còn của Hội thánh.

11:4

NASB “theo thứ tự”
NKJV “từ đầu”
NRSV “tuần tự”
TEV “đầy đủ sự kiện”
NJB “đầy đủ chi tiết”

Chỉ có Lu-ca sử dụng chữ *kathexēs* trong Tân ước (xem Lu-ca 1:3; 8:1; Công-vụ 3:24; 11:4; 18:23). Nó có nghĩa rộng dùng để giải thích điều gì đó trong lập luận, thời gian hay là theo trình tự. Đặc điểm này phù hợp với cá tính, huấn luyện chuyên môn (bác sĩ) và phương pháp nghiên cứu của Lu-ca (xem Lu-ca 1:1-4).

11:6 “xem xét kỹ càng” Xem ghi chú ở 1:10.

11:12

NASB “không nghi ngại”

NKJV “không nghi ngờ”

NRSV “không phân biệt”

TEV “không do dự”

NJB “không lưỡng lự”

Có một vài khác biệt trong các bản chép tay tiếng Hy Lạp liên kết với dạng (VOICE) của động tính từ (PARTICIPLE) này CHỦ ĐỘNG hoặc là TRUNG CẤP (ACTIVE or MIDDLE). Thậm chí nó còn bị lược bỏ trong bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁴⁵ và D. Một phần của vấn đề là một trong các sự lựa chọn đã xuất hiện trước đó trong 10:20, là phân đoạn tương tự với khúc Kinh thánh này. Những nhà chép kinh có xu hướng làm cho đồng nhất những khúc Kinh thánh tương tự. Cũng giống như phần nhiều những điểm khác biệt trong chi tiết về bản văn Tân ước, những khác biệt này không ảnh hưởng đến ý nghĩa của cụm từ.

11:14 “sẽ được cứu rỗi” Lòng mộ đạo và sự bố thí của Cọt-nây không làm ông trở thành Cơ-Đốc-Nhân.

11:15 Câu Kinh thánh này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xem xét mục đích của việc lặp lại những kinh nghiệm của Lễ Ngũ Tuần trong sách Công-vụ. Đức Chúa Trời sử dụng chính kinh nghiệm mở đầu tại Giê-ru-sa-lem để chứng tỏ sự chấp thuận của Ngài đối với những nhóm khác biệt về chủng tộc, địa lý hay văn hóa (xem câu 17). Kinh nghiệm này không phải chỉ cho Cọt-nây nhưng còn cho (1) Phi-e-rơ; (2) những người tín hữu Do Thái đồng hành; và (3) Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem.

11:16 “Ta bèn nhớ lại lời Chúa” Tại đây trình bày khuôn mẫu tiếp cận thần học của các sứ đồ: trung dẫn Đức Chúa Giê-xu, sử dụng những ví dụ của Đức Chúa Giê-xu hoặc là trung dẫn Cựu ước (xem Ma-thi-ơ 3:11; Công-vụ 1:5). Phi-e-rơ đang chứng minh rằng chính Chúa đã thấy trước sự phát triển này (dấu hiệu).

11:17 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) cho rằng quan điểm hay là mục đích của tác giả là đúng, chính xác.

▣ **“Đức Chúa Trời đã ban cho họ cũng một ơn như cho chúng ta”** Tại đây, giống như trong câu 15, liên hệ đến Lễ Ngũ Tuần (xem 2:1-4; 8:15; 10:46; 15:8). Sự cứu rỗi, giống như Đức Thánh Linh, cũng là một món quà từ Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 3:24; 5:15-17; 6:23; Ê-phê-sô 2:8).

▣ **“đã tin đến Đức Chúa Giê-xu Christ”** Tặng phẩm cần phải được tiếp nhận (xem 11:1; Giảng 1:12; Ê-phê-sô 2:8-9). Có vài giới từ trong Tân ước dùng để mô tả đức tin trong Đức Chúa Giê-xu:

1. *eipi* = trên (trong trường hợp này)

2. *eis* = vào trong

3. *en* = trong

4. *hoti* = lời tuyên bố về Đức Chúa Giê-xu

5. Tặng cách không có giới từ (DATIVE CASE without PREPOSITION)

Sự đa dạng này dường như chứng minh không có một dạng ngữ pháp cụ thể liên kết với động từ “tin” (*pisteuō*). Thông thường khía cạnh cá nhân, tình nguyện được nhấn mạnh (ngoại trừ *hoti*, là những cách thức hay nội dung của Phúc âm hay giáo lý). Đức Chúa Giê-xu là nhân vật mà con người cần phải tiếp đón vào!

11:18 “đều thỏa thuận và ngợi khen Đức Chúa Trời” Lời làm chứng của Phi-e-rơ không chỉ kết liễu sự tiêu cực, nhưng còn dẫn đến sự ngợi khen. Đa số những lãnh đạo và tín hữu ban đầu đều uyển chuyển và tiếp nhận sự giảng dạy. Họ sẵn lòng điều chỉnh tư tưởng thần học của mình để tiến theo sự dẫn dắt của Chúa.

▣ **“Đức Chúa Trời cũng đã ban sự ăn năn cho người ngoại để họ được sự sống!”** Có một số đoạn Kinh thánh Tân ước ngụ ý rằng Đức Chúa Trời tối cao là nguồn của sự ăn năn cũng như ân điển (xem Công-vụ 5:31, 8:22; II Ti-mô-thê 2:25).

Vấn đề thần học liên hệ đến cụm từ này là “quyền tối thượng của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi đối lập như thế nào với đáp ứng của con người?” Đức tin và sự ăn năn (xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21) là đáp ứng của con người hay là tặng phẩm từ Đức Chúa Trời? Có những đoạn Kinh thánh hàm ý mạnh mẽ rằng chúng là tặng phẩm từ Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 5:31; 11:18; Rô-ma 2:4; và II Ti-mô-thê 2:25). Bởi vì tôi tin rằng “cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời soi dẫn” (xem II Ti-mô-thê 3:16), vì vậy mỗi người cần phải so sánh tất cả những khúc Kinh thánh liên hệ đến những nan đề thần học, không để “tê liệt” vì một bằng chứng-bản văn hay là phương cách của hệ phái. Hiển nhiên là chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật kiểm soát mọi sự. Sách Công-vụ nhấn mạnh điểm này nhiều lần. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã chọn để liên hệ với tạo vật cao nhất của Ngài qua phương tiện giao ước. Đức Chúa Trời luôn luôn khởi đầu, lập lịch trình, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng. Nó chẳng bao giờ là câu hỏi lựa chọn hay/hoặc; nhưng là một mối liên hệ cộng gộp. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Giao Ước trong 2:46. Còn về “sự ăn năn” xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:38.

BẢN NASB 11:19-26

¹⁹ Những kẻ bị tan lạc bởi sự bắt bớ xảy đến về dịp Ê-tiên, bèn đi đến xứ Phê-ni-xi, đảo Chíp-rơ và thành An-ti-ốt, chỉ giảng đạo cho người Giu-đa thôi. ²⁰ Nhưng trong đám những người ấy có một vài người quê ở Chíp-rơ và Sy-ren đến thành An-ti-ốt, cũng giảng dạy cho người Gờ-réc nữa, truyền Tin Lành của Đức Chúa Giê-xu cho họ. ²¹ Tay Chúa ở cùng mấy người đó, nên số người tin và trở lại cùng Chúa rất nhiều. ²² Tiếng đồn thấu tai Hội thánh Giê-ru-sa-lem, hội bèn sai Ba-na-ba sang đến thành An-ti-ốt. ²³ Khi người đến nơi và thấy ơn Đức Chúa Trời, bèn vui mừng và khuyên mọi người phải cứ vững lòng theo Chúa; ²⁴ vì Ba-na-ba thật là người lành, đầy dẫy Thánh Linh và đức tin. Bấy giờ rất đông người tin theo Chúa. ²⁵ Kế đó, Ba-na-ba đi đến thành Tạt-so, để tìm Sau-lo, ²⁶ tìm gặp rồi, bèn đưa đến thành An-ti-ốt. Trọn một năm, hai người cùng nhóm với Hội-thánh và dạy dỗ nhiều người. Ấy là ở thành An-ti-ốt, người ta bắt đầu xưng môn đồ là Cơ-rê-tiên.

11:19-30 Những câu Kinh thánh này giống như đoạn nổi lịch sử và tóm tắt thần học. Chúng liên kết với 8:4.

11:19 “Những kẻ bị tan lạc bởi sự bắt bớ” Chúng ta có một vài dẫn chứng bắt bớ trong sách Công-vụ (xem 5:17ff; 6:8-15; 8:1-3; 9:1-2). Cách Ê-tiên lý giải ngụ ý cấp tiến của Phúc âm đã thúc đẩy mọi tín hữu Do Thái tại Pa-les-tin dò xét lại đức tin và chủ định Phúc âm của họ.

▣ **“An-ti-ốt”** An-ti-ốt là thành phố lớn thứ ba trong đế quốc La mã sau Rô-ma và A-léc-xan-ri-a. Thành phố này là thủ phủ của Sy-ri và có một số lượng lớn người Do Thái, nó nổi tiếng nhờ trường đại học và bị tai tiếng vì sự đồi bại tình dục. Thành phố này cũng nổi tiếng thế giới về những cuộc đua ngựa; nó sẽ trở thành trung tâm Cơ-Độc-Giáo quan trọng.

▣ **“chỉ giảng đạo cho người Giu-đa thôi”** Chi tiết này chứng tỏ Hội thánh ban đầu không rõ việc giảng đạo cho người ngoại bang có đúng hay không. Những người bảo thủ sẽ trích dẫn lời của Đức Chúa Giê-

xu trong Ma-thi-ơ 10:5, trong khi những người có khả năng thì trung dẫn Ma-thi-ơ 28:18-20 hay Công-vụ 1:8. Vấn đề thần học này sẽ đến đỉnh điểm trong Công-vụ 15.

11:20 “có một vài người quê ở Chíp-rơ và Sy-ren” Đây chính là những người tín hữu Do Thái nói tiếng Hy Lạp trong Công-vụ 6-8, họ đã giảng về tâm mức toàn cầu của Phúc âm tại Giê-ru-sa-lem. Ba-na-ba cũng xuất thân từ vùng này.

▣ **“người Gò-réc”** chữ (*Hellēn*) Thường chỉ về người ngoại bang (xem 14:1; 16:1,3; 18:4; 19:10,17; 20:21; 21:28). Tuy nhiên, trong 17:4 thì lại chỉ những người ngoại bang có liên hệ với nhà hội nhưng không phải là hội viên (những người kính sợ Chúa).

Câu hỏi đặt ra là “Lu-ca đang muốn nói đến nhóm người nào tại đây?” (1) người Do Thái nói tiếng Hy Lạp như tại 6:1 và 9:29 (*Hellēnists*) hay là (2) người ngoại bang nói tiếng Hy Lạp? Câu Kinh thánh này đang ám chỉ (1) một nhóm người Do Thái khác (xem NKJV, NRSV); (2) người ngoại bang có liên hệ với nhà hội (*Hellēn*); hay (3) người ngoại bang (xem TEV, NJB)? Với những sự rối rắm ở đây, có thể chữ này chỉ chung người nói tiếng Hy Lạp kể cả người Do Thái tha hương và người ngoại bang.

▣ **“truyền Tin Lành của Đức Chúa Giê-xu cho họ.”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE) của động từ gốc mà từ đó chúng ta có chữ “evangel” và “evangelism” trong Anh ngữ. Những sứ điệp của họ không phải là luật pháp Cựu ước, nhưng là Giê-xu người Na-xa-rét là Đấng Mết-si-a.

11:21 “Tay Chúa ở cùng mấy người đó, nên số người tin và trở lại cùng Chúa rất nhiều.” Đây lại là một câu tổng kết nữa tóm tắt những công tác vĩ đại Đức Chúa Trời thi hành qua việc truyền giảng Phúc âm. Cuối cùng, Công-vụ 1:8 được ứng nghiệm (xem câu 24b).

Có điểm thú vị cần phải lưu ý chữ “Chúa” (*Kurios*) được sử dụng lần đầu tiên trong câu này để chỉ YHWH (xem bản LXX Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14; II Sa-mu-ên 3:12; Ê-sai 59:1). Tuy nhiên, trong phần sau của câu thì nó được dùng cho Đức Chúa Giê-xu Christ. Tráo đổi danh hiệu là một kỹ xảo văn chương thường được các tác giả Tân ước dùng để xác nhận thần tính của Đức Chúa Giê-xu.

Cụm từ “tay Chúa” là một thành ngữ mô phỏng hình người của Cựu ước. YHWH là thần linh vĩnh hằng hiện hữu trong suốt thời gian và sự sáng tạo. Ngài không có thân thể vật chất. Tuy nhiên, ngôn từ của con người chỉ diễn tả tính cách cá nhân trong dạng vật chất. Chúng ta cần phải nhớ giới hạn hư mất, tạm bợ và chỉ hướng về trần gian trong ngôn ngữ con người. Nó diễn tả cõi thần linh bằng phép ẩn dụ, phép so sánh và phép phủ định. Ngôn ngữ con người có diễn đạt chân lý nhưng không thể thấu đáo, đầy đủ mọi khía cạnh. Đức Chúa Trời vượt trội hơn so với khả năng hiểu biết và diễn tả của con người. Ngài thật sự có liên lạc với loài người, nhưng mối liên lạc đó cũng không trọn vẹn. Chúng ta có thể tin cậy Kinh thánh chính là cách Đức Chúa Trời tự bày tỏ mình, nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận rằng Ngài vượt trội hơn những gì Kinh thánh trình bày. Ngôn ngữ của con người vừa bày tỏ, vừa giới hạn Đức Chúa Trời.

11:22 “Ba-na-ba” Ba-na-ba là một nhân vật quan trọng trong sách Công-vụ (xem 4:36-37; 9:27). Tên của ông có nghĩa là người an ủi, như trong câu 23. Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem vẫn không cảm thấy thoải mái về việc chấp nhận người ngoại bang. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:36.

11:23 Điều đáng để ý là lúc Ba-na-ba nhận thấy sự hiện diện của ân điển Đức Chúa Trời qua Đức Thánh Linh, ông đã khuyếch khích tất cả mọi người giữ vững đức tin. Chi tiết này bày tỏ rõ ràng sự cần thiết của yếu tố kiên trì trong sự bền đỗ của con dân Chúa. Người Do Thái và Hội thánh lúc đó rất chú tâm đến bối cảnh văn hóa đối bại của ngoại giáo. Phúc âm không chỉ là một tặng phẩm miễn phí của sự cứu rỗi, nhưng còn là sự kêu gọi đến sự thánh khiết (xem Ma-thi-ơ 5:48; Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 4:1; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Đức Chúa Trời muốn con người phản chiếu mỹ đức của Ngài cho thế giới hư mất. Mục tiêu của Cơ-Đốc-Giáo không chỉ để vào thiên đàng khi

chúng ta qua đời, nhưng là để bày tỏ Đấng Christ để nhờ đó mà nhiều người khác cũng đặt đức tin nơi Ngài.

11:24 “người lành, đầy đầy Thánh Linh và đức tin” Sự mô tả này giống với những chấp sự nói tiếng Hy Lạp (bảy người) trong Công-vụ 6:3,5. Hội thánh ban đầu đầy những người giống như vậy. Phải chi điều này xảy ra trong Hội thánh, trong xã hội, trong thời đại của chúng ta.

11:25 “Kẻ đó, Ba-na-ba đi đến thành Tạt-sơ, để tìm Sau-lo” Động từ này có trong bản giấy cói Ai-cập (nhưng không có trong bản LXX) ám chỉ rằng không dễ tìm Sau-lo. Chỉ có Lu-ca sử dụng chữ này trong Tân ước (xem Lu-ca 2:44,45; Công-vụ 11:25). Những năm tháng tĩnh lặng này có lẽ được nhắc đến trong Ga-la-ti 1:21. Thời điểm chính xác của giai đoạn này không rõ nhưng phỏng đoán kéo dài mười năm.

11:26 “đưa đến thành An-ti-ốt. . người ta bắt đầu xưng môn đồ là Cơ-rê-tiên” Lúc đầu, “Cơ-rê-tiên” là cách chế nhạo tín hữu mà người ngoại bang đặt ra. Thật ngạc nhiên, đây lại là một chữ hiếm. Cấu trúc chữ này (kết thúc với *ianos*) theo sau một dạng thức từ ghép dùng để chỉ những người ủng hộ hay tiếp nối. Hê-rốt (và gia đình) được gọi là “Herodians” (xem Mác 3:6; 12:13; Ma-thi-ơ 22:16). Cách thức đặt chữ này trong môi trường chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp cho thấy danh hiệu của Đấng Mết-si-a (Christ) trong tiếng Do Thái trở thành tên của những người tin theo Đức Chúa Giê-xu (Christians hay là Cơ-rê-tiên là phiên âm theo tiếng Pháp: Chrétiens).

Theo cách sắp đặt này, có thể từ này được viên chức chính quyền sử dụng để phân biệt người Do Thái với tín hữu.

BẢN NASB 11:27-30

²⁷ Trong những ngày đó, có mấy người tiên tri từ thành Giê-ru-sa-lem xuống thành An-ti-ốt.
²⁸ Trong bọn có một người tên là A-ga-bút đứng dậy, bởi Đức Thánh Linh nói tiên tri rằng sẽ có sự đói kém trên khắp đất; thật vậy, sự đói kém này xảy đến trong đời Co-lốt trị vì.²⁹ Các môn đồ bèn định, mỗi người tùy sức riêng mình, gửi một món tiền bố thí cho anh em ở trong xứ Giu-đê;³⁰ môn đồ cũng làm thành việc đó, nhờ tay Ba-na-ba và Sau-lo, gửi tiền ấy cho các trưởng lão.

11:27 “mấy người tiên tri” Các tiên tri được nhắc đến nhiều lần trong Tân ước (xem 13:1; 15:32; 21:10; I Cô-rinh-tô 12:28; 14:1-5, 29-33; Ê-phê-sô 2:20; 4:10). Không thể khẳng định chức năng chính của họ tại đây là tiên tri nói trước về tương lai hay là dự đoán/tiên báo tương lai giống như trong I Cô-rinh-tô 14 và Công-vụ 2:17 (xem 13:6; 15:32; I Cô-rinh-tô 12:28; 14:1-5, 29-33; Ê-phê-sô 2:20; 4:10). Trong Cựu ước, những tiên tri được xem như phát ngôn viên của Đức Chúa Trời, giải thích sự mặc khải của Ngài; tuy nhiên, những tiên tri Tân ước không phải là người trình bày khải thị của Đức Chúa Trời. Ân tứ này dành riêng cho những tác giả Tân ước, đa số họ là các sứ đồ hoặc có liên hệ với các sứ đồ. Ân tứ tiên tri trong Tân ước thì bị giới hạn. Khải tượng được linh cảm đã hết. (xem Giu-đê 3 và 20).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC

- I. Nó không giống như nói tiên tri trong Cựu ước, theo như ý nghĩa của các thầy rabi về những mặc khải được linh cảm từ Đức Giê-hô-va (Công-vụ 3:18, 21; Rô-ma 16:26). Chỉ có những tiên tri mới viết được Kinh thánh.
 - A. Môi-se được kêu gọi làm tiên tri (Phục truyền 18:15-21)
 - B. Các sách lịch sử (Giô-suê đến Các Vua [trừ sách Ru-tô]) được gọi là “các tiên tri đời trước” (Công-vụ 3:24).

- C. Tiên tri thay thế vai trò của thầy tế lễ tối cao như một nguồn thông tin từ Đức Chúa Trời (Ê-sai- Ma-la-chi).
- D. Phần thứ hai của Kinh sách Hê-bơ-rơ gọi là “Các tiên tri” (Ma-thi-ơ 5:17; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:25, 27; Rô-ma 3:21).
- II. Trong Tân ước khái niệm này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau
- A. Chỉ các tiên tri Cựu ước và sứ điệp được linh cảm của họ (Ma-thi-ơ 2:23; 5:12; 11:13; 13:14; Rô-ma 1:2)
- B. Chỉ một sứ điệp cho một cá nhân hơn là một nhóm người (các tiên tri Cựu ước thường nói tiên tri về Y-sơ-ra-ên)
- C. Chỉ Giảng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:9; 14:5; 21:26; Lu-ca 1:76) và Chúa Giê-xu như là những người công bố Nước Trời (Ma-thi-ơ 13:57; 21:11, 46; Lu-ca 4:24; 7:16; 13:33; 24:19). Chúa Giê-xu cũng tuyên bố Ngài lớn hơn các tiên tri (Ma-thi-ơ 11:9; 12:41; Lu-ca 7:26).
- D. Chỉ các tiên tri khác trong Tân ước
1. Thời thơ ấu của Đức Chúa Giê-xu được ghi lại trong Phúc âm Lu-ca (tức là các kỷ niệm, những điều Ma-ri ghi nhớ)
 - a. Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:41-42)
 - b. Xa-cha-ri (Lu-ca 1:67-79)
 - c. Si-mê-ôn (Lu-ca 2:25-35)
 - d. An-ne (Lu-ca 2:36)
 2. Các lời tiên đoán mĩa mai (Cai-phe, Giảng 11:51)
- E. Chỉ người công bố Phúc âm (danh sách các ân tứ công bố Phúc âm trong I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)
- F. Chỉ một ân tứ đang vận hành trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 23:34; Công-vụ 13:1; 15:32; Rô-ma 12:6; I Cô-rinh-tô 12:10, 28-29; 13:2; Ê-phê-sô 4:11). Có khi điều này chỉ các phụ nữ (Lu-ca 2:36; Công-vụ 2:17; 21:9; I Cô-rinh-tô 11:4-5).
- G. Chỉ sách về thời kỳ cuối cùng, sách Khải huyền (Khải huyền 1:3; 22:7, 10, 18, 19).
- III. Các tiên tri thời Tân ước
- A. Họ không rao truyền những mặc khải được linh cảm như cách các tiên tri thời Cựu ước (tức là Kinh thánh). Điều này khả thi là vì cách dùng cụm từ “đức tin này” (có nghĩa là một Phúc âm đã hoàn tất, trọn vẹn) trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3, 20.
- Điều này được thấy rõ ràng qua cụm từ dùng trong Giu-đe 3, “đạo[đức tin] đã truyền cho anh em một lần đủ cả.” Chữ đạo “một lần đủ cả” chỉ các lẽ thật, giáo lý, khái niệm, các lời dạy về thế giới quan Cơ-Độc-Giáo. Sự nhấn mạnh đưa ra một lần là nền tảng Kinh thánh giới hạn sự linh cảm cho các sách Tân ước và không công nhận tính mặc khải của các sách khác hoặc các sách viết sau đó. Mặc dù có nhiều chỗ mơ hồ, không rõ ràng, nửa trắng nửa đen trong Tân ước, nhưng người tin Chúa bởi đức tin công nhận rằng mọi điều “cần” cho đức tin và cho sự thực hành lối sống đạo đều có trong Tân ước với một sự rõ ràng có thể hiểu được. Khái niệm này được xếp trong cái gọi là “tam giác mặc khải”
1. Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài qua không gian và thời gian của lịch sử (SỰ MẶC KHẢI)
 2. Ngài chọn một số trước giả là con người để ghi lại và giải thích những công việc của Ngài (SỰ LINH CẢM)
 3. Ngài ban Thánh Linh để mở lòng và trí của con người để hiểu Kinh thánh, mặc dầu không phải một cách hoàn toàn, nhưng một cách vừa đủ để dẫn đến sự cứu rỗi và một nếp sống Cơ đốc hiệu quả (SỰ SOI SÁNG)
- Điểm muốn nói ở đây là sự linh cảm chỉ giới hạn cho các trước giả viết Kinh thánh mà thôi. Không có một cuốn sách nào, một khái niệm hay một mặc khải nào khác có thẩm quyền trên những điều đã viết bởi các trước giả này. Kinh điển Kinh thánh đã được đóng lại. Chúng ta có toàn bộ lẽ thật chúng ta cần để có thể đáp ứng với Đức Chúa Trời một cách thích hợp.

Lễ thật này được thấy rõ ràng nhất trong sự thống nhất giữa các trước giả Kinh thánh so với sự không đồng ý của những người tin Chúa chân thành và tin kính. Không một tác giả hay diễn giả hiện đại nào có một mức độ lãnh đạo thiêng liêng giống như các trước giả Kinh thánh.

- B. Về nhiều mặt các tiên tri Tân ước giống với các tiên tri Cựu ước:
1. Tiên đoán các sự kiện trong tương lai (Phao-lô, Công-vụ 27:22; A-ga-bút, Công-vụ 11:27-28; 21:10-11; một số tiên tri không được nêu tên, Công-vụ 20:23)
 2. Công bố sự đoán xét (Phao-lô, Công-vụ 13:11; 28:25-28)
 3. Các hành động tượng trưng mô tả cách ấn tượng một sự kiện (A-ga-bút, Công-vụ 21:11)
- C. Có một số lần họ công bố lễ thật Phúc âm qua sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 20:23; 21:10-11), nhưng đây không phải là trọng tâm chính. Nói tiên tri trong I Cô-rinh-tô chủ yếu là truyền bá Phúc âm (14:24, 39).
- D. Họ là công cụ của Thánh Linh để bày tỏ những ứng dụng hiện tại và thực tế về lễ thật Đức Chúa Trời cho từng trường hợp, văn hóa, hay thời đại khác nhau (I Cô-rinh-tô 14:3).
- E. Họ tích cực trong các Hội thánh đầu tiên thời Phao-lô (I Cô-rinh-tô 11:4-5; 12:28, 29; 13:29; 14:1, 3, 4, 5, 6, 22, 24, 29, 31, 32, 37, 39; Ê-phê-sô 2:20; 3:5; 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20) và được nhắc đến trong tập *Didache* (viết vào cuối thế kỷ thứ nhất hay thế kỷ thứ hai, ngày tháng không rõ) và trong phái Montanism ở thế kỷ thứ hai và thứ ba trong vùng bắc Phi.

IV. Có phải các ân tứ thời Tân ước đã chấm dứt?

- A. Câu hỏi này thật khó trả lời. Nó giúp làm sáng tỏ vấn đề bằng cách định nghĩa mục đích các ân tứ. Chúng được dùng để xác nhận sự giảng dạy ban đầu về Phúc âm hay chúng là những phương cách vẫn tiếp diễn để Hội thánh phục vụ chính mình và cho một thế giới hư mất?
- B. Chúng ta nhìn xem lịch sử của Hội thánh hay chỉ xem xét Tân ước để trả lời câu hỏi này? Không có một dấu hiệu nào trong Tân ước cho thấy rằng các ân tứ thuộc linh chỉ có tính cách tạm thời. Những người tìm cách dùng I Cô-rinh-tô 13:8-13 để nói đến vấn đề này đã lạm dụng ý định có thẩm quyền của đoạn này, là đoạn xác định rằng mọi sự sẽ qua đi chỉ trừ tình yêu thương.
- C. Tôi rất muốn nói rằng bởi vì Tân ước là thẩm quyền, không phải lịch sử Hội thánh, cho nên người tin Chúa phải xác định rằng các ân tứ này vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, tôi tin rằng văn hóa cũng ảnh hưởng đến cách diễn giải. Một số đoạn rất hiển nhiên không còn áp dụng cho ngày nay (ví dụ cái hôn thánh, đàn bà mang khăn trùm đầu, Hội thánh nhóm tại nhà, v.v...). Vậy thì, nếu văn hóa ảnh hưởng đến các đoạn Kinh thánh, thì tại sao lịch sử Hội thánh lại không làm được điều này?
- D. Nói cho cùng, đây là câu hỏi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Một số thì ủng hộ “sự chấm dứt”, trong khi một số khác ủng hộ sự “không ngưng nghỉ.” Trong lãnh vực này, cũng như trong một số vấn đề giải nghĩa khác, tâm lòng của người tin Chúa là chìa khóa. Tân ước có tính mơ hồ và thuộc về văn hóa. Điều khó là làm sao để biết được đoạn Kinh văn nào bị ảnh hưởng bởi lịch sử, văn hóa và đoạn nào mang tính vĩnh viễn (xem sách của Fee and Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 14-19; 69-77). Tại đây vấn đề về tự do và trách nhiệm, được nói đến trong Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10, đóng vai trò quan trọng. Cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này có tính quan trọng trong hai cách:
1. Mỗi tín hữu phải bước đi bằng đức tin trong ánh sáng (sự soi dẫn) mà họ có. Đức Chúa Trời nhìn xem tâm lòng và động cơ của chúng ta.
 2. Mỗi tín hữu cũng phải cho phép các tín hữu khác bước đi trong sự hiểu biết đức tin của họ. Nên có một sự chấp nhận nhau trong khuôn khổ Kinh thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu thương nhau như Ngài đã yêu.
- E. Để kết lại vấn đề, Cơ-Độc-Giáo là cuộc sống của đức tin và tình yêu chứ không phải là một thần học hoàn hảo. Mối liên hệ với Ngài, điều sẽ ảnh hưởng đến mối liên hệ của chúng ta với người khác, là điều quan trọng hơn là những thông tin không còn nghi vấn hay sự hoàn hảo về tín lý.

11:28 “có sự đói kém trên khắp đất. . .Co-lốt” Cụm từ địa lý này chỉ cả đế quốc La mã (xem 17:6,31; 19:27; 24:5). Co-lốt cai trị từ năm 41 đến năm 54 SC. Ông kế vị Caligula và trước Nero. Có nhiều cơn hạn hán lớn trong triều đại của ông (xem Suetonius, *Life of Caludius* 18:2). Theo Josephus, trong *Antiq.* 20.5.2, trận hạn hán trầm trọng nhất xảy ra tại vùng Pa-les-tin trong khoảng những năm 44 đến 48 SC.

11:29 “Các môn đồ bèn định, mỗi người tùy sức riêng mình, gửi một món tiền bố thí” Đây là một trong những phương thức quan trọng mà các Hội thánh người ngoại bang thi hành để gây dựng mối thông công với Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Chi tiết này thiết lập khuôn mẫu cho những Hội thánh Phao-lô thành lập sau đó (xem 24:17; Rô-ma 15:2-28; I Cô-rinh-tô 16:1-4; II Cô-rinh-tô 8-9; Ga-la-ti 2:10).

11:30 “gửi tiền ấy cho các trưởng lão” Đây là lần đầu tiên đề cập đến các trưởng lão trong Hội thánh. (xem 14:23; 15:2,4,6,22,23; 16:4; 20:17; 21:18). Chữ “trưởng lão” đồng nghĩa với các chữ “bề trên”, “giám mục” và “mục sư” (xem Công-vụ 20:17,28 and Tít 1:5,7). Chữ “trưởng lão” (*presbuteros*) có gốc từ các chi phái trong Cựu ước, trong khi chữ “bề trên” (*episkopos*) có gốc từ chính quyền thành bang Hy Lạp. Dường như điều này ám chỉ một nhóm lãnh đạo thuộc Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem 15:2,6,22,23). Trong những phần Tân ước chịu nhiều ảnh hưởng Do Thái, như Gia-cơ hay Hê-bơ-rơ, thì vẫn sử dụng cách hiểu của Do Thái là người lãnh đạo địa phương lớn tuổi, không hẳn là mục sư.

▣ **“nhờ tay Ba-na-ba và Sau-lo”** Đã có nhiều tranh luận về chuyến hành trình này: đây là chuyến đi đến Giê-ru-sa-lem được đề cập trong Ga-la-ti 2:2,10 hay là chuyến đi đến Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem đề cập trong Công-vụ 15. Chúng ta biết rất ít chi tiết về buổi đầu của cuộc đời và chức vụ của Phao-lô.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao việc người ngoại bang tiếp nhận Đấng Christ là một nan đề thần học?
2. Sự ăn năn là tặng phẩm từ Chúa (câu 18) hay là một điều kiện giao ước (Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21)?
3. Tại sao Ba-na-ba đi tìm Phao-lô?

CÔNG VỤ ĐOẠN 12

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Gia-cơ tuận đạo và Phi-e-rơ bị bỏ tù 12:1-5	Sự tàn bạo của Hê-rốt đối với Hội thánh 12:1-5	Sự bắt bớ của Hê-rốt Ạc-ríp-ba 12:1-5	Bắt bớ càng thêm 12:1-5	Sự bắt giam và bỏ tù kỳ diệu của Phi-e-rơ 12:1-5
Phi-e-rơ được giải cứu khỏi ngục tù 12:6-17	Phi-e-rơ được giải cứu khỏi tù 12:6-19	12:6-11	Phi-e-rơ được giải cứu khỏi tù 12:6-10 12:11	12:6-11
12:18-19		12:12-17 12:18-19	12:12-15 12:16-17 12:18-19a 12:19a	12:12-17 12:18-19
Cái chết của Hê-rốt 12:20-23	Cái chết đau đớn của Hê-rốt 12:20-24	Cái chết của Hê-rốt Ạc-ríp-ba 12:20-23	Cái chết của Hê-rốt 12:20 12:21-23	Cái chết của kẻ bắt bớ 12:20-23
12:24-25	Ba-na-ba và Sau-lơ được chỉ định 12:25-13:3	Ba-na-ba và Sau-lơ tại Chíp-rơ (12:24-13:12) 12:24-25	12:24 12:25	Ba-na-ba và Sau-lơ trở về An-ti-ốt 12:24 12:25

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

Dòng dõi của Hê-rôt Đại Đế (nếu cần tìm hiểu thêm xin tham khảo bản chú dẫn của Flavius Josephus trong *Antiquities of the Jews*).

I. Hê-rôt Đại Đế

- A. Vua Giu-đê (năm 37-4 TCN)
- B. Ma-thi-ơ 2:1-19; Lu-ca 1:5

II. Các con trai

- A. Hê-rôt Phi-líp (mẹ là Marianne of Simon)
 - 1. Chồng của Hê-rô-đi-a
 - 2. Vua chư hầu cai trị Iturea (năm 4 TC - 34 SCN)
 - 3. Ma-thi-ơ 14:3; Mác 6:17
- B. Hê-rôt Phi-líp (mẹ là Cleopatra)
 - 1. Vua chư hầu cai trị vùng phía Bắc và Tây biển Ga-li-lê (năm 4 TCN - năm 34 SCN)
 - 2. Lu-ca 3:1
- C. Hê-rôt An-ti-pa
 - 1. Vua chư hầu cai trị Ga-li-lê và Bê-rê (năm 4 TCN - năm 39 SCN)
 - 2. Tử hình Giăng Báp-tít
 - 3. Ma-thi-ơ 14:1-12; Mác 6:14,29; Lu-ca 3:19; 9:7-9; 13:31; 23:6-12,15; Công-vụ 4:27; 13:1
- D. A-chê-la-u, thống đốc Hê-rôt
 - 1. Cai trị xứ Giu-đê, Sa-ma-ri và Idumea (năm 4 TCN - năm 6 SCN)
 - 2. Ma-thi-ơ 2:22
- E. A-rit-tô-bu-lơ (mẹ là Mariamne)
 - 1. Chỉ có một con trai là Hê-rôt Ạc-ríp-ba I
 - 2. Cai trị cả vùng Pa-les-tin (năm 41-44 SCN)
 - 3. Tử hình Gia-cơ và bỏ tù Phi-e-rơ
 - 4. Công-vụ 12:1-24; 23:35
 - (a) Có con là Hê-rôt Ạc-ríp-ba II, vua chư hầu lãnh thổ phía Bắc (năm 50-70 SCN)
 - (b) Có con gái là Bê-rê-nít
 - (1) làm vợ anh mình
 - (2) Công-vụ 25:13-26:32
 - (c) Có con gái là Đơ-ru-si
 - (1) vợ của Phê-lít
 - (2) Công-vụ 24:24

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 12:1-5

¹ Đương thưở đó, vua Hê-rôt hà hiếp một vài người trong Hội thánh. ² Vua dùng gươm giết Gia-cơ là anh của Giăng; ³ thấy điều đó vừa ý người Giu-đá, nên cũng sai bắt Phi-e-rơ nữa. ⁴ Bấy giờ nhằm ngày ăn bánh không men. Vậy, vua bắt người và hạ ngục, phó cho bốn ngũ binh canh giữ, mỗi ngũ có bốn tên lính. Vua toan đợi lúc xong lễ Vượt Qua, thì bắt người ra hầu trước mặt dân chúng. ⁵ Vậy, Phi-e-rơ bị cầm trong khám, còn Hội thánh cứ cầu nguyện Đức Chúa Trời cho người luôn.

12:1 “Hê-rôt” Đây là vua Hê-rôt Ạc-ríp-ba I, cai trị trên nhiều vùng lãnh thổ khác nhau của xứ Pa-les-tin vào khoảng năm 37-44 SCN. Ông lớn lên tại Rô-ma và là bạn của Gai-út, người kế vị của Hoàng đế Tiberius, sau này là Hoàng đế Caligula. Người Do Thái sẵn lòng chấp nhận cương vị lãnh đạo của vua

Hê-rôt vì bà nội của ông (Mariamne) là công chúa của dòng dõi Hasmonean/Maccabean (người Do Thái yêu nước). Ông là người giữ đạo Do-Thái-Giáo nghiêm ngặt (có lẽ vì lý do chính trị). Để theo dõi bản luận chi tiết về vua Hê-rôt này, xin tham khảo *Antiq.* của Josephus mục 19.7.3; 19.8.2.

▣ **“Hội thánh”** Tham khảo ghi chú tại 5:11.

▣ **“hà hiếp”** Hê-rôt làm điều này để thu phục sự ủng hộ và chấp thuận của giới lãnh đạo Do Thái (xem câu 3,11). Những lãnh đạo La mã cũng đã làm như vậy (xem 24:27; 25:9). Lu-ca sử dụng chữ này một vài lần (xem 7:6,19; 12:1; 14:2; 18:10). Đây là chữ thông dụng trong bản Septuagint chỉ sự ngược đãi. Vốn từ của Lu-ca chịu rất nhiều ảnh hưởng từ bản Septuagint.

12:2 “Vua dùng gươm giết Gia-cơ là anh của Giăng” Đây là Sứ đồ Gia-cơ, là em của Giăng (xem Lu-ca 5:10; 6:14; 8:51; 9:28,54). Ông là một thành viên trong nhóm những sứ đồ thân cận với Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 17:1; 26:37; Mác 5:37; 9:2; 14:33; Lu-ca 9:28). Tại sao Gia-cơ bị giết nhưng Phi-e-rơ lại thoát chết là sự bí mật thuộc về Chúa. Chém đầu bằng gươm là cách thức tử hình thông thường cho công dân La mã, nhưng lại là kinh tởm đối với người Do Thái.

Có điểm thú vị là vào lúc này, Hội thánh ban đầu không thấy có nhu cầu tìm người thay thế cho Gia-cơ như họ đã làm khi thay thế Giu-đa (xem 1:15-20). Không có sự lý giải chắc chắn, nhưng có lẽ vì sự phản bội của Giu-đa chứ không phải cái chết của ông là nguyên nhân của sự bầu chọn người thay thế (xem 1:15-26).

Có một số người cho rằng khi Phao-lô gọi Gia-cơ, em Đức Chúa Giê-xu là sứ đồ (xem Ga-la-ti 1:19) thì ông đã ủy nhiệm người thay thế. Điều này liên hệ đến thắc mắc giữa địa vị chính thức của mười hai sứ đồ đầu tiên và ân tứ của chức vụ sứ đồ (xem Ê-phê-sô 4:11).

12:3 “bắt Phi-e-rơ” Đây là lần thứ ba Phi-e-rơ bị bắt giam (xem 4:3; 5:18). Cơ-Độc-Nhân không thể miễn trừ khỏi bị bắt bớ.

▣ **“nhằm ngày ăn bánh không men”** Tại đây nói đến Lễ Vượt Qua (xem câu 4), kết hợp với Lễ Bánh Không Men kéo dài tám ngày (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:18; 23:15; Lu-ca 22:1). Cả hai kỳ lễ này đều kỷ niệm sự giải cứu dân Do Thái khỏi ách nô lệ tại Ai-cập. Những kỳ lễ này được cử hành từ ngày 14 đến 21 tháng Nissan theo lịch Do Thái, nhằm vào tháng ba hay tháng tư.

12:4 “bốn ngũ bình” Có nghĩa là bốn ngũ bình thay đổi bốn lần một ngày, hay là mười sáu người. Con số lính canh chứng tỏ Hê-rôt sợ Phi-e-rơ vượt ngục (xem 5:19).

12:5 “Hội thánh cứ cầu nguyện Đức Chúa Trời cho người luôn” Hội Thánh đang cầu nguyện (xem câu 12), nhưng lại kinh ngạc khi Chúa nhậm lời. “Luôn” là một trợ động từ nhấn mạnh (xem Lu-ca 22:44) chỉ xuất hiện có 3 lần trong Tân ước (xem I Phi-e-rơ 1:22).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

I. Giới thiệu

A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-xu đã làm gương

1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4

B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có

thể hành động thay cho chúng ta và những người khác.

- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tâm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng này hay sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
 - 1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
 - 2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
 - 3. Xung tội, trong quá khứ và hiện tại
 - 4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
 - 5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha
- G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh

A. Cựu ước

1. Những ví dụ về sự cầu thay:

- a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và những câu sau
- b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên
 - (1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23
 - (2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:31 và tiếp sau
 - (3) Phục truyền 5:5
 - (4) Phục truyền 9:18, 25 và tiếp sau
- c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:
 - (1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9
 - (2) I Sa-mu-ên 12:16-23
 - (3) I Sa-mu-ên 15:11

d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18

2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16

3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện

- a. Thi thiên 66:1
- b. Châm ngôn 28:9
- c. Ê-sai 59:1-2; 64:7

B. Tân ước

1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:

- a. Đức Chúa Giê-xu
 - (1) Rô-ma 8:34
 - (2) Hê-bơ-rơ 7:25
 - (3) I Giăng 2:1

b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27

2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô

- a. Cầu thay cho người Do Thái
 - (1) Rô-ma 9:1 và những câu sau đó

- (2) Rô-ma 10:1
- b. Cầu thay cho các Hội thánh
 - (1) Rô-ma 1:9
 - (2) Ê-phê-sô 1:16
 - (3) Phi-líp 1:3-4, 9
 - (4) Cô-lô-se 1:3, 9
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11
 - (7) II Ti-mô-thê 1:3
 - (8) Phi-líp 4
- c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông
 - (1) Rô-ma 15:30
 - (2) II Cô-rinh-tô 1:11
 - (3) Ê-phê-sô 6:19
 - (4) Cô-lô-se 4:3
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1
- 3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:
 - a. Cầu thay cho nhau:
 - (1) Ê-phê-sô 6:18
 - (2) I Ti-mô-thê 2:1
 - (3) Gia-cơ 5:16
 - b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:
 - (1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
 - (2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
 - (3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
 - (4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
 - (5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16
 - c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1
- III. Những ngăn trở khiến những lời cầu nguyện không được nhậm:
 - A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh
 - 1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
 - 2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
 - 3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
 - 4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15
 - B. Động cơ của người cầu nguyện
 - 1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
 - 2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
 - 3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
 - 4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3
 - C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện
 - 1. Trung kiên
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-se 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
 - 2. Cú cầu xin
 - a. Ma-thi-ơ 7:7-8
 - b. Lu-ca 11:5-13

- c. Gia-cơ 1:5
- 3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7
- 4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được
 - a. Thi thiên 66:18
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2
 - d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-xu là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Sự cầu nguyện có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

BẢN NASB 12:6-17

⁶ Và, đêm rạng ngày mà Hê-rốt định bắt Phi-e-rơ ra hầu, người đang mang hai xiềng, ngủ giữa hai tên lính, và trước cửa có quân canh giữ ngục. ⁷ Thành linh, một thiên sứ của Chúa đến, và có ánh sáng soi trong ngục tối. Thiên sứ đập vào sườn Phi-e-rơ, đánh thức người, mà rằng: **Hãy mau chỗi dậy. Xiềng bèn rớt ra khỏi tay người.** ⁸ Kế đó, thiên sứ nói rằng: **Hãy nịt lưng và mang dép vào đi. Phi-e-rơ làm theo. Thiên sứ lại tiếp: Hãy mặc áo ngoài và theo ta.** ⁹ Phi-e-rơ ra theo; chẳng biết điều thiên sứ làm đó là thật, song tưởng mình thấy sự hiện thấy. ¹⁰ Khi qua khỏi vọng canh thứ nhứt, rồi vọng thứ nhì, thì đến nơi cửa sắt, là cửa thông vào thành; cửa đó tự mở ra trước mặt hai người, rồi hai người vượt ra khỏi, đi lên đàng cái, tức thì thiên sứ lia Phi-e-rơ. ¹¹ Phi-e-rơ bèn tỉnh lại và nói rằng: **Bây giờ ta nhận biết thật Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ Ngài giải cứu ta ra khỏi tay Hê-rốt cùng khỏi điều dân Giu-đa đang mong đợi.** ¹² Người suy nghĩ lại điều đó, rồi đến nhà Ma-ri, mẹ của Giăng, cũng gọi là Mác, là nơi có nhiều người đang nhóm lại cầu nguyện. ¹³ Người gõ cửa nhà ngoài, một con đòi tên là Rô-đơ đến nghe, ¹⁴ nhận biết tiếng Phi-e-rơ nên mừng rỡ lắm, đến nổi chẳng mở cửa, nhưng trở chạy vào báo tin rằng Phi-e-rơ đương đứng trước cửa. ¹⁵ Người ta nói rằng: **Mầy sáng. Song nàng quyết là quả thật. Họ bèn nói: Ấy là thiên sứ của người.** ¹⁶ Nhưng Phi-e-rơ cứ gõ cửa hoài. Khi mở cửa, thấy Phi-e-rơ, hết thảy đều kinh hãi. ¹⁷ Nhưng người lấy tay ra dấu biểu chúng làm thinh, rồi thuật lại cho biết Chúa đã dùng cách nào cứu mình khỏi ngục; đoạn, người lại dặn rằng: **Hãy cho Gia-cơ và anh em biết điều này. Rồi đó, người bước ra sang nơi khác.**

12:6 “Trong đêm đó” Điểm tiêu biểu trong văn phong của Lu-ca là những điểm nhấn thời gian (xem câu 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 18).

▣ **“giữa hai tên lính”** Câu này chứng tỏ tính bất khả thi của việc Phi-e-rơ đào thoát. Gần như là những người lính này canh chừng những sự toan tính giải cứu Phi-e-rơ (xem 5:19).

12:7 “Thành linh, một thiên sứ của Chúa đến” Đây là điểm bất thường khi có sự can thiệp siêu nhiên của thiên sứ của Chúa (xem 5:19; 7:30,35,38,53; 8:26; 10:3,7,22) và Đức Thánh Linh (xem 8:29,39; 10:19) lại hoán chuyển cho nhau trong suốt sách Công-vụ. Đường như bởi trực giác thì Đức Thánh Linh phán, nhưng thiên sứ là sự biểu hiện vật chất bên ngoài. Thật là thú vị khi chứng kiến sự kết hợp của cả tự nhiên và siêu nhiên trong câu chuyện này (tương tự như những tai vạ trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký).

▣ **“Hãy mau chờ đây”** Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) có nghĩa khẩn cấp. Tại sao thiên sứ lại phải gấp rút? Không phải chính thiên sứ đang kiểm soát sự kiện này sao?

12:8 “Hãy nịt lưng và mang dép vào đi” Cả hai đều là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE IMPERATIVES).

▣ **“Hãy mặc áo ngoài và theo ta”** Trong câu này MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE IMPERATIVES) tiếp theo sau MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Thiên sứ thực hiện công tác này thật là hối hả. Vị thiên sứ này rất là bồn chồn, lo lắng!

12:9 Phi-e-rơ không biết đây là một khái tượng, giấc mơ hay là hiện thực. (xem câu 11-12; 10:17,19; 11:5).

12:11 “Phi-e-rơ bèn tỉnh lại” Lu-ca sử dụng cụm từ tương tự để miêu tả người con trai hoang đàng (xem Lu-ca 15:17). Bất thành linh, hiện thực cùng với những hệ lụy của nó khiến ông bừng tỉnh (xem câu 12).

12:12 “nhà Ma-ri” Ma-ri là một tên rất thông dụng. Có vài Ma-ri được đề cập đến trong Phúc âm.

1. Mẹ của Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 1:27)
2. Ma-ri Ma-đơ-len, một môn đồ từ xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 8:2; 24:10)
3. Mẹ của Giăng và Gia-cơ (xem Lu-ca 24:10)
4. Em của Ma-thê và La-xa-rơ (xem Lu-ca 10:39,42)
5. Vợ của Cơ-lê-ô-ba (xem Giăng 19:25)
6. Mẹ của Giăng (Mác) (tại đây)

▣ **“mẹ của Giăng”** Đây là mẹ của Giăng (Mác). Hội thánh ban đầu ở Giê-ru-sa-lem nhóm họp tại nhà của gia đình này (xem Công-vụ 12:12). Đây là địa điểm Chúa hiện ra ba lần sau khi phục sinh và Đức Thánh Linh giáng lâm.

Giăng (Mác) cùng với người anh em họ Ba-na-ba (xem Cô-lô-sê 4:10) đồng đi cùng với Phao-lô trong chuyến truyền giáo đầu tiên (xem Công-vụ 12:25-13:13). Vì một lý do gì đó ông đã từ bỏ đoàn truyền giáo và trở về nhà (xem Công-vụ 15:38). Ba-na-ba muốn đem ông theo trong chuyến truyền giáo thứ hai nhưng Phao-lô không đồng ý (xem Công-vụ 15:36-41). Điều này dẫn tới sự chia rẽ giữa Phao-lô và Ba-na-ba. Ba-na-ba đem Giăng (Mác) theo đến Chíp-rơ (xem Công-vụ 15:39). Về sau, khi Phao-lô bị tù, ông nhắc đến Giăng (Mác) một cách tích cực (xem Cô-lô-sê 4:10) rồi sau đó trong khi bị giam lần thứ hai ở Rô-ma, trước khi chết, Phao-lô có nhắc đến Giăng (Mác) một lần nữa (xem II Ti-mô-thê 4:11).

Dường như Giăng (Mác) trở thành một thành viên trong đoàn truyền giáo của Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 5:13). Eusebius trong tác phẩm *Eccl. His.* 3:39:12 tiết lộ cho chúng ta chi tiết lý thú về mối liên hệ giữa Giăng (Mác) và Phi-e-rơ

“Trong quyển sách của mình, Papias có cho chúng ta biết những lời dạy của Chúa do Aristion truyền lại hoặc là học trực tiếp từ trưởng lão Giăng. Sau khi bàn thảo những chi tiết này với các học giả, tôi phải bỏ tước đoạn trích dẫn từ Papias với một ít chi tiết mà ông đã bỏ qua liên quan đến Mác, tác giả sách Phúc âm:

Trong điểm này, trưởng lão thường nói rằng “Mác, làm người thông ngôn cho Phi-e-rơ, đã chép lại cẩn thận nhưng không theo thứ tự tất cả những gì ông nhớ về sự dạy dỗ và việc làm của Chúa. Bởi vì ông không được nghe từ chính Chúa, và cũng không phải là một trong những người theo Ngài; nhưng về sau, như ta đã nói, là một người thân cận với Phi-e-rơ. Phi-e-rơ thường điều chỉnh sự dạy dỗ của mình để thích ứng với hoàn cảnh mà không xếp đặt những lời phán của Chúa một cách có hệ thống, vì vậy điều khá hợp lý cho Mác là ông chỉ ghi lại những gì ông nhớ mà thôi. Vì ông chỉ có một

mục đích duy nhất là không bỏ sót bất cứ điều gì ông đã nghe và không trình bày lại sai lệch.” (trang 152).

Trong đoạn trích dẫn này, Papias có đề cập đến “trưởng lão Giảng”; trong *Against Heresies* 5:33:4, Irenaeus cho biết “và những điều này được làm chứng rằng do Papias ghi lại, là người nghe Giảng kể, và là người đồng hành với Polycarp.” Chi tiết này ám chỉ rằng Papias được nghe từ chính Sứ đồ Giảng.

▣ **“nhiều người đang nhóm lại cầu nguyện”** Cấu trúc ngữ pháp của những chữ này cho biết Hội thánh đã họp lại và định rằng sẽ cứ cầu nguyện. ĐÔNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE) theo sau bởi ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP (biến cách) HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) PARTICIPLE).

12:13 “cửa nhà ngoài” Đây là một cửa nhỏ ngoài mặt đường, có những cửa lớn hơn trên lầu.

▣ **“Rô-đơ”** Tên của cô nghĩa là hoa hồng. Không rõ là cô là người giúp việc cho chủ nhà hay là người đến dự buổi cầu nguyện.

12:15 “Mây sáng” Hội thánh đang cầu nguyện xin Chúa hành động, nhưng khi Chúa hành động thì họ lại vô cùng kinh ngạc.

▣ **“Họ bèn nói”** Có hai CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVES) trong văn mạch, cho biết việc Rô-đơ khẳng định và sự trả lời của những người trong buổi cầu nguyện lặp lại nhiều lần.

▣ **“Áy là thiên sứ của người.”** Thiên sứ đóng vai trò quan trọng trong những tác phẩm của Lu-ca. Dường như người Do Thái tin rằng thiên sứ giám hộ cho một người nào có thể có hình thể giống người đó (để bàn luận sâu sắc về những nguồn tài liệu và hệ thống niềm tin Do-Thái-Giáo liên hệ đến những thiên sứ giám hộ, tham khảo *Encyclopaedia Judaica*, vol. 2, trang 963). Không có nền tảng Kinh thánh nào cho niềm tin này. Sự khai triển về thiên sứ học này có thể đến từ khái niệm *fravashi* của Zoroastrianism. Phần lớn nội dung thiên sứ học của tu sĩ Do-Thái-Giáo đều có nguồn gốc từ ảnh hưởng của Ba-tư này. Có một số bằng chứng kinh văn về thiên sứ giám hộ cho những người mới tin đạo (xem Ma-thi-ơ 18:10).

12:17 “ra dấu biểu chúng làm thính” Rõ ràng đây là chi tiết của một nhân chứng trực tiếp (xem 13:16). Lu-ca ghi lại dấu hiệu này vài lần (xem 13:16; 19:33; 21:40).

▣ **“Hãy cho Gia-cơ và anh em biết điều này”** Chứng tỏ Gia-cơ, em của Đức Chúa Giê-xu là lãnh đạo trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem 15:13-21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIA-CƠ, EM CỦA CHÚA GIÊ-SU

- A. Ông được gọi là “Gia-cơ Công Chính” và sau đó có biệt danh là “đầu gối lạc đà” vì ông thường xuyên quỳ gối cầu nguyện (theo Hegesippus, Eusebius trích dẫn).
- B. Gia-cơ không phải là tín đồ cho đến sau khi Chúa phục sinh (xem Mác 3:21; Giảng 7:5). Đức Chúa Giê-xu đã hiện ra với ông cách cá nhân sau khi Chúa phục sinh (xem I Cô-rinh-tô 15:7).
- C. Ông hiện diện với các sứ đồ trên phòng cao (xem Công-vụ 1:14) và chắc cũng hiện diện khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong Lễ Ngũ Tuần.
- D. Ông có gia đình (xem I Cô-rinh-tô 9:5).

- E. Phao-lô xem Gia-cơ như là cột trụ của Hội thánh (có thể là sứ đồ, xem Ga-la-ti 1:19) nhưng không thuộc trong số mười hai sứ đồ (xem Ga-la-ti 2:9; Công-vụ 12:17; 15:13ff).
- F. Trong *Antiquities of the Jews*, 20:9:1, Josephus cho biết Gia-cơ bị ném đá năm 62 SC theo lệnh của phe Sa-đu-sê trong Tòa công luận; trong khi truyền thuyết khác theo Clement of Alexandria hoặc Hegesippus, những tác giả trong thế kỷ thứ hai, thì Gia-cơ bị xô xuống từ vách đền thờ.
- G. Trải qua nhiều thế hệ sau sự chết của Đức Chúa Giê-xu, một thân nhân, bà con của Đức Chúa Giê-xu được cử làm lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem.
- H. Gia-cơ viết sách Gia-cơ trong Tân ước.

▣ **“bước ra sang nơi khác”** Không ai biết Phi-e-rơ đi đâu, nhưng chắc rằng ông không đi Rô-ma theo như một số người giả định, vì ông có hiện diện tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Dù rằng Chúa đã giải cứu Phi-e-rơ một cách siêu nhiên, nhưng không có nghĩa rằng ông có thể khinh suất và ý lại vào sự can thiệp kỳ diệu của Chúa. Cần nhớ rằng Gia-cơ đã bị giết. Phi-e-rơ cũng nhấn với Hội thánh sẵn sàng cho sự bắt bớ tàn bạo hơn bởi vì ông được giải cứu.

BẢN NASB 12:18-19

¹⁸ **Đến sáng, trong bọn lính có sự xôn xao rất lớn: vì chúng nó chẳng hay Phi-e-rơ đi đâu.** ¹⁹ **Vua Hê-rốt sai tìm người, nhưng tìm chẳng được, bèn tra hỏi bọn lính, rồi truyền lệnh dẫn chúng nó đi giết. Đoạn, người tù xứ Giu-đê xuống thành Sê-sa-rê, ở lại tại đó.**

12:18 “có sự xôn xao rất lớn” Cụm từ này là nét đặc trưng trong văn phong của Lu-ca (xem 14:28; 15:2; 17:4,12; 19:23,24; 27:20). Cách nói bớt đi lại làm nhấn mạnh thêm sự kiện (*litotes*).

12:19 “tra hỏi bọn lính, rồi truyền lệnh dẫn chúng nó đi giết” Đây là ngụ ý của bản văn, nhưng không nói rõ ràng. Một số bản dịch dùng chữ in nghiêng để xác định rằng chữ không có trong bản văn Hy Lạp. Nếu một người lính canh để thoát tù nhân, người lính đó phải nhận lãnh hình phạt của người tù nhân (xem 16:27; 27:42).

BẢN NASB 12:20-23

²⁰ **Vả, vua Hê-rốt căm giận dân thành Ty-rơ và dân thành Si-đôn. Chúng đã được lòng quan hầu của vua là Ba-la-tút rồi, bèn đồng lòng đến cùng vua mà xin hòa, vì xứ họ ăn nhờ lương thực trong xứ vua.** ²¹ **Đến kỳ, vua Hê-rốt mặc áo châu, ngồi trên ngai, truyền phán giữa công chúng.** ²² **Dân chúng kêu lên rằng: Ấy là tiếng của một thần, chẳng phải tiếng người ta đâu!** ²³ **Liền lúc đó, có thiên sứ của Chúa đánh vua Hê-rốt, bởi có chẳng nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời; và vua bị trùng đục mà chết.**

12:20 “Vả, vua Hê-rốt căm giận dân thành Ty-rơ và dân thành Si-đôn” Hê-rốt rất căm giận và cứ tiếp tục căm giận, dạng NÓI TRÁNH KHÔNG HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT). Không rõ sự kiện lịch sử cụ thể nào được đề cập tại đây, nhưng vùng Ty-rơ và Si-đôn phụ thuộc vào những nông sản từ vùng Ga-li-lê (xem I Các Vua 5:11; Ê-xo-ra 3:7; và có thể Ê-xê-chi-ên 27:17).

12:21 “Đến kỳ, vua Hê-rốt mặc áo châu” Sự kiện này xảy ra vào năm 44 SC. Để có đầy đủ chi tiết về sự kiện này cần tham khảo *Antiq.* của Josephus 19.8.2 (bản dịch của William Whiston, Kregal).

“Trong kỳ lễ hội này, có một đám đông vây quanh nhân vật chính của lễ hội, một người có chức vị cao trọng trong vùng. Trong ngày thứ hai của lễ hội, ông mặc một chiếc áo làm bằng bạc với những đường đan dệt vô cùng tinh xảo, bước lên khán đài trong buổi sáng sớm. Khi đó, chiếc áo bạc phản chiếu rực rỡ tia sáng mặt trời buổi sớm khiến đám đông kinh ngạc rồi sau đó là sợ sệt. Rồi dần dần từ trong đám đông những người đang ngưỡng trông lên khán đài lan truyền các lời xung tụng rằng đó là một vị thần. Họ đã nói như sau “Xin hãy thương xót chúng con; mặc dù bao lâu nay chúng con đã tôn kính ngài như một đại nhân, nhưng từ nay trở đi chúng con sẽ tôn xưng ngài vượt trên người phàm” Khi nghe những lời xung tụng này, vị vua không gỡ trách đám đông hay chối từ các lời tâng bốc khinh đạo của họ. Nhưng ngay sau đó, ông ngược lên thấy một con chim cú đậu trên dây thừng giăng trên đầu ông; ngay lập tức ông hiểu rằng con chim cú là dấu hiệu chẳng lành cho ông, dù trước đây nó đã mang sứ điệp tốt lành, rồi ông quy ngã trong sự đau đớn cùng cực. Con đau dữ dội phát ra từ thân mình ông, khởi đầu với sự vật vã khủng khiếp. Ông hướng nhìn về phía các bạn hữu mình và nói: “Ta, người mà các người xưng là thần, đang bị gọi từ bỏ cuộc đời này. Thượng Đế trừng phạt những lời dối trá các người vừa xưng tụng; và ta kẻ mà các người gọi là bất diệt đang bị cái chết đũa đi” (trang 412).

Tính khí của Hê-rôt cùng với tình trạng thể chất kèm theo được mô tả cách khủng khiếp trong *Antiq.* 17:6:5.

12:23 “thiên sứ của Chúa” Đây là Thiên Sứ Chết Chóc (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:23; II Sa-mu-ên 24:16; II Các Vua 19:35). Sự chết trong tay Chúa chứ không phải Sa-tan. Tại đây là một bằng chứng của sự phán xét hiện thời.

BẢN NASB 12:24

²⁴ **Bấy giờ, đạo Đức Chúa Trời tấn tới rất nhiều, càng ngày càng tràn thêm ra.**

12:24 Đây là nét đặc trưng của câu tổng kết (xem 6:7; 9:31; 12:24; 16:5; 19:20; 28:31).

BẢN NASB 12:25

²⁵ **Ba-na-ba và Sau-lơ làm chức vụ mình xong rồi, bèn từ thành Giê-ru-sa-lem trở về thành An-ti-ốt, dẫn theo Giảng, cũng gọi là Mác.**

12:25 Đây là điểm bắt đầu sự tường trình về những chuyến truyền giáo của Phao-lô. Có điểm khác biệt về câu này trong nguyên tác, họ trở về Giê-ru-sa-lem (xem MSS 8 và B) hay là họ trở về từ Giê-ru-sa-lem (xem *apo*, MS D hay *ek*, MSS P⁷⁴, A). Chương 13 khởi đầu với Ba-na-ba và Sau-lơ tại An-ti-ốt.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Chúa cứu Phi-e-rơ mà không cứu Gia-cơ?
2. Hội thánh có ngạc nhiên khi lời cầu nguyện của họ được nhậm không? Xin giải thích hàm ý của việc này.
3. Tín hữu có cần đến thiên sứ khi họ đã có Đức Thánh Linh chiếm ngự không?

CÔNG VỤ ĐOẠN 13

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ba-na-ba và Sau-lơ được ủy nhiệm 13:1-3	Ba-na-ba và Sau-lơ được chỉ định (12:25-13:3)	Ba-na-ba và Sau-lơ tại Chíp-rơ (12:25-13:3) 13:1-3	Ba-na-ba và Sau-lơ được chọn và gọi đi 13:1-2 13:3	Giáo vụ gọi đi 13:1-3
Các sứ đồ giảng tại Chíp-rơ 13:4-12	Giảng đạo tại Chíp-rơ 13:4-12	13:4-12	Tại Chíp-rơ 13:4-5 13:6-11a 13:11b-12	Chíp-rơ: thuật sĩ Ê-ly-ma 13:4-5 13:6-12
Phao-lô và Ba-na-ba tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi 13:13-16a 13:16b-25 13:26-41	Tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi 13:13-41	Hành trình đến An-ti-ốt xứ Bi-si-đi và Y-cô-ni 13:13-16a 13:16b-25 13:26-41	Tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi 13:13-16a 13:16b-20a 13:20b-25 13:26-41	Họ đến An-ti-ốt xứ Bi-si-đi 13:13-16a 13:16b-25 13:26-31 13:32-37 13:38-39 13:40-41
13:42-43	Phước lành và xung đột tại An-ti-ốt 13:42-52	13:42-43	13:42-43	13:42-43
13:44-52		13:44-47 13:48-52	13:44-47 13:48 13:49-52	Phao-lô và Ba-na-ba giảng cho người ngoại 13:44-47 13:48-49 13:50-52

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Đây là tường trình chuyến truyền giáo đầu tiên của Phao-lô và Ba-na-ba. Phần còn lại của sách Công-vụ sẽ ghi lại chức vụ của Phao-lô.
- B. Sẽ rất là hữu ích nếu sử dụng những bản đồ phía sau Kinh thánh và theo dõi những địa danh được đề cập trong chương 13 và 14.
- C. Có sự chuyển tiếp rõ ràng trong chương 13 và 14 từ sự lãnh đạo của Ba-na-ba sang Phao-lô. Liệu đây có thể là nguyên nhân khiến Giăng (Mác) rời khỏi đoàn truyền giáo?

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 13:1-3

¹ Trong Hội thánh tại thành An-ti-ốt có mấy người tiên tri và mấy thầy giáo sư, tức là: Ba-na-ba, Si-mê-ôn gọi là Ni-giê, Lu-si-út người Sy-ren, Ma-na-hem là người đồng dưỡng với vua chư hầu Hê-rốt, cùng Sau-lơ. ² Đương khi môn đồ thờ phượng Chúa và kiêng ăn, thì Đức Thánh Linh phán rằng: hãy để riêng Ba-na-ba và Sau-lơ dựng làm công việc ta đã gọi làm. ³ Đã kiêng ăn và cầu nguyện xong, môn đồ bèn đặt tay trên hai người, rồi để cho đi.

13:1 “An-ti-ốt” Xem ghi chú trong 11:19.

▣ **“Hội thánh”** Xem ghi chú trong 5:11.

▣ **“mấy người tiên tri và mấy thầy giáo sư”** Đây là hai ân tứ Thánh Linh được liệt kê trong I Cô-rinh-tô 12:28 và Ê-phê-sô 4:11. Cấu trúc ngữ pháp tại đây không rõ ràng, không biết là cả năm người được kể vừa là tiên tri vừa là giáo sư hay ba người đầu tiên là tiên tri còn hai người sau là giáo sư.

Có vấn đề nảy sinh từ chữ này, “Ân tứ tiên tri trong Tân ước liên hệ như thế nào với những tiên tri trong Cựu ước?” Trong Cựu ước, những tiên tri là những ghi chép Kinh thánh. Trong Tân ước, trách nhiệm này được giao cho mười hai sứ đồ và những người giúp đỡ họ. Như chữ “sứ đồ” được sử dụng cho những ân tứ tiếp diễn (xem Ê-phê-sô 4:11), cùng với sự thay đổi trách nhiệm sau khi mười hai sứ đồ qua đời, chức vụ tiên tri cũng thay đổi. Sự linh cảm ngưng lại, không có thêm những kinh sách được linh ứng. Nhiệm vụ chính của những tiên tri trong Tân ước là công bố Phúc âm, nhưng ngoài ra còn có một nhiệm vụ khác là áp dụng chân lý Tân ước cho những hoàn cảnh và nhu cầu hiện tại. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 3:18.

Ân tứ giáo sư được đề cập trong Công-vụ 13:1 có sự kết hợp với sự tiên tri, nhưng trong Ê-phê-sô 4:11 thì lại liên kết với những mục sư. Trong II Ti-mô-thê 1:11 Phao-lô nói rằng ông là người giảng đạo, sứ đồ và là giáo sư. Tại đây, những chức vụ xem như độc lập với nhau giống như trong Rô-ma 12:7. Điều này cũng được bàn luận cách riêng biệt trong Gia-cơ 3:1ff. Chi tiết này có ngụ ý rằng những ân tứ lãnh đạo này có thể được kết hợp trong nhiều cách khác nhau cho những tín hữu khác nhau để đáp ứng nhu

cầu của Hội thánh trong từng giai đoạn hay khu vực nhất định. Mỗi người lãnh đạo được ơn này đều rao giảng Phúc âm nhưng với điểm nhấn mạnh khác nhau (xem Ê-phê-sô 4:11).

▣ **“Si-mê-ôn gọi là Ni-giê”** Chữ *“niger”* trong tiếng Latin có nghĩa là sạm màu hay là đen. Có một số người cổ gắn liền kết Si-mê-ôn này với Mác 15:21.

▣ **“Lu-si-út người Sy-ren”** Có thể đây là một trong những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp đã giảng đạo cho người ngoại bang tại An-ti-ốt (xem 11:20). Ông chắc không phải là Lu-si-út được đề cập trong Rô-ma 16:21.

▣ **“Ma-na-hem là người đồng dưỡng với vua chư hầu Hê-rốt”** *Manaen* là dạng thức Hy Lạp của chữ Do Thái *Manahem*, có nghĩa là “người an ủi”. Người này có thể là anh nuôi (theo tiếng Hy Lạp) của Hê-rốt An-ti-pa (xem phần giới thiệu chương 12) hay là cùng lớn lên với ông (theo bản giấy cói Koine). Luca có thể đã thu thập được nhiều thông tin về vua chư hầu Hê-rốt An-ti-pa khi truyện trò với người này.

13:2

NASB “chăm sóc”

NKJV “chăm sóc”

NRSV “thờ phượng”

TEV “phục vụ”

NJB “đâng sự thờ phượng”

Đây là chữ Hy Lạp *leitourgia* (một từ ghép của “công chúng” và “việc làm”) từ chữ này chúng ta có chữ “liturgy” trong Anh ngữ. Trong nguyên gốc, chữ này chỉ một người tự trang trải công tác phục vụ công chúng. Chữ này ngụ ý một khoảng thời gian tìm biết ý Chúa trong lễ thờ phượng. Động từ này là nói về cả Hội thánh hay chỉ dành cho năm người được nêu tên?

▣ **“đã kiêng ăn”** Trong Cựu ước, chỉ có một ngày kiêng ăn trong cả năm là Đại Lễ Chuộc Tội (Lê-vi Ký 16). Tuy nhiên, trong thế kỷ thứ nhất, những tu sĩ Do-Thái-Giáo phát triển thành hai lần kiêng ăn trong một tuần. Mặc dù những tín hữu không đòi hỏi phải kiêng ăn, nhưng trong nhiều trường hợp, kiêng ăn hữu ích trong việc tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời (xem 14:23).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ KIÊNG ĂN

Kiên ăn, mặc dù không bao giờ được phán dạy trong Tân ước, được trông đợi vào những thời điểm thích hợp đối với những môn đồ của Đức Chúa Giê-xu (xem 2:19; Ma-thi-ơ 6:16,17; 9:15; Lu-ca 5:35). Sự kiêng ăn phải lễ được mô tả trong Ê-sai 58. Chính Đức Chúa Giê-xu đã thiết lập tiền lệ cho sự kiêng ăn (xem Ma-thi-ơ 4:2). Hội thánh ban đầu đã kiêng ăn (xem Công-vụ 13:2-3; 14:23; II Cô-rinh-tô 6:5; 11:27). Động cơ và cách thức là những yếu tố quyết định; thời gian và mức độ thường xuyên là sự tùy chọn. Sự kiêng ăn Cựu ước không phải là một đòi hỏi cho những tín hữu Tân ước (xem Công-vụ 15). Kiêng ăn không phải là cách để khoe khoang về sự thiêng liêng, nhưng là để đến gần Chúa hơn và tìm kiếm sự hướng dẫn của Ngài, hữu ích cho đời sống tâm linh.

Những khuynh hướng khổ tu của Hội thánh ban đầu khiến những nhà chép kinh chèn thêm chữ “kiêng ăn” vào trong một số đoạn kinh văn (Ma-thi-ơ 17:21; Mác 9:29; Công-vụ 10:30; I Cô-rinh-tô 7:5). Để tìm hiểu thêm, tham khảo tác phẩm *A Textual Commentary on the Greek New Testament* của Bruce Metzger do United Bible Societies ấn hành về những khúc kinh văn có nhiều nghi vấn này.

▣ **“Đức Thánh Linh phán rằng”** Đây lại là một bằng chứng Kinh thánh nữa về tính cách của Đức Thánh Linh. Mạng lệnh bày tỏ ở dạng âm thanh hay qua trực giác thì không rõ (xem 8:29; 10:19; 11:12; 20:23; 21:11). Nhưng rõ ràng đây là sứ điệp rất cụ thể (xem 16:6-7).

▣ **“hãy để riêng”** Tại đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Chữ *aphorizō* có cùng khái niệm như chữ “thánh” (*hagiazō*). Nó ngụ ý rằng biệt riêng và trang bị cho sứ mạng thiên thượng (xem Rô-ma 1:1; Ga-la-ti 1:15).

▣ Sau “để riêng” trong bản văn tiếng Hy Lạp là hậu tố *dē* chỉ sự nhấn mạnh (xem Lu-ca 2:15; I Cô-rinh-tô 6:20). Nó khiến cho lời kêu gọi của Đức Thánh Linh mang tính nghiêm túc. Có đoạn văn tương tự trong lời nói của Phao-lô ở 15:36.

▣ **“công việc ta đã gọi làm”** Đây là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE (deponent) INDICATIVE). Chính Chúa kêu gọi và trang bị cho những công tác mục vụ (xem I Cô-rinh-tô 12:7,11).

13:3 “đặt tay trên hai người” Chính động từ này là nền tảng cho nghi thức phong chức của chúng ta trong hiện tại; nhưng nó lại là một trong những chữ tối nghĩa. Do đó, nó không phù hợp để làm nền tảng Kinh thánh cho các nghi thức hệ phái hiện thời của chúng ta. Có nhiều ví dụ cụ thể của việc “đặt tay” trong Kinh thánh.

1. Trong Cựu ước, với mục đích :
 - a. Sự xác nhận dâng hiến (xem Lê-vi Ký 1:4; 3:2; 4:4; 16:21)
 - b. Chúc phước (xem Sáng-thể Ký 48:13ff; Ma-thi-ơ 19:13,15)
 - c. Sự ủy nhiệm người tiếp nối (xem Dân-số Ký 27:23; Phục-truyền Luật-lệ Ký 34:9)
2. Trong Tân ước, ý nghĩa bối cảnh cũng đầy sự đa dạng :
 - a. Chữa lành (xem Lu-ca 4:40; 13:13; Công-vụ 9:17; 28:8)
 - b. Cống hiến hay là ủy thác một công tác (xem Công-vụ 6:6; 13:3)
 - c. Liên kết với sự nhận lãnh Đức Thánh Linh hay những ân tứ Thánh Linh (xem Công-vụ 8:17; 19:6; I Ti-mô-thê 4:14; II Ti-mô-thê 1:6)
 - d. Nhắc lại sự giảng dạy căn bản của Do-Thái-Giáo hoặc là Hội thánh (xem Hê-bơ-rơ 6:2).

Hành động đặt tay này không phải là kinh nghiệm nhậm chức. Những người này đã được kêu gọi, được ban ơn và là những người đang thi hành sự lãnh đạo. Đây không phải là kêu gọi họ bước vào một chức vụ mới nhưng là sự mở rộng những gì họ đang thực hiện.

Sự phong chức thường khuyến khích sự tách biệt giữa các tín hữu. Nó hình thành niềm tin vào sự tách biệt giáo phẩm-giáo dân khởi đầu bởi giáo hội Công giáo La mã. Chữ Hy Lạp *cleros* (thừa hưởng di sản) và *laos* (con người), khi được sử dụng trong Tân ước, luôn luôn chỉ toàn thể nhóm tín hữu. Tất cả mọi tín hữu đều được gọi, ban ơn, là những người rao giảng Phúc âm trọn thời gian (xem Ê-phê-sô 4:11-12). Không có một bằng chứng Kinh thánh nào cho việc tách biệt những tín hữu thành những nhóm có thứ bậc. Tất cả mọi tín hữu được ban ơn cho chức vụ trong thân thể Đấng Christ (xem I Cô 12:7, 11).

BẢN NASB 13:4-12

⁴ Vậy, Sau-lơ và Ba-na-ba đã chịu Đức Thánh Linh sai đi, bèn xuống thành Sê-lơ-xi, rồi từ đó đi thuyền đến đảo Chíp-rơ. ⁵ Đến thành Sa-la-min, hai người giảng đạo Đức Chúa Trời trong các nhà hội của người Giu-đa; cũng có Giảng cùng đi để giúp cho. ⁶ Trải qua cả đảo cho đến thành Ba-phô rồi, gặp một người Giu-đa kia, là tay thuật sĩ và tiên tri giả, tên là Ba-Giê-xu, ⁷ vốn ở với quan trấn thủ tên là Sê-giúp Phau-lút là người khôn ngoan. Người này đã sai mời Ba-na-ba và Sau-lơ đến, và xin nghe đạo Đức Chúa Trời. ⁸ Nhưng Ê-ly-ma, tức là thuật sĩ (ấy là ý nghĩa tên người), ngăn hai người đó, ráng sức tìm phương làm cho quan trấn thủ không tin. ⁹ Bấy giờ, Sau-lơ cũng gọi là Phao-lô, đầy dẫy Đức Thánh Linh, đối mặt nhìn người nói rằng: ¹⁰ Hỡi người đầy mọi thứ gian trá và hung ác, con của ma quỷ, thù nghịch cùng cả sự công bình, người cứ làm hư đường thẳng của Chúa không thôi sao? ¹¹ Nay, bây giờ tay Chúa giá trên

người; người sẽ bị mù, không thấy mặt trời trong ít lâu. Chính lúc đó, có sự mù mịt tối tăm phủ trên người, người xây quanh bốn phía, tìm kẻ để dắt mình. ¹² Quan trấn thủ thấy sự đã xảy đến, bèn tin, lấy làm lạ về đạo Chúa.

13:4 “chịu Đức Thánh Linh sai đi” Bối cảnh tại đây không phải khẳng định cho thẩm quyền của Hội thánh địa phương, nhưng thẩm quyền của Đức Thánh Linh. Ngài là một thân vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời được nhấn mạnh trong sách Công-vụ. Thời đại mới của Đấng Mết-si-a được biết đến như thời đại của Đức Thánh Linh. Ngài kêu gọi, ban ơn, hướng dẫn, chinh phục và thêm sức. Không thể nào có một chức vụ lâu dài hay hiệu quả xảy ra mà lại không có sự hiện diện và chúc phước của Đức Thánh Linh.

▣ **“Sê-lơ-xi”** Đây là hải cảng của thành phố An-ti-ôt trong xứ Sy-ri, nằm khoảng 15 dặm về hướng tây nam. Tên gọi của hải cảng này là từ vị tướng Seleucid của A-léc-xan-đơ Đại Đế, người đã cai trị vùng đất này sau khi A-léc-xan-đơ Đại Đế qua đời.

▣ **“Chíp-ro”** Đây là quê hương của Ba-na-ba, nơi đây có cộng đồng Do Thái đông đảo. Trong Cựu ước, nó được nhắc đến với tên *Kittim*. Đây không phải là lần truyền giảng đầu tiên trên hòn đảo này (xem 11:19-20).

13:5 “Sa-la-min” Đây là hải cảng trên bờ biển phía đông của đảo Chíp-ro, là trung tâm thương mại của đảo.

▣ **“hai người giảng đạo Đức Chúa Trời trong các nhà hội của người Giu-đa”** Lý do thật rõ ràng: (1) những người Do Thái này đã biết Kinh thánh Cựu ước; (2) người Do Thái là dân được tuyển chọn (xem Sáng-thê Ký 12:1-3) và có được cơ hội đầu tiên để đáp ứng (xem 3:26; 13:46; 17:2; 18:4,19; 19:8; Rô-ma 1:16); (3) trong nhà hội có những người ngoại bang [a] đã bị cuốn hút bởi Đức Chúa Trời chân thật và [b] biết Kinh thánh Cựu ước. Hoạt động này trở thành phương thức truyền giảng thường xuyên của Phao-lô tại những địa điểm có nhà hội.

▣ **“Giăng”** Đây là Giăng (Mác), nhà ông là nơi các sứ đồ họp mặt (xem Công-vụ 12:12). Giăng (Mác), theo truyền thống, là tác giả của sách Phúc âm Mác, ghi lại lời kể của Sứ đồ Phi-e-rơ. Ông cũng chính là nguyên nhân gây nên sự tranh cãi lớn giữa Phao-lô và Ba-na-ba khiến tách đôi đoàn truyền giáo (xem 15:36-41). Tuy nhiên, về sau Phao-lô có đề cập đến Giăng Mác một cách tích cực (xem Cô-rinh-tô 4:10; II Ti-mô-thê 4:11 và Phi-lê-môn câu 24). Xem đầy đủ ghi chú tại 12:12.

13:6 “Trải qua cả đảo” Cụm từ này có lẽ có nghĩa là họ đã thăm và giảng tại tất cả các nhà hội trên đảo.

▣ **“Ba-phô”** Tại đây ám chỉ đến thành phố Ba-phô mới, khác với thành phố Phoenician cổ cách đó bảy dặm. Cả hai thành phố này đều được đặt tên theo nữ thần Phoenician *Paphian*, thần tình yêu còn được biết với những tên gọi khác như *Aphrodite*, *Astarte*, *Venus*, v.v. Thành phố này là thủ phủ chính thức của đảo Chíp-ro.

▣ **“Ba-Giê-xu”** Ông này là một tiên tri Do Thái giả. Tên của ông có nghĩa là “con của Giô-suê”. Từ câu 8, chúng ta biết thêm rằng ông ta có biệt danh thuật sĩ Ê-ly-ma. Biệt danh này tương ứng với nghĩa Hy Lạp của từ gốc “phù thủy” trong tiếng A-ram (xem câu 10). Xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 8:9.

13:7 “quan trấn thủ tên là Sê-giút Phau-lút” Đã có rất nhiều những tranh luận về khía cạnh lịch sử trong những tường trình của Lu-ca. Tại đây là ví dụ cho đặc tính chuẩn xác của sử gia Lu-ca. Ông cho biết đây là quan trấn thủ, điều này có nghĩa là đảo Chíp-ro là một tỉnh có đại diện trong Thượng nghị viện đế quốc La mã. Chúng ta biết được điều này xảy ra vào năm 22 SC từ một chiếu chỉ của Hoàng đế Au-

gút-tơ. Chúng ta cũng tìm được từ một bia đá khắc tiếng La-tinh tại Soloi cho biết Sê-giút Phau-lút bắt đầu chức quan trấn thủ năm 53 SC. Càng có nhiều thông tin thu thập được từ những khám phá khảo cổ thuộc về thế giới vùng Địa Trung Hải trong thế kỷ thứ nhất, tính chuẩn xác lịch sử của Lu-ca càng được chứng thực.

▣ **“người khôn ngoan”** Đây là chữ thường được dùng với nhiều hàm ý đa dạng. Trong bối cảnh tại đây, nó có nghĩa rằng đây là vị quan cai trị hữu hiệu. Qua việc mô tả vị quan chứng tỏ Phúc âm không chỉ tác động đến người nghèo, thất học nhưng còn ảnh hưởng đến những người giàu có, học thức (xem *Manaen* 13:1). Đây cũng có thể là một trong những chủ ý để Lu-ca viết sách Công-vụ: chứng tỏ Phúc âm không đe dọa sự cai trị của đế quốc La mã.

13:8 “Ê-ly-ma” Dường như cái tên Hy lạp này là sự chuyển ngữ của chữ “nhà thông thái” (người có thể thấy trước và kiểm soát tương lai bằng cách can thiệp vào những sức mạnh vô hình của cõi siêu nhiên) trong tiếng Ả-rập.

▣ **“thuật sĩ”** Chữ này có liên hệ với chữ “magi” là những nhà thông thái Ba-by-lôn và Mê-di, như Đa-ni-ên (xem Đa-ni-ên 2:2; 4:9; Ma-thi-ơ 2:1). Tuy nhiên, trong thời của Phao-lô, chữ này được dùng cho những thầy phù thủy, lang băm lang thang trong thế giới Hy lạp-La mã. Xem phần ghi chú trong 8:9.

▣ **“tin”** Chữ này có ba cách sử dụng khác biệt trong Tân ước: (1) đức tin cá nhân nơi Đức Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cứu Rỗi; (2) đời sống tin kính; hay là (3) nội dung Thần học của Phúc âm (nghĩa là giáo lý, xem Giu-đe 3, 20). Tình trạng nhiều nghĩa này cũng lặp lại trong Công-vụ 6:7. Riêng tại đây, dựa theo bối cảnh và mào từ, chữ này dường như có nghĩa thứ (3).

13:9 “Phao-lô” Đây là lần đầu tiên sách Công-vụ sử dụng tên La mã của ông. Phao-lô phát xuất từ chữ Hy lạp nghĩa là “nhỏ”. Một số người cho rằng nghĩa này ám chỉ kích thước hình thể của Phao-lô, một số khác thì dựa vào chính lời Phao-lô nói về chính mình “kẻ thấp hèn nhất trong các sứ đồ” bởi vì ông đã bắt bớ Hội thánh. Nhưng nó cũng có thể là tên do cha mẹ đặt cho ông khi mới sinh.

▣ **“Phao-lô, đầy dẫy Đức Thánh Linh”** Quyền năng Đức Thánh Linh hướng dẫn Hội thánh ban đầu được mô tả trong chữ “đầy dẫy” (xem 2:4; 4:8,31; 6:3; 7:55; 9:17; 13:9,52). Việc tiếp tục được đầy dẫy Đức Thánh Linh là trạng thái thông thường của mọi tín hữu (xem Ê-phê-sô 5:18). Trong sách Công-vụ, điều này thường liên hệ với việc rao giảng Phúc âm cách táo bạo, mạnh mẽ.

▣ **“đôi mắt nhìn”** Xem đầy đủ chú thích tại 1:10.

13:10 Phao-lô mô tả tiên tri Do Thái giả này bằng những cụm từ như sau:

1. “đầy gian trá” có nghĩa là bẫy mồi (đây là lần duy nhất Lu-ca sử dụng chữ này).
2. “đầy giả dối” chữ này phát xuất từ chữ Hy lạp có nghĩa là làm một cái gì đó nhẹ dạ, nông nổi; nhưng với hàm ý hiểm độc (xem 18:14). Chữ này cũng chỉ có trong sách Công-vụ (xem 13:10; 18:14).
3. “con của ma quỷ” đây là thành ngữ của ngôn ngữ Semitic (xem 3:25; 4:36) cho người được mô tả bằng những việc làm của quỷ dữ (xem Ma-thi-ơ 13:38; Giảng 8:38,41,44).
4. “thù nghịch cùng cả sự công bình” chữ này xuất hiện vài lần trong những tác phẩm của Lu-ca khi trích dẫn Cựu ước (xem Lu-ca 1:71,74; 20:43; Công-vụ 2:35). Người này chống nghịch với tất cả những gì giống Chúa hay có liên hệ đến Chúa. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Chính trong 3:14.
5. Phao-lô sử dụng chữ “tất cả” ba lần để bày tỏ sự hiểm độc cùng cực của ông này.

▣ **“làm hư đường thẳng của Chúa”** Đây là câu hỏi tu từ với giả định một câu trả lời xác nhận. Chữ “phải” hay “thẳng” trong Tân ước phản ánh khái niệm sự công chính trong Cựu ước có nghĩa là tiêu

chuẩn hay thước đo bằng sậy. Chữ “cong queo” hay “hư hỏng” trong Tân ước phản ánh chữ “tội lỗi” trong Cựu ước, có nghĩa là sự xa rời khỏi tiêu chuẩn là Đức Chúa Trời. Ông này làm mọi sự trở nên sai bậy (đổi nghịch của sự công chính).

13:11 “tay Chúa” Đây là cụm từ mô phỏng hình người trong ngôn ngữ Semitic trình bày quyền năng và sự hiện diện của YHWH (xem Lu-ca 1:66; Công-vụ 11:21). Trong Cựu ước, nó thường chỉ về sự phán xét của Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 9:3; I Sa-mu-ên 5:6; Gióp 19:21; 23:2; Thi-thiên 32:4; 38:2; 39:10), giống như tại đây.

▣ **“ngươi sẽ bị mù”** Những cụm từ mạnh mẽ mô tả sự độc ác và nổi loạn mà Phao-lô dùng để phác họa người này cùng với sự trừng phạt thiên thượng ông ta nhận lãnh có thể phản ánh chính cuộc đời của Phao-lô trước đây. Ông nhìn lại và thấy chính mình trong vị giáo sư Do Thái giả này cùng với những việc làm của ông (xem 9:8).

Sự mù lòa thường được sử dụng trong ý nghĩa răn dạy cho sự thiếu mất sự tiếp nhận tâm linh (xem Giảng 9; Công-vụ 9).

13:12 “thấy sự đã xảy đến, bèn tin” Đây là cùng một chữ Hy Lạp (*pisteuō*, danh từ có thể dịch là tin, đức tin hay là trông cậy) được sử dụng trong cả Tân ước để mô tả niềm tin chân thật. Vị quan trấn thủ này đã đáp ứng với sứ điệp Phúc âm. Một người thì bị che mắt lại (theo nghĩa đen); một người thì lại được mở mắt ra (theo nghĩa bóng). Đây chính là sự huyền diệu của đức tin (xem Giảng 9). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Tin (Danh từ, Động từ và Tính Từ) tại 8:12.

BẢN NASB 13:13-16a

¹³ Phao-lô với đồng bạn mình xuống thuyền tại Ba-phô, sang thành Bết-giê trong xứ Bam-phi-ly. Nhưng Giảng lia hai người, trở về thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁴ Về phần hai người, thì lia thành Bết-giê, cứ đi đường đến thành An-ti-ốt xứ Bi-si-đi; rồi nhằm ngày Sa-bát, vào trong nhà hội mà ngồi. ¹⁵ Vừa đọc sách luật và sách các tiên tri xong, các chủ nhà hội sai sứ nói cùng hai người rằng: Hỡi anh em, nếu có mấy lời khuyên bảo dân chúng, hãy giảng đi. ¹⁶ Phao-lô bèn đứng dậy, lấy tay làm hiệu, rồi nói rằng

13:13 “Phao-lô với đồng bạn mình” Hiên nhiên, người lãnh đạo đã thay đổi, từ đây trở đi trong sách Công-vụ tên Phao-lô sẽ được liệt kê trước.

▣ **“thành Bết-giê trong xứ Bam-phi-ly”** Bết-giê là thành phố lớn nhất trong tỉnh Bam-phi-ly, tỉnh nhỏ ven biển của đế quốc La mã (nay ở trung nam Thổ Nhĩ Kỳ). Thành phố này nằm sâu trong đất liền vài dặm để ngăn chặn cướp biển. Dường như Phao-lô không có giảng tại đây lần này, nhưng có giảng trong lần ghé sau đó (xem 14:25). Không có bằng chứng lịch sử của một nhóm Cơ-Độc-Nhân nào trong khu vực này trong suốt thời gian vài trăm năm. Phao-lô chỉ ghé ngang qua vùng ven biển này.

▣ **“Giảng lia hai người, trở về thành Giê-ru-sa-lem”** Lu-ca ghi lại sự kiện này, như không cho biết lý do tại sao (giống như những tác giả Tân ước khác).

13:14 “An-ti-ốt xứ Bi-si-đi” Có nghĩa đen là thành An-ti-ốt hướng về xứ Bi-si-đi, vì thành phố này tọa lạc trong khu vực dân Phrygia trong tỉnh Ga-la-ti của đế quốc La mã. Đây là một nhóm chủng tộc riêng biệt, có thể phát xuất từ Châu Âu.

▣ **“nhằm ngày Sa-bát”** Có nghĩa là từ khi mặt trời lặn ngày thứ sáu cho đến khi mặt trời lặn ngày thứ bảy. Người Do Thái tính thời gian từ buổi tối hôm trước đến buổi tối hôm sau, xem Sáng-thế Ký 1.

▣ **“ngồi”** Đây có thể là thành ngữ chỉ người phát biểu hay là diễn thuyết trong nhà hội. Những tu sĩ Do-Thái-Giáo luôn luôn ngồi trong khi giảng dạy (xem Ma-thi-ơ 5:1; Lu-ca 4:20). Nhà hội thường cho phép những diễn giả lưu động phát biểu nếu họ yêu cầu (xem câu 15).

13:15 “đọc sách luật và sách các tiên tri” Đây là một phần của lễ nghi tại nhà hội trong thời Đức Chúa Giê-xu. Lúc đầu, chỉ đọc Luật Pháp Môi-se, nhưng vua Antiochus IV Epiphanes ngăn cấm điều này vào năm 163 TC. Người Do Thái bèn thay thế bằng cách đọc các sách Tiên Tri. Trong suốt thời gian cuộc cách mạng của Mác-ca-bê, Do-Thái-Giáo được khôi phục và cả phần Luật Pháp và Tiên Tri cùng tiếp tục được đọc chung như nghi thức giản lược của nhà hội (xem câu 27).

Kinh thánh Do Thái được chia thành ba phần. (Kinh thánh Anh ngữ dựa theo thứ tự của bản Septuagint).

1. Torah (Ngũ Kinh), Sáng Thế Ký - Phục Truyền Luật Lệ Ký.
2. Các sách Tiên Tri
 - a. Những tiên tri trước, Giô-suê - Các Vua (ngoại trừ Ru-tơ)
 - b. Các tiên tri sau, Ê-sai - Ma-la-chi (ngoại trừ Ca Thương và Đa-ni-ên)
3. Các sách Văn Chương
 - a. Các sách Khôn Ngoan (Gióp - Châm Ngôn)
 - b. Các sách sau khi lưu đày (Ê-xơ-ra - Ê-xơ-tê)
 - c. Megilloth (5 cuộn)
 - (1) Rút (đọc trong Lễ Ngũ Tuần)
 - (2) Truyền Đạo (đọc trong đền tạm)
 - (3) Nhã Ca (đọc trong Lễ Vượt Qua)
 - (4) Ca thương (đọc để kỷ niệm sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 586 TC)
 - (5) Ê-xơ-tê (đọc trong lễ Phu-rim)
 - d. Sử ký I và II
 - e. Đa-ni-ên

▣ **“các chủ nhà hội”** Đây là những người được giao nhiệm vụ bảo trì cơ sở và sắp xếp trình tự thờ phượng (xem Lu-ca 8:41,49). Họ thường mời những vị khách để giảng.

▣ **“nếu có mấy lời khuyên bảo”** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL), giả định là chính xác theo ý văn, quan điểm của tác giả. Đây là khía cạnh thông thường trong sự thờ phượng tại nhà hội. Phao-lô đã hoàn toàn tận dụng cơ hội này.

13:16 “Phao-lô bèn đứng dậy” Thông thường một giáo sư Do Thái ngồi khi dạy; tuy nhiên, phong tục của Hy Lạp-La mã thì giáo sư đứng khi dạy. Phao-lô thay đổi bộ dạng và cách thức trình bày để thích hợp với đối tượng thánh giá.

▣ **“lấy tay làm hiệu”** Phao-lô ra hiệu để thánh giá yên lặng. Lu-ca nhắc đến chi tiết thấy tận mắt này thường xuyên (xem 12:17; 13:16; 19:33; 21:40).

BẢN NASB 13:16b-25

Hỡi người Y-sơ-ra-ên và các người kính sợ Đức Chúa Trời, hãy nghe: ¹⁷ Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên này đã chọn tổ phụ chúng ta; làm cho dân ấy thịnh vượng lúc ở ngụ nơi ngoại quốc, tức là trong xứ Ê-díp-tô, và Ngài dùng cánh tay cao dẫn họ ra khỏi xứ đó. ¹⁸ Ước chừng bốn mươi năm, Ngài chịu tính nét họ trong nơi đồng vắng. ¹⁹ Lại khi đã phá bầy dân trong xứ Ca-na-an, Ngài khiến họ nhận lấy đất của các dân đó, ²⁰ độ trong bốn trăm năm mười năm; kể đó Ngài lập cho họ các quan đoán xét cho đến đời tiên tri Sa-mu-ên. ²¹ Bấy giờ, dân đó xin một vị vua, nên Đức Chúa Trời ban Sau-lơ, con của Ki-lơ, về chi phái Bên-gia-min, trị họ trong bốn

mười năm;²² đoạn, Ngài bỏ vua đó, lại lập Đa-vít làm vua, mà làm chứng về người rằng: Ta đã tìm thấy Đa-vít con của Gie-sê, là người vừa lòng ta, người sẽ tuân theo mọi ý chỉ ta.²³ Theo lời hứa, Đức Chúa Trời bèn bởi dòng dõi người mà đẩy lên cho dân Y-sơ-ra-ên một Cứu Chúa, tức là Đức Chúa Giê-xu.²⁴ Trước khi Đức Chúa Giê-xu chưa đến, Giăng đã giảng dạy phép báp-tem về sự ăn năn cho cả dân Y-sơ-ra-ên.²⁵ Giăng đang lo làm trọn công việc mình, thì nói rằng: Ta chẳng phải là Đấng mà các ngươi tưởng; nhưng có Đấng đến sau ta, ta chẳng xứng đáng mở dây giày Ngài.

13:16b “Hỡi người Y-sơ-ra-ên và các người kính sợ Đức Chúa Trời, hãy nghe” Có hai nhóm người trong đám đông thánh giá, người Do Thái và người ngoại bang “kính sợ” Chúa (xem câu 26; 10:2,22,35). Bài giảng này rất giống với bài giảng của Ê-tiên trong Công-vụ 7. Trong nhiều phương diện, Phao-lô đã chịu ảnh hưởng sâu đậm theo sự hiểu biết về Cựu ước và Phúc âm của Ê-tiên.

13:17 Phao-lô khởi đầu việc nhắc lại lịch sử Cựu ước với sự kêu gọi các tổ phụ (Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp) cùng với sự giam giữ và giải cứu khỏi Ai-cập (Xuất Ê-díp-tô Ký - Phục-truyền Luật-lệ Ký).

▣ **“Ngài dùng cánh tay cao dẫn họ ra”** Đây là hình ảnh tiêu biểu của Cựu ước (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 6;1,6 trong bản LXX) về YHWH trong sự mô tả vật chất. Nó tương tự như cụm từ dạng mô phỏng hình người “tay phải của Ngài” Kinh thánh bày tỏ Đức Chúa Trời trong ngôn ngữ con người (mô phỏng theo hình người) dù rằng Ngài là Thần Linh vĩnh viễn, phi vật chất, ở khắp mọi nơi. Những sự so sánh trong Thánh kinh này là nguồn gốc của rất nhiều sự hiểu lầm và phóng đại ý nghĩa. Kinh thánh diễn tả Đức Chúa Trời bằng phép so sánh, phép ẩn dụ và phép phủ định. Đức Chúa Trời vượt trội hơn so với khả năng hiểu biết và diễn tả của con người sa ngã, tạm bợ và chỉ hướng về trần gian .

13:18 “Ước chừng bốn mươi năm, Ngài chịu tính nét họ trong nơi đồng vắng” Câu này phản ánh Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:31 và có thể dịch là “chăm nuôi như người bảo mẫu” (xem MSS A, C). Chi tiết này thể hiện trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký và Dân số Ký.

“Bốn mươi” là con số làm tròn. Thời gian chính xác từ Hô-rêp đến Si-tim là ba mươi tám năm cộng với hai năm ở tại Hô-rêp (Si-na-i).

13:19 “đã phá bảy dân trong xứ Ca-na-an” Những đất nước, dân trong xứ Pa-les-tin có thể được miêu tả bằng nhiều cách:

1. Từ tóm gọn, dân Ca-na-an (người đất thấp, xem Sáng-thế Ký 10:18-29; Các Quan Xét 1:1) hay là người A-mô-rít (người vùng cao, xem Sáng-thế Ký 15:16)
2. Hai quốc gia (Ca-na-an, Phê-rê-sít, xem Sáng-thế Ký 13:7; 34:30; Các Quan Xét 1:4-5)
3. Ba quốc gia (Hê-vít, Ca-na-an, Hê-tít, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:28)
4. Năm quốc gia (Ca-na-an, Hê-tít, A-mô-rít, Phê-rê-sít, Hê-vít, Giê-bu-sít, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:17; trong Dân-số Ký 23:29 dân A-ma-lét thay thế cho dân Hê-vít)
5. Sáu quốc gia (Ca-na-an, Hê-tít, A-mô-rít, Phê-rê-sít, Hê-vít, Giê-bu-sít, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:8,17; 33:2; 34:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 20:17; Giô-suê 9:1; 12:8)
6. Bảy quốc gia (Hê-tít, Ghi-rê-ga-sít, A-mô-rít, Ca-na-an, Phê-rê-sít, Hê-vít, Giê-bu-sít, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 7:1; Giô-suê 3:10; 24:11)
7. Mười quốc gia (Kê-nít, Kê-nê-sít, Cát-mô-nít, Hê-tít, Phê-rê-sít, Rê-pha-im, A-mô-rít, Ca-na-an, Ghi-rê-ga-sít, Giê-bu-sít, xem Sáng-thế Ký 15:19-21)

▣ **“nhận lấy đất”** Bộ ba từ ghép *kata + klēros + nemō* thường gặp trong bản Septuagint, nhưng chỉ xuất hiện một lần duy nhất tại đây trong Tân ước (trong những bản văn khác là *kata + klēros + didōmi*). Nó chỉ hành động rút thăm để chia sản nghiệp giữa các chi phái (xem Giô-suê 13-19).

▣ **“bốn trăm năm mươi năm”** Con số này được tính như sau:

1. 400 năm nô lệ tại Ai-cập (xem Sáng-thể Ký 15:13)
2. 40 năm lưu lạc trong đồng vắng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:35; Dân-số Ký 14:33-34; 32:13)
3. 7-10 năm chinh phục đất hứa (xem Giô-suê 14:7,10)

Bản Textus Receptus (KJV) chuyển những con số vào câu 20 và dường như có liên hệ với sách Các Quan Xét (dựa theo Giô-se-phút, *Antiq.* 8:3:1), nhưng cách sắp chữ này không có trong những bản chép tay chữ in tiếng Hy Lạp (xem \aleph , A, B, C) lâu đời hơn và chính xác hơn, phù hợp hơn khi so sánh với I Các Vua 6:1. Dấu gạch nối trong BẢN NASB là để nhấn mạnh vị trí thích hợp cho những số liệu.

13:20 Chi tiết này trình bày trong Các Quan Xét cho đến I Sa-mu-ên 7.

13:21 Chi tiết này trình bày trong I Sa-mu-ên 8-10.

▣ **“trong bốn mươi năm”** Cụm từ thời gian này không tìm thấy trong Cựu ước ngoại trừ khi liên kết với I Sa-mu-ên 13:1 có đề cập đến con số “bốn mươi” (bản NIV). Giô-se-phút, *Antiq.* 6:14:9 cũng có đề cập đến “bốn mươi” năm. Bản Septuagint thì lược bỏ toàn bộ câu này và bắt đầu với I Sa-mu-ên 3:2. “Bốn mươi” rõ ràng là lời truyền khẩu của những tu sĩ Do-Thái-Giáo.

13:22 “Ta đã tìm thấy Đa-vít con của Gie-sê, là người vừa lòng ta” Đây không phải là sự trích dẫn trực tiếp từ Cựu ước nhưng dường như là sự kết hợp giữa Thi-thiên 89:20 và I Sa-mu-ên 13:14. Cần nhớ rằng bài giảng này của Phao-lô dựa theo khuôn mẫu căn bản từ cách Ê-tiên diễn giải lịch sử trong chương 7. Đa-vít có thể được gọi là người vừa lòng Chúa, ngay cả khi ông là một tội nhân khét tiếng (xem Thi-thiên 32,51; II Sa-mu-ên 11), đây là sự khích lệ lớn cho mọi tín hữu.

Sự trích dẫn kết hợp này có nhiều hàm ý.

1. Đây là cách thức thông thường của các tu sĩ Do-Thái-Giáo, lý giải cho nhiều câu trích dẫn Cựu ước bất thường trong Tân ước.
2. Đây đã là một phần của giáo lý vấn đáp. Phao-lô thường trích dẫn từ những Thánh ca Cơ-Đốc-Giáo đầu tiên và có thể là từ những nguồn tài liệu, văn phẩm khác nữa.
3. Câu trích dẫn này độc nhất chỉ có Phao-lô sử dụng, chứng tỏ Lu-ca đã thu thập bản tóm tắt bài giảng đầu tiên được ghi lại của Phao-lô chính từ tác giả.

▣

NASB, NKJV	“người sẽ làm mọi ý muốn của Ta”
NRSV	“người sẽ thi hành mọi ý muốn của Ta”
TEV	“người sẽ làm mọi điều Ta muốn người làm”
NJB	“người sẽ thực thi trọn ý muốn của Ta”

Câu Kinh thánh này là sự kết hợp những ẩn ý trong Cựu ước. Phần này của câu văn không có trong đoạn kinh văn Cựu ước. Trong bối cảnh của Cựu ước, vua Sau-lơ không vâng phục và bị từ bỏ. Nhưng trong cuộc đời của Đa-vít cũng có những lúc không vâng lời Chúa. Đức Chúa Trời hành động qua con người bất toàn để hoàn thành chương trình cứu rỗi của Ngài.

13:23 Đây là câu tương tự như Công-vụ 7:52. Nó hướng về tất cả những lời hứa của Cựu ước.

1. Sự cứu rỗi qua dòng dõi của người nữ, Sáng-thể Ký 3:15
2. Đấng cai trị từ Giu-đa, Sáng-thể Ký 49:10
3. Đấng dẫn dắt sắp đến giống như Môi-se, các tiên tri, Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15,18
4. Người lãnh đạo từ nhà Đa-vít, II Sa-mu-ên 7; Thi-thiên 132:11; Ê-sai 11:1,10; Ma-thi-ơ 1:1
5. Đầy tớ đau khổ, Ê-sai 52:13-53:12
6. Đấng cứu rỗi, Lu-ca 2:11; Ma-thi-ơ 1:21; Giăng 1:29; 4:42; Công-vụ 5:31

Theo Lu-ca lời hứa thứ (4) là điểm trọng yếu (xem Lu-ca 1:32,69; 2:4; 3:31; Công-vụ 2:29-31; 13:22-23). Đấng Mê-ti-si-a sẽ từ dòng dõi Gie-sê (xem Ê-sai 9:7; 11:1,10; 16:5).

13:24 Chức vụ và sứ điệp của Giảng Báp-tít được mô tả trong Mác 1:1-8; Ma-thi-ơ 3:1-11; Lu-ca 3:2-17; Giảng 1:6-8,19-28. Giảng Báp-tít đã làm trọn lời tiên tri trong Ma-thi-ơ 3:1; 4:5-6. Giảng Báp-tít giảng dạy về sự ăn năn đã thiết định một khuôn mẫu cho sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu lúc ban đầu (xem Ma-thi-ơ 4:17; Mác 1:14-15). Giảng đã nói trước về Đấng sẽ đến sau ông, vượt trội hơn ông (xem Ma-thi-ơ 3:11; Mác 1:7; Lu-ca 3:16; Giảng 1:27,30; Công-vụ 13:25).

13:25 “Giảng đang lo làm trọn công việc mình” Đức Chúa Trời giao nhiệm vụ cụ thể cho Giảng thi hành. Chức vụ công khai của Giảng chỉ kéo dài chừng mười tám tháng. Nhưng đó thật là một năm rưỡi được đầy đầy quyền năng Thánh Linh để dọn đường cho Đấng Mết-si-a.

Phao-lô đã được biết đến Cựu ước từ khi còn nhỏ trong những trường tại nhà hội và được huấn luyện làm tu sĩ Do-Thái-Giáo bởi Ga-ma-li-ên tại Giê-ru-sa-lem. Ông đã nghe Phúc âm trước nhất từ Ê-tiên, sau đó từ những tín hữu mà ông bắt bớ, trong khái tượng đặc biệt từ Đức Chúa Giê-xu, từ người tín hữu Do Thái ở Đa-mách, từ Đức Chúa Giê-xu trong khi ông ở tại Ả-rập, và trong khi ông viếng thăm những sứ đồ khác. Phao-lô cố gắng trích dẫn Đức Chúa Giê-xu bất kỳ lúc nào có thể. Tại đây Phao-lô trích dẫn tường trình Phúc âm về cuộc đời Đức Chúa Giê-xu.

BẢN NASB 13:26-41

²⁶ Hỡi anh em, là con cháu dòng Áp-ra-ham, và kẻ kính sợ Đức Chúa Trời, lời rao truyền sự cứu chuộc này đã phán cho chúng ta vậy. ²⁷ Vì dân và các quan ở thành Giê-ru-sa-lem chẳng nhìn biết Đức Chúa Giê-xu này, nên lúc xử tội Ngài, chúng đã ứng nghiệm lời của các đấng tiên tri mà người ta thường đọc trong mỗi ngày Sa-bát. ²⁸ Dầu trong Ngài chẳng tìm thấy có gì đáng chết, họ cứ xin Phi-lát giết Ngài đi. ²⁹ Họ đã làm cho ứng nghiệm mọi điều chép về Ngài rồi, thì hạ Ngài xuống khỏi thập tự giá mà chôn trong má. ³⁰ Song Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài từ kẻ chết sống lại. ³¹ Những kẻ theo Ngài từ xứ Ga-li-lê lên thành Giê-ru-sa-lem đã được thấy Ngài hiện ra lâu ngày, và hiện nay đều làm chứng về Ngài giữa dân chúng. ³² Còn chúng tôi, thì rao truyền cho các anh em tin lành này và lời hứa ban cho tổ phụ chúng ta, ³³ rằng Đức Chúa Trời bởi khiến Đức Chúa Giê-xu sống lại thì đã làm ứng nghiệm lời hứa đó cho chúng ta là con cháu của tổ phụ, y như đã chép trong sách Thi Thiên đoạn thứ hai rằng: Con là Con trai ta, ngày nay ta đã sanh Con. ³⁴ Ngài đã làm cho Đức Chúa Giê-xu sống lại, đặt nay khỏi trở về sự hư nát nữa, ấy về điều đó mà Ngài đã phán rằng: Ta sẽ thành tín giữ cùng các người lời hứa thánh và chắc chắn đã phán với Đa-vít. ³⁵ Lại trong câu khác, cũng có phán rằng: Chúa chẳng cho Đấng Thánh Ngài thấy sự hư nát đâu. ³⁶ Vả, vua Đa-vít lúc còn sống, làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời, đoạn qua đời; người đã được trở về cùng các tổ phụ mình, và đã thấy sự hư nát; ³⁷ nhưng Đấng mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại, chẳng có thấy sự hư nát đâu. ³⁸ Vậy, hỡi anh em, khá biết rằng nhờ Đấng đó mà sự tha tội được rao truyền cho anh em; ³⁹ lại nhờ Ngài mà hễ ai tin thì được xưng công bình về mọi điều theo luật pháp Môi-se chẳng có thể được xưng công bình. ⁴⁰ Nên, hãy giữ lấy cho khỏi mắc điều đã chép trong sách tiên tri rằng: ⁴¹ Hỡi kẻ hay khinh dễ kia, khá xem xét, sợ hãi và biến mất đi; Vì trong đời các người, ta sẽ làm một việc, Nếu có ai thuật lại cho, các người cũng chẳng tin.

13:26 “con cháu dòng Áp-ra-ham, và kẻ kính sợ Đức Chúa Trời” Câu này dành cho cả những tín hữu Do Thái (hay là người nhập đạo) và người ngoại bang (những người kính sợ Chúa) gắn bó với đặc tính độc thần và đạo đức trong Do-Thái-Giáo.

▣ **“sự cứu chuộc này”** Chỉ về lời hứa của Đức Chúa Trời mua chuộc loài người sa ngã qua Đấng Mết-si-a (xem Sáng-thế Ký 3:15). Nó bao gồm luôn cả người ngoại bang (xem Sáng-thế Ký 12:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; và Công-vụ 28:28 và 13:46).

13:27 Đây thật là một câu bi thảm! Nó tóm tắt cô đọng sự mù lòa về Kinh thánh của người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem dù rằng họ đọc Kinh thánh thường xuyên. Bởi vì bỏ qua những điềm báo (xem Thi-thiên 22; Ê-sai 53; Xa-cha-ri; Ma-la-chi) và không nhận lãnh lời tiên tri (Ê-sai, Giô-na), chính người Do Thái đã làm ứng nghiệm lời tiên tri. Ngài đã đến trong xứ mình song dân mình chẳng hề nhận lấy (xem Giảng 1:11-12).

13:28 Công-vụ lặp đi lặp lại trách nhiệm tâm linh của những người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem (xem 2:23,36; 3:13-15; 4:10; 5:30; 7:52; 10::39; 13:27-28).

13:29 “họ...họ” Cụm từ này chỉ nhiều nhóm khác nhau. Nhóm người thứ nhất tìm cách giết Đức Chúa Giê-xu (lãnh đạo Do Thái, đám đông trước tòa án Phi-lát). Nhóm người thứ hai muốn thực hiện việc chôn cất thích hợp. Nhóm người này có thể bao gồm những người Do Thái nhận thức sự bất công (trung tự như trong Công-vụ 8:2, trong việc chôn cất Ê-tiên) hoặc là những môn đồ như Giô-sép A-ri-ma-thê và Ni-cô-đem (xem Giảng 19:38-42).

▣ **“mọi điều chép về Ngài”** Cuộc đời Đức Chúa Giê-xu làm trọn những lời tiên tri. Một bằng chứng mạnh mẽ cho đặc tính được linh cảm của Kinh thánh và thẩm quyền Mết-si-a của Giê-xu người Na-xa-rét là sự tiên báo (xem Lu-ca 22:22; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; 10:43; 13:29; 24:14; 26:22).

Có điều chắc chắn rằng nhiều chi tiết trong cuộc đời của Đức Chúa Giê-xu, dù đang được Hội thánh hiện nay kể là lời tiên tri, chỉ có ý nghĩa biểu tượng. Nhiều sự kiện xảy ra trong dòng lịch sử của dân Do Thái dường như cũng lặp lại trong cuộc đời của Đức Chúa Giê-xu sau đó (ví dụ Ô-sê 11:1). Thông thường những khúc Kinh thánh gián tiếp hay nhiều nghĩa mà theo văn mạch không thể xem là lời tiên tri lại dường như trở nên sống động khi xem xét từ khía cạnh cuộc đời Đức Chúa Giê-xu (ví dụ Thi-thiên 22; Ê-sai 53). Cần phải có sự linh cảm cùng với cảm nhận về dòng chảy của lịch sử cứu chuộc để nhận thức đầy trọn về hình bóng của Đức Chúa Giê-xu trong Cựu ước.

▣ **“thập tự giá”** Xem chú thích trong 5:30 và 10:29.

13:30,33,34,37 “Song Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài từ kẻ chết sống lại” Tân ước khẳng định sự vận hành của cả Ba ngôi Đức Chúa Trời trong sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu:

1. Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 8:11)
2. Đức Chúa Con (xem Giảng 2:19-22; 10:17-18)
3. Đức Chúa Cha (xem Công-vụ 2:24,32; 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9; 10:9; I Cô-rinh-tô 6:14; II Cô-rinh-tô 4:14; Ga-la-ti 1:1; Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-se 2:12; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10).

Chính Đức Chúa Cha xác nhận sự chân thật trong cuộc đời và sự dạy dỗ của Đức Chúa Giê-xu. Đây là khía cạnh chính yếu của *Kerygma* (nội dung của những bài giảng trong sách Công-vụ). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:14.

13:31 “lâu ngày” Công-vụ 1:3 cho biết “bốn mươi ngày”. Tuy nhiên, bốn mươi là một con số được làm tròn trong Cựu ước.

▣ **“Ngài hiện ra”** Đức Chúa Giê-xu hiện ra cho nhiều người để xác nhận sự phục sinh của Ngài:

1. Những người phụ nữ bên ngôi mộ, Ma-thi-ơ 28:9
2. Mười một sứ đồ, Ma-thi-ơ 28:16
3. Si-môn, Lu-ca 24:34
4. Hai môn đồ, Lu-ca 24:15

5. Các sứ đồ, Lu-ca 24:36
6. Ma-ri Ma-đơ-len, Giảng 20:15
7. Mười sứ đồ, Giảng 20:17
8. Mười một sứ đồ, Giảng 20:26
9. Bảy sứ đồ, Giảng 21:1
10. Sê-pha (Phi-e-rơ), I Cô-rinh-tô 15:5
11. Mười hai sứ đồ, I Cô-rinh-tô 15:5
12. 500 anh em, I Cô-rinh-tô 15:6 (Ma-thi-ơ 28:16-17)
13. Gia-cơ (gia đình của Ngài), I Cô-rinh-tô 15:7
14. Tất cả các sứ đồ, I Cô-rinh-tô 15:7
15. Phao-lô, I Cô-rinh-tô 15:8 (Công-vụ 9)

Hiển nhiên là trong số các lần được đề cập này có nhiều lần đề cập đến cùng một sự kiện. Đức Chúa Giê-xu muốn họ biết chắc chắn rằng Ngài đã sống lại.

13:32 “lời hứa ban cho tổ phụ chúng ta” Tại đây nhắc lại lời hứa đầu tiên của YHWH cho Áp-ra-ham đất và dòng dõi (xem Sáng-thể Ký 12:1-3; Rô-ma 4). Cùng một lời hứa này về sự hiện diện và chúc phước từ Đức Chúa Trời được lặp lại cho các tổ phụ và con cái của họ (xem Ê-sai 44:3; 54:13; Giô-ên 2:32). Cụm ước chú trọng về lời hứa ban cho đất đai, trong khi Tân ước tập trung về “dòng dõi”. Phao-lô đề cập gián tiếp đến lời hứa này trong Rô-ma 1:2-3.

13:33 Trích dẫn từ Thi-thiên 2:7, là một Thi Thiên thể loại Hoàng cung chỉ về Đấng Mết-si-a với việc bị chống nghịch và đắc thắng của Ngài. Đức Chúa Giê-xu đã bị giết bởi những quyền lực tăm tối (cả con người và ma quỷ), nhưng Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên sự đắc thắng (xem Rô-ma 1:4).

Câu Kinh thánh này và Rô-ma 1:4 bị những tà thuyết con nười cho rằng Đức Chúa Giê-xu chỉ trở thành Đấng Mết-si-a sau khi Ngài phục sinh. Đúng là Tân ước có nhấn mạnh điểm Đức Chúa Giê-xu được xác nhận và làm vinh hiển bởi sự vâng phục của Ngài, nhưng điều này không cách ly khỏi thần tính và sự vinh hiển Ngài vốn có từ trước (xem Giảng 1:1-5,9-18; Phi-líp 2:6-11; Cô-lô-se 1:13-18; Hê-bơ-rơ 1:2-3).

Cũng chính động từ này, “sống lại” (*anistēmi*), được sử dụng trong Công-vụ 3:26 khi Đức Chúa Trời đẩy lên đây tở của Ngài; thì trong Công-vụ 3:22 Đức Chúa Trời đẩy lên các tiên tri (xem 7:37; Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:19). Dường như đây là cách sử dụng khác biệt với nghĩa “làm sống lại” từ sự chết (xem câu 30,34,37). Đức Chúa Giê-xu đã được đẩy lên trước khi Ngài chết .

13:34 “khởi trở về sự hư nát” Câu này đề cập đến sự chết và sống lại của Đức Chúa Giê-xu. Ngài là Đấng sống lại trước nhất (trái đầu mùa của những kẻ chết, xem I Cô-rinh-tô 15:20) chứ không phải chỉ là hồi tỉnh lại. Trong Kinh thánh có nhiều người được sống lại, nhưng tất cả họ đều phải chết sau đó. Hê-nóc và Ê-li được về trời mà không trải qua sự chết, chứ không phải là sống lại.

▣ **“Ta sẽ thành tín giữ cùng các ngươi lời hứa thánh và chắc chắn đã phán với Đa-vít”** đây là câu trích dẫn từ Ê-sai 55:3 trong bản LXX. Trong câu trích dẫn, “lời hứa chắc chắn” ở số nhiều, nhưng không cho biết đề cập đến cụ thể điều gì. Đức Chúa Trời đã ban điều này cho Đa-vít, cho Đức Chúa Giê-xu và đến những người theo Ngài (số nhiều “các ngươi”). Bối cảnh từ Cựu ước cho thấy tầm mức quan trọng của “các ngươi” (xem Ê-sai 55:4-5 bản LXX, “Này, Ta sẽ làm cho người trở nên lời chứng giữa dân ngoại, một quan tướng và quan trưởng cho dân ngoại. Nhiều nước chưa hề biết ngươi sẽ cầu khẩn ngươi, và các dân không biết ngươi sẽ đến cùng ngươi để trú ẩn, vì có Đức Chúa Trời ngươi, Đấng Thánh của Do Thái đã tôn vinh ngươi” bản Septuagint, Zondervan, 1976, trang 890).

Những lời hứa và ơn phước cho Đa-vít (người Do Thái) nay trở thành ơn phước và lời hứa cho dân ngoại (toàn thể nhân loại).

13:35-37 Đây là lập luận mà Phi-e-rơ sử dụng trước đây trong bài giảng Lễ Ngũ Tuần (xem 2:24-32) cũng lấy từ Thi-thiên 16. Những bài giảng đầu tiên trong sách Công-vụ phản ánh giáo lý Cơ-Đốc-Giáo

vấn đáp căn bản: một vài đoạn kinh văn về Đấng Mết-si-a trong Cựu ước được kết nối chung lại với nhau. Do đó, thường thì đại từ và các chi tiết đường như không liên hệ với mục đích của tác giả Tân ước, sự phục sinh thân thể của Đức Chúa Giê-xu và sự hư hoại của vua Đa-vít.

13:38 Phao-lô lập luận bằng một lý lẽ của Cựu ước, giống như Phi-e-rơ (Công-vụ 2) và Ê-tiên (Công-vụ 7) để tiếp cận với những thánh giá của nhà hội. Phao-lô đề cập sự tha tội trọn vẹn mà Do-Thái-Giáo không thể mang lại cho mọi người tin Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ (“Đấng đó/Ngài” câu 38,39).

13:39 “**lại nhờ Ngài mà hễ ai**” Lưu ý yếu tố căn bản là Đức Chúa Trời yêu thương cả nhân loại và cả nhân loại có cơ hội để đáp ứng lại với Ngài bởi đức tin (xem 10:43; Ê-sai 42:1,4,6,10-12; 55; Ê-xê-chi-ên 18:32; Giô-ên 2:28,32; Giăng 3:16; Rô-ma 3:22,29,30; 10:9-13; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9).

▣ “**ai tin**” Xem ghi chú tại 3:16.

▣

NASB, NKJV “**được tự do khỏi mọi sự**” (câu 39)

NRSV “**được phóng thích khỏi mọi tội**” (câu 39)

TEV “**được tự do khỏi mọi tội**” (câu 39)

NJB “**được xưng công chính khỏi mọi tội**” (câu 38)

Có nghĩa đen là “được xưng công chính” ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE INDICATIVE). Đây là từ pháp lý mô tả địa vị của chúng ta trước Đức Chúa Trời qua sự công chính của Đức Chúa Giê-xu Christ (xem II Cô-rinh-tô 5:21). Trong tiếng Do Thái, chữ này có nghĩa gốc là “cây sậy”. Nó phản ánh chữ thuộc ngành xây dựng trong Cựu ước được dùng như hình bóng cho Đức Chúa Trời như là tiêu chuẩn hay là thước đo cho sự phán xét.

▣ “**mọi điều theo luật pháp Môi-se chẳng có thể được xưng công bình.**” Đây là điểm thần học trọng yếu của Phao-lô (xem Rô-ma 3:21-30). Luật pháp Môi-se giống như là một gia sư dẫn chúng ta đến sự nhận thức tội lỗi của chính mình và khiến chúng ta khao khát Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:23-29). Luật lệ Cựu ước không phải là một phương cách của sự cứu rỗi, vì tất cả mọi người đều đã phạm tội (xem Rô-ma 3:9-18,23; Ga-la-ti 3:22). Nó trở thành một bản án tử hình, một sự nguyên rủa (xem Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 2:14).

13:40-41 Phao-lô kêu gọi những thánh giá, dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE), đáp ứng bởi việc tin Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a là cách duy nhất để nhận sự tha tội (xem Giăng 14:6; Công-vụ 4:12; I Ti-mô-thê 2:5).

Ông trích dẫn Ha-ba-cúc 1:5 từ bản Septuagint như là lời cảnh cáo. Trong vài chỗ khác trong các thư tín, Phao-lô trích dẫn Ha-ba-cúc 2:4 là một cách đáp ứng thích hợp (xem Rô-ma 1:17; Ga-la-ti 3:11). Phao-lô giảng về một quyết định. Chỉ có tán thành bằng lý trí thôi thì không đủ, phải có sự đầu phục Đức Chúa Giê-xu hoàn toàn như là hy vọng duy nhất. Đức tin ban đầu và thể hiện của sự ăn năn cần phải được bày tỏ trong nếp sống giống như Đấng Christ mỗi ngày. Câu 41 miêu tả sự chấn động bởi phương pháp cứu rỗi của giao ước mới trong Đấng Christ.

BẢN NASB 13:42-43

⁴² Khi hai người bước ra, chúng xin đến ngày Sa-bát sau cũng giảng luận các lời đó. ⁴³ Lúc hội đã tan, có nhiều người Giu-đa và người mới theo đạo Giu-đa, đi theo Phao-lô và Ba-na-ba, hai người nói chuyện với họ và khuyên cứ vững lòng theo ơn Đức Chúa Trời.

13:42 câu Kinh thánh này cho thấy (1) quyền năng của Đức Thánh Linh thi hành qua bài giảng của Phao-lô và (2) sự khao khát được tha thứ và phục hồi với Đức Chúa Trời bên trong tâm hồn của loài người được dựng theo hình ảnh của Ngài.

13:43

NASB “những người nhập đạo kính sợ Chúa”
NKJV “những người nhập đạo tin kính”
NRSV “những người nhập đạo Do-Thái-Giáo tin kính”
TEV “người ngoại bang nhập đạo Do Thái giao”
NJB “những người nhập đạo tin kính”

Cụm từ này có nghĩa đen là “những người cải đạo thờ phượng Chúa”. Đây là nhóm người khác với “những người kính sợ Chúa” trong câu 16,26 (xem 10:2,22,35).

Câu 43 nói về những người ngoại bang đã chính thức trở thành người Do Thái. Điều này đòi hỏi (1) tự mình làm báp-tem có sự chứng kiến của nhân chứng; (2) chịu phép cắt bì, nếu là đàn ông; (3) dâng của lễ tại đền thờ Giê-ru-sa-lem nếu có thể. Có vài chỗ đề cập đến người cải đạo Do-Thái-Giáo trong Tân ước (xem Ma-thi-ơ 23;15; Công-vụ 2:11; 6:5; 13:43).

▣ “**khuyên cứ vững lòng theo ơn Đức Chúa Trời**” Dựa theo văn mạch tại đây thì khó xác định được ý nghĩa của cụm từ này: (1) một số trong những thánh giả có thể đã đáp ứng với sứ điệp Phúc âm trong lòng hay (2) những ai trung tín theo những gì họ hiểu về ơn Đức Chúa Trời được khuyến tiếp tục tìm kiếm Chúa và lắng nghe Phao-lô (xem câu 44).

BẢN NASB 13:44-47

⁴⁴ Ngày Sa-bát sau, gần hết cả thành đều nhóm lại để nghe đạo Chúa. ⁴⁵ Song những người Giu-đa thấy đoàn dân đó thì đầy lòng ghen ghét, nghịch cùng lời Phao-lô nói và mắng nhiếc người. ⁴⁶ Phao-lô và Ba-na-ba bèn nói cùng họ cách dạn dĩ rằng: Ấy cần phải truyền đạo Đức Chúa Trời trước nhứt cho các người; nhưng vì các người đã từ chối, và tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời, nên đây này, chúng ta mới xây qua người ngoại. ⁴⁷ Vì Chúa có phán dặn chúng ta như vậy: Ta lập người lênặng làm sự sáng cho các dân, Hầu cho người đem sự cứu-rỗi cho đến cùng cõi đất.

13:44 Sứ điệp của Phao-lô tạo nên ảnh hưởng rõ rệt. Đây cũng là cách nói cường điệu (vượt quá thực tế để làm mạnh thêm ý nghĩa) vì không thể nào tất cả mọi người trong thành đều nhóm lại.

13:45 “những người Giu-đa thấy đoàn dân đó thì đầy lòng ghen ghét” Trong văn mạch, không rõ là vì đám đông hay là nhiều người ngoại trong đám đông là nguyên nhân gây nên sự ghen ghét. Sự ghen ghét là đặc tính của lãnh đạo Do Thái cả tại Giê-ru-sa-lem và trong các cộng đồng Do Thái ly hương (xem Ma-thi-ơ 27:18; Mác 15:10; Công-vụ 17:5).

Về sau, trong sách Rô-ma, Phao-lô triển khai nan đề thần học sự không tin của người Do Thái (xem Rô-ma 9-11). Ông quả quyết rằng Đức Chúa Trời đã tạm thời khiến dân Do Thái mù lòa để nhờ đó dân ngoại được cứu. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời sẽ sử dụng sự cứu rỗi cho dân ngoại như một phương cách “ghen tị” để khiến dân Do Thái đáp ứng với Đấng Christ, nhờ đó mà mọi người tin được hiệp một trong Phúc âm (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Vấn đề đặt ra là đến khi nào thì việc này mới xảy ra? Câu hỏi tương tự cũng đã nêu ra trong Xa-cha-ri 12:10. Lời tiên tri này liên hệ với Hội thánh ban đầu, có đa số tín hữu là người Do Thái, hay là cho một giai đoạn trong tương lai sau đó? Sự ghen tị có ý cho mục đích cứu chuộc (xem Rô-ma 10:19; 11:11,14), nhưng sự ghen tị trong đoạn kinh văn tại đây lại khiến không tin .

▣ “**đầy lòng ghen ghét**” Xem chú thích trong 3:10.

▣ **“mắng nhiếc người”** Trong khi những người Do Thái này bảo vệ truyền thống của mình và công kích sự giảng dạy của Phao-lô, chính họ mắc phải tội báng bổ. Không thể có sự trung dung tại đây. Hoặc là Do-Thái-Giáo hay là Cơ-Đốc-Giáo là sự bày tỏ chân thật ý muốn của Đức Chúa Trời. Chính họ đã tự loại bỏ chính mình.

13:46 “cùng họ cách dạn dĩ” Đây là một trong những dấu hiệu được đầy đầy Đức Thánh Linh trong sách Công-vụ.

▣ **“Áy cần phải truyền đạo Đức Chúa Trời trước nhứt cho các người”** Đây là khuôn mẫu của sự truyền giảng lúc đầu. Người Do Thái có sự ưu tiên (xem Rô-ma 9-11), nhưng Đức Chúa Trời đã bao gồm luôn cả người ngoại bang. Những người trong nhà Hội biết Cựu ước và có thể kiểm chứng những lời tiên tri. Sách Công-vụ có một loạt những khúc kinh văn về chủ đề và mô hình (hình thức) này (xem 3:26; 9:20; 13:5,14; 16:13; 17:2,10,17).

▣ **“các người đã từ chối”** Đây là động từ rất mạnh, dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE INDICATIVE) được dùng vài lần trong bản Septuagint, nó có nghĩa nôm na là “đầy đi”. Động từ này đã được sử dụng trong bài giảng của Ê-tiên (xem 7:39). Phao-lô cũng đã dùng động từ này trong Rô-ma 11:1-2 để xác nhận rằng Đức Chúa Trời không từ bỏ dân Ngài, nhưng họ đã khước từ Con Ngài, phương cách cứu rỗi duy nhất, sự bày tỏ đầy trọn của Đức Chúa Trời.

▣ **“tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời”** Thật là khó giữ khái niệm tiền định, được nhấn mạnh nhiều lần trong sách Công-vụ, đồng thời với khái niệm đòi hỏi sự tiếp nhận cá nhân. Không một ai có thể đến được đức tin nếu không được Chúa kéo đến (xem Giảng 6:44,65), nhưng chúng ta sẽ bị phán xét bởi cách chúng ta đáp ứng. Khi khước từ sự rao giảng Phúc âm của Phao-lô, những người Do Thái này bộc lộ bản chất thật của mình (xem Giảng 3:17-21). Không thể đổ lỗi Đức Chúa Trời thiếu can thiệp. Ngài đã ban cho một con đường, phương cách duy nhất qua chính Con Ngài .

▣ **“chúng ta mới xây qua người ngoại”** Điều này trở thành khuôn mẫu thông thường cho việc công bố Phúc âm (xem 18:6; 22:21; 26:20; 28:28; Rô-ma 1:16).

13:47 Đây là trích dẫn từ Ê-sai 49:6 bản Septuagint. Cự Si-mê-ôn đã dùng câu trích dẫn này khi chúc phước cho em bé Giê-xu trong Lu-ca 2:32 để xác nhận công tác cứu rỗi Mết-si-a của Ngài. “Ánh sáng” trong bối cảnh tại đây cũng có thể ám chỉ sự rao giảng Phúc âm cho người ngoại của Phao-lô và Ba-na-ba (xem “Use of the Old Testament in the New,” Darrell Boch, trang 97 trong *Foundations for Biblical Interpretation*, Broadman & Holman Publishers, 1994). Giờ đây Phao-lô dùng câu trích dẫn này để bày tỏ sự công bố phổ quát của Phúc âm hoàn vũ .

BẢN NASB 13:48-52

⁴⁸ Những người ngoại nghe lời đó thì vui mừng, ngợi khen đạo Chúa, và phàm những kẻ đã được định sẵn cho sự sống đời đời, đều tin theo. ⁴⁹ Đạo Chúa tràn ra khắp trong xứ đó. ⁵⁰ Nhưng các người Giu-đa xui giục những đờn bà sang trọng sốt sắng và dân đàn anh trong thành; gây sự bắt bớ Phao-lô và Ba-na-ba, mà đuổi ra khỏi phần đất mình. ⁵¹ Hai người đối cùng họ phủi bụi nơi chơn mình, rồi đi đến thành Y-cô-ni. ⁵² Còn các môn đồ thì được đầy đầy sự vui vẻ và Đức Thánh Linh vậy.

13:48 “Những người ngoại nghe lời đó thì vui mừng, ngợi khen đạo Chúa” Nhiều người trong số này đã đến nhà hội nhiều năm nhưng chưa bao giờ được nghe sứ điệp phổ quát về tình thương và sự chấp

nhận cả nhân loại của Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Đấng Christ . Khi họ nghe điều này họ phấn khởi tiếp nhận (xem 28:28) rồi kể lại cho nhiều người khác (xem câu 49).

☐ **“phàm những kẻ đã được định sẵn cho sự sống đời đời, đều tin theo”** Đây rõ ràng là một câu bày tỏ sự tiền định (rất thông thường trong những tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo và các tác phẩm xuất hiện trong giai đoạn giữa Cựu ước và Tân ước), nhưng nó vẫn nằm trong mối liên hệ mơ hồ giống như tất cả các phân đoạn Tân ước khác có liên hệ đến nghịch lý giữa sự tuyển chọn của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người (xem Phi-líp 2:12,13). Câu này có dạng NÓI TRÁNH THỤ ĐỘNG THỜI QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH (PLUPERFECT PASSIVE PERIPHRASTIC) với một từ quân sự (*tassō*) có nghĩa là gia nhập hay chỉ định. Khái niệm gia nhập này có liên hệ đến hai cuốn sách (hình ảnh ẩn dụ) mà Đức Chúa Trời giữ (xem Đa-ni-ên 7:10; Khải-huyền 20:12). Cuốn sách thứ nhất là Việc làm của con người (xem Thi-thiên 56:8; 139:16; Ê-sai 65:6; và Ma-la-chi 3:16). Cuốn sách còn lại là Sách Sự Sống (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 32:32; Thi-thiên 69:28; Ê-sai 4:3; Đa-ni-ên 12:1; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Khải-huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:12-15; 21:27). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Lựa Chọn, Tiền Định và Sự Cần Thiết Cân Bằng Thần Học trong 2:47.

13:50 “Nhưng các người Giu-đa xui giục những đờn bà sang trọng sốt sắng” Khúc kinh văn này cho biết bối cảnh lịch sử và văn hóa của những người người phụ nữ sang trọng tại vùng Tiểu Á trong thế kỷ thứ nhất (xem 16:14; 17:4). Trong bối cảnh tại đây, nó đề cập đến những người cải đạo Do-Thái-Giáo là lãnh đạo trong cộng đồng hay là vợ của các vị lãnh đạo cộng đồng. A. T. Robertson, trong *Word Pictures in the New Testament*, vol. 3, trang 201, lập luận rằng phụ nữ ngoại bang rất bị thu hút bởi Do-Thái-Giáo (xem *Strabo* 7:2 và *Juvenal* 6:542) vì đặc tính đạo đức của nó.

☐ **“gây sự bắt bớ Phao-lô và Ba-na-ba”** Phao-lô đề cập đến sự kiện này trong II Ti-mô-thê 3:11.

13:51 “Hai người đối cùng họ phủ bụi nơi chơn mình” Đây là dấu hiệu từ bỏ của người Do Thái (xem Ma-thi-ơ 10:14; Lu-ca 9:5; 10:11). Không rõ tại đây đề cập (1) bụi trên chân và giày vì đi bộ hay là (2) bụi trên quần áo tung lên trong khi họ làm việc.

☐ **“Y-cô-ni”** Đây là thành phố chính của xứ Ly-cô-ni, trong tỉnh Ga-la-ti của đế quốc La mã, nằm cách thành phố An-ti-ốt xứ By-si-đi khoảng tám mươi dặm về hướng đông, đông nam và thẳng hướng bắc của Lít-tơ.

13:52 “được đầy dẫy sự vui vẻ” Đây là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE) cho biết sự khởi đầu của một hành động hay là lặp lại một hành động trong quá khứ. BẢN NASB, được nhuận chánh năm 1995, sử dụng nghĩa thứ hai. Chỉ có Đức Thánh Linh có thể ban sự vui mừng đang khi giữa con bắt bớ (xem Gia-cơ 1:2ff; I Phi-e-rơ 4:12ff). Chữ “các môn đồ” không rõ nghĩa. Không biết là nó chỉ những tín hữu mới hay là đoàn truyền giáo mới, hay là cả hai?

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao câu 13:2 không thể dùng như bằng chứng bản văn cho việc tuyển chọn một nhóm người?
2. Tại sao Phao-lô giảng tại nhà hội trước?

3. Tại sao Giăng (Mác) rời đoàn truyền giảng? (xem câu 13)
4. Câu 39 liên hệ như thế nào với Ga-la-ti 3?
5. Giải thích câu 48b trong mối liên hệ giữa tiền định và ý chí tự do của con người.

CÔNG VỤ ĐOẠN 14

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô và Ba-na-ba tại thành Y-cô-ni 14:1-7	Tại thành Y-cô-ni 14:1-7	Chức vụ tại khu vực Y-cô-ni và hành trình trở về 14:1-7	Tại thành Y-cô-ni 14:1-4 14:5-7	Truyền giảng tại thành Y-cô-ni 14:1 14:2 14:3 14:4-7
Phao-lô và Ba-na-ba tại Lít-tơ 14:8-18	Sự thờ hình tượng tại thành Lít-tơ 14:8-18	14:8-18	Tại Lít-tơ và Đẹt-bơ 14:8-13 14:14-18	Chữa lành người bại liệt 14:8-10 14:11-18
14:19-20	Bị ném đá và thoát chết tại Đẹt-bơ 14:19-20	14:19-20	14:19-20	14:19-20
Trở về thành An-ti-ốt trong xứ Sy-ri 14:21-28	Nâng đỡ những tín hữu mới 14:21-28	14:21-23 14:24-28	Trở về thành An-ti-ốt trong xứ Sy-ri 14:21-23 14:24-26 14:27-28	14:21-23 14:24-26 14:27-28

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

Công tác truyền giáo của Phao-lô liên hệ như thế nào với người Ga-la-ti?

- A. Có hai khía cạnh trong bối cảnh cần phải cân nhắc về mối tương quan với nhau, vì có hai giả thuyết trái ngược nhau trong việc nhận dạng đối tượng nhận thư, khiến thay đổi thời điểm xuất hiện khúc kinh văn. Cả hai giả thuyết này đều có lập luận thuyết phục và đều bị giới hạn về bằng chứng Thánh kinh.
- B. Hai giả thuyết
1. Giả thuyết theo truyền thống được hoàn toàn tán đồng cho đến tận thế kỷ thứ mười tám.
 - a. Nó được gọi là giả thuyết “Ga-la-ti Miền Bắc”
 - b. Giả thuyết này cho rằng tên gọi Ga-la-ti là nói về nhóm người Ga-la-ti ở vùng cao nguyên Trung Bắc của Thổ Nhĩ Kỳ (xem I Phi-e-rơ 1:1). Nhóm người Ga-la-ti này có tổ tiên là người Celts (tiếng Hy Lạp là *Keltoi* hay là *Gall* trong tiếng Latin) đã xâm chiếm vùng đất này vào khoảng thế kỷ thứ ba TC. Họ được gọi là “Gallo-Graecians” để phân biệt với những chi tộc ở phía tây Châu Âu. Họ bị vua Pergamum Attalus I chinh phục năm 230 TC. Tầm ảnh hưởng của nhóm người này giới hạn trong khu vực trung bắc vùng Tiểu Á hay là Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.
 - c. Nếu giả sử nhóm người này là đối tượng nhận thư thì thời điểm của lá thư sẽ vào khoảng những năm 50 SC trong chuyến truyền giáo thứ hai hoặc thứ ba của Phao-lô. Những bạn đồng hành với Phao-lô sẽ là Si-la và Ti-mô-thê.
 - d. Một số người cho rằng căn bệnh mà Phao-lô đề cập trong Ga-la-ti 4:13 là sốt rét. Do đó, họ cho rằng Phao-lô di chuyển lên vùng cao nguyên phía bắc để tránh vùng đất thấp, đầm lầy, lau sậy gây bệnh sốt rét.
 2. Giả thuyết thứ hai được Sir Wm. M. Ramsay đề xướng trong, *St. Paul the Traveler and Roman Citizen*, New York: G. P. Putnam’s Sons, 1896.
 - a. Trong khi giả thuyết truyền thống định nghĩa tên gọi Ga-la-ti là một nhóm người, một sắc tộc; thì giả thuyết này cho rằng nó là đơn vị hành chính của chính quyền. Phao-lô dường như thường sử dụng tên của những tỉnh trong đế quốc La mã (xem I Cô-rinh-tô 16:19; II Cô-rinh-tô 1:1; 8:1) Tỉnh “Ga-la-ti” trong đế quốc La mã là vùng đất lớn hơn và bao gồm luôn cả khu vực của nhóm người “Ga-la-ti”. Những chi tộc người Celts này ủng hộ đế quốc La mã từ rất sớm và được “trao” với nhiều quyền tự trị, tự quản và thậm chí quyền cai trị lãnh thổ rộng lớn. Nếu đơn vị hành chính rộng lớn này chính là “Ga-la-ti” thì có thể là trong chuyến truyền giáo đầu tiên Phao-lô đã đến những thành phố nằm ở phía nam như An-ti-ốt trong xứ Bi-si-đi, Lít-tơ, Đẹt-bơ và Y-cô-ni như đã được ghi lại trong Công-vụ 13-14, cũng là địa điểm của những Hội thánh này.
 - b. Nếu dựa theo giả thuyết “miền nam” thì thời điểm sẽ rất sớm, ngay trước khi Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15, đề cập đến chủ đề giống như trong sách Ga-la-ti. Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem xảy ra vào khoảng năm 48-49 SC và lá thư có thể được viết trong khoảng thời gian này. Nếu đúng như vậy thì Ga-la-ti là thư tín đầu tiên của Phao-lô trong Tân ước.
 - c. Một số bằng chứng khác của giả thuyết “Ga-la-ti Miền Nam”
 - (1) Tên những bạn đồng hành với Phao-lô không được đề cập, ngoại trừ Ba-na-ba được nhắc đến ba lần (xem 2:1,9,13). Chi tiết này phù hợp với chuyến truyền giáo thứ nhất của Phao-lô.
 - (2) Có cho biết Tít không phải cắt bì (xem 2:1-5). Chi tiết này thích hợp với giai đoạn trước khi Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15.
 - (3) Việc nhắc đến Phi-e-rơ (xem 2:11-14) và vấn nạn trong việc thông công với người ngoại bang thích hợp trước khi Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem.
 - (4) Khi tiền cứu trợ gửi đến Giê-ru-sa-lem, một vài người bạn đồng hành với Phao-lô từ nhiều vùng khác nhau được liệt kê (xem Công-vụ 20:4). Tuy nhiên, không có

ai từ vùng bắc xứ Ga-la-ti, mặc dù chúng ta biết rằng những Hội thánh “sắc tộc” Ga-la-ti có dự phần (xem I Cô-rinh-tô 16:1).

Để có sự trình bày chi tiết những lập luận khác nhau liên quan đến hai giả thuyết này, xin tham khảo sách giải kinh chuyên môn. Mỗi giả thuyết đều có những điểm chính xác. Tại thời điểm này, vẫn chưa có sự nhất trí, nhưng giả thuyết “Ga-la-ti Miền Nam” dường như thích hợp với các sự kiện, chi tiết hơn.

C. Mối liên hệ giữa thư tín Ga-la-ti và sách Công-vụ

1. Phao-lô viếng thăm Giê-ru-sa-lem năm lần đều được Lu-ca ghi lại trong sách Công-vụ
 - a. 9:26-30, sau khi Phao-lô cải đạo
 - b. 11:30; 12:25, chuyến quà cứu trợ của các Hội thánh ngoại bang
 - c. 15:1-30, dự Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem
 - d. 18:22, chuyến thăm viếng ngắn
 - e. 21:15ff, trong một cơ hội trình bày về công tác giữa vòng người ngoại bang.
2. Có hai chuyến viếng thăm Giê-ru-sa-lem được ghi trong sách Ga-la-ti:
 - a. 1:18, sau ba năm
 - b. 2:1, sau mười bốn năm
3. Chắc hẳn là Công-vụ 9:26 có liên hệ với Ga-la-ti 1:18. Công-vụ 11:30 và 15:1ff là những khung cảnh của những chuyến đi không được ghi lại có đề cập trong Ga-la-ti 2:1.
4. Có vài sự khác biệt giữa Công-vụ 15 và Ga-la-ti 2 nhưng sự khác biệt này có thể vì :
 - a. Khác biệt quan điểm
 - b. Mục đích khác nhau giữa Lu-ca và Phao-lô
 - c. Ga-la-ti 2 có thể là đã xảy ra trước những lần họp mặt được mô tả trong Công-vụ 15 nhưng cùng tiếp diễn sau đó.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 14:1-7

¹ Tại thành Y-cô-ni, Phao-lô và Ba-na-ba cùng vào nhà hội của người Giu-đa, và giảng một cách đến nỗi có rất nhiều người Giu-đa và người Gờ-réc tin theo. ² Song những người Giu-đa chưa chịu tin thì xui giục và khêu chọc lòng người ngoại nghịch cùng anh em. ³ Dầu vậy, Phao-lô và Ba-na-ba ở lại đó cũng khá lâu, đầy dẫy sự bạo dạn và đức tin trong Chúa, và Chúa dùng tay của hai sứ đồ làm những phép lạ dấu kỳ, mà chúng về đạo ân điển của Ngài. ⁴ Nhưng dân chúng trong thành chia phe ra: kẻ thì theo bên Giu-đa, người thì theo bên hai sứ đồ. ⁵ Lại khi những người ngoại và người Giu-đa cùng các quan mình nổi lên đặng hà hiếp và ném đá hai sứ đồ, ⁶ thì hai sứ đồ đã biết trước, bèn trốn tránh trong các thành xứ Ly-cao-ni, là thành Lít-tơ, thành Đẹt-bơ, và miền chung quanh đó, ⁷ mà giảng Tin Lành.

14:1 “Y-cô-ni” Có một sách không được kê là kinh điển tên là *The Acts of Paul and Thekla* có ghi lại những hoạt động của Phao-lô tại thành Y-cô-ni. Quyển sách này có ghi lại sự mô tả diện mạo duy nhất của Phao-lô: thấp, hơi đầu, chân vòng kiềng, lông mày đậm và mắt lồi. Với diện mạo ít thu hút như vậy phản ánh phần nào phản ứng mà Sứ đồ Phao-lô gặp phải trong vùng Tiểu Á. Đa số vùng này thuộc về tỉnh Ga-la-ti của đế quốc La mã.

▣ **“vào nhà hội”** Đây là thói quen của Phao-lô và Ba-na-ba. Những thánh giả, cả người Do Thái và người Hy Lạp đều quen thuộc với những lời tiên tri và lời hứa của Cựu ước.

▣ **“có rất nhiều người Giu-đa và người Gờ-réc tin theo”** Cụm từ này bày tỏ mục đích của sách Công-vụ. Phúc âm được rao giảng mạnh mẽ giữa nhiều nhóm sắc tộc. Ngụ ý của lời hứa trong Cựu ước là cho cả nhân loại (xem Sáng-thê Ký 3:15; 12:3) nay đang trở thành hiện thực.

Những câu tóm lược này liên hệ đến sự phát triển nhanh chóng của Hội thánh, là đặc tính của sách Công-vụ.

14:2 “người Giu-đa chưa chịu tin” Sự cứu rỗi được mô tả bởi “tin” (xem câu 1), sự mù lòa tâm linh và tính ngoan cố được bày tỏ bởi “sự không vâng phục” hay “không tin”. Sự khước từ, không đáp ứng lại với Phúc âm đưa con người vào sự mù lòa và hư mất.

Lu-ca ghi lại sự chống nghịch hiểm độc và chủ động bắt bớ của những người Do Thái không tin. Chính sự khước từ của họ đã mở cửa đức tin cho người ngoại bang (xem Rô-ma 9-11).

▣ **“xui giục”** Bản Septuagint thường sử dụng động từ này chỉ sự nổi loạn (xem I Sa-mu-ên 3:12; 22:8; II Sa-mu-ên 18:31; 22:49; I Sứ-ký 5:26), nhưng trong Tân ước nó chỉ xuất hiện tại đây và Công-vụ 13:50.

▣ **“khêu chọc”** Đây cũng là một chữ nữa bản Septuagint hay dùng mô tả người độc ác, áp bức ngược đãi người khác. Lu-ca sử dụng chữ này thường xuyên trong sách Công-vụ (xem 7:6,19; 12:1; 14:2; 18:10).

14:3 Đức Chúa Trời dùng các phép lạ để xác nhận đức tính nhân từ của Ngài cũng như sự chân thật trong Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ trong vùng đất này. (xem 4:29-30; Hê-bơ-rơ 2:4).

14:4 “Nhưng dân chúng trong thành chia phe ra” Lời của chân lý luôn luôn gây ra sự tách biệt (xem 17:4-5; 19:9; 28:24; Ma-thi-ơ 10:34-36). Một số người Do Thái trong nhà hội tin, nhưng những người khác thì trở thành nhân tố chống nghịch với Phúc âm.

▣ **“bên hai sứ đồ”** Tại đây đề cập đến cả Phao-lô và Ba-na-ba. Trong chương này (14:4 và 14) là lần duy nhất Lu-ca sử dụng chữ “sứ đồ” cho người bên ngoài nhóm mười hai sứ đồ nguyên thủy. Ba-na-ba được gọi là sứ đồ (xem câu 14). Điều này cũng được ám chỉ trong I Cô-rinh-tô 9:5-6. Hiển nhiên đây là cách sử dụng chữ “sứ đồ” với nghĩa rộng hơn mười hai sứ đồ. Gia-cơ Công Chính (em của Đức Chúa Giê-xu) cũng được gọi là sứ đồ trong Ga-la-ti 1:19; Si-la và Ti-mô-thê cũng được gọi là sứ đồ trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:1 và 2:6; An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a cũng được gọi là các sứ đồ trong Rô-ma 16:6-7; và A-bô-lô cũng được gọi là sứ đồ trong I Cô-rinh-tô 4:6-9.

Nhóm mười hai sứ đồ nguyên thủy là trường hợp cá biệt. Một khi qua đời không có ai thay thế họ ngoại trừ Ma-thia, (xem Công-vụ 1). Tuy nhiên, chức vụ sứ đồ là ân tứ được liên tục duy trì theo như I Cô-rinh-tô 12:28 và Ê-phê-sô 4:11. Kinh thánh Tân ước không cho biết nhiều điều để mô tả chức phận của ân tứ này.

14:5 “cùng các quan mình” Đây có thể là những lãnh đạo trong thành phố hay là lãnh đạo nhà hội. Những người chép kinh thời ban đầu cùng với một vài nhà giảng kinh hiện đại cho rằng có hai sự bắt bớ xảy ra (1) trong câu 2 và (2) trong câu 5, nhưng bối cảnh này cho thấy chỉ có một cuộc bắt bớ.

▣
NASB, NRSV, TEV “ngược đãi”
NKJV “đôi xử tàn tệ”
NJB “tấn công”

Chữ Hy Lạp *hubrizō* mang nghĩa mạnh hơn là “ngược đãi”, có thể “tạo cuộc bạo động” hay là “tấn công vũ lực”. Chữ này rất quen thuộc trong bản văn. Lu-ca thường dùng chữ này trong ba nghĩa.

1. Lãng mạ, Lu-ca 11:45
2. Hành động vũ lực, Lu-ca 18:32; Công-vụ 14:5
3. Mất mát tài sản, Công-vụ 27:10,21

☐ “**đá**” Đây là chữ thứ hai mô tả mức độ tàn bạo mà những người chống nghịch bàn định để tấn công những tín hữu. Có thể nhóm người Do Thái chọn cách thức này dựa theo luật Cựu ước cho tội phạm thượng.

14:6 “bèn trốn tránh trong các thành xứ Ly-ca-o-ni, là thành Lít-tơ, thành Đẹt-bơ” Y-cô-ni thuộc về xứ Phy-gi-a. Thành này nằm gần biên giới của nhóm sắc tộc. Chi tiết này bày tỏ tính lịch sử trong sách Công-vụ.

14:7 Đây là động từ ở dạng NÓI TRÁNH TRUNG CẤP HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC PERFECT MIDDLE), có nghĩa là họ cứ giảng liên tục. Đây là chủ đề những chuyến truyền giáo của Phao-lô (xem 14:21; 16:10). Người nào tin cậy Đấng Christ trong lời giảng của mình cũng nhận thức sự khẩn cấp và ràng buộc phải trình bày Phúc âm cho những người khác. Điểm này đã và đang là ưu tiên (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8).

BẢN NASB 14:8-18

⁸ Nơi thành Lít-tơ có một người liệt chơn, què từ lúc mới sanh ra, chẳng hề đi được. ⁹ Người ngồi và nghe Phao-lô giảng. Phao-lô chăm mắt trên người, thấy có đức tin để chữa lành được, ¹⁰ bèn nói lớn tiếng rằng: Ngươi hãy chỗi dậy, đứng thẳng chơn lên. Người nhảy một cái, rồi đi. ¹¹ Dân chúng thấy sự Phao-lô đã làm, thì kêu lên bằng tiếng Li-ca-o-ni rằng: Các thần đã lấy hình loài người mà xuống cùng chúng ta. ¹² Chúng bèn xưng Ba-na-ba là thần Giu-bi-tê, còn Phao-lô là thần Mẹt-cu-rơ, vì là người đứng đầu giảng đạo. ¹³ Thầy cả của thần Giu-bi-tê có miếu nơi cửa thành, đem bò đực và tràng hoa đến trước cửa, muốn đồng lòng với đoàn dân dâng một tế lễ. ¹⁴ Nhưng hai sứ đồ là Ba-na-ba và Phao-lô hay điều đó, bèn xé áo mình, sấn vào giữa đám đông, mà kêu lên rằng: ¹⁵ Hỡi các bạn, sao làm điều đó? Chúng ta chỉ là loài người giống như các ngươi; chúng ta giảng Tin Lành cho các ngươi, hầu cho xây bỏ các thần hư không kia, mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật trong đó. ¹⁶ Trong các đời trước đây, Ngài để cho mọi dân theo đường riêng mình, ¹⁷ dầu vậy, Ngài cứ làm chúng luôn về mình, tức là giáng phước cho, làm mưa từ trời xuống, ban cho các ngươi mùa màng nhiều hoa quả, đồ ăn dư dật, và lòng đầy vui mừng. ¹⁸ Tuy sứ đồ nói như vậy, chỉ vừa đủ ngăn trở dân chúng dâng cho mình một tế lễ.

14:8 “Nơi thành Lít-tơ” Thành phố này là quê quán của Ti-mô-thê (xem 16:1). Đây là thuộc địa La mã được Au-gút-tơ thành lập năm thứ 6 SC. Có lẽ là tại thành phố này không có nhà hội, nên Phao-lô và Ba-na-ba tổ chức việc giảng nơi đường phố công cộng.

☐ Không thể nào có mảnh khóc hay lừa gạt tại đây (xem 3:2). Tại đây có ba cụm từ mô tả cụ thể tình trạng tàn tật vĩnh viễn của ông này.

☐ “**liệt chơn**” Chữ *adunatos* thường có nghĩa là “bất khả thi” hay theo nghĩa đen “không thể” (xem Lu-ca 18:27; Hê-bơ-rơ 6:4,18; 10:4; 11:6), nhưng tại đây Lu-ca sử dụng chữ này như một văn sĩ y khoa trong ý nghĩa là bất động hay là yếu (xem Rô-ma 8:3; 15:1).

Có điểm thú vị là Lu-ca, bằng nhiều cách, tạo sự tương đồng giữa chức vụ của Phi-e-rơ và Phao-lô. Phi-e-rơ và Giảng cũng đã chữa lành người què trong 3:1-10 và giờ đây đến lượt Phao-lô và Ba-na-ba.

14:9 “chăm mắt trên người” Lu-ca thường hay sử dụng cụm từ này (xem 3:4; 10:4). Xem chú thích trong 1:10. Phao-lô thấy ông này chú tâm lắng nghe. Do đó, ông gọi người đàn ông này đứng dậy và bước đi (xem câu 10) và ông ta đã làm đúng như vậy.

☐ **“thấy có đức tin để chữa lành được”** Cụm từ này được sử dụng trong Cựu ước với nghĩa “được cứu”, giải cứu thuộc thể. Lưu ý rằng sự chữa lành của Phao-lô dựa trên đức tin của ông này. Đây là điểm thường gặp nhưng không phải là phổ quát trong Tân ước (xem Lu-ca 5:20; Giăng 5:5-9). Phép lạ có một vài chức năng: (1) bày tỏ tình thương của Đức Chúa Trời; (2) chứng tỏ quyền năng và chân lý Phúc âm; hay là (3) huấn luyện và khích lệ những tín hữu hiện diện.

14:11 “bằng tiếng Li-cao-ni” Rõ ràng là Phao-lô và Ba-na-ba không hiểu những gì mà đám đông đang nói. Đây là thổ ngữ của vùng này.

14:11-12 “xung Ba-na-ba là thần Giu-bi-tê, còn Phao-lô là thần Mệ-t-cu-rơ, vì là người đứng đầu giảng đạo” Thần thoại địa phương thường quả quyết rằng các thần Hy Lạp thường mang lấy hình dạng con người mà viếng thăm con người (xem Ovid, *Metamorphoses* 8:626ff). Từ những bia đá trong khu vực này, chúng ta biết rằng vùng này thờ phượng thần Giu-bi-tê và thần Mệ-t-cu-rơ (xem câu 13).

Lưu ý rằng Ba-na-ba được kể trước. Có thể là vì Phao-lô, được xem như là người phát ngôn, khiến những người ngoại bang này hiểu là hiện thân của thần Mệ-t-cu-rơ; vì vậy Ba-na-ba im lặng phải là thần Giu-bi-tê.

14:13 “cửa” Đây có thể là cửa thành, hay cụ thể hơn, cửa của đền thờ thần Giu-bi-tê nằm bên ngoài và đối diện với cửa thành. Khúc kinh văn tại đây thật là dễ nhầm lẫn và gây hiểu lầm.

14:14 “các sứ đồ” Xem ghi chú tại 14:4.

☐ **“xé áo mình”** Là dấu hiệu bày tỏ than khóc và phạm thượng của người Do Thái (xem Ma-thi-ơ 26:65; Mác 14:63). Chắc chắn hành động này truyền đạt ý nghĩa có một nạn đề xảy ra, ngay cả với những người ngoại bang này.

☐ **“sấn vào”** Là từ thông dụng trong bản Septuagint có nghĩa “nhảy ra” hay “túa ra”, dù rằng chỉ sử dụng có một lần duy nhất tại đây. Phao-lô và Ba-na-ba nhảy ra và lao vào đám đông.

14:15-17 Là tóm tắt bài giảng đầu tiên của Phao-lô cho người ngoại bang, giống như bài giảng trên đồi A-rê-ô-ba (xem 17:22-33).

14:15

NASB, NKJV “người giống các người”

NRSV “chúng ta chỉ là người phàm giống như các người”

TEV “chính chúng ta cũng chỉ là người giống như các người”

NJB “chúng ta chỉ là người phàm giống như các người”

Chữ *homoioopathēs*, là từ ghép của “cùng loại” và “đam mê”. Người địa phương nghĩ rằng Phao-lô và Ba-na-ba là thần linh (*homoioōthentes*, xem câu 11), có nghĩa là “giống như” con người. Phao-lô sử dụng cùng một từ gốc để bày tỏ đặc tính người thường của họ. Trong Tân ước, chữ này chỉ được sử dụng tại đây và trong Gia-cơ 5:17.

☐ **“xây bỏ các thần hư không kia”** Lu-ca trình bày sự hạ mình của Phao-lô và Ba-na-ba như một sự so sánh với Hê-rốt An-ti-pa trong 20:20-23. Chữ “hư không” có nghĩa là trống rỗng, bỏ đi, không hiện hữu. Phao-lô đương đầu trực diện với sự mê tín ngoại giáo.

☐ **“về cùng Đức Chúa Trời hằng sống”** Đây là một cách dùng chữ YHWH, cũng chính là động từ “thì, là” ở DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) trong tiếng Do Thái (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14). YHWH là Đấng Hằng Sống, là Đức Chúa Trời duy nhất.

▣ **“Đấng đã dựng nên”** Trích dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11 hoặc là Thi-thiên 146:6. Chữ Do Thái *Elohim* (xem Sáng-thế Ký 1:1) mô tả Đức Chúa Trời như Đấng Sáng Tạo và Tiếp Trợ (xem *The Expositor’s Bible Commentary*, vol. 1, trang 468-469) chữ YHWH mô tả Ngài như Đấng Cứu Rỗi, Mua Chuộc (xem *The Expositor’s Bible Commentary*, vol. 1, trang 471-472) và cũng là Đức Chúa Trời giữ giao ước.

14:16 “Trong các đời trước đây, Ngài để cho mọi dân theo đường riêng mình”. Câu Kinh thánh này gọi nhắc lại Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:7-8, trong đó Môi-se quả quyết rằng YHWH thiết lập những ranh giới quốc gia. Về phương diện thần học, chi tiết này xác nhận sự chăm sóc, quan tâm của Đức Chúa Trời đến mọi quốc gia (người ngoại bang, xem Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 258-259). Chúa muốn họ biết Ngài, nhưng sự sa ngã của nhân loại tạo nên sự mê tín và thờ hình tượng (xem Rô-ma 1:18-2:29). Tuy nhiên, Ngài vẫn tiếp tục đeo đuổi họ (xem câu 17).

Sự không nhìn biết Đức Chúa Trời của người ngoại bang đối lập với sự hiểu biết Đức Chúa Trời của người Do Thái. Sự trở trêu là người ngoại bang đáp ứng với Phúc âm bởi đức tin với số đông, trong khi đó người Do Thái đáp trả bằng sự khước từ và bất bớ (xem Rô-ma 9-11).

14:17 “Ngài cứ làm chứng luôn về mình” Đây là khái niệm sự mặc khải qua thiên nhiên (xem Thi-thiên 19:1-6; Rô-ma 1:19-20; 2:14-15). Cả nhân loại đều có thể biết một điều gì đó về Đức Chúa Trời qua sự sáng tạo và sự cáo trách lương tâm bên trong mỗi người.

▣ **“giăng phước cho, làm mưa từ trời”.** Truyền thống ngoại giáo cho rằng thần Giu-bi-tê là thần làm mưa và Met-cu-rơ là thần ban cho thực phẩm. Phao-lô dựa theo Phục-truyền Luật-lệ Ký 27-29, xác nhận rằng Đức Chúa Trời kiểm soát mùa màng.

Những người ngoại bang này không biết Đức Chúa Trời, nên những giao ước trừng phạt trong Phục Truyền Luật Lệ Ký được Chúa thay thế bằng sự kiên nhẫn (xem Công-vụ 17:30; Rô-ma 3:25; 4:15; 5:13). Phao-lô là sự lựa chọn cá biệt của Đức Chúa Trời (sứ đồ cho dân ngoại) để rao giảng khắp mọi nước. Phao-lô sử dụng sự sáng tạo của Đức Chúa Trời và sự chu cấp của Ngài qua thiên nhiên (xem Thi-thiên 145:15-16; 147:8; Giê-rê-mi 5:24; Giô-na 1:9) như là điểm giao tiếp.

Thật thú vị là trong phần tóm tắt bài giảng này không hề có đề cập đến nội dung Phúc âm. Có người cho rằng Phao-lô tiếp tục dòng lập luận giống như ông thực hiện với bài giảng tại A-thên trong 17:16-34. Có người đặt nghi vấn rằng Lu-ca thu thập phần tóm tắt này từ Phao-lô hay là từ Ti-mô-thê (vì đây là quê hương của ông).

14:18 Đây là chi tiết được nhân chứng tận mắt chứng kiến tường thuật.

BẢN NASB 14:19-23

¹⁹ Bấy giờ có mấy người Giu-đa từ thành An-ti-ốt và thành Y-cô-ni đến để dành dân chúng; chúng ném đá Phao-lô, tưởng người đã chết, nên kéo ra ngoài thành. ²⁰ Nhưng các môn đồ đương nhóm chung quanh người, thì người vùng đứng dậy và vào trong thành. Bữa sau, người đi với Ba-na-ba đến thành Đệ-tơ. ²¹ Khi hai sứ đồ đã rao truyền Tin Lành trong thành đó, và làm cho khá nhiều người trở nên môn đồ, thì trở về thành Lít-tơ, thành Y-cô-ni và thành An-ti-ốt, ²² giục các môn đồ, vững lòng, khuyên phải bền đỗ trong đức tin, và bảo trước rằng phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời. ²³ Khi hai sứ đồ khiến lựa chọn những trưởng lão trong mỗi Hội thánh, cầu nguyện và kiêng ăn xong, thì dâng các người đó cho Chúa là Đấng mình đã tin đến.

14:19 Những người Do Thái chống đối trong những thành phố mà Phao-lô đã rao giảng liên kết trong việc tấn công ông liên tục và linh động. Lưu ý rằng, những sự tấn công tập trung vào Phao-lô chứ không nhắm vào Ba-na-ba. Để ý sự thay đổi thất thường của đám đông người ngoại bang. Phao-lô và Ba-na-ba vừa được tung hô là thần trong giây lát, sau đó lại bị họ ném đá.

▣ **“chúng ném đá Phao-lô”** Đây không phải là một phép lạ làm hồi tỉnh lại, nhưng là một bằng chứng cho sức chịu đựng và sự can trường của Phao-lô (xem câu 20-21). II Cô-rinh-tô 11:25 và Ga-la-ti 6:17 đều có đề cập đến sự kiện này. Kế hoạch ném đá trong câu 5, nay trở thành hiện thực .

14:20 “Nhưng các môn đồ đương nhóm chung quanh người”. Mặc dù tại đây không nói rõ, nhưng đây là một sự hiệp nguyện mà Đức Chúa Trời đã nhậm lời một cách kỳ diệu. Để ý rằng sự bắt bớ tiếp tục là động lực thúc đẩy sự lan truyền của Phúc âm (đến thành phố mới).

14:21 “Khi hai sứ đồ đã rao truyền Tin Lành trong thành đó” Thành này là Đet-bơ (xem câu 20). Thành phố này cũng thuộc về vùng Ly-cô-ni trong tỉnh Ga-la-ti của đế quốc La mã. Đây là điểm xa nhất về hướng đông mà Phao-lô và Ba-na-ba đã đi trong chuyến hành trình truyền giáo của họ. Thành phố này cũng tiếp nhận Phúc âm và có nhiều người được cứu.

▣ **“trở về thành Lít-tơ, thành Y-cô-ni và thành An-ti-ốt”** Dường như là các sứ đồ không giảng công khai trong chuyến đi ghé thăm này, nhưng kín đáo tổ chức và khích lệ các tín hữu (xem câu 22-23).

14:22 Câu Kinh thánh này tóm lược sứ điệp huấn luyện môn đồ của Phao-lô. Lưu ý nó tập trung vào (1) sự bền đỗ và (2) sự khôn khéo. Những tín hữu trưởng thành qua những thử thách (xem Rô-ma 5:3-4; 8:17-18; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4; I Phi-e-rơ 4:12-16).

▣ **“làm vững mạnh”** Chữ này được sử dụng nhiều lần trong bản Septuagint với nghĩa “khiến dựa vào” hay là “thiết lập”. Lu-ca sử dụng chữ này vài lần để mô tả mục vụ huấn luyện môn đồ của Phao-lô (xem 14:22; 15:32,41; 18:23).

▣ **“lòng các sứ đồ”** Chữ lòng, tâm hồn được dùng trong nghĩa chỉ nhóm người hay là tâm trí của họ. Tại đây không phải là khái niệm của người Hy Lạp mỗi người có một tâm hồn bất diệt, nhưng là khái niệm của người Do Thái tâm hồn như là một ngụ ý chỉ con người.

▣ **“khuyến phải bền đỗ trong đức tin”** xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bền Đỗ tiếp theo.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỖ

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
 - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
 - c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
 - d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
 - e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mỗi liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of God*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào?

☐ **“nước Đức Chúa Trời”** Đây là cụm từ khó giải nghĩa. Đức Chúa Giê-xu hay dùng nó trong sự liên kết với chức vụ của Ngài. Tuy nhiên, rõ ràng là các sứ đồ hiểu sai tầm quan trọng của từ này (xem 1:3,6). Trong sách Công-vụ, từ này gần như là đồng nghĩa hoàn toàn với Phúc âm (xem 8:12; 19:8; 20:25; 28:23,31). Nhưng trong 14:22, chữ này mang nghĩa bóng về thời lai thế. Chính sự “căng thẳng” giữa *đã đến* (xem Ma-thi-ơ 12:28; Lu-ca 16:16) với *sẽ đến* (xem Ma-thi-ơ 24:14, 30, 36-37; 25:30,31; II Phi-e-rơ 1:11) là đặc tính của thời đại này. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:17. Nước Trời đã đến qua Đức Chúa Giê-xu Christ (đến lần thứ nhất), nhưng nó làm trọn trong tương lai (đến lần thứ hai).

14:23 “hai sứ đồ khiến lựa chọn những trưởng lão” Chữ “trưởng lão” (*presbuteros*) đồng nghĩa với chữ “giám mục” (*episkopos*) và “mục sư” trong Tân ước (xem Công-vụ 20:17,28 và Tít 1:5,7). Chữ “trưởng lão” có gốc tích Do Thái (xem Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 244-246 và Frank Stagg, *New Testament Theology*, trang 262-264), trong khi chữ “giám mục” hay “bề trên” có gốc

tích từ những nhà nước thành bang Hy Lạp. Chỉ có hai chức vụ trong Hội thánh: mục sư và chấp sự (xem Phi-líp 1:1).

Chữ “lựa chọn, chỉ định” có thể có nghĩa là “bầu cử bằng cách giơ tay” (xem II Cô-rinh-tô 8:19 và Louw và Nida, *Greek-English Lexicon*, trang 363, 484). Chữ này được dùng với nghĩa “phong chức” bởi các giáo phụ sau đó. Vấn đề chính yếu là “bầu cử bằng phiếu” thích ứng như thế nào trong bối cảnh này? Phiếu bầu trong những Hội thánh mới thành lập này dường như không thích hợp (dù rằng Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem đã bầu cử để chọn bảy chấp sự trong Công-vụ 6 và Hội thánh bỏ phiếu để xác nhận chức vụ cho người ngoại của Phao-lô trong Công-vụ 15).

F. F. Bruce, *Answers to Questions*, trang 79 nói rằng, “từ lúc ban đầu có sự bầu cử bằng cách giơ tay (nghĩa đen là giang thẳng tay ra) hoặc là chỉ định, nhưng cách thức này mai một trong thời Tân ước và dần dần chỉ còn nghĩa đơn giản là chỉ định cho dù là được thi hành bằng hình thức nào”. Không ai có thể cổ xúy hay phản bác tổ chức giáo hội bằng cách dựa vào nghĩa của từ này trong Tân ước.

Phao-lô đã chỉ thị cho Tít lựa chọn những trưởng lão tại đảo Cô-rét, nhưng khi Ti-mô-thê ở Ê-phê-sô thì Phao-lô khuyên để Hội thánh lựa chọn người theo những tiêu chuẩn cụ thể (xem I Ti-mô-thê 3). Trong những nơi Hội thánh mới thành lập thì chỉ định người lãnh đạo, nhưng với những Hội thánh đã vững vàng thì hội chúng kiểm chứng và xác nhận ân tứ lãnh đạo.

Lưu ý rằng chiến lược truyền giảng của Phao-lô là thành lập những Hội thánh để tiếp tục công tác chứng đạo và huấn luyện trong địa phương của họ (xem Ma-thi-ơ 28:19-20). Đây là phương pháp Đức Chúa Trời sử dụng để vươn tới toàn cầu qua các Hội thánh địa phương.

▣ **“cầu nguyện và kiêng ăn xong”** Chi tiết này có thể được chú ý làm cho tương tự với 13:2-3. Phao-lô đã kinh nghiệm quyền năng và sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh tại An-ti-ốt. Ông tiếp tục thi hành khuôn mẫu thuộc linh này. Các sứ đồ chuẩn bị chính mình để được Đức Chúa Trời bày tỏ ý chỉ của Ngài cho họ.

▣ **“mình đã tin đến”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ (PLUPERFECT ACTIVE INDICATIVE), cho biết một hành động đã kết thúc trong quá khứ. Những Trưởng lão mới được lựa chọn này đã tin Chúa một thời gian và chứng tỏ phẩm tính lãnh đạo. Cấu trúc ngữ pháp *eis* liên kết với *pisteuō* (xem Công-vụ 10:43) là một đặc điểm trong văn phong của Giảng, nhưng cũng có hiện diện trong văn phong của Phao-lô (xem Rô-ma 10:14; Ga-la-ti 2:16; Phi-líp 1:29) và Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 1:8).

▣ **“dâng các người đó cho Chúa”** Đây không phải là một dạng hay hình thức phong chức. Cùng một động từ này được dùng trong câu 26 cho Phao-lô và Ba-na-ba, trong khi đó tại 20:32 thì lại cho những người đã là Trưởng lão. Sự phong chức có ích trong việc nhấn mạnh việc Đức Chúa Trời kêu gọi con người bước vào chức vụ lãnh đạo. Nhưng nó trở thành tiêu cực và trái nghịch với Kinh thánh nếu tạo ra sự phân biệt giữa những tín hữu. Mọi tín hữu đều được kêu gọi và ban ơn hầu việc Chúa (xem Ê-phê-sô 4:11-12). Không có sự tách biệt nào giữa giáo phẩm và giáo dân trong Tân ước.

NASB (UPDATED) TEXT: 14:24-28

²⁴ Kế đó, hai sứ đồ vượt qua đất Bi-si-đi, đến trong xứ Bam-phi-ly. ²⁵ Sau khi đã truyền đạo tại thành Bết-giê rồi, thì xuống thành Át-ta-li. ²⁶ Từ nơi đó, hai người chạy buồm về thành An-ti-ốt, là chỗ mình đã ra đi, được giao phó cho ân điển Đức Chúa Trời, để làm công việc mình vừa mới làm xong. ²⁷ Hai người đến nơi, nhóm họp Hội thánh rồi, bèn thật lại mọi việc Đức Chúa Trời đã cậy mình làm, và Ngài mở cửa đức tin cho người ngoại là thế nào. ²⁸ Hai người ở tại đó lâu ngày với các môn đồ.

14:24 Vùng cao nguyên Bi-si-đi ở phía bắc của tỉnh duyên hải Bam-phy-li. Perga là thành phố chính trong vùng này. Phao-lô dường như chỉ đi qua thành phố này trước đây (xem 13:13), nhưng bây giờ trở lại và rao giảng Phúc âm (xem câu 25).

14:25 “Át-ta-li” Là hải cảng của thành phố Perga.

14:26 “chạy buồm về thành An-ti-ôt” Họ không trở lại đảo Chíp-rơ. Ba-na-ba sẽ quay lại đây sau sự tranh cãi với Phao-lô về Giăng (Mác) (xem 15:36-39).

▣ **“giao phó cho ân điển Đức Chúa Trời”** Đây là động từ NÓI TRÁNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ (PERIPHRASTIC PLUPERFECT PASSIVE). Chuyến đi truyền giáo đầu tiên là thành công kỳ diệu.

14:27 “nhóm họp Hội thánh rồi, bèn thật lại mọi việc Đức Chúa Trời đã cậy mình làm” Lưu ý rằng họ nhận trách nhiệm với Hội thánh. Ngay cả những sứ đồ cho người ngoại bang cũng phải báo cáo với Hội thánh địa phương. Họ cũng xác nhận tác giả của kết quả này chính là Chúa.

Họ không báo cáo cho những người lãnh đạo (xem 13:1), nhưng tường trình với Hội thánh và sau đó báo cáo công tác truyền giảng cho hội chúng tại Giê-ru-sa-lem (xem 15:4) và cho tất cả Hội thánh mà họ ghé trên chuyến hành trình (xem 15:3). Tôi nghĩ rằng chính Hội thánh này đã đặt tay và uỷ thác họ chuyển đi truyền giáo.

▣ **“Ngài mở cửa đức tin cho người ngoại là thế nào”** Phao-lô sử dụng cụm từ “cửa đức tin” thường xuyên (xem I Cô-rinh-tô 16:9; II Cô-rinh-tô 2:12; Cô-lô-se 4:3; cũng xem Khải-huyền 3:8). Đức Chúa Trời đã mở cánh cửa cho cả nhân loại mà không ai có thể đóng được. Ý nghĩa trong lời phán của Đức Chúa Giê-xu trong 1:8 được hoàn thành.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Lập dàn ý cho chuyến truyền giáo thứ nhất của Phao-lô theo địa điểm.
2. Lập dàn ý bài giảng của Phao-lô cho cả người Do Thái và người ngoại bang.
3. Sự kiêng ăn liên hệ với những Cơ-Độc-Nhân ngày nay như thế nào?
4. Tại sao Giăng (Mác) rời bỏ đoàn truyền giáo?

CÔNG VỤ ĐOẠN 15

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem 15:1-5	Tranh cãi về sự cắt bì 15:1-5	Tranh cãi về sự tiếp nhận người ngoại 15:1-5	Họp mặt tại Giê-ru-sa-lem 15:1-2 15:3-5	Tranh cãi tại An-ti-ốt 15:1-2 15:3-4 Tranh cãi tại Giê-ru-sa-lem 15:5-7a
15:6-11	Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem 15:6-21	15:6-21	15:6-11	Lý lẽ của Phi-e-rơ 15:7b-11
15:12-21			15:12-18 15:19-21	15:12 Kết luận của Gia-cơ 15:13-18 15:19-21
Sự hồi âm của Giáo hội nghị 15:22-29	Nghị định Giê-ru-sa-lem 15:22-29	15:22-29	Thư gửi cho các tín hữu ngoại bang 15:22-29	Thư của các sứ đồ 15:22-29
15:30-35	Tiếp tục công tác tại Sy-ri 15:30-35	15:30-35	15:30-34 15:35	Phái đoàn tại An-ti-ốt 15:30-35
Phao-lô và Ba-na-ba chia rẽ 15:36-41	Sự chia rẽ vì Giảng Mác 15:36-41	Khởi hành chuyến truyền giáo thứ hai 15:36-41	Phao-lô và Ba-na-ba phân rẽ 15:36-41	Phao-lô phân rẽ với Ba-na-ba và chọn Si-la 15:36-38 15:39-40

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Chương này thường được gọi là “Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem”.
- B. Đây là một cột mốc quan trọng, một bước ngoặt thần học, trong cả phương thức và mục tiêu của Hội Thánh ban đầu. Theo một ý nghĩa nào đó, đây là sự hợp nhất giữa hai trung tâm Cơ-Đốc-Giáo: Giê-ru-sa-lem và An-ti-ốt.
- C. Sự tin nhận của những người không phải Do Thái trong Công-vụ 8-11 dường như được chấp nhận như những trường hợp ngoại lệ (họ không phải là những người tin thờ ngoại giáo), không phải là đối tượng mà đường hướng mới nhắm đến (xem 11:19).
- D. Mọi liên hệ giữa chương này với Ga-la-ti 2 vẫn còn phải bàn luận. Công-vụ 15 hay Công-vụ 11:30 có thể là bối cảnh của Ga-la-ti 2. Xem phần giới thiệu chương 14, mục C.
- E. Thật thú vị là dấu hiệu nói tiếng lạ của Lễ Ngũ Tuần dù có lặp lại (chương 2, 8 & 10) nhưng không hề được đề cập như là bằng chứng cho sự cứu rỗi của người ngoại bang.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 15:1-5

¹ Và, có mấy người từ xứ Giu-dê đến, dạy các anh em rằng: Nếu các ngươi chẳng chịu phép cắt bì theo lễ Môi-se, thì không thể được cứu rỗi. ² Nhon đó, có sự khác ý và cuộc cãi lẽ dữ dội giữa Phao-lô và Ba-na-ba với mấy người đó, người ta nhứt định Phao-lô và Ba-na-ba với mấy người trong bọn kia đi lên thành Giê-ru-sa-lem, đến cùng các sứ đồ và trưởng lão đặng hỏi về việc này. ³ Vậy, sau khi các người ấy được Hội thánh đưa đường rồi, thì trải qua xứ Phê-ni-xi và xứ Sa-ma-ri, thuật lại sự người ngoại trở về đạo, và như vậy làm cho anh em thay thảy được vui mừng lắm. ⁴ Vừa tới thành Giê-ru-sa-lem, được Hội thánh, các sứ đồ và trưởng lão tiếp rước, rồi thuật lại mọi điều Đức Chúa Trời đã cậy mình làm. ⁵ Nhưng có mấy kẻ về đảng Pha-ri-si đã tin đạo, đứng dậy nói rằng phải làm phép cắt bì cho những người ngoại, và truyền họ phải tuân theo luật pháp Môi-se.

15:1 “có mấy người từ xứ Giu-dê đến” Đây là nhóm tín hữu người Do Thái vẫn giữ theo luật pháp Do-Thái-Giáo. Họ nhìn nhận Đức Chúa Giê-xu là sự làm trọn đức tin Cựu ước, chứ không thay thế cho nó (xem 11:2; 15:5; Ga-la-ti 2:12). Thần học của những tín hữu này có liên hệ với những giáo sư Do-Thái-Giáo sai lạc được đề cập trong sách Ga-la-ti. Những người này có liên hệ với Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem câu 24) nhưng không phải là đại diện chính thức.

Lưu ý rằng bản văn dùng chữ “đi xuống”. Nếu sử dụng bản đồ thì dường như lộ trình phải là “đi lên”; nhưng đối với người Do Thái ở mọi nơi theo ý nghĩa thần học thì lại là “đi xuống Giê-ru-sa-lem” (xem câu 2).

▣ **“dạy các anh em rằng”** Đây là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE), có nghĩa là (1) bắt đầu dạy hay là (2) lặp lại hành động dạy dỗ.

▣ **“Nếu các ngươi chẳng chịu phép cắt bì”** Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL), trình bày một hành động tiềm năng. Cắt bì là dấu hiệu giao ước cho Áp-ra-ham và dòng dõi ông (xem Sáng-thể Ký 17:10-11). Đây không phải là một chi tiết kém quan trọng trong Do-Thái-Giáo có liên hệ trực tiếp đến sự cứu rỗi. Những người này cho rằng cách thức duy nhất đến với Đức Chúa Trời là qua Do-Thái-Giáo (xem câu 5). Nhóm người này thường được biết đến là nhóm Do Thái hóa. Họ tin Đấng Christ và thêm vào đó vâng giữ Giao Ước Môi-se (xem câu 5). Sự công chính dựa vào cố gắng của họ không phải là quà tặng miễn phí của Đức Chúa Trời. Con người đạt được mối liên hệ với Đức Chúa Trời qua tôn giáo và việc làm của mình (xem Rô-ma 3:21-30).

15:2 “có sự khác ý và cuộc cãi lẽ dữ dội giữa Phao-lô và Ba-na-ba với mấy người đó” Lu-ca dùng cách diễn đạt “cãi lẽ dữ dội” để bày tỏ cực điểm của cảm xúc (xem Lu-ca 23:19,25; Công-vụ 15:2; 19:40; 23:7,10; 24:5). Cuộc tranh luận này vô cùng quan trọng. Nó hướng đến điểm chính yếu của Phúc âm: (1) làm thế nào để con người có thể bước vào địa vị được Chúa chấp nhận? hay là (2) Giao Ước mới không thể nào tách biệt khỏi Giao Ước Môi-se?

▣ **“người ta nhứt định”** Đây là “Hội thánh” (xem câu 3). Có nhiều nhóm được đề cập trong chương 15 liên hệ với nhiều tổ chức lãnh đạo hay cấu trúc tổ chức khác nhau. Trong câu 2,3,12, và 22 thẩm quyền của hội chúng được đề cập. Trong câu 6 và 22, quyền Sứ đồ hay Giám mục (Gia-cơ) được nhắc đến, là kiểu mẫu của Giáo hội Công giáo La mã và Anh Quốc giáo. Trong câu 6 và 22, thẩm quyền của các Trưởng lão được đề cập. Hình thức này tương tự như tổ chức theo cấu trúc Trưởng Nhiệm. Kinh thánh Tân ước ghi lại tất cả những mô hình tổ chức giáo hội. Có sự khai triển từ thẩm quyền của các sứ đồ (những người sẽ qua đời) sang thẩm quyền của hội chúng với vị mục sư giữ vai trò tác nhân xúc tác lãnh đạo (xem câu 19).

Theo tôi, cấu trúc tổ chức Hội thánh không quan trọng bằng tâm linh của người lãnh đạo. Đại Mạng lệnh, những lãnh đạo được đầy đầy Thánh Linh mới là những điểm thiết yếu cho Phúc âm. Có vài dạng cấu trúc tổ chức được ưa thích hay bị bài bác tùy theo khuôn mẫu chính trị, tổ chức văn hóa đương thời.

▣ **“mấy người trong bọn kia”** A. T. Robertson, trong *Word Pictures in the New Testament*, trang 224, đưa ra lời bàn luận thú vị tại đây. “Chắc hẳn Tít (Ga-la-ti 2:1,3), một người Hy Lạp và có thể là anh em với Lu-ca không được nhắc đến trong sách Công-vụ.” Đây chỉ có thể là một khả năng dựa trên nhiều giả định. Chúng ta cần phải cân trọng bởi bản văn (theo những định kiến) của chúng ta truyền đạt những ý, ẩn ý khác với ý nghĩa nguyên thủy. Chúng ta cần phải bám sát văn phong của tác giả, không khai triển thêm những giả định cho dù chúng có thích hợp.

▣ **“đến cùng các sứ đồ”** Tổ chức lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem chưa hoàn chỉnh. Theo một vài đoạn kinh văn, dường như Gia-cơ em của Đức Chúa Giê-xu là người lãnh đạo. Điều này xem như được khẳng định trong chương này. Tuy vậy, vẫn có những tập thể lãnh đạo khác (xem câu 4,22):

1. Mười hai sứ đồ
2. Những trưởng lão địa phương
3. Cả hội chúng

Điều chúng ta không rõ là Gia-cơ có liên quan như thế nào với những tập thể này. Ông được gọi là sứ đồ trong Ga-la-ti 1:19. Cũng có thể Gia-cơ là vị lãnh đạo được công nhận của các trưởng lão (Phi-e-rơ xưng mình là trưởng lão trong I Phi-e-rơ 5:1; Giảng cũng xưng mình là trưởng lão trong II Giảng 1 và III Giảng 1).

▣ **“các trưởng lão”** Trong văn mạch tại đây “các trưởng lão” chắc phải đề cập đến nhóm lãnh đạo dựa theo khuôn mẫu của nhà hội. Xem ghi chú trong 11:30 hay 14:23.

15:3 “thì trải qua xứ Phê-ni-xi và xứ Sa-ma-ri” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE). Dân Phê-ni-xi đa số là người ngoại bang, trong

khi đó người Sa-ma-ri là dân lai giữa người Do Thái và người ngoại bang. Những vùng đất này đã được truyền giảng trước đây (xem 8:5ff; 11:19).

▣ **“thuật lại sự người ngoại trở về đạo”** Dường như Phao-lô và Ba-na-ba báo cáo lại những công việc kỳ diệu Đức Chúa Trời đã làm giữa nhiều dân tộc cho mọi Hội thánh họ liên lạc. Cho những ai thông hiểu Cựu ước, sự nhập đạo của nhiều dân tộc làm trọn lời tiên tri.

Cũng có thể vì công việc này mà Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem không thể im lặng và lảng lạng phớt lờ sự kiện này (xem 21:18-20).

▣ **“làm cho anh em thấy thấy được vui mừng lắm”** Đây là những vùng đất ngoại bang. Những Hội thánh tại đây là những Hội thánh đa sắc tộc. Sự đáp ứng của họ là sự nhắc nhở mang tính tiên tri cho Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Công tác truyền giảng toàn cầu được khởi đầu bởi những người nói tiếng Hy Lạp, được xác nhận bởi những Hội thánh nói tiếng Hy Lạp.

15:4 “Hội thánh, các sứ đồ và trưởng lão” Tại đây tất cả mọi cơ cấu tổ chức đều được đề cập như trong câu 22.

▣ **“thuật lại mọi điều Đức Chúa Trời đã cậy mình làm”** Công việc này trở thành một khuôn mẫu.

15:5 “Nhưng có mấy kẻ về đảng Pha-ri-si đã tin đạo” Định nghĩa này phù hợp với Phao-lô. Tuy nhiên, ông đã hoàn toàn dứt khoát với sự cứu rỗi bởi việc làm theo luật Môi-se. Trong lúc ban đầu, ranh giới giữa người Do Thái và Cơ-Đốc-Nhân rất mỏng manh. Đức tin trong Đức Chúa Giê-xu chính là Đảng Mết-si-a là nền tảng của Hội thánh. Nhưng bên trong Hội thánh có nhiều ý kiến khác nhau về sự liên quan giữa Đảng Christ và những giao ước, lời hứa cho dân Do Thái. Nhóm “to mòm” (chữ Hy Lạp là “đứng lên” để chứng tỏ điểm nhấn mạnh) gồm những người Pha-ri-si đã tin Chúa cảm nhận rằng Cựu ước được linh cảm, vĩnh cửu và cần phải được tuân giữ. Con người cần phải tin cậy Đức Chúa Giê-xu và vâng giữ theo Môi-se, *dei* cần phải [1] cắt bì; [2] nghiền ngẫm; và [3] vâng giữ; cả ba đều ở dạng NGUYÊN THỂ HIỆN TẠI (PRESENT INFINITIVES). Đây chính là câu hỏi hình thành nên nội dung thần học của Rô-ma 1-8 và sách Ga-la-ti. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Pha-ri-si trong 5:34.

BẢN NASB 15:6-11

⁶ Các sứ đồ và các trưởng lão bèn họp lại để xem xét về việc đó. ⁷ Sau một cuộc bàn luận dài rồi, Phi-e-rơ đứng dậy nói cùng chúng rằng: Hỡi anh em, hãy biết rằng từ lúc ban đầu, Đức Chúa Trời đã chọn tôi trong các anh em, để cho người ngoại được nghe Tin Lành bởi miệng tôi và tin theo. ⁸ Đức Chúa Trời là Đáng biết lòng người, đã làm chứng cho người ngoại, mà ban Đức Thánh Linh cho họ cũng như cho chúng ta; ⁹ Ngài chẳng phân biệt chúng ta với người ngoại đâu, vì đã lấy đức tin khiến cho lòng họ tinh sạch. ¹⁰ Vậy bây giờ, có sao anh em thử Đức Chúa Trời, gán cho môn đồ một cái ách mà tổ phụ chúng ta hoặc chính chúng ta cũng chưa từng mang nổi? ¹¹ Trái lại, chúng ta tin rằng nhờ ơn Đức Chúa Giê-xu, chúng ta được cứu cũng như người ngoại vậy.

15:6 “Các sứ đồ và các trưởng lão bèn họp lại” Tại đây trước tiên những vị lãnh đạo họp kín với nhau. Chi tiết này thể hiện mô hình cơ cấu Trưởng nhiệm.

15:7 “Sau một cuộc bàn luận dài rồi” Chính trong những người lãnh đạo cũng không hoàn toàn thống nhất. Có một số người ủng hộ ý kiến trong câu 5. Tất cả những người này đều là những tín hữu chân thật. Nhưng có một số vẫn bám víu theo truyền thống và bị che khuất đặc tính cấp tiến của Phúc âm. Ngay cả chính các sứ đồ cũng chậm trễ trong việc nhận thức mọi khía cạnh của vấn đề (xem 8:1). Lưu ý đến

những bước của việc thiết lập những điều lệ chung: (1) họp bàn kín; (2) thảo luận công khai; (3) hội chúng bỏ phiếu.

▣ **“Phi-e-rơ đứng dậy”** Đây chắc hẳn là cách để nói trước đám đông (xem câu 5). Đây là lần cuối cùng sách Công-vụ nhắc đến Phi-e-rơ. Ông kể lại kinh nghiệm Cột-nây (xem trong chương 10-11).

▣ **“người ngoại được nghe Tin Lành bởi miệng tôi và tin theo”** Đức Chúa Trời đã dùng Phi-e-rơ để làm chứng về tình yêu và sự chấp nhận của Ngài đối với mọi dân tộc. Đức Chúa Trời cho phép sự nhận thức cấp tiến này diễn ra theo từng giai đoạn.

1. Người Sa-ma-ri trước tiên, chương 8
2. Họa quan Ê-thi-ô-pi, chương 8
3. Cột-nây, chương 10-11

Trong những trường hợp này, đây không phải là những người tin thờ theo ngoại giáo, nhưng đã có liên hệ với Do-Thái-Giáo. Tuy nhiên, trong trường hợp 1 và 3 được chứng nhận bởi trải nghiệm của Lễ Ngũ Tuần, cũng là bằng chứng cho sự chấp nhận của Chúa trong Hội thánh ban đầu.

15:8 “Đức Chúa Trời là Đáng biết lòng người” Đây là một trong những cách xác nhận sự toàn tri của Đức Chúa Trời (xem I Sa-mu-ên 16:7; Châm-ngôn 24:12; Giê-rê-mi 17:10; Công-vụ 1:24; Rô-ma 8:27; Khải-huyền 2:23) về đức tin của những tín hữu ngoại bang.

▣ **“ban Đức Thánh Linh cho họ”** Tại đây dường như đề cập đến cùng một kinh nghiệm của Lễ Ngũ Tuần (“giống như Ngài đã làm cho chúng ta”). Cũng một cách biểu lộ Đức Thánh Linh đã bày tỏ tại Giê-ru-sa-lem, lập lại trong xứ Sa-ma-ri và ở tại Sê-sa-rê. Đó là dấu chỉ cho những tín hữu Do Thái sự chấp nhận những sắc tộc khác của Đức Chúa Trời (xem câu 9; 11:17).

15:9 “Ngài chẳng phân biệt chúng ta với người ngoại đâu” Đây là kết luận thần học Phi-e-rơ nhìn nhận trong 10:28,34; 11:12. Đức Chúa Trời không thiên vị con người. Cả nhân loại đều được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 1:26-27). Đức Chúa Trời mong muốn cả nhân loại được cứu rỗi (xem Sáng-thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9). Đức Chúa Trời yêu thương cả thể gian (xem Giăng 3:16-17).

▣ **“lấy đức tin khiến cho lòng họ tinh sạch”** Chữ này được sử dụng trong bản Septuagint cho sự thanh tẩy theo chi phái Lê-vi. Nó có ngụ ý rằng cất khỏi chúng ta những điều khiến xa cách Đức Chúa Trời.

Đây cũng là động từ chỉ giống vật tinh sạch và không tinh sạch trong khẩu tượng của Phi-e-rơ trong 10:15 và 11:9 (dựa theo phân đoạn Sáng-thế Ký 7:2,8; 8:20 trong bản LXX). Trong sách Phúc âm Lu-ca, chữ này được dùng cho sự làm sạch bệnh phong (xem 4:27; 5:12,13; 7:22; 17:14,17). Nó trở thành một hình bóng mạnh mẽ chỉ việc tẩy sạch tội (xem Hê-bơ-rơ 9:22,23; I Giăng 1:7).

Trong Cựu ước, đề cập đến tấm lòng là ngụ ý nói về cả con người. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:47. Những người ngoại này đã được làm sạch hoàn toàn và được Đức Chúa Trời chấp nhận qua Đấng Christ. Cách thức thanh tẩy cho họ là bởi đức tin nơi sứ điệp Phúc âm. Họ đã tin, tiếp nhận và hoàn toàn tin cậy nơi thân vị và việc làm của Đức Chúa Giê-xu.

15:10 “cớ sao anh em thử Đức Chúa Trời” Bối cảnh Cựu ước của câu này là Xuất Ê-díp-tô Ký 17:2,7 và Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:16. Chữ Hy Lạp “thử” (*peirazō*) có nghĩa bóng là “thử trong khía cạnh dẫn đến sự hủy hoại”. Đây là một tranh luận nghiêm trọng. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Từ ngữ “Thử nghiệm” trong tiếng Hy Lạp và các ý nghĩa của nó trong 5:9.

▣ **“một cái ách”** Chữ này thường được các tu sĩ Do-Thái-Giáo dùng để lập lại *Shema*, Phục-truyền Luật-lệ Ký 6:4-5; do đó, nó đại diện cho Luật Pháp trong kinh văn và truyền miệng (xem Ma-thi-ơ 23:4; Lu-ca 11:46; Ga-la-ti 5:1).

15:10 “**mà tổ phụ chúng ta hoặc chính chúng ta cũng chưa từng mang nổi**” Điều này phản ánh sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu (xem Lu-ca 11:46). Chủ đề này được Phao-lô đề cập trong Ga-la-ti 3. Nhưng đây là Phi-e-rơ, người giống như Gia-cơ cảm nhận gánh nặng của Do-Thái-Giáo (xem Ga-la-ti 2:11-21).

Cụm từ này thừa nhận chân lý thần học rằng Luật Pháp không thể mang lại sự cứu rỗi vì con người sa ngã không thể nào giữ luật lệ thánh khiết (xem Rô-ma 7). Sự cứu rỗi đã không thể và không dựa trên cố gắng của con người. Tuy nhiên, những người được cứu, được ban ơn và được Chúa hiện diện cần phải sống một cuộc đời thánh khiết (xem Ma-thi-ơ 11:30; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Giống như Chúa (giống như Đấng Christ) luôn luôn là mục đích của Cơ-Đốc-Giáo, với mục tiêu là đem lại những cơ hội để truyền giảng chứ không phải là sự tự mãn cá nhân hay là phán xét luật pháp.

15:11 đây là tóm tắt của sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin (cho Phi-e-rơ xem Công-vụ 2-3; cho Phao-lô xem Rô-ma 3-8; Ga-la-ti 3; Ê-phê-sô 1-2). Lưu ý cách thức cứu rỗi là giống nhau cho cả người Do Thái và người ngoại (xem Rô-ma 4; Ê-phê-sô 2:1-10).

BẢN NASB 15:12-21

¹² **Cả hội đồng đều lắng lắng, nghe Ba-na-ba và Phao-lô thuật lại những phép lạ dấu kỳ mà Đức Chúa Trời đã cậy mình làm ra giữa người ngoại.** ¹³ **Nói xong, Gia-cơ cất tiếng lên rằng: Hỡi anh em, hãy nghe tôi!** ¹⁴ **Si-môn có thuật thế nào lần thứ nhứt, Đức Chúa Trời đã đoái thương người ngoại, đặng từ đó lấy ra một dân để dâng cho danh Ngài.** ¹⁵ **Điều đó phù hiệp với lời các đấng tiên tri, vì có chép rằng:** ¹⁶ **Rồi đó, ta sẽ trở lại, dựng lại đền tạm của vua Đa-vít bị đổ nát; Ta sẽ sửa sự hư nát đền đó lại mà gây dựng lên;** ¹⁷ **Hầu cho những người sót lại và mọi dân cầu khẩn danh ta đều tìm Chúa. Chúa là Đấng làm nên những việc này có phán như vậy;** ¹⁸ **từ trước vô cùng Ngài đã thông biết những việc đó.** ¹⁹ **Vậy, theo ý tôi, thật chẳng nên khuấy rối những người ngoại trở về cùng Đức Chúa Trời;** ²⁰ **song khá viết thư dặn họ kiêng giữ cho khỏi sự ô uế của thần tượng, sự tà dâm, sự ăn thịt thú vật chết ngọt và huyết.** ²¹ **Vì trái bao nhiêu đời nay, trong mỗi thành vẫn có người giảng luật pháp Môi-se, bởi mọi ngày Sa-bát, trong các nhà hội người ta có đọc luật ấy.**

15:12 “**Cả hội đồng đều lắng lắng nghe**” Ý kiến của Phi-e-rơ đã thống nhất nhóm những lãnh đạo. Theo bối cảnh, dường như bắt đầu từ đây hai nhà truyền giáo tường trình lại một lần nữa chuyến truyền giáo. Trong lần này giới lãnh đạo lắng nghe .

▣ **“Ba-na-ba và Phao-lô”** Lưu ý rằng thứ tự liệt kê tên đảo ngược bởi vì đây là Hội thánh nhà của Ba-na-ba.

▣ **“những phép lạ dấu kỳ”** Mục đích thần học của ơn tiếng lạ trong Lễ Ngũ Tuần là một sự dấu chỉ cho sự chấp nhận của Đức Chúa Trời, vì vậy sẽ có nghi vấn tại sao dấu chỉ này không được lập lại như là một phương cách tiếp nhận.

Những dấu hiệu đã được chính Đức Chúa Giê-xu (xem 2:22), các sứ đồ (xem 2:43; 3:7; 4:16,30; 5:12), bầy chấp sự (xem 6:8; 8:6,13), Phao-lô và Ba-na-ba (xem 14:3; 15:12) thi hành. Đức Chúa Trời xác nhận sự hiện diện và quyền năng của Ngài trong Phúc âm bởi những dấu kỳ, phép lạ. Những điều này là những chứng cứ cho nhóm Do Thái hóa rằng Đức Chúa Trời đã hoàn toàn chấp nhận những người ngoại chỉ dựa trên ân điển qua đức tin.

15:13 **“Gia-cơ”** Đây không phải là sứ đồ Gia-cơ, bởi vì sứ đồ Gia-cơ đã tuận đạo trong 12:1-2. Đây là em của Đức Chúa Giê-xu, người sau này trở thành lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem và là tác giả sách Gia-cơ trong Tân ước. Ông được gọi là “Gia-cơ Công Chính”. Đôi khi ông bị gọi là “đầu gối lạc đà” vì

ông thường xuyên quỳ gối cầu nguyện. Cả hai vị lãnh đạo chính tại Giê-ru-sa-lem (Phi-e-rơ và Gia-cơ) cũng có ý kiến về vấn đề này. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 12:17.

15:14 “Si-mê-ôn” Đây là tên Si-môn trong tiếng A-ram, chính là Phi-e-rơ (xem II Phi-e-rơ 1:1).

▣ **“đã đoái thương người ngoại, dựng từ đó lấy ra một dân để dâng cho danh Ngài”** Đây là điểm nhấn mạnh phổ quát của các tiên tri Cựu ước (ví dụ: Ê-sai 45:20-23; 49:6; 52:10). Tuyên dân của Đức Chúa Trời luôn luôn bao gồm cả người Do Thái và người ngoại bang (xem Sáng-thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 9:16; Ê-phê-sô 2:11-3:13). Cụm từ “cho danh Ngài” có thể là sự ngụ ý đến Giê-rê-mi 13:11 và 32:20 hay là Ê-sai 63:12,14.

15:15-18 “vì có chép rằng” Đây là một trích dẫn từ A-mốt 9:11-12 trong bản Septuagint. Chữ “người sót lại” trong câu 17 là *Edom* (quốc gia) theo bản Masoretic, nhưng trong bản Septuagint thì lại dùng chữ *anthropos* (nhân loại). Gia-cơ trích dẫn từ bản Septuagint vì trong trường hợp này nó thích ứng cách đặc biệt trong việc bày tỏ đặc tính phổ quát lời hứa cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

15:16 Rõ ràng là trong bối cảnh tại đây, Gia-cơ chọn và sửa đổi trích dẫn từ bản Septuagint để quả quyết sự bao gồm mọi sắc tộc. Liệu có phải ông chọn khúc kinh văn này vì nó xác nhận sự sụp đổ của tôn giáo dựa vào Cựu ước Môi-se? Giao ước mới khác biệt hoàn toàn:

1. Dựa vào ân điển, không phải việc làm (tặng phẩm không phải bởi xứng đáng)
2. Tập trung vào Đấng Mê-ti-a, không phải đền thờ (Đức Chúa Giê-xu là đền thờ mới)
3. Cho toàn cầu, chứ không chỉ dành cho người Do Thái

Những thay đổi này chắc hẳn là cực kỳ tổn hại cho “phe cát bì” trong số tín hữu. Giờ đây, vị Sứ đồ trưởng (Phi-e-rơ), tu sĩ Do-Thái-Giáo cải đạo (Sứ đồ Phao-lô), và lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (Gia-cơ) đều nghịch lại với họ, luôn cả phiếu bầu của Hội thánh chính và những Hội thánh nhánh nữa.

15:18 Sự bao gồm người ngoại luôn luôn hiện hữu trong kế hoạch của Đức Chúa Trời (xem Ga-la-ti 3:26-29; Ê-phê-sô 3:3-6). Phương thức cứu rỗi sẽ đến từ dòng dõi của vua Đa-vít (xem câu 16).

15:19 Đây là kết luận của Gia-cơ.

15:20 Những chỉ dẫn này có ý để (1) bảo đảm sự thông công bàn tiệc trong những Hội thánh nhiều sắc tộc và (2) đề cao cơ hội truyền giảng cho người Do Thái tại địa phương. Những chi tiết này không liên can gì đến sự cứu rỗi cá nhân cho người ngoại bang. Những chỉ dẫn này hướng đến sự nhạy cảm của người Do Thái và sự thờ phượng thái quá của ngoại giáo (xem câu 29; 21:25).

Những luật lệ Lê-vi được ban phát để làm nhấn mạnh sự tách biệt (xã hội và tôn giáo) giữa người Do Thái và dân Ca-na-an. Mục đích của những luật lệ này là để không liên hệ, nhưng tại đây mục đích là hoàn toàn ngược lại. Những điểm “thiết yếu” này giúp duy trì sự thông công giữa những tín hữu của hai nền văn hóa.

Có nhiều khác biệt trong số những bản chép tay Hy Lạp liên hệ đến Nghị Định của Các Sứ Đồ này. Một vài bản có hai điểm, một số ba điểm, số khác có bốn điểm. Để theo dõi đầy đủ về sự tranh luận những trường hợp này, tham khảo Bruce M. Metzger’s *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, trang 429-434). Đa số những bản dịch Anh ngữ sử dụng danh sách bốn điểm.

▣ **“chết ngọt và huyết”** Có một vài nhà giải kinh liên kết hai chi tiết này với luật về thức ăn của Môi-se (xem Lê-vi Ký 17:8-16). Tuy nhiên, có thể “huyết” được đề cập ở đây chỉ về sự mưu sát, là một trong những điểm chính trong các sách của Môi-se.

15:21 Câu Kinh thánh này có nghĩa (1) cam đoan với những người giữ luật pháp rằng Luật Pháp Cựu ước sẽ được giảng dạy cho người ngoại bang trong các Hội thánh địa phương hay (2) bởi vì đều có người Do

Thái trong các Hội thánh địa phương, sự thận trọng của họ sẽ được tôn trọng, nhờ đó mà việc truyền giảng được hiệu quả. (xem II Cô-rinh-tô 3:14-15).

BẢN NASB 15:22-29

²² Kế đó, các sứ đồ và trưởng lão cùng cả Hội thánh bèn quyết định sai những người được chọn ở nơi mình đi với Phao-lô và Ba-na-ba đến thành An-ti-ốt. Ấy là Giu-đe, cũng gọi là Ba-sa-ba, và Si-la, là hai người đứng đầu trong hàng anh em; ²³ rồi giao cho hai người bức thư như sau này: Các sứ đồ, trưởng lão và anh em gửi lời chào thăm anh em trong những người ngoại tại thành An-ti-ốt, trong xứ Sy-ri và xứ Si-li-si! ²⁴ Bởi từng nghe có một vài người trong vòng chúng ta, chẳng lãnh mạng lệnh nào nơi chúng ta, tự lấy lời mình khuấy rối, và biến loạn lòng các người nữa, ²⁵ nên chúng ta đồng lòng quyết ý chọn những người thay mặt sai đi cùng kẻ rất yêu dấu của chúng ta là Ba-na-ba và Phao-lô, mà đến nơi các người; ²⁶ hai người này vốn đã liều thân vì danh Đức Chúa Giê-xu Christ là Chúa chúng ta. ²⁷ Vậy chúng ta đã sai Giu-đe và Si-la đến, để nói miệng với anh em về việc đó: ²⁸ ấy là Đức Thánh Linh và chúng ta đã ưng rằng chẳng gán gánh nặng nào khác cho anh em ngoài những điều cần dùng, ²⁹ tức là anh em phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết, thú vật chết ngọt, và chớ tà dâm; ấy là mọi điều mà anh em khá kiêng giữ lấy vậy. Kính chúc bình an.

15:22 Mục đích của phái đoàn là cho sự hiệp một (xem câu 23), chứ không phải là để kiểm chứng việc tuân giữ Nghị Định.

▣ **“Giu-đe, cũng gọi là Ba-sa-ba”** Giống như nhiều người khác trong Tân ước, chúng ta không biết vị lãnh đạo này. Tân ước không nhắc lại người này trong chỗ nào khác. Nhưng Chúa biết ông. Có thể người này là anh em của Giô-sép Ba-sa-ba, một trong những ứng cử viên đề thay thế Giu-đa Ích-ca-ri-ốt trong 1:23. Nếu đúng vậy, cả hai là con của một người mang họ Ba-sa-ba.

▣ **“Si-la”** Giống như Ba-na-ba, là một lãnh đạo tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Ông được Phao-lô gọi là Sin-vanh và thay thế cho Ba-na-ba trong chuyến truyền giáo thứ hai. Phao-lô có thể đã chọn ông vì đã có người tố cáo (1) giảng Phúc âm khác hơn mười hai sứ đồ (2) không liên hệ gì đến với Hội thánh mẹ, Si-la có thể trả lời những nghi vấn và cáo buộc đó.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SI-LA/SIN-VANH

Si-la, hay là Sin-vanh, là người Phao-lô chọn đi với ông trong chuyến truyền giáo thứ hai sau khi Ba-na-ba và Giảng (Mác) quay lại đảo Chíp-rơ.

- A. Ông được đề cập đến lần đầu tiên trong Công-vụ 15:22, khi ông được gọi là người đứng đầu trong những anh em tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem.
- B. Ông cũng là một tiên tri (xem Công-vụ 15:32).
- C. Ông là công dân La mã giống như Phao-lô (xem Công-vụ 16:37).
- D. Ông và Giu-đe Ba-sa-ba được Hội thánh Giê-ru-sa-lem gửi đến An-ti-ốt để xem xét tình hình (xem Công-vụ 15:22, 30-35).
- E. Phao-lô nhắc đến ông trong II Cô-rinh-tô 1:19 như là người bạn cùng rao giảng Phúc âm.
- F. Về sau, ông nhắc đến cùng với Phi-e-rơ trong việc viết thư I Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 5:12).
- G. Cả Phao-lô và Phi-e-rơ đều gọi ông là Sin-vanh, trong khi Lu-ca gọi ông là Si-la (tên theo tiếng A-ram của Sin-vanh). Có thể Si-la là tên Do Thái của ông và Sin-vanh là tên La-tinh (xem F. F. Bruce, *Paul: Apostle of the Heart Set Free*, trang 213).

15:23 “Si-li-si” Đây là quê hương của Phao-lô (xem 22:3).

15:24 Câu Kinh thánh này cho biết Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem nhận thức rằng có một số thành viên trong Hội thánh không có thẩm quyền hay là chức vụ gì (xem câu 1), đã (1) đến các Hội thánh mới thành lập và (2) đặt việc tuân giữ luật pháp Môi-se (xem câu 1). Động từ (*anaskeuazō*) chỉ xuất hiện trong Tân ước duy nhất một lần tại đây, là một chữ quân sự có nghĩa rất mạnh là cướp bóc một thành phố.

15:25

NASB

“**đồng một lòng**”

NKJV

“**hiệp một ý**”

NRSV, NJB

“**thống nhất quyết định**”

TEV

“**chúng tôi đã họp lại và tất cả cùng đồng ý**”

Sự hiệp một giữa các tín hữu là đặc điểm của sự hiện diện của Thánh Linh (xem câu 28). Lưu ý rằng điều này không có nghĩa là không có sự thảo luận hay trao đổi ý kiến, nhưng sau khi phô bày trọn vẹn nan đề, những tín hữu hiệp nhất trong quyết định.

Sự hiệp nhất thần học này cần được công bố rộng rãi để những tranh luận, hiềm khích tương tự không lặp lại. Hội thánh Giê-ru-sa-lem bây giờ có quan điểm chính thức về nội dung của Phúc âm .

15:26 Phao-lô và Ba-na-ba không chỉ chia xẻ những thành quả, mà còn chia xẻ những khổ nhọc trong việc truyền giảng. Hiềm nguy không chỉ là cảm xúc trôi qua, nhưng còn là những điều phải đối diện thường trực được viết ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE PARTICIPLE).

15:28 “Đức Thánh Linh và chúng ta” Đức Chúa Trời hiện diện trong cuộc họp quan trọng này. Ngài đã bày tỏ ý chỉ của Ngài qua sự thảo luận. Đức Thánh Linh là Đấng tạo nên sự hiệp một. Tại đây cả hai khía cạnh của giao ước Thánh kinh đều được làm nổi bật: công tác của Đức Chúa Trời và sự hưởng ứng của con người. Lưu ý rằng đây là sự thỏa thuận; mỗi phía đều đạt được một điều gì đó. Phúc âm chỉ bởi ân điển, chỉ bởi đức tin được chứng thực, nhưng sự tinh tế của Do-Thái-Giáo cũng được tôn trọng.

▣ **“những điều cần”** Những điểm này không liên hệ đến sự cứu rỗi cá nhân, nhưng là sự thông công giữa những tín hữu Do Thái và những tín hữu ngoại bang trong các Hội thánh địa phương.

15:29 Đối với người ngoại bang đây là một sự đoạn tuyệt với quá khứ thờ hình tượng. Sự tự do và trách nhiệm của Cơ-Độc-Nhân rất khó để quân bình, nhưng cần phải giữ (xem Rô-ma 14:1-5:13; I Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-28). Sự thờ phượng ngoại giáo có liên hệ đến ba trong số những thứ phải từ bỏ .

Những “điều cần” được liệt kê nhiều cách khác nhau trong những bản kinh văn Hy Lạp. Câu hỏi thực sự là chúng liên quan với nhau như thế nào?

1. Cửa lễ dâng cho thần tượng có ý đề cập đến thịt (xem I Cô-rinh-tô 8; 10:23-33)

2. Máu chỉ

a. Thịt từ vật không tinh sạch (non-kosher) theo luật Do Thái.

b. Suy tính ám hại người khác

3. Các thú vật chết ngộp cũng liên hệ đến cách thức sát sinh không theo luật Do Thái, ám chỉ rằng hai điểm trước cũng liên hệ đến sự nhạy cảm thức ăn của người Do Thái.

4. Sự gian dâm có thể ám chỉ

a. Sự dự phần vào trong nghi thức thờ phượng ngoại giáo (giống như thức ăn)

b. Luật Lê-vi trong Cựu ước ngăn cấm sự loạn luân (xem Lê-vi Ký 17:10-14)

Tất cả những “điều cần” này không liên quan gì đến sự cứu rỗi, nhưng có ích cho sự thông công trong các Hội thánh đa sắc tộc và mở mang những cơ hội để truyền giảng cho người Do Thái.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: QUYỀN TỰ DO VÀ TÌNH THẦN TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ-ĐỐC-NHÂN (từ sách Giải nghĩa thư Rô-ma của tôi, Vol. 5)

- A. Chương này tìm cách cân bằng nghịch lý về sự tự do và trách nhiệm của người Cơ đốc. Đơn vị ngữ văn này xuyên suốt đến câu 15:13.
- B. Vấn đề còn đọng lại trong chương này có lẽ là sự căng thẳng giữa người ngoại và người Do thái tin Chúa trong Hội thánh Rô-ma (hay có thể là kinh nghiệm hiện tại của Phao-lô tại Cô-rinh-tô). Trước khi cải đạo, người Do thái có khuynh hướng tôn sùng luật pháp, còn người ngoại có khuynh hướng vô luân. Nên nhớ rằng đoạn này viết cho những người theo Chúa chân thật, không viết cho những người tin Chúa theo xác thịt (I Cô-rinh-tô 3:1). Động cơ tối hậu là nhằm đề cập đến cả hai nhóm. Sự quá khích ở cả hai phía đều có thể gây ra sự nguy hiểm. Phần thảo luận này không phải cho phép soi bói chỉ trích tính tôn sùng luật pháp hay giương cao ngọn cờ tự do.
- C. Người tin Chúa nên cẩn thận không nên áp đặt thần học hay luân lý của mình làm tiêu chuẩn cho tất cả những người tin Chúa khác (II Cô-rinh-tô 10:12). Người tin Chúa phải bước đi trong ánh sáng họ có nhưng phải hiểu rằng thần học của họ không phải tự động trở thành thần học của Đức Chúa Trời. Họ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi tội lỗi. Chúng ta phải khích lệ, khuyến khích, và khuyên dạy nhau từ Kinh thánh, sự lý luận, và kinh nghiệm, nhưng phải luôn làm điều này trong tình yêu thương. Một người càng biết nhiều, thì họ biết rằng họ biết được chẳng bao nhiêu (I Cô-rinh-tô 13:12).
- D. Thái độ và động cơ của một người trước mặt Đức Chúa Trời là chìa khóa thật để lượng giá hành động của họ. Người Cơ đốc sẽ đứng trước mặt Đấng Christ để bị phán xét dựa trên cách họ đối xử lẫn nhau (câu 10, 12, và II Cô-rinh-tô 5:10).
- E. Martin Luther nói rằng, “Một người Cơ đốc là người chủ tự do nhất về mọi mặt, không phải thuận phục một người nào hay một điều gì; một người Cơ đốc là một đầy tớ đầy trọng trách, phải thuận phục mọi người.” Lễ thật Kinh thánh thường được trình bày dưới dạng một nghịch lý đầy tính giằng co.
- F. Chủ đề rất khó nhưng quan trọng này được trình bày trong toàn bộ đơn vị ngữ văn từ Rô-ma 14:1-15:13 và cũng có trong I Cô-rinh-tô 8:10 và Cô-lô-se 2:8-23.
- G. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự đa dạng trong vòng những người tin Chúa không phải là điều xấu. Mỗi người tin Chúa đều có những điểm mạnh và điểm yếu. Mỗi người phải bước đi trong ánh sáng đã có cho mình và phải luôn cởi mở đối với sự hướng dẫn của Thánh Linh và Kinh thánh để nhận thêm ánh sáng. Trong thời kỳ chúng ta nhìn sự việc ‘như trong một cái gương cách mập mờ này’ (I Cô-rinh-tô 13:8-13), mỗi người phải bước đi trong tình yêu thương (câu 15), và sự hòa bình (câu 17, 19) để cùng gây dựng lẫn nhau.
- H. Những tựa đề “người mạnh” và “kẻ yếu” mà Phao-lô đặt cho hai nhóm này làm cho họ có thành kiến đối với chúng ta. Đây rõ ràng không phải là chủ ý của Phao-lô. Cả hai nhóm này đều là những tín hữu thành thật. Chúng ta không tìm cách để thay đổi các Cơ đốc nhân khác để giống như chúng ta. Chúng ta chấp nhận nhau trong Christ.
- I. Toàn bộ phần bàn luận này có thể được trình bày như sau:
1. Tiếp nhận nhau bởi vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận chúng ta trong Đấng Christ (14:1, 3; 15:7);
 2. Đừng đoán xét nhau vì Đấng Christ là Chủ và là Quan xét duy nhất của chúng ta (14:3-12)
 3. Tình yêu thương quan trọng hơn sự tự do cá nhân (14:13-23);
 4. Theo gương Đấng Christ và từ bỏ quyền lợi của mình để gây dựng cho lợi ích chung (15:1-13).

☐ “**nếu**” Đây không phải là một câu điều kiện. Bản NJB viết như sau “hãy tránh những điều này, anh em sẽ làm điều phải lẽ.”

☐ “**Kính chúc bình an**” Đây là MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE IMPERATIVE) được sử dụng như lời kết thông thường câu chúc sức khỏe.

BẢN NASB 15:30-35

³⁰ Vậy, khi các người đó đã từ giã Hội thánh, xuống thành An-ti-ốt, nhóm hết thầy anh em lại và trao thơ cho. ³¹ Người ta đọc thơ, thấy đều mừng rỡ vì được lời yên ủi. ³² Giu-đe và Si-la chính là kẻ tiên tri, cũng lấy nhiều lời giảng mà khuyên bảo, và giục lòng anh em mạnh mẽ. ³³ Khỏi ít lâu, anh em chúc các người đó bình an mà cho về cùng những người đã sai đến. ³⁴ Nhưng mà Si-la thì quyết ở lại thành An-ti-ốt. ³⁵ Nhưng Phao-lô và Ba-na-ba ở lại tại thành An-ti-ốt, giảng Tin Lành và dạy đạo Chúa với nhiều người khác.

15:30 Đây lại là buổi họp của cả hội chúng nữa, nó cho thấy tầm quan trọng của sự họp mặt trong Hội thánh địa phương.

15:31 Hội chúng tại An-ti-ốt không thấy những “điều cần” là tiêu cực hoặc cảm đoán.

15:3 Câu này định nghĩa lực đẩy của lời tiên tri Tân ước. Đa phần là rao giảng Phúc âm và những ứng dụng của nó; ai biết được, nó có thể là bằng chứng Tân ước của những bài giảng dài. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tiên tri trong Tân ước ở 3:18.

15:33 “chúc các người đó bình an” Có thể đây là phản ảnh lời chào tạm biệt trong tiếng Do Thái, *Shalom*. Đây là cách thức rõ ràng hơn bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn Hội thánh và những người lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem.

15:34 Câu này không có trong bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁷⁴, א, A, B, E, cũng như bản La-tinh Vulgate. Nó cũng bị lược bỏ trong các bản Kinh thánh NRSV, TEV, NJB, và NIV, có xuất hiện trong dạng chỉnh sửa trong các bản chép tay viết chữ in tiếng Hy Lạp (C and D). Nó có thể không phải là phần nguyên thủy trong sách Công-vụ.

15:35 Câu này cho chúng ta thấy có nhiều những người giảng đạo và giáo sư mà chúng ta không biết. Tân ước cũng rất tuyển lựa trong việc kể lại cuộc đời của các sứ đồ còn lại, các giáo sĩ và những người giảng đạo khác. Chỉ có Chúa biết.

BẢN NASB 15:36-41

³⁶ Sau ít lâu, Phao-lô nói với Ba-na-ba rằng: Chúng ta hãy trở lại thăm hết thầy anh em trong các thành mà chúng ta trước đã giảng đạo Chúa, xem thử ra thế nào. ³⁷ Ba-na-ba muốn đem theo Giăng cũng gọi là Mác. ³⁸ Nhưng Phao-lô không có ý đem Mác đi với, vì người đã là hai người trong xứ Bam-phi-ly, chẳng cùng đi làm việc với. ³⁹ Nhon đó có sự cãi lầy nhau dữ dội, đến nỗi hai người phân rẽ nhau, và Ba-na-ba đem Mác cùng xuống thuyền vượt qua đảo Chíp-ơ. ⁴⁰ Còn Phao-lô sau khi đã chọn Si-la, và nhờ anh em giao phó mình cho ân điển Chúa, thì khởi đi. ⁴¹ Người trải qua xứ Sy-ri và xứ Si-li-si, làm cho các Hội thánh được vững bền.

15:36 “hãy trở lại” Mục đích của Phao-lô và Ba-na-ba là trở lại thăm và làm vững mạnh những Hội thánh mới được thành lập trong chuyến truyền giáo thứ nhất. Lưu ý không có sự bày tỏ thiên thượng về chuyến đi này giống như chuyến đi đầu tiên (xem 13:2).

15:38 “Phao-lô không có ý” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) dường như Phao-lô liên tục bày tỏ sự lưỡng lự.

▣ **“người đã lia hai người”** Chính xác tại sao Giăng (Mác) rời bỏ đoàn truyền giáo thì không rõ (xem 13:13).

15:39 “Nhơn đó có sự cãi lầy nhau dữ dội, đến nỗi hai người phân rẽ nhau” Nghĩa gốc của từ này “sắc bén” trong ý “bén như dao”, được sử dụng với ý tích cực trong Hê-bơ-rơ 10:24. Động từ được dùng trong Công-vụ 17:6 và I Cô-rinh-tô 13:5. Họ quả thật đã tranh cãi dữ dội.

▣ **“Ba-na-ba đem Mác cùng xuống thuyền vượt qua đảo Chíp-rơ”** Đến đây thì có hai đoàn truyền giáo.

15:40 “Phao-lô sau khi đã chọn Si-la” Phao-lô chọn một người lãnh đạo khác trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem.

▣ **“nhờ anh em giao phó mình cho ân điển Chúa”** Chi tiết này có lẽ bao gồm hình thức nghi lễ cầu nguyện cung hiến (xem 6:6; 13:3 14:26; 20:32). Tại đây đề cập đến cả Hội thánh, chứ không phải là một nhóm tuyển chọn nào.

15:41 “Si-li-si” Không rõ tại sao và bằng cách nào mà những Hội thánh này được thành lập. Có thể chính Phao-lô đã thành lập những Hội thánh trong những năm tháng yên lặng tại Tạt-sơ. Si-li-si là quê hương của Phao-lô

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao chương này lại quá quan trọng?
2. Ai là người thuộc về nhóm Cơ-Độc-Nhân chủ trương Do Thái hóa?
3. Tại sao ý kiến của Gia-cơ lại rất quan trọng?
4. Ai là những Trưởng lão?
5. Những điều cảm trong câu 28-29 liên hệ đến sự cứu rỗi hay là sự thông công?

CÔNG VỤ ĐOẠN 16

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ti-mô-thê cùng đi với Phao-lô và Si-la	Ti-mô-thê gia nhập với Phao-lô và Si-la	Ti-mô-thê gia nhập với Phao-lô	Ti-mô-thê đi với Phao-lô và Si-la	Ly-cao-ni: Phao-lô chiêu mộ Ti-mô-thê 15:41-16:3
16:1-5	16:1-5	16:1-5	16:1-5	16:4 16:5
Khái tượng của Phao-lô về người Ma-xê-đoan	Tiếng gọi Ma-xê-đoan	Qua Tiểu Á đến Trô-ách	Tại Trô-ách: Khái tượng của Phao-lô	Đi ngang qua Tiểu Á
16:6-10	16:6-10	16:6-10	16:6-10	16:6-8 16:9-10
Sự tin nhận của Ly-đi	Báp-tem cho Ly-đi tại Phi-líp	Phao-lô và Si-la tại Phi-líp	Sự tin nhận của Ly-đi tại Phi-líp	Đến tại Phi-líp
16:11-15	16:11-15	16:11-15	16:11-15	16:11-15
Bị giam giữ tại Phi-líp	Phao-lô và Si-la bị giam		Bị tù tại Phi-líp	Sự giam giữ Phao-lô và Si-la
16:16-24	16:16-24	16:16-18 16:19-24	16:16-22a 16:22b-24	16:16-18 16:19-24
	Người cai ngục tại Phi-líp được cứu			Sự giải cứu kỳ diệu của Phao-lô và Si-la
16:25-34	16:25-34	16:25-34	16:25-28 16:29-30 16:31-34	16:25-28 16:29-34
16:35-40	16:35-40	16:35-40	16:35 16:36 16:37 16:38-40	16:35-37 16:38-40

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý

tương của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÔNG-VỤ 15:36-16:40

I. CHUYỂN TRUYỀN GIÁO THỨ HAI (15:36-18:23)

- A. Chuyển đi truyền giáo này kéo dài hơn chuyến đi đầu tiên, có thể khoảng 3-4 năm.
- B. Chủ yếu tập trung trong vùng Ma-xê-đoan và A-chai, ngày nay là xứ Hy Lạp.
- C. Dàn ý tóm tắt
 1. Ba-na-ba và Phao-lô phân rẽ, 15:36-40 tranh cãi về Giăng (Mác)
 2. Sy-ri và Si-li-si, 15:41 (không rõ những Hội thánh tại đây được thành lập như thế nào và vào lúc nào).
 3. Lít-trơ và Đet-bơ, 16:1-5 (Ti-mô-thê gia nhập đoàn truyền giáo)
 4. Trô-ách (Troy), 16:6-10 (Phao-lô nhận khái tượng đi về hướng Tây)
 5. Phi-líp, 16:11-40
 6. Tê-sa-lô-ni-ca, 17:1-9
 7. Bê-rê, 17:10-14
 8. A-thên, 17:15-34
 9. Cô-rinh-tô, 18:1-17
 10. Trở về An-ti-ốt trong xứ Sy-ri, 18:18-22

NHỮNG NHÂN VẬT ĐƯỢC ĐỀ CẬP

- A. Giăng (Mác) (Giăng là tên Do Thái. Mác là tên La mã, Công-vụ 12:25).
 1. Ông lớn lên tại Giê-ru-sa-lem. Nhà của mẹ ông được đề cập trong Công-vụ 12:12 như là nơi Hội thánh ban đầu tại Giê-ru-sa-lem họp mặt để cầu nguyện.
 2. Nhiều người cho rằng ngôi nhà này chính là địa điểm của Lễ Tiệc Thánh và người cỡi trần chạy trốn trong Mác 14:51-52 chính là Giăng (Mác). Cả hai chi tiết này đều có thể, nhưng chúng chỉ là những suy đoán.
 3. Ông là anh em họ với Ba-na-ba (xem Cô-lô-sê 4:10).
 4. Ông là bạn đồng hành với Ba-na-ba và Phao-lô (xem Công-vụ 13:5).
 5. Ông sớm rời bỏ đoàn truyền giáo và trở về Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 13:13).
 6. Ba-na-ba muốn đem ông đi trong chuyến truyền giáo thứ hai, nhưng Phao-lô không đồng ý (xem Công-vụ 15:36-41).
 7. Về sau, Phao-lô và Giăng (Mác) dường như hòa giải với nhau (xem II Ti-mô-thê 4:11; Phi-lê-môn 24).
 8. Ông dường như trở thành người bạn thân cận với Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 5:13).
 9. Theo truyền thống chính ông là người đã viết sách Phúc âm có cùng tên bằng cách ghi lại những bài giảng của Phi-e-rơ tại Rô-ma. Sách Phúc âm Mác có nhiều chữ La-tinh hơn những

sách Tân ước khác và có thể được viết cho những người La mã. Chi tiết này dựa theo Papias of Hierapolis, được ghi lại bởi Eusebius ' *Eccl. His.* 3.39.15.

10. Theo truyền thống ông có liên quan trong việc thành lập Hội thánh A-léc-xan-ri-a.

B. Si-la

1. Ông được gọi là Si-la trong sách Công-vụ và Sin-vanh trong các thư tín.
2. Giống như Ba-na-ba, ông là một lãnh đạo tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 15:22-23).
3. Ông liên lạc gần gũi với Phao-lô (xem Công-vụ 15:40; 16:19ff; 17:1-15; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:1).
4. Giống như Ba-na-ba và Phao-lô, ông cũng là một tiên tri (xem Công-vụ 15:32).
5. Ông được gọi là một sứ đồ (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:6).
6. Giống như Phao-lô, ông là một công dân La mã (xem Công-vụ 16:37-38).
7. Giống như Giăng (Mác), ông là người cộng sự với Phi-e-rơ, có thể là một người chép kinh (xem I Phi-e-rơ 5:12).

C. Ti-mô-thê

1. Tên của ông có nghĩa là “người làm sáng danh Chúa”.
2. Mẹ ông là người Do Thái và cha ông là người Hy Lạp sống tại Lít-tơ. Bản dịch La-tinh sách giải kinh của Origen's trong Rô-ma 16:21 cho biết Ti-mô-thê là công dân của Đệ-tơ. Chi tiết này có thể dựa từ Công-vụ 20:4. Ông được dạy dỗ trong niềm tin Do-Thái-Giáo bởi mẹ và bà ngoại (xem II Ti-mô-thê 1:5; 3:14-15).
3. Ông được kêu gọi gia nhập với đoàn truyền giáo của Phao-lô và Ba-na-ba trong chuyến truyền giáo thứ hai (xem Công-vụ 16:1-5). Ông được xác nhận qua lời tiên tri (xem I Ti-mô-thê 1:18; 4:14).
4. Ông được chính Phao-lô làm phép cắt bì để có thể làm việc với cả người Do Thái và người Hy Lạp.
5. Ông là người đồng hành tận lực và là người đồng công với Phao-lô. Ông được nhắc đến nhiều hơn tất cả những người giúp đỡ Phao-lô (17 lần trong 10 thư tín, xem I Cô-rinh-tô 4:17; 16:10; Phi-líp 1:1; 2:19; Cô-lô-sê 1:5; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:1; 2:6; 3:2; I Ti-mô-thê 1:2,18; 4:14; II Ti-mô-thê 1:2; 3:14-15).
6. Ông cũng được gọi là một “sứ đồ” (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:6).
7. Hai trong số ba thư tín mục vụ gửi cho ông.
8. Ông được nhắc đến lần cuối trong Hê-bơ-rơ 13:23.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 16:1-5

¹ Phao-lô tới thành Đệ-tơ và thành Lít-tơ. Nơi đó, có một môn đồ tên là Ti-mô-thê, con của một người dờn bà Giu-đa đã tin, còn cha thì người Gờ-réc. ² Anh em ở thành Lít-tơ và thành Y-cô-ni đều làm chứng tốt về người. ³ Phao-lô muốn đem người theo; bởi có những người Giu-đa ở trong các nơi đó, nên Phao-lô lấy người và làm phép cắt bì cho, vì hết thấy đều biết cha Ti-mô-thê là người Gờ-réc. ⁴ Hễ ghé qua thành nào, hai người cũng dặn biểu phải giữ mấy lề luật mà sứ đồ và trưởng lão tại thành Giê-ru-sa-lem lập ra. ⁵ Ấy vậy, các Hội thánh được vững vàng trong đức tin, và số người càng ngày càng thêm lên.

16:1 “thành Đệ-tơ và thành Lít-tơ” Hai thành phố này nằm ở phía nam của tỉnh Ga-la-ti trong đế quốc La mã (ngày nay là Thổ Nhĩ Kỳ). Phao-lô đã viếng thăm vùng này trong chuyến truyền giáo thứ nhất (xem câu 14).

☐ **“có một môn đồ”** Lu-ca dùng chữ *idou* để giới thiệu cụm từ này. Đó là một cách bày tỏ sự nhấn mạnh. Ti-mô-thê sẽ trở thành người dự phần quan trọng trong chức vụ của Phao-lô.

☐ **“con của một người đồn bà Giu-đa đã tin, còn cha thì người Gờ-réc”** Theo II Ti-mô-thê 1:5, chúng ta biết rằng bà ngoại của ông cũng là tín hữu Do Thái. Bà ngoại ông tên là Lô-ít và mẹ ông tên là O-nít. Có lẽ mẹ và bà ngoại ông trở thành tín hữu trong chuyên truyền giáo thứ nhất của Phao-lô.

16:2 “làm chứng tốt về người” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE). Người ta lặp lại lời chứng tốt về Ti-mô-thê thường xuyên. Một trong những tiêu chuẩn của người lãnh đạo Hội thánh là “không chỗ trách được”, trong cả cộng đồng tín hữu và người ngoại (xem I Ti-mô-thê 3:2, 7, 10).

☐ **“tại Lít-tơ”** Quê nhà của Ti-mô-thê là tại Lít-tơ. Tuy nhiên, một số bản chép tay tiếng Hy Lạp trong Công-vụ 20:4 (và tác phẩm của Origen) cho rằng Đẹt-bơ mới là quê hương của Ti-mô-thê.

16:3 “Phao-lô muốn đem người theo” Lưu ý rằng Phao-lô mời gọi Ti-mô-thê. Đây không phải chỉ là sự lựa chọn của Ti-mô-thê mà thôi (xem I Ti-mô-thê 3:1). Trong một phương diện nào đó, Ti-mô-thê trở nên một đại biểu hay là đại diện cho Sứ đồ Phao-lô.

☐ **“làm phép cắt bì cho”** Phao-lô muốn ông có thể làm việc với người Do Thái (xem I Cô-rinh-tô 9:20; Công-vụ 15:27-29). Đây không phải là sự nhượng bộ với những người theo xu hướng Do Thái hóa vì (1) quyết định của Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (xem câu 15) và (2) Phao-lô từ chối làm phép cắt bì cho Tít (xem Ga-la-ti 2:3). Tuy nhiên, việc làm của Phao-lô chắc chắn làm xáo trộn vấn đề. Phương thức của Phao-lô là trở nên mọi cách cho mọi người, hầu cho có thể cứu vài người, đặt con người và sự cứu rỗi cho họ làm ưu tiên.

☐ **“cha Ti-mô-thê là người Gờ-réc”** Đây là thì KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) cho biết ông đã qua đời.

16:4 Phao-lô và Si-la tường trình, dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE), về kết luận tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (xem 15:22-29). Cần ghi nhớ rằng “những điều cần” có hai mục đích: (1) cho mỗi thông công giữa các Hội thánh và (2) truyền giảng cho người Do Thái (giống như lễ cắt bì cho Ti-mô-thê).

16:5 Đây là một trong những câu tóm lược của Lu-ca (xem 6:7; 9:31; 12:24; 16:5; 19:20; 28:31). Phao-lô có tấm lòng cu r mang việc huấn luyện môn đồ (xem 14:22; 15:36; 15:5).

BẢN NASB 16:6-10

⁶ Đoạn, trải qua xứ Phi-ri-gi và đất Ga-la-ti, vì Đức Thánh Linh đã cấm truyền đạo trong cõi A-si. ⁷ Tới gần xứ My-ri rồi, hai người sắm sửa vào xứ Bi-thi-ni; nhưng Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu không cho phép, ⁸ bèn kíp qua khỏi xứ My-si, và xuống thành Trô-ách. ⁹ Đương ban đêm, Phao-lô thấy sự hiện thấy; có một người Ma-xê-doan đứng trước mặt mình, nài xin rằng: Hãy qua xứ Ma-xê-doan mà cứu giúp chúng tôi. ¹⁰ Phao-lô vừa thấy sự hiện thấy đó rồi, chúng ta liền tìm cách qua xứ Ma-xê-doan, vì đã định rằng Đức Chúa Trời gọi chúng ta rao truyền Tin Lành ở đó.

16:6 “trải qua xứ Phi-ri-gi và đất Ga-la-ti” Trong khúc kinh văn này Lu-ca đề cập đến nhiều nhóm sắc tộc, ngữ tộc hơn là những đơn vị hành chính, chính trị của đế quốc La mã; ông muốn ám chỉ đến những ranh giới không chính thức giữa những nhóm sắc tộc này.

▣ **“đã cảm”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THU ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE), là chữ thông thường trong bản Septuagint và trong Tân ước. Đức Thánh Linh can thiệp một cách gần gũi bằng hành động và quyết định trong Hội thánh ban đầu (xem 2:4; 8:29,39; 10:19; 11:12,28; 15:28; 16:6,7; 21:4; Rô-ma 1:13).

▣ **“trong cõi A-si”** Tại đây đề cập đến tỉnh Tiểu Á trong đế quốc La mã; hiện nay là vùng miền tây Thổ Nhĩ Kỳ.

16:6,7 “Đức Thánh Linh” xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA GIÊ-SU VÀ THÁNH LINH

Có một sự linh động giữa công tác của Đức Thánh Linh và công tác của Đức Chúa Con. Ông G. Campbell Morgan nói rằng danh hiệu thích hợp nhất cho Đức Thánh Linh là “một Đức Chúa Giê-xu khác.” Sau đây là bảng liệt kê so sánh công việc và danh hiệu của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

1. Thánh Linh được gọi là “Thánh linh của Đức Chúa Giê-xu” hoặc những từ ngữ tương tự (Rô-ma 8:9; II Cô-rinh-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; I Phi-e-rơ 1:11).
2. Cả hai đều được gọi với cùng một từ ngữ:
 - a. “Lẽ thật”
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (Giăng 14:6)
 - 2) Thánh Linh (Giăng 14:17; 16:13)
 - b. “Đấng biện hộ”
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (I Giăng 2:1)
 - 2) Thánh Linh (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7)
 - c. “Đấng Thánh”
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (Lu-ca 1:35; 14:26)
 - 2) Thánh Linh (Lu-ca 1:35)
3. Cả hai đều ngự trong những người tin Chúa
 - a. Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27)
 - b. Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:9,11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14)
 - c. Và ngay cả Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; II Cô-rinh-tô 6:16)

16:7 “My-si” Đây là vùng sắc tộc ở hướng tây bắc thuộc tỉnh Tiểu Á trong đế quốc La mã, là khu vực đồi núi với nhiều tuyến đường quan trọng. Những thành phố chính tại đây là Trô-ách, Át-xô và Bê-ga-mum.

▣ **“Bi-thi-ni”** Vùng này cũng ở hướng tây bắc của vùng Tiểu Á, đông bắc của My-si. Trong thời của Lu-ca, vùng này không được kể là một tỉnh nhưng gộp chung với Bôn-tốt lập thành một đơn vị chính trị. Về sau, Phi-e-rơ truyền giảng trong vùng này (xem I Phi-e-rơ 1:1). Philo cho chúng ta biết rằng vùng này có nhiều cộng đồng Do Thái.

16:8 “qua khỏi xứ My-si” Theo văn mạch, chi tiết này có nghĩa là “đi ngang qua” hay “đi vòng qua”.

☐ **“Trô-ách”** Thành phố này cách thành phố cổ Troy bốn dặm, được thành lập 400 năm trước và là một đô thị Hy Lạp tự do cho đến khi trở thành thuộc địa La Mã. Đây là bến cảng thông thường để đi từ My-si đến Ma-xê-đoan.

16:9 “Phao-lô thấy sự hiện thấy” Đức Chúa Trời đã nhiều lần dẫn dắt Phao-lô bằng những phương cách siêu nhiên.

1. Nguồn sáng và tiếng của Đức Chúa Giê-xu, 9:3-4
2. Khải tượng, 9:10
3. Khải tượng, 16:9,10
4. Khải tượng, 18:9
5. xuất thân, 22:17
6. Thiên sứ của Chúa, 27:23

☐ **“một người Ma-xê-đoan”** Làm thế nào mà Phao-lô biết người này đến từ Ma-xê-đoan thì không rõ. Có thể vì giọng nói, trang phục, đồ trang sức hay đơn giản là được bày tỏ trong Khải tượng. Một số nhà giải kinh cho rằng người này chính là Lu-ca (xem câu 10). Đây là một quyết định quan trọng về địa điểm. Phúc âm hướng đến Châu Âu.

☐ **“Hãy qua...cứu giúp chúng tôi”** Chữ đầu tiên là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE) được dùng như một MỆNH LỆNH (IMPERATIVE), chữ thứ hai là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE). Khải tượng rất cụ thể và thúc giục.

16:10 “chúng tôi” Đây là lần đầu tiên xuất hiện chữ “chúng tôi”. Chi tiết này ám chỉ đến sự kết nạp Lu-ca vào trong đoàn truyền giáo của Phao-lô, Si-la, và Ti-mô-thê (xem 16:10-17; 20:5-15; 21:1-18; 27:1-28:16). Có một số người cho rằng người đàn ông mà Phao-lô thấy trong câu 9 là Lu-ca, một y sĩ ngoại bang và đồng thời là tác giả của sách Phúc âm và sách Công-vụ.

☐ **“Ma-xê-đoan”** Hy Lạp ngày nay, là hai tỉnh trong đế quốc La Mã.

1. A-chai ở phía nam (A-thên, Cô-rinh-tô, Spa-ta)
2. Ma-xê-đoan ở phía bắc (Phi-líp, Tê-sa-lô-ni-ca, Bê-rê)

☐ **“đã định rằng”** Đây là chữ *sumbibazō*, có nghĩa đen là hợp lại hay là hiệp nhất. Tại đây có ẩn ý rằng qua tất cả những điều đã xảy ra (Đức Thánh Linh không cho phép họ giảng trong A-si, xem câu 6; Đức Thánh Linh không cho phép vào xứ Bi-thi-ni, xem câu 7; và Khải tượng trong câu 9) Đức Chúa Trời dẫn dắt vào xứ Ma-xê-đoan.

☐ **“Đức Chúa Trời gọi”** Đây là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). Sự lãnh đạo của Đức Thánh Linh không vì sự an toàn, nhưng cho sự truyền giảng. Đây luôn luôn là ý chỉ của Đức Chúa Trời.

BẢN NASB 16:11-15

¹¹ Vậy, chúng ta từ thành Trô-ách đi thuyền thẳng đến đảo Sa-mô-tra-xo; bữa sau, đến thành Nê-a-bô-li; ¹² từ nơi đó, chúng ta tới thành Phi-líp, là thành thứ nhứt của tỉnh Ma-xê-đoan, và là thuộc địa nước Rô-ma. Chúng ta ở tạm đó vài ngày. ¹³ Đến ngày Sa-bát, chúng ta ra ngoài cửa thành, đến gần bên sông, là nơi chúng ta tưởng rằng người ta nhóm lại đặng cầu nguyện; chúng ta ngồi xong, giảng cho những đờn bà đã nhóm lại. ¹⁴ Có một người trong bọn đó nghe chúng ta, tên là Ly-đi, quê ở thành Thi-a-ti-rơ, làm nghề buôn hàng sắc tía, vẫn kính sợ Đức Chúa Trời. Chúa mở lòng cho người, đặng chăm chỉ nghe lời Phao-lô nói. ¹⁵ Khi người đã

chịu phép báp-tem với người nhà mình rồi, thì xin chúng ta rằng: Nếu các ông đã đoán tôi là trung thành với Chúa, thì hãy vào nhà tôi, mà ở lại đó; rồi người ép mời vào.

16:11 “đi thuyền thẳng” Đây là một trong nhiều từ hàng hải mà Lu-ca sử dụng (xem đoạn 27). Họ đi một chuyến tàu trực tiếp, không phải loại tàu đi ven biển.

▣ **“Sa-mô-tra-xo”** Đây là đảo đá nhỏ ở biển Aegean có núi cao khoảng 5000 bộ, nằm vào khoảng giữa đường từ Trô-ách đến Phi-líp.

▣ **“Nê-a-bô-li”** Nghĩa đen là “thị trấn mới”. Có nhiều thành phố trong vùng Địa Trung Hải trùng tên. Thành phố này là hải cảng của thành phố Phi-líp cách chừng 10 dặm. Hải cảng này là điểm kết phần phía đông của đường Egnatian, trục lộ chính La mã chạy theo hướng đông-tây.

16:12 “Phi-líp” Chữ Hy lạp ở dạng số nhiều, có thể có ý rằng đây là sự kết hợp của một cụm nhiều đô thị thành lập một thành phố hiệp nhất, nằm trên trục lộ Egnatian. Ban đầu, thành phố này được gọi là Kreinides (những giếng nước). Vua Ma-xê-đoan Phi-líp II đánh chiếm thành phố này vì kho vàng của nó và sau đó lấy tên mình đặt tên cho thành phố.

▣
NASB, NRSV “thành phố chính trong vùng Ma-xê-đoan”
NKJV “thành phố trước hết trong vùng Ma-xê-đoan”
TEV “thành phố thuộc quận thứ nhất của Ma-xê-đoan”
NJB “thành phố chính trong quận đó”

Ý nghĩa của cụm từ này không rõ. Amphipolis được gọi là “thành phố dẫn đầu của Ma-xê-đoan”. Lu-ca muốn nói điều gì tại đây đã được bàn cãi sôi nổi. Nó có thể là danh hiệu quan trọng nào đó.

▣ **“thuộc địa nước Rô-ma”** Năm 42 TC, Octavian và Mác An-tô-ny đánh bại Cassius và Brutus gần thành phố này. Để kỷ niệm chiến thắng này, Octavian đặt Phi-líp trở thành một thuộc địa và rút binh về đây. Năm 31 TC, sau khi đánh bại An-tô-ny và Cơ-lê-ô-pát tại Attium, Octavian chuyển thêm nhiều binh lính đến đây. Những thuộc địa La mã khác được nhắc đến trong Tân ước là An-ti-ốt trong xứ Bi-si-đi, Lít-tơ, Cô-rinh-tô và Tô-lê-ma. Những thuộc địa này được hưởng mọi quyền lợi như những thành phố tại Y-ta-li: (1) tự trị; (2) không phải nộp thuế; và (3) được những ưu đãi luật lệ đặc biệt. Phao-lô thường đến giảng và thành lập Hội thánh trong những thuộc địa La mã.

16:13 “trong ngày Sa-bát” Dường như không có nhà hội trong thành phố Phi-líp. Vì đây là thuộc địa La mã, có lẽ không có đủ mười người đàn ông Do Thái trong thành, vì đó là con số tối thiểu cần thiết để thành lập nhà hội. Dường như có một số người kính sợ Chúa và những người nhập đạo (xem câu 14; 13:43; 17:4,17; 18:7). Có nhiều phụ nữ bị thu hút bởi đạo lý của Do-Thái-Giáo.

▣ **“đền gần bên sông”** Dường như đây là nơi thông thường cho những nghi lễ tôn giáo (xem *Antiquities of the Jews* của Giô-se-phút, 14:10:23).

▣ **“ngôi”** Đây là tư thế thông thường cho những tu sĩ Do-Thái-Giáo khi giảng dạy, nhưng đây là thành phố La mã, do đó điều này chẳng có ý nghĩa gì đặc biệt. Chỉ là một chi tiết Lu-ca trình bày.

16:14 “Có một người trong bọn đó nghe chúng ta, tên là Ly-đi, quê ở thành Thi-a-ti-ro” Tỉnh Ma-xê-đoan của La mã có nhiều cơ hội cho phụ nữ hơn những nơi khác trong thế giới vùng Địa Trung Hải ở thế kỷ thứ nhất. Ly-đi đến từ một thành phố trong vùng Tiểu Á (xem Khải-huyền 2:17ff). Thi-a-ti-ro được biết đến bởi phẩm nhuộm màu tím làm từ vỏ sò, rất được người La mã ưa chuộng. Có một nhà hội tại

thành phố này. Tên của bà đến từ chữ Ly-đi, là tên xa xưa của vùng đất quê hương bà. Bà không được nhắc đến trong những thư tín sau đó của Phao-lô, có lẽ bà đã qua đời.

☐ **“kính sợ Đức Chúa Trời”** Chi tiết này chỉ những người kính sợ Chúa và bị thu hút bởi Do-Thái-Giáo, nhưng vẫn chưa phải là người hoàn toàn nhập đạo.

☐ **“Chúa mở lòng cho người”** Kinh thánh mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và nhân loại như một giao ước. Đức Chúa Trời luôn luôn khởi đầu trong việc thiết lập mối liên hệ và đặt những điều kiện của giao ước. Sự cứu rỗi là một mối liên hệ giao ước. Không một ai có thể được cứu nếu Đức Chúa Trời không khai tâm họ (xem Giăng 6:44,65). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời mong muốn cả nhân loại đều được cứu (xem Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9); do đó, hàm ý ở đây là Đức Chúa Trời trong tầm mức nào đó (khải thị thiên nhiên, xem Thi-thiên 19:1-6 là Khải thị đặc biệt, xem Thi-thiên 19:7-14), cáo trách con người về tội lỗi của họ (xem Rô-ma 1-2) và bản tính của Ngài.

Sự bí ẩn là tại sao một số người đáp ứng và một số khác lại khước từ. Cá nhân tôi không thể chấp nhận câu trả lời vì Đức Chúa Trời lựa chọn một số người và không chọn những người còn lại. Cá nhân loại đều được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài (Sáng-thế Ký 1:26-27) và Đức Chúa Trời hứa sẽ mua chuộc tất cả mọi người (Sáng-thế Ký 3:15).

Có lẽ không quá quan trọng để chúng ta tìm hiểu tại sao, nhưng chúng ta cần phải trung tín trình bày Phúc âm cho mọi người và để tự nó vận hành trong tâm lòng và tâm trí của người nghe (xem Ma-thi-ơ 13:1-23). Phao-lô giảng cho Ly-đi, bà và cả nhà đều đáp ứng.

16:15 “chịu phép báp-tem với người nhà mình” Tại đây dường như nói đến cả gia đình, đầy tớ và gia nhân của bà (xem Cọt-nây, Công-vụ 10:2; 11:14; và người cai ngục tại thành Phi-líp, Công-vụ 16:33). Cũng cần phải lưu ý rằng bà cũng giống như những người khác trong Tân ước, nhận lễ báp-tem liền lập tức.

Câu hỏi thần học mà câu Kinh thánh này nêu lên là “Liệu trẻ em có bao gồm luôn trong những ví dụ cả gia đình tin đạo trong sách Công-vụ?” Nếu có, vậy thì sẽ có những tiền lệ trong Kinh thánh cho việc báp-tem cho trẻ em. Những ai quả quyết đây là một bằng chứng cũng sẽ đề cập đến việc kể luôn trẻ sơ sinh vào dân Do Thái trong Cựu ước (cắt bì trong ngày thứ tám).

Dù rằng có thể đức tin trong Đấng Christ ảnh hưởng ngay lập tức cho cả gia đình trong mô hình xã hội này, câu hỏi vẫn là “Đây có phải là chân lý phổ quát để thực hành trong mọi nền văn hóa?” Tôi quả quyết rằng Tân ước là sự Khải thị về những lựa chọn tình nguyện của cá nhân đến từ sự nhận thức phạm tội. Mỗi người cần thừa nhận mình cần Đấng Cứu Rỗi. Với nhận thức này sẽ dẫn đến câu hỏi sâu xa hơn “Con người sinh ra bẩm sinh là phạm tội, hay là trở nên phạm tội khi chọn không vâng lời Đức Chúa Trời?” Do-Thái-Giáo cho phép một giai đoạn tuổi thơ vô tội cho đến khi hiểu biết Luật Pháp và có cam kết vâng giữ; đối với nam 13 tuổi, nữ 12 tuổi. Những tu sĩ Do-Thái-Giáo không nhấn mạnh đến Sáng-thế Ký 3 nhiều như trong Hội thánh.

Tân ước là quyển sách cho người trưởng thành, có xác nhận tình thương của Đức Chúa Trời dành cho trẻ em, nhưng với sứ điệp là nhắm đến người lớn.

☐ **“Nếu”** Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL), giả định đây là tín hữu chân thật theo quan điểm hay là mục đích của tác giả.

☐ **“đã đoán tôi là trung thành với Chúa”** Động từ đầu tiên là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE). Ly-đi mời những giáo sĩ sử dụng nhà của bà cùng với những điều kiện có sẵn cho Phúc âm. Chi tiết này phù hợp với lời dạy của Đức Chúa Giê-xu dành cho bảy mươi môn đồ khi Ngài sai phái họ đi thi hành chức vụ (xem Lu-ca 10:5-7).

☐ **“hãy vào nhà tôi, mà ở lại đó”** Ly-đi tự tin. Động từ đầu tiên là ĐÔNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE), được dùng như một MỆNH LỆNH (IMPERATIVE); động từ thứ hai là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE).

BẢN NASB 16:16-18

¹⁶ Một ngày kia, chúng ta đi cầu nguyện, gặp một đứa đầy tớ gái bị quỷ Phi-tôn ám vào, hay bói khoa, làm lợi lớn cho chủ nó. ¹⁷ Nó theo Phao-lô và chúng ta, mà kêu la rằng: Những người đó là đầy tớ của Đức Chúa Trời Rất Cao, rao truyền cho các ngươi đạo cứu rỗi. ¹⁸ Trong nhiều ngày nó cứ làm vậy, nhưng Phao-lô lấy làm cực lòng, xây lại nói cùng quỷ rằng: Ta nhơn danh Đức Chúa Giê-xu Christ mà truyền mày ra khỏi người đờn bà này. Chính giờ đó, quỷ liền ra khỏi.

16:16 “Một ngày kia” Dường như sự kiện này xảy ra trong một ngày khác, có lẽ ngày Sa-bát tiếp theo. Đây là một sự tiếp xúc tình cờ, nhưng Chúa đã hoàn toàn can thiệp theo mục đích của Ngài, cũng như Ngài đã và sẽ can thiệp trong mọi sự kiện xảy ra mỗi ngày.

☐ **“quỷ bói khoa”** Có hai chữ trong câu này dùng để mô tả cô đầy tớ này. Chữ thứ nhất “bói khoa” có nền tảng từ Cựu ước nhưng dùng một chữ Hy Lạp khác trong bản Septuagint (xem Lê-vi Ký 19:31; 20:6,27; Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:11; I Sa-mu-ên 28:3,7; II Các Vua 21:6; I Sứ-ký 10:13). Đây là người bị tà ma ám, bằng cách cầu vắn, thần chú hay là giải nghĩa những hiện tượng thiên nhiên (đường chim bay, mây, cạn trong ly uống nước, lá gan thú vật, v.v) có thể đoán trước và ở mức độ nào đó can thiệp vào tương lai.

Trong khung cảnh văn hóa Hy Lạp tại đây, chữ được dùng là *puthōn*, dựa theo thần thoại Hy Lạp về một con rắn khổng lồ bị thần A-bô-lô tiêu diệt. Thần thoại này hình thành nên nghi lễ đền thờ (Delphi), nơi con người có thể cầu vắn thần linh. Nghi thức này được biết đến bởi việc cho những con rắn bò qua người khi họ đến đền thờ để cầu hỏi và thay đổi tương lai.

☐ **“đoán vận mạng”** Chữ này chỉ được sử dụng duy nhất tại đây trong cả Tân ước. Gốc của từ thường được dùng trong bản Septuagint cho “người tiên báo, tiên kiến, tiên tri” thường trong ngữ cảnh tiêu cực. Nó có nghĩa là những người ngây ngất, đề cập đến sự xuất thần kinh động, thường kèm theo những lời tiên báo của họ. Nhưng trong khúc kinh văn này đề cập đến người tiên đoán tương lai để kiếm lợi. Ngữ cảnh và từ vựng cho biết rằng cô gái này bị chiếm hữu bởi một tà linh.

16:17 “Nó theo Phao-lô...mà kêu la” Đây là ĐÔNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE) và một CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Cô gái này cứ tiếp tục theo sau và kêu la (xem câu 18).

☐ **“Những người đó là đầy tớ của Đức Chúa Trời Rất Cao”** Đức Chúa Giê-xu không nhận lời chứng của ma quỷ (xem Lu-ca 8:28; Mác 1:24; 3:11; Ma-thi-ơ 8:29) và Phao-lô cũng vậy. Chữ “Đức Chúa Trời Rất Cao” dùng cho YHWH trong Sáng-thế Ký 14:18-19, nhưng cũng được sử dụng cho thần Zeus trong nền văn hóa tại đây. Linh này không làm chứng để tôn vinh Đức Chúa Trời, nhưng là để liên kết Phúc âm với tà linh.

☐ **“rao truyền cho các ngươi đạo cứu rỗi”** Không có mạo từ đi với chữ “đạo”. Cô gái này có lẽ nói rằng những người này là một trong số nhiều cách để đến với Đức Chúa Trời Rất Cao. Tà linh này không phải cố gắng giúp đỡ cho chức vụ của Phao-lô. Mục đích của lời tuyên bố này là (1) đồng nhất Phao-lô với tà linh hay là (2) giới thiệu một phương thức khác, không phải là con đường cứu rỗi.

16:18 “Phao-lô lấy làm cực lòng” Đến giây phút này thì Phao-lô hành động, không phải bởi tình thương, nhưng vì bị chọc giận. Phao-lô cũng chỉ là con người. Đây cũng là động từ mạnh được dùng trong Truyền-đạo 10:9, bản Septuagint, có nghĩa là sự khó nhọc. Trong Tân ước, nó chỉ được dùng tại đây và trong 4:2, có ý nói người đã hoàn toàn rã rời.

▣ **“nói cùng quý”** Lưu ý rằng Phao-lô không nói cùng người đầy tớ gái, nhưng cùng tà linh đang chiếm hữu và kiểm soát cô. Cách Phao-lô đuổi quỷ được diễn đạt cùng một cách thức như những lần đuổi quỷ khác trong Tân ước (trong danh Đức Chúa Giê-xu). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Người bị quỷ ám trong 5:16.

BẢN NASB 16:19-24

¹⁹ Song le các chủ nàng thấy mình chẳng còn trông được lợi lộc nữa, bèn bắt Phao-lô và Si-la, kéo đến nơi công sở, trước mặt các quan, ²⁰ rồi điệu đến các thượng quan, mà thưa rằng: Những người này làm rối loạn thành ta; ấy là người Giu-đa, ²¹ dạy dỗ các thói tục mà chúng ta chẳng nên nhận lấy, hoặc vâng theo, vì chúng ta là người Rô-ma. ²² Đoàn dân cũng nổi lên nghịch cùng hai người, và khi các thượng quan khiến xé áo hai người ra rồi, bèn truyền đánh đòn. ²³ Sau khi người ta đánh nhiều đòn rồi, thì bỏ vào ngục, dặn người đề lao phải canh giờ cho nghiêm ngặt. ²⁴ Được lệnh đó, đề lao bỏ hai người vào ngục tối và tra chơn vào cùm.

16:19 “thấy mình chẳng còn trông được lợi lộc nữa” Những người chủ này chẳng quan tâm đến việc một con người được phóng thích khỏi xiềng xích ma quỷ. Họ đau khổ vì thất thu tiền bạc (xem câu 16).

▣ **“bèn bắt Phao-lô và Si-la”** Không rõ tại sao Lu-ca và Ti-mô-thê không bị bắt.

16:20 “các quan” Đây là chữ *Praetors*. Chính thức, danh hiệu của họ là *duumvirs*, nhưng theo Cicero cho biết nhiều người trong số những quan chức thích được gọi là *Praetors*. Lu-ca rất chính xác khi sử dụng danh hiệu của những quan chức La mã. Đây là một trong vài chứng cứ cho tính chính xác lịch sử của ông.

16: 20, 21 “là người Giu-đa. . . là người Rô-ma” Chi tiết này chứng tỏ sự tự hào chủng tộc và định kiến của họ. Thời điểm Phao-lô ở tại Phi-líp có thể gần với sự kiện Hoàng đế Claudius ra chiếu chỉ trục xuất người Do Thái ra khỏi Rô-ma vào khoảng năm 49-50 SC (chính xác là ông ngăn cấm mọi nghi lễ thờ phượng Do-Thái-Giáo). Sự kỳ thị Do Thái của người La mã có thể thấy trong Cicero’s *Pro Fiasco* 28 và *Javenal* 14:96-106.

▣ **“dạy dỗ các thói tục mà chúng ta chẳng nên nhận lấy, hoặc vâng theo”** Lưu ý lời kiện cáo này chẳng có liên hệ gì đến việc đuổi quỷ khỏi người đầy tớ gái. Nó dường như liên hệ đến việc họ giảng dạy Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ. Do-Thái-Giáo là tôn giáo hợp pháp trong đế quốc La mã, nhưng Cơ-Độc-Giáo rõ ràng tách rời khỏi Do-Thái-Giáo và do đó là một tôn giáo bất hợp pháp. Sẽ là bất hợp pháp cho một người Do Thái cố gắng cải đạo người La mã; cho dù người đó là công dân La mã như Phao-lô vẫn là bất hợp pháp.

16:22 “xé áo hai người ra rồi, bèn truyền đánh đòn” Cách hình phạt này (*verberatio*, được chính quyền thi hành trong tòa án) không nghiêm khắc như cách quất roi của người La mã. Không biết bị đánh đòn bao nhiêu cái, Phao-lô bị đánh như vậy ba lần (xem II Cô-rinh-tô 11:25). Đây là lần duy nhất được ghi lại (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2).

16:24 “ngục tối” Chi tiết này có nghĩa là canh giữ cẩn mật nhất. Có yếu tố sợ hãi tại đây (xem câu 29). Phép đuổi quỷ của Phao-lô khiến họ lưu ý.

☐ **“tra chơn vào cùm”** Hầu hết những lao tù trong thời kỳ này có những xích gắn vào trong tường dùng xiềng những phạm nhân. Do đó, những cửa chỉ gài chứ không có khóa. Những cái xiềng này tách rộng chân phạm nhân tạo nên nhiều đau đớn và tăng thêm sự an toàn.

BẢN NASB 16:25-34

²⁵ **Lối nửa đêm, Phao-lô và Si-la đương cầu nguyện, hát ngợi khen Đức Chúa Trời; và những tù phạm đều nghe.** ²⁶ **Thình lình, có cơn động đất rất lớn, đến nỗi nền ngục rung động; cùng một lúc, các cửa mở ra, xiềng tù phạm thấy đều tháo cả.** ²⁷ **Người đề lao giật mình thức dậy, thấy các cửa ngục đều mở, tưởng tù đã trốn hết, bèn rút gươm, toan giết mình.** ²⁸ **Nhưng Phao-lô kêu người lớn tiếng rằng: Chớ làm hại mình; chúng ta đều còn cả đây.** ²⁹ **Người đề lao bèn kêu lấy đèn, chạy lại, run sợ lắm, gieo mình nơi chơn Phao-lô và Si-la.** ³⁰ **Đoạn, đưa hai người ra ngoài, mà hỏi rằng: Các chúa ơi, tôi phải làm chi cho được cứu rỗi?** ³¹ **Hai người trả lời rằng: Hãy tin Đức Chúa Giê-xu, thì người và cả nhà đều sẽ được cứu rỗi.** ³² **Hai người truyền đạo Đức Chúa Trời cho người, và cho những kẻ ở nhà người nữa.** ³³ **Trong ban đêm, chính giờ đó, người đề lao đem hai người ra rửa các thương tích cho; rồi tức thì người và mọi kẻ thuộc về mình đều chịu phép báp-tem.** ³⁴ **Đoạn, người đề lao mời hai người lên nhà mình, đặt bàn, và người với cả nhà mình đều mừng rỡ vì đã tin Đức Chúa Trời.**

16:25 “Lối nửa đêm” Có thể là họ không thể ngủ được vì sự đau đớn của trận đòn và cái xiềng ở chân.

☐ **“đương cầu nguyện, hát ngợi khen Đức Chúa Trời”** Có thể chính nội dung thần học của những lời cầu nguyện và thánh ca này dẫn dắt những phạm nhân đến đức tin trong Đấng Christ (“những tù phạm đều nghe”) vì không có một tù nhân nào trốn thoát khi cơn động đất mở cửa tù (xem câu 26,28, “chúng ta đều còn cả đây”).

☐ **“những tù phạm đều nghe”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE (deponent) INDICATIVE), cho biết họ liên tục lắng nghe Phao-lô và Si-la. Động từ *epakroaomai* là chữ hiếm trong Tân ước và bản Septuagint. Trong I Sa-mu-ên 15:22 chữ này được dùng diễn tả sự chăm chú lắng nghe với vui mừng. Những tù nhân “đường cùng” này đã chú ý lắng nghe và đáp ứng với sứ điệp về tình yêu, sự chăm sóc và chấp nhận của Đức Chúa Trời.

16:26 “động đất” Đây là một sự kiện tự nhiên, nhưng với mục đích, thời điểm và ảnh hưởng siêu nhiên (xem Ma-thi-ơ 27:51,54; 28:2). Đức Chúa Trời đã giải cứu Phi-e-rơ khỏi lao tù bằng thiên sứ (xem 4:31), nhưng tại đây sự kiện này được chọn lựa để đem lại cho Phao-lô một cơ hội để rao giảng Phúc âm cho cả những tù nhân và lính gác.

16:27 “gươm” đây là một thanh kiếm nhỏ hai lưỡi, đeo ở dây lưng, có hình dạng giống như cái lưỡi. Đây cũng là công cụ hành hình dành cho công dân La mã. Nếu người cai tù để thoát phạm nhân, ông ta phải thay thế cho những tù nhân đó (xem 12:19).

16:28 Phao-lô chắc hẳn đã tạo những ấn tượng mạnh mẽ trên những tù nhân khác.

16:29 “kêu lấy đèn” Lưu ý đến số nhiều tại đây vì còn có nhiều lính gác tù khác.

16:30 “Các chúa ơi, tôi phải làm chi cho được cứu rỗi” Chi tiết này thể hiện (1) nỗi sợ của con người trước sự siêu nhiên và (2) tìm kiếm bình an với Đức Chúa Trời. Ông muốn có sự bình an và vui mừng mà Phao-lô và Si-la đã bày tỏ, ngay cả trong những hoàn cảnh bất công và đau đớn. Lưu ý người này, cũng giống như nhiều người khác có hiểu biết tôn giáo theo công đức.

16:31 “Hãy tin Đức Chúa Giê-xu” Động từ *pisteuō* có thể dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Trước hết đây là một phản ứng tin cậy tình nguyện (xem 10:43). Cũng cần lưu ý rằng đây là sự tin cậy nơi một người, không phải tin nơi giáo lý hay hệ thống thần học. Người này không có nền tảng Do-Thái-Giáo (giống như người Ni-ni-ve trong sách Giô-na) và đòi hỏi cho sự cứu rỗi trọn vẹn cũng rất đơn giản và giống hệt. Đây là sự tóm tắt Phúc âm cô đọng nhất trong Tân ước. Sự ăn năn của ông được bày tỏ bằng hành động.

▣ **“ngươi và cả nhà đều sẽ được cứu rỗi”** Trong thế giới cổ đại, tôn giáo của người chủ gia đình là tôn giáo của tất cả mọi thành viên trong gia đình đó (xem 10:2; 11:14; 16:15; 18:8). Làm thế nào để điều này thể hiện ở mức độ cá nhân thì không rõ, nhưng nó cần phải liên hệ với tầm mức đức tin cá nhân nào đó ở mỗi người. Sau đó, Phao-lô giảng sứ điệp Phúc âm đầy đủ, rõ ràng cho người đề lao và gia đình của ông (xem câu 32).

16:33 “tức thì ngươi và mọi kẻ thuộc về mình đều chịu phép báp-tem” Chi tiết này chứng tỏ sự quan trọng của lễ báp-tem. Sách Công-vụ nhắc đi nhắc lại chi tiết này. Đức Chúa Giê-xu chịu phép báp-tem (xem Lu-ca 3:21) và truyền lệnh thi hành (xem Ma-thi-ơ 28:19) và chứng nhận (xem Công-vụ 2:38). Điều này cũng phù hợp với những ví dụ khác trong sách Công-vụ, là lễ báp-tem xảy ra lập tức ngay sau khi tuyên xưng đức tin (xem Công-vụ 10:47-48). Trong một nghĩa nào đó, nó là sự bày tỏ công khai đức tin trong Đấng Christ .

16:34 “người với cả nhà mình đều mừng rỡ vì đã tin Đức Chúa Trời” Hai động từ số ít ám chỉ cho người đề lao. Tuy nhiên, CỤM PHÓ TỪ (ADVERBIAL PHRASE) cho biết sự bao gồm luôn cả gia đình mở rộng của ông và những gia nhân. Động từ “tin” ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE PARTICIPLE) có nghĩa một trạng thái đã giải quyết, bình ổn.

BẢN NASB 16:35-40

³⁵ Đến sáng, thượng quan sai lính nói cùng người đề lao rằng: Hãy thả các người ấy đi. ³⁶ Người trình lời đó cùng Phao-lô rằng: Các thượng quan đã khiến truyền cho tôi thả các ông; vậy, hãy ra, và xin đi cho bình yên. ³⁷ Nhưng Phao-lô nói cùng lính rằng: Chúng ta vốn là quốc dân Rô-ma, khi chưa định tội, họ đã đánh đòn chúng ta giữa thiên hạ, rồi bỏ vào ngục; nay họ lại thả lén chúng ta ư! Điều đó không được. Chính các quan phải tới đây mà thả chúng ta mới phải! ³⁸ Các thượng quan nghe lính trình lại bấy nhiêu lời, biết hai người đó là người Rô-ma, thì sợ hãi. ³⁹ Họ bèn đến nói với hai người, thả đi, và xin lìa khỏi thành. ⁴⁰ Khi ra ngục rồi, hai sứ đồ vào nhà Ly-đi, thăm và khuyên bảo anh em, rồi đi.

16:35 “lính” Nghĩa đen là “người cầm gậy” (*hrabdouchosta lictor*). Điều này ám chỉ những người liên can đến việc xử phạt (xem câu 20). Đấng Phát-xít Ý lấy tên gọi từ chữ này. Một bó những cây gậy loại này là biểu tượng cho thể chế chính trị của đấng Phát-xít Ý.

16:37 “quốc dân Rô-ma” Phi-líp là thuộc địa La mã với những nhiều đặc quyền luật pháp, có thể gặp khó khăn khi bị báo cáo về việc xét xử bất công công dân La mã. Đánh đòn công dân La mã là một vi phạm nghiêm trọng tính pháp lý của thuộc địa (xem câu 39).

16:39 Mục đích phản kháng của Phao-lô có thể là để bảo vệ Hội thánh non nớt tại Phi-líp và để giành cho họ một địa vị được thừa nhận. Những người lãnh đạo, qua hành động của họ, cho biết rằng rao giảng Phúc âm không còn là bất hợp pháp. Cánh cửa cho những công tác truyền giảng trong tương lai tại Phi-líp được rộng mở.

16:40 “rời đi” Lu-ca dường như ở lại sau. Chúng ta biết ông vẫn còn ở tại đây trong 20:5-6.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Đức Thánh Linh được gọi là Thần Linh của Đức Chúa Giê-xu?
2. Tại sao Đức Chúa Trời cho phép những giáo sĩ đối diện với quá nhiều chống đối và thử thách?
3. Tại sao Phao-lô không chấp nhận lời chứng của người đầy tớ gái?
4. Liệt kê những người được cứu tại Phi-líp
5. Tại sao chỉ có Phao-lô và Si-la bị bỏ tù?
6. Tại sao những tù phạm khác không trốn thoát?
7. Liệt kê những yếu tố của Phúc âm trong chương này. Những yếu tố này có khác biệt với những yếu tố trong những chương khác của sách Công-vụ không?
8. Người đề lao này có nền tảng gì trong Do-Thái-Giáo hay là Cơ-Đốc-Giáo không?
9. Chi tiết “cả nhà người được cứu” có nghĩa gì?
10. Tại sao Phao-lô bắt những quan chức của thành phố phải đích thân xin lỗi?

CÔNG VỤ ĐOẠN 17

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự náo động tại Tê-sa-lô-ni-ca 17:1-9	Rao giảng Đấng Christ tại Tê-sa-lô-ni-ca 17:1-4 Sự tấn công tại nhà Gia-sôn 17:5-9	Từ Tê-sa-lô-ni-ca đến A-thên 17:1-9	Tại Tê-sa-lô-ni-ca 17:1-4 17:5-9	Tê-sa-lô-ni-ca: sự chống đối của người Do Thái 17:1-4 17:5-9
Các sứ đồ tại Bê-rê 17:10-15	Giảng đạo tại Bê-rê 17:10-15	17:10-15	Tại Bê-rê 17:10-15	Những khó khăn mới tại Bê-rê 17:10-12 17:13-15
Phao-lô tại A-thên 17:16-21 17:22-28a 17:28b-31 17:32-34	Các triết gia tại A-thên 17:16-21 Bài giảng tại A-rê-ô-ba 17:22-34	Phao-lô tại A-thên 17:16-21 17:22-31	Tại A-thên 17:16-21 17:22-31	Phao-lô tại A-thên 17:16-18 17:19-21 17:22a Bài giảng của Phao-lô tại A-rê-ô-ba 17:22b-23 17:24-28 17:29 17:30-31 17:32-34

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

Dàn ý tóm lược bài giảng của Phao-lô cho những giới trí thức Hy Lạp tại A-thên (17:15-34). Nó tương tự như Công-vụ 14:15-18.

- A. Có một Đức Chúa Trời, Đấng Sáng Tạo nên trời (thần linh) và đất (vật chất)
 - 1. Người ta (họ, đám đông thánh giá) không biết Ngài
 - 2. Ngài không ngự trong những đền thờ hay thần tượng con người làm ra
 - 3. Ngài không cần bất cứ thứ gì từ con người
 - 4. Ngài là nguồn duy nhất của sự sống thật
- B. Ngài nắm quyền kiểm soát cả lịch sử loài người
 - 1. Đã tạo dựng nên tất cả quốc gia chỉ từ một người
 - 2. Thiết lập biên giới của các nước
- C. Ngài đã đặt trong con người một khát vọng tìm biết Ngài và Ngài không khó để tìm.
- D. Tội lỗi đã chia cách chúng ta khỏi Ngài
 - 1. Ngài đã bỏ qua những tội lỗi chúng ta vi phạm trong lúc không biết.
 - 2. Chúng ta phải ăn năn
- E. Ngài sẽ xét đoán những tạo vật của Ngài
 - 1. Đã định trước một ngày đoán xét
 - 2. Sự đoán xét sẽ xảy đến qua Đấng Mết-si-a
 - 3. Đấng Mết-si-a đã sống lại để bày tỏ Ngài và công việc của Ngài.

Thành phố Tê-sa-lô-ni-ca

- A. Lịch sử vắn tắt của Tê-sa-lô-ni-ca
 - 1. Tê-sa-lô-ni-ca nằm phía đầu vịnh Thermaic. Tê-sa-lô-ni-ca là thành phố ven biển trên Via Ignatia (đường liên quốc gia) một con đường La mã chính, đi từ hướng đông của Rô-ma. Thành phố này là một cảng biển, nhưng cũng rất gần với đồng bằng duyên hải trù phú, được tưới nước đầy đủ. Ba ưu điểm này khiến Tê-sa-lô-ni-ca trở thành một trung tâm thương mại và chính trị lớn nhất và quan trọng nhất trong xứ Ma-xê-đoan.
 - 2. Tê-sa-lô-ni-ca lúc đầu được đặt tên là Therma, xuất phát từ suối nước nóng trong vùng. Một sử gia xa xưa, trưởng lão Pliny, nhắc đến Therma và Tê-sa-lô-ni-ca đều có cùng thời. Nếu đúng như vậy, Tê-sa-lô-ni-ca đã bao quanh Therma và sát nhập sau đó (Leon Morris, *The First and Second Epistles to the Thessalonians*, Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1991, trang 11). Tuy vậy, đa số sử gia cho rằng Cassander, một trong những tướng của A-léc-xan-đơ Đại Đế, đã đổi tên Therma là Tê-sa-lô-ni-ca vào năm 315 TC theo tên của con gái vua Phi-líp xứ Ma-xê-đoan, là em cùng cha khác mẹ và cũng là vợ của A-léc-xan-đơ. (Strabo VII Fragment 21). Trong những thế kỷ đầu tiên truyền bá Cơ-Đốc-Giáo, Tê-sa-lô-ni-ca được đặt biệt danh “thành phố chính thống” vì có những đặc điểm Cơ-Đốc-Giáo. (Dean Farrar, *The Life and Work of St. Paul*, New York: Cassell and Company, Limited, 1904, trang 364). Hiện nay, Tê-sa-lô-ni-ca được biết đến là Salonika và vẫn là thành phố quan trọng của Hy Lạp.
 - 3. Tê-sa-lô-ni-ca là thành phố quốc tế giống như Cô-rinh-tô, với dân cư đến từ khắp thế giới.
 - a. Những người Germanic hoang dã từ phương bắc cũng sinh sống tại đây, đem đến nền văn hóa và tín ngưỡng ngoại giáo.
 - b. Những người Hy Lạp sống tại đây, đến từ xứ A-chai ở phía nam và từ những đảo thuộc biển Aegean, họ đem theo sự tinh tế và triết học.

- c. Người La mã từ phía tây cũng định cư tại đây. Đa số họ là những quân nhân đã giải ngũ và họ đem đến sự giàu có, ý chí và sức mạnh chính trị.
 - d. Cuối cùng, một số lớn người Do Thái cũng đến từ phía đông, có đến khoảng một phần ba dân số là người Do Thái. Họ đem theo đạo lý, niềm tin độc thần và những định kiến quốc gia.
4. Tê-sa-lô-ni-ca với dân số khoảng 200.000 người, quả là một thành phố quốc tế. Là một trung tâm sức khoẻ và an dưỡng với những suối nước nóng, cũng là một trung tâm thương mại có hải cảng, những đồng bằng phì nhiêu và một vị trí gần với đường Ignatian.
 5. Là thành phố lớn nhất của xứ Ma-xê-đoan, Tê-sa-lô-ni-ca cũng là trung tâm chính trị của xứ Ma-xê-đoan. Là thủ phủ của một tỉnh La mã và là nơi sinh sống của nhiều công dân La mã (đa số là quân nhân giải ngũ), Tê-sa-lô-ni-ca trở thành một thành phố tự do. Tê-sa-lô-ni-ca không phải nộp thuế và được cai trị theo luật pháp La mã, vì đa số người Tê-sa-lô-ni-ca là công dân La mã. Do đó những quan cai trị Tê-sa-lô-ni-ca được gọi là “politarch”. Danh hiệu này không xuất hiện nơi nào khác, nhưng nó được lưu giữ khắc trên Khải hoàn môn Vardar Gate, tại Tê-sa-lô-ni-ca (Farrar, trang 371n.).
- B. Những sự kiện đưa dẫn Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca
1. Có nhiều sự kiện dẫn Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca, song phía sau của tất cả hoàn cảnh là tiếng gọi trực tiếp, cụ thể của Đức Chúa Trời. Lúc đầu, Phao-lô không dự định tiến vào lục địa Châu Âu. Lòng mong ước của ông trong chuyến truyền giáo thứ hai này là thăm viếng những Hội thánh trong vùng Tiểu Á mà ông đã thành lập trong chuyến truyền giáo đầu tiên, rồi sau đó tiếp theo đi về hướng đông. Tuy vậy, khi đến thời điểm để đi về hướng đông bắc thì Đức Chúa Trời bắt đầu đóng những cánh cửa. Cao điểm chính là khái tượng của Phao-lô về người Ma-xê-đoan (xem Công-vụ 16:6-10). Điều này dẫn đến hai hệ quả: thứ nhất, lục địa Châu Âu được truyền giảng và thứ hai, vì hoàn cảnh tại Ma-xê-đoan, Phao-lô bắt đầu viết những thư tín. (Thomas Carter, *Life and Letters of Paul*, Nashville: Cokesbury Press, 1921, p. 112).
 2. Những hoàn cảnh cụ thể đã dẫn Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca
 - a. Phao-lô đến Phi-líp, một thành phố nhỏ không có nhà hội. Công tác của ông tại đây bị ngăn trở bởi những người chủ của cô đầy tớ “tiên tri” bị quỷ ám và hội đồng thành phố. Phao-lô bị đánh, bị lăng nhục, song sau đó một Hội thánh được hình thành tại đây. Bởi sự hình phạt và bị chống đối, Phao-lô buộc phải ra đi sớm hơn ông muốn.
 - b. Từ đó ông đã đi đâu? Ông đi ngang qua Amphipolis và Apollonia, hai thành phố cũng không có nhà hội.
 - c. Ông đến thành phố lớn nhất trong vùng là Tê-sa-lô-ni-ca, nơi có một nhà hội. Phao-lô theo khuôn mẫu, đến với những người Do Thái trong vùng trước tiên. Ông thực hiện khuôn mẫu này bởi vì :
 - (1) Họ có hiểu biết về Cựu ước;
 - (2) Trong nhà hội có cơ hội để giảng và dạy;
 - (3) Địa vị của họ là tuyển dân giao ước của Đức Chúa Trời (xem Ma-thi-ơ 10:6; 15:24; Rô-ma 1:16-17; 9-11);
 - (4) Đức Chúa Giê-xu đã bày tỏ chính Ngài cho họ trước rồi sau đó cho cả thế giới, do đó Phao-lô làm theo gương mẫu của Đấng Christ.

Những bạn đồng hành của Phao-lô

- A. Phao-lô được Si-la và Ti-mô-thê tháp tùng tại Tê-sa-lô-ni-ca. Lu-ca ở với Phao-lô tại Phi-líp và ông tiếp tục ở lại đó. Chúng ta biết được chi tiết này qua đại từ “chúng tôi” và “họ” trong phân đoạn Công-vụ 16 và 17. Lu-ca xưng “chúng tôi” khi ở tại Phi-líp, nhưng lại sử dụng “họ” khi đi chuyến đến Tê-sa-lô-ni-ca.

- B. Si-la, hay Sin-vanh, là người Phao-lô đã chọn đi với ông trong chuyến truyền giáo thứ hai sau khi Ba-na-ba và Giăng (Mác) quay trở lại đảo Chíp-rơ.
1. Ông được nhắc đến lần đầu tiên trong Kinh thánh trong Công-vụ 15:22, khi ông được gọi là người lãnh đạo trong số những anh em tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem
 2. Ông cũng là một tiên tri (xem Công-vụ 15:32).
 3. Ông cũng là một công dân La mã giống như Phao-lô (xem Công-vụ 16:37).
 4. Ông và Giu-đe Ba-sa-ba được Hội thánh Giê-ru-sa-lem gọi đến An-ti-ốt để xem xét tình hình (xem Công-vụ 15:22, 30-35).
 5. Phao-lô ca ngợi ông trong II Cô-rinh-tô 1:19 và nhắc đến ông trong một vài thư tín khác.
 6. Về sau, ông được xác nhận ở với Phi-e-rơ và viết I Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 5:12).
 7. Cả Phao-lô và Phi-e-rơ đều gọi ông là Sin-vanh, trong khi Lu-ca gọi ông là Si-la.
- C. Ti-mô-thê là người đồng hành và cũng là người đồng công với Phao-lô
1. Phao-lô gặp ông tại Lít-tơ, nơi ông đã tin đạo trong chuyến truyền giáo lần thứ nhất.
 2. Ti-mô-thê có cha là người Hy Lạp, mẹ là người Do Thái. Phao-lô muốn dùng ông trong việc truyền giảng cho người ngoại bang.
 3. Phao-lô đã làm phép cắt bì cho ông để ông có thể làm việc với người Do Thái.
 4. Ti-mô-thê được nhắc đến với lời ca ngợi trong: II Cô-rinh-tô, Cô-lô-se, I và II Tê-sa-lô-ni-ca và Phi-lê-môn.
 5. Phao-lô gọi ông là “người con trong chức vụ” (xem I Ti-mô-thê 1:2; II Ti-mô-thê 1:2; Tít 1:4).
 6. Giọng văn chung của Phao-lô trong những bức thư của ông ám chỉ Ti-mô-thê là người trẻ tuổi và nhút nhát. Tuy vậy, Phao-lô rất tin tưởng và kỳ vọng nơi ông (xem Công-vụ 19:27; I Cô-rinh-tô 4:17; Phi-líp 2:19).
- D. Trong phần liệt kê những người đồng hành với Phao-lô, có đề cập đến hai người đã đến Tê-sa-lô-ni-ca và tiếp tục tháp tùng với Phao-lô sau đó. Họ là: A-ri-tạc (Công-vụ 19:29; 20:4; 27:2) và Sê-cun-đu (Công-vụ 20:4). Cũng như Đê-ma cũng có thể đến từ Tê-sa-lô-ni-ca (Phi-lê-mô 24; II Ti-mô-thê 4:10).

Chức vụ của Phao-lô tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca

- A. Chức vụ của Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca thi hành theo khuôn mẫu thông thường của ông: đến với người Do Thái trước rồi sau đó chuyển sang người ngoại. Phao-lô giảng tại nhà hội trong ba ngày Sa-bát. Sứ điệp của ông là “Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a” Ông trung dẫn Cựu ước để chứng tỏ rằng Đấng Mết-si-a phải chịu khổ (xem Sáng-thế Ký 3:15; Ê-sai 53), và không phải là lãnh tụ chính trị. Phao-lô cũng nhấn mạnh đến sự phục sinh và sự cứu rỗi ban cho mọi người. Đức Chúa Giê-xu đã bày tỏ rõ ràng Đấng Mết-si-a của lời hứa có thể cứu rỗi tất cả nhân loại.
- B. Sự đáp ứng với sứ điệp này là một số người Do Thái, trong số đó có nhiều người Do Thái tin kính, và nhiều người phụ nữ quyền quý tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu là Đấng cứu rỗi, là Đức Chúa Trời. Việc phân tích những nhóm người nhập đạo này rất ý nghĩa cho việc nghiên cứu những thư tín Phao-lô gửi cho Hội thánh này sau đó.
- C. Những người ngoại chiếm đa số trong Hội thánh, điều này liên hệ đến chi tiết không đề cập đến Cựu ước trong cả hai thư Tê-sa-lô-ni-ca. Họ đã sẵn lòng tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Rỗi và là Đức Chúa Trời với nhiều lý do :
1. Tôn giáo truyền thống của họ là sự mê tín bất năng. Tê-sa-lô-ni-ca nằm ngay tại chân núi Olympus và tất cả mọi người đều biết sự linh thiêng của nó là vô giá trị.
 2. Phúc âm dành cho tất cả mọi người.

3. Cơ-Độc-Giáo không chứa đựng tính độc quyền của chủ nghĩa dân tộc Do Thái. Do-Thái-Giáo đã thu hút nhiều người vì đặc tính độc thân và những đạo lý cao đẹp; nhưng nó cũng xua đuổi không ít người bởi những nghi lễ gây “dị ứng” (như lễ cắt bì) cùng với tính sắc tộc cố hữu và những thành kiến chủng tộc.
- D. Nhiều người phụ nữ quyền quý tiếp nhận Cơ-Độc-Giáo bởi họ có được quyền lựa chọn tín ngưỡng. Nữ giới có được nhiều tự do tại Ma-xê-đoan và vùng Tiểu Á hơn những nơi khác trong thế giới Hy Lạp-La mã (Sir Wm. M. Ramsay, *St. Paul the Traveller and Roman Citizen*, New York: G. P. Putnam’s Sons, 1896, trang 227). Tuy vậy, giới phụ nữ nghèo dù được tự do, vẫn còn ở dưới sự mê tín và thờ đa thần (Ramsay, trang 229).
- E. Có nhiều người phát hiện chi tiết khó hiểu về khoảng thời gian Phao-lô ở tại Tê-sa-lô-ni-ca:
1. Công-vụ 17:2 cho biết Phao-lô giảng tại nhà hội trong ba ngày Sa-bát khi ở Tê-sa-lô-ni-ca.
 2. I Tê-sa-lô-ni-ca 2:7-11 lại nói rằng Phao-lô làm việc. Đây là nghề may trại hay có một số người gợi ý rằng làm nghề da.
 3. Phi-líp 4:16 ủng hộ một thời hạn lâu hơn, khi đề cập đến chi tiết Phao-lô nhận ít nhất hai lần tiền tiếp trợ từ Hội thánh Phi-líp khi ở tại Tê-sa-lô-ni-ca. Khoảng cách giữa hai thành phố này là khoảng 100 dặm. Một số người cho rằng Phao-lô ở lại khoảng hai, ba tháng và trong khoảng thời gian đó có ba ngày Sa-bát giảng cho người Do Thái (Shepard, trang 165).
 4. Sự khác biệt trong việc tường trình những người nhập đạo trong Công-vụ 17:4 và I Tê-sa-lô-ni-ca 1:9 và 2:4 lại hỗ trợ cho quan điểm: điểm khác biệt chính trong các lần trình bày là sự từ bỏ thần tượng của những người ngoại. Họ được đề cập trong sách Công-vụ là những người đã hoàn toàn gia nhập Do-Thái-Giáo và từ bỏ thần tượng trước đó. Bối cảnh tại đây ám chỉ rằng Phao-lô có thể đã có mục vụ cho người ngoại rộng lớn hơn là cho người Do Thái.
 5. Không rõ mục vụ rộng lớn hình thành khi nào, vì Phao-lô luôn luôn đến với người Do Thái trước. Sau khi họ đã khước từ sứ điệp, ông mới hướng đến người ngoại. Khi người ngoại đáp ứng lại Phúc âm với số lượng đông đảo thì những người Do Thái ganh tỵ và tiến hành cơn bạo động trong giới hạ lưu của thành phố.
- F. Bởi cuộc náo loạn, Phao-lô rời khỏi nhà của Gia-sôn rồi cùng đi với Ti-mô-thê và Si-la; hay ít nhất là họ vắng mặt khi đám đông xông vào nhà Gia-sôn để truy bắt. Những quan cai trị bắt Gia-sôn đóng tiền chuộc để vẫn hồi an ninh. Đây là lý do khiến Phao-lô phải rời khỏi thành phố trong đêm và đến Bê-rê. Tuy nhiên, Hội thánh vẫn tiếp tục làm chứng về Đấng Christ trước nhiều sự chống đối.

BẢN NASB 17:1-9

¹ Phao-lô và Si-la đi ngang qua thành Am-phi-bô-li và thành A-bô-lô-ni, rồi tới thành Tê-sa-lô-ni-ca; ở đó người Giu-đa có một nhà hội. ² Phao-lô tới nhà hội theo thói quen mình, và trong ba ngày Sa-bát bàn luận với họ, ³ lấy Kinh thánh cắt nghĩa và giải tỏ tường về Đấng Christ phải chịu thương khó, rồi từ kẻ chết sống lại. Người nói rằng Đấng Christ này, tức là Đức Chúa Giê-xu mà ta rao truyền cho các người. ⁴ Trong bọn họ có một vài người được khuyên dỗ nói theo Phao-lô và Si-la, lại cũng có rất nhiều người Gờ-réc vẫn kính sợ Đức Chúa Trời, và mấy người đờn bà sang trọng trong thành nữa. ⁵ Nhưng người Giu-đa đầy lòng ghen ghét, rủ mấy đứa hoang đàng nơi đường phố, xui giục đoàn dân gây loạn trong thành. Chúng nó xông vào nhà của Gia-sôn, tìm bắt Phao-lô và Si-la đặng điệu đến cho dân chúng. ⁶ Tìm không được, bèn kéo Gia-sôn và mấy người anh em đến trước mặt các quan án trong thành, mà la lên rằng: Kìa những tên này đã gây thiên hạ nên loạn lạc, nay có đây, ⁷ và Gia-sôn đã chứa chúng! Chúng nó hết thấy đều là đồ nghịch mạng Sê-sa, vì nói rằng có một vua khác, là Giê-xu. ⁸ Bấy nhiêu lời đó làm rối động đoàn dân và các quan án. ⁹ Song khi các quan án đòi Gia-sôn và các người khác bảo lãnh rồi, thì tha cho ra.

17:1 “đi ngang qua thành Am-phi-bô-li và thành A-bô-lô-ni” Hai thành phố này nằm trên đường Ignatian, một trục lộ La mã đông-tây huyết mạch trải dài hơn 500 dặm, nối liền miền đông và miền tây của đế quốc và cũng hình thành nên con đường chính của Tê-sa-lô-ni-ca.

▣ **“Tê-sa-lô-ni-ca”** Xem phần giới thiệu chương này.

▣ **“có một nhà hội”** Đây là khuôn mẫu và trình tự của Phao-lô trong việc công bố Phúc âm (xem câu 2; 3:26; 13:46; Rô-ma 1:16; 2:9,10; Công-vụ 9:20; 13:5,14; 14:1; 17:2,10,17; 18:4,19; 19:8), có lẽ vì ông cho rằng Phúc âm dành cho người Do Thái trước tiên theo lời tiên tri Cựu ước. Ngoài ra, có nhiều người ngoại kính sợ Chúa tham dự, hiểu biết và trân trọng Cựu ước.

17:2 “trong ba ngày Sa-bát” Chi tiết này có nghĩa rằng ông chỉ giảng tại nhà hội trong ba ngày Sa-bát. Ông có thể ở trong thành phố lâu hơn ba tuần (xem Phi-líp 4:16), nhưng không phải là gia hạn.

▣ **“lấy Kinh thánh cắt nghĩa”** Phao-lô đã chứng tỏ những lời tiên tri về Đấng Mết-si-a tương hợp với cuộc đời, sự giảng dạy, sự chết và phục sinh của Đức Chúa Giê-xu. Phao-lô đã thu thập cách thức này từ Ê-tiên và trong giai đoạn được huấn luyện làm tu sĩ Do-Thái-Giáo.

17:3

NASB “giải thích và đưa ra bằng chứng”

NKJV “giải thích và thể hiện”

NKJV, NJB “giải thích và chứng minh”

TEV “giải nghĩa Kinh thánh và từ đó chứng minh”

Chữ đầu tiên là *dianoigō*, được dùng khi Đức Chúa Giê-xu giải thích Kinh thánh cho hai môn đồ trên đường về Em-ma-út (xem Lu-ca 24:32,45). Chữ này cũng được dùng khi Đức Chúa Giê-xu mở mắt họ, nhờ đó họ nhận biết Ngài (xem Lu-ca 24:31). Cũng một chữ này được dùng trong 16:14, khi Chúa mở lòng Ly-đi để hiểu Phúc âm.

Chữ thứ hai, *paratithēmi*, cũng thường được Lu-ca sử dụng với ý nghĩa là dọn thức ăn cho một ai đó, nhưng tại đây nó hàm ý rằng “đặt chân lý trước” hay “xác thực” (xem 14:23; 20:32). Hai lần trong sách Lu-ca (xem 12:48; 23:46) nó được dùng với nghĩa gọi găm điều gì cho một ai đó. Phao-lô cần trọng và tỉ mỉ trình bày Phúc âm cho người nghe (đặt vào, *parathēkē*, I Ti-mô-thê 6:20; II Ti-mô-thê 1:12,14). Có một số người đáp ứng (một số người Do Thái, một số người ngoại kính sợ Chúa, và vài người đàn bà quyền quý).

▣ **“Đấng Christ phải chịu thương khó”** Chữ “phải” (*dei*) là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE) cho biết sự cần thiết. Đấng Mết-si-a bị khốn khổ đã được báo trước trong Cựu ước (xem Sáng-thế Ký 3:15; Thi-thiên 22; Ê-sai 52:13-53:12), nhưng chưa bao giờ được các tu sĩ Do-Thái-Giáo nhận thức rõ ràng. Nó được quả quyết mạnh mẽ bởi những người giảng đạo trong thời các sứ đồ (xem Công-vụ 3:18; 26:23; I Phi-e-rơ 1:10-12). Chân lý này là sự ngăn trở chính cho người Do Thái (xem I Cô-rinh-tô 1:22-23). Xem ghi chú trong 3:18.

▣ **“rời từ kẻ chết sống lại”** Đây là một yếu tố thông thường (một phần của *kerygma*, xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:14) hiện diện trong tất cả bài giảng của Phi-e-rơ, Ê-tiên và Phao-lô trong sách Công-vụ. Đây là trụ cột chính yếu của Phúc âm (xem I Cô-rinh-tô 15).

▣ **“tức là Đức Chúa Giê-xu mà ta rao truyền cho các người”** Có nhiều khác biệt trong các bản chép tay tiếng Hy Lạp về chữ cuối trong câu này.

1. “Đấng Christ, Giê-xu” - MS B
2. “Đấng Christ, Giê-xu” - vài bản dịch Vulgate và Coptic
3. “Christ Giê-xu” - MSS P⁷⁴, A, D
4. “Giê-xu Christ” - MS 8

5. “Giê-xu Đấng Christ” - MS E và bản Bohairic Coptic

6. “Đấng Christ” - bản Georgian

Nhiều học giả chọn cách dùng từ số (1) (Vaticanus) bởi vì nó khác biệt.

Trong bối cảnh nhà hội, “Đấng Christ” có nghĩa là Đấng Được Xức Dầu mà Cựu ước đã hứa. Có ba chức vụ được xức dầu trong Cựu ước: vua, tiên tri và thầy tế lễ. Đức Chúa Giê-xu đã hoàn thành cả ba chức vụ này (xem Hê-bơ-rơ 1:1-3). Sự xức dầu là dấu hiệu được Chúa lựa chọn và trang bị cho chức vụ. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:27.

17:4

NASB, NKJV, NRSV “được thuyết phục”

TEV, NJB “khiến cho tin”

Chữ Hy Lạp này chỉ xuất hiện tại đây trong cả Tân ước. Nó có nghĩa đen là “định bằng thăm”. Trong văn mạch tại đây, nó có nghĩa là “theo” hay là “hợp với”. “Bắt thăm” là một cách trong Cựu ước để tìm biết ý Chúa. Hàm ý của (1) giới từ (PREPOSITION) (*pros*); (2) từ gốc (*klēpoō*); và (3) dạng THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) cùng chỉ về một hành động thiên thượng. Đức Chúa Trời đã mở lòng của những người này giống như Ngài đã làm với Ly-đi (xem 16:24).

☐ **“nhiều người Gờ-réc vẫn kính sợ Đức Chúa Trời”** những người này là người theo Do-Thái-Giáo nhưng vẫn chưa hoàn toàn nhập đạo, bao gồm (1) chịu cắt bì; (2) tự làm báp-tem; và (3) dâng một cửa lễ nếu được trong đền thờ Giê-ru-sa-lem.

☐ **“mấy người đồn bà sang trọng”** Phụ nữ có nhiều tự do trong xứ Ma-xê-đoan (như Ly-đi). Khuôn mẫu đã có tại An-ti-ốt trong xứ Bi-si-đi tự lặp lại (xem 13:43,45,50). Nhóm những bản chép tay tiếng Hy Lạp ở phương tây có thêm một cụm từ trong câu 4 quả quyết rằng những người phụ nữ này là vợ của những người lãnh đạo. Một vài học giả hiện đại tin rằng những người thu thập kinh văn của nhóm những bản chép tay này thường hay thay đổi bản văn để hạ giá phụ nữ (xem câu 12).

17:5 “Nhưng người Giu-đa đầy lòng ghen ghét” Sự không tin của người Do Thái làm tôi đau lòng (xem 14:2), nhưng đến nỗi ghen ghét (xem 5:17) thì thật là bi thảm! Tại đây không có những người nhiệt thành với niềm tin như Sau-lơ ngày trước thúc đẩy, nhưng chỉ là lòng ghen ghét. Con số người cải đạo (xem 13:45), chứ không phải nội dung giảng dạy khiến họ khó chịu.

Lu-ca thường sử dụng chữ “Do Thái” trong ý miệt thị, tiêu cực cũng giống như Phao-lô (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:15-16). Nó trở thành đồng nghĩa với những ai chống đối và kháng cự với Phúc âm.

☐ **“mấy đứa hoang đàng nơi đường phố”** Chữ này mô tả những người lang thang nơi phố chợ không có việc làm, những kẻ lười biếng không ra chi.

17:6 “kéo Gia-sôn” Có một số người cho rằng đây là Gia-sôn đề cập trong Rô-ma 16:21, nhưng điều này không chắc chắn.

☐ **“và mấy người anh em”** Cấu trúc của cụm từ ám chỉ rằng Gia-sôn chưa phải là tín hữu. Chính xác vì sao Gia-sôn chào đón đoàn truyền giáo thì không rõ. Có thể là (1) Phao-lô và Si-la cùng làm việc với ông; (2) họ muốn chỗ trọ trong nhà ông; hay là (3) họ ở trong nhà ông. Động từ “chào đón” trong câu 7 có nghĩa là “tiếp đón người khách” (xem Lu-ca 10:38; 19:6; Gia-cơ 2:25).

☐ **“quan án trong thành”** Đây là chữ “politarch” có nghĩa là lãnh đạo thành phố. Đây là tên đặc biệt của những lãnh đạo chính quyền địa phương tại Ma-xê-đoan. Chữ này là từ hiếm, chỉ xuất hiện tại đây và trong câu 8, và việc sử dụng từ này chứng tỏ kiến thức của Lu-ca về khu vực này, cũng như củng cố tính lịch sử của sách Công-vụ. Lu-ca là một sử gia chuẩn xác, là sự hiếm có trong thời kỳ này. Ông có một chủ ý tôn giáo mà tín hữu xác nhận đó là sự linh cảm.



NASB “rối loạn xã hội”
NKJV, NRSV, NJB “đảo lộn thế giới”
TEV “gây rối khắp nơi”

Chi tiết này ám chỉ sự kiện xúi giục nổi loạn (xem 21:38). Đây là một chữ rất mạnh. Lưu ý cách Phao-lô sử dụng chữ này trong Ga-la-ti 5:12. Theo I Tê-sa-lô-ni-ca 2:14-16 chúng ta biết rằng Hội thánh này phải đối diện với sự bắt bớ dữ dội.

17:7 “mạng Sê-sa” Một số người nghĩ rằng điều này liên hệ đến chiếu chỉ vào năm 49-50 SC của Claudius (cai trị năm 41-54 SC), đặt ra ngoài vòng luật pháp những nghi lễ Do-Thái-Giáo tại Rô-ma. Chiếu chỉ này dẫn đến hệ quả là người Do Thái rời khỏi Rô-ma. Tuy nhiên, tôi nghĩ theo văn mạch rõ ràng đề cập đến việc rao giảng Phúc âm của các sứ đồ. Bất cứ ai cải đạo một công dân La mã là bất hợp pháp.

▣ **“nói rằng có một vua khác, là Giê-xu”** Lời kiện này dựa vào (1) sự nhấn mạnh của Phao-lô vào đời sau, trong bài giảng tại Tê-sa-lô-ni-ca, hay (2) những chữ mà các Cơ-Độc-Nhân sử dụng cho Đức Chúa Giê-xu cũng là những từ mà người La mã dùng để gọi Sê-sa (vua, chúa và đáng cứu rỗi).

17:9 “bảo lãnh” Chắc rằng đây là số tiền bảo lãnh lớn được những người mới tin gom góp (xem câu 4,6,10), để bảo đảm rằng Phao-lô sẽ không tiếp tục giảng trong thành phố nữa. Có người liên hệ với I Tê-sa-lô-ni-ca 2:18.

BẢN NASB 17:10-15

¹⁰ Tức thì, trong ban đêm, anh em khiến Phao-lô và Si-la đi đến thành Bê-rê. Đến nơi rồi, thì vào nhà hội người Giu-đa. ¹¹ Những người này có ý hấn hoi hơn người Tê-sa-lô-ni-ca, đều sẵn lòng chịu lấy đạo, ngày nào cũng tra xem Kinh thánh, để xét lời giảng có thật chẳng. ¹² Trong bọn họ có nhiều người tin theo, với mấy người đờn bà Gờ-réc sang trọng, và đờn ông cũng khá đông. ¹³ Nhưng khi người Giu-đa ở thành Tê-sa-lô-ni-ca hay Phao-lô cũng truyền đạo Đức Chúa Trời tại thành Bê-rê, bèn đến đó để rải sự xao xuyến rối loạn trong dân chúng. ¹⁴ Tức thì, anh em khiến Phao-lô đi phía biển, còn Si-la với Ti-mô-thê ở lại thành Bê-rê. ¹⁵ Nhưng người dẫn Phao-lô đưa người đến thành A-thên; rồi trở về, đem lệnh cho Si-la và Ti-mô-thê phải đến cùng người cho gặp.

17:10 “Bê-rê” Đây là thành phố lớn trong thời của Phao-lô cách khoảng 60 dặm về hướng tây, rất gần với đường Ignatian. Thành phố này cũng có một cộng đồng Do Thái, cộng đồng này sẵn lòng lắng nghe Phao-lô và kiểm chứng thần học của ông từ những đoạn kinh văn trích dẫn trong Cựu ước.

▣ **“vào nhà hội người Giu-đa”** Đoạn kinh văn ám chỉ rằng ngay khi họ đến nơi, dù rằng sau một chuyến hành trình suốt đêm, các sứ đồ ngay lập tức đến nhà hội. Có thể hôm đó là ngày Sa-bát hoặc họ biết rằng họ sẽ bị những người khích động quần chúng đeo đuổi. Với họ, thời gian là điều cốt yếu. Những tín hữu tây phương hiện thời đã mất đi sự khẩn cấp và ưu tiên của việc truyền giảng.

17:11 “Những người này có ý hấn hoi hơn” Chữ này được dùng cho sự giàu có, học thức, tầng lớp thượng lưu (xem bản LXX Gióp 1:3; Lu-ca 19:12). Nghĩa đen của chữ này không thích hợp với người Do Thái tại Bê-rê; do đó, chữ này mang ý ẩn dụ cho những ai sẵn lòng lắng nghe những ý kiến mới và lượng giá chúng. Thái độ cởi mở này có thể là đặc tính của những lãnh đạo thành phố này, đồng thời cũng là người thờ phượng tại nhà hội (xem câu 12).

▣ **“ngày nào cũng tra xem Kinh thánh, để xét lời giảng có thật chẳng?”** Đây là cách thức kiểm chứng chân lý. Phương pháp giảng của Phao-lô là trích dẫn từ Cựu ước rồi chứng tỏ những điều đó ứng nghiệm như thế nào cho Đức Chúa Giê-xu. Cụm từ “để xét lời giảng có thật chẳng” chứa đựng một câu ĐIỀU KIỆN BẠC BÓN (FOURTH CLASS CONDITIONAL) *ei* với dạng MONG MỌI (OPTATIVE MOOD), xem 17:27; 20:16; 24:19; 27:12 ngụ ý điều xa thực tế (ít có thể xảy ra). Một số người đã đáp ứng, một số thì không (sự huyền nhiệm của Phúc âm).

17:12 “Trong bọn họ có nhiều người tin theo” Cho biết đã có nhiều người Do Thái trong nhà hội và nhiều người kính sợ Chúa đáp ứng. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 8:12 và 4:4.

▣ **“sang trọng”** Đây là từ ghép từ những từ “tốt” và “hình dáng” hay “bề ngoài”, được dùng cho những người danh giá, danh tiếng và quan trọng (xem 13:50 và Giô-sép A-ri-ma-thê, Mác 15:43).

17:13 Chứng tỏ sự chống đối Phao-lô có mục đích của những người Do Thái đối kháng. Nhiều người trong số này là những người Do Thái chân thành hành động vì động lực tôn giáo (giống như Sau-lô trước đây). Tuy nhiên, cách thức họ làm đã bộc lộ tình trạng tâm linh của họ.

BẢN NASB 17:16-21

¹⁶ Phao-lô đương đọi hai người tại thành A-thên, động lòng tức giận, vì thấy thành đều đầy những thần tượng. ¹⁷ Vậy, người biện luận trong nhà hội với người Giu-đa và người mới theo đạo Giu-đa; lại mỗi ngày, với những kẻ nào mình gặp tại nơi chợ. ¹⁸ Có mấy nhà triết học về phái Epicuriens và phái Stociens cũng cãi lẽ với người. Kẻ thì hỏi: Người già mếp này muốn nói gì đó? Người thì nói: Người dường như giảng về các thần ngoại quốc (vì Phao-lô truyền cho chúng về Đức Chúa Giê-xu và sự sống lại). ¹⁹ Chúng bắt người, đem đến nơi A-rê-ô-ba, mà hỏi rằng: Chúng tôi có thể biết được đạo mới mà ông dạy đó chẳng? ²⁰ Vì chưng ông giảng cho chúng tôi nghe sự lạ. Chúng tôi muốn biết ý nghĩa điều đó là gì. ²¹ Vả, hết thấy người A-thên và người ngoại quốc ngụ tại thành A-thên chỉ lo nói và nghe việc mới lạ mà thôi.

17:16 “A-thên” Đây là thành phố lớn nhất trong di sản văn hóa Hy Lạp và vẫn là trung tâm học thức của thế giới La mã. Thành phố này chìm ngập trong truyền thống, mê tín và vô đạo đức.

▣ **“động lòng”** Những bản chép tay chữ in tiếng Hy Lạp của Tân ước không có (1) khoảng trống giữa các chữ; (2) không có dấu câu; (3) không viết hoa đầu dòng (tất cả chữ đều viết hoa); và (4) không chia câu, đoạn. Do đó, chỉ có thể dựa vào văn mạch để xác định những chỗ cần viết hoa. Thông thường, chữ viết hoa được dùng cho (1) tên của các thần linh; (2) tên địa danh; và (3) tên người. Chữ “linh” có thể là (1) Đức Thánh Linh (xem Mác 1:5); (2) khía cạnh nhận thức cá nhân của con người (xem Mác 8:12; 14:38); hoặc (3) đối tượng thuộc thế giới thần linh (tà linh, xem Mác 1:23). Trong văn mạch tại đây, chữ này chỉ về Phao-lô như là một con người.

Có một vài chỗ trong những tác phẩm của Phao-lô, cấu trúc ngữ pháp này được dùng để mô tả những điều Đức Thánh Linh tạo dựng bên trong mỗi tín hữu.

1. “Chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi”, “thần trí của sự làm con nuôi”, Rô-ma 8:15
2. “Ý nhu mì”, I Cô-rinh-tô 4:21
3. “Lòng tin”, II Cô-rinh-tô 4:13
4. Thần trí của sự khôn ngoan và sự tỏ ra”, Ê-phê-sô 1:17

Trong văn mạch tại đây, rõ ràng là Phao-lô sử dụng chữ “linh” như là một cách để nói về chính mình (xem 2:11; 5:4; II Cô-rinh-tô 2:13; 7:13; Rô-ma 1:9; 8:16; Phi-líp 4:23).

▣
NASB “bị khiêu khích”

NKJV “chọc tức”
NRSV “rất đau khổ”
TEV “rất tức giận”
NJB “kính tởm”

Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE) của chữ *paroxunō*, có nghĩa đơn giản là “làm sắc bén”, nhưng tại đây được sử dụng với nghĩa bóng là “xách động”. Đây cũng là chữ (trong dạng danh từ) dùng để mô tả sự tranh cãi của Phao-lô và Ba-na-ba về Giăng (Mác) trong 15:39. Nó được sử dụng với ý tích cực trong Hê-bơ-rơ 10:24.

17:17 Phao-lô lưu tâm đến cả người Do Thái (“biện luận trong nhà hội”) và người ngoại bang, những người bị thu hút bởi đạo Giu-đa (những người kính sợ Chúa) và những người thờ hình tượng ngoại giáo (“những kẻ nào mình gặp tại nơi chợ”). Phao-lô tiếp xúc với những nhóm khác nhau bằng những cách thức khác nhau: với người Do Thái và những người kính sợ Chúa ông sử dụng Cựu ước, nhưng với người ngoại giáo ông cố gắng tìm vài điểm chung với họ (xem câu 22-31).

17:18 “Epicuriens” Nhóm này tin rằng khoái lạc và hạnh phúc là tuyệt đỉnh và là mục đích sống. Họ không tin vào đời sau. “Hưởng thụ cuộc sống ngay bây giờ” là phương châm của họ (một dạng của chủ nghĩa khoái lạc). Họ cho rằng các thần linh không lưu tâm đến con người. Họ lấy tên theo Epicurus, một triết gia A-thên, sống khoảng năm 341-270 TC, nhưng họ phóng đại những kết luận căn bản của ông. Epicurus cho rằng khoái lạc có ý nghĩa rộng hơn là sung sướng cá nhân, thể xác (thân thể khỏe mạnh, tâm hồn thư thái). “Epicurus có nói rằng, ‘Nếu bạn muốn làm cho một ai đó hạnh phúc, đừng thêm cho người sự giàu có, nhưng hãy lấy bớt đi những ham muốn của người đó’”. (*The New Schaff-Herzog Encyclopedia of Religious Knowledge*, vol. IV, trang 153).

▣ **“Stociens”** Nhóm này tin rằng thần linh là (1) thể giới linh hay là (2) hiện hữu trong tất cả mọi tạo vật (thuyết phiếm thân). Họ cho rằng loài người phải sống hòa hợp với thiên nhiên (các thần). Lý trí là điều tốt nhất. Tự chủ, tự túc và bình ôn cảm xúc trong mọi hoàn cảnh là mục tiêu của họ. Họ không tin vào đời sau. Người sáng lập nhóm này là Zeno, một triết gia từ đảo Chíp-rơ, dọn đến A-thên vào khoảng năm 300 TC. Họ được đặt tên bởi sự việc Zeno dạy triết lý của mình ở một công vòm tại A-thên.

▣ **“Người già mép”** Chữ này được dùng cho chim sẻ mổ thóc trong đồng ruộng. Nó trở thành hình ảnh ẩn dụ cho những giáo sư lang thang đây đó lượm lật mỗi nơi một chút tri thức rồi tìm cách rao bán chúng. Bản *R.S.V. Interlinear* của Alfred Marshall dịch là “kẻ đạo văn dốt nát”. Bản NJB dùng chữ “con vẹt”

▣ **“giảng về các thần ngoại quốc”** Có nghĩa đen là “*daimōn*” ngoại quốc, được dùng với nghĩa là các thần hay là quyền năng linh thiêng (xem I Cô-rinh-tô 10:20-21). Những triết gia A-thên này là người tin đa thần.

Có thể rằng những triết gia Hy Lạp người A-thên này xem lời Phao-lô đang nói là về hai vị thần.

1. Thần sức khoẻ
2. Thần phục sinh

Có thể họ hiểu rằng có một nam thần (Giê-xu) và một nữ thần (sự phục sinh là một danh từ giống cái). Những chi tiết này lý giải cho cáo buộc của họ trong câu này, không hề liên hệ đến chiếu chỉ Sê-sa năm 49-50 SC, nhưng chỉ là sự ngộ nhận bởi những thuật ngữ Phúc âm mà Phao-lô sử dụng.

▣ **“vì Phao-lô truyền cho chúng về Đức Chúa Giê-xu và sự sống lại”** Phúc âm khiến người Do Thái vấp ngã bởi khái niệm “Đấng Mê-ti-a chịu khổ nạn” còn đối với người Hy Lạp là “sự sống lại” (xem I Cô-rinh-tô 1:18-25). Một đời sau có hình hài với nhận thức là không phù hợp với hiểu biết của người Hy Lạp về các thần và con người. Họ cho rằng có sự lóe sáng linh thiêng trong mỗi con người, bị trói buộc hay là giam cầm trong thân thể vật chất. Sự cứu rỗi phóng thích khỏi ngục tù vật chất đó và hòa nhập trở lại với giới linh vô thân vị hay là nửa thần-nửa người.

17:19 “đem đến nơi A-rê-ô-ba” Chữ *areopages* có nghĩa là ngọn đồi của Ares (thần chiến tranh). Trong thời hoàng kim của A-thên, đó là diễn đàn chính trị của thành phố nổi tiếng về học thức này. Đó không phải là xét xử pháp lý, nhưng là diễn đàn mở rộng cho cả thành phố. Đây là một ví dụ của Phao-lô giảng cho người ngoại giáo, như 13:16ff là ví dụ cho những người ngoại bang kính sợ Chúa. Tạ ơn Chúa vì những bản tóm lược sử điệp của Phao-lô.

▣ **“tôi có thể biết được đạo mới mà ông dạy đó chẳng”** Đây là sự khác biệt giữa sự tìm hiểu tri thức (xem câu 20-21) và sự khải thị. Chúa khiến chúng ta muốn tìm hiểu (xem Truyền-đạo 1:8-9,18; 3:10-11), nhưng tri thức loài người không thể đem lại sự bình an và vui mừng. Chỉ có Phúc âm có thể làm được điều đó. Phao-lô phân tích sự khác biệt giữa sự khôn ngoan của con người và sự khải thị của Đức Chúa Trời trong I Cô-rinh-tô 1-4.

17:19-20 Những ngôn từ này rất lịch sự, xã giao gợi ý cho một khung cảnh của trường đại học.

17:21 Câu này bày tỏ sự lịch thiệp của câu 19-20 nhưng không phải là sự tìm hiểu tri thức chân chính, mà chỉ là trào lưu văn hóa nhất thời. Họ chỉ thích được nghe và tranh luận. Họ đang cố gắng khôi phục lại quá khứ vàng son của A-thên. Thật bi thảm là họ không thể phân biệt được sự khác biệt giữa tri thức loài người và sự khải thị thiên thượng (cũng giống như những trường đại học ngày nay).

BẢN NASB 17:22-31

²² Bây giờ, Phao-lô đứng giữa A-rê-ô-ba, nói rằng: Hỡi người A-thên, phạm việc gì ta cũng thấy các ngươi tin kính quá chừng. ²³ Vì khi ta trải khắp thành các ngươi, xem xét khí vật các ngươi dùng thờ phượng, thì thấy một bàn thờ có chạm chữ rằng: Thờ Chúa Không Biết. Vậy, Đấng các ngươi thờ mà không biết đó, là Đấng ta đương rao truyền cho. ²⁴ Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất, chẳng ngự tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên đâu. ²⁵ Ngài cũng chẳng dùng tay người ta hầu việc Ngài dường như có cần đến sự gì, vì Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài. ²⁶ Ngài đã làm cho muôn dân sanh ra bởi chỉ một người, và khiến ở khắp trên mặt đất, định trước thì giờ đời người ta cùng giới hạn chỗ ở, ²⁷ hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được, dầu Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta. ²⁸ Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có, y như xưa một vài thi non của các ngươi có nói rằng: Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài. ²⁹ Vậy, bởi chúng ta là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngờ rằng Chúa giống như vàng, bạc, hay là đá, bởi công nghệ và tài xảo của người ta chạm trở nên. ³⁰ Vậy thì, Đức Chúa Trời đã bỏ qua các đời ngu muội đó, mà nay biểu hết thấy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn, ³¹ vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ.

17:22 “người tin kính quá chừng” Nghĩa đen là “sợ thánh thần (*daimōn*).” Chữ này có thể (1) có nghĩa tiêu cực “mê tín” như trong bản King James hay là (2) có ý tích cực “rất cẩn trọng thi hành chi tiết nghi thức tôn giáo” (bản NKJV, xem 25:19). Những người này có sự tò mò tri thức và tôn kính những chủ đề tôn giáo trong phạm vi nhất định (truyền thống của họ).

▣ **“tất cả”** Lưu ý số lần Phao-lô sử dụng chữ “tất cả” hay những cụm từ tương đương trong bài giảng này.

1. “quá chừng,” câu 22
2. “mọi vật,” câu 24
3. “sống, hơi sống, muôn vật,” câu 25

4. “mọi loài,” câu 25
5. “muôn dân,” câu 26
6. “khắp trên mặt đất,” câu 26
7. “mỗi một người trong chúng ta,” câu 27
8. “chúng ta” (hai lần), câu 28
9. “mọi nơi,” câu 30
10. “thế gian” (nghĩa đen “đất có người ở”), câu 31
11. “thiên hạ,” câu 31

Tin mừng của Phao-lô đó là Đức Chúa Trời yêu thương cả nhân loại và đã ban cho họ một phương cách để nhận biết Ngài và nhận sự tha tội.

17:23 “có chạm chữ rằng: ‘Thờ Chúa Không Biết’” Người Hy Lạp sợ rằng họ có thể quên hay bỏ qua không thờ một thần quan trọng nào đó có thể giáng họa cho họ, do đó nên họ thường hay có những đền thờ kiểu này (xem Pausanias, *Description of Greece* 1:1:4 và Philostratus, *Life of Apollonius* 6:3:5). Chi tiết này chứng tỏ nỗi sợ hãi cõi thần linh và tôn giáo đa thần của họ.

▣ **“Vậy, Đấng các người thờ mà không biết đó”** Đây là cách chơi chữ giữa “không nhận ra” và “không biết”. Chúng ta có được chữ “agnostic” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này. Phao-lô đang thay đổi cách trình bày Phúc âm cho người ngoại giáo tin tưởng vào một giới linh vô thân vị.

▣ **“là Đấng ta đương rao truyền cho”** Phao-lô quả quyết rõ ràng rằng ông không phải là “kẻ nói nhảm” (câu 18) và ông thật sự biết Đức Chúa Trời cao cả mà họ không biết.

17:24 “Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó” Điểm thần học đầu tiên của Phao-lô là: Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo (xem Sáng-thế Ký 1-2; Thi-thiên 104; 146:6; Ê-sai 42:5). Người Hy Lạp tin rằng linh (Chúa) và vật chất (các phân tử) cùng tồn tại vĩnh cửu. Phao-lô quả quyết rằng trong sự sáng tạo ở Sáng-thế Ký 1, Đức Chúa Trời có thân vị, chủ đích đã sáng tạo nên trời và đất (hành tinh này và vũ trụ).

▣ **“chẳng ngự tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên”** Đây là trích dẫn từ (1) Cựu ước (xem I Các Vua 8:27; Ê-sai 66:1-2) hay là (2) triết gia Hy Lạp, Euripides, Fragment 968. Có nhiều trích dẫn trong văn mạch tại đây từ những văn sĩ Hy Lạp (xem câu 25 và 28). Phao-lô cũng được huấn luyện về những học giả Hy Lạp.

17:25 “đường như có cần đến sự gì” Tư tưởng này cũng xuất hiện trong (1) Euripides’ *Heracles* 1345f; (2) Plato’s *Euthyphro* 14c; (3) Aristobulus, Fragment 4; hay (4) Thi 50:9-12. Những đền thờ Hy Lạp thường được xem là nơi để các vị thần được nuôi nấng và chăm sóc.

▣ **“vì Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài”** Đây có thể ám chỉ đến Ê-sai 42:5. Đây là phương cách thần học của Phao-lô xác quyết (1) tình thương của Đức Chúa Trời cho nhân loại (thương xót, ân điển) và (2) sự ban cho tốt lành của Đức Chúa Trời cho con người (sự phù hộ). Một chân lý tương tự cũng được Zeno, nhà sáng lập trường phái Stociens, phát hiện và ghi lại trong Clement of Alexandria, *Stromateis* 5:76:1. Lưu ý chữ “autos,” Chính Ngài. Thật là một chân lý tuyệt vời để cho những người ngoại giáo nghe và tiếp nhận.

17:26 “bởi chỉ một người” Nhóm các bản chép tay tiếng Hy Lạp ở phương tây có thêm “một dòng máu”. Tuy nhiên, những bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁷⁴, κ , A, và B lược bỏ chữ này. Nếu chữ này có trong nguyên bản thì nói về A-đam. Nếu đó là một hàm ý về triết học Hy Lạp, nó phản ánh sự hiệp nhất của nhân loại từ một nguồn gốc. Cụm từ này rõ ràng xác nhận sự liên đới của cả nhân loại, về phương diện thần học nó xác nhận rằng loài người được dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 1:26-27). Phần còn lại của câu này cũng có thể là ngụ ý về câu chuyện Sáng Thế Ký. Nhân loại được chỉ định

sinh sản và làm đầy đầy đất (xem 1:28; 9:1,7). Con người đã lưỡng lự trong việc tách biệt và làm đầy trái đất. Tháp Ba-bên (xem Sáng-thể Ký 10-11) bày tỏ cách thức Đức Chúa Trời hoàn thành điều này.

☐ **“định trước thì giờ đòi người ta cùng giới hạn chỗ ở”** Phao-lô xác nhận rằng Đức Chúa Trời không chỉ tạo dựng nên mọi sự, nhưng còn kiểm soát tất cả mọi sự. Đây có thể là ám chỉ đến Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:8. Tuy nhiên, chân lý này cũng được xác nhận trong cả Cựu ước (xem Gióp 12:23; Thi-thiên 47:7-9; 66:7).

17:27 Đây có thể lại là một trích dẫn khác nữa từ thi sĩ Hy Lạp, Aratus.

☐ **“nếu”** Đây là ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN (FOURTH CLASS CONDITIONAL) có nghĩa một điều xa thực tế. Nhân loại cần phải thừa nhận nhu cầu của chính mình. Cả hai động từ này đều là dạng MONG MỌI CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE OPTATIVES).

☐

NASB, NKJV, NRSV “họ có thể dò tìm Ngài”

TEV “họ cảm nhận Ngài”

NJB “họ cảm nhận hướng về Ngài”

Chữ này có nghĩa là “rờ chạm” hay là “cảm nhận” (xem Lu-ca 24:39). Trong văn mạch này ám chỉ sự dò tìm vì sự tăm tối hay là ngộ nhận. Họ đang cố gắng tìm kiếm Đức Chúa Trời, nhưng điều đó không dễ dàng. Ngoại giáo là quyền lực tăm tối mà trong đó sự sa ngã thể hiện bởi sự thờ hình tượng và mê tín (xem Rô-ma 1-2), nhưng Đức Chúa Trời đang hiện diện .

☐ **“Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta”** Thật là một chân lý kỳ diệu. Đức Chúa Trời tạo dựng chúng ta, Đức Chúa Trời cũng để dành riêng cho chúng ta, Đức Chúa Trời ở với chúng ta (xem Thi-thiên 139). Phao-lô mạnh mẽ xác quyết rằng tình thương, sự chăm sóc và hiện diện của Đức Chúa Trời ở với cả nhân loại. Đây là chân lý của Phúc âm (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Phao-lô có thể đang ám chỉ đến Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:7, nhưng ngoại suy cho cả nhân loại. Đây là bí mật ẩn chứa trong Giao Ước mới.

17:28 “một vài thi nhơn của các nơi có nói rằng” Cụm từ trước đó “Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có” là trích dẫn từ :

1. Cleanthes’ *Hymn to Zeus*. Ông là lãnh tụ của trường phái Stociens trong khoảng năm 263-232 TC hay là
2. Aratus’s (từ Soli, một thành phố gần Tạt-sơ) *Phainomena*, dòng thứ 5. Aratus đến từ Si-li-si và sống vào khoảng năm 315-240 TC. Trích dẫn này nhấn mạnh:
 - a. Sự toàn tại của Đức Chúa Trời (xem câu 27) hay là
 - b. Sự sáng tạo nhân loại của Đức Chúa Trời (xem câu 26).

Phao-lô cũng trích dẫn từ thuyết Epicureans trong I Cô-rinh-tô 15:32 và Menander, *Thais*, trong I Cô-rinh-tô 15:33. Phao-lô được đào luyện về văn chương và kỹ năng hùng biện của người Hy Lạp, có thể là tại Tạt-sơ, là một thành phố-trường đại học quan trọng.

☐ **“Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài”** Đây là một trích dẫn khác, có thể là từ Epimenides, đã được Diogenes Laertius trích dẫn trong *Lives of the Philosophers* 1:112.

17:29 Đây là kết luận của Phao-lô cũng đồng thời là sự bác bỏ thần tượng (xem Thi-thiên 115:1-18; Ê-sai 40:18-20; 44:9-20; 46:1-7; Giê-rê-mi 10:6-11; Ha-ba-cúc 2:18-19). Bi kịch của nhân loại sa ngã là họ tìm kiếm chân lý linh thiêng và giao hảo với những tạo vật do chính con người làm ra, không thể trao đổi hay cứu giúp.

17:30 “đã bỏ qua các đời ngu muội đó” Đây là khía cạnh kinh ngạc trong ơn thương xót của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 3:20,25; 4:15; 5:13,20; 7:5,7-8; I Cô-rinh-tô 15:56). Nhưng bây giờ họ đã được nghe Phúc âm và có thể đáp ứng lại bằng tâm linh mình.

▣ **“nay biểu hết thấy các người trong mọi nơi”** Câu này quả quyết rằng Đức Chúa Trời muốn tất cả nhân loại ở mọi nơi ăn năn. Nó chứng tỏ tính phổ quát của tình thương và ơn thương xót của Đức Chúa Trời (xem Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Tính phổ quát này không có nghĩa là tất cả mọi người đều được cứu (xem câu 32-33), nhưng có nghĩa là Đức Chúa Trời mong muốn mọi người ăn năn và tin cậy Đức Chúa Giê-xu để được cứu rỗi. Đức Chúa Giê-xu đã chết cho tất cả mọi người. Mọi người đều có thể được cứu rỗi. Bí ẩn của tội lỗi đó là không phải tất cả mọi người đều sẽ được cứu.

▣ **“ăn năn”** Chữ Do Thái có nghĩa là “thay đổi hành động” trong khi chữ Hy Lạp thì có ngụ ý là “thay đổi tâm trí”. Cả hai đều cần thiết. Hai trường phái triết học được đề cập trong câu 18 đều khước từ điều này với những lý do khác nhau. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Ăn Năn trong 2:38.

17:31 “Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian” Sứ điệp của Phao-lô lặp lại rõ ràng sự quả quyết về lòng thương xót và sự sẵn sàng của Đức Chúa Trời. Nhưng đây chỉ là phần nửa sứ điệp. Đức Chúa Trời của tình thương và sự thương xót cũng là Đức Chúa Trời Công Chính, Đáng thực thi sự công bình. Nhân loại được dựng nên theo hình ảnh của Ngài sẽ phải tường trình sự quản trị, sử dụng món quà sự sống. Chủ đề Tân ước cứ luôn được lặp lại: Đức Chúa Trời sẽ đoán xét thế giới (xem Ma-thi-ơ 10:15; 11:22,24; 16:27; 22:36; 25:31-46; Khải-huyền 20:11-15).

▣ **“bởi Người Ngài đã lập”** Khái niệm về Ngày Đoán Xét dựa trên mối liên hệ đức tin của chúng ta với một Người đã sống lại, Giê-xu người Na-xa-rét, thì những trí thức Hy Lạp này chưa bao giờ nghe và không thể tin được (xem I Cô-rinh-tô 1:23), nhưng đó là trọng tâm của lời chúng Phúc âm (xem 10:42; Ma-thi-ơ 25:31-33).

BẢN NASB 17:32-34

³² Khi chúng nghe nói về sự sống lại của kẻ chết, kẻ thì nhạo báng, người thì nói rằng: Lúc khác chúng ta sẽ nghe người nói về việc đó. ³³ Vì vậy, Phao-lô từ giữa đám họ bước ra. ³⁴ Nhưng có mấy kẻ theo người và tin; trong số đó có Đê-ni, là một quan tòa nơi A-rê-ô-ba, và một người đờn bà tên là Đa-ma-ri, cùng các người khác.

17:32 “Khi chúng nghe nói về sự sống lại của kẻ chết” Người Hy Lạp, đặc biệt là nhóm Epicureans, chỉ tin nơi sự bất diệt của linh hồn, nhưng không phải thân thể. Sự sống lại là cản trở lớn cho người Hy Lạp (xem câu 18; I Cô-rinh-tô 1:23).

▣ **“nhạo báng”** Chữ này chỉ xuất hiện trong Tân ước một lần duy nhất tại đây, nhưng thể nhấn mạnh có xuất hiện ở Công-vụ 5:30 và 26:21. Từ gốc (*chleusma* hay *chleusmos*) có được dùng vài lần trong bản Septuagint với nghĩa “nhạo báng” hoặc “chê giễu” (xem Gióp 12:4; Thi-thiên 79:4; Giê-rê-mi 20:8).

▣ **“người thì nói rằng: ‘Lúc khác chúng ta sẽ nghe người nói về việc đó’”** Sứ điệp của Phao-lô về tình thương và sự chăm sóc của Đức Chúa Trời cho mọi người thì quá cấp tiến, mới lạ thu hút những thánh giá này, nhưng không hoàn toàn thuyết phục họ. Chúa giúp cho chúng ta rao giảng về Ngài một cách tinh tế cho những đối tượng như thế.

17:34 “Nhưng có mấy kẻ theo người và tin; trong số đó có Đê-ni” Có ba thái độ để đáp ứng với Phúc âm: (1) khước từ, “một số bắt đầu nhạo báng” (câu 32); (2) trì hoãn quyết định, “chúng ta sẽ nghe người

nói về việc này trong dịp khác (câu 32); và (3) tin nhận, “có mấy kẻ theo người và tin” (câu 34; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:9-10). Điều này tương tự như câu chuyện về người gieo giống (xem Ma-thi-ơ 13).

▣ **“Đê-ni A-rê-ô-ba”** Người chắc hẳn phải là người thường xuyên tham dự những cuộc tranh luận triết học trên đồi Mars. Ít nhất có một người trí thức trở nên người tin đạo. Eusebius, *Eccl. His.* 3:4:6-7 và 4:23:6 cho biết người trí thức này đã trở thành Giám mục đầu tiên ở A-thên. Nếu đúng như vậy, đây quả thật là sự biến đổi kỳ diệu. Phúc âm là công tác biến đổi con người .

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Phao-lô bỏ qua những thành phố lớn như Amphipolis và Apollonia?
2. Tại sao Đấng Christ chịu khổ nạn lại gây cho người Do Thái tức giận?
3. Tại sao sự đáp ứng với Phúc âm của người Bê-rê đáng ghi nhớ và khích lệ?
4. Tại sao Phao-lô quá phần nộ với tình trạng tâm linh của A-thên?
5. Tại sao bài giảng của Phao-lô trên đồi Mars là rất quan trọng? (câu 22-24)

CÔNG VỤ ĐOẠN 18

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô tại Cô-rinh-tô	Chức vụ tại Cô-rinh-tô	Thành lập Hội thánh tại Cô-rinh-tô	Tại Cô-rinh-tô	Nền tảng của Hội thánh tại Cô-rinh-tô
18:1-4	18:1-4	18:1-4	18:1-4	18:1-4
18:5-11		18:5-11	18:5-8 18:9-11	18:5-11 Người Do Thái kiện Phao-lô ra tòa
18:12-17		18:12-17	18:12-13 18:14-17	18:12-17
Phao-lô quay trở lại An-ti-ốt	Phao-lô quay trở lại An-ti-ốt	Kết thúc chuyến truyền giáo thứ hai và khởi đầu chuyến truyền giáo thứ ba	Phao-lô quay trở lại An-ti-ốt	Trở lại An-ti-ốt và khởi hành chuyến truyền giáo thứ ba
18:18-23	18:18-23	18:18-21 18:22-23	18:18-21 18:22-23	18:18 18:19-21 18:22-23
A-bô-lô giảng tại Ê-phê-sô	Chức vụ của A-bô-lô	A-bô-lô tại Ê-phê-sô	A-bô-lô tại Ê-phê-sô và Cô-rinh-tô	A-bô-lô
18:24-28	18:24-28	18:24-28	18:24-28	18:24-26 18:27-28

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 18:1-4

¹ Rồi đó, Phao-lô đi khỏi thành A-thên, mà tới thành Cô-rinh-tô. ² Tại đó, người gặp một người Giu-đa, tên là A-qui-la, quê ở xứ Bông, mới từ nước Y-ta-li đến đây với vợ mình là Bê-rít-sin, bởi vì vua Cơ-lốt có chỉ truyền mọi người Giu-đa phải lánh khỏi thành Rô-ma; Phao-lô bèn hiệp với hai người. ³ Vì đồng nghề, nên Phao-lô ở nhà hai người mà làm việc chung nhau; và, nghề các người đó là may trại. ⁴ Hể đến ngày Sa-bát, thì Phao-lô giảng luận trong nhà hội, khuyên dỗ người Giu-đa và người Gờ-réc.

18:1 “Phao-lô đi khỏi thành A-thên, mà tới thành Cô-rinh-tô” Cô-rinh-tô cách A-thên 50 dặm về hướng tây, nằm trên một dãy đất hẹp. Phao-lô ở một mình tại A-thên và một khoảng thời gian tại Cô-rinh-tô (xem câu 5). Phao-lô bị đau mắt (giảm xác trong thân thể, xem II Cô-rinh-tô 12). Vì vậy ông rất là cực nhọc khi phải ở một mình.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÀNH PHỐ CÔ-RINH-TÔ

- A. Những tuyến đường hàng hải vòng qua điểm cực nam của Hy Lạp (Cape Malea) trong mùa đông rất là nguy hiểm. Do đó, một tuyến đường bộ với khoảng cách ngắn nhất có thể được rất là quan trọng. Vị trí địa lý của thành phố Cô-rinh-tô nằm trên dải đất hẹp 4 dặm giữa vịnh Cô-rinh-tô (biển Adriatic) và vịnh Saronic (biển Aegean) khiến thành phố trở thành một trung tâm thương mại quan trọng (trung tâm vận chuyển và trao đổi hàng hóa chú trọng vào nhiều mặt hàng gốm và một loại đồng đặc biệt) và đồng thời cũng là một trung tâm quân sự. Trong thời của Phao-lô, nơi đây thực sự là giao điểm của những nền văn hóa Đông-Tây.
- B. Cô-rinh-tô cũng là một trung tâm văn hóa chính của thế giới Hy Lạp-La mã, tổ chức đại hội Isthmian mỗi hai năm một lần kể từ năm 581 TC (tại đền thờ Poseidon). Chỉ có đại hội Olympic ở A-thên tổ chức mỗi bốn năm, là có thể cạnh tranh về số lượng và tầm mức quan trọng. (Thucydides, *Hist.* 1.13.5).
- C. Năm 146 TC, thành phố Cô-rinh-tô tham gia vào cuộc nổi loạn (Liên minh Achaean) chống lại đế quốc La mã và sau đó bị tướng La mã Lucius Mummius tàn phá, dân cư tàn lác. Vì đặc tính quan trọng về kinh tế và chính trị, Cô-rinh-tô được Julius Caesar xây dựng lại vào năm 48 hay 46 TC. Nó trở thành một thuộc địa La mã, làm nơi sinh sống của những quân nhân La mã giải ngũ. Cô-rinh-tô là một bản sao của Rô-ma về kiến trúc, văn hóa và là trung tâm hành chính La mã (thượng viện) của tỉnh A-chai vào năm 27 TC. Cô-rinh-tô trở thành một tỉnh đế quốc vào năm 15 SC.
- D. Thành phòng thủ của Cô-rinh-tô cổ vượt cao hơn đồng bằng 1880 bộ, cũng là vị trí của đền thờ Aphrodite. Đền thờ này thu hút 1000 người hành nghề mại dâm (Strabo, *Geography*, 8.6.20-22). Để được gọi là “người Cô-rinh-tô” (*Korinthiazesthai*, định nghĩa bởi Aristophanes [450-385 B.C.]) là đồng nghĩa với cuộc sống buông thả, phóng đảng. Đền thờ này, cùng với hầu như cả thành phố, bị tàn phá bởi cơn động đất khoảng 150 năm trước khi Phao-lô đến đây, sự tàn phá lặp lại một lần nữa vào năm 77 SC. Không rõ là sự thờ cúng sự sinh sản có tiếp tục trong thời của Phao-lô hay không. Vì người La mã đã tàn phá thành phố vào năm 146 TC, sau đó giết hay là bắt làm nô lệ tất cả dân cư, ảnh hưởng Hy Lạp trên thành phố bị thay thế bởi danh hiệu là thuộc địa La mã (Pausanias, II.3.7).

18:2 “một người Giu-đa, tên là A-qui-la...Bê-rít-sin” Bê-rít-sin, cũng còn gọi là Bơ-rít-ca, thường được nhắc đến trước (xem 18:18,26; I Cô-rinh-tô 16:19; II Ti-mô-thê 4:19), đây là điểm đặc biệt bất

thường trong xã hội gia trưởng. Tên của bà trùng hợp với tên của một gia tộc La mã giàu có (gens Prisca). Không có chỗ nào cho biết bà là người Do Thái. Nếu những giải thuyết chính xác, thì đây quả thật là một truyện tình lãng mạn giữa một công nương La mã giàu có đem lòng yêu một người Do Thái lưu lạc làm nghề may trại, cũng có thể là thợ da. Họ làm bạn với nhau và cùng làm việc với Phao-lô.

▣ **“mới từ”** Trong *A Translator’s Handbook on the Acts of the Apostles*, trang 347, Newman và Nida có đưa ra một điểm thú vị về TRẠNG TỪ (ADVERB), *prospatōs*. Trong nguyên gốc, nó có nghĩa là “mới bị giết” nhưng nó lại được sử dụng theo cách ẩn dụ có ý là “mới đây, mới tức thì”. Đây là một ví dụ điển hình chứng tỏ việc nghiên cứu nghĩa gốc không phải luôn luôn giải thích rõ ý nghĩa của từ. Những từ, ngữ cần phải được hiểu theo văn mạch và bối cảnh đương thời. Nhiều sự giải nghĩa Kinh thánh sai phát xuất từ sai lầm của những người phiên dịch hiện đại trong việc nhận định những hình ảnh ẩn dụ cổ xưa hay là cách sử dụng thành ngữ.

▣ **“mới từ nước Y-ta-li đến đây với vợ mình là Bê-rít-sin, bởi vì vua Co-lốt có chỉ truyền mọi người Giu-đa phải lánh khỏi thành Rô-ma”** Theo *Historia Contra Paganus* 7.6.15, Orosius cho biết thời điểm của chiếu chỉ này là năm 49 SC. Suetonius, trong *Life of Claudius* 25.4, cho chúng ta biết đã có nổi loạn trong khu người Do Thái bởi sự xúi giục của một *Chrestus*. Người La mã lẫn lộn giữa Christus với Chrestus (xem Tacitus, *Annals* 25:44:3). Dio Cassius trong *Histories* 60.6, cho biết người Do Thái không bị trục xuất, nhưng bị cấm giữ hay thực hiện các truyền thống tổ tiên.

Động tính từ (PARTICIPLE), “mới đến” là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE PARTICLE), có ý rằng sự dọn đi này thực hiện với dự tính cố định hay là lâu dài. Chiếu chỉ của vua Co-lốt (mạng lệnh) là dạng NGUYÊN MẪU THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INFINITIVE).

18:3 “Vì đồng nghề” Chi tiết này thường được cho là may trại, nhưng chữ này có thể ám chỉ làm nghề da. Quá khứ tu sĩ Do-Thái-Giáo của Phao-lô bắt buộc ông phải có một nghề nghiệp hay việc làm thế tục. Không có tu sĩ Do-Thái-Giáo nào được phép nhận tiền công dạy dỗ. Si-li-si, quê của Phao-lô nổi tiếng với những sản phẩm từ lông và da dê.

18:4 “Hể đến ngày Sa-bát, thì Phao-lô giảng luận trong nhà hội” Phao-lô rất là năng động, mỗi ngày Sa-bát vừa “giảng luận” lẫn “thuyết phục”, cả hai đều là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE). Phao-lô đến với người Do Thái trước bởi vì (1) đó là gương mẫu của Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 10:5-6); (2) họ hiểu biết Cựu ước; (3) những người Hy lạp kính sợ Chúa thường đáp ứng với sứ điệp của ông (xem Rô-ma 1:16). Nhà hội đã hình thành trong suốt thời kỳ lưu đày Ba-by-lôn như một nơi để thờ phượng, học hỏi và cầu nguyện. Nó được thiết lập để giữ gìn và phát triển văn hóa Do Thái.

BẢN NASB 18:5-11

⁵ Khi Si-la và Ti-mô-thê từ xứ Ma-xê-đoan đến, thì Phao-lô hết lòng chuyên lo về sự giảng dạy, làm chứng với người Giu-đa rằng Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ. ⁶ Nhưng, vì chúng chống cự và khinh dể người, nên người giữ áo mình mà nói rằng: Ước gì máu các người đổ lại trên đầu các người! Còn ta thì tinh sạch; từ đây, ta sẽ đi đến cùng người ngoại. ⁷ Phao-lô ra khỏi đó, vào nhà một người tên là Ti-ti-u Giút-tu, là kẻ kính sợ Đức Chúa Trời, nhà người giáp với nhà hội. ⁸ Bấy giờ Cơ-rít-bu, chủ nhà hội, với cả nhà mình đều tin Chúa; lại có nhiều người Cô-rinh-tô từng nghe Phao-lô giảng, cũng tin và chịu phép báp-tem. ⁹ Ban đêm, Chúa phán cùng Phao-lô trong sự hiện thấy rằng: Đừng sợ chi; song hãy nói và chớ làm thinh; ¹⁰ ta ở cùng người, chẳng ai tra tay trên người đặt làm hại đâu; vì ta có nhiều người trong thành này. ¹¹ Phao-lô ở lại đó một năm sáu tháng, dạy đạo Đức Chúa Trời trong đám họ.

18:5 “Khi Si-la và Ti-mô-thê từ xứ Ma-xê-doan đến” Dường như họ đem theo sổ tiền lạc quyền của những tín hữu tại Phi-líp, giúp cho Phao-lô có thể giảng đạo trọn thời gian (xem II Cô-rinh-tô 11:9; Phi-líp 4:15). Ti-mô-thê cũng đem những tin tức từ Hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca đáp lại những điều Phao-lô đã viết trong thư I và II Tê-sa-lô-ni-ca (xem 17:14). Giống như Lu-ca đã ở lại Phi-líp để huấn luyện những tín hữu mới, thì dường như Ti-mô-thê cũng đã ở tại Tê-sa-lô-ni-ca, còn Si-la thì ở Bê-rê. Phao-lô rất chú trọng đến việc huấn luyện những Cơ-Độc-Nhân mới. Ông muốn để lại một Hội thánh năng động, tăng trưởng và phát triển trong mỗi thành phố mà ông đã viếng thăm.



NASB “Phao-lô bắt đầu hoàn toàn công hiến cho lời Chúa”

NKJV “Phao-lô được Đức Thánh Linh thúc giục”

NRSV “Phao-lô bận rộn với việc công bố lời Chúa”

TEV “Phao-lô dành trọn thời gian để rao giảng sứ điệp”

NJB “Phao-lô dành trọn thời gian để giảng dạy”

Có sự khác biệt về cụm từ này trong những bản chép tay tiếng Hy Lạp. Bản cổ nhất và tốt nhất có chữ *Logos* ở dạng tặng cách, (DATIVE) (xem MSS P⁷⁴, 8, A, B, D, cùng với bản Vulgate, Peshitta, và bản dịch Coptic). Trong Textus Receptus có Đức Thánh Linh (Spirit) (*pneumati*), chỉ tìm được trong những bản văn Hy Lạp viết chữ thường xuất hiện rất trễ về sau.

▣ **“làm chứng với người Giu-đa rằng Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ”** So sánh 9:22 với 17:3 liên quan đến phương pháp thuyết phục của Phao-lô dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE) của chữ *sunechō*, có nghĩa là bóp lại hay là ép, rất giống với phương pháp và sự hăng hái của Ê-tiên (xem Công-vụ 7). Xem chú thích trong 2:40. Sự quả quyết thần học là chìa khóa cho mọi điều khác .

18:6 “chống cự và khinh dể” Cả hai đều là ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLES), nhấn mạnh đến sự tiếp tục can thiệp cá nhân. Thật đáng tiếc, điều này trở nên phản ứng quá bình thường của những người Do Thái ly hương.

▣ **“người giũ áo mình”** Đây là dấu hiệu từ bỏ của người Do Thái (xem Nê-hê-mi 5:13; Công-vụ 13:51; Lu-ca 9:5; 10:11). Xem đây đủ chú thích tại 13:51.

▣ **“máu các người đổ lại trên đầu các người”** Đây là thành ngữ Cựu ước với nhiều ẩn ý.

1. Trách nhiệm của người canh gác, cả cá nhân và tập thể, Ê-xê-chi-ên 3:16ff; 33:1-6
2. Trách nhiệm cá nhân, Giô-suê 2:19; II Sa-mu-ên 1:16; Ê-xê-chi-ên 18:13; Công-vụ 18:6; 20:26
3. Trách nhiệm tập thể của những tổ tiên hay dân tộc, II Sa-mu-ên 3:28-29; II Các Vua 2:33
4. Tân ước kết hợp điểm # 2 và #3 trong Ma-thi-ơ 27:25

Sự sống ở trong máu (xem Lê-vi Ký 17:11,14). Ai làm đổ máu người khác sẽ phải chịu trách nhiệm với Chúa về tội sát nhân (xem Sáng-thế Ký 4:10; 9:4-6).

▣ **“ta thì tinh sạch”** Đây là một ẩn dụ của sinh tế trong Cựu ước về trách nhiệm cá nhân. Phao-lô không còn trách nhiệm thuộc linh gì nữa (xem Ê-xê-chi-ên 33) về việc người Do Thái nghe Phúc âm trong thành phố này. Ông đã rao giảng sứ điệp và họ đã không hưởng ứng. Còn chúng ta thì sao, có tinh sạch không?

▣ **“từ đây, ta sẽ đi đến cùng người ngoại”** Phương thức truyền giảng này và lời nguyện trở thành thông thường đối với Phao-lô (xem 13:46; 18:6; 26:20; 28:28). Phao-lô cảm nhận bị ràng buộc để rao giảng cho nhà Y-sơ-ra-ên trước giống như Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 10:6; 15:24; Mác 7:27). Ông giải thích điều này theo phương diện thần học trong Rô-ma 1:3, 5, 9-11 và theo cảm tính trong Công-vụ 9:15; 22:21; 26:17 (xem Rô-ma 11:13; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:7-9; Ê-phê-sô. 3:2, 8; I Ti-mô-thê 2:7; II Ti-mô-thê 4:17).

18:7 “Ti-ti-u Giút-tu” Có nhiều khả năng trong việc nhận dạng “người thờ phượng Chúa” này, là người sống cạnh nhà hội Cô-rinh-tô.

1. Tên đầy đủ của ông là Gai-út Ti-ti-u Giút-tu và Hội thánh Cô-rinh-tô nhóm tại nhà ông (xem Rô-ma 16:23)
2. Ông có thể là Gai-út được đề cập trong I Cô-rinh-tô 1:14 người được Phao-lô làm báp-tem
3. Có sự khác biệt trong những bản văn Hy Lạp liên hệ đến tên này.
 - a. *Titou Ioustou*, MSS B, D²
 - b. *Titou Ioustou*, MSS κ , E, P
 - c. *Ioustou*, MSS A, B², D*
 - d. *Titou*, bản dịch Peshitta và Coptic

▣ **“người thờ phượng Đức Chúa Trời”** Một bản khắc từ Aphrodisias (thế kỷ thứ ba), sử dụng cụm từ “người thờ phượng Đức Chúa Trời” cho những người ngoại liên hệ và tham dự trong nhà hội. Do đó, “kẻ kính sợ Chúa” (10:1-2,22; 13:16,26) thì đồng nghĩa với “người thờ phượng Đức Chúa Trời” (xem 13:50; 16:14; 18:6-7).

Cụm từ này khó để định nghĩa. Cũng cụm từ này sử dụng cho Ly-đi trong 16:14 và một vài người Hy Lạp tại Tê-sa-lô-ni-ca trong 17:4 và tại Bê-rê trong 17:17. Họ dường như là những người Hy Lạp bị thu hút bởi đạo Giu-đa, tham dự nhà hội khi có thể nhưng không hoàn toàn nhập đạo. Tuy nhiên, cụm từ “một người nhập đạo kính sợ Chúa” được dùng để mô tả những người đã nhập đạo trong nhà hội tại thành Bết-giê xứ Bam-phi-ly trong 13:43.

18:8 “Cơ-rít-bu”(Người đàn ông) là người tổ chức và quản lý của nhà hội địa phương (xem I Cô-rinh-tô 1:14).

▣ **“với cả nhà mình đều tin Chúa”** Sách Công-vụ ghi lại nhiều lần, khi mà người gia trưởng tin thì cả gia đình làm báp-tem (xem 11:14; 16:15,31-34; 18:8). Những người Tây phương quên mất vị thế của gia đình mở rộng trong thế giới Địa Trung Hải cổ xưa. Gia đình là ưu tiên. Cá nhân không được nhấn mạnh. Mặc dù điều này khác với sự hiểu biết của chúng ta về tính cá nhân trong sự truyền giảng, không hề làm cho nó không thích hợp hay là kém thực tế.

Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng không phải tất cả mọi thành viên của gia đình đã tham dự Hội thánh đều được cứu. Ô-nê-sim là một nô lệ của Phi-lê-môn có Hội thánh nhóm tại nhà, nhưng ông không được cứu cho đến khi ông gặp Phao-lô trong tù.

▣ **“lại có nhiều người Cô-rinh-tô từng nghe Phao-lô giảng, cũng tin và chịu phép báp-tem”** Nhiều người tại Cô-rinh-tô sẵn sàng tiếp nhận sứ điệp của Phao-lô, nhưng Phao-lô đã nãn lòng và cần phải được thêm nghị lực bằng một khái tượng đặc biệt (xem câu 10b). Hội thánh này, Hội thánh tại tư gia, là Hội thánh khó khăn nhất, gây nhiều nan đề cho ông. Ông đã yêu thương họ, nhưng họ đã khiến ông đau đớn nhiều (xem I và II Cô-rinh-tô).

Có sự tương ứng thích hợp cho văn mạch này trong I Cô-rinh-tô 1:14-17. Tôi kèm theo tại đây một trong những ghi chú từ tập giải kinh của tôi về I Cô-rinh-tô.

“18:17 “Đấng Christ đã sai tôi, chẳng phải để làm phép báp-tem đâu, nhưng để rao giảng Tin-lành” Điều này không có nghĩa là gièm pha lễ báp-tem, nhưng là để đối phó với tinh thần bẻ phái trong Hội thánh Cô-rinh-tô để tăng bốc những người lãnh đạo cá biệt. Tuy nhiên, sự trình bày này ngụ ý rằng lễ báp-tem không được nhìn nhận là “bí tích”, nhưng là một phương tiện của ân điển. Thật ngạc nhiên là một số người giải thích tất cả những tác phẩm của Phao-lô theo nghĩa bí tích, trong khi ông chỉ đề cập đến Lễ Tiệc Thánh một lần trong I Cô-rinh-tô 11 và Lễ Báp-Tem hai lần trong Rô-ma 6:1-11 và Cô-lô-se 2:12. Tuy nhiên, lễ báp-tem là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho mọi tín hữu:

1. Làm theo gương mẫu của Đức Chúa Giê-xu
2. Là mạng lệnh của Đức Chúa Giê-xu
3. Là nghi thức thông thường, bổn phận của mọi tín hữu.

Tôi không tin rằng lễ báp-tem là ông dẫn để tiếp nhận Đức Thánh Linh hay là ân điển của Đức Chúa Trời. Nó là một cơ hội công khai cho những tín hữu mới bày tỏ đức tin trong cách thức quả quyết, công khai. Không một tín đồ thời Tân ước nào hỏi rằng “Tôi có cần phải làm báp-tem để được cứu rỗi?” Đức Chúa Giê-xu đã thi hành và Ngài ra lệnh cho Hội thánh thi hành. Hãy làm! Lễ báp-tem vẫn là sự công bố quả quyết công khai cho đức tin của một cá nhân, đặc biệt là trong nền văn hóa không phải là Cơ-Độc-Giáo.

18:9 “Đừng sợ chi” Đây là một MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE) với một ĐỘNG TÍNH TỬ TIÊU CỰC (NEGATIVE PARTICLE) thông thường có ý nghĩa là kết thúc một hành động đang diễn tiến. Phao-lô lo sợ và cần sự nâng đỡ của Đấng Christ. Lu-ca ghi lại những khái tượng nâng đỡ đặc biệt trong 22:17-18; 23:11; 27:23-24. Nếu một người như Phao-lô mòn mỏi, bạn có nên ngạc nhiên khi bạn cũng mòn mỏi? Đức Chúa Giê-xu cũng ở với chúng ta. Đại Mạng Lệnh vẫn là mục tiêu dẫn dắt, là điều chính yếu.

▣ **“song hãy nói và chớ làm thinh”** Cả hai đều là thể MỆNH LỆNH (IMPERATIVES) CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE) và CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE). Nỗi sợ hãi không được khiến những người rao giảng Phúc âm nín lặng. Cảm xúc của chúng ta sẽ dâng trào và suy sụp, nhưng Công-vụ 1:8 vẫn là ánh sáng dẫn đường (xem II Ti-mô-thê 4:2-5).

18:10 “ta ở cùng người” Không có lời hứa nào lớn hơn (xem Sáng-thế Ký 26:24; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:12; 33:4; Thi-thiên 23:4; Ma-thi-ơ 28:20; Hê-bơ-rơ 13:5). Lưu ý rằng Ngài ở với chúng ta không phải cho sự an ninh hay sung túc cá nhân, nhưng vì sự dạn dĩ truyền giảng (cũng vậy mục đích của sự đầy đầy Đức Thánh Linh trong sách Công-vụ). Sự hiện diện của Đức Thánh Linh là để cho sự công bố Phúc âm, không phải cho sự bình an cá nhân.

▣ **“vì ta có nhiều người trong thành này”** Đây là điểm nhấn mạnh sự tiền định và biết trước của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 9; Ê-phê-sô 1). Ôi, phải chi chúng ta được trải nghiệm quyền sách Sự Sống ngay bây giờ! Khi mà công tác chứng đạo của Hội thánh được hiệu quả (xem Khải-huyền 13:8). Sự bảo đảm này giúp cho việc truyền giảng thêm mạnh mẽ chứ không phải là sự xác nhận cho các tín hữu được lên thiên đàng khi họ qua đời .

18:11 Câu Kinh thánh này giúp thiết lập một trình tự hợp lý cho những chuyến truyền giáo của Phao-lô. Dù rằng ý nghĩa cụm từ này không rõ, nhưng nó ám chỉ rằng công tác truyền giáo tại Cô-rinh-tô kéo dài mười tám tháng.

BẢN NASB 18:12-17

¹² Lúc Ga-li-ôn đang làm quan trấn thủ xứ A-chai, người Giu-đa đồng lòng nổi lên nghịch cùng Phao-lô và kéo người đến tòa án, ¹³ mà nói rằng: Người này xui dân thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp. ¹⁴ Phao-lô vừa toan mở miệng trả lời, thì Ga-li-ôn nói cùng dân Giu-đa rằng: Hãy người Giu-đa, giá như về nổi trái phép hay tội lỗi gì, thì theo lẽ phải, ta nên nhịn nhục nghe các người. ¹⁵ Song nếu biện luận về địa lý, danh hiệu, hay là luật pháp riêng của các người, thì hãy tự xử lấy; ta chẳng khứng xử đoán những việc đó đâu. ¹⁶ Người bèn đuổi chúng ra khỏi tòa án. ¹⁷ Bấy giờ, chúng bắt Sốt-then, chủ nhà hội, đánh đòn trước tòa án, nhưng Ga-li-ôn chẳng lo đến việc đó.

18:12 “Ga-li-ôn” Dựa theo những tài liệu từ Kinh thánh và bên ngoài Kinh thánh chúng ta biết rằng đây là một lãnh đạo chính trị tài năng và công bằng. Em của vị quan này là Seneca, đã nói về anh mình như sau, “Ngay cả khi những người quý mến anh Ga-li-ôn của tôi bằng hết của sức của họ thì vẫn chưa đủ”

và “chưa một ai đối xử với một người khác tốt như cách Ga-li-ôn đối xử với mọi người”. Nhân vật chính trị này giúp chúng ta xác nhận thời điểm của những chuyến đi của Phao-lô. Ga-li-ôn làm quan trấn thủ trong hai năm rưỡi tính từ năm 51 SC.

▣ **“Ga-li-ôn đang làm quan trấn thủ xứ A-chai”** Lu-ca là một sử gia chính xác. Chức danh của vị quan La mã trong khu vực đã đổi từ năm 44 SC thành “quan trấn thủ” (xem 13:7; 19:38) là chính xác bởi vì Hoàng đế Claudius nâng tỉnh này vào Thượng nghị viện.

▣ **“người Giu-đa đồng lòng”** Lu-ca sử dụng cụm từ này nhiều lần để bày tỏ sự hiệp nhất của những người tín hữu (xem 1:14; 2:1,46; 4:24; 5:12; 8:6; 15:25), nhưng tại đây nó lại bày tỏ sự hiệp một những người Do Thái tại Cô-rinh-tô ghen ghét và nổi loạn chống lại Phúc âm (xem câu 6). Những ví dụ khác về việc sử dụng cụm từ này trong ý tiêu cực là 7:57; 12:20; và 19:29. Chữ “những người Do Thái” thường mang ý miệt thị trong những tác phẩm của Lu-ca.

▣ **“kéo người đến tòa án”** Đây là chữ *bēma* (có nghĩa đen là “bậc”). Nó là cái ghế hay là nền nâng cao trong tòa án La mã (xem Ma-thi-ơ 27:19; Giăng 19:13; Công-vụ 25:6,10,17; II Cô-rinh-tô 5:10).

18:13 “thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp” Những người Do Thái này kiện Cơ-Đốc-Giáo vi phạm những giáo luật của họ và do đó không phải là một nhánh của Do-Thái-Giáo, là một vấn đề pháp lý rất nghiêm trọng. Nếu Ga-li-ôn xét xử theo lời kiện này, Cơ-Đốc-Giáo đã có thể trở thành một tôn giáo bất hợp pháp. Từ trước cho đến thời điểm này, Cơ-Đốc-Giáo được hưởng sự bảo vệ chính trị (được xem là một nhánh của Do-Thái-Giáo là một tôn giáo hợp pháp) theo luật pháp La mã cho đến khi con bắt bớ của Nero khoảng 10-12 năm sau đó.

Cũng có thể một trong những mục đích khiến Lu-ca viết sách Công-vụ là để chứng minh bằng những dữ kiện lịch sử rằng Cơ-Đốc-Giáo không phải là hiểm họa đối với giới chức thẩm quyền La mã. Tất cả những viên chức La mã được ghi lại đều thừa nhận điều này.

18:14 “giả như” Đây là câu điều kiện bậc hai (SECOND CLASS CONDITIONAL SENTENCE). Câu này là một cấu trúc hiếm, dùng để tạo nên một mệnh đề sai đưa đến sự tranh luận hay là làm rõ quan điểm. Nó thường được gọi là điều kiện “trái với sự thật”. Câu này nên diễn giải như sau “nếu đây là sự phạm pháp hay là tội ác, nhưng đây thì không phải, thì sẽ hợp lý để ta giải quyết cho các người, do đó sẽ không hợp lý.”

18:15 “nếu” Đây là câu điều kiện bậc một (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE). Vấn đề pháp lý tại đây trong thực tế là một vấn đề tôn giáo. Ga-li-ôn khôn khéo nhận dạng động cơ thực sự của những người Do Thái. Ông không thể và sẽ không làm quan tòa cho những loại kiện cáo này.

8:16 “đuổi chúng ra” Đây là lần xuất hiện duy nhất của động từ này trong Tân ước, nhưng nó được sử dụng vài lần trong bản Septuagint (xem I Sa-mu-ên 6:8; Ê-xê-chi-ên 34:12). Là một dạng nhấn mạnh của chữ *elaunō*, có nghĩa là dùng sức mạnh tống ra, đuổi ra.

18:17 “chúng bắt Sốt-then” Chữ “chúng” ám chỉ những người Do Thái trong câu 12, hay có thể là những người Hy Lạp, chúng tỏ khuynh hướng chống Do Thái trong những thành phố Hy Lạp này. Có một người tên Sốt-then được đề cập trong I Cô-rinh-tô 1:1; chúng ta không rõ đây có phải là cùng một người hay không, nhưng đây là một tên hiếm, ít gặp. Sốt-then này đã thay thế cho Cơ-rít-bu trong cương vị lãnh đạo nhà hội. Không biết tại sao những người Do Thái lại đánh ông. Có thể là ông cho biết Phao-lô giảng tại nhà hội.

▣ **“nhưng Ga-li-ôn chẳng lo đến việc đó”** Vị quan La mã này, không như Phi-lát, không bị đám đông chi phối.

BẢN NASB 18:18-21

¹⁸ Phao-lô lại thành Cô-rinh-tô ít lâu nữa, rồi từ giả anh em, xuống thuyền đi với Bê-rít-sin và A-qui-la qua xứ Sy-ri, sau khi đã chịu cạo đầu tại thành Sen-co-rê, vì người có lời thề nguyện. ¹⁹ Kế đó, ba người tới thành Ê-phê-sô, Phao-lô để đồng bạn mình lại đó. Còn người, thì vào nhà hội, nói chuyện với những người Giu-đa; ²⁰ song khi chúng xin ở lại lâu hơn nữa, thì người chẳng khứng. ²¹ Người từ giả các người đó mà rằng: Ví Đức Chúa Trời khứng, thì chuyến khác ta sẽ đến nơi các người; rồi người từ thành Ê-phê-sô mà đi.

18:18 “Sen-co-rê” Đây là một trong hai hải cảng của Cô-rinh-tô, nằm về hướng biển Aegean. Thành phố Cô-rinh-tô tọa lạc phía đông eo đất hẹp. Nó được nhắc đến một lần nữa như là địa điểm của một Hội thánh trong Rô-ma 16:1.

▣ **“có lời thề nguyện”** Chi tiết này đề cập đến giới hạn thời gian của sự hứa nguyện Na-xi-rê trình bày trong Dân-số Ký 6:1-21 (xem F. F. Bruce, *Answers to Questions*, trang 52). Phao-lô lặp lại điều này một lần nữa trong Công-vụ 21:24 (xem phần ghi chú). Việc cắt tóc hay là cạo đầu cho biết chấm dứt sự hứa nguyện.

Cả A. T. Robertson và M. R. Vincent cho rằng đây không thể là sự hứa nguyện Na-xi-rê, vì theo phong tục Do Thái thì sự hứa nguyện này chỉ có thể chấm dứt tại Giê-ru-sa-lem. Phao-lô trở nên mọi cách cho mọi người hầu cho có thể cứu được một vài người (xem I Cô-rinh-tô 9:19-23). Chúng ta có thể chắc chắn sự hứa nguyện này dành cho việc truyền giáo chứ không phải vì luật pháp. Và dĩ nhiên, có thể chính A-qui-la là người cạo đầu cho ông.

18:19 “Ê-phê-sô” Đây là một thành phố thương mại lớn của miền Tây vùng Tiểu Á. Sau khi hải cảng tại Miletus bị tàn phá bởi phù sa từ sông Maeander, thì việc trao đổi thương mại chuyển lên Ê-phê-sô, nơi cũng có một hải cảng thiên nhiên. Đến thời kỳ Tân ước, Ê-phê-sô đã qua những giai đoạn hưng thịnh, mặc dù vẫn còn là một thành phố lớn và có ảnh hưởng, nhưng nó không còn được như thời vàng son trong quá khứ.

1. Ê-phê-sô là thành phố lớn nhất trong tỉnh Tiểu Á của La mã. Nó không phải là thủ phủ dù rằng có quan trấn thủ La mã sống tại đó. Đây là một trung tâm thương mại vì có hải cảng thiên nhiên rất tốt.
2. Là một thành phố tự do, được phép có chính quyền địa phương và nhiều quyền tự do, kể cả không bị một doanh trại quân đội La mã đồn trú.
3. Là thành phố duy nhất được phép tổ chức đại hội thể thao Châu Á mỗi hai năm một lần.
4. Cũng là địa điểm của đền thờ Artemis (Diana trong tiếng Latinh), là một trong bảy kỳ quan thế giới lúc bấy giờ. Đền thờ này có kích thước dài 425 bộ, ngang 220 bộ với 127 cột chống cao 60 bộ; 86 cột được dát vàng (see Pliny's *Hist. Nat.* 36:95ff). Tượng của Artemis được cho rằng làm bằng một khối thiên thạch theo dáng phụ nữ có nhiều bầu vú. Điều này cũng có nghĩa là có nhiều điểm đền thờ hiện diện trong thành phố này (xem Công-vụ 19). Đây là một thành phố đa văn hóa sa đọa.
5. Phao-lô ở tại thành phố này hơn ba năm (xem Công-vụ 18:18ff; 20:13).
6. Truyền thống cho rằng thành phố này trở thành nơi trú ngụ của Giảng sau khi bà Ma-ri qua đời tại xứ Pa-les-tin.

▣ **“vào nhà hội, nói chuyện với những người Giu-đa”** Phao-lô yêu mến dân tộc mình (xem Rô-ma 9:1-5). Ông đã cố gắng tận lực để dẫn họ đến Phúc âm.

18:20 Những người Do Thái này giống như người Bê-rê. Họ sẵn sàng lắng nghe. Tại sao Phao-lô không muốn ở lại thì không nhắc đến trong bản kinh văn, nhưng trong câu 21 cho biết Phao-lô sẵn sàng trở lại theo sự hướng dẫn của Chúa sau đó.

18:21 “**Ví Đức Chúa Trời khứng, thì chuyến khác ta sẽ đến nơi các ngươi**” Phao-lô tin rằng cuộc đời ông trong tay Chúa chứ không phải theo ý ông (xem Rô-ma 1:10; 15:32; I Cô-rinh-tô 4:19; 16:7). Đây là thể giới quan theo Kinh thánh (xem Hê-bơ-rơ 6:3; Gia-cơ 4:15; I Phi-e-rơ 3:17). Phao-lô sẽ trở lại và Ê-phê-sô sẽ trở thành trọng điểm trong chuyến truyền giáo thứ ba của ông.

BẢN NASB 18:22-23

²² Khi đổ bộ tại thành Sê-sa-rê rồi, người đi lên thành Giê-ru-sa-lem, chào mừng Hội thánh, đoạn lại xuống thành An-ti-ốt. ²³ Người ở đó ít lâu, rồi lại đi, trải lần lần khắp trong xứ Ga-la-ti và xứ Phi-ri-gi, làm cho hết thầy môn đồ đều vững lòng.

18:22 Câu 21 kết thúc với việc Phao-lô đi tàu đến Ê-phê-sô. Câu 22 nói rằng ông cập bến trong xứ Pa-les-tin (thành Sê-sa-rê) và thăm viếng Hội thánh Giê-ru-sa-lem (“người đi lên” theo nghĩa thần học) và họ (xuống) thành An-ti-ốt trong xứ Sy-ri. Cần phải ghi nhớ rằng, Lu-ca không ghi lại chi tiết nhật ký hành trình, nhưng chuyển tiếp từ sự kiện thần học quan trọng này sang sự kiện khác. Công-vụ không phải là lịch sử hiện đại, nhưng là lịch sử đúng, chính xác. Câu 22 kết thúc chuyến truyền giáo thứ hai, câu 23 khởi đầu chuyến truyền giáo thứ ba.

18:23 “**làm cho hết thầy môn đồ đều vững lòng**” Phao-lô tuân giữ Đại Mạng Lệnh trong Ma-thi-ơ 28:19-20 cách nghiêm chỉnh. Chức vụ của ông bao gồm truyền giảng (xem Ma-thi-ơ 28:19) và huấn luyện (xem 15:36; Ma-thi-ơ 28:20).

▣ “**xứ Ga-la-ti và xứ Phi-ri-gi**” Cụm từ “xứ Ga-la-ti” vẫn là chủ đề tranh cãi giữa những học giả rằng đây là sự phân chia theo hành chính hay là sắc tộc trong khu vực miền trung của nước Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.

Xứ Phi-ri-gi được nhắc đến lần đầu tiên trong 2:10. Một số người trải nghiệm Lễ Ngũ Tuần đến từ vùng này. Phao-lô đã bị ngăn cấm giảng tại đây trong 16:6.

Có người thắc mắc rằng cụm từ “**làm cho hết thầy môn đồ đều vững lòng**” trong phần sau của câu 23 ám chỉ những người nhập đạo trong Lễ Ngũ Tuần từ xứ Phi-ri-gi hay là những người tin Chúa khi Phao-lô giảng tại Đet-bơ, Lít-tơ và Y-cô-ni, cùng thuộc về xứ Bi-si-đi, miền nam của tỉnh Ga-la-ti.

Đây là sự khởi đầu của chuyến truyền giáo thứ ba của Phao-lô (xem 18:23-21:16).

BẢN NASB 18:24-28

²⁴ Bấy giờ có một người Giu-đa tên là A-bô-lô, quê tại thành A-léc-xan-tri, là tay khéo nói và hiểu Kinh thánh, đến thành Ê-phê-sô. ²⁵ Người đã học đạo Chúa; nên lấy lòng rất sốt sắng mà giảng và dạy kỹ càng những điều về Đức Chúa Giê-xu, dầu người chỉ biết phép báp-tem của Giảng mà thôi. ²⁶ Vậy, người khởi sự giảng cách dạn-dĩ trong nhà hội. Bê-rít-sin và A-qui-la nghe giảng, bèn đem người về với mình, giải bày đạo Đức Chúa Trời cho càng kỹ lưỡng hơn nữa. ²⁷ Người toan sang xứ A-chai, thì anh em giục lòng cho và viết thư gởi dặn môn đồ phải tiếp đãi người tử tế. Khi tới rồi, người được nhờ ơn Đức Chúa Trời mà bỏ ích cho kẻ đã tin theo. ²⁸ Vì người hết sức bẻ bác người Giu-đa giữa thiên hạ, lấy Kinh thánh mà bày tỏ rằng Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ.

18:24 “một người Giu-đa tên là A-bô-lô” Rất ít khi một người Do Thái được đặt tên theo một vị thần Hy Lạp. A-bô-lô là người có học thức cao và người giảng đạo có tài hùng biện (xem 18:24-19:1). Chức vụ của ông tại Cô-rinh-tô có kết quả, nhưng trở thành khó giải quyết khi một trong ba phe phái (những người ủng hộ Phao-lô, Phi-e-rơ, A-bô-lô, xem I Cô-rinh-tô 1-4) chọn ông làm “lãnh đạo”. Ông từ chối trở lại Cô-rinh-tô (xem I Cô 16:12).

▣ **“quê tại thành A-léc-xan-tri”** Đây là thành phố lớn thứ nhì trong đế quốc La mã, nổi tiếng bởi thư viện to lớn và đặc tính học thức. Thành phố này có một cộng đồng Do Thái đông đảo (nhờ đó Kinh thánh Cựu ước được dịch sang tiếng Hy Lạp, bản Septuagint) và cũng là quê hương của Philo, một học giả ngụ ngôn Do Thái nổi tiếng theo trường phái neo-Platonist.

▣ **“đến thành Ê-phê-sô”** Công-vụ không phải là một sách sử ký tường trình chi tiết. Phao-lô vừa rời khỏi thành phố (xem câu 23).

▣ **“tay khéo nói”** Chữ này trong tiếng Hy Lạp Koine có nghĩa là hùng biện hoặc là có học vấn. Trong bản Septuagint, *logios* được dùng để chỉ sự bày tỏ của Chúa. A-bô-lô rõ ràng có tài nói trước công chúng (thuật hùng biện Hy Lạp) hơn Phao-lô (so sánh I Cô-rinh-tô 1:17; 2:1; II Cô-rinh-tô 10:10; và 11:6). Ông là người giảng dạy mạnh mẽ.

▣ **“hiểu Kinh thánh”** Chữ “Kinh thánh” chỉ về Cựu ước. Trong Tân ước, tất cả những ngụ ý nói về kinh văn được linh cảm đều chỉ về Cựu ước (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; II Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:23-25; II Phi-e-rơ 1:20-21), ngoại trừ II Phi-e-rơ 3:15-16 cho biết những thư tín của Phao-lô (bằng phép loại suy) cũng có đặc tính được linh cảm. A-bô-lô biết rõ Kinh thánh Cựu ước.

Chữ “hiểu” được chuyển ý dựa trên chữ *dunatos* trong nguyên ngữ; chữ này được dùng cho có quyền trong lời nói và việc làm của Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 24:19, và của Môi-se trong Công-vụ 7:22.

18:25 “Người đã học” Đây là dạng NÓI TRÁNH THỤ ĐỘNG THÌ QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC PLUPERFECT PASSIVE) (xem Lu-ca 1:4). Ông đã được huấn luyện về sự dạy dỗ của Đức Chúa Giê-xu, nhưng chỉ đến một mức độ nào đó hay là chỉ trong một giai đoạn. Curtis Vaughan, trong sách *Acts*, trang 118, phần phụ chú #2, liệt kê những điểm mà A-bô-lô có thể biết và giảng.

1. Giảng là người chuẩn bị trước cho Đấng Mết-si-a.
2. Ông chứng minh rằng Đấng Mết-si-a là Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng gánh tội lỗi của thế gian.
3. Giê-xu người Na-xa-rét chính là Đấng Mết-si-a.

Cá nhân tôi cũng cho rằng sự ăn năn có lẽ được nhấn mạnh trong sự giảng dạy của ông bởi nó cũng hiện diện trong cách giảng dạy của Giảng và Đức Chúa Giê-xu.

▣ **“đạo Chúa”** Chữ “đạo, đường” là danh hiệu đầu tiên dùng để mô tả những người theo Đức Chúa Giê-xu (xem 9:2; 19:9,23; 22:4; 24:14,22; Giảng 14:6). Nó được sử dụng thường xuyên trong Cựu ước (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:32-33; 31:29; Thi-thiên 27:11; Ê-sai 35:8) diễn tả nếp sống đức tin. Không rõ là trong khúc kinh văn tại đây nó có mang ý nghĩa đó hay không (xem 18:26).

A-bô-lô cũng biết vài điều về Đức Chúa Giê-xu, nhưng dường như đó chỉ là buổi đầu của chức vụ trên trần gian của Ngài; không phải là Phúc âm sau sự thương khó và phục sinh. Ông cần được biết “phần còn lại của câu chuyện” (Paul Harvey).

▣ **“sốt sắng”** Chữ này theo nghĩa đen là “bùng cháy tâm linh”. Cụm từ này có ý mô tả lòng nhiệt thành của A-bô-lô với những gì ông biết và hiểu về cuộc đời và sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu.

▣ **“dấu người chỉ biết phép báp-tem của Giảng mà thôi”** Cụm từ mô tả A-bô-lô có thể là một kỹ xảo trong bút pháp của Lu-ca đã dùng để giới thiệu những môn đồ của Giảng tại 19:1-7. Đã có một vài tà giáo phát triển trong thế kỷ thứ nhất liên quan sự giảng dạy của Giảng Báp-tít.

Giăng thực sự là vị tiên tri cuối cùng của Cựu ước, người chuẩn bị cho Đấng Mết-si-a (xem Ê-sai 40:3; Ma-thi-ơ 3:3), nhưng ông không phải là người rao giảng Phúc âm đầu tiên. Nếu sự giảng dạy của A-bô-lô tập trung quá nhiều vào Giăng, thì ông đánh mất tất cả những điểm chính yếu về Đức Chúa Giê-xu. Cả Giăng và Đức Chúa Giê-xu đều nhấn mạnh “ăn năn”, “đức tin” và “sống thánh khiết”. Lúc đầu, cả hai đều mời gọi người Do Thái đến với một cam kết mới trong đức tin và hành động (giao ước về sự thành tín và đức tin cá nhân trong YHWH). Tuy nhiên, sứ điệp của Đức Chúa Giê-xu khai triển thành sự quả quyết táo bạo về vị trí trọng tâm của Ngài (ví dụ Giăng 10 và 14), có thể đây là điểm thiếu sót của A-bô-lô.

18:26 “người khởi sự giảng cách dạy-dĩ trong nhà hội” Động từ này được sử dụng khi Phao-lô giảng cho người Do Thái trong nhà hội tại 13:46; 14:3; 19:8 và trước Phê-tu trong 26:26. A-bô-lô là người giảng đạo mạnh mẽ và hiệu quả.

▣ **“trong nhà hội”** Lưu ý rằng Bê-rít-sin và A-qui-la cũng hiện diện tại đó. Đây cũng là thói quen của Phao-lô.

▣ **“Bê-rít-sin và A-qui-la”** Bà Bê-rít-sin được nhắc đến trước một vài lần trong 18:18, 26; Rô-ma 16:3; II Ti-mô-thê 4:19. Có những chi tiết khá bất thường. Có thể bà là người có cá tính mạnh hơn, hoặc xuất thân từ giới thượng lưu La mã. Trong Công-vụ 18:2, cho biết A-qui-la là người Do Thái, nhưng không bao giờ đề cập đến Bê-rít-sin. Họ bị buộc phải rời khỏi Rô-ma theo chiếu chỉ của Hoàng đế Claudius trong năm 49 SC. Họ đã gặp và kết bạn với Phao-lô tại Cô-rinh-tô và theo ông đến Ê-phê-sô. Cả ba người đều làm nghề may trại.

▣ **“dem người về với mình”** Chữ này dùng để mô tả một ai đó được chấp nhận hay tiếp đón như là bạn hữu. Không rõ Bê-rít-sin và A-qui-la thực hiện điều này cho A-bô-lô ở đâu và như thế nào. Họ có thể trao đổi riêng với ông hay là mời ông về nhà họ. Lưu ý là họ không sỉ nhục hay thách thức ông cách công khai.

▣ **“giải bày đạo Đức Chúa Trời cho càng kĩ lưỡng hơn nữa”** A-bô-lô là người chịu học hỏi, điều này hiếm có trong số những người tài năng có học thức. Rõ ràng ông đã đáp ứng với hiểu biết đầy đủ hơn về Đức Chúa Giê-xu.

18:27 “Người toan sang xứ A-chai” Bản chép tay tiếng Hy Lạp D có thêm “với lời khẩn nài của những tín hữu Cô-rinh-tô”. Ông là kiểu mẫu người giảng đạo thích hợp với họ (kiểu hùng biện Hy Lạp).

▣ **“anh em giục lòng cho và viết thơ”** Đây là những lá thư giới thiệu từ Hội thánh này gửi đến Hội thánh khác được nhắc đến trong Rô-ma 16:1; II Cô-rinh-tô 3:1; và II Giăng. Đây là phương cách những Hội thánh ban đầu ngăn ngừa những người giảng đạo lưu lạc giả mạo và phá rối Hội thánh.

▣ **“bổ ích cho kẻ đã tin theo”** Có hai cách để hiểu cụm từ này.

1. Cụm từ này ám chỉ những tín hữu đã được cứu bởi ân điển (theo những BẢN NASB, NKJV, NRSV, TEV)

2. Cụm từ này ám chỉ ân điển của Chúa làm mạnh mẽ A-bô-lô (theo bản NJB)

Động từ chính, giúp đỡ (đóng góp) là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẮT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE). A-bô-lô là một ơn phước!

ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) “tin” ở thể CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE), ám chỉ họ đã là những tín hữu. Tại Cô-rinh-tô, A-bô-lô thi hành chức năng của người huấn luyện môn đồ, chứ không phải là giáo sĩ.

18:28 A-bô-lô sử dụng Cựu ước trong cùng một cách như Phi-e-rơ, Ê-tiên và Phao-lô. Chứng minh từ Cựu ước Đức Chúa Giê-xu chính là Đấng Mết-si-a, là khuôn mẫu lặp lại trong những bài giảng cho người Do Thái trong Công-vụ.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Bê-rít-sin thường được nêu tên trước tên chồng trong Tân ước?
2. Phao-lô biết Bê-rít-sin và A-qui-la như thế nào? Tại sao?
3. Có khi nào Bê-rít-sin và A-qui-la trở về Rô-ma không? Tại sao chúng ta biết điều đó?
4. So sánh cách giảng của Phao-lô và A-bô-lô.
5. A-bô-lô có phải là Cơ-Đốc-Nhân trước khi ông gặp A-qui-la và Bê-rít-sin?

CÔNG VỤ ĐOẠN 19

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô tại Ê-phê-sô 19:1-7	Phao-lô tại Ê-phê-sô 19:1-10	Chức vụ dài ngày của Phao-lô tại Ê-phê-sô 19:1-7	Phao-lô tại Ê-phê-sô 19:1-2a 19:2b 19:3a 19:3b 19:4 19:5-7	Những môn đệ của Giảng tại Ê-phê-sô 19:1-7 Nền tảng của Hội thánh tại Ê-phê-sô
19:8-10		19:8-10	19:8-10	19:8-10
Các con trai của Sê-va 19:11-20	Những phép lạ làm vinh hiển Đấng Christ 19:11-20	19:11-20	Các con trai của Sê-va 19:11-14 19:15 19:16-20	Những thầy pháp người Do Thái 19:11-12 19:13-17 19:18-19 19:20
Cuộc bạo động tại Ê-phê-sô 19:21-27	Cuộc bạo động tại Ê-phê-sô 19:21-41	19:21-22 19:23-27 19:28-41	Cuộc bạo động tại Ê-phê-sô 19:21-22 19:23-27 19:28-34 19:35-41	Kế hoạch của Phao-lô 19:21-22 Ê-phê-sô: những người thợ bạc nổi loạn 19:23-31 19:32-41

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý

tương của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ-*

BẢN NASB 19:1-7

¹ Trong khi A-bô-lô ở thành Cô-rinh-tô, Phao-lô đã đi khắp những miền trên, rồi xuống thành Ê-phê-sô, gặp một vài môn đồ ở đó. ² Người hỏi rằng: Từ khi anh em tin, có lãnh được Đức Thánh Linh chăng? Trả lời rằng: Chúng ta cũng chưa nghe có Đức Thánh Linh nào. Người lại hỏi: Vậy thì anh em đã chịu phép báp-tem nào? ³ Trả lời rằng: Phép báp-tem của Giăng. ⁴ Phao-lô bèn nói rằng: Giăng đã làm phép báp-tem về sự ăn năn tội, mà truyền dân phải tin Đấng sẽ đến sau mình, nghĩa là tin Đức Chúa Giê-xu. ⁵ Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn chịu phép báp-tem nhơn danh Đức Chúa Giê-xu. ⁶ Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói tiếng ngoại quốc và lời tiên tri. ⁷ Cộng hết thấy độ mười hai người.

19:1 “miền trên” Đây là một tuyến đường khác băng ngang qua vùng cao nguyên và những Hội thánh Phao-lô thành lập trong những chuyến truyền giáo trước đó trong vùng miền nam Ga-la-ti.

19:2 “Từ khi anh em tin, có lãnh được Đức Thánh Linh chăng?” Sự kiện họ được gọi là “các sứ đồ” (câu 1) và mệnh đề “từ khi anh em tin” cho biết những người này đã tin đạo. Câu hỏi này liên kết (1) sự tiếp nhận Đức Thánh Linh cho cá nhân ngay lúc đặt lòng tin, dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE) và ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE); (2) những công tác Đức Thánh Linh chuẩn bị trước, nếu không thì không ai có thể tin (xem Giăng 6:44,65; Rô-ma 8:9). Có nhiều tầng mức và giai đoạn trong việc làm của Đức Thánh Linh (xem Giăng 8:11-15). Sách Công-vụ cảnh báo những nhà giải kinh hiện đại không nên giáo điều những yếu tố “cần thiết” và trình tự của sự cứu rỗi. Sách Công-vụ chỉ ghi lại những gì đã xảy ra, không phải những gì luôn luôn phải xảy ra. Sự cứu rỗi là mối liên hệ cá nhân liên hệ đến trọn cả con người, nhưng thông thường thì đây là kinh nghiệm tiên tri cùng với sự sâu đậm của mối liên hệ và sự hiểu biết kinh văn.

▣ **“Chúng ta cũng chưa nghe có Đức Thánh Linh nào”** Sự giảng dạy của Giăng không sinh ra một hệ quả tâm linh nào nếu không có Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 8:6-11; I Cô-rinh-tô 12:3; I Giăng 4:2). Giăng nhắc đến Đức Thánh Linh trong bài giảng của mình (xem Ma-thi-ơ 3:11; Mác 1:8; Lu-ca 3:16; Giăng 1:32-33), nhưng cần phải nhớ rằng sứ điệp của Giăng là một sứ điệp chuẩn bị, chứ không phải làm trọn (xem Ê-sai 40:3; Ma-thi-ơ 3:3). Giăng là tiên tri Cựu ước cuối cùng, là người rao giảng trong giai đoạn chuyển tiếp và là người chuẩn bị cho Đấng Mết-si-a. Ông hướng dân chúng đến Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 1:19-42).

19:3 “Vậy thì anh em đã chịu phép báp-tem nào?” Họ là những môn đệ của Giảng Báp-tít. Dường như họ trung thành theo chân lý mình đã nhận, nhưng họ cần phải nhận biết rõ ràng hơn về cuộc đời, sự chết, sự sống lại và thăng thiên của Đức Chúa Giê-xu, giống như A-bô-lô (xem 18:24-28).

19:3-4 “Phép báp-tem của Giảng” Phép báp-tem của Giảng gồm có sự ăn năn và trông đợi (xem Ma-thi-ơ 3:11; Mác 1:15). Tuy nhiên, nó cần phải được làm trọn bởi đức tin trong Đức Chúa Giê-xu. Theo lịch sử, chúng ta được biết có nhiều nhóm tà giáo thành hình trong thế kỷ thứ nhất tự xưng là những môn đệ của Giảng Báp-tít (*Recognitions of Clement*, chương 60). Ghi lại chi tiết này có thể là phương cách của Lu-ca dùng để hóa giải những ảnh hưởng của những nhóm tà giáo trên. Chức vụ của Giảng không hướng về chính ông nhưng hướng về Đức Chúa Giê-xu (xem Giảng 1:19-42).

19:5 “danh Đức Chúa Giê-xu” Lu-ca mô tả phép báp-tem “trong danh Đức Chúa Giê-xu” (xem 2:38; 8:12,16; 10:48). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh hiệu của Chúa trong 2:22. Ma-thi-ơ trình bày phép báp-tem “trong danh Cha, Con và Thánh Linh” (xem Ma-thi-ơ 28:19). Nghi thức báp-tem không phải là điểm chính yếu của sự cứu rỗi mà là tấm lòng của người chịu phép báp-tem. Khi đặt nghi thức làm trọng điểm thì đã nhấn mạnh sai chỗ. Sự cứu rỗi không phải là nghi lễ của bí tích tu chính, nhưng là bước vào mối liên hệ ăn năn, tin cậy với Đức Chúa Giê-xu. Xem ghi chú trong 2:38.

Theo những gì chúng ta biết về A-bô-lô, một người cũng chỉ biết về phép báp-tem của Giảng, không phải làm phép báp-tem lại. Đức Thánh Linh được bày tỏ rõ ràng trong sự rao giảng và dạy dỗ mạnh mẽ của ông.

19:6 “Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng” Việc đặt tay thường được đề cập trong liên hệ với Đức Thánh Linh (xem 8:16-17; 9:17), nhưng không phải luôn luôn (xem 10:44). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 6:6. Kinh thánh kết nối Đức Thánh Linh với tín hữu theo ba cách: (1) tại thời điểm tin nhận; (2) tại thời điểm làm báp-tem; và (3) khi đặt tay. Sự đa dạng này cảnh tỉnh chúng ta về chủ nghĩa giáo điều trong vấn đề này. Sách Công-vụ không có ý định dạy về một khuôn mẫu, nhưng trình bày sự vận hành năng động của Đức Thánh Linh.

Tôi phải thừa nhận rằng việc mười hai môn đệ của Giảng nói tiếng lạ làm tôi ngạc nhiên. Thông thường trong sách Công-vụ, “tiếng lạ” là bằng chứng dành cho những tín hữu Do Thái, để bày tỏ Đức Chúa Trời đã chấp nhận một nhóm người mới hay là phá đổ rào cản địa lý (xem đầy đủ ghi chú trong 2:4b). Vậy thì những người này đại diện cho nhóm người mới nào? Họ đã là những tín đồ (xem câu 1). Tại sao Lu-ca chọn sự kiện này để ghi lại? Ông đã chọn giới thiệu nó cùng với A-bô-lô trong chương 18. Chi tiết này không thích hợp với khuôn mẫu, điều này có thể là những nhà giải kinh hiện đại đã áp đặt một đường hướng hay là khuôn thước giải nghĩa không thích hợp cho những tác phẩm của Lu-ca. Có thể sự kiện nói tiếng lạ này giống với sự kiện xảy ra tại Cô-rinh-tô .

▣ **“và lời tiên tri”** Chữ này có ẩn ý Cựu ước về trạng thái ngây ngất (xem I Sa-mu-ên 10:10-12; 19:23-24). Văn mạch có thể ủng hộ cho sự giải thích này. Tuy nhiên, chữ này trong I & II Cô-rinh-tô (xem 11:4,5,9; 14:1,3,4,5,24,31,39) lại ám chỉ sự rao giảng Phúc âm mạnh mẽ. Rất khó để định nghĩa tiên tri trong thời Tân ước, bởi vì sự đầy đầy của Đức Thánh Linh thường liên kết với sự rao giảng Phúc âm mạnh mẽ, nên đây có thể là chủ ý theo văn mạch.

19:7 “Cộng hết thấy độ mười hai người” Mười hai là một trong vài con số thường được dùng theo ý biểu tượng trong Kinh thánh, nhưng trong trường hợp này dường như theo nghĩa đen. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Số Mười Hai trong 1:22.

BẢN NASB 19:8-10

⁸ Phao-lô vào nhà hội, và trong ba tháng giảng luận một cách dạn dĩ ở đó; giải bày những điều về nước Đức Chúa Trời mà khuyên dỗ các kẻ nghe mình. ⁹ Song vì có mấy người cứng lòng, từ chối không tin, gièm chê đạo Chúa trước mặt dân chúng, thì người phân rẽ họ mà nhóm các môn đồ riêng ra, và dạy dỗ hằng ngày trong trường học Ti-ra-nu. ¹⁰ Việc đó cứ luôn hai năm, đến nỗi mọi người ở trong cõi A-si, hoặc người Giu-đa hay là người Gờ-réc, đều nghe đạo Chúa.

19:8 “Phao-lô vào nhà hội” Đây là khuôn mẫu tiêu chuẩn của ông (xem 9:20; 13:5,14; 14:1; 17:2, 10; 18:4,19,26).

▣ **“giảng luận một cách dạn dĩ”** Đây là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE INDICATIVE), là một trong những kết quả của việc “được đầy đầy Đức Thánh Linh” (xem 4:13,29,31; 9:28,29; 14:3; 18:26). Phao-lô cầu nguyện cụ thể cho điều này trong Ê-phê-sô 6:19.

▣ **“trong ba tháng”** Dường như nhà hội tại Ê-phê-sô cho phép Phao-lô giảng, dạy và tranh luận trong nhiều ngày Sa-bát. Chính điều này bày tỏ sự thẳng thắn, chân thật của Phúc âm và là một bằng chứng về những ân tứ Chúa ban cho Phao-lô.

▣ **“nước Đức Chúa Trời”** Đây là chủ đề chính trong sự giảng dạy của Đức Chúa Giê-xu. Nó đề cập đến sự cai trị của Đức Chúa Trời trên đời sống con người hiện thời mà một ngày kia sẽ được làm trọn trên khắp đất, cũng như trên trời (xem Ma-thi-ơ 6:10). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 8:12.

19:9 “có mấy người cứng lòng, từ chối không tin” Tất cả mọi người nghe Phúc âm đều có sự chọn lựa (xem 17:32, 34). Điều này thể hiện trong ví dụ về người gieo giống (xem Ma-thi-ơ 13; Mác 4). Nó là bí ẩn của tội lỗi (xem II Cô-rinh-tô 4:4).

Chữ “cứng lòng” (*sklērunō*) là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE), chữ “từ chối không tin” ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE), cho biết sự bắt đầu của một hành động hay là sự lặp lại hành động trong quá khứ. Đây cũng chính là chữ được sử dụng trong Rô-ma 9:18, khi Chúa mô tả tấm lòng cứng cõi của người Do Thái và cũng lặp lại động từ trong Hê-bơ-rơ 3 và 4 (xem 3:8,13,15; 4:7) diễn đạt sự cứng lòng của dân Do Thái trong thời kỳ lưu lạc trong đồng vắng. Chúa không chủ động làm lòng con người cứng cõi, là những tạo vật Ngài yêu thương và được dựng lên theo hình ảnh của Ngài; nhưng Chúa có cho phép con người chống nghịch với Ngài để rồi họ tự bày lộ sự xấu xa chính mình (xem Rô-ma 1:24,26,28) và bày tỏ bản chất tội lỗi làm ô nhiễm tạo vật của Ngài (xem Ê-phê-sô 2:1-3; 4:14; 6:10-18).

▣ **“gièm chê đạo Chúa trước mặt dân chúng”** Phúc âm khác biệt hoàn toàn với sự loại trừ và chủ ý trông cậy nơi việc làm công đức của Do-Thái-Giáo, đến nỗi không thể nào có điểm chung nếu không chối bỏ những giáo lý căn bản. Lu-ca tiếp tục lặp lại khuôn mẫu hung hăng chống nghịch Phúc âm của những người Do Thái (xem 13:46-48; 18:5-7; 19:8-10; 28:23-28).

▣ **“đạo”** Xem chú thích tại 18:25.

▣ **“trường học Ti-ra-nu”** Theo bản codex Bezae, D, có từ thể kỷ thứ năm, có thêm rằng Phao-lô dạy từ 11 giờ sáng đến 4 giờ chiều, trong khi thành phố đang nghỉ trưa và nơi dạy trống chỗ. Đây có thể là một chi tiết theo lời truyền khẩu, Phao-lô có thể làm việc trong giờ công nhật thường ngày rồi sau đó huấn luyện trong giờ nghỉ (xem 20:34).

Có vài giả thuyết liên quan đến việc nhận dạng Ti-ra-nu.

1. Ông là một giáo sư triết học được Suidas nhắc đến. Suidas viết trong thế kỷ thứ mười dựa vào những nguồn tài liệu đáng tin cậy từ thời cổ đại. Những tác phẩm của ông giống như bách khoa toàn thư về chính trị, văn chương và cả những nhân vật đời sau.
2. Ông là một tu sĩ Do-Thái-Giáo (Meyer), người điều hành một trường tư thục giảng dạy luật pháp Môi-se, nhưng không có một bằng chứng nào cho quan điểm này.
3. Tòa nhà này lúc ban đầu là một phòng tập thể dục, nhưng sau đó làm thành một hội trường được đặt tên theo hoặc là do Ti-ra-nu làm chủ.

Phao-lô đã phải dời khỏi nhà hội, và dường như là có quá nhiều người tin đạo cho nên không thể sử dụng một tư gia, do đó ông phải thuê một hội trường. Bằng cách này cho phép ông tiếp xúc với dân chúng Ê-phê-sô.

19:10 “hai năm” Trong 20:31 Phao-lô tính toàn bộ thời gian ông ở trong tỉnh này kéo dài ba năm.

▣ **“mọi người ở trong cõi A-si”** Đây rõ ràng là cách nói cường điệu. Đức Chúa Giê-xu thường sử dụng cách nói này. Đây chỉ đơn giản là một phần trong đặc tính thành ngữ của văn chương phương đông.

BẢN NASB 19:11-20

¹¹ Đức Chúa Trời lại dùng tay Phao-lô làm các phép lạ khác thường, ¹² đến nỗi người ta lấy khăn và áo đã bận vào mình người mà để trên các kẻ đau yếu; thì họ được lành bệnh, và được cứu khỏi quỷ dữ. ¹³ Bấy giờ có mấy thầy trừ quỷ là người Giu-đa đi từ nơi này sang chỗ kia, mạo kê danh Đức Chúa Giê-xu trên những kẻ bị quỷ ám, rằng: Ta nhơn Đức Chúa Giê-xu này, là Đấng mà Phao-lô giảng, để truyền khiến chúng bay. ¹⁴ Các kẻ làm việc đó là bảy con trai của Sê-va, tức là một người trong bọn thầy tế lễ cả Giu-đa. ¹⁵ Song quỷ dữ đáp lại rằng: Ta biết Đức Chúa Giê-xu, và rõ Phao-lô là ai; nhưng các ngươi là kẻ nào? ¹⁶ Người bị quỷ dữ ám bèn xắn vào chúng, thắng được hai người trong bọn và hành hạ dữ lắm, đến nỗi phải trần truồng và bị thương, trốn ra khỏi nhà. ¹⁷ Phàm người Giu-đa và người Gờ-réc nào ở thành Ê-phê-sô đều biết việc đó, thì sợ hãi, và danh Đức Chúa Giê-xu được tôn trọng. ¹⁸ Phần nhiều kẻ đã tin, đến xưng tội và tỏ ra việc mình đã làm. ¹⁹ Có lắm người trước theo nghề phù pháp đem sách vở mình đốt trước mặt thiên hạ; người ta tính giá sách đó, cộng là năm muôn đồng bạc. ²⁰ Ấy vậy, nhờ quyền phép của Chúa, đạo bèn đồn ra, càng ngày càng được thắng,

19:11 Đây không phải là lần đầu tiên Đức Chúa Trời sử dụng những phép lạ khác thường để xác nhận chân lý và sứ giả của Ngài (xem 3:1-10; 5:15; 8:6,13; 9:40-42; 13:11-12; 14:8-11). Sự mê tín và những tập tục huyền bí lan truyền sâu đậm ở Ê-phê-sô. Đức Chúa Trời, bởi lòng thương xót bao la, cho phép quyền năng, thẩm quyền siêu nhiên của Ngài, hiện hữu trong Đấng Mết-si-a, được bày tỏ ra qua Phao-lô đến những người bị Sa-tan trói buộc. Ôi, ơn thương xót của Đức Chúa Trời!

19:12 “khăn” Đây có thể là những khăn thấm mồ hôi vắt trên đầu trong khi làm việc.

▣ **“áo”** Có thể đây là những tạp-dề mặc khi làm việc, tương tự như của thợ mộc. Những sự chữa lành này bày tỏ sự thương xót và quyền năng của Đức Chúa Trời, đồng thời chứng nhận Phúc âm và chức vụ của Phao-lô.

▣ **“được cứu khỏi quỷ dữ”** Những quỷ tại đây (xem Lu-ca 10:17; Công-vụ 8:2) được gọi là “linh tội lỗi” (xem Ma-thi-ơ 12:45; Lu-ca 7:21; 8:2; 11:26; Công-vụ 19:12,13,15,16). Nhưng Lu-ca cũng gọi chúng là “linh ô uế” (xem 5:16; 8:7). Trong Công-vụ 16:16 ma quỷ được gọi là “linh của sự bói toán”. Tất cả những cụm từ dường như đều cùng nghĩa. Phao-lô thường đề cập đến nhiều loại quỷ như “mọi quyền, mọi phép, mọi thể lực, mọi quân chủ” (Ê-phê-sô 1:21), “những kẻ làm đầu và những kẻ cầm quyền trong

các nơi trên trời” (Ê-phê-sô 3:10), hay “Vì chúng ta đánh trận, chẳng phải cùng thịt và huyết, bèn là cùng chủ quyền, cùng thế lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời vậy” (Ê-phê-sô 6:12). Những chi tiết này phải đề cập đến những thứ bậc tổ chức của tà linh. Nhưng những thắc mắc thế nào, tại sao, ở đâu và đối tượng nào đều là phỏng đoán, bởi vì Kinh thánh không tiết lộ những mô tả chi tiết về giới linh. Nhưng Kinh thánh có bày tỏ rõ ràng quyền năng của Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài vượt trên Satan và vương quốc mờ tối cũng như sự chết. Danh của Đức Chúa Giê-xu là Danh trên hết mọi danh. Biết Ngài thì được sự cứu rỗi, bình an, phục hồi đầy trọn và sức khỏe.

19:13-16 “mấy thầy trừ quỷ là người Giu-đa” Sự có mặt của những thầy trừ quỷ Do thái lúc đó là điều rất phổ biến (xem Lu-ca 11:19). Bối cảnh tại đây chứng tỏ rõ ràng sự đuổi quỷ không dựa trên công thức mẫu nhiệm (tên, danh hiệu), nhưng từ mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Giê-xu. Nếu giọng văn tại đây không quá sâu thẳm, thì nó rất là tức cười! Giô-se-phút có kể lại một nghi lễ đuổi quỷ của Eleazar trong *Antiq.* 8.2.5, bằng cách gọi hồn Sa-lô-môn để lên đồng.

19:13 “quỷ” Tân ước thường xuyên đề cập đến giới linh, nhưng không cho biết nguồn gốc hay những chi tiết về tổ chức hay là hoạt động. Sự tò mò, sợ hãi và những nhu cầu thực tế trong chức vụ đã tạo nên rất nhiều phỏng đoán. Không có nơi nào trong Tân ước liệt kê ân tứ đuổi quỷ, nhưng nhu cầu cho ân tứ này thì có. Có vài tài liệu hữu dụng cho đề tài này (1) *Christian Counseling and the Occult* của Kouch; (2) *Biblical Demonology and Demons in the World Today* của Unger; (3) *Principalities and Powers* của Montgomery; (4) *Christ and the Powers* của Hendrik Berkhof; và (5) *Crucial Questions About Spiritual Warfare* của Clinton E. Arnold. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ma quỷ trong 5:16.

19:14 “Sê-va, tức là một người trong bọn thầy tế lễ cả Giu-đa” Những học giả hiện đại không thể tìm ra tên này trong những bản văn nào khác. Thật khó giải thích việc có một thầy tế lễ cả người Do Thái (*archiereus*) tại Ê-phê-sô. Tại đây có một nhà hội địa phương, nhưng chỉ có đền thờ duy nhất tại Giê-ru-sa-lem. Lu-ca cũng dùng chính chữ này vài lần trong sách Phúc âm và sách Công-vụ cho thầy tế lễ cả và gia tộc tại Giê-ru-sa-lem.

Có nhiều người giả định rằng người này có liên hệ với gia tộc của thầy tế lễ cả, hoặc có thể là một trong hai mươi bốn thầy tế lễ theo thứ tự của Đa-vít (xem I Sứ-ký 24:7-19).

Nếu người này cùng với những con trai của ông là thầy tế lễ, thì thật là ngạc nhiên khi họ không sử dụng YHWH như danh quyền năng để đuổi quỷ.

19:15 “Ta biết Đức Chúa Giê-xu, và rõ Phao-lô là ai” Động từ đầu tiên là *ginōskō*; còn động từ thứ hai là *epistamai*. Hai chữ này gần như là đồng nghĩa. Cả hai đều được sử dụng thường xuyên trong sách Công-vụ, nhưng trong bối cảnh tại đây rõ ràng có sự tách biệt trong sự nhận biết của ma quỷ: Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ và Phao-lô là sứ giả của Ngài.

19:17 Lu-ca ghi lại chi tiết này bày tỏ Đức Thánh Linh đã ca ngợi, dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT PASSIVE INDICATIVE) Đức Chúa Giê-xu như thế nào.

19:18 “nhiều kẻ đã tin” Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Có nghi vấn tại đây là những người này tin vào sự huyền bí hay cụm từ này ám chỉ niềm tin mới trong Phúc âm của họ? Cũng có thể vì mới tin đạo nên họ vẫn còn bị chi phối bởi quá khứ mê tín. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Thì của Động từ Cứu Rỗi trong tiếng Hy Lạp trong 2:40.

Đây là những người có thể bị chinh phục với những gì xảy ra cho những thầy pháp Do Thái trong câu 13-16. Ý nghĩa của sự kiện này lan truyền nhanh chóng, bày tỏ quyền năng trong thân vị và danh của Đức Chúa Giê-xu, (xem câu 17). Họ chắc phải nhận thức rất rõ quyền năng trong danh này.

▣ **“cứ đến”** Đây là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE).

☐ **“xung tội và tỏ ra việc mình đã làm”** Vùng Địa Trung Hải cổ xưa tràn ngập những điều huyền bí. Theo niềm tin phổ thông, khi tiết lộ thần chú thì sẽ khiến nó trở nên vô hiệu. Đây là cách họ lột bỏ những việc làm theo lòng tin huyền bí trong quá khứ. Có một thể loại văn chương ma thuật nổi tiếng trong thế giới cổ đại được gọi là “những tác phẩm của người Ê-phê-sô”. Sự kiện này chứng tỏ sự siêu việt của Phúc âm vượt trên sự mê tín. (xem câu 20).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XUNG TỘI

- A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho ý nghĩa xung tội hay tuyên xưng, *homologeō* và *exomologeō*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
- B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
1. Ngợi khen (praise)
 2. Đồng ý
 3. Tuyên bố (declare)
 4. Tuyên xưng (profess)
 5. Xung tội
- C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:
1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
 2. Nhận tội
Điều này có thể phát triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai.
- D. Tân ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:
1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)
 2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ. 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)
 3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)
 4. Đồng ý
 - a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)
 - b. Về một lẽ thật nào (Công-vụ. 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)
 5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ. 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)
 - a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)
 - b. Có sự nhận tội (Ma-thi-ơ 3:6; Công-vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; I Giăng 1:9)

19:19 “phù pháp” Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 8:9.

Những “sách vở” này có thể đề cập đến những quyển sách lớn hay là những cuộn giấy có ghi những lời thề hay là nguyên rủa. Chúng được giữ trong người như là những bùa hộ mạng và có giá trị rất lớn, chúng tỏ (1) những người này mê tín đến chừng nào và (2) và Phúc âm đã phóng thích họ ra sao.

☐ **“đốt trước mặt thiên hạ”** Những “sách vở” rất là đắt giá và hiếm. Khi những người mới tin đạo đốt những thứ này đã bày tỏ công khai sự ăn năn và đức tin nơi Đấng Christ, chứ không phải nơi những quyền lực tâm tởi nữa.

19:20 Sứ điệp Phúc âm được nhân cách hóa. Sự tóm tắt của Lu-ca giúp chúng ta chia sách Công-vụ thành sáu phần (xem 6:7; 9:31; 12:24; 16:5; 19:20; 28:31).

BẢN NASB 19:21-22

²¹ các việc đó rồi, Phao-lô có quyết định theo Thánh Linh đi ngang qua xứ Ma-xê-doan và xứ A-chai,ặng đến thành Giê-ru-sa-lem. Người nói rằng: Khi ta đã thăm thành đó rồi, cũng phải thăm thành Rô-ma nữa. ²² Người bèn sai hai người giúp đỡ mình là Ti-mô-thê và Ê-rát sang xứ Ma-xê-doan, song chính người còn ở lại trong cõi A-si ít lâu nữa.

19:21

NASB “Phao-lô có quyết định theo Thánh Linh”
NKJV “Phao-lô có quyết định theo Thánh Linh”
NRSV “Phao-lô quyết định trong Đức Thánh Linh”
TEV, NJB “Phao-lô định ý”
TEV (phụ chú) “Phao-lô, được Đức Thánh Linh dẫn dắt, quyết định”

Đây là sự kết hợp giữa quyền tể trị của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Không rõ việc sử dụng chữ “linh” ám chỉ đến:

1. Đức Thánh Linh hay
2. Tâm linh con người (xem 7:59; 17:16; 18:25; Rô-ma 1:9; 8:16; I Cô-rinh-tô 2:11; 5:4; 16:18; II Cô-rinh-tô 2:11; 7:13; 12:18; Ga-la-ti 6:18; Phi-líp 4:23).

Nếu là Đức Thánh Linh, thì đây là một ví dụ của quyền cai trị thiên thượng kết hợp với sự đáp ứng tương xứng của con người.

Lu-ca thường hay có một lời nhận xét ngắn để giới thiệu những sự kiện sẽ xảy ra sau đó. Theo Lu-ca, gần như chắc chắn rằng, Phao-lô quyết định lên thành Giê-ru-sa-lem là theo sự dẫn dắt của Chúa (*chết*, câu 21), không phải là hệ quả của cuộc bạo động do Đê-mê-triu và những người thợ bạc tại Ê-phê-sô khởi xướng (xem câu 23-41).

▣ **“phải thăm thành Rô-ma nữa”** Phao-lô cần (*dei*) thăm viếng Hội thánh tại Rô-ma (xem 9:15; Rô-ma 1:10) trên hành trình đến Tây Ban Nha (xem Rô-ma 15:24, 28). Ông muốn họ biết đến ông và hỗ trợ chương trình truyền giáo ông thực hiện. Phao-lô cũng muốn đem đến những phước lành, ân tứ cho họ.

19:22 “Ê-rát” Trong Rô-ma 16:23, có nhắc đến một người có tên này. Ông được gọi là thủ quỹ của thành phố Cô-rinh-tô. Tên này cũng được nhắc đến một lần nữa trong II Ti-mô-thê 4:20. Có thể đây chỉ đề cập đến một người, nhưng điều đó không chắc chắn.

▣ **“chính người còn ở lại trong cõi A-si ít lâu nữa”** Phúc âm đã lan truyền khắp nơi cách vinh hiển, ảnh hưởng và thay đổi cả vùng (xem I Cô-rinh-tô 16:9).

BẢN NASB 19:23-27

²³ Lúc đó, có sự loạn lớn sanh ra vì có Đạo. ²⁴ Một người thợ bạc kia, tên là Đê-mê-triu, vốn dùng bạc làm khảm nữ thần Ật-tê-mi, sinh nhiều lợi cho thợ làm công, ²⁵ bèn nhóm những thợ đó và những kẻ đồng nghiệp lại, mà nói rằng: Hỡi bạn ta, các ngươi biết sự thịnh lợi chúng ta sanh bởi nghề này: ²⁶ các ngươi lại thấy và nghe nói, không những tại thành Ê-phê-sô thôi, gần suốt hết cõi A-si nữa, rằng tên Phao-lô này đã khuyên đổ và trở lòng nhiều người, mà nói rằng các thần bởi tay người ta làm ra chẳng phải là Chúa. ²⁷ Chúng ta chẳng những sợ nghề nghiệp phải bị gièm chê, lại cũng e rằng đền thờ của đại nữ thần Ật-tê-mi bị khinh để nữa, và nữ thần ta bị tiêu diệt về sự vinh hiển mà cõi A-si và cả thế giới đều tôn kính chẳng.

19:23 “Đạo” Đây là danh xưng sớm nhất của Cơ-Độc-Giáo, trình bày khái niệm Cựu ước (xem Thi-thiên 1:1,6; 5:8; 25:4,8,9,12; 27:11; 37:5,7,23,34) về đời sống đức tin (xem 9:2; 19:9,23; 22:4; 24:14,22; cũng có thể 18:25-26).

19:24 “khám” Đây có thể là những tượng bạc nhỏ (1) của đền thờ nữ thần A-tê-mi (2) thiên thạch điêu khắc theo hình phụ nữ có nhiều bầu vú. Khảo cổ học đã tìm được nhiều tượng nữ thần này bằng bạc, nhưng không có một tượng nào về đền thờ. Đền thờ này là một trong bảy kỳ quan của thế giới lúc bấy giờ. Nền của đền thờ ngang 100 bộ, dài 340 bộ. Nó có 177 cột chống cao 55 bộ, đường kính 6 bộ. Nó lớn hơn đền Pantheon ở A-thên bốn lần (Pliny, *Nat. Hist.* 36:95-97, trang 179).

▣ **“A-tê-mi”** Nữ thần A-tê-mi được thờ phượng tại Ê-phê-sô không thể đồng nhất với nữ thần Đi-anh trong những đền thờ đa thần của người La mã. Nữ thần này giống với Cybele, nữ thần Mẹ. Tập tục tín ngưỡng này giống nhiều với tín ngưỡng thờ thần sinh sản trong xứ Ca-na-an (tham khảo M. R. Vincent, *Word Studies*, vol. 1, trang 271).

▣ **“sinh nhiều lợi”** Sự bắt bớ này căn bản vì lý do kinh tế (xem câu 25,27).

▣ **“thợ”** Từ chữ Hy Lạp này chúng ta có chữ “technician” trong Anh ngữ. Trong thế giới Địa Trung Hải cổ xưa, những nhóm, phường hội thợ rất phổ biến và có uy thế. Có thể Phao-lô cũng là thành viên của hội thợ may trại.

19:26-27 Chi tiết này cho chúng ta cái nhìn sâu sắc về thành công và thâm nhập của chức vụ Phao-lô tại vùng Á châu.

▣ **“thần bởi tay người ta làm ra chẳng phải là Chúa”** Điều này phản ánh khái niệm Cựu ước về sự hư không của thần tượng (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:28; Thi-thiên 115:4-8; 135:15-18; Ê-sai 44:9-17; Giê-rê-mi 10:3-11).

19:27 Có vô số trích đoạn trong văn chương Hy Lạp thuộc thế kỷ thứ nhất đề cập đến nữ thần A-tê-mi của người Ê-phê-sô. Dường như có đến ba mươi chín thành phố riêng biệt trong vùng Địa Trung tham dự vào tập tục thờ nữ thần sinh sản này.

BẢN NASB 19:28-41

²⁸ Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn nổi giận lắm, cất tiếng kêu rằng: Lớn thay là nữ thần A-tê-mi của người Ê-phê-sô! ²⁹ Cả thành thấy đều rối loạn; chúng đồng lòng đến rạp hát, kéo theo mình Gai-út, A-ri-tạt, là người Ma-xê-đoan, bạn đồng đi với Phao-lô. ³⁰ Phao-lô muốn chính mình ra mặt trước dân chúng, nhưng môn đồ chẳng cho. ³¹ Cũng có mấy quan lớn ở xứ A-si, là bạn hữu người sai đến xin người chớ đi đến rạp hát. ³² Người thì reo lên thể này, kẻ thì la lên thể khác; vì trong hội om sòm, phần nhiều người cũng không biết vì cớ nào mình nhóm lại. ³³ Chúng bèn kéo A-léc-xan-đơ từ trong đám đông ra, và người Giu-đa xô người ra đứng trước; người bèn lấy tay ra dấu, muốn nói cùng dân chúng để bình vực bọn mình. ³⁴ Nhưng vừa khi đoàn dân nhận người là người Giu-đa, thì kêu rập lên ước trong hai giờ, rằng: Lớn thay là nữ thần A-tê-mi của người Ê-phê-sô. ³⁵ Bấy giờ, có người thơ ký thành phố dẹp yên đoàn dân, nói rằng: Hỡi người Ê-phê-sô, há có ai chẳng biết thành Ê-phê-sô là canh giữ đền thờ nữ thần lớn A-tê-mi và tượng thần ấy đã từ trên trời giáng xuống sao? ³⁶ Bởi điều đó thật chối cãi chẳng nổi, nên các người khá ở yên, đừng làm sự gì vội vã. ³⁷ Vì những tên mà các người đã kéo đến đây, chẳng

phải mắc tội hoặc phạm đến của thánh, hay làm lộng ngôn với nữ thần chúng ta đâu. ³⁸ Vậy, nếu Đê-mê-triu và các thợ làm công ở với người có cần kiện cáo ai, thì đã có ngày xử đoán và quan trấn thủ; mặc họ kiện cáo nhau. ³⁹ Ví bằng các người có nài việc khác nữa, thì khá quyết định việc đó ở trong hội đồng theo phép. ⁴⁰ Vì e cho chúng ta bị hạch về sự dấy loạn xảy ra ngày hôm nay, không thể tìm lẽ nào để bình vực sự nhóm họp này. ⁴¹ Người nói bấy nhiêu lời, bèn cho chúng về.

19:28 Chi tiết này chứng tỏ trong thế giới cổ đại tín ngưỡng và truyền thống địa phương được tôn sùng như thế nào. Nhiều người sinh sống bằng những cách thức, ngành nghề liên hệ đến những đền thờ tại địa phương.

▣ **“Lớn thay là nữ thần Ật-tê-mi của người Ê-phê-sô”** Nữ thần sinh sản này thường được gọi là “Vĩ Đại”. Đây cũng có thể là khẩu hiệu của nghi thức thờ phượng trong đền thờ.

19:29 “đồng lòng đến rạp hát” Tàn tích của rạp hát rất lớn từ thời La mã vẫn còn đến ngày nay, có sức chứa khoảng 25 đến 56 ngàn người (tùy theo cách ước tính).

▣ **“đồng lòng”** Công-vụ thường sử dụng cụm từ “đồng lòng” để mô tả sự hiệp nhất và thông công giữa các tín hữu (xem 1:14; 2:1,46; 4:24; 5:12; 8:6; 15:25), nhưng cũng để trình bày tội ác kết hiệp như thế nào (xem 7:57; 12:20; 18:12). Tự thân sự hiệp một không phải là mục tiêu. Mục đích của sự hiệp một mới là điểm quan trọng.

▣ **“Gai-út”** Ông từ thành Đẹt-bơ (xem 20:4). Đây là tên rất thông thường, vì vậy rất khó để quả quyết sự nhận dạng (xem I Cô-rinh-tô 1:14; III Giăng 3).

▣ **“A-ri-tạt”** Ông từ thành Tê-sa-lô-ni-ca (xem 20:4; 27:2; Cô-lô-sê 4:10-11; Phi-líp 2:4).

19:30 “môn đồ chẳng cho” Phao-lô là người có ý chí mạnh mẽ. Tuy nhiên, ông đã cho phép những tín hữu khác can thiệp trong một số quyết định (xem câu 31).

19:31 “mấy quan lớn ở xứ A-si” Chữ này có nghĩa “những quan chức được bầu cử tại địa phương”, nhưng được dùng trong nhiều ý khác nhau. Đây là một thuật ngữ khác được Lu-ca sử dụng chuẩn xác để chỉ những quan chức chính trị tại địa phương. Dường như họ cũng là những tín hữu, hay ít nhất cũng là bạn của Phao-lô. Một lần nữa, Lu-ca chứng tỏ rằng Cơ-Độc-Giáo không phải là mối đe dọa đến sự cai trị của chính quyền địa phương. Với những câu giống như câu này, có nhiều nhà giải kinh phỏng đoán rằng sách Công-vụ được viết để đọc khi Phao-lô bị xét xử tại Rô-ma. Hết lần này đến lần khác, Hội thánh gặp phải những mâu thuẫn với người Do Thái chứ không phải từ chính quyền.

19:32 “hội” Đây cũng chính là chữ Hy Lạp (*ekklesia*) dùng cho Hội thánh. Trong Công-vụ 19:32,39, và 41 nó chỉ sự nhóm họp của những người trong thành phố. Hội thánh ban đầu chọn chữ này vì nó được sử dụng trong bản Septuagint cho “hội chúng dân Do Thái”.

▣ **“phần nhiều người cũng không biết vì cơ nào mình nhóm lại”** Đây là một cảnh tượng thông thường của đám đông.

19:33 “A-léc-xan-đơ” Những người Do Thái tại địa phương muốn đám đông hiểu rằng họ là một nhóm tách biệt với những giáo sĩ lưu động, nhưng nó lại phản tác dụng. Liệu đây có phải cùng là một người đề cập trong II Ti-mô-thê 4:14 hay không thì không rõ, nhưng trong I Ti-mô-thê 1:20 tạo nên nhiều ngờ vực.

☐ **“lấy tay ra dấu”** Đây là một phong tục yêu cầu im lặng trước khi một ai đó phát biểu (xem 12:17; 13:16; 19:33; 21:40).

☐ **“bình vực”** Chúng ta có chữ “apology” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này, ám chỉ sự biện hộ pháp lý. Lu-ca sử dụng động từ này thường xuyên (xem Lu-ca 12:11; 21:14; Công-vụ 19:32; 24:10; 25:8; 26:1,2,24) cũng như dạng danh từ trong Công-vụ 22:1 và 25:16.

19:34 Chi tiết này chứng tỏ (1) sự kỳ thị Do Thái trong thế giới Hy Lạp-La mã hay (2) sự phần nộ của đám đông đối với chức vụ của Phao-lô.

19:35 “thor ký thành phố” Đây là viên chức dân sự trưởng của thành phố, giữ vai trò liên lạc giữa chính quyền La mã với những thành phố có những đền thờ nổi tiếng. Chữ Hy Lạp là *grammateus*. Chữ này thường hay sử dụng trong Công-vụ cho những thầy dạy luật Do Thái (xem 4:5; 6:12; 23:9). Trong bản Septuagint, nó dùng cho những người lãnh đạo Ai-cập báo cáo với cấp cao hơn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 5:6) và cho những quan chức Do Thái (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 20:5).

☐ **“thành Ê-phê-sô là canh giữ đền thờ”** Chữ “canh giữ” trong nghĩa đen là “người quét đền thờ” (*neōkos*, canh gác đền thờ). Tên gọi này trở thành một danh hiệu cao quý, dù rằng từ ban đầu nó chỉ loại đầy tớ thấp hèn nhất trong đền thờ.

☐ **“tượng thần ấy đã từ trên trời giáng xuống”** Tượng này có lẽ là một thiên thạch có hình dạng phụ nữ với nhiều bầu vú. Đây quả thật là hình tượng hoàn hảo cho tín ngưỡng thờ sự sinh sản. Chữ “trời” trong nghĩa đen là “roi xuống từ thần Zeus (*dios*).”

19:37 Cuộc bạo động nổ ra không có lý do, vì vậy, có thể bị xét xử theo luật pháp La mã (xem câu 40).

19:38-39 “mặc họ kiện cáo nhau” Hãy để họ thực hiện theo những phương thức xét xử kiện tụng sẵn có. Hai câu này là hai câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL).

19:38 “quan trấn thủ” Có hai loại tỉnh trong đế quốc La mã: những tỉnh do Hoàng đế cai trị và những tỉnh do Thượng nghị viện cai trị (*Augustus, Acts of Settlement*, năm 27 TC). Những tỉnh La mã:

1. Thuộc quyền Thượng nghị viện do quan trấn thủ cai trị.
2. Thuộc quyền Hoàng đế do những quan “legatus pro proetors” cai trị.
3. Những tỉnh nhỏ hơn thuộc diện “có vấn đề” do những viên chức “praefectus” cai trị.
4. Những thành phố tự do, do lãnh đạo địa phương cai trị, nhưng theo khuôn mẫu La mã.
5. Những thuộc địa như Pa-les-tin, do lãnh đạo địa phương cai trị, nhưng bị nhiều giới hạn và quy chế.

Ê-phê-sô là một tỉnh Thượng nghị viện, do đó có một quan trấn thủ. Những quan trấn thủ được đề cập ba lần:

1. Sê-giút Phau-lút, đảo Chíp-rơ, Công-vụ 13:7-8,12
2. Ga-li-ôn, tại A-chai, Công-vụ 18:12
3. Vô danh, Ê-phê-sô, Công-vụ 19:38

19:39-40 “hội đồng” Đây là chữ *ekklesia*, được những thành-bang Hy Lạp dùng cho sự hội họp cả thành phố. Nó được sử dụng cho Hội thánh, vì bản Septuagint dùng chữ này để dịch chữ Do Thái “hội chúng” (*Qahal*).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chúng ta có nên xem những câu 2-6 là bằng chứng bản văn cho :
 - a. Việc báp-tem lại một số tín hữu ?
 - b. Phép đặt tay để nhận ân tứ nói tiếng lạ tương ứng?
2. Định nghĩa “nói tiên tri” (câu 6).
3. Tại sao sách Công-vụ ghi lại việc Phao-lô tiếp xúc với cả A-bô-lô và những môn đệ của Giảng Báp-tít?
4. Những câu 11-12 là thông thường với Hội thánh trong mọi thời đại, mọi văn hóa? Tại sao? Tại sao không phải?
5. Tại sao đười ươi không liệt kê trong danh sách những ân tứ thiêng liêng?
6. Tại sao những tín hữu không được cung cấp thêm những hiểu biết về chủ đề này trong Kinh thánh?
7. Mục đích của những sự kiện phép lạ này là gì? (xem câu 17)

CÔNG VỤ ĐOẠN 20

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Hành trình của Phao-lô đến Ma-xê-đoan 20:1-6	Những hành trình tại Hy Lạp 20:1-6	Viếng thăm Hy Lạp lần cuối 20:1-6	Đến Ma-xê-đoan và A-chai 20:1-6	Phao-lô rời Ê-phê-sô 20:1-6
Phao-lô viếng thăm Trô-ách già từ 20:7-12	Chức vụ tại Trô-ách 20:7-12	Hành trình trở về Pa-les-tin của Phao-lô 20:7-12	Phao-lô viếng thăm Trô-ách lần cuối 20:7-12	Trô-ách: Phao-lô khiến một người chết sống lại 20:7-12
Hành trình từ Trô-ách đến Mi-lê 20:13-16	Từ Trô-ách đến Mi-lê 20:13-16	20:13-16	Từ Trô-ách đến Mi-lê 20:13-16	Từ Trô-ách đến Mi-lê 20:13-16
Phao-lô giảng cho những trưởng lão tại Ê-phê-sô 20:17-24	Những trưởng lão Ê-phê-sô được khen ngợi 20:17-38	20:17-18a 20:18b-24	Bài giảng từ già của Phao-lô cho những trưởng lão Ê-phê-sô 20:17-24	Từ già các trưởng lão tại Ê-phê-sô 20:17-18a 20:18b-21 20:22-24
20:25-35		20:25-35	20:25-31 20:32-35	20:25-27 20:28 20:28-32 20:33-35
20:36-38		20:36-38	20:36-38	20:36-38

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Đây là một tóm lược rất vắn tắt chức vụ của Phao-lô tại Ma-xê-đoan và Hy lạp trong chuyến truyền giáo thứ ba, do đó trong một chừng mực nào đó tạo nên những ngộ nhận.
- B. Cách thức tốt nhất để thiết lập trình tự chức vụ của Phao-lô trong vùng này là tham khảo những thư tín của ông, đặc biệt là thư I và II Cô-rinh-tô.
- C. Những cố gắng của Lu-ca trình bày chi tiết những di chuyển của Phao-lô bằng cách sử dụng những cột mốc thời gian và địa danh, nhưng chính sự vắn tắt đã tạo nên những ngộ nhận.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 20:1-6

¹ Khi sự rối loạn yên rời Phao-lô rời các môn đồ đến, khuyên bảo xong, thì từ giã mà đi đến xứ Ma-xê-đoan. ² Người trái khắp trong miền này, dùng nhiều lời khuyên bảo các tín đồ; rồi tới nước Gờ-réc, ³ ở đó ba tháng. Lúc gần xuống thuyền qua xứ Sy-ri thì người Giu-đa lập kế hại người, nên người định trái qua xứ Ma-xê-đoan mà trước về. ⁴ Sô-ba-tê, con Bi-ru, quê thành Đê-rê, cùng đi với người, lại có A-ri-tạt và Xê-cun-đu quê thành Tê-sa-lô-ni-ca, Gai-út quê thành Đet-bơ và Ti-mô-thê; Ti-chi-cơ và Trô-phin đều quê ở cõi A-si. ⁵ Những người này đi trước, đợi chúng ta tại thành Trô-ách. ⁶ Còn chúng ta, khi những ngày ăn bánh không men qua rồi, thì xuống thuyền tại thành Phi-líp, trong năm ngày gặp nhau tại thành Trô-ách, rồi chúng ta ở lại đó bảy ngày.

20:1 “Khi sự rối loạn yên rời” Cụm từ này rất mơ hồ. Nó không có ý ám chỉ rằng Phao-lô đã rời khỏi Ê-phê-sô ngay lập tức vì cuộc bạo động do Đê-mê-triu khởi xướng. Phao-lô ra đi không phải vì cuộc bạo động, nhưng vì công tác truyền giảng của ông đã hoàn tất, theo như chính lời của Đê-mê-triu tuyên bố rõ ràng (xem 19:26).

▣ **“Phao-lô rời các môn đồ đến, khuyên bảo xong”** Phao-lô quan tâm đến cả sự giảng đạo và sự huấn luyện (xem câu 2; Ma-thi-ơ 28:18-20). Tuy rằng Phúc âm cần phải được tiếp nhận cách cá nhân nay trở thành một gia đình cần phải chăm sóc (xem I Cô-rinh-tô 12:7). Mục tiêu cho những tín hữu địa phương là Hội thánh.

20:2 “Người trái khắp trong miền này” Đây có thể là (1) Illyricum (xem Rô-ma 15:19) hay là (2) những thành trong xứ Ma-xê-đoan như Phi-líp, Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê.

▣ **“tới nước Gờ-réc”** Gờ-réc (*Hellas*) Tại đây có nghĩa là tỉnh A-chai của La mã (xem 19:21). Chi tiết này đề cập đến thành phố Cô-rinh-tô. Phao-lô đã có chức vụ mở rộng trong khu vực này. Chính trong khoảng thời gian này ông đã viết sách Rô-ma. Ông đã lo lắng về Hội thánh tại Cô-rinh-tô, trình bày rõ ràng trong I Cô-rinh-tô 16:5-9 và II Cô-rinh-tô 2:12-13.

20:3 Câu Kinh thánh này liên quan đến những dự tính du hành của Phao-lô. Ông thường phải thay đổi chúng vì hoàn cảnh. Trong trường hợp tại đây, Phao-lô nghĩ rằng việc đón một chuyến tàu đi hành hương về Giê-ru-sa-lem không phải là khôn ngoan nên ông đã đi đường bộ.

☐ **“người Giu-đa lập kế hại người”** Có thể là ông đã dự tính đi trên một chiếc thuyền hành hương sẽ cập tại tất cả những bến cảng để đón những người Do Thái đi hành hương về Giê-ru-sa-lem dự những kỳ lễ.

“Sô-ba-tê, A-ri-tạt, Xê-cun-đu, Gai-út, Ti-mô-thê, Ti-chi-cơ, Trô-phin” Đây có thể là những người từ nhiều Hội thánh gọi đến để tháp tùng với Phao-lô chuyên số tiền giúp cho Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem I Cô-rinh-tô 16:1-3; II Cô-rinh-tô 8-9). Sô-ba-tê có thể là Sô-xi-ba-tê trong Rô-ma 16:21. A-ri-tạt được nhắc đến trong Công-vụ 19:29; 27:2 và Cô-lô-sê 4:10. Ti-chi-cơ được nhắc đến trong Ê-phê-sô 6:21-22; Cô-lô-sê 4:7-8; II Ti-mô-thê 4:12 và Tít 3:12. Gai-út được đề cập trong Công-vụ 19:29. Trô-phin được đề cập trong Công-vụ 21:29 và II Ti-mô-thê 4:20. Đây là một trích đoạn từ sách giải kinh I Cô-rinh-tô của tôi.

“sự đóng góp” *Logia* là chữ được tìm thấy trong một bản giấy cói tiếng Hy Lạp ở Ai-cập dùng cho số tiền tặng cho mục đích tôn giáo, nhưng không liên hệ đến thuế thông thường (xem Moulton, Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*, trang 377). Trong bối cảnh tại đây, không rõ số tiền này là món quà thường kỳ hay là đặc biệt gửi đến Hội thánh. Phao-lô đã khởi xướng việc lưu tâm đến người nghèo trong vùng Giu-đê trong cuộc đàm luận với Gia-cơ, Phi-e-rơ, Giăng và Ba-na-ba trong Ga-la-ti 2:10; 6:10. Tặng phẩm này khởi đầu tại Hội thánh An-ti-ốt nơi Phao-lô và Ba-na-ba đã hầu việc Chúa, Công-vụ 11:27-30. Tặng phẩm này được nhắc đến trong nhiều sách Tân ước (xem Rô-ma 15:26; II Cô-rinh-tô 8-9; I Cô-rinh-tô 16:1). Nó là một nỗ lực để chứng thực mối liên hệ giữa Hội thánh Do Thái “mẹ” và các Hội thánh người ngoại bang. Phao-lô gọi tặng phẩm này bằng nhiều tên.

1. bố thí, Công-vụ 24:17
2. thông công, Rô-ma 15:26,27; II Cô-rinh-tô 8:4; 9:13
3. món nợ, Rô-ma 15:27
4. phục vụ, Rô-ma 15:27; II Cô-rinh-tô 9:12

Theo II Cô-rinh-tô 8:6,16 dường như Tít là đại biểu Hội thánh. Thật lạ thường khi Lu-ca không bao giờ nhắc đến Tít trong sách Công-vụ. Có một giả thuyết cho rằng Tít chính là anh em của Lu-ca, và bởi sự khiêm tốn mà Lu-ca đã lược bỏ tên ông. Điều này cũng có thể giải thích rằng một người anh em “không tên” trong II Cô-rinh-tô 8:16, nhiều người cho rằng chính là Lu-ca (Origen ghi lại trong Eusebius’ *His. Eccl.* 6.25.6; A. T. Robertson’s, *Word Pictures in the New Testament*, trang 245).

F. F. Bruce, trong quyển *Paul: Apostle of the Heart Set Free*, có nhận xét về giả thuyết Tít và Lu-ca là anh em.

“Một cách giải thích cho sự im lặng của Lu-ca về Tít, một trong những người phụ tá tín cẩn của Phao-lô đó là Tít, chính là anh em của Lu-ca; xem W. M. Ramsay, *St. Paul the Traveller and the Roman Citizen* (London, 1895), trang 390; *Luke the Physician and Other Studies* (London, 1908), trang 17 f.; A. Souter, ‘Một mối liên hệ giả định giữa Tít và Lu-ca’, *Expository Times* 18 (1906-7), trang 285, cũng như ‘Mối liên hệ giữa Tít và Lu-ca’, trang 335 f. Nhưng nếu theo mối liên hệ giả định này, thì giả thuyết Lu-ca chính là người anh em trong II Cô-rinh-tô 8:16f (xem trang 320) bị loại bỏ vì: mục đích của Phao-lô gọi “người anh em” này cùng tháp tùng với Tít là để giữ vai trò một người giám sát độc lập đảm bảo cho sự liêm khiết trong việc quản lý số tiền cứu trợ. Mục đích này trở nên vô tác dụng nếu tạo có cho sự chỉ trích bởi mối liên hệ huyết thống gần gũi của hai người. Không có điều gì tốt hơn để vun đắp cho mối nghi ngờ sẵn có.” (trang 339 phụ chú số 5).

20:5 “chúng ta” Lu-ca bắt đầu lại việc tường trình trong tư cách là nhân chứng đã bị gián đoạn từ thành Phi-líp (xem Công-vụ 16). Các phân đoạn với danh xưng “chúng ta” là 16:10-17; 20:5-15; 21:1-18; và 27:1-28:1b.

20:6 “những ngày ăn bánh không men” Đây là kỳ lễ hội tổ chức trong bảy ngày vào khoảng giữa tháng Tư kết hợp với lễ Vượt Qua kéo dài một ngày (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 13). Nên tảng Do-Thái-Giáo của Phao-lô chi phối cách ông định mốc thời gian. Chúng ta không biết gì về người Do Thái hay là nhà hội tại thành Phi-líp, do đó Phao-lô giữ những kỳ lễ này không phải vì mục đích truyền giảng (xem I Cô-rinh-tô

9:19-23). Có thể nó chỉ nhắc đến vì ông đã dự tính hành trình để đến Giê-ru-sa-lem vào Lễ Ngũ Tuần (xem 20:16).

BẢN NASB 20:7-12

⁷ Ngày thứ nhất trong tuần lễ, chúng ta đang nhóm lại để bẻ bánh; Phao-lô phải đi ngày mai, nên người nói chuyện với các môn đồ, và cứ giảng luôn cho đến nửa đêm, ⁸ có nhiều đèn trong phòng cao mà chúng ta đương nhóm lại. ⁹ Một gã tuổi trẻ tên là O-tích, ngồi trên cửa sổ, ngủ gục trong khi Phao-lô giảng rất dài; và bị ngủ mê quá, nên từ tầng lầu thứ ba té xuống, lúc đỡ dậy đã thấy chết rồi. ¹⁰ Nhưng, Phao-lô bước xuống, nghiêng mình trên người, ôm lấy mà nói rằng: Chớ bối rối, linh hồn còn ở trong người. ¹¹ Phao-lô lại trở lên, bẻ bánh mà ăn; giảng luận lâu cho đến sáng mới đi. ¹² Còn gã tuổi trẻ người ta đem đi thì được sống, sự ấy làm cho mọi người đều yên ủi lắm.

20:7 “Ngày thứ nhất trong tuần lễ, chúng ta đang nhóm lại để bẻ bánh” Chi tiết này chứng tỏ nghi thức họp mặt của Hội thánh ban đầu trong ngày Chúa Nhật bao gồm bữa ăn thông công (câu 11) và bữa ăn tối tưởng niệm (“bẻ bánh” là một thành ngữ Tân ước cho Lễ Tiệc Thánh). Chính Đức Chúa Giê-xu đã thiết lập sự thờ phượng vào ngày Chúa Nhật bằng những lần hiện ra sau khi phục sinh (xem Giảng 20:19,26; 21:1; Lu-ca 24:36; I Cô-rinh-tô 16:2).

Trong bộ *Helps for Translator (The Acts of the Apostles)* của Newman và Nida, trang 384) cho rằng Lu-ca đang đề cập đến giờ Do Thái, do đó sự kiện này chắc hẳn là xảy ra vào tối thứ bảy (bản TEV), nhưng đa số các bản dịch đều dịch sát nghĩa đen, “ngày đầu tiên trong tuần lễ.” Đây là lần duy nhất cụm từ này xuất hiện trong sách Công-vụ. Phao-lô chỉ dùng cụm từ “ngày đầu tiên trong tuần lễ” trong I Cô-rinh-tô 16:2, ám chỉ ngày Chúa Nhật.

▣ **“cứ giảng luôn”** Phao-lô cứ muốn dạy dỗ và khích lệ đến mức tối đa (xem câu 2,31).

▣ **“cho đến nửa đêm”** Người Do Thái khởi tính một ngày từ lúc mặt trời lặn hay là buổi tối dựa theo Sáng-Thế-Ký 1, trong khi người La mã khởi tính một ngày từ nửa khuya.

20:8 “có nhiều đèn” Đây chắc hẳn phải là một bầu không khí ngọt ngào và nóng bức. Dường như Lu-ca đang cố gắng giải thích tại sao O-tích ngủ gục.

20:9 “gã tuổi trẻ” Từ ngữ được dùng tại đây chỉ đến một người đang ở giai đoạn sung mãn của cuộc đời. Một chữ khác được sử dụng trong câu 12, ám chỉ là một trẻ em. O-tích là một thanh niên trai trẻ.

▣ **“O-tích...ngủ gục trong khi Phao-lô giảng rất dài”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE PARTICIPLE) cho một bằng chứng Kinh thánh về những bài giảng dài và thánh giả ngủ gục.

▣ **“đỡ dậy đã thấy chết rồi”** Dường như thanh niên này đã chết . Xem câu 12.

20:10 “ngiêng mình trên người, ôm lấy” Phao-lô hành xử giống như Ê-li và Ê-li-sê trong Cựu ước, cũng đã khiến người chết sống lại trong cách tương tự (xem I Các Vua 17:21; II Các Vua 4:34). Ông nói với mọi người rằng đừng bối rối, nhưng trong thực tế, tôi chắc rằng Phao-lô nhọc tâm vì chuyện này .

▣ **“Chớ bối rối”** Đây là dạng MỆNH LỆNH HIỆN TẠI (PRESENT IMPERATIVE) với một MẠO TỪ TIÊU CỰC (NEGATIVE ARTICLE) thường có nghĩa chấm dứt một hành động đang diễn ra.

BẢN NASB 20:13-16

¹³ Còn chúng ta, thì đi trước, chạy thuyền đến thành A-sốt, là nơi chúng ta phải gặp Phao-lô; người đã định vậy, vì muốn đi bộ. ¹⁴ Chúng ta gặp người tại thành A-sốt, bèn đem người đi với, đến thành Mi-ti-len. ¹⁵ Rồi đi từ nơi đó, vẫn theo đường biển, ngày mai đến ngang đảo Chi-ô. Qua ngày sau, chúng ta ghé vào thành Sa-mốt, cách một ngày nữa, thì tới thành Mi-Lê-vi Ký ¹⁶ Vì Phao-lô đã quyết định đi qua trước thành Ê-phê-sô xong không dừng lại tại đó, e cho chậm trễ trong cõi A-si. Người vội đi đặng có thể đến thành Giê-ru-sa-lem kịp trong ngày Lễ Ngũ Tuần.

20:13 “thuyền” Những kế hoạch du hành của Phao-lô bị buộc phải thay đổi vì có mưu mô ám hại khi ông dự định tiến hành trên biển (xem câu 3). Có lẽ Phao-lô muốn biết trước có những ai trên tàu trước khi đi. Phao-lô đã đi đường bộ từ Trô-ách đến A-sốt, tại đó ông sẽ lên chiếc tàu đã khởi hành từ Trô-ách. Tất cả những người đề cập trong câu 4 đều đã ở trên tàu.

20:14 “đến thành Mi-ti-len” Đây là thành phố chính của đảo Lesbos, là đảo lớn nhất nằm ngoài khơi vùng Tiểu Á (miền tây Thổ Nhĩ Kỳ).

20:15-16 Sự hiểu biết của Lu-ca về đi thuyền buồm khiến chúng ta kinh ngạc. Ông sử dụng nhiều thuật ngữ của thuyền buồm trong tường trình của ông, những phân đoạn “chúng ta” trong sách Công-vụ. Có nhiều phân đoạn “chúng ta” liên hệ đến việc du hành bằng đường biển. Hiển nhiên, ông là một người học thức đi đây đó nhiều nơi.

20:15 “Chi-ô” Đây là một đảo trong biển Aegean, là một hòn đảo hẹp, dài, rất gần bờ biển.

▣ **“Sa-mốt”** Đây lại là một hòn đảo khác ngoài khơi bờ biển miền tây của Tiểu Á, gần Ê-phê-sô.

▣ **“Mi-lê”** Nơi đây đã từng là một hải cảng lớn và quan trọng trên bờ phía nam của thành phố Ê-phê-sô ngay tại cửa sông Maeander. Phao-lô đã xuống tàu tại đây và mời những lãnh đạo Hội thánh Ê-phê-sô đến. Hành trình dài khoảng ba mươi dặm.

20:16 “Phao-lô đã quyết định đi qua trước thành Ê-phê-sô, song không dừng lại tại đó” Chi tiết này dường như ám chỉ rằng Phao-lô có quyền điều khiển chiếc thuyền. Nếu đúng như vậy, thì (1) họ đã thuê cả một chiếc tàu cho riêng họ hay là (2) họ đã chọn một chiếc tàu không ghé ngang qua Ê-phê-sô.

▣ **“Lễ Ngũ Tuần”** Đây là một kỳ lễ của người Do Thái năm mươi ngày sau Lễ Vượt Qua. Phao-lô đã trở Lễ Vượt Qua trong câu 3.

▣ **“nếu”** Đây là ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN (FOURTH CLASS CONDITIONAL) *ei* với CÁCH MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) bày tỏ một ước muốn.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÔNG-VỤ 20:17-21:16

- A. Có yếu tố tự vệ trong phân đoạn này, dường như là có nhóm người nào đó tiếp tục tấn công Phao-lô cách cá nhân (xem câu 33).
- B. Tại đây có ví dụ duy nhất trong sách Công-vụ Phao-lô giảng cho những tín hữu. Trong Công-vụ 13:66ff ông giảng cho người Do Thái, trong khi ở 14:15ff và 17:22ff ông giảng cho người Hy Lạp.
- C. Sứ điệp này tương tự với nhiều lá thư của Phao-lô, theo đúng như kỳ vọng. Những ngôn từ độc đáo của Phao-lô phản ánh trong lời khuyên nhủ giữa từ này.

BẢN NASB 20:17-18a

¹⁷ Bấy giờ, Phao-lô sai người ở thành Mi-lê đi tới thành Ê-phê-sô mời các trưởng lão trong Hội thánh đến. ¹⁸ Khi các người ấy đã nhóm cùng người, người nói rằng

20:17 “Mi-lê” Cảng này nằm ba mươi dặm phía nam của thành phố Ê-phê-sô.

▣ **“trưởng lão”** Từ chữ này (*presbuteros*) chúng ta có được chữ “Trưởng Lão” hay “Trưởng Nhiệm”. Theo Công-vụ 20:17,28 và Tít 1:5,7 chữ “trưởng lão” (*presbuteroi*) và “giám mục” (*episcopoi*) là đồng nghĩa với chữ “mục sư”. Chữ “trưởng lão” có gốc Do Thái (các lãnh đạo của các chi phái Do Thái) và chữ “giám mục” hay “bê trên” phát xuất từ nền tảng chính trị/quản trị của những thành-bang Hy Lạp.

Chỉ có hai nhóm những lãnh đạo Hội thánh địa phương được nhắc đến trong Tân ước là những mục sư và những chấp sự (xem Phi-líp 1:1). Có thể có đến ba nhóm được liệt kê trong I Ti-mô-thê 3, trong đó có đề cập chức phận của những bà góa hay là nữ chấp sự (xem Rô-ma 16:1).

Lưu ý rằng chữ này trong dạng số nhiều. Chắc hẳn đề cập đến những lãnh đạo của những Hội thánh tại gia (xem 11:30; 14:23; 15:2,4,6,22-23; 16:4; 21:18; I Ti-mô-thê 5:17, 19; Tít 1:5; Gia-cơ 5:14; I Phi-e-rơ 5:1).

▣ **“Hội thánh”** Chữ Hy Lạp này (*ekklesia*) là chữ được dùng cho sự hội họp thành phố (cf 19:39). Tuy nhiên, chữ này còn được dùng để dịch cụm từ “hội chúng (*qahal*) Y-sơ-ra-ên” của Cựu ước trong bản Septuagint. Hội thánh ban đầu chọn chữ này để mô tả tập thể mới của người tin đạo và đồng nhất họ với dân sự của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Hội thánh Tân ước xem chính mình là sự hoàn thành những lời hứa trong Cựu ước, vì Giê-xu người Na-xa-rét là Đấng Mết-si-a.

BẢN NASB 20:18b-24

¹⁸ từ ngày tôi mới đến cõi A-si, hằng ăn ở luôn với anh em cách nào, anh em vẫn biết, ¹⁹ tôi hầu việc Chúa cách khiêm nhường, phải nhiều nước mắt, và ở giữa sự thử thách mà người Giu-đa đã lập mưu hại tôi. ²⁰ Anh em biết tôi chẳng trể nải rao truyền mọi điều ích lợi cho anh em, chẳng giấu điều chi hết, lại biết tôi đã dạy anh em hoặc giữa công chúng, hoặc từ nhà này sang nhà kia, ²¹ giảng cho người Giu-đa như cho người Gô-réc về sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời, và đức tin trong Đức Chúa Giê-xu là Chúa chúng ta. ²² Kia, nay bị Đức Thánh Linh ràng buộc, tôi đi đến thành Giê-ru-sa-lem, chẳng biết điều chi sẽ xảy đến cho tôi ở đó; ²³ duy Đức Thánh Linh đã bảo trước cho tôi rằng từ thành này sang thành khác dây xích và sự hơan nạn đương đợi tôi đó. ²⁴ nhưng tôi chẳng kể sự sống mình là quý, miễn chạy cho xong việc đưa tôi và chức vụ tôi đã lãnh nơi Đức Chúa Giê-xu, để mà làm chứng về Tin Lành của ơn Đức Chúa Trời.

20:18 “từ ngày tôi mới đến cõi A-si, hằng ăn ở luôn với anh em cách nào, anh em vẫn biết” Lời nói và việc làm của Phao-lô bày tỏ mối liên hệ của ông với Đấng Christ. Việc Phao-lô nhấn mạnh điều này trong câu 18-19 chứng tỏ đã có những ý kiến chỉ trích.

20:19 “tôi hầu việc Chúa cách khiêm nhường” Chữ này khởi đầu cho một danh sách những đức tính của Cơ-Độc-Nhân làm nảy sinh sự hiệp một (xem Ê-phê-sô 4:2-3). “Khiêm nhường” là một đặc tính riêng biệt của Cơ-Độc-Nhân không được liệt kê trong danh sách những đức hạnh theo đạo đức Hy Lạp (Stoics). Cả Môi-se (xem Dân-số Ký 12:3) và Đức Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 11:29) được mô tả bằng từ này. Phao-lô sử dụng chữ này vài lần (xem Ê-phê-sô 4:2; Phi-líp 2:3; Cô-lô-sê 2:18,23; 3:12).

☐ **“nhiều nước mắt, và ở giữa sự thử thách”** Phao-lô liệt kê những điều ông phải gánh chịu về thể chất và tinh thần khi ông làm sứ đồ cho người ngoại trong II Cô-rinh-tô 4:7-12; 6:3-10; 11:24-28. Phải trả giá đắt cho chức vụ.

☐ **“Giu-đa đã lập mưu hại tôi”** Trong Công-vụ có nhiều dẫn chứng về những âm mưu ám hại này (xem 9:24; 13:45,50; 14:2,4,5,19; 17:5,13; 18:12; 20:3; 21:27; 23:12,27,30; 24:5-9,18-19).

20:20 “chẳng trể nải” Trong nguyên tác đây là một thuật ngữ đi tàu buồm, dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE) xem 20:27, có nghĩa là cuốn buồm lại khi thuyền cập bến.

20:21 “giảng cho người Giu-đa như cho người Gờ-réc” Chỉ có một sứ điệp cho cả hai nhóm sắc tộc này. Thông thường cách thức trình bày có thể khác biệt, nhưng nội dung thì giống nhau theo như những bài giảng trong sách Công-vụ (*kerygma*) trình bày. Phao-lô đặt ưu tiên trình bày Phúc âm cho người Do Thái trước (xem Rô-ma 1:16; I Cô-rinh-tô 1:18,24).

☐ **“ăn năn đối với Đức Chúa Trời, và đức tin trong Đức Chúa Giê-xu”** Sự ăn năn là thay đổi trong suy nghĩ (nghĩa của chữ Hy Lạp), kèm theo hành động thay đổi (nghĩa của chữ Do Thái). Đây là một trong hai điều kiện tối cần của sự cứu rỗi. Điều còn lại là đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19). Một hành động mang ý tiêu cực (quay khỏi bản ngã và tội lỗi). Một hành động tích cực (tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu và sự đền tội của Ngài cho chúng ta). Cả hai điều này là bắt buộc. Cá nhân tôi tin rằng có thêm một vài đòi hỏi theo Tân ước: phải có sự ăn năn và đức tin lúc ban đầu và tiếp tục ăn năn và tin cậy; nhưng cũng phải kèm theo sự vâng phục và bền đỗ.

Có một số khác biệt trong những bản chép tay tiếng Hy Lạp về cụm từ “Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta”. Danh hiệu “Christ” bị lược bỏ trong bản văn B (Vaticanus), nhưng lại xuất hiện trong P⁷⁴, 8, A, và C. Giống như đa số những điểm khác biệt, chúng không làm thay đổi ý nghĩa của đoạn văn. Bản văn UBS⁴ Hy Lạp cho rằng bản văn ngắn hơn thì chính xác hơn bởi vì không có một lý do nào khiến những người chép kinh lược bỏ chữ này, nhưng lại có bằng chứng họ “mở rộng” những đoạn văn tương ứng để chúng trở nên gần giống nhau.

20:20 “mọi điều ích lợi” Phao-lô đã dạy họ tất cả mọi điều liên hệ đến Phúc âm: tiếp nhận như thế nào, sống đạo ra sao, bảo vệ ra sao và làm thế nào để tôn cao Phúc âm.

☐ **“dạy anh em hoặc giữa công chúng, hoặc từ nhà nầy sang nhà kia”** Chi tiết này có thể có nghĩa không chỉ Phao-lô dạy ở nơi công cộng (không hội họp bí mật), mà còn trong những tư gia (hoặc có thể là những Hội thánh tại gia riêng lẻ). Điểm chính là họ biết tỏ tường việc làm và lời giảng của Phao-lô. Chắc hẳn là Phao-lô đang bị tấn công bởi những nhóm người địa phương, và đây là cách ông phản hồi sự đả kích.

20:22

NASB “ràng buộc trong Đức Thánh Linh”

NKJV “ràng buộc trong Đức Thánh Linh”

NRSV “Đức Thánh Linh cầm giữ”

TEV “trong sự vâng phục Đức Thánh Linh”

NJB “trong sự cầm giữ bởi Đức Thánh Linh”

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỬ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Nó bày tỏ tư tưởng của Phao-lô về sự lãnh đạo tâm linh (xem 18:21; 19:21; 20:23; I Cô-rinh-tô 4:19; 7:40; 16:7). Xem phân ghi chú trong 19:21. Đức Thánh Linh được nhắc đến trong câu 23.

20:23 “Đức Thánh Linh đã bảo trước cho tôi rằng từ thành nầy sang thành khác đây xích và sự họa nạn đương đợi tôi” Điều này có thể được Đức Thánh Linh thi hành bằng cách sai khiến nhiều tiên

tri khác nhau để cảnh báo Phao-lô (xem Công-vụ 9:16; 21:4, 10-12). Thông thường Đức Chúa Trời sai phái và sử dụng những điều dường như là tiêu cực trong những mục đích, đường hướng tích cực (xem Ê-sai 55:8-11). Phao-lô không tê tách, tránh né những nhọc nhằn cá nhân hề khi nào ông tin rằng điều đó thực hiện ý định của Đức Chúa Trời.

20:24 “tôi chẳng kể sự sống mình là quý” Cách suy nghĩ này đối lập với cách nghĩ đặt mình là trọng tâm của loài người sa ngã. Cơ-Độc-Nhân có một thế giới quan khác. Họ phải chết về bản ngã (ăn năn) về tội lỗi và sống cho Chúa (xem Rô-ma 6; II Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; I Giăng 3:16). Cái chết của bản ngã đem lại sự tự do của tinh thần phục vụ quên mình.

▣ **“chạy cho xong việc đua”** Đây là một thuật ngữ thể thao cho một cuộc chạy đua. Phao-lô thích sử dụng những ẩn dụ thể thao. Ông thường hay ví sánh cuộc đời mình như là một sự kiện thể thao (xem I Cô-rinh-tô 9:24-27; Ga-la-ti 2:2; 5:7; Phi-líp 2:16; 3:14; II Ti-mô-thê 2:5; 4:7). Phao-lô tin rằng Đức Chúa Trời có ý chỉ, chương trình và mục đích cụ thể cho cuộc đời của ông.

▣ **“chức vụ tôi đã lãnh nơi Đức Chúa Giê-xu”** Phao-lô đã được kêu gọi tại Đa-mách (xem Công-vụ 9). Tất cả mọi tín hữu đều là những người hầu việc Chúa đã được kêu gọi và ban ơn (xem Ê-phê-sô 4:11-12). Với nhận thức và thế giới quan này sẽ thay đổi cách chúng ta sống (xem II Cô-rinh-tô 5:18-20). Chúng ta cả nam và nữ đều ở trong sứ mạng. Chúng ta đã được cứu để phục vụ. Chúng ta đều là những người quản lý ân tứ và Phúc âm .

▣ **“Tin Lành của ơn Đức Chúa Trời”** Hy vọng duy nhất cho con người sa ngã là sự thương xót giàu rộng, không đòi đổi của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời Ba Ngôi đã cung cấp tất cả mọi điều cần cho chúng ta có đời sống sung mãn. Hy vọng duy nhất của chúng ta là ở chính Ngài và những gì Ngài đã làm. Thật ngạc nhiên là Lu-ca rất ít khi sử dụng DANH TỬ “Phúc âm” (chỉ có hai lần trong sách Công-vụ, 15:7; 20:24 không có lần nào trong sách Phúc âm Lu-ca), nhưng ông lại dùng dạng ĐỘNG TỬ rất nhiều lần trong cả hai sách.

BẢN NASB 20:25-35

²⁵ Hiện bây giờ, tôi biết rằng giữa anh em mà tôi đã ghé qua giảng về nước Đức Chúa Trời, thì chẳng có một ai sẽ thấy mặt tôi nữa. ²⁶ Nên bữa nay tôi nói quyết trước mặt các anh em rằng tôi tinh sạch về huyết anh em hết thảy. ²⁷ Vì tôi không trễ nải một chút nào để tỏ ra cho biết hết thảy ý muốn của Đức Chúa Trời. ²⁸ Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bầy mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chặn Hội thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình. ²⁹ Còn tôi biết rằng sau khi tôi đi sẽ có muông sói dữ tợn xen vào trong vòng anh em, chẳng tiếc bầy đâu; ³⁰ lại giữa anh em cũng sẽ có những người hung ác dấy lên, nói những điều trái nghịch, ráng sức dỗ môn đồ theo họ. ³¹ Vậy, hãy tỉnh thức nhớ lại rằng trong ba năm hằng đêm và ngày, tôi hằng chảy nước mắt mà khuyên bảo cho mọi người luôn. ³² Bây giờ tôi giao phó anh em cho Đức Chúa Trời và cho đạo của ơn Ngài, là giao phó cho Đấng có thể gây dựng và ban gia tài cho anh em chung với hết thảy những người được nên thánh. ³³ Tôi chẳng ham bạc, vàng, hay là áo xống của ai hết. ³⁴ Chính anh em biết rằng hai bàn tay này đã làm ra sự cần dùng của tôi và của đồng bạn tôi. ³⁵ Tôi từng bảo luôn cho anh em rằng phải chịu khó làm việc như vậy, để giúp đỡ người yếu đuối, và nhớ lại lời chính Đức Chúa Giê-xu có phán rằng: Ban cho thì có phước hơn nhận lãnh.

20:25 “tôi biết rằng...chẳng có một ai sẽ thấy mặt tôi nữa” Ông đã dự định đi Tây-Ban-Nha, nhưng theo văn mạch có thể ông đang nói đến sự bắt giam sắp đến và có thể sẽ chết tại Giê-ru-sa-lem. Nếu những Thư Tín Mục Vụ trình bày về chuyến hành trình thứ tư của Phao-lô thì ông có trở lại vùng này một lần nữa.

1. Ê-phê-sô, I Ti-mô-thê 1:3; 3:14; 4:13
2. Mi-lê, II Ti-mô-thê 4:20
3. Có thể là cả Trô-ách nữa, II Ti-mô-thê 4:13.

Phao-lô sống bởi đức tin nơi sự dẫn dắt của Chúa. Ông không biết rõ tương lai. Ông đã dự tính đi Tây-Ban-Nha, nhưng theo văn mạch có thể ông đang nói đến sự bắt giam sắp đến và có thể sẽ chết tại Giê-ru-sa-lem.

▣ **“giảng về nước Đức Chúa Trời”** Xem ghi chú trong 2:35.

20:26 “tôi tinh sạch về huyết anh em hết thảy” Đây là một thành ngữ Do Thái, giống như Công-vụ 18:6, hay cụ thể hơn, Ê-xê-chi-ên. 3:16ff và 33:1ff. Phao-lô đã trung tín rao giảng Phúc âm (xem II Cô-rinh-tô 2:17). Giờ đây, những ai đã đáp ứng hay khước từ phải nhận lãnh trách nhiệm cho chính họ. Có những người được gọi đến sự phục vụ, những người khác vào sự hủy diệt (xem II Cô-rinh-tô 2:15-16).

20:27 “không trễ nải” Xem ghi chú trong 20:20.

▣ **“hết thảy ý muốn của Đức Chúa Trời”** Chúng ta phải luôn luôn công bố sứ điệp của Chúa trọn vẹn, chứ không chỉ phần chúng ta ưa thích. Đây có thể là một ẩn ý đề cập đến việc nhóm Do Thái hóa cho rằng Phao-lô đã lược bỏ một phần của sứ điệp (luật pháp Môi-se, đạo Giu-đa) hay là nhóm ân tứ trong II Cô-rinh-tô 12 cho rằng Phao-lô thiếu những trải nghiệm thiêng liêng. Ý định của Đức Chúa Trời là nhân loại được phục hồi trở lại trong sự thông công đầy trọn với Ngài, đó cũng là mục đích của sự sáng tạo.

20:28 “Anh em hãy giữ lấy mình” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Sự cảnh báo này cũng xuất hiện trong I Cô-rinh-tô 16:13; Cô-lô-sê 4:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:6,10. Đời sống Cơ-Độc-Nhân có cả hai khía cạnh linh thiêng và con người. Đức Chúa Trời luôn luôn khởi xướng và thiết lập lịch trình, nhưng những tín hữu phải đáp ứng và liên tục đáp ứng. Trong một ý nghĩa nào đó, chúng ta chịu trách nhiệm cho chính đời sống tâm linh của mình (xem Phi-líp 2:12-13). Điều chi là chân thật cho cá nhân tín hữu, thì cũng là chân thật cho lãnh đạo các Hội thánh (xem I Cô-rinh-tô 3).

▣ **“và luôn cả bầy”** Đây là hình bóng về dân sự của Chúa (xem Thi-thiên 23; Lu-ca 12:32; Giảng 21:15-17). Nó cũng chính là gốc của từ “mục sư”. Xem ghi chú trong 20:17. Những lãnh đạo Hội thánh chịu trách nhiệm với Chúa về chính mình và Hội thánh Chúa giao cho họ (xem I Cô-rinh-tô 3).

▣ **“Đức Thánh Linh đã lập anh em”** Chi tiết này chứng tỏ sự kêu gọi thiêng liêng của Chúa trong việc lựa chọn những lãnh đạo Hội thánh.

▣ **“kẻ coi sóc”** Nghĩa trong nguyên tác “bề trên”, xem chú thích trong 20:17.

▣ **“Hội thánh của Đức Chúa Trời”** Chữ “Đức Chúa Trời” xuất hiện trong các bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁷⁴, A, C, D, và E, trong khi chữ “Chúa” tìm thấy trong MSS κ và B. Phao-lô thường sử dụng cụm từ “Hội thánh của Đức Chúa Trời”, nhưng lại không bao giờ dùng “Hội thánh của Chúa”. Văn mạch ủng hộ cho cụm từ “Hội thánh của Chúa” bởi vì cụm từ sau đó “bằng chính huyết mình” chắc chắn là chỉ về Đấng Christ. Tuy vậy, đây chỉ là một chi tiết thay đổi đã được dự đoán khi các nhà chép kinh hiệu đính bản văn. Do đó, bản văn Hy Lạp UBS⁴ chọn chữ “Đức Chúa Trời” và đồng thời xếp loại nó hạng “C”. Chữ “Chúa” sẽ là cách chọn từ khó hiểu và bất thường.

Phân đoạn bản văn này là một ví dụ tiêu biểu cho việc những nhà chép kinh đã thay đổi bản văn như thế nào cho mục đích thần học. Có một phân tích rõ ràng về vấn đề này trong quyển *The Orthodox Corruption of Scripture* của Bart D. Ehrmans, trang 87-89. Các nhà chép kinh đã làm cho bản văn chắc chắn hơn về mặt thần học để phân bác những tà giáo liên hệ đến Đức Chúa Giê-xu trong giai đoạn đó. Công-vụ 20:28 cung cấp sự thay đổi đa dạng có thể liên hệ đến sự xung khắc nội tại về phương diện thần học/ lịch sử.

Nhưng trước khi chúng ta thất vọng và đầu hàng, chúng ta cần phải nhớ rằng Tân ước có một truyền thống kinh văn siêu việt, vượt trội hơn bất cứ một hình thức cổ văn nào khác. Dù rằng chúng ta không thể hoàn toàn chắc chắn về ngôn từ trong nguyên bản, nhưng chúng ta vẫn có một bản văn chính xác và đáng tin cậy. Những sự khác biệt như trên không ảnh hưởng đến một giáo lý quan trọng nào. Tham khảo *Rethinking New Testament Textual Criticism* do David Alan Black biên tập.

▣ **“Ngài đã mua bằng chính huyết mình”** Chi tiết này phản ánh khái niệm Cựu ước về sự thay thế bằng sinh tể (xem Lê-vi Ký 1-7; Ê-sai 53). Nó cũng là trung dẫn mạnh mẽ về thần tính của Đức Chúa Giê-xu. Phao-lô thường hay dùng cụm từ này để hướng đến chân lý (xem Rô-ma 9:5; Cô-lô-sê 2:9; Tít 2:13).

Cụm từ Hy Lạp này cũng có thể dịch là “bởi chính Ngài”, có nghĩa là có liên hệ gần (Con Ngài Đức Chúa Giê-xu). Trong *Commentary on the book of the Acts*, của F. F. Bruce, trang 416 #59, cho rằng cụm từ này nên dịch là “bằng phương cách là huyết của Đấng thuộc về Ngài” mà ông quả quyết rằng được chứng thực rõ ràng trong các bản giấy cội.

20:29 “muông sói dữ tợn xen vào trong vòng anh em” Đây là một ẩn dụ khác dựa theo ẩn dụ được sử dụng trước đó là “bầy” và “người chăn”. Sự nhấn mạnh này làm nổi bật vấn nạn về giáo sư giả từ bên trong Hội thánh (câu 30) lẫn bên ngoài (câu 29). Cả hai đều đến với bề ngoài “chiên thơ” (xem Ma-thi-ơ 7:15-23; Lu-ca 10:3; Giăng 10:12, cũng như những sách thứ kinh trong thời kỳ giữa Cựu ước và Tân ước, I Ê-nóc 89:10-27; IV Ê-xơ-ra 5:18). Những tín hữu cần phải dò xét những ai xưng rằng mình đại diện cho Chúa để truyền phán (xem I Giăng 4:1). Kiểm chứng họ bởi sự trung tín với Phúc âm trong cả lời nói và việc làm (xem câu 18-24; Rô-ma 16:17-18).

20:30 “nói những điều trái nghịch” Chữ “nói” có dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE), còn chữ “những điều trái nghịch” thì ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE), được sử dụng như DANH TỪ (SUBSTANTIVE) đối tượng trực tiếp. Ý nghĩa cơ bản của chữ này là “bê cong, xoắn”. Nó được dùng để mô tả xã hội con người (xem Lu-ca 9:41; Phi-líp 2:15). Hành động này được mô tả (bằng một chữ khác) trong II Phi-e-rơ 3:15-16.

▣ **“ráng sức đổ môn đồ theo họ”** Nghi vấn thần học đặt ra tại đây là “Những người đã bị lôi cuốn bị hư mất về tâm linh hay chỉ là nhầm lẫn?” (xem Ma-thi-ơ 24:24). Không thể nào dựa theo giáo điều, nhưng đức tin thật thì trường tồn (xem I Giăng 2:18).

20:31 “hãy tỉnh thức” Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) (xem Mác 13:35), tương tự như trong câu 28, “hãy giữ lấy mình”. Những lãnh đạo và Hội thánh của Chúa phải luôn luôn canh chừng các giáo sư giả, không phải là những người xem thường những ưu tiên của cá nhân chúng ta, nhưng là những người không đếm xỉa đến Phúc âm và nếp sống đạo.

▣ **“trong ba năm”** Chi tiết này đề cập đến thời gian Phao-lô ở tại Ê-phê-sô. Cụm từ chỉ thời gian này bao gồm tất cả những công tác của Phao-lô trong vùng này. Ông ở với những tín hữu này lâu hơn tất cả những thành phố, Hội thánh, khu vực khác. Họ đã biết Phúc âm, giờ đây hãy bảo vệ và rao truyền Phúc âm.

20:32 “giao phó anh em cho Đức Chúa Trời” Chữ này có nghĩa là “phó thác” (xem 14:23). Chúng ta chịu trách nhiệm với Chúa về Phúc âm mà chúng ta đã được giao phó (xem I Ti-mô-thê 1:18). Chúng ta

có trách nhiệm rao giảng cho những người khác để rồi chính họ sẽ lại tiếp tục rao giảng cho những người khác nữa (xem II Ti-mô-thê 2:2).

Danh hiệu “Đức Chúa Trời” xuất hiện trong bản MSS P⁷⁴, 8, A, C, D, và E. Chữ “Chúa” thì xuất hiện trong MS B. Bản UBS⁴ xếp loại “B” cho chữ *Theos* (gần như chắc chắn).

▣ **“và cho đạo của ơn Ngài”** Xem ghi chú trong câu 24. Đây là cụm từ đồng nghĩa với “Phúc âm”.

▣ **“có thể gây dựng”** Lưu ý rằng chính thân vị và chân lý của Đức Chúa Trời (Phúc âm) dẫn đến sự trưởng thành (xem 9:31). Phao-lô thường xuyên sử dụng hình bóng này. Chữ Hy Lạp này có thể dịch là “gây dựng” hay là “soi sáng” (xem I Cô-rinh-tô 14). Đây là mục đích của Phúc âm, không chỉ là sự trưởng thành cá nhân tín hữu, nhưng mà là cho cả Hội thánh.

▣ **“ban gia tài cho anh em”** Trong Cựu ước, Đức Chúa Trời là sản nghiệp của chi phái Lê-vi và những thầy tế lễ. Trong Tân ước, Đức Chúa Trời là sản nghiệp của mọi tín hữu bởi vì những tín hữu là con cái của Đức Chúa Trời qua thân vị và việc làm của Đấng Christ (xem Rô-ma 8:15,17; Ga-la-ti 4:1-7; Cô-lô-sê 1:12).

▣ **“chung với hết thầy những người được nên thánh”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Thánh Hóa trong 9:32.

20:33 “bạc, vàng, hay là áo xống” Đây là những thứ, món của cải. Phao-lô bênh vực cho những hành động và động cơ của mình. Trong Tân ước, sự tham lam và cổ vũ cho tính dục thường là dấu hiệu của những giáo sư giả (xem I Cô-rinh-tô 3:10-17).

20:34 “đã làm ra sự cần dùng của tôi” Phao-lô từ chối nhận sự giúp đỡ của những Hội thánh mà ông đang hầu việc bởi những cáo buộc thường xuyên của những giáo sư giả về động cơ của ông. Phao-lô tự trang trải cho chính mình (xem I Cô-rinh-tô 4:12; 9:3-7; II Cô-rinh-tô 11:7-12; 12:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:9; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-13). Ngoài ra, Phao-lô còn được huấn luyện là một tu sĩ Do-Thái-Giáo, chắc hẳn ông sẽ có những dẫn vật về việc nhận tiền công dạy dỗ. Tuy nhiên, ông quả quyết rằng người rao giảng Phúc âm nên được trả công (xem I Cô-rinh-tô 9:3-18; I Ti-mô-thê 5:17-18).

Có một bản tóm tắt xuất sắc về lịch sử của thế giới Địa Trung Hải trong thế kỷ thứ nhất trong quyển *The Greco-Roman World of the New Testament Era* của James S. Jeffers, nó có nhắc đến việc Phao-lô tự làm việc để đáp ứng mọi nhu cầu cần dùng cho chính mình trong cả ba chuyến truyền giáo (xem trang 28).

1. Chuyến đi thứ nhất, I Cô-rinh-tô 4:12; 9:6; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:9
2. Chuyến đi thứ hai, Công-vụ 18:3
3. Chuyến đi thứ ba, Công-vụ 19:11-12; 20:34; II Cô-rinh-tô 12:14

20:35 Cần lưu ý: việc làm khó nhọc của những tín hữu không phải vì lợi hay sự sang trọng cho chính mình nhưng là vì nhu cầu của những người khác trong danh Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 9:8-11). Phao-lô trích dẫn Đức Chúa Giê-xu nhưng lại không tìm được trong bất cứ sách Phúc âm nào. Do đó, chắc hẳn ông dựa theo lời truyền khẩu. Chữ “yếu đuối” được sử dụng tại đây không có ý chỉ những Cơ-Đốc-Nhân tí mị, thậm trọng quá mức (xem Rô-ma 14:1; 15:1; I Cô-rinh-tô 8:9-13; 9:22), nhưng là những người thiếu thôn vật chất. Phao-lô làm việc để chu cấp cho chính mình và những tín hữu khác thiếu thôn.

BẢN NASB 20:36-38

³⁶ Phao-lô nói lời đó xong, bèn quì xuống mà cầu nguyện với hết thầy các người ấy. ³⁷ Ai nấy đều khóc lăm ôm lấy cổ Phao-lô mà hôn, ³⁸ lấy làm buồn bực nhứt là vì nghe người nói rằng anh em sẽ chẳng thấy mặt mình nữa. Đoạn, đưa người xuống tàu.

20:36 “quì xuống” Đây không phải là một tư thế cầu nguyện thông thường theo nền tảng Do-Thái-Giáo của Phao-lô. Đây có thể là nghi thức ủy thác đặc biệt (xem câu 32; 21:5).

▣ **“ôm lấy cổ Phao-lô”** Bản NKJV chuyển ngữ sát nghĩa đen hơn, “ngã lên cổ Phao-lô”. Tạ ơn Đức Chúa Trời về những lãnh đạo Hội thánh Ngài đã đem đến để giúp đỡ chúng ta .

▣ **“lấy làm buồn bực nhứt là vì nghe người nói”** Chi tiết này đề cập đến câu 25.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Phao-lô cùng đi với nhiều người từ nhiều thành phố khác nhau trong câu 4?
2. Mục đích thần học trong câu 7-10 là gì?
3. Tại sao câu 13 lại gây nhiều ngộ nhận?
4. Tại sao Phao-lô bênh vực chính mình trước những trưởng lão Ê-phê-sô?
5. Tại sao Phao-lô đi đến Giê-ru-sa-lem khi mà các tiên tri đã cảnh báo trước chuyến đi của ông sẽ có những hậu quả nghiêm trọng? (câu 22-23)
6. Tại sao các tiên tri giả phổ biến trong mọi thời đại, mọi địa điểm? Họ có được cứu không? Những người theo họ có được cứu không? Tiên tri giả là gì?
7. Tại sao câu 36-38 khiến chúng ta yêu mến và cầu thay cho những lãnh đạo địa phương của chúng ta?

CÔNG VỤ ĐOẠN 21

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Hành trình của Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem	Những cảnh báo về hành trình đến Giê-ru-sa-lem	Phao-lô trở về vùng Pa-les-tin (20:7-21:14)	Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem	Hành trình đến Giê-ru-sa-lem
21:1-6	21:1-14	21:1-6	21:1-6	21:1-6
21:7-14		21:7-14	21:7-11	21:7-14
	Phao-lô thuyết phục làm hòa	Sự tuân giữ Do-Thái-Giáo của Phao-lô	21:12-13	Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem
21:15-16	21:15-25	21:15-16	21:15-16	21:15-16
Phao-lô thăm Gia-cơ			Phao-lô thăm Gia-cơ	
21:17-26	Bị bắt tại đền thờ 21:26-36	21:17-26	21:17-25 21:26	21:17-25 21:26
Phao-lô bị bắt tại đền thờ		Phao-lô bị bắt và tự bào chữa	Phao-lô bị bắt tại đền thờ	Phao-lô bị bắt
21:27-36		(21:27-22:29) 21:27-36	21:27-29	21:27-29
			21:30-36	21:30-36
Phao-lô bệnh vực cho chính mình	Phát biểu trước đám đông tại Giê-ru-sa-lem		Phao-lô bệnh vực cho chính mình	
21:37-22:5	(21:37-22:21)	21:37-40	(21:37-22:5) 21:37a 21:37b-38 21:39 21:40-22:2	21:37-40

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 21:1-6

¹ Chúng ta phân rẽ các người đó xong, bèn xuống tàu, đi thẳng đến thành Cốt, ngày hôm sau tới thành Rô-đơ, và từ đó đến thành Ba-ta-ra. ² ở đó gặp một chiếc tàu, giương buồm chạy qua xứ Phê-ni-xi; chúng ta bèn xuống đi. ³ Thấy đảo Chíp-rơ, thì tránh bên hữu, cứ theo đường đến xứ Sy-ri, đậu tại thành Ty-rơ, vì tàu phải cất hàng hóa tại đó. ⁴ Chúng ta đi tìm được các môn đồ rồi, bèn ở lại với họ bảy ngày. Các môn đồ chịu Đức Thánh Linh cảm động, dặn Phao-lô chớ lên thành Giê-ru-sa-lem. ⁵ nhưng, khi kỳ tạm trú chúng ta đã qua, thì lại đi; cả môn đồ với vợ con đều tiễn chúng ta ra đến ngoài thành, ai nấy đều quì xuống trên bờ, cùng nhau cầu nguyện, ⁶ rồi từ giã nhau. Đoạn, chúng ta xuống tàu; môn đồ trở về nhà.

21:1 “đi thẳng” Trong nguyên tác đây là một thuật ngữ hàng hải có nghĩa là đi tàu buồm thẳng hướng (xem 16:11). Lu-ca rất rành rẽ những thuật ngữ đi thuyền buồm (xem câu 3). Hầu hết những phân đoạn “chúng ta” trong sách Công-vụ đều có liên hệ với việc đi thuyền buồm.

☐ **“Cốt”** Địa danh này có nghĩa là “đỉnh”. “Cốt” là tên của cả hòn đảo và thành phố lớn nhất tại đó. Đảo này là quê quán của Hippocrates (sống vào thế kỷ thứ năm TC). Đây là địa điểm của một trường y khoa lớn. Vùng này là bang độc lập, nằm khoảng 40 dặm phía nam của Mi-lê, được xem như là một phần của tỉnh A-si thuộc La mã.

☐ **“Rô-đơ”** Đây cũng là tên của một hòn đảo và thành phố chính trên đó. Hải đảo thương mại này nổi tiếng với (1) hoa hồng và (2) viện đại học chuyên về ngôn ngữ và thuật hùng biện. Khoảng sau năm 29 TC, thành phố này nổi tiếng về đồng với pho tượng một người khổng lồ cao 104 bộ đứng tại bến cảng. Pho tượng này có công dụng là một ngọn hải đăng.

☐ **“Ba-ta-ra”** Nhóm những bản chép tay tiếng Hy Lạp ở miền Tây (xem bản P⁴¹, D) bổ túc thêm “và My-ra” (hầu như là sự bổ túc dựa theo 27:5), là một cảng chính cho những thuyền đi Sy-ri. Ba-ta-ra là một thành phố duyên hải trong vùng Lycia, được nổi tiếng bởi đền thờ thần A-bô-lô, mà có lúc cạnh tranh với cả đền thờ A-bô-lô tại Delphi.

21:2 “gặp một chiếc tàu, giương buồm chạy qua xứ Phê-ni-xi” Đây chắc hẳn phải là một chiếc tàu lớn hơn. Những chiếc tàu nhỏ chỉ chạy cập theo bờ biển. Chiếc tàu này đã giúp họ rút ngắn thời giờ bằng cách đi tuyến đường trực tiếp.

21:3 “Thấy đảo Chíp-rơ” Chi tiết này chắc hẳn phải gợi nhớ Ba-na-ba và chuyến hành trình truyền giáo đầu tiên.

☐ **“Ty-rơ”** Đây là thủ phủ vùng duyên hải của xứ Phê-ni-xi.

21:4 “các môn đồ” Có một Hội thánh tại thành phố này có lẽ thành lập sau cơn bắt bớ Ê-tiên (xem 8:4; 11:19). Trong thời kỳ này, những tín hữu thường tìm những tín hữu khác để ở trọ (xem câu 7,16).

☐ **“chịu Đức Thánh Linh cảm động, dặn Phao-lô chớ lên thành Giê-ru-sa-lem”** Đây là chi tiết cho biết sự hiện diện của các tiên tri trong Hội thánh địa phương này (xem 20:23; 21:10-12). Sự điệp của họ liên quan đến sự bất bớ là có thật và dường như hành trình của Phao-lô là ý chỉ của Chúa (xem câu 14). Đức Chúa Giê-xu, bởi A-na-nia, đã báo trước cho Phao-lô chức vụ của cuộc đời ông (xem Công-vụ 9:15-16). Khổ nạn là một phần của điều đó, nhưng ông sẽ làm chứng cho các vua.

21:5 “quì xuống trên bờ, cùng nhau cầu nguyện” Đây thật là một hình ảnh đẹp đẽ về tình yêu thương và sự quan tâm của Cơ-Đốc-Nhân. Nó cũng có thể là một nghi lễ đặc biệt, giống như trong 20:32,36.

BẢN NASB 21:7-14

⁷ Còn chúng ta đi hết đường thủy, thì ở thành Ty-rơ sang thành Bê-tô-lê-mai, chào thăm anh em và ở lại với họ một ngày. ⁸ Ngày mai, chúng ta ở nơi đó đi, đến thành Sê-sa-rê; vào nhà Phi-líp, là người giảng Tin Lành, một trong bảy thầy phó tế, rồi ở lại đó. ⁹ Người có bốn con gái đồng trinh hay nói tiên tri. ¹⁰ Chúng ta ở đó đã mấy ngày, có một người tiên tri tên là A-ga-bút ở xứ Giu-đê xuống. ¹¹ Người đến thăm chúng ta, rồi lấy dây lưng của Phao-lô trói chơn tay mình, mà nói rằng: nầy là lời Đức Thánh-Linh phán: Tại thành Giê-ru-sa-lem, dân Giu-đa sẽ trói người có dây lưng nầy như vậy, mà nộp trong tay người ngoại đạo. ¹² Khi đã nghe bấy nhiêu lời, thì các tín đồ nơi đó và chúng ta đều xin Phao-lô đừng lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹³ Nhưng người trả lời rằng: Anh em làm chi mà khốc lóc cho nao lòng tôi? Vì phần tôi sẵn lòng chẳng những để bị trói thôi, lại cũng sẵn lòng vì danh Đức Chúa Jê-sus chịu chết tại thành Giê-ru-sa-lem nữa. ¹⁴ Người chẳng khứng chịu khuyên dõ, thì chúng ta không ép nữa, mà nói rằng: Xin cho ý muốn của Chúa được nên!

21:7 “Bê-tô-lê-mai” Thành phố này được đặt tên theo vị tướng của A-léc-xan-đơ Đại Đế, vị tướng này cai trị Ai-cập và là tổ tiên của Ptolemy II người đã thành lập thành phố này vào năm 26 TC. Đây là hải cảng thiên nhiên duy nhất trên bờ biển Pa-les-tin. Trong Cựu ước, nó được gọi là A-cô (xem Các Quan Xét 1:31). Ngày nay, nó được gọi theo tên thời Thập Tự Chính là Acre.

☐ **“anh em”** Trong sách Công-vụ từ này đồng nghĩa với các môn đồ (xem câu 4,16).

☐ **“ở lại với họ”** Xem chú thích trong câu 4.

21:8 “chúng ta ở nơi đó đi” Không rõ họ đi đường bộ hay là đường biển.

☐ **“Sê-sa-rê”** Đây là căn cứ chính của La mã trong xứ Pa-les-tin. Nó là một thành phố duyên hải với một hải cảng nhân tạo nhỏ. Nhà truyền giáo Phi-líp sống tại đây (xem 8:40).

☐ **“người giảng Tin Lành”** Chữ này chỉ sử dụng ba lần trong cả Tân ước (xem Ê-phê-sô 4:11 và II Ti-mô-thê 4:5). Chúng ta không hoàn toàn chắc chắn ân tứ mục vụ này bao gồm những điều gì. Riêng chữ này có nghĩa là “người công bố Phúc âm”.

☐ **“một trong bảy thầy phó tế”** Chức vụ này nhắc đến nan đề của Hội thánh Giê-ru-sa-lem than phiền về việc phân chia thực phẩm không đồng đều cho những bà góa nói tiếng Hy Lạp. Hội thánh đã chọn ra bảy người để đáp ứng nhu cầu này. Tất cả họ đều có tên Hy Lạp. Bảy người này là những người giảng đạo mạnh mẽ. Họ là những người đầu tiên đón nhận khái tượng hoàn cầu của Phúc âm (xem Công-vụ 6).

21:9 “bốn con gái đồng trinh hay nói tiên tri” Chúng ta cần phải suy xét lại quan điểm của chúng ta về chức vụ lãnh đạo của nữ giới trong Hội thánh dựa theo những bằng chứng Tân ước (xem Giô-ên 2:28-32;

Công-vụ 2:16-21). Xem Chủ đề Đặc biệt: Nữ giới trong Kinh thánh tại 2:17. Vấn đề này thì mơ hồ. Theo truyền thống của Hội thánh, sau đó gia đình Phi-líp dọn đến vùng Tiểu Á (Phrygia); các con gái của ông sống lâu và hầu việc Chúa đến khi rất cao tuổi. Chúng ta biết điều này dựa theo trích dẫn của Eusebius, Polycrates và Papias (xem *Eccl. Hist.* 3:31:2-5).

21:10 “một người tiên tri tên là A-ga-bút” Có ít nhất hai cách hiểu chữ này: (1) theo các thư gửi Hội thánh Cô-rinh-tô, chữ này ám chỉ đến việc chia xẻ và công bố Phúc âm (xem 14:1) và (2) sách Công-vụ nhắc đến những tiên tri (xem 12:27-28; 13:1; 15:32; 21:10, ngay cả nữ tiên tri trong 21:9).

Nan đề của chữ này là, ân tứ tiên tri trong Tân ước liên hệ như thế nào với những tiên tri trong Cựu ước? Trong Cựu ước, các tiên tri cũng là những tác giả Kinh thánh. Trong Tân ước, trách nhiệm này được giao phó cho mười hai sứ đồ đầu tiên và những người phụ giúp họ. Theo Ê-phê-sô 4:11, chữ “sứ đồ” được hiểu theo nghĩa là một ân tứ tiếp tục, nhưng do sự qua đời của mười hai sứ đồ đầu tiên nên trách nhiệm này thay đổi, cùng lúc đó chức vụ tiên tri cũng thay đổi. Sự linh cảm đã hết; không có thêm những kinh văn được hà hơi (xem Giu-đe 20). Nhiệm vụ chính của các tiên tri Tân ước là công bố Phúc âm, đồng thời bày tỏ làm thế nào để áp dụng những chân lý Tân ước vào nhu cầu và hoàn cảnh hiện thời. Xem Chủ đề Đặc biệt: Tiên tri trong Tân ước (11:27).

21:11 A-ga-bút, giống như những tiên tri Cựu ước Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên đã diễn tả khái tượng bằng hành động.

21:12 “đều xin Phao-lô” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Nó có nghĩa là (1) bắt đầu một hành động hay là (2) lặp lại một hành động trong quá khứ.

21:13 Thật khó quân bình giữa lời tiên tri này với suy nghĩ của Phao-lô rằng ông đến Giê-ru-sa-lem theo ý Chúa (xem câu 4).

21:14 “Xin cho ý muốn của Chúa được nên” Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE), được dùng như một lời cầu nguyện. Chúa có một chương trình và mục đích cho cuộc đời của Phao-lô. Phao-lô cảm biết rằng ông biết ý muốn của Chúa ngay cả khi tiếp nhận những lời tiên tri cụ thể và lặp lại báo trước những họa nạn sắp đến cho ông. Chắc hẳn Phao-lô phải cảm biết rằng những sự tiên tri này là sự chuẩn bị tinh thần và tâm linh cho ông, chứ không phải là sự cản cản.

Bản NASB 21:15-16

¹⁵ Qua những ngày đó, chúng ta sắm sửa, rồi lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁶ Có mấy người môn đồ ở thành Sê-sa-rê cũng đến đó với chúng ta, dẫn chúng ta vào nhà tên Ma-na-sôn kia, quê ở Chíp-ơ, là một môn đồ lâu nay, và người cho chúng ta trọ tại nhà mình.

21:15 “chúng ta sắm sửa” Bản KJV dùng từ “sửa soạn cỗ xe” (bản NKJV sử dụng chữ “khăn gói”). Đây là một từ tượng hình dùng cho sự chuẩn bị du hành và chỉ xuất hiện duy nhất một lần trong Tân ước tại đây.

▣ **“Giê-ru-sa-lem”** Cách khoảng 64 dặm.

21:16 “Ma-na-sôn” Đây là một người tín hữu Do Thái từ đảo Chíp-ơ (giống như Ba-na-ba). Chắc hẳn ông là một người Do Thái nổi tiếng Hy Lạp, giống như bảy chấp sự trong Công-vụ 6. Đường như ông là tín hữu từ lúc ban đầu, có thể Lu-ca đã phỏng vấn ông để viết sách Phúc âm trong thời gian ở tại xứ Pa-les-tin khi Phao-lô bị giam tại Sê-sa-rê.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÔNG-VỤ 21:17-23:30

A. DÀN Ý VẤN TẮT CỦA CÔNG-VỤ 21:17-26:32 (Phao-lô bị bắt giam rồi tự biện hộ tại Giê-ru-sa-lem và Sê-sa-rê.)

1. Bạo động và bị bắt giam tại đền thờ 21:17-40
2. Sự bào chữa của Phao-lô trước đám đông 22:1-22
3. Sự tra khảo của người La mã 22:23-30
4. Thăm vấn của Tòa Công luận 23:1-10
5. Âm mưu sát hại Phao-lô 23:11-35
6. Phao-lô ứng hầu trước Phê-lít 23:1-23
7. Phao-lô gặp riêng Phê-lít và Đơ-ru-si 24:24-27
8. Phao-lô ứng hầu trước Phê-tu 25:1-12
9. Phao-lô ứng hầu trước Ạc-ríp-ba II và Bê-nê-rít 25:13-26:32

B. NHỮNG YẾU TỐ CHUNG TRONG SỰ TỰ BÀO CHỮA CỦA PHAO-LÔ

Những yếu tố chung	Phao-lô trước đám đông	Phao-lô trước Tòa Công luận	Phao-lô trước Phê-lít	Phao-lô trước Phê-tu	Phao-lô trước vua Ạc-ríp-ba II
1. Nguồn gốc Do Thái của ông	22:3		24:14,17-18		26:4
2. Sự huấn luyện theo phái Pha-ri-si và lòng nhiệt thành của ông	22:3	23:6-9	24:15,21		26:5-8
3. Sự bắt bớ “đạo” của Phao-lô	22:4-5				26:9-11
4. Lời chứng cá nhân về sự cải đạo của Phao-lô	22:6-16				26:12-16
5. Sự kiện Chúa kêu gọi ông vào chức vụ đặc biệt	22:17-22				26:17-23

C. SO SÁNH GIỮA PHÁI SA-ĐU-SÊ VÀ PHA-RI-SI

	<u>SA-ĐU-SÊ</u>	<u>PHA-RI-SI</u>
Thời điểm xuất hiện	Giai đoạn Mạc-ca-bê	Giai đoạn Mạc-ca-bê
Ý nghĩa của tên	“gia tộc Xa-đốc”	“biệt lập”
Địa vị xã hội	Thầy tế lễ/Quý tộc	Trung lưu
Vấn đề bàn đến Kinh thánh	Chỉ những luật thành văn, đặc biệt chú trọng từ Sáng-thể Ký đến Phục-truyền Luật-lệ Ký	Tất cả luật pháp truyền khẩu và thành văn cùng với các Tiên Tri và những phần Văn Chương trong kinh văn Cựu ước
Thần học	- Bảo thủ. - Đối lập hoàn toàn với những người Pha-ri-si, bị cáo buộc là ảnh hưởng bởi Bái Hóa giáo (Zoroastrianism)	- Cấp tiến. - Phát triển mạnh về khoa Thiên sứ học - Tin nơi sự sống lại và sự sống sau cái chết - Tuân giữ những điều luật rất hệ thống về những sinh hoạt hằng ngày

BẢN NASB 21:17-26

¹⁸ Bữa sau, Phao-lô đi với chúng ta tới nhà Gia-co; có hết thấy các trưởng lão nhóm họp tại đó. ¹⁹ Phao-lô chào mừng các người đó rồi, bèn thuật lại từng điều mọi sự Đức Chúa Trời đã bởi chức vụ mình làm ra trong người ngoại. ²⁰ Các người ấy nghe vậy thì ngợi khen Đức Chúa Trời. Đoạn, nói cùng người rằng: Anh ơi, anh thấy biết mấy vạn người Giu-đa đã tin, và hết thấy đều sốt sắng về luật pháp. ²¹ Vả, chúng đã hay rằng anh dạy các người Giu-đa ở trong các dân ngoại rằng phải từ bỏ Môi-se, chớ nên làm phép cắt bì cho con mình, hay là ăn ở theo thói tục mình nữa. ²² Vậy, khá lo liệu làm sao? Chắc rằng dân chúng sẽ nhóm lại; vì hễ sẽ biết rằng anh đã tới rồi. ²³ Nên, hãy làm theo như chúng tôi sẽ nói cho anh: Chúng tôi đây có bốn người đều mắc lời thề; ²⁴ hãy đem bốn người đó cùng đi, làm lễ tinh sạch cho mình luôn với họ, và hãy chịu tiền

họ phải trả để cạo đầu. Vậy thì ai nấy sẽ biết mọi tin đồn về anh đều chẳng thật, song rõ anh cũng ăn ở theo luật pháp vậy. ²⁵ Còn người ngoại đã tin, chúng tôi có viết thư cho họ về điều chúng tôi đã định: là chỉ phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết và thú vật chết ngộp, cùng chớ gian dâm. ²⁶ Phao-lô bèn đem bốn người cùng đi, vừa đến ngày sau, làm lễ tinh sạch cùng họ, rồi vào trong đền thờ, đặt tỏ ra ngày nào kỳ tinh sạch sẽ trọn, và dâng của lễ về mỗi người trong bọn mình.

21:17 Đây là một dấu hiệu tốt khi những tín hữu tại Giê-ru-sa-lem hoan hỉ chào mừng Phao-lô và những người ngoại bang đã tin đạo (xem Lu-ca 8:40; 9:11; Công-vụ 2:41; 18:27; 21:17; 24:3; 28:30), nhưng vẫn có những thành kiến trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem câu 20-21).

21:18-19 “Phao-lô đi với chúng ta tới nhà Gia-cơ” Không có một đề cập đặc biệt nào về món quà cứu trợ của những Hội thánh người ngoại bang (xem 24:17). Phao-lô cũng đã có một báo cáo tương tự cho Gia-cơ trong 15:12. Gia-cơ là em của Đức Chúa Giê-xu và cũng là một vị lãnh đạo được tôn trọng trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 12:17; 15:13).

21:18 “có hết thầy các trưởng lão nhóm họp tại đó” Lưu ý rằng tại đây không nhắc đến các sứ đồ. Dường như họ đi truyền giảng nước ngoài, hay có thể rằng họ đã qua đời. Cách dùng chữ “trưởng lão” phản ánh bối cảnh văn hóa Do Thái (xem 4:5,8,23; 6:12; 11:30; 15:2,4,6,22,23; 16:4; 23:14; 24:1,25; 25:15; Hê-bơ-rơ 11:2; Gia-cơ 5:14), chứ không phải vì cách sử dụng sau đó của Hội thánh để chỉ các mục sư (xem 14:23; 20:17,18,23; I Ti-mô-thê 5:17,19; Tít 1:5; I Phi-e-rơ 5:1; II Giăng 1; III Giăng 1).

21:19 Một số nhà giải kinh cho rằng Phao-lô được đón tiếp một cách lạnh lùng và số tiền quà của những Hội thánh người ngoại bang không được trân trọng. Đây là những lý luận của họ:

1. Phao-lô đã trọ tại nhà của một người Do Thái nói tiếng Hy Lạp, chứ không phải tại nhà của một trong những lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem.
2. Không có sự bày tỏ tri ân món quà. Thậm chí nó không được nhắc đến.
3. Giới lãnh đạo ngay lập tức báo cho Phao-lô biết rằng ông không được lòng của mấy ngàn người trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem như thế nào.
4. Hội thánh không bao giờ bày tỏ nâng đỡ Phao-lô trong lao tù hay là khi bị xử án.

Cần phải nói rằng có mâu thuẫn và ngộ nhận về chức vụ và sứ điệp của Phao-lô. Tuy nhiên, theo tôi câu 19 mang ý tích cực .

21:20 “mấy vạn người Giu-đa” Thật là một bằng chứng hùng hồn cho quyền năng của Phúc âm và tình thương của Đức Chúa Trời dành cho người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem. Đã từng có một nhóm tín hữu Do Thái còn sót lại.

▣ **“đã tin”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE PARTICIPLE) chi tiết này rõ ràng nhấn mạnh đức tin cứu rỗi chân thật. Một người vẫn có thể được cứu dù cho không hiểu biết đầy đủ, thậm chí hiểu sai những vấn đề thần học (xem Công-vụ 1:6; Lu-ca 19:11). Phao-lô gọi những người này là những Cơ-Độc-Nhân “yếu đuối” (xem Rô-ma 14:1-15:13; I Cô-rinh-tô 8; 10:23-33). Ông sẵn lòng nhún nhường để khích lệ họ, miễn là sự “yếu đuối” không ảnh hưởng đến Phúc âm (nhóm Do Thái hóa trong thư Ga-la-ti).

▣ **“hết thầy đều sốt sắng về luật pháp”** Chi tiết này chứng tỏ một số đông những người nhập đạo là thuộc nhóm Pha-ri-si, những người cách mạng chống La mã, hay là nhóm Essenes. Tuy nhiên, việc nhập đạo vẫn chưa thay đổi thành kiến tôn giáo của họ. Điều này rất giống với nhóm Do Thái hóa trong thư Ga-la-ti.

21:21 “chúng đã hay rằng anh dạy các người Giu-đa ở trong các dân ngoại rằng phải từ bỏ Môi-se” Cụm từ “đã hay rằng” thể hiện thành ngữ Do Thái “dội lại” ám chỉ sự dạy dỗ truyền khẩu. Đây là sự kết hợp với ĐỘNG TỪ THÌ HIỆN TẠI (PRESENT TENSE VERB) “dạy” cho biết người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem đã được kể lặp đi lặp lại về những công tác của Phao-lô trong ý thiên lệch. Những sự cáo buộc này nghiêm trọng hơn việc rao giảng cho người ngoại bang vốn đã gây rất nhiều trở ngại (xem Công-vụ 15). Chữ “từ bỏ” có ý nghĩa rất mạnh mà từ đó có chữ “apostasy” trong Anh ngữ (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3). Vấn đề thần học liên hệ đến việc những tín hữu Do Thái liên hệ như thế nào với Cựu ước vẫn chưa được giải quyết.

21:23 “Chúng tôi đây có bốn người đều mắc lời thề” Dường như đây là những thành viên trong Hội thánh. Chi tiết này đề cập đến sự hứa nguyện Na-xi-rê có giới hạn (xem Dân-số Ký 6:1-8). Phao-lô cũng có lời thề nguyện tương tự trước đó (xem 18:18). Chúng ta không rõ chi tiết về sự hứa nguyện này (xem *Nazir* 1:3).

21:23-25 Phân đoạn này cho chúng ta một cái nhìn sâu sắc về quan điểm của Phao-lô đến mối liên hệ giữa những Cơ-Đốc-Nhân Do Thái với luật pháp Môi-se. Phao-lô có thể vẫn tiếp tục giữ theo những truyền thống Do Thái (xem 18:18; 20:6), ít nhất là khi cố gắng truyền giảng cho người Do Thái (xem I Cô-rinh-tô 9:19-23). Đây có thể là sự xác nhận cho những nhóm Do Thái Mét-si-a trong thời đại của chúng ta.

21:24 “chịu tiền họ phải trả” Phao-lô có thể không giữ sự hứa nguyện Na-xi-rê vào thời điểm này, nhưng trả tiền cho của lễ dâng hiến của những người khác. Các tu sĩ Do-Thái-Giáo dạy rằng trả tiền cho một sự hứa nguyện Na-xi-rê là một vinh dự lớn (*Ned.* 10a).

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ HỨA NGUYỆN NA-XI-RÊ

I. Mục đích

- A. Đây là một cách để cho một người nam hoặc nữ (xem Dân-số Ký 6:1), không thuộc về chi phái Lê-vi, hiến dâng chính mình cho sự hầu việc Chúa (nghĩa đen là “thánh cho Chúa”). Na-xi-rê có nghĩa là “người biệt riêng”, cũng là gốc của chữ “thánh” trong tiếng Do Thái.
- B. Trong Cựu ước, đó là sự hứa nguyện trọn đời
 1. Sam-sôn (Các Quan Xét 13:7)
 2. Sa-mu-ên (I Sa-mu-ên 1:21)
 3. Giảng Báp-tít
- C. Do-Thái-Giáo khai triển thêm sự hứa nguyện Na-xi-rê ngắn hạn (có thể dựa theo kinh văn trong Dân-số Ký 6:5). Thời hạn ngắn nhất là ba mươi ngày. Cao điểm của sự hứa nguyện ngắn hạn này là việc cạo đầu và đốt tóc cùng với của lễ tại đền thờ.
- D. Những yêu cầu cụ thể (xem Dân-số Ký 6:1-8)
 1. Kiêng rượu và các thức uống mạnh, không ăn bất cứ thứ gì làm từ cây nho (xem Dân-số Ký 6:3-4).
 2. Không cắt tóc.
 3. Không đụng đến người chết. Chi tiết này khiến cho không thể tham dự bất kỳ nghi lễ tang chế nào.
 4. Có điều khoản cho trường hợp bị làm ô uế không chú ý trong Dân-số Ký 6:9. Dường như hoàn cảnh của Phao-lô trong Công-vụ 21:23-25 liên hệ đến điều này. Có một thời kỳ cho sự thanh tẩy và của lễ dâng bắt buộc (xem Dân-số Ký 6:9-12).

▣ **“cạo đầu”** Sự hứa nguyện Na-xi-rê có trình bày trong Dân-số Ký 6. Những người hứa nguyện trọn đời không được phép cắt tóc. Tuy nhiên, những sự hứa nguyện tạm thời được thể hiện bằng việc cạo đầu khi

kết thúc thời hạn hứa nguyện. Câu Kinh thánh này chứng tỏ Phao-lô đã cố gắng như thế nào để thích ứng với nền văn hóa mà ông đang hết lòng giảng đạo (xem I Cô-rinh-tô 9:19-23; 10:23-33).

21:25 “chúng tôi có viết thơ” Chi tiết này nhắc lại tuyên bố chính thức của Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 15:19-20, 28-29). Văn kiện này có mục đích chính là tháo gỡ những rào cản về lễ nghi và thực phẩm giữa nhóm tín hữu Do Thái và nhóm tín hữu ngoại bang trong các Hội thánh của cộng đồng Do Thái ly hương (ngoài vùng Pa-les-tin). Tuy nhiên, văn kiện này không liên hệ gì đến mối liên hệ giữa các tín hữu Do Thái và giao ước Môi-se.

21:26 “vào trong đền thờ” Việc này chỉ khiến xảy ra nan đề, chứ không phải giải quyết nan đề.

BẢN NASB 21:27-36

²⁷ Khi bảy ngày gần trọn, thì các người Giu-đa, quê A-si, thấy Phao-lô trong đền thờ, bèn xui cả đoàn dân dấy loạn, rồi bắt người, ²⁸ mà kêu lên rằng: Hỡi các người Y-sơ-ra-ên, hãy đến giúp với! Kia, người này giảng dạy khắp thiên hạ, nghịch cùng dân, nghịch cùng luật pháp, và nghịch cùng chôn này nữa, đến đổi hẳn dẫn người Gờ-réc vào trong đền thờ, và làm cho nơi thánh này bị ô uế. ²⁹ Số là, chúng trước đã thấy Trô-phim, người Ê-phê-sô, ở với Phao-lô tại trong thành phố, nên ngờ rằng Phao-lô đã dẫn người vào đền thờ. ³⁰ Cả thành đều xông xao, dân chúng chạy nhóm lại đoàn đông, bắt Phao-lô, kéo ra khỏi đền thờ, tức thì các cửa đều đóng lại. ³¹ Chúng đương tìm phương giết người, thì tiếng đồn đến quan quản cơ rằng cả thành Giê-ru-sa-lem đều xông xao. ³² Người lập tức bắt quân lính và cai đội kéo đến nơi chúng. Vừa thấy quản cơ và quân lính thì chúng thôi không đánh Phao-lô nữa. ³³ Quản cơ bèn tới gần, bắt người rồi truyền lấy hai cái xích xích lại; đoạn, hỏi người là ai, và đã làm việc gì. ³⁴ Trong đoàn dân, kẻ reo lên thế này, người la lên thế khác; nhon sự rối loạn, người không biết được chắc, nên dạy điệu về đồn. ³⁵ Lúc Phao-lô bước lên thềm, quân lính phải khiêng người đi, bởi có đoàn dân hung bạo lắm. ³⁶ Vì có đám dân theo sau đông mà kêu rằng: Hãy giết đi!

21:27 “Giu-đa, quê A-si” Những kẻ thù trước đây của Phao-lô cũng đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ. Giờ đây, Phao-lô đang ở trong lãnh địa của Do-Thái-Giáo.

21:28 “người này giảng dạy” Những người Do Thái từ A-si giải thích sự rao giảng của Phao-lô là chống nghịch với Do-Thái-Giáo thay vì là sự ứng nghiệm những lời hứa trong Cựu ước. Những sự cáo buộc này tương tự với những lời cáo buộc Ê-tiên (xem 6:13). Có thể chính Phao-lô cũng đã phát biểu giống như vậy; ông chắc chắn đã từng đồng tình với quan điểm thần học Do-Thái-Giáo này (xem 22:20) trước khi ông đối diện với Đấng Christ tại Đa-mách. Sự điệp của Đấng Christ làm xói mòn chủ nghĩa giáo luật và nghi lễ của Do-Thái-Giáo rất thịnh hành trong thế kỷ thứ nhất. Điều này không chỉ bày tỏ trong học thuyết về sự cứu rỗi phổ quát được dành cho tất cả mọi người, mọi dân tộc, mà còn ở trong sự xác quyết thần học: Sự cứu rỗi chỉ có trong Đấng Christ và bởi đức tin nơi Đấng Christ.

▣ **“đến đổi hẳn dẫn người Gờ-réc vào trong đền thờ”** Sự kiện này chắc hẳn đã diễn ra trong sân dành cho người Y-sơ-ra-ên, trong khi đó sự hứa nguyện Na-xi-rê cử hành ở góc đông nam của đền thờ. Những người ngoại bang được phép vào phần sân ngoài của đền thờ. Đây là lời buộc tội giả dối (xem câu 29).

21:29 “Trô-phim, người Ê-phê-sô” Những người Do Thái từ A-si (Ê-phê-sô) đều biết Phao-lô và Trô-phim và trước đây họ đã mưu tính ám hại Phao-lô (xem 20:3). Giờ đây họ nhận thấy cơ hội lợi dụng thành kiến chủng tộc của người Do Thái để giết Phao-lô (xem câu 31,36).

21:30 “các cửa đều đóng lại” Dường như đây là cửa giữa Sân Y-so-ra-ên và Sân Phụ nữ. Đền thờ có lực lượng cảnh vệ riêng với những người Lê-vi để giữ trật tự. Hành động là có hai mục đích (1) giữ cho đền thờ khỏi bị làm ô uế hay là (2) giữ Phao-lô khỏi trở lại đền thờ ẩn nấp. Những người Do Thái này đã hành động hoàn toàn giống như đám đông tại thành Ê-phê-sô (xem Công-vụ 19).

21:31 “quan quản cơ” Trong nghĩa đen đây là chỉ huy của một ngàn lính. Đây chắc là chỉ huy cấp bậc cao nhất của quân đội La mã (kỵ binh) đồn trú tại Giê-ru-sa-lem trong kỳ lễ hội, khi dân số tăng gấp ba lần so với bình thường. Nhiệm vụ của ông là giữ trật tự.

▣ **“trung đoàn”** Họ đóng binh trong pháo đài Antonia, nhìn xuống sân đền thờ. Pháo đài này được Hê-rốt Đại Đế xây dựng để làm cung điện, nhưng người La mã làm thành bộ chỉ huy quân đội (xem Josephus, Wars 5.5.8).

21:32 “quân lính và cai đội” Cai đội là chỉ huy một trăm lính. Từ pháo đài Antonia có thể quan sát khu vực đền thờ. Trong pháo đài có nhiều binh lính đồn trú, đặc biệt là trong những ngày lễ hội.

21:33 “lấy hai cái xích xích lại” Chi tiết này có thể có nghĩa là (1) xích cả hai tay và hai chân hay là (2) xích giữa hai người lính La mã. Dường như những người lính cho rằng Phao-lô là người nổi loạn (xem câu 38).

21:34-35 Trình bày sự tàn bạo và điên cuồng của đám đông (xem câu 30).

21:35 “thềm” Những bậc thềm hay cầu thang này dẫn từ pháo đài Antonia xuống đền thờ được ám chỉ trong câu 32 “chạy xuống”. Có hai cầu thang, mỗi cái dẫn đến những khu vực khác nhau trong đền thờ. Người La mã muốn nhanh chóng dập tắt cuộc bạo động. Những ngày lễ hội thường là dịp cho những người ủng hộ chủ nghĩa dân tộc gây náo động.

21:36 “Hãy giết đi” Đây cũng chính là những chữ mà đám đông đã quát tháo với Đức Chúa Giê-xu (xem 22:22; Lu-ca 23:18; Giăng 19:15). Có rất nhiều sự tương đồng trong cách đối xử của người Do Thái và người La mã đối với Phao-lô và Đức Chúa Giê-xu.

BẢN NASB 21:37-40

³⁷ Lúc Phao-lô vào đồn, thì nói với quản cơ rằng: Tôi có phép nói với ông đôi điều chăng? Quản cơ trả lời rằng: Ngươi biết nói tiếng Gờ-réc sao? ³⁸ Vậy thì ngươi hẳn chẳng phải là người Ê-díp-tô kia, ngày trước đã gây loạn, kéo bốn ngàn kẻ cướp vào nơi đồng vắng hay sao? ³⁹ Phao-lô trả lời rằng: Tôi là người Giu-đa, vốn ở thành Tạt-sơ, công dân của một thành trong xứ Si-li-si tức là thành có danh tiếng; xin hãy cho phép tôi nói với chúng dân. ⁴⁰ Được phép rồi, Phao-lô đứng trên thềm, giơ tay ra dấu cho dân. Đâu đó yên lặng, người bèn nói tiếng thổ ngữ của người Do Thái rằng:

21:37 “Ngươi biết nói tiếng Gờ-réc sao?” Quan quản cơ ngạc nhiên khi Phao-lô nói tiếng Hy Lạp Koine, vì dường như ông nghĩ rằng Phao-lô là một người nổi loạn gốc Ai-cập mà ông đã được báo cáo (xem câu 38 và *Antiq.* của Josephus 2:13:5; 20:8:6). Cuộc khởi nghĩa của những người Ai-cập xảy ra trong khoảng năm 52-57 SC.

21:38 “kẻ cướp” Đây là chữ La-tinh *sicarii*, có nghĩa là sát thủ hay là kiếm thủ. Họ thường được gọi là “Xê-lốt” trong Tân ước (xem Lu-ca 6:15; Công-vụ 1:13). Họ là một nhóm người Do Thái dùng bạo động để lật đổ người La mã. A.T. Robertson trong quyển, *Word Pictures in the New Testament*, vol. 3, trang

382, cho biết chính chữ này được Josephus dùng để mô tả những người đi theo người khởi nghĩa gốc Ai-cập (xem Josephus, *Wars* 2:13:5; *Antiq.* 20:8:6,10).

21:39 “thành có danh tiếng” Đây là một thành ngữ (*litotes*) mà Phao-lô đã sử dụng để xác nhận quyền công dân của một thành phố học thức nổi tiếng thế giới. Trước đó, chính quyền La mã không cho phép một người vừa là công dân của một thành phố La mã đồng thời cũng là công dân của một thành phố không thuộc về La mã; nhưng đến thời của Phao-lô điều này đã thay đổi. Lời văn không cho biết viên sĩ quan La mã này có ấn tượng gì không.

21:40 “Được phép rời” Vị chỉ huy này vẫn muốn biết việc này là gì .

▣ **“người bèn nói tiếng thổ ngữ của người Do Thái”** Phao-lô nói với đám đông bằng tiếng A-ram (người Do Thái đã học tiếng A-ram trong thời gian sống dưới sự cai trị của Ba-tư). Chi tiết này khiến đám đông yên lặng trong một lúc (xem 22:2).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát

1. Nhiều tiên tri trong các thành phố đã báo trước cho Phao-lô đừng đi đến Giê-ru-sa-lem, tại sao ông vẫn đi?
2. Những tín hữu Do Thái liên hệ đến giao ước Môi-se như thế nào?
3. Sự cáo buộc Phao-lô của những người Do Thái từ A-si trong câu 28a là đúng hay sai?
4. Lời nhận xét của viên chỉ huy trong câu 39 ám chỉ ít người Do Thái biết tiếng Hy Lạp hay là ông nghĩ rằng Phao-lô là một người Ai-cập?

CÔNG VỤ ĐOẠN 22

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô tự bào chữa 21:37-22:5	Phát biểu trước đám đông tại Giê-ru-sa-lem 21:37-22:21	Phao-lô bị bắt và bào chữa (21:27-22:29) 21:37-22:1 22:2 22:3-5	Phao-lô tự bào chữa (21:37-22:5) 22:3-5	Phao-lô phát biểu với người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem 22:1-5
Phao-lô kể lại sự cải đạo 22:6-11 22:12-16		22:6-11 22:12-16	Phao-lô kể lại sự cải đạo 22:6-11 22:12-16	22:6-11 22:12-16
Phao-lô được sai phái đến người ngoại 22:17-21		22:17-21	Sự kêu gọi Phao-lô giảng cho người ngoại 22:17-21	22:17-21
Phao-lô và vị quan La mã 22:22-29	Quyền công dân La mã của Phao-lô 22:22-29	22:22-29	22:22-25 22:26 22:27a 22:28b 22:29	Phao-lô, công dân La mã 22:22-29
Phao-lô trước Tòa Công luận (22:30-23:11) 22:30-23:5	Tòa Công luận chia rẽ 22:30-23:10	22:30	Phao-lô trước Tòa Công luận (22:30-23:11) 22:30	Sự ứng hầu của Phao-lô trước Tòa Công luận (22:30-23:11) 22:30

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 22:1

¹ **Hỡi các anh các cha, hãy nghe điều tôi đương nói với đê binh vực mình.**

22:1

NASB “các anh em và các cha”
NKJV “quý ông, các anh em và các cha”
NRSV “các anh em và các cha”
TEV “đồng hương Do Thái”
NJB “các anh em của tôi, các cha của tôi”

Trong quyển *A Translator's Handbook on the Acts of the Apostles*, của Newman và Nida cho rằng cụm từ này ám chỉ những quý ông khoảng tuổi Phao-lô hay lớn hơn (xem trang 419). Tôi thì nghĩ rằng đây phải là một thành ngữ (xem 7:2) bởi vì vào thời điểm này Phao-lô đã hơn sáu mươi tuổi, không thích hợp với độ tuổi của đám đông.

Chắc hẳn phải có một số tín hữu trong đám đông. Có thể chữ “các anh em” là để chỉ riêng về họ. Tuy nhiên, Phao-lô luôn luôn đồng hóa với chúng tộc và quốc gia của mình (xem Rôm 9:1-5; Phi-líp 3:5).

▣ **“binh vực”** Chúng ta có chữ “apology” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này (*apologia*). Nó là một động từ pháp lý có nghĩa bào chữa. Chữ này được dùng vài lần trong Công-vụ, liên quan đến việc xét xử Phao-lô (xem 25:16; II Ti-mô-thê 4:16).

BẢN NASB 22:2

² **Khi chúng nghe người nói tiếng thổ ngữ của người Do Thái, thì càng chăm chỉ bội phần. Người bèn nói rằng:**

22:2 “tiếng thổ ngữ của người Do Thái” Đây là tiếng A-ram. Trong các sách Phúc âm, tất cả những DẠNG SỐ NHIỀU (PLURALS) trong lời nói của Đức Chúa Giê-xu là bằng tiếng A-ram. Đây là một ngôn ngữ có cùng nguồn gốc với tiếng Do Thái cổ. Nó là ngôn ngữ trong đế quốc Ba-tư mà người Do Thái phải học ngôn ngữ này khi sống dưới sự cai trị của họ. Ví dụ: trong Nê-hê-mi đoạn 8, khi Ê-xơ-ra đọc luật pháp Môi-se bằng tiếng Do Thái, những người Lê-vi phải thông dịch sang tiếng A-ram cho dân sự (xem Nê-hê-mi 8:7).

▣ **“càng chăm chỉ bội phần”** Sự giới thiệu lịch sự của Phao-lô bằng tiếng A-ram thông thạo cùng với chi tiết nhiều người trong đám đông đã được biết hay có nghe nói về ông, tạo nên một sự yên lặng kinh ngạc ngay lập tức. Họ muốn nghe điều ông cần phải nói, một cơ hội rao giảng tuyệt vời cho các lãnh đạo của Do-Thái-Giáo.

BẢN NASB 22:3-5

³ **Tôi là người Giu-đa, sanh tại thành Tạt-sơ, trong xứ Si-li-si, nhưng nuôi tại đây, trong thành này, học nơi chơn Ga-ma-li-ên, đúng theo trong luật pháp của tổ phụ chúng ta. Vốn tôi**

đầy lòng sốt sắng vì Đức Chúa Trời, cũng như các người hôm nay vậy. ⁴ **Tôi từng bắt bớ Đạo này cho đến chết, bất kỳ đòn ông đòn bà, đều xiềng lại và bỏ tù:** ⁵ **về điều đó, thầy cả thượng phẩm cùng cả hội đồng trưởng lão đều làm chứng cho tôi; vì bởi những người đó mà tôi nhận được các thơ gởi cho anh em thành Đa-mách, là nơi tôi toan đi, dựng bắt trời những người ở đó dẫn về thành Giê-ru-sa-lem để xử phạt.**

22:3 “Tôi là người Giu-đa, sanh tại thành Tạt-sơ” Phao-lô đang cố gắng đồng hóa chính ông với đám đông Do Thái này. Ông đang xác nhận tính cách Do Thái của mình (xem II Cô-rinh-tô 12:22; Phi-líp 3:5-6). Ông đã có thể được nhìn nhận là một người Do Thái nói tiếng Hy Lạp từ cộng đồng Do Thái tha hương. Cụm từ “nuôi tại đây” theo ngữ pháp có thể ám chỉ đến cả (1) Tạt-sơ hay là (2) Giê-ru-sa-lem. Nhưng theo bối cảnh thì hàm ý Giê-ru-sa-lem. Nếu đúng như vậy thì sự đào luyện tiếng Hy Lạp của Phao-lô phải xảy ra ở đâu đó ngoài Tạt-sơ.

▣ **“học nơi chơn Ga-ma-li-ên”** Đây là một tu sĩ Do-Thái-Giáo rất được kính trọng (xem 5:34-40). Ông đã được trích dẫn vài lần trong *Mishnah*. Phao-lô là một môn đệ của trường phái tu sĩ phóng khoáng Hillel. Đám đông này chắc hẳn phải có ấn tượng với lời này. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ga-ma-li-ên trong 5:34.

▣ **“đúng theo trong luật pháp của tổ phụ chúng ta”** Điều này có nghĩa rằng ông đã từng là một người Pha-ri-si (xem 23:6; 26:5) và là một người nhiệt thành (xem câu 4). Những người Pha-ri-si cam kết vâng giữ nghiêm ngặt các lời truyền khẩu (Talmud) giải nghĩa Cựu ước.

▣ **“cũng như các người hôm nay vậy”** Phao-lô xác nhận sự nhiệt thành và cam kết của họ. Ông đã từng là một người giống như họ.

22:4 “Tôi từng bắt bớ” Trong suốt chức vụ của Phao-lô, ông đã nhìn lại những ngày tháng đó với sự hối tiếc sâu đậm. Ông đề cập thường xuyên (xem 9:1,13,21; 22:4,19; 26:10-11; Ga-la-ti 1:13,23; Phi-líp 3:6; I Ti-mô-thê 1:13). Phao-lô thường kể mình là kẻ hèn mọn nhất trong các thánh đồ bởi những việc làm ngày xưa (xem I Cô-rinh-tô 15:9; II Cô-rinh-tô 12:11; Ê-phê-sô 3:8; I Ti-mô-thê 1:15).

▣ **“Đạo này”** Đây là danh hiệu sớm nhất của Hội thánh Cơ-Đốc-Giáo (xem 9:2; 19:9,23; 22:4; 28:14,22). Chữ này ám chỉ đến (1) Đức Chúa Giê-xu chính là “Đạo” (xem Giảng 14:6) và (2) đức tin Kinh thánh như là một lối sống (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:32-33; 31:29; Thi-thiên 27:11; Ê-sai 35:8).

▣ **“cho đến chết”** Phao-lô đã khiến cho một số Cơ-Đốc-Nhân bị giết hại (xem 8:1,3; 26:10). Chắc chắn ông cũng đã có can dự vào cái chết của Ê-tiên (xem 7:58, 81).

▣ **“bất kỳ đòn ông đòn bà, đều xiềng lại và bỏ tù”** Sự kiện Phao-lô đã bắt bớ cả phụ nữ, bày tỏ sự tàn bạo của ông.

22:5 Phao-lô đang chia sẻ hoàn cảnh dẫn đến sự cải đạo của ông trên con đường Đa-mách đặt đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu (xem Công-vụ 9).

▣ **“hội đồng trưởng lão”** Nghĩa đen là “tất cả trưởng lão”. Lu-ca dùng chữ này cho Tòa công luận trong Lu-ca 22:66. Đây không phải là từ thông dụng dùng cho hội đồng chính thức của những lãnh đạo Do Thái tại Giê-ru-sa-lem (Tòa công luận). Nó cũng có thể ám chỉ một tiểu ban điều hành nhỏ hơn.

☐ **“tôi nhận được các thơ”** F. F. Bruce, trong quyển *Paul: Apostle of the Heart Set Free*, có một bàn luận lý thú và những tài liệu làm bằng chứng về quyền dẫn độ từ các nước xung quanh của Tòa công luận (trang 72). Để tìm hiểu thêm xin tham khảo I Mác-ca-bê 15:21 và Josephus.

☐ **“những người ở đó”** Cụm từ này ám chỉ rằng những người đó là những tín hữu Do Thái chạy trốn khỏi con bắt bớ tại Giê-ru-sa-lem.

BẢN NASB 22:6-11

⁶ Và, lúc tôi đương đi đường, gần đến thành Đa-mách, độ ban trưa, thình lình có ánh sáng lớn, từ trên trời giáng xuống, soi sáng chung quanh mình tôi. ⁷ Tôi té xuống đất, và nghe có tiếng phán cùng tôi rằng: **Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, làm sao ngươi bắt bớ ta?** ⁸ Tôi trả lời rằng: **Lạy Chúa, Chúa là ai?** Ngài phán: **Ta là Jê-sus ở Na-xa-rét mà ngươi đương bắt bớ đây.** ⁹ Những kẻ đi với tôi thấy ánh sáng rõ ràng, nhưng chẳng nghe tiếng của Đấng phán cùng tôi. ¹⁰ Tôi bèn thưa: **Lạy Chúa, tôi phải làm chi?** Chúa đáp rằng: **Hãy chờ dậy, đi đến thành Đa-mách, ở đó người ta sẽ nói mọi điều đã truyền cho ngươi làm.** ¹¹ Bởi cơ sự chói lọi của ánh sáng đó, thì tôi chẳng thấy được, nên những kẻ cùng đi nắm tay dắt tôi đến thành Đa-mách.

22:6 “độ ban trưa” Đây là một chi tiết bổ sung không có trong 9:3.

22:7 lặp lại 9:4.

22:8

NASB, NJB “Giê-xu người Na-xa-rét”

NKJV, NRSV, TEV “Giê-xu tại Na-xa-rét”

Phao-lô chia xẻ lời chứng cá nhân ba lần trong sách Công-vụ 9:1-31; 26:4-18, nhưng tại đây và trong 26:9 là chỗ ông sử dụng danh hiệu này. Trong nghĩa đen, đây là “Giê-xu người Na-xa-rét”, là chữ để chế nhạo trong 24:5, nhưng lại là lời tiên tri trong Ma-thi-ơ 2:23. Có thể đây không phải là tên địa lý, nhưng là danh hiệu của Đấng Mết-si-a phát xuất từ “nhánh” (xem Ê-sai 11:1; 53:2) theo chữ Do Thái *nēser* (xem Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:22.

☐ **“mà ngươi đương bắt bớ”** Xem đây đủ ghi chú trong 9:4.

22:9 “nhưng chẳng nghe tiếng” Không có sự mâu thuẫn nào trong tường trình về sự cải đạo của Phao-lô trong 9:7 và 22:9. Ngữ pháp Hy Lạp ám chỉ rằng họ có nghe âm thanh nhưng không nhận ra tiếng nói. Xem phân tích đầy đủ hơn tại 9:7.

22:10 “mọi điều đã truyền cho ngươi làm” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). Nó thể hiện lại những lời của Chúa Giê-xu với A-na-nia trong 9:15-16. Phao-lô đã nhận một chức vụ cụ thể và khó khăn để thi hành. Theo nhiều phương diện, khái tượng và sự sai phái Phao-lô giống như các tiên tri Cựu ước (xem Ê-sai 6; Giê-rê-mi 1; Ê-xê-chi-ên 2-3).

22:11 Tôi nghĩ rằng đây chính là nguyên cơ gây ra “cái giằm xóc” trong thân thể Phao-lô. Có nhiều giả thuyết liên quan đến “cái giằm xóc” này:

1. Các Giáo Phụ, Luther, và Calvin, nói rằng đó là những nan đề tâm linh do bản thể sa ngã gây ra (“trong xác thịt”)
2. Chrysostom nói rằng đó là một nan đề với những cá nhân (xem Dân-số Ký 33:55; Các Quan Xét 2:3)
3. Một số người khác cho rằng đó là chứng động kinh

4. Sir William Ramsay cho rằng nó là bệnh sốt rét
5. Riêng tôi thì cho rằng nó là viêm mắt, một chứng bệnh mắt thông thường (so sánh với Ga-la-ti 4:13-15 và 6:11) gây ra hay trở nên trầm trọng bởi sự mù lòa trên đường Đa-mách (xem Công-vụ 9, có thể là hình bóng Cựu ước trong Giô-suê 23:13).

BẢN NASB 22:12-16

¹² Tên A-na-nia kia, là người nhờn đức theo luật pháp, được các người Giu-đa trú tại Đa-mách đều làm chứng tốt, có đến tìm tôi; ¹³ người đứng trước mặt tôi mà nói rằng: Hỡi Sau-lơ, anh tôi, hãy sáng mắt, lại. Liên một lúc, tôi được sáng mắt, và xem thấy A-na-nia. ¹⁴ Đoạn, người nói với tôi rằng: Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã định cho anh được biết ý muốn Chúa, được thấy Đấng Công bình và nghe lời nói từ miệng Ngài. ¹⁵ Vì anh sẽ làm chứng cho Ngài trước mặt mọi người, về những việc anh đã thấy và nghe. ¹⁶ Bây giờ, anh còn trễ nải làm chi? Hãy chớ dầy, cầu khẩn danh Chúa mà chịu phép báp-tem và làm sạch tội lỗi mình đi.

22:12 Đây là sự mô tả về A-na-nia đầy đủ hơn 9:10. Có lẽ ông là một tín hữu cũng giống như Phao-lô, sốt sáng giữ luật pháp Môi-se. Chi tiết này ám chỉ rằng ông cũng là một người Pha-ri-si. Lu-ca cũng mô tả Si-mê-ôn, người đã thấy Em Bé Giê-xu trong đền thờ, theo một cách tương tự (xem Lu-ca 2:25). Lu-ca cũng đã dùng chữ này cho những người Do Thái ly hương đến Giê-ru-sa-lem trong Lễ Ngũ Tuần khi Đức Thánh Linh giáng xuống với quyền năng (xem Công-vụ 2:5). Lu-ca sử dụng chữ này lần thứ ba cho những người chôn cất Ê-tiên sau khi ông bị ném đá (xem Công-vụ 8:2).

Do đó, chữ này không có liên hệ với những người tin Đấng Christ nhiều bằng những người theo đạo Giu-đa nhiệt thành. A-na-nia được gọi là “môn đồ” trong 9:10; do đó, ông đã là một tín hữu. Dù rằng ông là một Cơ-Đốc-Nhân, ông vẫn được kính trọng trong cộng đồng Do Thái tại Đa-mách.

22:13 Chức vụ của A-na-nia đối với Phao-lô bày tỏ cho chúng ta: không có sự tách biệt giữa những tín hữu và hàng giáo phẩm (nhóm được phong chức đặc biệt) trong Tân ước. Lời phán của Đức Chúa Giê-xu là thẩm quyền để A-na-nia:

1. Đặt tay (xem 9:10) trên Phao-lô và chữa lành, dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE), câu 13
2. Bày tỏ ý chỉ của Đức Chúa Giê-xu cho chức vụ của Phao-lô (câu 15)
3. Nói Phao-lô được nhận báp-tem (Phao-lô có thể đã tự mình làm báp-tem theo như cách người Do Thái đòi hỏi người nhập đạo, đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH, câu 16)
4. Làm phương tiện để Phao-lô được ban đầy dẫy Đức Thánh Linh (xem 9:17)

Bạn có thể cảm nhận được tấm lòng của A-na-nia khi ông gọi người bắt bớ, giết người tàn bạo (xem 9:13-14) là “anh Sau-lơ”.

22:14 “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta” Cụm từ này dùng để diễn đạt Thần linh mà người Do Thái thờ phượng. Phao-lô muốn làm rõ rằng chính YHWH đã liên lạc và sai phái ông bởi Con Ngài là Đức Chúa Giê-xu. Phao-lô không được kêu gọi bởi một thần nào khác hơn là chính Đức Chúa Trời của Do-Thái-Giáo.

▣ **“được biết ý muốn Chúa”** Ý muốn chính của Đức Chúa Trời cho nhân loại là nhận biết Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 6:29,40). Hơn nữa, ý định của Đức Chúa Trời dành cho Phao-lô là ông trở nên sứ đồ cho dân ngoại (xem 9:15; 22:15; 26:16).

▣ **“được thấy Đấng Công bình”** Đây là một danh hiệu thuộc về Đấng Mết-si-a (xem Thi-thiên 45; 72; Công-vụ 3:14; 7:52; I Giăng 2:1). Phao-lô có vinh dự được mặc khải cá nhân về sự vinh hiển của Đức Chúa Giê-xu (giống như Ê-tiên, xem 7:55-56). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Bình trong 3:14.

▣ **“nghe lời nói từ miệng Ngài”** Tại đây dường như ám chỉ đến tiếng nói từ thiên đàng trong câu 8, nhưng cũng có thể được nói đến trong câu 17-21. Điều này cũng có thể đề cập đến nhiều khái niệm đặc biệt mà Phao-lô nhận được trong suốt chức vụ của ông. Xem bảng liệt kê trong câu 17-21.

Điều đáng để ý ở đây là trong suốt khoảng thời gian từ Ma-la-chi cho đến Giảng Báp-tít thiếu vắng lời tiên tri trong Y-sơ-ra-ên. Trong thời kỳ này, người Do Thái tin rằng Đức Chúa Trời sẽ phán từ trời để chứng nhận một sự việc (*Bath Kol*). YHWH đã dùng cách thức Do-Thái-Giáo này để xác nhận Con Ngài tại lễ báp-tem (xem Lu-ca 9:35) và Sự Hóa Hình (xem Ma-thi-ơ 17:5). Sự hiện ra của Đức Chúa Giê-xu cho Phao-lô và đặc biệt tiếng phán của Ngài có thể có cùng mục đích (để đảm bảo với Phao-lô rằng đó chính là YHWH).

22:15 “làm chứng cho Ngài trước mặt mọi người” Đây là chân lý kỳ diệu: Phúc âm của Đức Chúa Giê-xu Christ là cho mọi người (xem Giảng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9; I Giảng 2:2). Không phải tất cả đều sẽ từ chối, không phải tất cả đều có thể nghe hiểu đầy đủ, nhưng tất cả mọi người đều được bao gồm trong tình thương của Đức Chúa Trời, trong sự hy sinh của Đức Chúa Giê-xu và trong lời rao giảng của Phao-lô. Đây chính là chân lý mà đám đông chối bỏ (xem câu 22).

Phao-lô có chủ ý tránh dùng chữ “người ngoại bang” mà A-na-nia đã truyền lại cho ông từ Đức Chúa Giê-xu (xem 9:15). Phao-lô biết rõ chữ xúc phạm *go'im* (các nước hay dân ngoại) sẽ khiến những người Do Thái bảo thủ cực đoan này phẫn nộ như thế nào. Những thành kiến và kiêu căng chủng tộc của họ đã tước đoạt lời tiên tri của các tiên tri trong Cựu ước .

▣ **“những việc anh đã thấy và nghe”** Động từ thứ nhất là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE); động từ thứ hai là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE). Không rõ tại sao hai động từ này lại ở những thì khác nhau. Chúng xem như là tương đương. Phao-lô sẽ giữ lấy ký ức của cuộc diện kiến này trong suốt cả cuộc đời ông. Ông nhắc đến nó ba lần trong sách Công-vụ. Có lẽ ông đã kể lời chứng cá nhân này trong mỗi nhà hội.

22:16 “chịu phép báp-tem và làm sạch tội lỗi mình đi” Cả hai đều ở dạng MỆNH LỆNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE IMPERATIVES). Đây là ẩn ý Cựu ước chỉ về nghi thức lễ rửa tội. (xem Lê-vi Ký 11:25,28,40; 13:6,34,56; 14:8-9; 15:5-13,21-22,27; 16:26,28; 17:15-16; Dân-số Ký 8:7,21; 19:19; Phục-truyền Luật-lệ Ký 23:11). Nó được dùng tại đây như là một biểu tượng của sự thanh tẩy tâm linh trong Đấng Christ (xem I Cô-rinh-tô 6:11; Ê-phê-sô 5:26; Tít 3:5; Hê-bơ-rơ 10:22). Lễ báp-tem là sự bày tỏ đức tin công khai của Hội thánh đầu tiên. Xem phần thảo luận thần học đầy đủ hơn trong 2:38.

Lưu ý rằng THỂ TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) ám chỉ cho cả lễ báp-tem (AORIST MIDDLE IMPERATIVE) và sự thanh tẩy, làm sạch (AORIST MIDDLE IMPERATIVE). Phao-lô không thể tự mình thanh tẩy tội lỗi, nhưng ông có thể tự mình làm lễ báp-tem (phương thức của Do-Thái-Giáo cho những người nhập đạo). Thông thường việc nhấn chìm dưới nước được cho là phương thức duy nhất trong Tân ước (xem Rô-ma 6 and Cô-lô-sê 2), nhưng tại đây lễ báp-tem liên kết với ẩn dụ của sự thanh tẩy (xem 2:38; I Cô-rinh-tô 6:11; Ê-phê-sô 5:26; Tít 3:5; Hê-bơ-rơ 10:22). Trong phương diện thần học, I Phi-e-rơ 3:21 chứng tỏ nó là một biểu tượng, chứ không phải là một bí tích.

Các nhà giải kinh hiện đại cần phải cẩn trọng không nên dựa quá nhiều vào THỂ TRUNG CẤP hay THỤ ĐỘNG (MIDDLE or PASSIVE VOICE) vì cả hai kết hợp thành DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE FORM) trong tiếng Hy Lạp Koine. Phao-lô nói rằng được làm báp-tem, dạng THỤ ĐỘNG (PASSIVE) trong 9:18. Hình thức lễ báp-tem của Phao-lô không phải là vấn đề, chính lễ báp-tem mới là điều quan trọng .

▣ **“câu khấn danh Chúa”** “danh” không phải là một phương thức huyền bí, nhưng là sự xưng nhận quyền sở hữu thuộc về Đức Chúa Giê-xu và là sự khởi đầu của mối liên hệ cá nhân với Ngài, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE PARTICIPLE) dùng như một MỆNH LỆNH (IMPERATIVE), là những vấn đề về thái độ và lối sống giống như Chúa. Trong nghi thức lễ báp-tem của Hội thánh ban đầu, những người nhận lễ báp-tem phải nói ra “Giê-xu là Chúa” (xem Rô-

ma 10:9-13; I Cô-rinh-tô 1:2; II Ti-mô-thê 2:22). Những chữ chính xác hay phương thức không phải là điểm chính yếu (thuyết bí tích), nhưng là tấm lòng của người ứng viên (tin, tiếp nhận). Xem ghi chú trong 2:38.

22:17-21 Đây lại là một ví dụ nữa về những khái tượng đặc biệt của Phao-lô (xem 18:9-10; 23:11; 27:23-

BẢN NASB 22:17-21

¹⁷ Đến lúc trở về thành Giê-ru-sa-lem, tôi đương cầu nguyện trong đền thờ, thì bị ngất trí; ¹⁸ thấy Đức Chúa Jê-sus phán cùng tôi rằng: Hãy vội vàng, lập tức ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem; vì họ sẽ chẳng nhận lời người làm chứng về ta đâu. ¹⁹ Tôi thưa rằng: Lạy Chúa, chính họ biết tôi từng bỏ tù những người tin Chúa và đánh đòn trong các nhà hội nữa. ²⁰ Lại khi Ê-tiên là kẻ làm chứng cho Chúa bị đổ máu, tôi ở đó đành lòng và giữ áo xống những kẻ giết người. ²¹ Chúa bèn phán cùng tôi rằng: Hãy đi, vì ta toan sai người đi đến cùng dân ngoại ở nơi xa.

24). Theo văn mạch tại đây, nó phù hợp với lời tiên tri trong câu 14.

22:17 “lúc trở về thành Giê-ru-sa-lem” Trong lời làm chứng của Phao-lô trong chương 9 và tại đây, nó dường như có ý rằng ông sớm quay trở lại Giê-ru-sa-lem sau khi ông cải đạo, nhưng Ga-la-ti 1:11-24 tiết lộ một thời gian dài (có thể đến ba năm) trước khi Phao-lô trở lại.

▣ **“bị ngất trí”** Xem ghi chú trong 10:10.

22:18 Đức Chúa Giê-xu nói với Phao-lô bằng hai MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẮT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVES): “vội vàng” và “ra khỏi”. Sự cảnh báo của Đức Chúa Giê-xu làm sáng tỏ âm mưu sát hại Phao-lô của những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp được ghi lại trong 9:29.

22:19 “Chúa” Ngữ pháp đứng trước chữ này có thể là “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta” (câu 14) hay là “Đấng Công bình” (câu 14). Đám đông Do Thái có thể hiểu là YHWH, nhưng đối với những tín hữu có mặt ở đó thì họ hiểu là Đức Chúa Giê-xu. Sự hoán chuyển những trích dẫn Cựu ước chỉ về Đức Chúa Giê-xu trong Tân ước thường xảy ra. Nó chính là sự “mơ hồ” (có hai nghĩa, có khi nói đến Giê-Hô-Va có khi là Chúa Jê-sus) của chủ nghĩa “độc thần ba ngôi” (triune monotheism)!

▣ **“tôi từng bỏ tù những người tin Chúa và đánh đòn”** Đây là những THỂ CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH DẠNG NÓI TRÁNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT ACTIVES), trình bày một hành động liên tục trong quá khứ. Xem ghi chú đầy đủ trong 22:4.

22:20 Xem ghi chú trong 7:58-59 và 8:1. Phao-lô mô tả những hành động độc ác của ông trước đó bằng cách sử dụng bộ ba ĐỘNG TÍNH TỪ KHÔNG HOÀN THÀNH NÓI TRÁNH (PERIPHRASTIC IMPERFECT PARTICIPLES).

1. Ông đã đứng đó chung với đám đông.
 2. Ông đã ưng thuận với việc ném đá.
 3. Ông đã giữ áo cho những người ném đá Ê-tiên
- Bài giảng và cái chết của Ê-tiên đã để lại một ấn tượng sâu đậm trên Phao-lô.

22:21 “ta toan sai người đi đến cùng dân ngoại ở nơi xa” Đây là một dẫn chứng rõ ràng cho những chuyến truyền giáo của Phao-lô và cuối cùng là làm chứng trước những quan chức chính quyền La mã tại Pa-les-tin và cả tại Rô-ma trước Sê-sa (xem 23:11).

BẢN NASB 22:22-29

²² Chúng chịu nghe người nói đến đó, song đến câu ấy, thì vùng kêu lên rằng: Hãy cất người đường ấy khỏi thế gian! Nó chẳng đáng sống đâu! ²³ Chúng kêu la, cởi áo, hất bụi bay lên giữa khoảng không. ²⁴ Quản cơ bèn truyền điệu người vào trong đôn, dùng roi mà tra người, để biết vì cớ gì chúng kêu la nghịch cùng người. ²⁵ Họ đang căng người ra để đánh đôn, thì Phao-lô nói cùng thầy đội đưng đứng đó rằng: Ngươi được phép đánh đôn một người quốc dân Rô-ma, mặc dầu người đó chưa thành án, hay sao? ²⁶ Vừa nghe mấy lời đó, thầy đội đi thưa cùng quản cơ rằng: Ông toan làm chi? Vì người này là quốc dân Rô-ma. ²⁷ Quản cơ đến, hỏi Phao-lô rằng: Hãy nói cho ta biết, ngươi có phải là quốc dân Rô-ma chẳng? Người trả lời rằng: Phải. ²⁸ Quản cơ lại nói: Ta đã mua được quyền lợi quốc dân đó cao giá lắm. Phao-lô nói: Còn phần tôi thì có quyền lợi đó từ lúc mới sinh ra rồi. ²⁹ Tức thì, những kẻ tra khảo người đều tránh xa ra; và khi quản cơ biết người mình đã biểu trối lại đó là quốc dân Rô-ma, thì sợ hãi.

22:22 Những thành kiến về sắc tộc và tôn giáo của họ bày tỏ. Cả nhân loại bị tác động bởi lịch sử và văn hóa.

22:23

NASB “cởi áo”

NKJV “xé áo”

NRSV “cởi áo”

TEV “phất áo”

NJB “phất áo”

Việc xé áo, cởi áo, phất áo hay là ném áo lên không là dấu hiệu Cựu ước của việc than khóc vì sự phạm thượng (*Greek-English Lexicon*, Louw và Nida, vol. 1, trang 213, xem 14:14).

▣ **“hất bụi bay lên giữa khoảng không”** Phao-lô có may mắn là không có sẵn đá tại đó. Đồ bụi lên đầu là dấu hiệu của sự than khóc (xem Giô-suê 7:6; I Sa-mu-ên 4:12; II Sa-mu-ên 1:2; Gióp 2:12), tại đây là sự than khóc vì sự phạm thượng (xem Ê-sai 47; Ca-thương 2; Mi-chê 1:10).

22:24 “quản cơ” Đây là chữ *chiliarch* (xem câu 27-29), có nghĩa là chỉ huy 1000 lính, còn chữ *centurion* (xem câu 25, 26) cho biết chỉ huy của 100 lính. Tuy nhiên, những con số này chỉ là tương đối. Ông là sĩ quan chỉ huy trại lính La mã tại Giê-ru-sa-lem.

▣ **“đôn”** Đây ám chỉ đến pháo đài Antonia, nhìn xuống và nối kết với khu vực đền thờ. Nó được xây dựng trong thời kỳ Ba-tư giai đoạn của Nê-hê-mi (xem Nê-hê-mi 2:8; 7:2). Hê-rốt Đại Đế đổi tên nó theo Mác An-tô-ny. Trong những ngày lễ hội, dân số Giê-ru-sa-lem tăng gấp ba lần so với bình thường. Người La mã chuyển một số đông binh lính từ Sê-sa-rê vào pháo đài Antonia vì mục đích an ninh.

▣ **“dùng roi mà tra người”** Chi tiết này ám chỉ “đánh để hỏi cung”. Đánh bằng roi là một hình thức tra tấn tàn bạo. Nhiều người đã chết vì nó. Nó tàn bạo hơn nhiều so với trận đôn của người Do Thái hay là đánh bằng gậy của người La mã. Một cái roi da có nhiều sợi với nhiều miếng kim loại, đá và xương kết vào những sợi dây, dùng để quất vào những tù nhân.

22:25 “đang căng người ra” Thông thường nạn nhân bị cột vào một trụ thấp cúi người xuống khi bị đánh.

☐ **“Người được phép”** Những người lính sắp vi phạm luật của họ ở nhiều điểm: (1) công dân La mã không thể bị trói (xem 21:33 và 22:29); (2) một công dân La mã không thể bị tra khảo bằng roi (xem Livy, *History* 10:9:4; Cicero, *Pro Rabirio* 4:12-13); và (3) Phao-lô chưa bị xử và định tội (xem 16:37).

22:27 “người có phải là quốc dân Rô-ma” Chữ “người” được nhấn mạnh. Viên sĩ quan La mã này không thể tin rằng Phao-lô là một công dân La mã.

22:28 “Ta đã mua được quyền lợi quốc dân đó cao giá lắm” Có ba cách để trở thành công dân La mã: (1) từ khi sinh ra; (2) đã thi hành một nhiệm vụ đặc biệt cho đế quốc; và (3) mua (Dio Cassius, *Rome Hist.* 60:17:5-6). Tên của quân nhân này cho biết ông đã mua quyền công dân dưới thời Cơ-lốt (Claudius) và ông là một người Hy Lạp (Cơ-lốt Ly-sia, xem 23:26). Vợ của Claudius, Messaline, thường hay bán quyền công dân La mã với số tiền lớn.

BẢN NASB 22:30

³⁰ **Hôm sau, quân cơ muốn biết cho đúng vì cơ nào Phao-lô bị người Giu-đa cáo, bèn sai mở trói, truyền cho các thầy tế lễ cả và cả tòa công luận nhóm lại, rồi dẫn Phao-lô ra, bắt đứng trước mặt họ.**

22:30 “truyền cho các thầy tế lễ cả và cả tòa công luận nhóm lại” Chi tiết này chứng tỏ thẩm quyền La mã. Tòa công luận bị buộc phải nhóm lại, có lẽ là trong pháo đài Antonio. Đây dường như là buổi họp không chính thức.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Phao-lô muốn tự bào chữa ngay cả trước đám đông tại đây?
2. Tại sao Lu-ca ghi lại ba lần lời làm chứng của Phao-lô về sự cải đạo trên đường Đa-mách?
3. Việc Đức Thánh Linh sử dụng A-na-nia đã bác bỏ sự truyền nói thẩm quyền các sứ đồ như thế nào?
4. Liệt kê những khái niệm đặc biệt của Phao-lô. Tại sao ông cần nhiều sự kiện siêu nhiên?
5. Kết cuộc sự tự bào chữa của Phao-lô trước đám đông trong đền thờ thích hợp với chương trình của Đức Chúa Trời như thế nào?

CÔNG VỤ ĐOẠN 23

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô trước Tòa công luận	Tòa công luận chia rẽ	Phao-lô trước Tòa công luận (22:30-23:10)	Phao-lô trước Tòa công luận (22:30-23:11)	Sự xuất hiện của ông trước Tòa công luận (22:30-23:11)
22:30-23:5	22:30-23:10	22:30-23:5	23:1-3 23:4 23:5	23:1-5
23:6-10		23:6-10	23:6 23:7-9	23:6-10
	Âm mưu sát hại Phao-lô	Phao-lô bị giải đến Sê-sa-rê	23:10	
23:11	23:11-22	23:11	23:11	23:11
Âm mưu sát hại Phao-lô			Âm mưu sát hại Phao-lô	Âm mưu sát hại Phao-lô của những người Do Thái
23:12-22		23:12-15 23:16-22	23:12-15 23:16-18 23:19 23:20-21 23:22	23:12-15 23:16-22
Phao-lô bị giải đến quan tổng đốc Phê-lít	Bị giải đến Phê-lít		Phao-lô bị giải đến quan tổng đốc Phê-lít	Phao-lô bị chuyển đến Sê-sa-rê
23:23-30	23:23-35	23:23-25 23:26-30	23:23-25 23:26-30	23:23-25 23:26-30
23:31-35		23:31-35	23:31-35	23:31-35

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 23:1-5

¹ Phao-lô mắt chăm chỉ trên tòa công luận, nói rằng: Hỡi các anh em, trước mặt Đức Chúa Trời, tôi đã ăn ở trọn lương tâm tử tế cho đến ngày nay. ² Nhưng thầy tế lễ thượng phẩm là A-na-nia biểu mấy kẻ đứng gần Phao-lô và miệng người. ³ Phao-lô bèn nói cùng người rằng: Hỡi bức tường tô trắng kia, Đức Chúa Trời sẽ đánh ông; ông ngồi để xử đoán tôi theo luật pháp, mà lại không kể luật pháp, biểu người đánh tôi! ⁴ Những kẻ đứng đó nói rằng: Người nhiec móc thầy cả thượng phẩm của Đức Chúa Trời sao! ⁵ Phao-lô trả lời rằng: Hỡi anh em, tôi chẳng biết là thầy cả thượng phẩm; vì có chép rằng: Chớ sỉ nhục người cai trị dân mình.

23:1

NASB, NRSV	“nhìn chăm chú”
NKJV	“nhìn nghiêm túc”
TEV	“nhìn thẳng”
NJB	“nhìn chăm chú”

Xem ghi chú đầy đủ trong 1:10. Lu-ca thường sử dụng chữ này. Tại đây ông sử dụng nó cho Phao-lô. Phao-lô chỉ dùng chữ này một lần duy nhất trong II Cô-rinh-tô 3:7,13.

▣ “Tòa công luận” Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tòa công luận trong 4:5.

▣ “các anh em” Phao-lô gọi những người Do Thái là “các anh em” vài lần (13:26,38; 22:1,5; 23:1,5,6). Những người Do Thái gọi Phao-lô là anh em trong 13:15. A-na-nia gọi ông là anh em trong 9:17, cũng như Hội thánh Giê-ru-sa-lem trong 21:20.

Tuy nhiên, những tín hữu Do Thái cũng được gọi bằng danh hiệu này (xem 9:30; 10:23; 11:1,12; 12:17; 15:3,7,13,22). Chữ này liên kết với chữ “sứ đồ” trong 11:29; 18:27. Nó cũng được dùng cho những tín hữu Hy Lạp trong 16:2,40. Do chữ này nhiều nghĩa nên cần phải liên kết với lời văn hay nhóm cụ thể.

▣ “tôi đã ăn ở...trước mặt Đức Chúa Trời” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE (deponent) INDICATIVE) của chữ *politeuō* mà từ đó chúng ta có chữ “political” hay “policy” trong Anh ngữ. Chữ này được dùng với một ngụ ý chỉ công dân (xem Phi-líp 1:27). Phao-lô đang quả quyết rằng ông đã trung tín hoàn thành mọi trách nhiệm của một tín hữu Do-Thái-Giáo trước mặt Chúa.

▣

NASB	“lương tâm hoàn toàn tốt”
NKJV	“trong lương tâm tốt”
NRSV	“lương tâm trong sạch”
TEV	“lương tâm tôi hoàn toàn trong sạch”
NJB	“một lương tâm hoàn toàn trong sạch”

Phao-lô sử dụng chữ “lương tâm” thường xuyên trong hai thư Cô-rinh-tô (xem 4:4; 8:7,10,12; 10:25,27,28,29; II Cô-rinh-tô 1:12; 4:2; 5:11). Nó chỉ đến ý thức đạo đức bên trong cho biết điều gì được phép và điều gì không được phép (xem Công-vụ 23:1). Lương tâm có thể bị ảnh hưởng bởi cuộc đời trong

quá khứ của chúng ta, những sự lựa chọn sai lầm của chúng ta hay bởi Đức Thánh Linh. Lương tâm không phải là một hướng dẫn hoàn hảo, nhưng nó xác định được những giới hạn (những điều đúng hoặc sai trong niềm tin) dựa theo đức tin cá nhân. Do đó, làm trái với lương tâm, ngay cả khi bởi một sai sót hay là yếu đuối, là một nan đề đức tin trầm trọng.

Lương tâm của tín hữu cần phải được định hình bởi Lời của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh càng ngày càng hơn (xem I Ti-mô-thê 3:9). Đức Chúa Trời sẽ đoán xét những tín hữu theo sự sáng họ tiếp nhận (nghĩa là mạnh hay yếu), nhưng tất cả chúng ta cần phải mở rộng tiếp nhận thêm sự sáng từ Kinh thánh và Đức Thánh Linh và tăng trưởng trong sự hiểu biết về Đức Chúa Giê-xu Christ.

▣ **“trước mặt Đức Chúa Trời cho đến ngày nay”** Phao-lô đã quả quyết tương tự trong II Cô-rinh-tô 1:12; II Ti-mô-thê 1:3. Ông có thừa nhận rằng ông đã có tham muốn (xem Rô-ma 7:23, đặc biệt câu 7). Lý lẽ thần học của ông trong Rô-ma 1-8 là dựa trên sự vi phạm luật pháp và lương tâm của mọi người (xem 3:20; 4:15; 5:20).

23:2 “thầy tế lễ thượng phẩm là A-na-nia” Trong tiếng Do Thái tên của ông phải là “Hananiah”. Đây không phải là A-na-nia trong Lu-ca 3:2, Giăng 18:13, hay Công-vụ 4:7, nhưng là một người sau đó (A-na-nia, con của Nedebaeus) người được Herod Chalcis chỉ định, giữ chức trong khoảng từ năm 47-59 SC. Trong những tác phẩm của Josephus cho chúng ta biết nhiều về thầy tế lễ thượng phẩm này.

1. thời điểm ông được bổ chức thầy tế lễ thượng phẩm, *Antiq.* 20:5:2; *Wars*, 2.12.6.
2. khi ông và con trai (Ananus) bị xiềng và giải đến Rô-ma, *Antiq.* 20.6.2
3. thời điểm ông và anh/em của ông bị những người nổi loạn giết, *Wars*, 2.17.9

Josephus thường là nguồn tài liệu duy nhất chúng ta có về những sự kiện của người Do Thái và những nhân vật trong xứ Pa-les-tin.

▣ **“vả miệng người”** Đây là dấu của sự phạm thượng (xem Giăng 18:22).

23:3 “Đức Chúa Trời sẽ đánh ông” Chi tiết này được Josephus ghi lại đầy đủ chi tiết trong *Wars* 2.17.9.

▣ **“Hỡi bức tường tô trắng kia”** Không rõ Phao-lô đang nói chính xác điều gì: (1) người Do Thái dùng cụm từ này để làm ẩn dụ cho sự giả hình (xem Ma-thi-ơ 23:27) hay là (2) nó có thể ám chỉ đến Ê-xê-chi-ên 13:10-15.

▣ **“lại không kể luật pháp”** Đây có thể là ám chỉ đến Lê-vi Ký 19:15. Cũng xem thêm Giăng 7:51.

23:5 “Hỡi anh em, tôi chẳng biết là thầy cả thượng phẩm” Những giả thuyết về lý do khiến Phao-lô không biết là (1) thị lực kém; (2) không quen biết, vì Phao-lô đã đi khỏi Giê-ru-sa-lem nhiều năm; (3) không nhận biết thầy tế lễ thượng phẩm bởi vì ông ta không mặc áo lễ; (4) ông không biết ai nói; hay là (5) sự không thích đáng trong những hành động của ông (nghĩa là mĩa mai).

▣ **“có chép rằng”** Phao-lô bày tỏ ông hiểu biết và tôn trọng luật pháp bằng cách trích dẫn Xuất Ê-díp-tô Ký 22:28.

BẢN NASB 23:6-10

⁶ Phao-lô biết trong bọn họ phần thì người Sa-đu-sê, phần thì người Pha-ri-si, bèn kêu lên trước tòa công luận rằng: Hỡi anh em, tôi là người Pha-ri-si, con của dòng Pha-ri-si. Ấy là vì sự trông cậy của chúng ta và sự sống lại của những kẻ chết mà tôi phải chịu xử đoán. ⁷ Người vừa nói xong như vậy, thì sự cãi lầy nổi lên giữa người Pha-ri-si với người Sa-đu-sê, và hội đồng chia

phe ra. ⁸ Vì chung người Sa-đu-sê quyết rằng không có sự sống lại, cũng không có thiên sứ, thần chi hết, còn người Pha-ri-si lại nhận cả hai điều tin ấy. ⁹ Tiếng kêu la lớn liền dậy lên. Có mấy thầy thông giáo về dòng Pha-ri-si đứng dậy cãi lẫn cùng kẻ khác rằng: Chúng ta chẳng thấy trong người này có điều ác gì. Nào ai biết chẳng phải thần hoặc thiên sứ đã nói cùng người? ¹⁰ Vì sự rối loạn càng thêm, quân cơ e Phao-lô bị chúng phân thầy chẳng, nên truyền quân kéo xuống, đặng cướp người ra khỏi giữa đám họ và đem về trong đôn.

23:6 “biết” Phao-lô có thể nhận thấy rằng ông không thể có phiên tòa xét xử công bằng từ vị thầy tế lễ thượng phẩm Sa-đu-sê này.

▣ **“Sa-đu-sê”** Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:1.

▣ **“Pha-ri-si”** Phao-lô đã từng là một người Pha-ri-si (xem 26:5; Phi-líp 3:5-6). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 15:5.

▣ **“Áy là vì sự trông cậy của chúng ta và sự sống lại của những kẻ chết mà tôi phải chịu xử đoán”** Phao-lô đã tung ra vấn đề thần học mà người Sa-đu-sê và Pha-ri-si bất đồng. Những người Sa-đu-sê chối bỏ sự sống lại, trong khi người Pha-ri-si lại xác nhận nó (xem Gióp 14:14; 19:23-27; Đa-ni-ên 12:2). Việc này khiến cho hai phe trong Tòa công luận kinh chống nhau (xem câu 7-10).

23:7 “hội đồng chia phe” Nghĩa gốc của chữ này là “xé ra” (xem Lu-ca 5:36; 23:45). Nó được dùng theo cách ẩn dụ chỉ sự chia rẽ trong những nhóm (xem Công-vụ 14:4; 23:7). Nơi hậu trường luôn luôn tiềm tàng sự chia rẽ giữa hai hệ phái Do-Thái-Giáo này. Phao-lô đã đổ dầu vào lửa.

23:8 “chẳng phải thần hoặc thiên sứ” Cụm từ này chỉ đến hai thể thần linh hay chỉ là một? Nguồn gốc trong Kinh thánh của cả hai đều mơ hồ, nhưng Hê-bơ-rơ 1:5,13 và 14 ám chỉ rằng cả hai chỉ là một thể.

Điều mà phái Sa-đu-sê chối bỏ đó là thể linh có mang hai tính thiện và ác (nhị nguyên tính của trường phái triết học Zoroastrian). Phái Pha-ri-si khai triển khái niệm Cựu ước trở thành nhị nguyên tính Ba-tư cứng nhắc và ngay cả dựng nên một hệ thống có thứ bậc của thần linh và quỷ sứ (mỗi nhóm có bảy vị đứng đầu).

23:9 “thầy thông giáo” Đây là những chuyên gia về luật pháp trong cả luật truyền khẩu (Talmud) và thành văn (Cựu ước). Hầu hết họ là những người Pha-ri-si.

▣ **“người này”** Việc dùng cụm danh từ này trong bối cảnh tại đây bày tỏ nó không phải tự động mang ý tiêu cực.

▣ **“Nào ai biết”** Đây là một phần hay là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) không đầy đủ. Các thầy thông giáo này quả quyết rằng Phao-lô đã thấy một điều gì đó thuộc cõi thần linh, nhưng họ không chắc là điều gì. Sự biện hộ của Phao-lô mạnh mẽ và ngay lập tức chứng tỏ rõ ràng tinh thần phe phái thiên vị của họ. Dường như là họ căm ghét nhóm Sa-đu-sê hơn là một người Pha-ri-si phản bội.

Bởi vì cấu trúc ngữ pháp không đầy đủ, Textus Receptus, dựa theo những bản chép tay viết chữ in tiếng Hy Lạp H, L, và P, thêm cụm từ “Chúng ta đừng chống nghịch với Đức Chúa Trời” lấy từ Công-vụ 5:39.

▣ **“truyền quân kéo xuống, đặng cướp người ra khỏi giữa đám họ”** Đến đây thì chính quyền La mã đã cứu sống Phao-lô hai lần trong thành Giê-ru-sa-lem. Do đó, chúng ta không ngạc nhiên khi Phao-lô

xem chính quyền là viên chức của Chúa (xem Rô-ma 13). Chi tiết này có thể liên hệ đến “kẻ chống nghịch” trong II Tê-sa-lô-ni-ca.

BẢN NASB 23:11

¹¹ Qua đêm sau, Chúa hiện đến cùng người mà phán rằng: **Hãy giục lòng mạnh mẽ, người đã làm chứng cho ta tại thành Giê-ru-sa-lem thể nào, thì cũng phải làm chứng cho ta tại thành Rô-ma thể ấy.**

23:11 “Chúa hiện đến cùng người” Đây lại là một khái tượng cá nhân nữa để khích lệ Phao-lô (xem 18:9-10; 22:17-19; 27:23-24). Phao-lô không phải là một người không bị nản lòng hay nghi ngờ.

☐ **“Hãy giục lòng mạnh mẽ”** Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Đây là lần xuất hiện duy nhất của chữ này trong các tác phẩm của Lu-ca. Phao-lô chắc hẳn đã phải kể điều này lại cho Lu-ca. Đức Chúa Giê-xu dùng chữ này một vài lần (xem Ma-thi-ơ 9:2,22; 14:27; Giảng 16:33).

☐ **“phải làm chứng cho ta tại thành Rô-ma”** Đó là ý định của Chúa cho Phao-lô bị giam để ông có thể trình diện trước Sê-sa. Phúc âm sẽ được rao giảng tại Rô-ma (xem 19:21; 22:21)

BẢN NASB 23:12-15

¹² Đến sáng, người Giu-đa họp đảng lập mưu, mà thề nguyện rằng chẳng ăn chẳng uống cho đến khi giết được Phao-lô. ¹³ Có hơn bốn mươi người đã lập mưu đó. ¹⁴ Họ đến kiếm các thầy tế lễ cả và các trưởng lão mà rằng: Chúng tôi đã thề với nhau rằng chẳng ăn chi hết cho đến lúc giết được Phao-lô. ¹⁵ Vậy bây giờ các ông với tòa công luận hãy xin quản cơ bắt nó đến đứng trước mặt các ông, như là muốn tra xét việc nó cho kỹ càng hơn nữa; còn chúng tôi sửa soạn sẵn để khi nó chưa đến đây thì giết đi.

23:12-15 Phân đoạn này cho chúng ta biết âm mưu sát hại của một số người Do Thái. Đây lại là một kế hoạch sát hại (xem câu 21) giống như dự tính mà người Do Thái đã làm với Đức Chúa Giê-xu.

23:13 “hơn bốn mươi người” Con số bốn mươi là một thành ngữ Do Thái chỉ một khoảng thời gian dài không giới hạn, nhưng tại đây nó dùng để chỉ con người; do đó có thể nó mang nghĩa đen.

23:14 “thầy tế lễ cả và các trưởng lão” Đây là một cách rút gọn chỉ Tòa công luận. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:5.

NASB “chúng tôi ràng buộc chính mình dưới lời thề”
NKJV “chúng tôi ràng buộc chính mình dưới lời thề”
NRSV “chúng tôi đã ràng buộc bởi lời thề”
TEV “chúng tôi đã thề”
NJB “chúng tôi đã lập một lời thề”

Những bản dịch Anh ngữ này là những cố gắng để dịch một cụm từ thành ngữ tương tự như “chúng tôi đã nguyện rửa chính mình với một lời nguyện”. Những người thề nguyện này không giết được Phao-lô. Tôi thắc mắc rằng họ có nhìn ăn đến chết không? Đường như là lời truyền khẩu có một phương cách để tránh khỏi những kiểu thề nguyện sinh tử này.

BẢN NASB 23:16-25

¹⁶ Nhưng có con trai của chị Phao-lô biết được mưu gian ấy, đến nơi đồn, vào nói trước cho Phao-lô. ¹⁷ Phao-lô bèn gọi một đội trưởng mà nói rằng: hãy đem gã trai trẻ này đến cùng quan quản cơ, chàng có việc muốn báo tin. ¹⁸ Vậy, đội trưởng đem chàng đi, dẫn đến nhà quản cơ, và thưa rằng: Tên tù Phao-lô có gọi tôi biểu đem gã trai trẻ này đến cùng quan, chàng có việc muốn nói. ¹⁹ Quản cơ nắm tay người trai trẻ, kéo xê ra, hỏi rằng: Người có việc gì báo tin cùng ta? ²⁰ Thưa rằng: Người Giu-đa đã định xin quan, đến ngày mai, bắt Phao-lô đứng trước tòa công luận, như là họ muốn tra xét việc của người cho kỹ càng hơn. ²¹ Nhưng xin quan chớ tin họ, vì có hơn bốn mươi người trong bọn họ lập kế hại Phao-lô, đã thề nguyện với nhau chẳng ăn uống chi hết trước khi chưa giết được người; hiện bây giờ, họ đã sẵn sàng, chỉ đợi quan trả lời đó thôi. ²² Quản cơ cho gã trai trẻ ấy về, cấm không cho nói với ai về điều người đã tố ra cùng mình. ²³ Đoạn, quản cơ đòi hai viên đội trưởng, dặn rằng: Vừa giờ thứ ba đêm nay, hãy sẵn sàng hai trăm quân, bảy mươi lính kỵ, hai trăm lính cầm giáo, đi đến thành Sê-sa-rê. ²⁴ Lại cũng phải sẵn ngựa nữa, để đưa Phao-lô vô sự đến nơi quan tổng đốc Phê-lít. ²⁵ Người lại viết cho quan đó một bức thư như sau đây:

23:16 “con trai của chị Phao-lô” Chúng ta có rất nhiều câu hỏi về gia đình của Phao-lô, nhưng tất cả đều bị bao trùm trong sự im lặng. Không biết bằng cách nào mà người này biết được âm mưu sát hại. Có thể người này cũng là một người Pha-ri-si.

23:21 Cuộc tấn công này có thể kéo theo việc tiêu diệt những lính gác La mã .

23:23 Nhóm binh lính áp giải Phao-lô dường như là (1) 200 bộ binh, 70 kỵ binh, và 200 lính cầm giáo hay (2) 200 lính cầm giáo và 70 kỵ binh.

▣ **“lính cầm giáo”** Ý nghĩa của chữ *dexiolabos* thì mơ hồ. Nó có nghĩa đen là “người đóng hay là chiến đấu bên phải” (*dexios*). Nó ám chỉ những binh lính trang bị ít vũ khí (xem bản dịch NEB, dựa theo MSS A, có nghĩa là cung hay giáo). Bản NJB dịch chữ này là “quân trợ chiến”. Nó cũng có thể ám chỉ người bị xích chung với tù nhân ở bên phải, hay có thể là người giữ con ngựa thứ hai hay là người ở bên sườn, cánh. Có quá nhiều lựa chọn khiến người đọc bây giờ không thể biết được ý nghĩa chính xác.

▣ **“giờ thứ ba”** Đây là giờ La mã. Người La mã bắt đầu tính buổi tối từ 6 giờ. Vậy đây là 9 giờ tối.

▣ **“Sê-sa-rê”** Đây là đại bản doanh của lực lượng La mã đồn trú tại xứ Pa-les-tin.

23:24 “Phê-lít” Sử gia La mã Tacitus (*Histories* 5:9, *Annals* 12:54) gọi Antonius Felix là độc ác và dâm dục. Ông chiếm được địa vị này nhờ người anh/em là Pallas (cả hai đều là những nô lệ được trả tự do), là một người bạn thân của Hoàng đế Claudius. Ông giữ chức “kiểm soát trưởng” của xứ Pa-les-tin trong khoảng năm 52-59 SC.

BẢN NASB 23:26-30

²⁶ Cơ-lốt Ly-sia chúc bình an cho quan lớn tổng đốc Phê-lít! ²⁷ Dân Giu-đa đã bắt người này, toan giết đi, khi tôi đã đem quân đến thành lính mà cướp người ra khỏi, vì đã nghe người là quốc dân Rô-ma. ²⁸ Bởi tôi muốn biết vì cớ nào họ cáo người, nên giải người đến tòa công luận. ²⁹ Tôi thấy người bị cáo mấy việc về luật pháp họ, nhưng họ không kiện người về một tội nào đáng chết hay đáng tù cả. ³⁰ Song tôi có nghe người ta tính kế hại người này, nên lập tức sai người đến nơi quan, và cũng cho các kẻ cáo người biết rằng phải đến trước mặt quan mà đối nại.

23:26-30 Đây là lá thư của sĩ quan chỉ huy giải thích vụ kiện Phao-lô (xem 25:12ff). Nó trình bày trình tự của các sự kiện, nhưng theo cách tô vẽ quan quân cơ.

23:26 Đây là câu cho chúng ta biết tên của quan quân cơ.

23:29 Câu Kinh thánh này phù hợp với mô thức của Lu-ca chứng tỏ Cơ-Độc-Giáo cùng với những lãnh đạo, mỗi khi bị cáo buộc trước những quan chức chính quyền luôn luôn được tha bổng và xử vô tội. Rô-ma không phải lo lắng điều gì về “Đạo”.

BẢN NASB 23:31-35

³¹ **Vậy, quân lính đem Phao-lô đi theo như mạng lệnh mình đã lãnh đương ban đêm, điệu đến thành An-ti-ba-tri.** ³² **Sáng ngày, lính kỵ đi với người, còn quân khác trở về đồn.** ³³ **những người này tới thành Sê-sa-rê, đưa thư cho quan tổng đốc và đem nộp Phao-lô.** ³⁴ **Quan tổng đốc đọc thư rồi, bèn hỏi Phao-lô vốn ở tỉnh nào, vừa biết người quê tỉnh Si-li-si,** ³⁵ **thì rằng: Lúc nào bọn nguyên cáo đến đây, ta sẽ nghe người. Đoạn, truyền giữ Phao-lô lại trong nơi công đường Hê-rốt.**

23:31 “đương ban đêm, điệu đến thành An-ti-ba-tri” Thành phố này do Hê-rốt Đại Đế xây dựng và đặt tên theo tên cha của ông, Antipater II. Đây là một chuyến hành quân rất dài độ chừng 30-40 dặm. Không biết rõ vị trí của thành phố này. Lý do những binh lính quay trở lại (xem câu 32) khi đến thành này vì (1) vùng này đa số là dân ngoại và (2) địa hình tại đây thì bằng phẳng và mở rộng, do đó ít có nguy cơ bị tấn công bất ngờ.

23:33 “Quan tổng đốc” Nghĩa đen là “kiểm soát trường”. Lu-ca rất chính xác với danh hiệu của các quan chức địa phương và La mã.

23:34 “hỏi Phao-lô vốn ở tỉnh nào” Chi tiết là để xác định thẩm quyền xét xử. Bởi vì Phao-lô xuất thân từ một tỉnh đế quốc (Imperial Province) Phê-lít có thể xét xử việc kiện tụng. Có 3 sự phân chia thẩm quyền xét xử trong đế quốc La mã: (1) thuộc đế quốc (Sê-sa); (2) thuộc Thượng nghị viện; và (3) địa phương (giống như các vua Hê-rốt).

23:35 “Lúc nào bọn nguyên cáo đến đây” Đây chắc hẳn là những người Do Thái quê ở A-si, những người đã tố cáo Phao-lô dẫn người ngoại bang vào khu vực dành riêng cho người Do Thái trong đền thờ. Sự kiện những người này không hiện diện đáng lẽ đã dẫn đến sự hủy bỏ việc kiện tụng. Nhưng chính trị địa phương vẫn thường chi phối công lý.

▣ **“truyền giữ Phao-lô lại trong nơi công đường Hê-rốt.”** Người La mã đối xử tử tế với Phao-lô trong khi giam giữ ông (xem 24:23). Phao-lô ở trong cung điện do Hê-rốt Đại Đế xây, là chỗ ở riêng của ông trước đây, nhưng nay trở thành tổng hành dinh của người La mã.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. So sánh những lần tự bào chữa của Phao-lô và liệt kê những điểm chung.

2. Phao-lô có xem chính mình là người Do Thái trung thành hay không?
3. Chúng ta có biết gì về gia đình của Phao-lô từ sách Công-vụ không?

CÔNG VỤ ĐOẠN 24

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Vụ kiện chống lại Phao-lô 24:1-9	Cáo buộc xúi giục nổi loạn 24:1-9	Phao-lô trước Phê-lít 24:1-2a 24:2b-8 24:9	Vụ kiện chống lại Phao-lô 24:1-2a 24:2b-9	Vụ kiện trước Phê-lít 24:1-9
Phao-lô tự bào chữa trước Phê-lít 24:10-21	Bào chữa trước Phê-lít 24:10-21	24:10a 24:10b-21	Sự bào chữa của Phao-lô trước Phê-lít 24:10a 24:10b-16 24:17-21	24:10a Bài phát biểu của Phao-lô trước quan thống đốc La mã 24:10b-13 24:14-16 24:17-21
24:22-23	24:22-24	24:22-23	24:22-23	24:22-23
Phao-lô bị giam giữ 24:24-26 24:27		24:24-26 24:27	Phao-lô trước Phê-lít và Đơ-ru-si 24:24-26 24:27	24:24-26 24:27

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 24:1-2a

¹ Sau đó năm ngày, có thầy cả thượng phẩm là A-na-nia đi xuống, với vài người trưởng lão cùng một nhà diễn thuyết kia tên là Tẹt-tu-lu, trình đơn kiện Phao-lô trước mặt quan tổng đốc. ² Phao-lô bị đòi đến rồi, Tẹt-tu-lu khởi sự cáo người như vậy

24:1 “thầy cả thượng phẩm là A-na-nia” Xem ghi chú đầy đủ trong 23:2.

▣ **“đi xuống”** Đối với người Do Thái, Giê-ru-sa-lem luôn luôn là “đi lên” còn tất cả những địa điểm khác là “đi xuống”.

▣ **“vài người trưởng lão”** Trong Cựu ước, chữ này ám chỉ những người lãnh đạo các chi phái. Đến giai đoạn sau khi bị lưu đày, nó bắt đầu được sử dụng cho những người giàu, có ảnh hưởng tại Giê-ru-sa-lem. Thông thường trong Tân ước, Tòa công luận được mô tả gồm có “các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão”. Đây có thể là những thành viên của Tòa công luận, đồng thời cũng là những người ủng hộ phe Sa-đu-sê. Quyền lãnh đạo đền thờ bị xem là có vấn đề khi có sự hiện diện của những người Pha-ri-si (xem 23:6-10).

▣ **“Tẹt-tu-lu”** Đây là một luật sư thuê hay là một nhà diễn thuyết (xem bản NKJV). Nó là một dạng của chữ Hy Lạp *rēma* hay là “tiếng nói”. Dường như ông trình bày lý lẽ của Tòa công luận theo khuôn mẫu pháp lý Rô-ma, có thể là trong tiếng La-tinh.

BẢN NASB 24: 2b-9

³ Bẩm quan lớn Phê-lít, nhờ ơn quan mà chúng tôi được hưởng sự bình an trọn vẹn, và nhờ sự khôn ngoan của quan đối được mọi tình tặc để giúp dân này, lúc nào và nơi nào chúng tôi cũng rất cảm tạ biết ơn quan vậy. ⁴ Nhưng muốn cho khỏi phiền quan lâu hơn, thì tôi xin quan lấy lòng khoan nhơn mà nghe một vài lời chúng tôi nói đây. ⁵ Vậy, chúng tôi đã gặp người này, như là đồ ôn dịch, đã gây loạn trong hết thầy người Giu-đa trên cả thế giới: nó làm đầu phe người Na-xa-rét, ⁶ cũng đã toan làm ô ước đền thờ, nên chúng tôi đã bắt nó [và chúng tôi có muốn xử nó theo luật pháp chúng tôi. ⁷ Nhưng quân cơ Ly-sia đến, bắt nó khỏi tay chúng tôi cách hung bạo, ⁸ truyền lệnh cho các người kiện nó hãy đến hầu quan.] Xin chính quan hãy tự tra hỏi hẳn, thì sẽ biết được mọi việc chúng tôi đang kiện cáo. ⁹ Đến phiên các người Giu-đa cũng hòa theo lời đó, quyết rằng thật có như vậy.

24:2b-4 Phần giới thiệu này không chỉ là một cố gắng tăng bốc (hầu như chắc chắn), nhưng trong thực tế không có căn cứ. Phê-lít là một người độc ác (xem Tacitus, *Histories* 5:9 và *Annals* 12:2). Phê-lít chỉ có được địa vị này là nhờ anh/em của ông, Pallas; là người cùng với Phê-lít được Antonia (con gái của Marc Antony) trả tự do. Antonia chính là mẹ của Hoàng đế Claudius. Về sau, ông bị Nero cất chức theo sự thỉnh cầu của dân chúng (xem Josephus, *Wars* 2.12.8-13.7 và *Antiq.* 20.7.7-8.9).

24:4 “hưởng sự bình an trọn vẹn” Một số người cho rằng chi tiết này ám chỉ đến những cố gắng của ông chấm dứt những hoạt động của những người Do Thái cực đoan gọi là *sicarii* (kiếm thủ). Tham khảo *Wars* của Josephus 2.13.2.

24:5 “chúng tôi đã gặp người này” Chủ đích của Lu-ca qua cả sách Công-vụ là bày tỏ cho thế giới La mã những cáo buộc chống lại Cơ-Đốc-Giáo là sai lầm. Đó là lý do tại sao Lu-ca ghi lại rất nhiều lần xuất hiện trước các quan chức và tòa án La mã. Phao-lô bị kiện về ba điểm: (1) là người gây rối; (2) là lãnh đạo của một nhóm tôn giáo mới; và (3) làm ô ướn đền thờ.



NASB “một dịch bệnh thật sự”

NKJV “tai vạ”

NRSV “một tên dịch bệnh”

TEV “sự phiến hà nguy hiểm”

NJB “hoàn toàn ôn dịch”

Chữ này đến từ chữ có nghĩa là “tai vạ” (xem Lu-ca 21:11). Trong Cựu ước, bản LXX cũng dùng nghĩa là tai vạ, nhưng có thể dùng như một cách ẩn dụ để chỉ một người (xem Châm-ngôn 19:25).

▣ **“trên cả thế giới”** Đây chắc chắn là một lời nói phóng đại có chủ đích và cũng thật là một lời khen ngợi sự hiệu quả của chức vụ Phao-lô cho những người Do Thái ly hương.

▣ **“làm đầu”** Đây là một chữ ghép tiếng Hy Lạp giữa chữ “đầu tiên” và “đứng”. Nó được sử dụng trong bản Septuagint tại Gióp 15:24 “một vua sẵn sàng chinh chiến”. Chữ này chỉ xuất hiện tại đây trong Tân ước mà không hề tìm thấy trong những bản giấy cói tiếng Koine ở Ai-cập.

▣ **“phe”** Chữ *hairesis* trong nguyên thủy có nghĩa là “đơn vị” hay là “phần” (nghĩa đen là “chọn lựa”). Nó trở nên có ẩn ý tiêu cực, giống như chữ “heresy” trong Anh ngữ ngày nay, xuất phát từ chữ Hy Lạp này. Những người Sa-đu-sê bị đề cập bằng chữ này trong 5:17 còn những người Pha-ri-si thì trong 15:5. Trong bối cảnh của sách Công-vụ tại đây, Phao-lô xem Cơ-Đốc-Giáo như là một phần không thể thiếu cho hy vọng và đức tin truyền thống Do-Thái-Giáo (xem câu 14).

▣ **“người Na-xa-rét”** Chữ này ám chỉ những người tin theo Giê-xu người Na-xa-rét. Một số người quá quyết rằng chữ này đến từ thành phố Na-xa-rét nhưng một số khác lại liên kết nó với chữ *nezer* hay là “nhánh”, một danh hiệu khác của Đấng Mê-ti-si-a (xem Ê-sai 11:1; 53:2). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:22.

24:7 Câu 7 cùng với những phần của câu 6 và 8 (được đánh dấu với dấu ngoặc đơn trong bản NASB updated) không có trong những bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁷⁴, x, A, hay là B. Có nhiều biến thể khác nhau xuất hiện trong những bản chép tay tiếng Hy Lạp sau đó. Chúng không phải là phần trong bản chép tay nguyên thủy của Lu-ca. Ủy ban UBS³ xếp loại “D” cho lỗi này (nhiều nghi vấn).

BẢN NASB 24:10-21

¹⁰ Quan tổng đốc ra dấu biểu Phao-lô nói đi, thì người thưa rằng: Tôi biết quan làm quan án trong nước này đã lâu năm, nên tôi dạn dĩ mà bình vực duyên cớ mình. ¹¹ Quan tra xét thì sẽ biết tôi vừa lên thành Giê-ru-sa-lem mà thờ lạy, chưa được mười hai ngày nay. ¹² Người ta chẳng từng gặp tôi, hoặc trong đền thờ, hoặc trong nhà hội, hoặc trong thành phố, cãi lầy cùng ai hay xui dân làm loạn bao giờ. ¹³ Bây giờ họ cũng chẳng biết lấy chi mà làm chứng cớ việc điều họ kiện tôi đó. ¹⁴ Trước mặt quan, tôi nhận rằng theo như đạo mà họ gọi là một phe đảng, tôi thờ phượng Đức Chúa Trời của tổ phụ tôi, tin mọi điều chép trong sách luật và các sách tiên tri; ¹⁵ và tôi có sự trông cậy này nơi Đức Chúa Trời, như chính họ cũng có vậy, tức là sẽ có sự sống lại của người công bình và không công bình. ¹⁶ Cũng vì cớ ấy, nên tôi vẫn gắng sức cho có lương tâm không trách móc trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt loài người. ¹⁷ Vả, đã lâu năm nay tôi đi vắng, rồi mới về bổ thí cho bổn quốc tôi và dâng của lễ. ¹⁸ Đang khi ấy, có mấy người Giu-

đa quē ở cõi A-si kia gặp tôi ở trong đền thờ, được tinh sạch, chớ chẳng có dân đông hay rối loạn chi. ¹⁹ Nếu họ có điều gì kiện tôi, thì có lẽ đến hầu trước mặt quan mà cáo đi. ²⁰ Hay là các người ở đây phải nói cho biết đã thấy tôi có sự gì đáng tội, lúc tôi đứng tại tòa công luận, ²¹ hoặc có, thì cũng chỉ trách câu tôi nói giữa họ rằng: Ấy vì sự sống lại của kẻ chết mà hôm nay tôi bị xử đoán trước mặt các ông.

24:10 Phao-lô cũng dùng cách giới thiệu hình thức giống như luật sư của những người Sa-đu-sê.

▣ **“bình vực”** Chúng ta có được chữ “apology” hay “apologetics” trong Anh ngữ từ chữ Hy Lạp này. Trong nguyên thủy, nó có nghĩa là một sự bào chữa pháp lý tại tòa án.

24:11-12 Phao-lô quả quyết rằng mọi việc làm của ông tại Giê-ru-sa-lem không hề bất thường hay là gây hấn. Ông bị tố cáo là làm ô uế đền thờ, nhưng trong thực tế, ông đang thi hành một nghi lễ được chấp thuận.

24:14 “đạo” Đây là danh hiệu sớm xuất hiện cho những Cơ-Đốc-Nhân nhấn mạnh rằng Đức Chúa Giê-xu là đường dẫn đến Đức Chúa Trời (Giăng 14:6) và một lối sống thông công (xem 9:2; 19:9,23; 22:4; 24:22 và có thể là 18:25-26).

▣ **“sách luật và các sách tiên tri”** Đây là hai trong ba phần của kinh điển Cựu ước:

1. Torah (luật pháp) — Sáng-thế Ký - Phục-truyền Luật-lệ Ký
2. Các Tiên Tri
 - a. những tiên tri trước — Giô-suê - Các Vua (ngoại trừ Ru-tơ)
 - b. những tiên tri sau — Ê-sai - Ma-la-chi (ngoại trừ Ca Thương và Đa-ni-ên)
3. Các sách Văn Chương
 - a. megiloth — Ru-tơ, Ê-xơ-tê, Ca-thương, Nhã ca, và Ca thương
 - b. các sách khôn ngoan — Gióp, Thi Thiên, Châm Ngôn
 - c. các sách lịch sử sau lưu đày — I & II Sử ký, Ê-xơ-ra, và Nê-hê-mi

24:15 “có sự trông cậy này nơi Đức Chúa Trời, như chính họ cũng có vậy” Phao-lô khẳng định rằng khuynh hướng thần học của ông cũng giống như những người tố cáo ông (xem câu 16), ngoại trừ quan điểm của ông về sự sống lại. Phao-lô đang cố gắng bào chữa cho chính mình bằng cách chứng tỏ rằng việc kiện cáo này là về những vấn đề thần học trong Do-Thái-Giáo, điều mà Rô-ma không muốn can thiệp. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hy vọng trong 2:25.

▣ **“sẽ có sự sống lại của người công bình và không công bình”** Điểm này đề cập đến thần học của những người Pha-ri-si, chứ không phải giới lãnh đạo đền thờ Sa-đu-sê. Josephus trong *Antiq.* 18:1:3, còn quả quyết rằng một số người Pha-ri-si chối bỏ sự sống lại của những kẻ ác (về quan điểm hiện đại của sự hủy diệt cả linh hồn và thể xác tham khảo quyển *The Fire That Consumes* của Edward Fudge). Kinh thánh thì đầy đầy với khái niệm sự sống lại phổ quát (xem Ê-sai 25:8; Đa-ni-ên 12:2; Ma-thi-ơ 25:46; Giăng 5:29; Rô-ma 2:6-11; Khải-huyền 20:11-15).

▣ **“tôi vẫn gắng sức cho có lương tâm không trách móc”** Cũng chính cách nói này đã khiến thầy tế lễ thượng phẩm tức giận trong 23:1-2. Phao-lô lặp lại nó một lần nữa trước sự hiện diện của ông ta. Nó tương tự như sự bàn luận của Phao-lô về những nỗ lực cá nhân trong I Cô-rinh-tô 9:24-27. Sự tự chủ mà ông giảng cho Phê-lít (xem câu 25) không phải là một điều dễ đạt được và tuân giữ. Tự chủ là một phần trong trái Thánh Linh (Ga-la-ti 5:22) và có thể là đỉnh điểm trong danh sách đó.

Người bạn và cũng là đồng nghiệp của tôi, tiến sĩ David King đọc qua sách giải kinh của tôi và có những gợi ý. Trong phân đoạn này ông viết “một trái, nhiều múi – giống như trái cam”.

24:17 “mới về bổ thí cho bốn quốc tôi” Về chữ “bổ thí” xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 3:2. Chi tiết này đề cập đến sự đóng góp của những Hội thánh người ngoại bang cho Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem (xem Rô-ma 15:25-27; I Cô-rinh-tô 16:1-4; II Cô-rinh-tô 8-9). Thật ngạc nhiên là nó không được nhắc đến trong 21:15ff. Điều này có thể chứng tỏ rằng nó đã không được tiếp nhận hoan hỉ bởi cả Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Sự kỳ thị chủng tộc sâu đậm thì khó mà giải quyết, ngay cả đối với những tín hữu.

24:18 “gặp tôi ở trong đền thờ, được tinh sạch” Phao-lô thực hiện nghi thức này theo lời đề nghị của Gia-cơ và các trưởng lão (xem 21:17-26). Nó có dụng ý là để xoa dịu những tín hữu Do Thái theo khuynh hướng luật pháp, nhưng trong thực tế, nó như “đổ thêm dầu vào lửa” đối với những người Do Thái ở A-si.

▣ **“mấy người Giu-đa quê ở cõi A-si”** Đây là điểm pháp lý trọng yếu trong sự bào chữa của Phao-lô (xem câu 19). Những nhân chứng tố cáo không có hiện diện. Còn những người đang tố cáo Phao-lô về những sai phạm có tầm mức toàn cầu thì lại không có bằng chứng (xem câu 20).

24:19b “nếu” Đây là ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN (FOURTH CLASS CONDITIONAL), thể hiện sự ngẫu nhiên, xa thực tế nhất. A. T. Robertson, trong *Word Pictures in the New Testament*, trang 420, gọi nó là sự kết hợp giữa điều kiện với kết luận BẬC HAI (SECOND CLASS) (nghĩa là họ không hiện diện, câu 19a). Trong quyển *Grammar* của đồng tác giả (trang 1022) liệt kê những câu điều kiện kết hợp khác trong những tác phẩm của Lu-ca (xem Lu-ca 17:6 và Công-vụ 8:31).

BẢN NASB 24:22-23

²² Phê-lít vẫn biết rõ ràng về đạo người nói đó, nên giãn việc kiện ra, mà rằng: khi nào quan quản cơ Ly-sia xuống, ta sẽ xét việc này. ²³ Đoạn, người truyền cho thầy đội giữ Phao-lô, nhưng phải cho người hơi được thông thả, có kẻ nào thuộc về người đến hầu việc người, thì đừng cấm.

24:22 Dường như Phê-lít có nghe nói về Đức Chúa Giê-xu và Cơ-Đốc-Giáo. Có thể vì là một quan chức La mã, nên ông đã được báo cáo sơ lược về tình hình địa phương mà ông được bổ nhiệm. Vợ của Phê-lít là một người Do Thái (xem câu 24), điều này có nghĩa là ông đã có dịp biết về sự giảng dạy của Do-Thái-Giáo. “Đạo” được nhìn nhận là một hệ phái của Do-Thái-Giáo, do đó là một tôn giáo hợp pháp trong đế quốc La mã.

24:23 Điều này chứng tỏ Phê-lít không xem Phao-lô là một mối hiểm họa và ban cho một ít tự do và liên lạc. Tại đây lại một lần nữa, một quan chức La mã không xem Cơ-Đốc-Giáo là một vấn đề chính trị.

BẢN NASB 24:24-27

²⁴ Qua mấy ngày sau, Phê-lít với vợ mình là Đơ-ru-si, người Giu-đa, đến, rồi sai gọi Phao-lô, và nghe người nói về đức tin trong Đức Chúa Jê-sus Christ. ²⁵ Nhưng khi Phao-lô nói về sự công bình, sự tiết độ và sự phán xét ngày sau, thì Phê-lít run sợ, nói rằng: Bây giờ người hãy lui; đợi khi nào ta rảnh, sẽ gọi lại. ²⁶ Phê-lít cũng trông Phao-lô lót bạc cho mình; nên năng đòi người đến, và nói chuyện cùng người. ²⁷ Khỏi hai năm, Bốt-tiu Phê-tu đến thay Phê-lít. Bởi có Phê-lít muốn làm cho dân Giu-đa bằng lòng, bèn cứ giam Phao-lô nơi ngục.

24:24 “Đơ-ru-si” Có lẽ cô rất xinh đẹp, là con gái út của Hê-rốt Ấc-ríp-ba I và là em của Bê-rê-nít và Ấc-ríp-ba II. Cô là vợ thứ ba của Phê-lít, cưỡng đoạt từ Azizus, vua của Emesa (xem Josephus, *Antiq.* 20:7:2). Theo Josephus trong *Antiq.* 19:9:1, cô chỉ mới 16 tuổi khi Phê-lít lấy cô làm vợ.

24:24-25 Phao-lô thường rao giảng Phúc âm (xem câu 26b) cho Phê-lít và Đơ-ru-si. Đây chính là điều mà Đức Chúa Giê-xu muốn ông làm (xem 9:15). Phê-lít bị thuyết phục nhưng ông cũng tham lam (ông muốn Phao-lô hồi lộ cho ông) và trì hoãn quyết định (xem câu 26).

24:26 Dường như Phao-lô có một số ngân quỹ trong giai đoạn bị giam cầm này. Có thể từ (1) di sản thừa kế hoặc là (2) sự giúp đỡ từ các Hội thánh (Phi-líp hoặc là Tê-sa-lô-ni-ca). Phê-lít thường xuyên gọi Phao-lô, không phải để nghe ông giảng, nhưng để hy vọng nhận tiền hồi lộ.

24:27 “Khởi hai năm” Nhiều người tin rằng đây chính là giai đoạn mà Lu-ca thu thập dữ kiện từ những nhân chứng trong vùng Pa-les-tin để viết sách Phúc âm mang tên ông (xem Lu-ca 1:1-4). Đây chắc hẳn phải là một thời gian đầy chán nản cho một người năng nổ như Phao-lô. Tuy nhiên, ông không tìm kiếm tự do bởi phương cách hồi lộ. Ông biết rằng ông ở trong ý định của Đức Chúa Trời.

▣ **“Bốt-tiu Phê-tu”** Có một số bất đồng giữa các sử gia La mã, Suetonius và Tacitus, về thời điểm khởi đầu chức vụ của ông. Phê-lít bị xét xử vào năm 55 SC, nhưng không rõ là ông bị kết tội và cất chức hay là chỉ bị cất chức vào năm 59 SC. Phê-tu qua đời năm 62 SC đang khi còn tại vị (xem Josephus, *Antiq.* 20.9.1). Chúng ta biết rất ít chi tiết về ông (xem Josephus, *Antiq.* 20.8.9-10; *Wars* 2:14:1).

▣ **“Phê-lít cứ giam Phao-lô nơi ngục”** Theo thông lệ, tất cả những tù nhân sẽ được phóng thích khi có sự thay đổi vị lãnh đạo chính quyền. Câu Kinh thánh bày tỏ tình hình chính trị trong xứ Pa-les-tin và sự yếu kém của những lãnh đạo La mã, đồng thời chứng tỏ quyền lực của Tòa công luận.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chữ “người Na-xa-rét” có nghĩa là gì?
2. “Đạo” danh hiệu đầu tiên của Hội thánh trong sách Công-vụ có những hàm ý gì?
3. Giải thích sự quan trọng của câu 15.

CÔNG VỤ ĐOẠN 25

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô khiêu kiện đến Sê-sa 25:1-5 25:6-12	Phao-lô khiêu kiện đến Sê-sa 25:1-12	Kháng án đến Hoàng Đế 25:1-5 25:6-12	Phao-lô khiêu kiện đến Hoàng đế 25:1-5 25:6-8 25:9 25:10-11 25:12	Phao-lô khiêu kiện đến Sê-sa 25:1-5 25:6-12
Phao-lô bị đem đến trước Ạc-ríp-ba và Bê-rê-nít 25:13-22 25:23-27	Phao-lô trước Ạc-ríp-ba 25:13-27	Sự bào chữa của Phao-lô trước Ạc-ríp-ba (25:13-26:32) 25:13-22 25:23-27	Phao-lô trước Ạc-ríp-ba và Bê-rê-nít 25:13-21 25:22a 25:22b 25:23-27	Phao-lô trình diện trước Vua Ạc-ríp-ba 25:13-22 25:23-26:1

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao hết điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 25:1-5

¹ Phê-tu đã đến tỉnh mình được ba ngày rồi, thì ở thành Sê-sa-rê đi lên thành Giê-ru-sa-lem.

² Tại đó, có các thầy tế lễ cả và các người sang trọng trong dân Giu-đa đội đơn kiện Phao-lô

trước mặt người; ³ vì có ý nghịch, thì có nài xin quan làm ơn đòi Phao-lô trở về thành Giê-ru-sa-lem: họ âm mưu đặng giết người dọc đường. ⁴ Nhưng Phê-tu trả lời rằng Phao-lô bị giam tại thành Sê-sa-rê, và chính mình người sẽ kíp trở về thành đó. ⁵ Lại nói rằng những người tôn trưởng trong các người hãy xuống với ta, nếu người ấy có phạm tội gì thì hãy cứ kiện.

25:1 “Phê-tu” Đây là người kế nhiệm Phê-lít. Ông có một nhân cách cao thượng nhưng rõ ràng vẫn phải chịu cùng một áp lực chính trị và định kiến. Ông giữ chức được hai năm và qua đời năm 62 SC đang khi còn tại vị.

▣ **“ba ngày rồi”** Điều này chứng tỏ tầng lớp lãnh đạo Do Thái căm giận Phao-lô dai dẳng như thế nào. Phê-tu cũng muốn tạo một ấn tượng tốt ban đầu.

25:2 “các thầy tế lễ cả và các người sang trọng trong dân Giu-đa” Có thể tại đây đề cập đến Tòa công luận, gồm có 70 lãnh đạo Do Thái từ Giê-ru-sa-lem. Họ lập thành một cơ cấu xét xử của người Do Thái cho cả chính trị và tôn giáo. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:5. Tuy nhiên, nó cũng có thể đề cập đến những người giàu có và những người trong tầng lớp thượng lưu của Giê-ru-sa-lem nóng lòng muốn diện kiến và thiết lập mối liên hệ tốt đẹp với vị quan trấn thủ La mã mới đến nhậm chức.

Nó cũng hoàn toàn có thể là đề cập đến cả hai nhóm này. Sau hai năm, có một thầy tế lễ thượng phẩm mới tên là Ishmael. Ông ta cũng muốn củng cố địa vị của mình, một cách thuận lợi để thực hiện điều này là tấn công Phao-lô, người Pha-ri-si phản bội.

▣ **“thì có nài xin”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Họ lặp đi lặp lại sự kêu nài.

25:3 Chi tiết này bày tỏ lòng thù oán Phao-lô của những lãnh đạo tôn giáo. Họ cho rằng Phao-lô là một kẻ thù từ bên trong .

▣ **“họ âm mưu đặng giết người dọc đường”** Thủ đoạn của tầng lớp Do-Thái-Giáo vẫn không thay đổi (xem 23:12-15).

25:5 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) được cho rằng đúng theo quan điểm hay là mục đích của tác giả (xem A. T. Robertson, *Word Pictures in the New Testament*, vol. 3, trang 429). Tiến sĩ Bruce Tankersley, chuyên gia về tiếng Hy Lạp Koine tại trường đại học East Texas Baptist University, cho rằng câu này có thể là BẬC BA (THIRD CLASS) vì không có động từ trong mệnh đề điều kiện. Phê-tu đã giả định Phao-lô có tội. Tại sao những lãnh đạo Giê-ru-sa-lem lại quá kiên trì, ngoan cố?

BẢN NASB 25:6-12

⁶ Phê-tu ở cùng họ vừa tám hay là mười ngày mà thôi, đoạn trở xuống thành Sê-sa-rê; sáng ngày sau, người ngồi nơi tòa án và truyền dẫn Phao-lô đến. ⁷ Phao-lô mới đến, thì có các người Giu-đa ở thành Giê-ru-sa-lem xuống vây bọc người, lấy nhiều có nặng mà thừa, nhưng chẳng tìm được chứng. ⁸ Còn Phao-lô nói đặng bình vực mình, rằng: Tôi chẳng từng làm điều dữ chi, hoặc nghịch cùng luật pháp người Giu-đa, hoặc nghịch cùng đền thờ, hay là nghịch cùng Sê-sa. ⁹ Nhưng Phê-tu muốn cho đẹp lòng dân Giu-đa, thì trả lời rằng: Người có muốn lên thành Giê-ru-sa-lem chịu xử tại đó về những việc này trước mặt ta chẳng? ¹⁰ Phao-lô bèn thưa rằng: Tôi ứng hầu trước mặt tòa án Sê-sa, ấy là nơi tôi phải chịu xử; tôi chẳng có lỗi chi với người Giu-đa, như

chính mình biết rõ ràng.¹¹ Ví bằng tôi có tội hay là phạm điều gì đáng chết, thì tôi chẳng từ chối chết đâu; trái lại, nếu trong đơn từ họ kiện tôi không có cơ gì hết, thì chẳng ai được nộp tôi cho họ. Tôi kêu nài sự đó đến Sê-sa.¹² Kế đó, Phê-tu bàn tán với công hội mình, bèn trả lời rằng: Người đã kêu nài Sê-sa, chắc sẽ đến nơi Sê-sa.

25:6-9 Các sự kiện này chứng tỏ với Phao-lô rằng ông không có trông mong sự công chính đích thực nơi Phê-tu. Ông đã biết trước những gì chờ đợi ông ở Giê-ru-sa-lem (xem câu 3). Ông cũng đã biết rằng Đức Chúa Giê-xu muốn ông đến thành Rô-ma (xem 9:15).

25:6 “Phê-tu ở cùng họ vừa tám hay là mười ngày” Tôi có thể tưởng tượng rằng những lãnh đạo Do Thái thiết đãi Phê-tu. Họ đã thao túng tất cả quan chức La mã.

25:10-11 Phao-lô quả quyết rằng ông đang ở trước thẩm quyền đích thực, trong một nơi thích hợp. Lu-ca ghi lại trong câu 11 Phao-lô chính thức khiếu nại tới Sê-sa.

Quyền kháng án đến Sê-sa bắt đầu có từ triều đại Octavian năm 30 TC (xem Dio Cassius, *History*, 51.19). Quyền kháng án ban đầu mở rộng thêm cấm bịt mắt, đánh đập và tra tấn bất cứ công dân Rô-ma kháng án đến Sê-sa (xem Paulus, *Sententiae* 5.26.1).

Có một thảo luận chính xác về luật pháp La mã trong thế kỷ thứ nhất của A. N. Sherwin-White trong quyển *Roman Society and Roman Law in the New Testament*, “bài giảng thứ tư: Phao-lô trước Phê-lít và Phê-tu” trang 48-70.

25:11 “Ví bằng...nếu” Đây là hai câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) giả định quan điểm hay là mục đích của tác giả là đúng. Việc sử dụng hai câu điều kiện này trong văn mạch cho thấy cấu trúc ngữ pháp này được sử dụng để biện luận như thế nào. Câu thứ nhất không trở thành hiện thực (nhưng Phê-tu cũng đã sử dụng cùng một điều kiện trong câu 5); câu thứ hai thì lại trở thành hiện thực.

▣ **“tôi chẳng từ chối chết đâu”** Phao-lô thừa nhận quyền hạn của chính quyền (xem Rô-ma 13:4). Quan điểm về án tử hình của Cựu ước có thể tìm thấy trong Sáng-thế Ký 9:6. Tham khảo bàn luận thú vị về án tử hình trong quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 114-116.

▣

NASB, TEV	“không ai có thể giao nộp tôi cho họ”
NKJV	“không ai có thể chuyển giao tôi cho họ”
NRSV	“không ai có thể giao tôi cho họ”
NJB	“không ai có quyền nộp cho họ”

Chữ *charizomai* có nghĩa đơn giản là “ban cho một ân huệ” hay là “làm vừa lòng”. Phao-lô cảm nhận rằng Phê-tu đang cố gắng tạo một ân tượng tốt với giới lãnh đạo Do Thái bằng cách giao ông cho họ.

Tuy nhiên, cũng có thể rằng Phê-tu đang cố gắng vâng giữ một sắc lệnh của Julius Caesar (xem Josephus, *Antiq.* 14.10.2), nó cho phép các quan chức La mã tại xứ Pa-les-tin được mạnh dạn chấp thuận những yêu cầu của các thầy tế lễ thượng phẩm.

▣ **“Tôi kêu nài sự đó đến Sê-sa”** Đây là quyền pháp lý của tất cả các công dân La mã trong các vụ án tử hình.

25:12 “công hội” Đây là những chuyên gia về luật pháp La mã, chứ không phải là những lãnh đạo Do Thái.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÔNG-VỤ 25:13-26:32

BỐI CẢNH

- A. Hê-rôt Ạc-ríp-ba II (Marcus Julius Agrippa)
1. Ông là con của Hê-rôt Ạc-ríp-ba I (xem Công-vụ 12), là lãnh tụ chính trị của xứ Giu-đê và giữ quyền kiểm soát đền thờ và chức thầy tế lễ (năm 41-44 SC) và là cháu của Hê-rôt Đại Đế.
 2. Ông được giáo dục tại Rô-ma và thuộc nhóm ủng hộ La mã. Ông quay trở lại Rô-ma sau cuộc chiến của người Do Thái năm 70 SC và qua đời tại đó năm 100 SC.
 3. Năm 17 tuổi, cha ông qua đời, nhưng ông còn quá trẻ để nắm quyền cai trị vương quốc.
 4. Vào năm 50 SC, Hê-rôt Chalcis, chú của Ạc-ríp-ba I, vua của xứ Chalcis (một vương quốc nhỏ trong miền Bắc của xứ Pa-les-tin), qua đời và Ạc-ríp-ba I được Hoàng đế Claudius giao cho cai trị vương quốc này. Ngoài ra, ông cũng được giao quyền kiểm soát trên đền thờ và chức thầy tế lễ cả.
 5. Năm 53 SC, ông trao đổi vương quốc nhỏ của ông cho vua chư hầu Hê-rôt Phi-líp (Ituraea và Trachonitis) và Lysanius (Abilene).
 6. Sau đó, Hoàng đế Nero còn đưa thêm một số thành phố và làng mạc xung quanh biển Ga-li-lê cho ông cai trị. Thủ phủ của ông là Sê-sa-rê Phi-líp, sau đó ông đổi tên thành Neronias.
 7. Tham khảo lịch sử:
 - a. Josephus *Jewish Wars* 2.12.1,7-8; 15.1; 16.4; 7.5.1
 - b. Josephus' *Antiquities of the Jews* 19.9.2; 20.5.2; 6.5; 7.1; 8.4; 9.6.
- B. Bê-rê-nít
1. Bà là con gái đầu của Hê-rôt Ạc-ríp-ba I.
 2. Bà là em của Ạc-ríp-ba II, và có một khoảng thời gian là người tình loạn luân của ông (không có bằng chứng của điều này, chỉ là những lời đồn đại). Sau đó, bà là tình nhân của Hoàng đế Titus khi ông còn lại một vị tướng. Ông chính là tướng La mã đã tàn phá thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ trong năm 70 SC.
 3. Bà là chị của Đơ-ru-si (xem 24:24).
 4. Bà kết hôn với Hê-rôt Chalcis (em của Hê-rôt Ạc-ríp-ba I, chú của mình), nhưng đến khi ông chết bà dọn về ở với em trai mình.
 5. Sau đó bà tái hôn với Polemon, Vua của Cilicia, nhưng rời bỏ ông và trở lại với em trai mình người vừa được ban tước hiệu “Hoàng đế”.
 6. Bà là tình nhân của cả Hoàng đế Vespasian và tướng Titus (sau đó làm Hoàng đế).
 7. Tham khảo lịch sử:
 - a. Josephus, *Jewish Wars* 2.1.6; 15.1; 17.1.
 - b. Josephus, *Antiquities of the Jew* 19.9.1; 15.1; 20.1.3
 - c. Tactius, *History* 2.2
 - d. Seutonius, *Life of Titus* 7
 - e. Dio Cassius, *Histories* 65.15; 66.18
 - f. Juvenal, *Satire* 61.156-157

BẢN NASB 25:13-22

¹³ Cách đó mấy ngày, vua Ạc-ríp-ba với Bê-rê-nít đến thành Sê-sa-rê dựng chào Phê-tu. ¹⁴ Vì hai người ở lại đó mấy ngày, nên Phê-tu đem vụ Phao-lô trình với vua, rằng: Đây có một tên tù mà Phê-lít đã để lại. ¹⁵ Lúc tôi ở thành Giê-ru-sa-lem, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão dân Giu-đa đến kiện người và xin tôi làm án người đi. ¹⁶ Tôi đáp lại rằng người Rô-ma chẳng có lệ giải nộp một người nào mà bên bị cáo chưa đối nại với bên tiên cáo, và người đó chưa có cách thế để chống cãi lời kiện cáo mình. ¹⁷ Họ bèn đến đây, thì vừa ngày sau, tôi ra ngồi nơi tòa án, không trễ nải mà truyền dẫn người ấy đến. ¹⁸ Các người kiện cáo đều đã có mặt, song không kiện nó về một tội gì như tôi đã dè chừng. ¹⁹ Chỉ cáo nó về đạo riêng của họ, và một tên Jê-sus đã

chết kia, mà Phao-lô quyết rằng còn sống.²⁰ Trong sự cãi lầy đó, tôi không biết theo bên nào, nên hỏi Phao-lô muốn đi đến thành Giê-ru-sa-lem, để chịu xử mọi điều ấy tại nơi đó chăng.²¹ Nhưng nó đã kêu nài để việc kiện minh lại cho Hoàng đế phân xử. Vậy tôi đã truyền giam nó trong ngục đợi tới khi tôi giải cho Sê-sa.²² Ạc-ríp-ba bèn nói với Phê-tu rằng: Ta cũng muốn nghe người ấy. Phê-tu tâu rằng: Đến mai vua sẽ nghe.

25:13 “Vua Ạc-ríp-ba” Đây là vua Ạc-ríp-ba II. Ông là anh em với Đơ-ru-si và Bê-rê-nít. Ông được giáo dục tại Rô-ma và rất trung thành với những chính sách và chương trình của Rô-ma.

25:13ff Tại đây một lần nữa tiết lộ mục đích văn chương và thần học của Lu-ca, chứng tỏ Cơ-Độc-Giáo không phải là mối đe dọa chính trị đến Rô-ma (xem câu 25). Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ thứ nhất Cơ-Độc-Giáo được xem là một nhánh của Do-Thái-Giáo, là một tôn giáo hợp pháp được Rô-ma công nhận. Rô-ma không muốn dự phần tranh cãi giữa những hệ phái của Do-Thái-Giáo.

25:18 “song không kiện nó về một tội gì như tôi đã dè chừng” Chi tiết này chứng tỏ bản chất và sự mãnh liệt của những người Do Thái chống đối. Nguyên nhân kiện cáo không phải là về chính trị, nhưng là tôn giáo.

25:19 “đạo” Trong nguyên tác đây là một chữ ghép giữa “sợ” và “thần”. Chữ này còn có nghĩa là “mê tín”, chính là điều mà các lãnh đạo La mã này nghĩ về tôn giáo của người Do Thái. Tuy nhiên, Phê-tu không muốn sỉ nhục các người Do Thái quyền quý, do đó ông sử dụng một chữ có nghĩa mơ hồ (Phao-lô cũng vậy trong 17:22).

☐ **“một tên Jêsus đã chết kia, mà Phao-lô quyết rằng còn sống”** Sự phục sinh là một trong những cột trụ chính của các bài giảng (*kerygma*, xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:13) trong Công-vụ (xem 26:8). Cơ-Độc-Giáo đứng vững hay sụp đổ dựa trên chính sự quả quyết thần học này (xem I Cô-rinh-tô 15).

BẢN NASB 25:23-27

²³ Vậy, qua bữa sau, vua Ạc-ríp-ba với Bê-rê-nít đến cách long trọng vào phòng xử kiện với quan quản cơ và các người tôn trưởng trong thành. Phê tu bèn truyền lệnh điệu Phao-lô đến.²⁴ Đoạn, Phê-tu rằng: Tâu vua Ạc-ríp-ba và hết thấy các ông có mặt tại đây, các ông đều thấy người này, vì cơ nó nên thay thấy dân chúng Giu-đa đến nài xin ơn tôi, tại thành Giê-ru-sa-lem và tôi đây cũng vậy, mà kêu lên rằng chẳng khá để cho nó sống nữa.²⁵ Phần tôi, đã xét nó chẳng có làm điều gì đáng tội chết; và vì chính nó cũng đã kêu nài việc đó đến Sê-sa, nên tôi định giải nộp cho Sê-sa.²⁶ Nhưng vì tôi không có điều chi quả quyết để làm sớ tấu Hoàng đế về việc nó, nên đòi nó đến trước mặt các ông, nhứt là trước mặt vua, là Ạc-ríp-ba, đặng khi tra hỏi rồi, tôi có điều để viết sớ.²⁷ Vả, tôi nghĩ rằng giải một tên phạm mà chẳng nói rõ điều người ta kiện nó, thì là trái lẽ lắm.

25:23 Thật là một cơ hội tuyệt vời để rao giảng Phúc âm.

☐ **“quan quản cơ”** Đây là chữ *chiliarch*, có nghĩa là chỉ huy một ngàn lính, giống như cai đội là chỉ huy một trăm lính. Theo Josephus trong *Antiq.* 19.19.2, chúng ta biết được rằng có năm đơn vị phụ trợ đóng quân tại Sê-sa-rê vào thời điểm này. Do đó, có thể là có năm sĩ quan quân đội được đề cập tại đây.

25:26 “Nhưng vì tôi không có điều chi quả quyết để làm sớ tấu Hoàng đế về việc nó” Phê-tu gặp phải một vấn đề giống như Ly-sia, viên chỉ huy tại Giê-ru-sa-lem. Theo luật La mã, ông phải viết một bản kết

án chống lại Phao-lô cùng với những bằng chứng hay là ý kiến xét xử. Phao-lô là điều bí ẩn cho những lãnh đạo La mã này.

▣ **“Hoàng đế”** Đây là chữ Hy Lạp *kurios*, có nghĩa là người chủ, người cai trị. Đây là bản văn đầu tiên sử dụng chữ *kurios* như là một danh hiệu độc lập của Nero. Danh hiệu này bị Hoàng đế Octavian/Augustus và Tiberias bác bỏ bởi vì họ cho rằng nó quá gần với chữ Latin *rex* (có nghĩa là vua), khiến cho công chúng Rô-ma và Thượng nghị viện khó chịu. Tuy nhiên, nó xuất hiện thường xuyên trong và sau vương triều Nero. Vespasian và Titus dùng chữ “người giải cứu” còn Domitian dùng chữ “thần” để gọi chính mình (xem James S. Jeffers, *The Greco-Roman World* trang 101). Chữ *kurios* trở thành tiêu điểm của sự bất bớ Cơ-Đốc-Nhân, những người chỉ dùng danh hiệu này cho Đức Chúa Giê-xu Christ. Họ từ chối xưng đến chữ này trong sự dâng hương và thề nguyện trung thành với Rô-ma.

▣ **“đặng khi tra hỏi rồi”** Đây là chữ *sebastos*, là chữ Hy Lạp tương đương với chữ Latin *augustus*. Chữ gốc căn bản của từ này là “tôn kính”, “sùng bái”, “tôn trọng” hay “thờ phượng”. Nó được Thượng nghị viện sử dụng lần đầu cho Hoàng đế Octavian trong năm 27 TC. Tại đây, nó được dùng để xưng Nero. Nero dường như mở rộng sự thờ lạy Hoàng đế.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao những lãnh đạo Do Thái sợ và ghét Phao-lô?
2. Chương này đã thể hiện mục đích viết sách Công-vụ của Lu-ca như thế nào?
3. Mục đích Phao-lô tự bào chữa cho chính mình trước Ạc-ríp-ba và Bê-rê-nít là gì?

CÔNG VỤ ĐOẠN 26

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô tự bào chữa cho mình trước Ạc-ríp-ba	Cuộc đời trước đây của Phao-lô	Sự bào chữa của Phao-lô trước Ạc-ríp-ba (25:13-26:32)	Phao-lô tự bào chữa cho mình trước Ạc-ríp-ba	Phao-lô trình diện trước vua Ạc-ríp-ba 25:13-26:1
26:1-11	26:1-11	26:1 26:2-3 26:4-8 26:9-11	26:1 26:2-3 26:4-8 26:9-11	Bài giảng của Phao-lô trước vua Ạc-ríp-ba 26:2-3 26:4-8 26:9-11
Phao-lô kể sự cải đạo của mình	Phao-lô kể lại sự cải đạo của mình	26:12-18	Phao-lô kể sự cải đạo của mình 26:12-18	26:12-18
Lời làm chứng của Phao-lô cho người Do Thái và người ngoại bang	Cuộc đời của Phao-lô sau khi cải đạo	26:19-23	Phao-lô kể việc làm của ông 26:19-23	26:19-23
Phao-lô khuyến mời Ạc-ríp-ba tin nhận		26:24-29	26:24 26:25-27 26:28 26:29	Những phản ứng của những thánh giả 26:24-29
26:30-32		26:30-32	26:30-32	26:30-32

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3

4. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 26:1

¹ Bấy giờ vua A-c-ríp-ba biểu Phao-lô rằng: Người được phép nói để chữa mình. Phao-lô bèn giơ tay ra, chữa cho mình như vậy:

26:1 “giơ tay ra” Đây là một cử chỉ chào mừng và giới thiệu bài diễn thuyết (xem Công-vụ 12:17; 13:16 và 21:40, trong đó dấu hiệu bằng tay được dùng để thu hút sự chú ý và đề nghị im lặng).

BẢN NASB 26:2-3

² Tâu vua A-c-ríp-ba, tôi lấy làm may mà hôm nay được gỡ mình tôi trước mặt vua về mọi điều người Giu-đa kiện tôi, ³ nhứt là vì vua đã rõ mọi thói tục người Giu-đa, và cũng biết sự cãi lầy của họ. Vậy, xin vua hãy nhịn nhục mà nghe tôi.

26:2-3 Phao-lô mở đầu phần bào chữa của mình trong hình thức trịnh trọng khen ngợi, giống như ông đã làm khi bị xử án trước Phê-lít (xem 24:10). Ông đã ghi nhớ kinh nghiệm kém may mắn của ông trước Tòa công luận như thế nào (xem 23:1-10).

26:2 “về mọi điều người Giu-đa kiện tôi” A-c-ríp-ba II được giao trách nhiệm kiểm soát đền thờ và chức thầy tế lễ. Mặc dù là người ủng hộ La mã và được giáo dục tại Rô-ma, ông hiểu sự phức tạp của niềm tin Do-Thái-Giáo (xem câu 3).

▣ **“may mắn”** Đây cũng là một chữ dùng để giới thiệu những phước lành trong Ma-thi-ơ 5 và Thi thiên 1:1 trong bản Septuagint.

26:3

NASB, NKJV

“tất cả những tập tục và sự thối nát”

NRSV

“tất cả những tập tục và sự tranh cãi”

TEV

“tất cả những tập tục và sự tranh luận của người Do Thái”

NJB

“tập tục và sự tranh cãi”

Chữ đầu tiên là *ethōn*, từ chữ này mà trong Anh ngữ chúng ta có chữ “ethnic”, hay là khía cạnh văn hóa của một nhóm người riêng biệt. Chữ thứ hai thì thường được sử dụng trong sách Công-vụ cho những tranh luận hay là lý lẽ về những khía cạnh của các tu sĩ Do-Thái-Giáo (xem 15:2; 18:15; 23:19; 25:19; 26:3). Những điều này là chuyện thông thường vì sự hiện hữu của phe phái trong Do-Thái-Giáo vào thế kỷ thứ nhất: Sa-đu-sê, Pha-ri-si (cũng như những nhóm theo thần học của Shammai và Hillel), và những người Xê-lốt.

BẢN NASB 26:4-8

⁴ Cách ăn nết ở của tôi từ lúc tuổi trẻ, nơi giữa bốn quốc tôi và tại thành Giê-ru-sa-lem, thì mọi người Giu-đa đều biết cả. ⁵ Ví bằng họ muốn làm chứng về việc này, thì biết từ lâu ngày rồi, tôi là người Pha-ri-si, theo phe đó, rất là nghiêm hơn trong đạo chúng tôi. ⁶ Hiện nay tôi bị đoán xét, vì trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ chúng tôi, ⁷ lại mười hai chi phái chúng tôi, lấy lòng sốt sắng thờ phượng Đức Chúa Trời, cả đêm và ngày, mà trông đợi lời hứa ấy được trọn. Muôn tâu, thật là vì sự trông cậy đó mà tôi bị người Giu-đa kiện cáo. ⁸ Ủa nào! các ông há lại ngờ chẳng có thể tin được rằng Đức Chúa Trời khiến những kẻ chết sống lại sao?

26:4 “mọi người Giu-đa đều biết cả” Phao-lô lặp lại ý này nhiều lần (xem Công-vụ 22:3-5; 23:1; 24:16; 25:8). Phao-lô đã sống một cuộc đời kiêu mẫu giữa những người Do Thái tại thành Giê-ru-sa-lem (xem câu 5).

▣ **“bôn quốc tôi”** Không rõ Phao-lô trưởng thành nơi nào. Chi tiết này có thể là (1) Tạt-sơ trong xứ Sy-li-ci hay là (2) Giê-ru-sa-lem.

26:5 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL) có nghĩa là một hành động có triển vọng. Trong bối cảnh tại đây, Phao-lô biết rằng những người kiện ông có thể làm chứng về quá khứ của ông, nhưng họ đã không làm.

▣ **“tôi là người Pha-ri-si, theo phe đó, rất là nghiêm hơn trong đạo chúng tôi”** Đây là một hệ phái thần học của Do-Thái-Giáo xuất hiện trong thời kỳ Mạc-ca-bê. Nhóm này cam kết vâng giữ luật pháp và lời truyền khẩu. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 5:34 hay 15:15.

26:6 “trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ chúng tôi” Điều này ám chỉ đến lời tiên tri Cựu ước về (1) Đấng Mết-si-a hiện đến hay là (2) sự sống lại của người chết (xem 23:6; 24:15; Gióp 14:14-15; 19:25-27; Đa-ni-ên 12:2). Phao-lô xem “Đạo” là sự hoàn thành của Cựu ước (xem Ma-thi-ơ 5:17-19; Ga-la-ti 3). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự trông mong trong 2:25 và Kerygma trong 2:14.

26:7 “mười hai chi phái chúng tôi” Gia phả các chi phái (các con của Gia-cóp) vẫn giữ vị trí rất là quan trọng đối với những người Do Thái. Đa số mười chi phái phương bắc bị A-sy-ri lưu đày (năm 722 TC) không bao giờ trở về. Chúng ta biết được một vài thông tin về các chi phái trong Tân ước.

1. Ma-ri, Giô-sép, và Đức Chúa Giê-xu là từ chi phái Giu-đa (xem Ma-thi-ơ 1:2-16; Lu-ca 3:23-33; Khải-huyền 5:5)
2. Chi phái của An-ne là A-se (xem Lu-ca 2:36)
3. Chi phái của Phao-lô là Bên-gia-min (xem Rô-ma 11:1; Phi-líp 3:5)

Vua Hê-rôt Đại Đế ghen ghét điều này và ra lệnh đem đốt các tư liệu trong đền thờ có ghi lại các gia phả. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: con số mười hai trong 1:23.

▣ **“trông đợi”** Có người thắc mắc rằng Phao-lô trông mong lời hứa cụ thể gì? Theo bối cảnh rộng thì có thể suy đoán là sự sống lại. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự trông mong trong 2:25.

▣ **“lấy lòng sốt sắng thờ phượng Đức Chúa Trời, cả đêm và ngày”** Phao-lô yêu quý nhóm cấp tiến của ông (xem Rô-ma 9:1-3). Ông biết họ cố gắng hầu việc YHWH rất là gian nan. Chỉ duy có một mình ông biết được hiểm họa của chủ nghĩa luật pháp, giáo điều và trọng giới ưu tú (người được biệt riêng)

“Đêm và ngày” là một thành ngữ chỉ sự mạnh mẽ và thường xuyên (xem 20:31; Lu-ca 2:37).

26:8 “Ủa nào! các ông há lại ngờ” Phao-lô đang nói cho hai nhóm người đang hiện diện: (1) A-c-ríp-ba và những người Do Thái và (2) các người ngoại bang như Phê-tu.

▣ **“chẳng có thể tin được rằng”** Trong nguyên ngữ là “nếu”. Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL) giả định rằng quan điểm hay là chủ ý văn chương của tác giả là chính xác.

▣ **“Đức Chúa Trời khiến những kẻ chết sống lại”** Cụm từ này nói lên hy vọng của người Do Thái về sự sống lại phổ quát, nhưng trong ý định cụ thể của Phao-lô thì là sự sống lại của Đấng Christ (xem I Cô-rinh-tô 15). Những người Sa-đu-sê kiện Phao-lô chắc hẳn phải rất lo lắng tại điểm này (xem 23:1-10).

BẢN NASB 26:9-11

⁹ Thật, chính mình tôi đã tin rằng nên dùng đủ mọi cách thế mà chống lại danh Jê-sus ở Na-xa-rét. ¹⁰ Thật tôi đã làm sự này tại thành Giê-ru-sa-lem: sau khi đã chịu quyền của các thầy tế lễ cả, thì tôi bỏ tù nhiều người thánh; và lúc họ giết các người đó, tôi cũng đồng một ý. ¹¹ Và lại, tôi thường trải đi từ nhà hội này đến nhà hội kia, hà hiếp họ, để bắt họ phải nói phạm thượng, tôi lại nổi giận quá bội bắt bớ họ cho đến các thành ngoại quốc.

26:9 Phao-lô (*egō*, “tôi” và *emautō*, “chính tôi”) xưng nhận lòng nhiệt thành tôn giáo của mình, mà giờ đây ông thừa nhận rằng không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời (xem I Ti-mô-thê 1:13). Ông đã nghĩ rằng bằng cách bắt bớ những người tin theo Đức Chúa Giê-xu ông đang hầu việc Chúa và làm vui lòng Chúa. Thế giới và thế giới quan của Phao-lô hoàn toàn thay đổi trên con đường Đa-mách (xem Công-vụ 9).

▣ **“Jê-sus ở Na-xa-rét”** Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:21 và 2:27.

26:10 “nhiều người thánh” Giờ đây Phao-lô biết đích xác những người ông đã bắt bớ và giết hại chính là những người của Đức Chúa Trời. Khái tượng tại Đa-mách của Phao-lô quả thật là một sự chấn động, đau đớn và khai sáng cho ông, là một sự kiện hoàn toàn thay đổi đời sống và tư tưởng. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 9:13.

▣ **“sau khi đã chịu quyền”** Phao-lô đã từng là người bắt bớ “chính thức” của Tòa công luận.

▣ **“họ giết các người đó”** Chi tiết này bày tỏ sự tàn bạo của con bắt bớ. “Đạo” không phải là một vấn đề nhỏ; nó đã là một vấn đề sống còn và hiện nay vẫn vậy.

▣ **“tôi cũng đồng một ý”** Đây là một thuật ngữ tiếng Hy Lạp chỉ một phiếu bầu chính thức trong Tòa công luận hay là trong các nhà hội địa phương. Nhưng bởi vì trong nhà hội địa phương không thể hay là không có quyền quyết định về vấn đề hành hình, nên đây chỉ có thể là Tòa công luận. Nếu đây là phiếu bầu trong Tòa công luận, thì Phao-lô chắc hẳn đã phải có gia đình. Nghĩa nguyên thủy của chữ này là “hòn sỏi” dùng để bầu phiếu có màu trắng hoặc là đen (xem Khải-huyền 2:17).

26:11 “để bắt” Đây là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) của chữ Hy Lạp có nghĩa là ép buộc hay là cưỡng bức (xem 28:19), nhưng tại đây nó có ý là cố gắng. Nó ám chỉ đến một hành động được lặp lại trong quá khứ.

▣ **“nói phạm thượng”** Sau-lơ đã cố gắng ép buộc họ công khai xưng nhận đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu chính là Đấng Mết-si-a rồi sau đó kết tội họ.

▣

NASB “nổi giận quá bội”
NKJV “nổi giận quá sức”
NRSV “tôi đã nổi giận điên tiết”
TEV “tôi đã nổi cơn thịnh nộ”
NJB “con giận của tôi với họ là cực điểm”

Đây là một trạng từ (ADVERB) rất mạnh (“rất nhiều”) và ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CẤP [biến cách] HIỆN TẠI (PARTICIPLE PRESENT MIDDLE [deponent]). Phê-tô đã sử dụng cùng một từ gốc này với Phao-lô (có nghĩa đen là nổi xung trong 26:24).

BẢN NASB 26:12-18

¹² Ấy vậy, tôi lên thành Đa-mách có trọn quyền và phép bởi các thầy tế lễ cả, đương đi dọc đường, ¹³ muộn tối, lúc giữa trưa, tôi thấy có ánh sáng từ trên trời giáng xuống, chói lói hơn mặt trời, sáng lòa chung quanh tôi và kẻ cùng đi. ¹⁴ Chúng tôi thấy đều té xuống đất, và tôi nghe tiếng phán cùng tôi bằng tiếng Hê-bơ-rơ rằng: Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt-bớ ta? người đá đến ghim nhọn thì là khó chịu cho ngươi vậy. ¹⁵ Tôi thưa: Lạy Chúa, Chúa là ai? Chúa đáp rằng: Ta là Jê-sus mà ngươi đương bắt bớ. ¹⁶ Song hãy chờ dậy, và đứng lên, vì ta đã hiện ra cho ngươi để lập ngươi làm chức việc và làm chứng về những việc ngươi đã thấy, cùng những việc ta sẽ hiện đến mách cho ngươi. ¹⁷ Ta sẽ bảo hộ ngươi khỏi dân nầy và dân ngoại là nơi ta sai ngươi đến, ¹⁸ đặng mở mắt họ, hầu cho họ từ tối tăm mà qua sáng láng, từ quyền lực của quỷ Sa-tan mà đến Đức Chúa Trời, và cho họ bởi đức tin nơi ta được sự tha tội, cùng phần gia tài với các thánh đồ.

26:12 Phao-lô kể lại lời chứng cá nhân ba lần trong sách Công-vụ 9:1-31; 22:3-21, và tại đây. Ôn thương xót và sự chọn lựa Đức Chúa Trời dành cho Phao-lô thì quá rõ ràng. Nếu Đức Chúa Trời qua Đấng Christ có thể tha thứ và sử dụng con người này, thì Ngài cũng có thể tha thứ và sử dụng bạn.

26:13 Xem ghi chú đầy đủ trong 9:3. Sự kiện về những khác biệt chi tiết trong cả ba lần Phao-lô chia sẻ sự cải đạo của mình, cho thấy tính chính xác trong những ghi chép của Lu-ca về những sự bào chữa pháp lý (và cả những bài giảng) trong sách Công-vụ .

26:14 Xem ghi chú đầy đủ trong 9:4.

Frank Stagg, trong quyển *New Testament Theology*, có một đoạn văn xuất sắc về mối liên hệ sống còn giữa Đức Chúa Giê-xu và Hội thánh Ngài.

“Đặc điểm quan trọng nhất trong sự phán xét là chúng ta bị xét xử trong mối liên hệ với Đấng Christ. Theo đó, đây cũng là sự phán xét trong mối liên hệ với con dân của Ngài. Mối liên hệ của chúng ta với Chúa phản ánh trong mối liên hệ của chúng ta với dân sự Ngài. Phục vụ họ là hầu việc Chúa, bỏ mặc họ là hững hờ với Chúa (Ma-thi-ơ 25:31-46). Tân ước không bao giờ cho phép một người nào có thể tách biệt mối liên hệ với Chúa ra khỏi mối liên hệ với những người khác. Bắt bớ họ là bắt bớ Ngài. (Công-vụ 9:1-2,4-5; 22:4,7-8; 26:10-11,14-15). Phạm tội nghịch cùng các anh em là phạm tội nghịch với Đấng Christ (I Cô-rinh-tô 8:12). Dù rằng chúng ta không được cứu bởi việc làm của mình, nhưng chúng ta sẽ bị phán xét bởi chúng; bởi việc làm của chúng ta phản ánh mối liên hệ chân thật của chúng ta với Đấng Christ và ân sủng của Ngài. Sự đoán xét chỉ thương xót cho những ai tiếp nhận sự đoán xét, và sự đoán xét chỉ thương xót cho những ai biết thương xót người khác (Ma-thi-ơ 5:7)” (trang 333).

▣ **“Hê-bơ-rơ”** Trong ba lời chứng cá nhân của Phao-lô trong sách Công-vụ, đây là lần duy nhất có đề cập đến chi tiết Đức Chúa Giê-xu phán bằng tiếng A-ram.

▣ **“Sau-lơ, Sau-lơ”** Nửa cuối của câu 14, phần sau của câu 15 cùng với các câu 16-18, là trích dẫn lời phán của Đức Chúa Giê-xu với Phao-lô trên đường Đa-mách.

▣ **“ngươi đá đến ghim nhọn thì là khó chịu cho ngươi vậy”** Cụm từ này là độc đáo trong văn mạch, có thể bởi vì nó là tục ngữ Hy Lạp/Latin chứ không phải là Do Thái. Phao-lô luôn luôn để ý đến đối tượng thánh giả của ông và làm cách nào để giao tiếp với họ. Chi tiết này ám chỉ đến (1) que có đầu nhọn được những người điều khiển bò sử dụng để kéo xe hay là kéo cày hoặc là (2) chỗ nhô ra ở phần đầu của xe kéo để tránh cho những con vật kéo xe đá ngược về phía sau. Tục ngữ này được dùng với ẩn ý chỉ sự vô ích của con người khi chống nghịch lại ý định thiên thượng.

26:15 Xem chú thích đầy đủ trong 9:5.

☐ **“là Jê-sus mà người đương bắt bớ”** Chi tiết này bày tỏ mối liên hệ gần gũi giữa Đức Chúa Giê-xu với Hội thánh của Ngài (xem Ma-thi-ơ 10:40; 25:40,45). Làm tổn thương họ là đụng đến Chúa.

26:16 “Song hãy chớ dậy, và đứng lên” Cả hai đều là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVES). Những mệnh lệnh này tương tự như tiếng gọi tiên tri của Giê-rê-mi 1:7-8 và Ê-xê-chi-ên 2:1,3.

☐ **“vì ta đã hiện ra cho người”** Đức Chúa Trời có một sứ mệnh đặc biệt cho Phao-lô. Sự cải đạo và kêu gọi của Phao-lô không phải là bình thường mà là vô cùng đặc biệt. Đức Chúa Trời chứng tỏ hùng hồn về sự thương xót của Ngài cũng giống như sự tuyển chọn của Đức Chúa Trời cho sự phục vụ và mở mang nước Ngài.

☐ **“ta đã hiện ra cho người..ta sẽ hiện đến mách cho người”** Cả hai đều ở dạng *horaō*. Cụm từ thứ nhất là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVE) và cụm từ thứ hai là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG TƯƠNG LAI (FUTURE PASSIVE INDICATIVE). Trong một ý nào đó, Đức Chúa Giê-xu đang hứa với Phao-lô những lần tiếp xúc trong tương lai. Phao-lô đã nhận được nhiều khái tượng thiêng liêng trong suốt chức vụ của ông (xem 18:9-10; 22:17-21; 23:11; 27:23-24). Phao-lô cũng nhắc đến giai đoạn huấn luyện tại Ả-rập mà ông được chính Đức Chúa Giê-xu dạy dỗ (xem Ga-la-ti 1:12,17,18).

☐ **“để lập người”** Có nghĩa đen là “trao vào tay”. Nó là một thành ngữ chỉ số phận (xem 22:14; 26:16).

☐ **“làm chức việc và làm chứng”** Nghĩa đen của chữ đầu tiên ám chỉ đến người chèo ở tầng dưới của chiếc thuyền. Nó được sử dụng như một thành ngữ chỉ người phục vụ. Đối với từ thứ hai, *martus*, từ chữ này chúng ta có từ “martyr” trong Anh ngữ. Nó có hai nghĩa:

1. một nhân chứng (xem Lu-ca 11:48; 24:48; Công-vụ 1:8,22; 5:32; 10:39,41; 22:15)
2. một người tuân đạo (xem Công-vụ 22:20).

Cả hai ẩn ý này đều là trải nghiệm cá nhân của hầu hết các sứ đồ và rất nhiều tín hữu trải qua các thời đại.

26:17 “bảo hộ người” Đây là ĐỘNG TÍNH TỬ TRUNG CẤP HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE). Trong THỂ TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) chữ này thường có nghĩa là chọn hay tuyển lựa. Thông thường nó được dịch là “giải cứu hay là giải thoát” (xem 7:10,34; 12:11; 23:27). Tại đây bày tỏ rõ ràng sự chăm sóc phù hộ của Chúa. Phao-lô đã tiếp nhận nhiều khái tượng để được khích lệ. Đây có thể là ám chỉ đến phân đoạn Ê-sai 48:10 hay có thể là Giê-rê-mi 1:7-8,19 trong bản Septuagint.

☐ **“dân này và dân ngoại”** Phao-lô sẽ phải chịu khốn khổ bởi sự chống đối từ cả hai nhóm (xem II Cô-rinh-tô 11:23-27).

☐ **“là nơi ta sai người đến”** Chữ “ta” là sự nhấn mạnh tại đây giống như trong câu 15. Động từ *apostello* ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE), từ chữ này chúng ta có chữ “Apostle” trong Anh ngữ. Giống như Cha đã sai phái Đức Chúa Giê-xu thế nào, thì Đức Chúa Giê-xu cũng sai phái những chứng nhân, sứ đồ của Ngài thế ấy (xem Giăng 20:21).

26:18 “đặng mở mắt...mà qua” Cả hai đều ở dạng THÌ BẤT ĐỊNH NGUYÊN THỂ (AORIST INFINITIVES). Đây có thể là ám chỉ đến Ê-sai 42:7. Đấng Mết-si-a sẽ mở mắt kẻ mù là một ẩn dụ của việc mở mắt tâm linh (xem Giăng 9). Tri thức và sự hiểu biết Phúc âm cần phải đến trước sự kêu gọi đáp ứng tình nguyện (ăn năn và tin cậy). Satan cố gắng che đậy tâm lòng và tâm trí của chúng ta (xem II Cô-rinh-tô 4:4) còn Đức Thánh Linh thì lại cố gắng khai mở chúng (xem Giăng 6:44,65; 16:8-11).

▣ **“từ tối tăm...từ quyền lực của quỷ Sa-tan”** Lưu ý đến cách dùng của thể song đối (hai mệnh đề/chữ đối nghịch với nhau). Quyền lực là chữ Hy Lạp *exousia*, thường được dịch là thẩm quyền hay là sức mạnh (xem NKJV, NRSV, TEV). Thế gian đang ở dưới sự ảnh hưởng của ma quỷ (xem Ê-phê-sô 2:2; 4:14; 6:10-18; II Cô-rinh-tô 4:4; Cô-lô-sê 1:12-13).

Trong Cựu ước, cụ thể là trong những lời tiên tri của Ê-sai, Đấng Mết-si-a đem ánh sáng đến cho kẻ mù. Nó là sự tiên đoán về thuộc thể cũng như là ẩn dụ về chân lý (xem Ê-sai. 29:18; 32:3; 35:5; 42:7,16).

▣ **“qua sáng láng...mà đến Đức Chúa Trời”** Lưu ý đến thể song đối. Con người cổ đại kinh sợ sự tăm tối. Nó trở thành hình bóng về ma quỷ. Ánh sáng, thì ngược lại trở thành ẩn dụ của chân lý, sự chữa lành và trong sạch. Một khúc Kinh thánh theo thể song đối về ánh sáng Phúc âm là trong Giảng 3:17-21.

▣ **“và cho họ...được”** Dạng GỐC ĐỘNG TỪ (VERBAL) trong cụm từ này cũng là THÌ BẤT ĐỊNH NGUYÊN THỂ (AORIST INFINITIVE). Không có dạng “có thể” trong tiếng Hy Lạp (xem TEV, NJB). Điều kiện duy nhất trong văn mạch tại đây là mệnh đề “bởi đức tin nơi Ta” được đặt cuối câu tiếng Hy Lạp để nhấn mạnh. Tất cả ơn phước của Đức Chúa Trời phụ thuộc vào sự đáp ứng đức tin đối với ân điển của Ngài (xem Ê-phê-sô 2:8-9). Đây là điểm đối lập của Tân ước với giao ước có điều kiện của Cựu ước.

▣ **“sự tha tội”** Lu-ca sử dụng chữ này (*aphesis*) thường xuyên.

1. Trong Lu-ca 4:18 nó được dùng trong một trích dẫn Cựu ước từ Ê-sai 61:1, tại đây nó có nghĩa là phóng thích, phản ánh cách sử dụng của bản LXX trong Xuất Ê-díp-tô Ký 18:2 và Lê-vi Ký 16:26.
2. Trong Lu-ca 1:77; 3:3; 24:47; Công-vụ 2:38; 5:31; 10:43; 13:38; 26:18, nó có nghĩa là “bôi xóa sự cảm biết tội lỗi”, phản ánh cách dùng của bản LXX trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 15:3, nơi nó được dùng cho sự xóa nợ.

Cách dùng từ, chọn nghĩa của Lu-ca có thể phản ánh lời hứa của Giao Ước mới trong Giê-rê-mi 31:34.

▣ **“cùng phân gia tài”** Đây là chữ Hy Lạp *klēros*, có hàm ý là bắt thăm (xem Lê-vi Ký 16:8; Giô-na 1:7; Công-vụ 1:26) để xác định của thừa kế, như trong Sáng-thể Ký 48:6; Xuất Ê-díp-tô Ký 6:8; và Giô-suê 13:7-8. Trong Cựu ước, những người Lê-vi không có đất thừa kế, chỉ có 48 thành cho người Lê-vi (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:9; 12:12), nhưng chính Đức Chúa Trời là sản nghiệp của họ (xem Dân-số Ký 18:20). Ngày nay, tất cả các tín hữu đều là thầy tế lễ (xem I Phi-e-rơ 2:5,9; Khải-huyền 1:6). Đức Chúa Trời (YHWH) là sản nghiệp của chúng ta; chúng ta là con cái Ngài (xem Rô-ma 8:15-17).

▣ **“với các thánh đồ”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Các tín hữu (những người có đức tin) đã và tiếp tục được thánh hóa bởi đức tin trong Đấng Christ (xem 20:21). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 9:32. Cả Satan hay các quỷ cũng không thể cướp lấy họ được (xem Rô-ma 8:31-39).

BẢN NASB 26:19-23

¹⁹ Tâu vua A-c-ríp-ba, từ đó, tôi chẳng hề dám chống cự với sự hiện thấy trên trời; ²⁰ nhưng đầu hết tôi khuyên dỗ người thành Đa-mách, kể đến người thành Giê-ru-sa-lem và cả xứ Giu-đê, rồi đến các dân ngoại rằng phải ăn năn và trở lại cùng Đức Chúa Trời, làm công việc xứng đáng với sự ăn năn. ²¹ Kìa, vì thế nên người Giu-đa đã bắt tôi trong đền thờ và toan giết tôi. ²² Song nhờ ơn Đức Chúa Trời bảo hộ, tôi còn sống đến ngày nay, làm chứng cho các kẻ lớn nhỏ, không nói chi khác hơn là điều các đấng tiên tri và Môi-se đã nói sẽ đến, ²³ tức là Đấng Christ phải chịu thương khó, và bởi sự sống lại trước nhứt từ trong kẻ chết, phải rao truyền ánh sáng ra cho dân sự và người ngoại.

26:19 “Tâu vua Ạc-ríp-ba” Phao-lô đang cố gắng đem người này đến với Phúc âm (xem câu 26-29).

▣ **“tôi chẳng hề dám chống cự”** Chữ Hy Lạp *peithō* phát xuất từ tên của nữ thần thuyết phục. Trong văn mạch tại đây, nó ở dạng PHỤ ĐỊNH ALPHA (ALPHA PRIVATIVE), phủ nhận nó, do đó mang hàm ý “không vâng phục” (xem Lu-ca 1:17; Rô-ma 1:30; II Ti-mô-thê 3:2; Tít 1:16; 3:3). Do đó, theo một ý nào đó trong tiếng Hy Lạp Koine đây là một cách phủ nhận mạnh mẽ; nhưng trong văn mạch tại đây, nó là một phương cách văn học để khẳng định sự vâng phục của Phao-lô.

▣ **“sự hiện thấy trên trời”** Chi tiết này đề cập đến sự kiện trên đường Đa-mách khi Phao-lô diện kiến Đấng Christ phục sinh vinh hiển.

26:20 “Đa-mách...Giê-ru-sa-lem” Xem Công-vụ 9:19-25,27 về chức vụ của Phao-lô tại Đa-mách; 9:26-30 cho chức vụ của Phao-lô tại Giê-ru-sa-lem và có thể là 9:31 cho chức vụ của Phao-lô tại Giu-đê.

▣ **“phải ăn năn và trở lại cùng Đức Chúa Trời”** Sứ điệp của Phao-lô giống như của Giảng Báp-tít (xem Ma-thi-ơ 3:1-12; Mác 1:4-8) và sứ điệp lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15).

Chữ ăn năn trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là thay đổi tâm trí. Trong tiếng Do Thái thì chữ này lại có nghĩa là thay đổi hành động. Cả hai đều liên hệ đến sự ăn năn thực sự. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:38. Hai yêu cầu trong Giao Ước mới (cũng là yêu cầu của Giao Ước cũ) cho sự cứu rỗi là ăn năn (quay khỏi chính mình và tội lỗi) và đức tin (hướng về Chúa qua Đấng Christ, xem câu 18; Mác 1:15; Công-vụ 3:16,18; 20:21; 26:18, 20).

▣ **“làm công việc xứng đáng với sự ăn năn”** Nếp sống của người tín hữu, dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE) kiểm chứng cam kết đức tin ban đầu của họ (xem Ma-thi-ơ 3:8; Lu-ca 3:8; Ê-phê-sô 2:8-10, Gia-cơ và I Giảng). Đức Chúa Trời muốn nhân loại phản ánh thánh đức của Ngài. Những tín hữu được gọi là giống-như-Đấng-Christ (xem Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Phúc âm là thái độ tiếp nhận hân hoan, chân lý để tin cậy, và một cuộc đời sống giống như Chúa.

26:21 Đây không phải là quan điểm thần học của Phao-lô, nhưng là lời giảng của ông dành cho cả “người ngoại bang” (câu 20) đã tạo nên cơn bạo động trong đền thờ.

▣ **“toan giết tôi”** Đây là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE [deponent] INDICATIVE) (cố gắng nhiều lần) với một THÌ BẤT ĐỊNH TRUNG CẤP NGUYÊN THỂ (AORIST MIDDLE INFINITIVE) (giết). Những người Do Thái (xem Công-vụ 9:24) đến từ A-si (xem 20:3,19; 21:27,30) đã cố gắng giết Phao-lô nhiều lần.

26:22 “làm chứng cho các kẻ lớn nhỏ” Đây là một thành ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ hệ Semitic. Nó là sự khẳng định của Phao-lô (giống như Phi-e-rơ, xem 10:38) rằng ông, giống như Chúa, không phân biệt con người (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:17; II Sứ-ký 19:7, xem ghi chú đầy đủ trong 10:34). Ông, Phao-lô giảng cho cả nhân loại.

▣ **“không nói chi khác hơn là điều các đấng tiên tri và Môi-se đã nói sẽ đến”** Phao-lô đang quả quyết rằng sứ điệp của ông và thánh giá của ông (người ngoại bang) không phải là một sáng kiến mới, nhưng là lời tiên tri Cựu ước. Ông chỉ đơn giản làm theo những sự hướng dẫn, lời hứa và chân lý Cựu ước.

26:23 Lưu ý rằng sứ điệp của Phao-lô nhất quán với ba phần: (1) Đấng Mết-si-a phải chịu khốn khổ để tha thứ cho nhân loại; (2) sự phục sinh của Đấng Mết-si-a là trái đầu mùa cho sự sống lại của mọi tín hữu; và (3) đây là tin mừng cho cả người Do Thái và người ngoại bang. Cả ba phương diện thần học này cần phải kết hợp với câu 20 để bày tỏ chúng ta cần phải tiếp nhận Đấng Christ cách cá nhân như thế nào (ăn năn, quay khỏi bản ngã và tội lỗi, hướng mình đến Đức Chúa Trời qua Đấng Christ).

☐ **“tức là Đấng Christ phải chịu thương khổ”** Đây là trở ngại khiến người Do Thái vấp ngã (xem I Cô-rinh-tô 1:23), nhưng nó lại là sự tiên báo trong Cựu ước (xem Sáng-thế Ký 3:15; Thi-thiên 22; Ê-sai 53). Chữ “Đấng Christ” trong tiếng Hy Lạp phản ánh danh hiệu “Đấng Mê-ti-a” trong tiếng Do Thái. Phao-lô quả quyết rằng Đức Chúa Giê-xu, người đã bị đóng đinh, chính là Đấng Christ, Đấng được hứa, Đấng được xúc dầu (xem 2:36; 3:6,18,20; 4:10,26; 13:33; 17:3; 26:23).

☐ **“nếu...nếu”** Đây không phải là một CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCE) hay là một câu hỏi, nhưng là các sự xác nhận đã được giới thiệu bằng “do đó” (*ei*) hay là “dù cho” (*ei*).

☐ **“bởi sự sống lại trước nhứt từ trong kẻ chết”** Dựa theo khúc kinh văn tại đây và trong Rô-ma 1:4 đã phát triển thành một tà giáo lúc ban đầu gọi là “thuyết con nuôi”, cho rằng con người Giê-xu đã được thưởng vì sống một cuộc đời thiện lành bằng cách được khiến sống lại. Tuy nhiên, Cơ-Đốc luận lầm lạc này đã cố tình phớt lờ sự hiện hữu từ trước của Ngài theo như Giăng 1:1; Phi-líp 2:6-11; Cô-lô-sê 1:15-17; và Hê-bơ-rơ 1:2-3. Đức Chúa Giê-xu đã luôn luôn hiện hữu; Ngài đã luôn luôn là thần linh; Ngài đã hiện diện trong dòng thời gian.

☐ **“ánh sáng”** Ánh sáng là một ẩn dụ cổ xưa về chân lý và sự trong sạch (xem câu 18; Ê-sai 9:2; 42:6-7).

☐ **“cho dân sự và người ngoại”** Chỉ có một Phúc âm duy nhất cho cả hai nhóm người này (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13). Đây là sự huyền nhiệm đã che giấu qua các thời đại, nhưng bây giờ nó được bày tỏ đầy trọn trong Đấng Christ. Tất cả nhân loại đều được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, đấng Tạo Hóa (xem Sáng-thế Ký 1:26-27). Sáng-thế Ký 3:15 hứa trước rằng Đức Chúa Trời sẽ ban sự cứu rỗi cho nhân loại sa ngã. Ê-sai đã khẳng định về đặc tính phổ quát của Đấng Mê-ti-a (xem Ê-sai 42:4,6,10-12; 45:20-25; 49:6; 51:4; 52:10; 60:1-3; cũng như Mi-chê 5:4-5).

BẢN NASB 26:24-29

²⁴ người đang nói như vậy để bình vực mình, thì Phê-tu nói lớn lên rằng: Hỡi Phao-lô, người lảng trí rồi; người học biết nhiều quá đến nỗi ra điên cuồng. ²⁵ Phao-lô lại nói: Bẩm quan lớn Phê-tu, tôi chẳng phải lảng trí đâu; tôi nói đó là những lời thật và phải lẽ. ²⁶ Vua biết rõ các sự này; lại tôi bèn lòng tâu vì tin rằng chẳng có điều nào vua không biết; vì mọi việc đó chẳng làm ra cách chùng vụng đâu. ²⁷ Tâu vua Ạc-ríp-ba, vua có tin các đấng tiên tri chẳng? Tôi biết thật vua tin đó! ²⁸ Vua Ạc-ríp-ba phán cùng Phao-lô rằng: Thiếu chút nữa người khuyên ta trở nên tín đồ Đấng Christ! ²⁹ Phao-lô tâu: Cầu xin Đức Chúa Trời, chẳng kịp thì chầy, không những một mình vua, nhưng hết thấy mọi người nghe tôi hôm nay đều trở nên như tôi, chỉ trừ bỏ xiềng này thôi

26:24 “Phê-tu nói lớn lên” Sự điệp của Phao-lô là không thể tin được đối với Phê-tu. Thế giới quan, văn hóa, nền giáo dục và địa vị làm lệch lạc khả năng hiểu biết của ông.

☐ **“người học biết nhiều quá đến nỗi ra điên cuồng”** Phải trải qua những quanh co thì lời biện hộ của Phao-lô mới chứng tỏ được chiều sâu, tính minh bạch và sức thuyết phục của nó.

26:25 “những lời thật và phải lẽ” Chữ Hy Lạp *sōphrosunē* hợp thành từ hai chữ Hy Lạp “âm thanh” và “tâm trí”. Chúng có ý nghĩa là một phương cách tiếp xúc quân bình với cuộc sống và suy nghĩ. Nó là từ phản nghĩa của chữ “điên khùng” hay “mất trí” (xem câu 24).

☐ **“lẽ thật”** Xem phần Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ‘LỄ THẬT’ TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ

Khi sử dụng từ ngữ này và những từ có dạng liên hệ, Phao lô lấy từ chữ tương đương trong Cựu ước là *emet*, có nghĩa là đáng tin cậy hay thành tín. Trong các tác phẩm Do thái thời giữa hai giao ước, chữ này được dùng để diễn tả sự thật đối lập với sự giả dối. Có lẽ sự đối chiếu gần nhất là “Thánh ca Cảm tạ” trong Cuộn Biển Chết, nơi nó được dùng để chỉ các tín lý được mặc khải. Những thành viên của cộng đồng này trở thành “những người làm chứng cho lễ thật.”

Phao lô dùng chữ này để chỉ Tin lành của Chúa Jêsus Christ:

1. Rô-ma 1:18,25; 2:8,20; 3:7; 15:8
2. I Cô-rinh-tô 13:6
3. II Cô-rinh-tô 4:2; 6:7; 11:10; 13:8
4. Ga-la-ti 2:5, 14; 5:7
5. Ê-phê-sô 1:13; 6:14
6. Cô-lô-se 1:5,6
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10,12,13
8. I Ti-mô-thê 2:4; 3:15; 4:3; 6:5
9. II Ti-mô-thê 2:15, 18,25; 3:7, 8; 4:4
10. Tít 1:1,14

Phao lô cũng sử dụng từ ngữ này để chỉ những điều ông nói là thật:

1. Công-vụ 26:25
2. Rô-ma 9:1
3. II Cô-rinh-tô 7:14; 12:6
4. Ê-phê-sô 4:25
5. Phi-líp 1:18
6. I Ti-mô-thê 2:7

Ông cũng dùng để chỉ động cơ của ông trong I Cô-rinh-tô 5:8 và lối sống (cũng như cho mọi Cơ-Độc-Nhân) trong Ê-phê-sô 4:24; 5:9; Phi-líp 4:8. Có lúc ông dùng nó cho con người:

1. Đức Chúa Trời, Rô-ma 3:4 (Giăng 3:33; 17:17)
2. Chúa Jêsus, Ê-phê-sô 4:21 (giống như Giăng 14:6)
3. Những sự làm chứng của sứ đồ, Tít 1:13
4. Phao lô, II Cô-rinh-tô 6:8

Chỉ có Phao lô dùng dạng động từ (tức là *aletheuo*) trong Ga-la-ti 4:16 và Ê-phê-sô 4:15, là những câu chỉ về Tin lành. Muốn nghiên cứu thêm, xin tham khảo sách của Colin Brown (ed), *The New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 3, trang 784-902.

26:26-28 “Vua biết rõ các sự này” Đã có rất nhiều tranh cãi về những câu Kinh thánh này. Dường như Phao-lô muốn dùng A-c-ríp-ba II để xác nhận lời làm chứng của ông và nếu có thể đưa ông đến sự tiếp nhận chân lý. Câu 28 cho thể dịch là, “Người có muốn ta trở thành một nhân chứng Cơ-Độc-Giáo không?”

26:26 “tôi bền lòng tâm” Lu-ca thường sử dụng chữ này trong sách Công-vụ, nó luôn luôn liên kết với Phao-lô (xem 9:27,28; 13:46; 14:3; 18:26; 19:8). Chữ này thường được dịch là “giảng với sự táo bạo” (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2). Đây là một trong những sự biểu lộ được đầy đầy Đức Thánh Linh. Nó là mục tiêu của Phao-lô nhờ cầu thay trong Ê-phê-sô 6:20. Công bố Phúc âm với sự dạn dĩ là mục tiêu của Đức Thánh Linh trong mọi tín hữu.

▣ **“vì mọi việc đó chẳng làm ra cách chùng vụng đâu”** Phi-e-rơ đã lập đi lập lại sự quả quyết này cho những thính giả đầu tiên của ông tại Giê-ru-sa-lem (xem 2:22,33). Các dữ kiện về Phúc âm đều có thể kiểm chứng và mang tính lịch sử.

27:27 Phao-lô biết rằng A-c-ríp-ba có sự hiểu biết về Cựu ước. Phao-lô đang tuyên bố rằng sứ điệp Phúc âm của ông rõ ràng đến từ Kinh thánh Cựu ước. Nó không phải là một sứ điệp “mới” hay là “canh tân”. Nhưng nó là lời tiên tri được làm trọn.

26:28

NASB “trong một lúc người sẽ thuyết phục ta trở thành Cơ-Độc-Nhân”

NKJV “người gần như thuyết phục ta trở thành Cơ-Độc-Nhân”

NRSV “người thật nhanh chóng thuyết phục ta thành Cơ-Độc-Nhân”

TEV “chỉ trong một chút người nghĩ rằng sẽ khiến ta thành Cơ-Độc-Nhân”

NJB “chỉ một chút nữa, các lập luận của người sẽ khiến ta thành Cơ-Độc-Nhân”

Có sự lựa chọn về từ vựng về cách hiểu chữ *oligō* (có nghĩa là nhỏ hay ít), “trong một lúc” (theo bản NASB, NRSV, TEV), hay là “với một ít cố gắng” (bản NKJV, NJB). Cũng một sự “mơ hồ” trong việc chọn ý nghĩa này hiện diện trong câu 29.

Có sự khác biệt về từ ngữ liên quan đến cụm từ này: “làm” hay “tạo ra” (*poieō*) trong các bản chép tay P⁷⁴, 8, A, hay là “trở thành” trong MS E cũng như trong các bản dịch Vulgate và Peshitta.

Ý nghĩa theo bối cảnh rộng thì rõ ràng. Phao-lô muốn trình bày Phúc âm theo một cách mà ai đã biết và tin Cựu ước (A-c-ríp-ba) đều bị thuyết phục hay ít nhất là cũng xác nhận sự xác đáng của các lời tiên tri Cựu ước này.

▣ **“tín đồ Đấng Christ”** Những người theo “Đạo” (người theo Đấng Christ) được gọi là Cơ-Độc-Nhân đầu tiên tại thành An-ti-ốt trong xứ Sy-ri (xem 11:26). Chỗ duy nhất còn lại mà danh xưng này xuất hiện trong sách Công-vụ là từ miệng của A-c-ríp-ba II, điều này có nghĩa là danh xưng này đã trở nên nổi tiếng, thông dụng.

26:29 “Cầu xin Đức Chúa Trời” Câu 29 là một phần của câu ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN (FOURTH CLASS CONDITIONAL) *an* trong DẠNG MONG MỜI (OPTATIVE MOOD), thể hiện một mong ước mơ hồ có thể thành sự thật. Nó thường là một lời cầu xin hay là một ước nguyện. Phao-lô mong rằng tất cả những thánh giá của ông, người La mã cũng như người Do Thái, đều đến với đức tin trong Đấng Christ giống như ông.

BẢN NASB 26:30-32

³⁰ Vua bèn đứng dậy, quan tổng đốc và bà Bê-nê-rít cùng những người đồng ngồi đó cũng vậy. ³¹ Khi lui ra rồi, các người nói cùng nhau rằng: Trong cách ăn ở người này, thật chẳng có chi đáng chết hoặc đáng bỏ tù cả. ³² Vua A-c-ríp-ba nói với Phê-tu rằng: Nếu người này chưa kêu nài đến Sê-sa, có thể tha được.

26:30 Làm thế nào Lu-ca có được những thông tin này? Nó là một cuộc trao đổi riêng tư giữa các quan chức chính quyền (và thân nhân gia đình họ). Có thể là một người đầy tớ nghe được và kể lại cho Lu-ca? Có thể là Lu-ca phỏng đoán những điều họ nói dựa vào những câu sau đó hay là Lu-ca sử dụng dịp tiện này để củng cố mục đích là chứng tỏ rằng Phao-lô hay Cơ-Độc-Giáo không phải là hiểm họa đối với Rô-ma.

26:31-32 “Nếu người này chưa kêu nài đến Sê-sa, có thể tha được” Chi tiết này bày tỏ một trong những mục đích chính của Lu-ca khi viết sách Công-vụ là để chứng tỏ rằng Cơ-Độc-Giáo không chống nghịch với Rô-ma. Đây là một câu ĐIỀU KIỆN BẬC HAI (SECOND CLASS CONDITIONAL) thiết lập một sự quả quyết sai để nhấn mạnh sự thật. Người đàn ông này đã có thể được tự do (nhưng ông không được) nếu ông đã không kháng án đến Sê-sa (điều ông đã thực hiện).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Sự bào chữa này của Phao-lô khác với sự bào chữa trước Phê-tu và Phê-lít như thế nào?
2. Lời làm chứng cá nhân của Phao-lô thích hợp như thế nào với sự bào chữa tổng quát?
3. Tại sao Đấng Mết-si-a bị khốn khổ là quá xa lạ với người Do Thái?
4. Tại sao câu 28 quá khó để thông dịch?
5. Sự bàn luận giữa Phê-tu, A-c-ríp-ba và Bê-rê-nít (câu 30-31) thích hợp vào chủ đích văn chương của Lu-ca trong sách Công-vụ như thế nào?

CÔNG VỤ ĐOẠN 27

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô đi tàu đến Rô-ma 27:1-8	Hành trình đến Rô-ma 27:1-8	Hành trình đến Man-tơ 27:1-8	Phao-lô đi tàu đến Rô-ma 27:1-6	Khởi hành đến Rô-ma 27:1-3 27:4-6 27:7-8
27:9-12	Sự cảnh báo của Phao-lô bị phớt lờ 27:9-12	27:9-12	27:7-8 27:9-12	27:9-12
Bị bão trên biển 27:13-20	Trong cơn giông tố 27:13-38	27:13-20	Bị bão trên biển 27:13-20	Bị bão và chìm tàu 27:13-20
27:21-26		27:21-26	27:21-26	27:21-26
27:27-32		27:27-32	27:27-32	27:27-32
27:33-38		27:33-38	27:33-38	27:33-38
Chìm tàu 27:39-44	Chìm tàu tại Man-tơ 27:39-44	27:39-44	Chìm tàu 27:39-41 27:42-44	27:39-41 27:42-44

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

- A. Lu-ca có kiến thức sâu rộng, bao gồm cả đi thuyền buồm (A. T. Robertson, *Word Pictures in the New Testament*, vol. 3, trang 456, cho biết Lu-ca sử dụng chín từ ghép với *pleō*, đi thuyền buồm)

cũng như về văn chương, y khoa, lịch sử và thần học. Đây là danh sách những từ và cụm từ thuật ngữ chuyên môn hàng hải

1. chúng ta đi thuyền/giương buồm (xem 13:4; 14:26; 20:15; 27:1)
2. gió ngược (xem 27:4,7)
3. nhổ neo (xem 27:13)
4. Ô-ra-qui-lôn (xem 27:15)
5. luồng gió ngược (xem 27:15)
6. bị bạt đi đến (xem 27:16)
7. lấy dây ràng phía dưới chiếc tàu lại (xem 27:17)
8. neo tàu (*skeuos*) (xem 27: 17; dụng cụ trên tàu (*skeuēn*) (xem 27:19)
9. trái dò (xem 27:28[hai lần])
10. sải (xem 27:28[hai lần])
11. bốn neo đằng mũi tàu (xem 27:29,40)
12. dây thừng buộc bánh lái (xem 27:40)
13. căng buồm trước theo chiều gió (xem 27:40)
14. trở buồm chạy chữ chi (MSS P⁷⁴, 8, A, xem 28:13)

B. Có một quyển sách lâu đời đã giúp nhiều cho các nhà giải kinh là *The Voyage and Shipwreck of St. Paul*, 1848 của James Smith.

C. Chuyến hành trình đi thuyền đến Rô-ma này diễn ra vào khoảng thời gian nguy hiểm trong năm (xem 27:1, 4, 7, 9, 10, 14). Thông thường khoảng thời gian từ tháng mười một đến tháng hai cùng với hai hoặc ba tuần trước và sau đó là thời điểm nguy hiểm nhất để đi du hành. Những chuyến hàng lương thực đến Rô-ma thường chỉ cần mười đến mười bốn ngày, nhưng bởi vì hướng gió nên hành trình đi về có thể kéo dài đến sáu mươi ngày.

D. Có đến ba hoặc là bốn chiếc thuyền khác nhau được đề cập trong phân đoạn này.

1. Một chiếc thuyền đi dọc theo bờ biển dừng lại tại mọi bên tàu.
2. Hai chiếc thuyền chở lương thực từ Ai-cập đến I-ta-ly
3. Có thể là có một chuyến phà đi từ Naples đến khoảng 43 dặm phía nam của Rô-ma.

Thật là thú vị khi theo dõi chuyến hành trình này theo sự tường thuật của Lu-ca trên bản đồ vùng Địa Trung Hải.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 27:1-8

¹ Khi đã định rằng chúng ta phải đi đằng biển qua nước Y-ta-li, họ bèn giao Phao-lô và mấy tên phạm khác cho một thầy đội tên là Giu-ơ, về đội quân Âu-gu-ta. ² Chúng ta xuống một chiếc tàu ở A-tra-mít phải trẩy đi dọc bờ biển A-si, đoạn thì ra đi. A-ri-tạc, là người Ma-xê-đoan, về thành Tê-sa-lô-ni-ca, cùng đi với chúng ta. ³ Đến ngày sau, chúng ta tới thành Si-đôn, thì Giu-ơ đãi Phao-lô cách nhơn từ, cho phép người đi thăm bạn hữu mình, và được họ lo việc mình. ⁴ Đoạn, từ nơi đó, chúng ta theo mé bờ đảo Chíp-rơ, vì bấy giờ ngược gió. ⁵ Sau khi vượt qua biển Si-li-si và Bam-phi-ly, thì chúng ta đến thành My-ra, trong xứ Ly-si. ⁶ Ở đó, thầy đội thấy có một chiếc tàu ở A-léc-xan-tri sẽ đi qua Y-ta-li, bèn cho chúng ta xuống tàu đó. ⁷ Tàu chạy chậm lắm, mất nhiều ngày khó nhọc mới tới ngang thành Cơ-nít. Vì gió quá, tàu không thể ghé bến được, nên chúng ta lại theo mé bờ đảo Cơ-rết, qua Sa-môn. ⁸ Khi đã chịu khó đi dọc theo nơi đó, chúng ta mới đến một nơi gọi là Mỹ-Căng, gần thành La-sê.

27:1 “Khi đã định rằng chúng ta phải đi đàng biển qua nước Y-ta-li” Phê-tu giải họ đi vào một thời điểm nguy hiểm trong năm để đi tàu. “Chúng ta” chỉ về Phao-lô và Lu-ca (có thể có thêm những người khác nữa). Đa số những phân đoạn “chúng ta” trong sách Công-vụ đều có liên hệ đến yếu tố đi thuyền (xem 16:10-17; 20:5-15; 21:1-18; 27:1-28:16).

▣ **“mấy tên phạm khác”** Chúng ta không biết điều gì về những phạm nhân này ngoại trừ chi tiết họ là những tù nhân đế quốc bị giải đến Rô-ma.

▣ **“thầy đội”** Những người này luôn luôn được trình bày với ý tích cực trong Tân ước (xem Ma-thi-ơ 8, Lu-ca 7; 23:47; Công-vụ 10; và các lần xử án Phao-lô, 21-28).

▣ **“về đội quân Âu-gu-ta”** Đội quân này được phỏng đoán là những quân bưu chính thức giữa Rô-ma và các tỉnh trong đế quốc (xem W. M Ramsay, *St. Paul the Traveler and Roman Citizen*, trang 315, 348), nhưng đây chỉ là một giả thuyết không được chứng minh xuất hiện thời Hadrin (năm 117-138 SC).

27:2 “một chiếc tàu ở A-tra-mít” Đây là một chiếc thuyền nhỏ đi cập theo bờ biển và dừng lại tại mọi bến cảng. Bến cảng nhà của chiếc thuyền này là hải cảng Mysia trong vùng Tiểu Á. Đây là chặng đầu tiên trong chuyến hành trình dài, đầy trắc trở đến Rô-ma.

▣ **“A-ri-tạc”** Quê ông ở Tê-sa-lô-ni-ca; có thể ông đang trên đường trở về nhà (xem Công-vụ 19:29; 20:4; Cô-lô-sê 4:10; Phi-lê-môn 24). Có thể Sê-cun-đu cùng đi với ông (xem 20:4 và trong một số bản kinh văn chép tay tiếng Hy Lạp ở miền tây).

27:3 “Si-đôn” Đây là một thành phố Phoenician cách Sê-sa-rê vào khoảng sáu mươi bảy dặm về hướng bắc. Nó là thủ phủ xa xưa của xứ Phoenicia, nhưng đã bị Ty-ơ làm lu mờ từ lâu.

▣
NASB “với sự thận trọng”
NKJV, NRSV “tử tế”
TEV “ân cần”
NJB “chu đáo”

Đây là từ ghép từ “yêu mến” (*philos*) và “nhân loại” (*anthrōpos*). Chữ này được dùng hai lần trong sách Công-vụ, ở dạng DANH TỪ (NOUN) trong câu 28:2 (xem Tít 3:4) và dạng PHÓ TỪ (ADVERB) tại đây trong 27:3. Giu-lơ là một người có lòng thương xót (điều lạ đối với một quân nhân La mã). Có thể là ông đã được kể về trường hợp của Phao-lô.

▣ **“bạn hữu mình”** Chi tiết này có thể ám chỉ đến những Cơ-Đốc-Nhân tại đây. Giu-lơ tin tưởng Phao-lô, nhưng có lẽ có một người lính gác La mã cùng đi với ông.

▣ **“được họ lo việc mình”** Bản văn không cho biết cụ thể loại hỗ trợ/giúp đỡ nào (cảm xúc, vật chất, tài chánh).

▣ **“theo mé bờ đảo Chíp-ơ”** Đây là một cụm từ mơ hồ bởi vì nó khiến những đọc giả Anh ngữ liên tưởng đến “phía nam của đảo Chíp-ơ”, nhưng trong thực tế thì nó lại chỉ hướng bắc. Những địa danh khác được đề cập nằm trên bờ biển phía nam và phía tây của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.

27:6 “tàu ở A-léc-xan-tri sẽ đi qua Y-ta-li” Đây là một chiếc tàu lớn hơn (276 hành khách cùng với một lượng lớn lương thực) từ Ai-cập đang trên đường đến Rô-ma. Thế giới hiện đại biết về những chiếc tàu lớn này từ những hình vẽ trên các bức tường ở Pompeii và từ những tác phẩm của Lucian vào khoảng năm 150 SC. Myra là một bến cảng chính của những chiếc tàu lớn chở lương thực này.

27:7 “Cơ-nít” Đây là một thành phố hàng hải tự do nằm trên bờ biển tây nam của tỉnh A-si thuộc đế quốc La mã. Hầu hết những chiếc tàu đi về Rô-ma đều ghé cảng này (xem Thucydides, *Hist.* 8.35). Nó có hai bến cảng bởi vì nằm trên địa hình bán đảo.

▣ **“Sa-môn”** Đây là một thành phố nằm ở điểm cực đông của đảo Cơ-rét. Bởi vì thời điểm trong năm họ phải cố gắng đi về hướng tây bằng cách giương buồm đi gần với hòn đảo.

27:8 “Mỹ-Cảng” Đây là một cái vịnh gần thành phố La-sê ở phía nam của đảo Cơ-rét. Nó không phải là một bến cảng mà chỉ là một cái vịnh. Chắc hẳn phải khó khăn lắm để đậu tàu tại đó trong suốt mùa đông.

BẢN NASB 27:9-12

⁹ **Trải lâu ngày, tàu chạy phải nguy hiểm (vì kỳ Kiêng ăn đã qua rồi). Phao-lô bảo trước cho những người trong tàu, ¹⁰ rằng: Tôi thấy sự vượt biển này chắc sẽ phải nguy hiểm và hư hại, chẳng những cho hàng hóa và chiếc tàu mà thôi, lại đến thân chúng ta nữa. ¹¹ Nhưng thầy đội tin lời người lái tàu và chủ tàu hơn là lời Phao-lô nói. ¹² Vì cảng đó không tiện cho tàu đậu lúc mùa đông, nên phần nhiều người đều bàn rằng phải lìa khỏi đó và ráng sức đến cảng Phê-nít, là cảng của đảo Cơ-rét, hướng phía tây nam và phía tây bắc,ặng qua mùa đông ở đó.**

27:9 Có những thời điểm nhất định trong năm (những tháng mùa đông) khi mà những hướng gió và những cơn bão nhanh chóng thay đổi khiến cho việc đi thuyền buồm trong vùng Địa Trung Hải trở nên nguy hiểm.

▣ **“kỳ Kiêng ăn”** Tại đây nhắc đến kỳ lễ Chuộc tội (xem Lê-vi Ký 16). Đây là kỳ lễ kiêng ăn duy nhất được đề cập trong các sách của Môi-se. Chi tiết này giúp xác định thời điểm của chuyến hành trình là khoảng giữa tháng chín và tháng mười. Tháng mười là thời điểm giới hạn cho các chuyến đi đường biển.

▣ **“Phao-lô bảo trước”** Đây là THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) đề cập đến (1) một hành động liên tục trong quá khứ hay là (2) sự khởi đầu của một hành động. Theo văn mạch tại đây thì nghĩa thứ hai thích hợp hơn.

27:10 Phao-lô tuyên bố một sự cảnh báo cụ thể và mạnh mẽ. Tuy nhiên, trong thực tế, điều này đã không xảy ra. Tại đây Phao-lô cho biết ý kiến cá nhân của ông (“tôi thấy”), hay là Chúa thay đổi ý định của Ngài và quyết định dung thứ cho người trên tàu (xem câu 24)?

27:11

NASB “người lái tàu và thuyền trưởng”

NKJV “người lái tàu và chủ tàu”

NRSV “người lái tàu và chủ tàu”

TEV, NJB “thuyền trưởng và chủ tàu”

Cụm từ này ám chỉ đến hai người riêng biệt.

1. hoa tiêu (*kubernētēs*), ám chỉ người lái tàu, điều khiển hướng đi của chiếc tàu (xem Khải-huyền 18:17)
2. thuyền trưởng (*nauklēros*, từ ghép của “thuyền” [*naus*] và “thừa hưởng” hay là “một phần” [*klēros*]), dù rằng chữ này có thể có nghĩa là “chủ tàu” (xem F. F. Bruce trong quyển *The Book of Acts*, trang 507, trích dẫn từ *St. Paul the Traveler*, của Ramsay trang 324, lại trích dẫn từ *Inscriptiones Graecae*, 14.918). Trong các bản giấy cói Koine chữ này được sử dụng với nghĩa “thuyền trưởng”. Không có sự khác biệt rõ ràng giữa ý nghĩa của hai từ này (xem Louw và Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 1, trang 548 với lại Harold Moulton, *The Analytical Greek Lexicon*

Revised, trang 275), nhưng có thể trên một chiếc thuyền có kích thước lớn này (chuyên chở lương thực từ A-léc-xan-tri) có nhiều cấp chỉ huy cùng với những thủy thủ thông thường.

27:12 “nếu” Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN (FOURTH CLASS CONDITIONAL). Những người quyết định giương buồm ra đi biết rằng chuyến đi sẽ nguy hiểm nhưng dù vậy họ nghĩ rằng họ có thể đi đến nơi.

▣ **“Phê-nít”** Đây là một bến cảng trên bờ phía nam của đảo Cơ-rét, phía đông của Mỹ-Cảng. Có một số nghi vấn từ các nguồn tài liệu cổ xưa về vị trí chính xác của bến cảng này (Strabo, *Geography*, 10.4.3 với Ptolemy, *An Egyptian Geography* 3.17.3). Họ vẫn đi gần sát bờ biển phía nam của Cơ-rét.

▣ **“hướng phía tây nam và phía tây bắc”** Dường như tại Phê-nít có hai thị trấn cách nhau bởi một dải đất nhô ra ngoài biển. Một bến cảng thì thuận lợi theo hướng gió chiều này, bến cảng kia thì thích hợp cho hướng gió chiều ngược lại. Chính thời điểm trong năm sẽ quyết định bến cảng nào thuận lợi nhất.

BẢN NASB 27:13-20

¹³ Vừa có gió nam non bắt đầu thổi, họ tưởng rằng có thể tới nơi mình đã định, thì kéo neo mà đi dọc theo gần đảo Cơ-rét. ¹⁴ Nhưng cách ít lâu có trận gió dữ tợn gọi là gió O-ra-qui-lôn thổi lên vật vào đảo. ¹⁵ Tàu đã phải bật đi, chống lại gió chẳng nổi, nên chúng ta để mặc cho theo chiều gió. ¹⁶ Tàu bị bật đến dưới một hòn đảo nhỏ kia gọi là Cơ-lô-đa, chúng ta khó nhọc lắm mới cầm được chiếc thuyền. ¹⁷ Sau khi trục lên, họ dùng phương thế làm cho chắc chắn: lấy dây ràng phía dưới chiếc tàu lại; đoạn lại sợ mắc cạn trên bãi Si-ơ-tơ, thì hạ buồm xuống, để mặc gió đưa trôi đi. ¹⁸ Đến ngày mai, vì bão cứ thổi cũng mạnh như vậy luôn, họ bèn quăng hàng hóa xuống biển. ¹⁹ Ngày thứ ba, chúng ta dùng chính tay mình quăng đồ đạc trong tàu xuống biển. ²⁰ Trong mấy ngày mặt trời chẳng có, ngôi sao cũng không, mà bão thì vẫn thổi ào ào luôn, đến nỗi chúng ta chẳng còn trông cậy được cứu nữa.

27:13

NASB, NRSV “con gió dữ tợn”
NKJV “một cơn gió dữ dội”
TEV “một cơn gió rất mạnh”
NJB “một cơn bão”

Chữ Hy Lạp này là *tuphōn* (bão lớn) + *ikos* (giống như). Đây là một cơn gió rất dữ dội, bất thành linh. Nó có thể đã càng nổi mạnh thêm bởi những dãy núi cao 7000 bộ trên đảo Cơ-rét.

27:14

NASB “O-ra-qui-lôn”
NKJV “O-ra-qui-lôn”
NRSV, TEV “con bão đông bắc”
NJB “con bão đông bắc”

Đây là một biệt danh mà các thủy thủ đặt cho các cơn bão xuất hiện trong mùa này. Tên này được ghép từ (1) chữ Hy Lạp “gió đông” (*euros*) và (2) chữ La-tinh “gió bắc” (*aquilo*). Nó là một cơn gió đông bắc mạnh mẽ, xuất hiện thành linh.

Bởi vì chữ này phát triển trở thành một thuật ngữ hàng hải (*eukakulōn*), nó bị các thầy thông giáo về sau hiểu nhầm và đã cố gắng thay đổi nó nhiều cách để khiến cho phù hợp với văn mạch.

27:15 “chống lại gió chẳng nổi” Những chiếc thuyền thời xưa có vẽ những con mắt hai bên mũi thuyền. Sau đó thì có thêm những hình người và thú vật (xem 28:11). Ngay cả đến ngày nay, chúng ta vẫn nhân

cách hóa những chiếc thuyền với nữ tính. Nghĩa đen của cụm từ này là “chống lại” (*anti*) kết hợp với “mắt” (*ophthalmos*). Họ không thể hướng chiếc thuyền đi ngược gió.

27:16 “Cơ-lô-da” Hòn đảo nhỏ này cách bờ biển phía nam của đảo Cơ-rét khoảng năm mươi dặm. Bây giờ họ ở trong tình thế không thể tự điều khiển được khi đối diện với cơn bão đông bắc cuồng nộ. Họ tận dụng một khoảng lặng gió để làm những gì họ có thể làm để chuẩn bị chiếc tàu trong cơn biển động.

Có một số khác biệt trong những bản chép tay tiếng Hy Lạp về tên của hòn đảo này.

1. *Kauda*, MSS P⁷⁴, K², B

2. *Klauda*, MSS K^{*}, A

3. *Klaudēn*, MSS H, L, P, và nhiều bản chép tay viết chữ thường xuất hiện sau đó.

4. *Gaudēn*, bản văn tiếng Hy Lạp được Jerome sử dụng

5. *Klaudion*, trong một vài bản chép tay chữ thường

UBS³ và UBS⁴ xếp loại “B” cho lựa chọn số 1 (có nghĩa là gần như chắc chắn). Hai lựa chọn đầu tiên có thể là tên của hòn đảo trong tiếng Hy Lạp và trong tiếng La-tinh.

▣ **“mới cảm được chiếc thuyền”** Chi tiết này đề cập đến một chiếc xuồng nhỏ đang được kéo phía sau (xem câu 30, 32). Chiếc xuồng này tạo sức cản khiến cho chiếc thuyền lớn khó đổi hướng.

27:17 “dây ràng phía dưới chiếc tàu lại” Chi tiết này đề cập đến việc quấn những dây thừng đặc biệt vòng quanh vỏ tàu giúp cột chặt vỏ tàu trong những cơn bão (xem Aristotle, *Rhetoric* 2.5.18).

▣ **“bãi Si-ro-to”** Đây là những cồn cát di chuyển bờ biển bắc Phi. Chúng được gọi là Si-ro-tơ Chính và Si-ro-tơ Phụ (xem Pliny, *Nat. Hist.* 5.4,27). Nơi đây là nghĩa địa của nhiều tàu thuyền. Để tránh Si-ro-tơ Chính, các thủy thủ lái tàu theo hướng đi ngang như là trượt chậm về hướng nam.

▣ **“hạ buồm”** Điểm mấu chốt để giải nghĩa chính xác văn mạch tại đây là chữ “hạ”. Họ đã “hạ” cái gì: (1) neo tàu hay là (2) hạ buồm? Mục đích là làm cho chiếc tàu đi chậm lại nhưng đồng thời vẫn điều khiển được chiếc tàu.

Neo tàu không phải là loại neo bám vào đáy biển nhưng là một cái lưới giống như một chiếc dù sử dụng sức cản của nước để làm chậm lại việc tàu bị trôi dạt về hướng nam (xem bản cổ văn tiếng La-tinh và các bản NASB, NRSV, NJB).

Có một số bản dịch Anh ngữ thì dịch chữ này là “hạ buồm” (xem NKJV, TEV, NJB, và bản dịch Anh ngữ Peshitta). Nghĩa đen của chữ Hy Lạp là “một thứ/một đồ vật” (xem Louw & Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 2, trang 223) và phải được giải nghĩa tùy theo từng văn mạch cụ thể. Có một vài bản văn trên giấy còi sử dụng nghĩa là buồm (xem Moulton & Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*, trang 577). Nếu đúng như vậy, thì họ hạ một số cánh buồm nhưng không phải là tất cả. Họ cần phải giữ điều khiển chiếc tàu và đồng thời cố gắng di chuyển theo chiều ngang càng chậm càng tốt.

27:18-19 Chi tiết này chứng tỏ cơn bão này nguy hiểm và mạnh mẽ dường nào, ngay cả với những thủy thủ lão luyện (xem 20).

▣ **“quảng hàng hóa xuống biển”** Hành động này chứng tỏ những thủy thủ này thật sự lo sợ cho mạng sống họ.

27:19 “đồ đạc trong tàu” Không rõ ý nghĩa chính xác của cụm từ này, có thể là cánh buồm chính cùng với những phụ tùng. Chữ này có ý nghĩa mơ hồ. Cũng chính chữ này được dùng để ám chỉ đến neo, hay là những phần của cánh buồm trong câu 17.

27:20 “Trong mấy ngày mặt trời chẳng có, ngôi sao cũng không” Dường như cụm từ này bày tỏ rằng họ bị mất phương hướng không định vị được. Họ sợ đung phải bờ biển bắc Phi, nhưng lại không thể biết

đích xác họ cách bờ biển bao xa (xem câu 29). Không có mặt trời hay là các ngôi sao, họ không thể định hướng hay biết được vị trí chính xác của mình.

☐ **“đến nỗi chúng ta chẳng còn trông cậy được cứu nữa”** Chi tiết này hình thành nên bối cảnh cho sự khích lệ của Phao-lô dựa theo khái tượng trước đó của ông (xem câu 21-26). Họ đã mất hết mọi năng lực .

BẢN NASB 27:21-26

²¹ Vì họ không ăn đã lâu, nên Phao-lô đứng dậy giữa đám họ, mà nói rằng: **Hỡi bạn hữu ta, chớ chi bữa trước tin lời ta mà chẳng đời khỏi đảo Co-rét, thì chúng ta đã chẳng mắc con nguy hiểm và tổn hại này.** ²² nhưng bây giờ, ta khuyên các ngươi hãy vững lòng; trong các ngươi chẳng mất ai hết, chỉ mất chiếc tàu mà thôi. ²³ Vì đêm nay, một thiên sứ của Đức Chúa Trời, là Đấng ta thuộc về và hầu việc, có hiện đến cùng ta mà phán rằng: ²⁴ **Hỡi Phao-lô, đừng sợ chi hết; ngươi phải ứng hầu trước mặt Sê-sa; và này, Đức Chúa Trời đã ban cho ngươi hết thảy những kẻ cùng đi biển với ngươi.** ²⁵ Vậy, hỡi các ông, hãy vững lòng, vì ta có lòng tin cậy Đức Chúa Trời rằng sẽ xảy ra như lời Ngài đã phán vậy; ²⁶ nhưng chúng ta chắc sẽ bị tấp lên một hòn đảo nào.

27:21 “Vì họ không ăn đã lâu” Có thể có ít nhất ba ý nghĩa liên quan đến câu 33: (1) có thể họ bị say sóng vì cơn bão dữ dội; (2) họ đang kêu cầu và kiêng ăn với mục đích tín ngưỡng xin cho được sống sót (lễ nghi ngoại giáo, xem câu 29); hay là (3) họ quá bận tâm với việc cứu chiếc tàu nên việc ăn uống trở thành thứ yếu.

☐ **“chớ chi bữa trước tin lời ta”** Đây là cách của Phao-lô “tôi đã nói rồi mà không nghe.” Hoàn cảnh này giúp cho Phao-lô dịp tiện để ứng xử như là người phát ngôn của Đức Thánh Linh.

27:22 “chỉ mất chiếc tàu” (*dei*, xem câu 26).

27:23 “một thiên sứ của Đức Chúa Trời” Nhiều lần Đức Chúa Giê-xu hay là một thiên sứ hiện ra với Phao-lô để khích lệ ông (xem 18:9-10; 22:17-19; 23:11; 27:23-24). Đức Chúa Trời có một chương trình truyền giảng và sử dụng đời sống của Phao-lô cho mục đích đó (xem câu 26; 9:15) Một cơn bão không thể cản trở được điều đó.

27:24 “Hỡi Phao-lô, đừng sợ chi hết” Đây là MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE [deponent] IMPERATIVE) với ĐỘNG TÍNH TỪ TIÊU CỰC (NEGATIVE PARTICIPLE) thường có nghĩa là dừng lại một hành động đang thi hành (xem Công-vụ 23:11; Châm-ngôn 3:5-6).

☐ **“Đức Chúa Trời đã ban cho ngươi hết thảy những kẻ cùng đi biển với ngươi”** Động từ đầu tiên là CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP (biến cách) HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE [deponent] INDICATIVE). Đức Chúa Trời đã có một chương trình và mục đích cho chức vụ của Phao-lô (xem 9:15; 19:21; 23:11). Ông sẽ (*dei*) làm chứng tại thành Rô-ma trước những lãnh đạo chính quyền và quân đội.

Đức tin và cuộc đời của Phao-lô tác động đến vận mệnh của những người đồng hành với ông. Cũng chính ân sủng mở rộng này tìm thấy trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:10; 7:9; I Cô-rinh-tô 7:14. Điều này không loại bỏ trách nhiệm cá nhân, nhưng nhấn mạnh đến tiềm năng ảnh hưởng từ những tín hữu trong gia đình, bạn hữu và đồng nghiệp.

27:25 Sự khuyên nhủ của Phao-lô trong câu 22 “hãy vững lòng” là THÌ HIỆN TẠI NGUYÊN THỂ (PRESENT INFINITIVE) được lặp lại tại đây “hãy vững lòng” trong dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE).

▣ **“vì ta có lòng tin cậy Đức Chúa Trời”** Sự diện kiến với Đấng Christ hằng sống của Phao-lô khiến cho ông tin cậy lời phán của Chúa (“sẽ xảy ra như lời Ngài đã phán vậy” ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH [PERFECT PASSIVE INDICATIVE]). Đức tin là phương tiện để tiếp nhận những ân điển của Đức Chúa Trời, không chỉ sự cứu rỗi mà thôi nhưng còn là ơn quan phòng.

Robert B. Girdlestone, trong quyển *Synonyms of the Old Testament* có nhận xét tuyệt vời và trích dẫn từ quyển *Life of Faith* của Romaine như sau:

“Chúng ta đang tiếp cận với Tân ước bằng một sự tách biệt giữa đức tin ở một phía còn tin cậy và hy vọng ở phía còn lại. Đức tin là nắm lấy Chúa theo lời phán của Ngài, trong khi đó sự tin cậy và kiên nhẫn cùng với hy vọng là những bông trái phải lẽ từ đức tin, bày tỏ qua nhiều hình thức tự tin mà người tín hữu cảm nhận. Một sứ điệp đến với tôi từ Đấng đã sáng tạo nên tôi; nó có thể là lời khiển trách, lời hứa hay là một mạng lệnh. Nếu tôi nhận lấy với “vâng và amen”, thì đó là đức tin; và hành động phát xuất từ đó là một hành động của **amunah** hay là sự thành tín của Đức Chúa Trời. Đức tin, theo như Kinh thánh, dường như ám chỉ đến một chữ, một sứ điệp hay là một khái tượng. Do đó một Romaine “đã thấu hiểu” phát biểu như thế này trong quyển *Life of Faith*: Đức tin biểu thị sự tin cậy nơi chân lý của Lời Đức Chúa Trời; nó liên hệ đến một số lời phán hay lời hứa của Ngài, và nó bày tỏ niềm tin của một người nghe nó như nó là thật; tán thành nó, dựa vào nó và hành động theo nó: đó là đức tin. Những kết quả của đức tin sẽ khác biệt tùy theo bản chất của sứ điệp được tiếp nhận và phụ thuộc vào hoàn cảnh của người tiếp nhận. Đức tin dẫn Nô-ê đến việc đóng tàu, Áp-ra-ham dâng chính con mình, Môi-se từ chối được gọi là con của con gái Pha-ra-ôn, dân Y-sơ-ra-ên đi vòng quanh tường thành Giê-ri-cô. Tôi tin Chúa, có nghĩa là điều đó sẽ xảy ra theo đúng như tôi đã được báo trước, đó là hình ảnh của một tiến trình mà Kinh thánh gọi là đức tin.” (trang 104-105).

BẢN NASB 27:27-32

²⁷ Đã đến đêm thứ mười bốn mà chúng ta cứ trôi nổi trên biển A-dờ-ria-tích, lúc nửa đêm, các bạn tàu ngờ đang đến gần một đất nào. ²⁸ Họ thả trái dò xuống, thì thấy sâu hai chục sải; hơi xa một ít, lại thả nữa, thì thấy mười lăm sải. ²⁹ Bấy giờ, sợ đụng rạn, bọ bèn từ trên đầu lái tàu quăng bốn neo xuống, và ước ao đến sáng, ³⁰ nhưng vì bạn tàu tìm phương lánh khỏi chiếc tàu và thả chiếc tam bản xuống biển, giả đồ đi thả neo đằng trước mũi, ³¹ thì Phao-lô nói với thầy đội và lính rằng: Nếu những người này chẳng cứ ở trong tàu, thì các ông chẳng được cứu. ³² Bọn lính bèn cắt dây buộc tam bản, làm cho rút xuống.

27:27 “đêm thứ mười bốn” Thời điểm này phù hợp chính xác với khoảng cách trôi dạt theo chủ ý (bằng neo phao) của họ. Họ đã di chuyển 476 dặm, khoảng 36 dặm mỗi 24 giờ.

▣ **“biển A-dờ-ria-tích”** Tại đây ám chỉ đến vùng trung nam Địa Trung Hải (Adria), chứ không phải là biển Adriatic hiện nay.

▣ **“ngờ đang đến gần một đất nào”** Họ có thể nghe tiếng sóng lớn vỗ bờ hay là nhìn thấy loại chim hay cá nào đó.

27:28 “trái dò” Chữ này phát xuất từ động từ có nghĩa là “ném/thả chì” ám chỉ đến việc thả một dây thừng nặng và đánh dấu độ sâu của mặt nước.

☐ **“sải”** Đây là khoảng cách giữa hai tay giang thẳng. Nó chỉ cách các thủy thủ sử dụng đo chiều sâu của mặt nước.

27:29 Trời vẫn còn tối. Họ không biết chính xác họ đang ở đâu. Họ muốn đi chậm lại hay tạm dừng việc tiến vào bờ cho đến khi họ thấy nơi chiếc thuyền đang hướng đến.

27:30 Những thủy thủ này không phải là những người có đức tin. Họ sẵn sàng làm mọi thứ để cố cứu mạng sống mình.

27:31 Có một số điều kiện, câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL sentence) gắn liền với khái tượng của Phao-lô và lời hứa của Đức Chúa Trời.

☐ **“được cứu”** Đây là ý nghĩa Cựu ước về sự giải cứu thuộc thể (xem Gia-cơ 5:15). Nhờ biết Phao-lô mà những thủy thủ, binh lính và các hành khách được nghe Phúc âm, chính Phúc âm mới đem đến ý nghĩa giải cứu tâm linh của Tân ước. Thật là một bi kịch khi mà được cứu khỏi sự chết thuộc thể để rồi lại chết trong tâm linh đời đời.

BẢN NASB 27:33-38

³³ Đoạn, trong khi đợi trời sáng, Phao-lô khuyên ai nấy hãy ăn. Người nói: Hôm nay là ngày thứ mười bốn mà các ngươi đang trông đợi, nhịn đói chẳng ăn chút nào. ³⁴ Vậy, ta khuyên các ngươi hãy ăn, vì thật là rất cần cho sự cứu của các ngươi, và chẳng ai trong vòng các ngươi sẽ mất một sợi tóc trên đầu mình. ³⁵ Nói như vậy rồi, người bèn lấy bánh, đứng trước mặt mọi người, tạ ơn Đức Chúa Trời rồi, thì bẻ ra và ăn. ³⁶ Bấy giờ ai nấy đều giục lòng, và ăn. ³⁷ Vả, số chúng ta hết thảy ở trong tàu được hai trăm bảy mươi sáu người. ³⁸ Họ đã ăn vừa no nê, bèn quăng đồ lương thực xuống biển, làm cho nhẹ tàu đi.

27:34 “chẳng ai trong vòng các ngươi sẽ mất một sợi tóc trên đầu mình” Phao-lô dùng những chữ giống như Đức Chúa Giê-xu đã phán (xem Lu-ca 12:7; 21:18). Đây là thành ngữ Do Thái về sự bảo vệ (xem I Sa-mu-ên 14:45; II Sa-mu-ên 14:11; I Các Vua 1:52).

27:35 Chi tiết này không liên hệ với Lễ Tiệc Thánh, nhưng nó bày tỏ đức tin của Phao-lô, ngay giữa cơn khủng hoảng. Đức tin của Phao-lô đã ảnh hưởng đến những người khác (xem câu 36).

27:37 “hai trăm bảy mươi sáu” Con số này tính luôn cả thủy thủ đoàn và những hành khách. Bản chép tay B (thế kỷ thứ tư) ghi là “76,” trong khi MSS \times (thế kỷ thứ tư) và C (thế kỷ thứ năm) thì lại ghi “276”. Bản chép tay A (thế kỷ thứ năm) ghi “275.” Tất cả các bản dịch Anh ngữ hiện đại ghi 276. UBS⁴ xếp loại “B” cho điểm khác biệt này (gần như chắc chắn).

27:38 Đây là một chiếc thuyền lớn chở lương thực từ Ai-cập. Họ đã quăng xuống biển hết tất cả những hàng hóa khác và dụng cụ trên tàu (xem câu 18).

BẢN NASB 27:39-44

³⁹ Đến sáng ngày, họ chẳng nhận biết là đất nào, nhưng thấy có cái vịnh và bờ, bèn định đỗ tàu đó mà núp xem có thể được chăng. ⁴⁰ Vậy, họ đứt dây bở neo xuống biển, tháo dây bánh lái; đoạn, xô buồm đằng mũi thuận theo gió, tìm lối chạy vào bờ. ⁴¹ Song chạy nhằm chỗ hai ngọn nước biển xáp nhau, thì họ làm cho tàu bị cạn tại đó; đầu mũi cắm xuống không động dậy được,

còn đầu lái bị sóng đánh dữ lắm nên nát hết.⁴² Bấy giờ quân lính bàn định giết các tù phạm, e có người nào trong bọn họ lợi thoát khỏi chãng.⁴³ nhưng thầy đội muốn cứu Phao-lô, nên ngăn trở nghị định đó. Người truyền cho ai biết lợi thì nhảy xuống nước trước đi mà lợi vào bờ,⁴⁴ và truyền cho những kẻ còn lại, người thì cỡi trên ván, kẻ thì cỡi trên miếng vách nát của chiếc tàu. Thế là ai nấy đều được lên bờ vô sự vậy.

27:39 Họ vẫn còn có thể điều khiển chiếc tàu ở một mức độ nào đó (xem câu 40). Có một khác biệt giữa các bản chép tay tiếng Hy Lạp liên hệ tới cụm từ “định đỗ tàu đó mà núp” (xem MSS \aleph , A, B²) và “đậu tàu an toàn” (xem MSS B* và C). Hai chữ nay phát âm tương tự (*exōsai* và *eksōsai*). Các bản chép tay tiếng Hy Lạp cổ xưa thường được một người đọc và nhiều người chép. Những chữ phát âm giống nhau thường bị nhầm lẫn.

27:40 Các bãi đá ngầm dọc theo bờ biển là nguyên nhân của nhiều vụ đắm tàu. Trong trường hợp này, bãi đá ngầm hình thành tại nơi những con sóng biển và các dòng nước từ vịnh giao nhau.



NASB, NKJV, NJV “bánh lái”
NRSV, TEV “những mái chèo bẻ lái”

Chi tiết này đề cập đến bánh lái đôi, thường xuất hiện trên những chiếc tàu lớn. Gia-cơ 3:4 cũng dùng chữ này cho “bánh lái”.

▣ “**buồm đằng mũi**” Đây là một từ hiếm, nhưng chắc hẳn nó phải ám chỉ một cái buồm nhỏ ở mũi tàu (xem Juvenal, *Sat.* 12.69).

27:42 “quân lính bàn định giết các tù phạm” Nếu các tù phạm trốn thoát, các quân lính phải chịu hình phạt thể cho các tù phạm.

27:43 Lời nói, đức tin, việc làm của Phao-lô đã thu phục viên chỉ huy La mã tin cậy và bảo vệ ông.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Trong tường trình về chuyến hải hành đến Rô-ma của Phao-lô, Lu-ca dùng nhiều thuật ngữ hàng hải. Điều này có hàm ý gì?
2. Tại sao câu 20 lại rất quan trọng về thần học?

CÔNG VỤ ĐOẠN 28

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô trên đảo Man-tơ 28:1-10	Chức vụ của Phao-lô trên đảo Man-tơ 28:1-10	Phao-lô tại Man-tơ 28:1-6 28:7-10	Tại Man-tơ 28:1-6 28:7-10	Chờ đợi tại Man-tơ 28:1-6 28:7-10
Phao-lô đến Rô-ma 28:11-15	Đến Rô-ma 28:11-16	Hành trình đến Rô-ma 28:11-15	Từ Man-tơ đến Rô-ma 28:11-15 Tại Rô-ma 28:15-16	Từ Man-tơ đến Rô-ma 28:11-14 28:15-16
Phao-lô giảng ở Rô-ma 28:17-22	Chức vụ của Phao-lô tại Rô-ma 28:17-31	Phao-lô và những người Do Thái ở Rô-ma 28:17-22	28:17-20 28:21-22	Phao-lô liên lạc với những người Do Thái ở Rô-ma 28:17-20 28:21-22
28:23-29		28:23-29 Kết luận	28:23-27 28:28 28:29	Lời rao giảng của Phao-lô cho những người Do Thái ở Rô-ma 28:23-27 28:28 Lời kết
28:30-31		28:30-31	28:30-31	28:30-31

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

5. Phân đoạn 1
6. Phân đoạn 2
7. Phân đoạn 3
8. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 28:1-6

¹ Đã được cứu như vậy rồi, chúng ta mới biết cù lao đó tên là Man-to. ² Thổ nhơn đãi chúng ta một cách nhơn từ hiếm có, tiếp rước chúng ta thay thầy gần kề đồng lửa lớn đã đốt, vì đang mưa và trời lạnh lẽo. ³ Phao-lô lượm được một bó củi khô, quăng vào trong lửa, xảy có con rắn lục từ trong bó củi bị nóng bò ra, quấn trên tay người. ⁴ Thổ nhơn thấy con vật đeo thông lòng trên tay người, bèn nói với nhau rằng: Thật người này là tay giết người; nên dầu được cứu khỏi biển rồi, nhưng lẽ công bình chẳng khứng cho sống! ⁵ Nhưng Phao-lô rẩy rấn vào lửa, chẳng thấy hề chi hết. ⁶ Họ ngờ người sẽ bị sung lên, hoặc ngã xuống chết tức thì; nhưng đã đợi lâu rồi, chẳng thấy hại chi cho người, bèn đổi ý mà nói rằng thật là một vì thần.

28:1 “Đã được cứu như vậy rồi” Chữ này là *sōzō* (xem 27:31) với tiền tố *dia*. Nó thường dùng cho một ai đó đến được sự an toàn (xem 23:24; 27:44; 28:1,4). Lu-ca thậm chí đã dùng chữ này cho sự chữa lành thuộc thể trong Lu-ca 7:3. Dạng ĐỘNG TÍNH TỬ THU ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE) chứng tỏ Lu-ca xem sự an toàn là được Chúa ban cho, THỂ THU ĐỘNG (PASSIVE VOICE) theo như lời Ngài phán (xem 27:21-26).

▣ **“Man-to”** Các thủy thủ người Phê-ni-xi còn gọi hòn đảo này là Melita, là một chữ của người Ca-na-an có nghĩa là “ăn nấu”. Hòn đảo này trước đây là một thuộc địa của người Phê-ni-xi. Nó nằm giữa Si-ci-li và Bắc Phi. Nó chỉ dài mười tám dặm, rộng tám dặm, nhưng vị trí của nó có một giá trị lớn về giao thương hàng hải. Hòn đảo này có một vài hải cảng tốt.

28:2 “Thổ nhơn” Nghĩa đen chữ này là “người dã man”. Đây không phải là một danh hiệu nhục mạ nhưng đơn giản ám chỉ đến tất cả những ai không giao tiếp bằng tiếng Hy Lạp hay là tiếng La-tinh.

▣
NASB “rất tốt bụng”
NKJV, NRSV, NJB “ân cần hiếm có”
TEV “rất thân thiện”

Cụm từ nhấn mạnh này có chữ *philanthrōpos*, có nghĩa đen là “người yêu mến công chúng” như trong 27:3. Những người thổ dân chăm sóc và giúp đỡ bởi vì họ đã thấy phép lạ Phao-lô thi hành với con rắn trên bờ biển. Việc làm này cùng với những phép lạ khác (xem câu 7-10) đã mở cửa cho việc truyền giảng. Phao-lô luôn luôn có tâm niệm hướng đến sự công bố Phúc âm (xem I Cô-rinh-tô 9:19-23).

28:3 “Phao-lô lượm được một bó củi khô” Chi tiết này thật sự bày tỏ sự khiêm nhường của Phao-lô. Ông đã cùng làm việc với những người khác. Chủ nghĩa thượng đẳng đã không còn kể từ con đường đến Đa-mách.

▣ **“con rắn lục...quấn trên tay người”** Nghĩa đơn giản của chữ này là “gắn liền”. Nó cũng có thể có nghĩa là “cắn” hay là “quấn vòng quanh”.

28:4 “con vật” Chữ dùng để chỉ “con vật” này trở thành một thuật ngữ y khoa cho những loài rắn độc (xem 10:12).

▣ **“lẽ công bình chẳng khứng cho sống”** “Công Bình” hay là “Vận Mệnh” là tên của một trong những vị thần của những thổ dân. Họ đang bày tỏ sự mỉa mai trong hoàn cảnh này, tương tự như A-môt 5:19. Câu 6 chứng tỏ những người thổ dân này là người mê tín thờ đa thần.

28:6 Những thổ dân này đã từng có những trải nghiệm cá nhân với những loại rắn trên đảo. Sự thay đổi thái độ hoàn toàn của họ tương tự như phản ứng của những người ngoại giáo khi thấy phép lạ trong Công-vụ 14:11-13.

☐ **“bị sung lên”** Đây là một trong rất nhiều thuật ngữ y khoa mà Lu-ca sử dụng (xem câu 8). Nó chỉ xuất hiện duy nhất tại đây trong cả Tân ước.

BẢN NASB 28:7-10

⁷ Trong chỗ đó, có mấy đám ruộng thuộc về người tù trưởng của đảo ấy, tên là Búp-li-u; người này đãi đằng chúng ta cách mến khách lắm trong ba ngày. ⁸ Và, cha của Búp-li-u này đương nằm trên giường đau bệnh nóng lạnh và bệnh lỵ. Phao-lô đi thăm người, cầu nguyện xong, đặt tay lên và chữa lành cho. ⁹ Nhon đó, ai nấy trong đảo có bệnh, đều đến cùng Phao-lô, và được chữa lành cả. ¹⁰ Họ cũng tôn trọng chúng ta lắm, và lúc chúng ta đi, thì sửa soạn mọi đồ cần dùng cho chúng ta.

28:7 “tù trưởng” Chữ này có nghĩa là một số dạng quan chức chính quyền nào đó, nghĩa đen là “đứng đầu” (xem 13:50; Lu-ca 19:47, “trong dân chúng”; 16:12, “của thành phố”). Chữ này được tìm thấy trên hai bia đá trên đảo này, một bằng tiếng Hy Lạp và một bằng tiếng La-tinh. Rô-ma cho phép hòn đảo này quyền tự trị và sau đó được đầy đủ quyền công dân La mã.

28:8 “đương nằm trên giường đau bệnh nóng lạnh và bệnh lỵ” Man-tơ nổi danh với những chứng sốt do những vi khuẩn từ trong sữa dê.

☐ **“đặt tay lên và chữa lành cho”** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Đặt Tay trong 6:6.

28:9 Cả hai động từ này đều ở thể KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT), chỉ một hành động được lặp lại hay là liên tục trong quá khứ (CHỈ ĐỊNH CÁCH [INDICATIVE MOOD]). Họ cứ tiếp tục đến. Chúa đã chữa lành cho họ qua Phao-lô.

Động từ Hy Lạp trong nguyên bản được dịch thành “được chữa lành” là *therapeuō*, mà từ đây chúng ta có chữ “therapy” trong Anh ngữ. Chữ này có thể được sử dụng với nghĩa là “dịch vụ” cũng như là “chữa lành”. Chỉ có thể dựa vào văn mạch cụ thể để xác định nghĩa nào là thích hợp.

BẢN NASB 28:11-15

¹¹ Sau đó ba tháng, chúng ta xuống tàu ở A-léc-xan-tri mà đi, là tàu đã qua mùa đông tại đảo đó, và có hình chạm Anh Em sinh đôi ở mũi tàu. ¹² Tới thành Sy-ra-cu-sơ rồi, chúng ta ở lại đây ba ngày. ¹³ Từ nơi đó, chạy theo mé biển Si-si-lơ, tới thành Rê-ghi-um. Đến ngày mai, vì gió nam nổi lên, nên sau hai ngày nữa chúng ta tới thành Bu-xô-lơ. ¹⁴ Ở đó gặp anh em mời chúng ta ở lại bảy ngày; rồi thì đi đến thành Rô-ma. ¹⁵ Anh em trong thành này nghe nói về chúng ta, bèn ra đến Chợ Áp-bi-u và chỗ Ba Quán mà đón rước chúng ta. Phao-lô thấy anh em, thì cảm tạ Đức Chúa Trời và vâng chí.

28:11 “tàu đã qua mùa đông tại đảo đó” Biển Địa Trung Hải bị nhiều bão không thể đi thuyền trong những tháng mùa đông. Các tuyến đường vận chuyển hàng hải mở lại vào cuối tháng Hai hay tháng Ba.

☐ **“tàu ở A-léc-xan-tri”** Đây có thể là một chiếc tàu chở lương thực lớn khác từ Ai-cập đi đến vịnh Naples (xem 27:6, 38).

☐ **“hình chạm Anh Em sinh đôi ở mũi tàu”** Đây đề cập đến hai con trai sinh đôi của thần Zeus, Caster và Pollox. Đây là những thần hộ mạng của những thủy thủ trong các đền thờ đa thần của người La mã. Thần Biển ban cho các vị thần này sức mạnh và quyền kiểm soát trên gió, sóng và các cơn bão. Chòm sao đặc biệt của các vị thần này là chòm sao Song Nam, tạo thành hình dạng giống như hai vị thần hình người đang giương cung.

28:12 “Sy-ra-cu-so” Đây là thành phố thủ phủ của Si-ci-ly nằm ở bờ biển phía đông. Bến cảng này cách đảo Man-to tám mươi dặm về hướng bắc.

28:13 “chạy theo mé biển” Các bản chép tay chữ in κ (Siniaticus), và B (Vaticanus) có thêm “thả neo”, là một thuật ngữ đi thuyền buồm (đặc điểm của Lu-ca), nhưng trong những bản chép tay P⁷⁴, κ^c , và A thì lại ghi là “đi qua” giống như trong 16:8.

☐ **“Rê-ghi-um”** Đây là thành phố tại cực tây nam của Y-ta-li.

☐ **“Bu-xô-lo”** Đây là trung tâm nhập khẩu lương thực cho Rô-ma trong vịnh Naples. Họ đã đi khoảng 180 dặm trong hai ngày.

28:14 “Ở đó gặp anh em” Đây là những nhóm Cơ-Đốc-Nhân đã hiện hữu tại Y-ta-li (xem câu 15) và Rô-ma chào đón Phao-lô.

28:15 “Chợ Áp-bi-u” Đây là điểm cuối của chuyến phà khởi hành từ miền nam Y-ta-li và là điểm đầu của đường quốc lộ La mã lớn gọi là đường Appian. Nó cách Rô-ma bốn mươi ba dặm.

☐ **“Ba Quán”** Đây là một trạm dừng cách Rô-ma chừng ba mươi ba dặm.

☐ **“Phao-lô...vững chí”** Dường như Phao-lô lại chán nản. Ông xem như dễ bị điều này. Đức Chúa Giê-xu đã hiện ra với ông cách cá nhân nhiều lần để khích lệ ông.

BẢN NASB 28:16

¹⁶ Khi chúng ta đã đến thành Rô-ma, Phao-lô được phép ở riêng với một người lính canh giữ.

28:16 “Khi chúng ta đã đến thành Rô-ma” Đây không phải là cách Phao-lô dự tính đến thành Rô-ma. Nhưng đây là chương trình Chúa sắp đặt để Phao-lô có thể giảng trước các nhà lãnh đạo chính quyền La mã, quân đội và các lãnh tụ tôn giáo.

☐ **“Phao-lô được phép ở riêng với một người lính canh giữ”** Phao-lô bị đặt dưới sự quản thúc tại gia. Lời chứng của viên sĩ quan áp giải ông chính là nguyên nhân của quyết định này.

BẢN NASB 28:17-22

¹⁷ Sau ba ngày, người mời các trưởng lão trong dân Giu-đa nhóm lại; đến rồi, người nói rằng: Hỡi anh em ta, dẫu tôi chẳng từng làm điều gì nghịch cùng dân chúng hoặc cùng thói tục tổ phụ chúng ta, mà tôi còn bị bắt tại thành Giê-ru-sa-lem và nộp trong tay người Rô-ma. ¹⁸ Những người này đã xét việc tôi rồi, thì muốn thả ra, vì tôi chẳng hề làm điều gì đáng chết. ¹⁹ Song người Giu-đa chống cự điều đó, nên buộc tôi kêu nài đến Sê-sa, nhưng chẳng phải có ý

kiện bôn quốc ta đâu. ²⁰ Ấy vì có đó mà tôi đã xin gặp anh em và nói chuyện với, vì là bởi sự trông cậy của dân Y-sơ-ra-ên nên tôi mang lấy xiềng này. ²¹ Các người ấy trả lời rằng: Chúng tôi chẳng tiếp thư từ xứ Giu-đa nói về việc anh, và chẳng ai trong anh em đã đến mách cho chúng tôi hay là nói xấu về anh nữa. ²² Dầu vậy, chúng tôi muốn biết anh nghĩ làm sao; vì về phần đạo này, chúng tôi biết người ta hay chống nghịch khắp mọi nơi.

28:17 “người mời các trưởng lão trong dân Giu-đa nhóm lại” Đây là cách thức tiếp xúc theo thông lệ của Phao-lô (xem Rô-ma 1:16; 2:9). Ông giải thích tình trạng hiện thời của mình và mở cửa cho sự trình bày Phúc âm.

28:18-19 Tại đây, lại một lần nữa mục đích biện giáo của Lu-ca được bày tỏ rõ rệt. Cơ-Đốc-Giáo không phải là mối đe dọa đối với chính quyền La mã.

29:19 “người Giu-đa chống cự điều đó” Thuật ngữ này nghe như lạ tai cho những lãnh đạo Do Thái tại Rô-ma. Lu-ca dùng chữ *Ioudaios* (người Do Thái) trong hai nghĩa.

1. quốc tịch - 2:5,11; 9:22; 10:22,28; 11:19; 13:56; 14:1; 16:1,3,20; 17:1; 17:10,17; 18:2,4,5,19; 19:10,17,34; 20:21; 21:21,39; 22:3,12; 24:5,9; 24:24,27; 25:8,9,24; 20:7; 28:17
2. những ai chứng kiến tuần lễ cuối của cuộc đời Đức Chúa Giê-xu - 2:15; 10:39
3. trong ý tiêu cực - 9:23; 12:3,11; 13:45,50; 14:2,4,5,19; 17:5,13; 18:12,14,28; 19:13,14,33; 20:3,19; 21:11,27;
4. 22:30; 23:12,20,27; 24:19; 25:2,7,10,15; 26:2,21; 28:19
5. trong ý tích cực - 13:43; 14:1; 18:2,24; 21:20

Có thể khúc kinh văn trong sách Công-vụ bày tỏ sự khác biệt giữa những ẩn ý của chữ này, rõ ràng nhất là trong 14:1-2.

28:20 “bởi sự trông cậy của dân Y-sơ-ra-ên” Đây là cách thức mà Phao-lô dùng để nói với những lãnh đạo Do Thái này hầu tạo mối liên hệ với họ (thính giả). Ông cố gắng tìm điểm chung với những lãnh đạo Do Thái này về “sự trông cậy của Y-sơ-ra-ên”. Đối với Phao-lô, điều này chỉ về Đức Chúa Giê-xu, đối với họ là Đấng được Hứa, Đấng Mết-si-a hay có thể là sự sống lại .

28:21 Thật đáng ngạc nhiên (khó hiểu) khi những người này không biết những thông tin về Phao-lô: chức vụ của Phao-lô trong ba chuyến truyền giáo, những sự kiện và tin đồn từ Giê-ru-sa-lem .

28:22 Rõ ràng là những tin tức về Đức Chúa Giê-xu được lan truyền và đã có nhiều người đáp ứng với Phúc âm. Đó không phải là tin tức tốt cho cộng đồng Do Thái. Tuy nhiên, các lãnh đạo Do Thái này sẵn lòng lắng nghe Phao-lô.

▣ “đạo này” Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giê-xu người Na-xa-rét trong 2:22.

BẢN NASB 28:23-29

²³ Họ đã hẹn ngày với người, bèn đến thăm tại nơi nhà trọ rất đông; từ buổi sáng đến chiều, người cứ làm chứng và giảng giải với họ về nước Đức Chúa Trời, lấy luật pháp Môi-se và các đấng tiên tri mà gắng sức khuyên bảo họ về Đức Chúa Jê-sus. ²⁴ Có người chịu tin lời người nói, có kẻ chẳng tin. ²⁵ Bởi chưng họ không đồng ý với nhau và ra về, nên Phao-lô chỉ nói thêm lời này: Đức Thánh Linh đã phán phải lắm, khi Ngài dùng đấng tiên tri Ê-sai mà phán cùng tổ phụ các người rằng: ²⁶ Hãy đến nơi dân này và nói rằng: Các người lấy lỗ tai nghe mà chẳng hiểu

chi; Lấy mắt xem mà không thấy gì.²⁷ Vì lòng dân này đã nặng nề; Họ bịt lỗ tai, Nhắm mắt lại, E rằng mắt mình tự thấy, Tai mình tự nghe, Lòng mình tự hiểu, Và họ trở lại Mà ta chữa cho lành được chẳng.²⁸ Vậy, hãy biết sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời này đã sai đến cho người ngoại; những người đó sẽ nghe theo vậy.²⁹ Khi người nói xong, thì các người Giu-đa đi ra, cãi lầy cùng nhau dữ lắm.

28:23 “đến thăm tại nơi nhà trọ rất đông; từ buổi sáng đến chiều” Phao-lô giải thích niềm tin Cơ-Đốc-Giáo cho các người Do Thái này trọn cả ngày. Thật là một cơ hội tuyệt vời.

▣ **“nước Đức Chúa Trời”** Đây là chủ đề chính trong những bài giảng và sự dạy dỗ (qua các ví dụ) của Đức Chúa Giê-xu. Nó là một thực tế trong cuộc sống hiện tại của những tín hữu và là sự hoàn thành trong tương lai quyền tể trị của Đức Chúa Trời trên khắp cả trái đất sa ngã (xem Ma-thi-ơ 6:10). Cụm từ này rõ ràng không chỉ liên hệ đến dân Do Thái mà thôi nhưng chính là một phần không thể tách rời trong sự trông đợi của người Do Thái (xem câu 20). Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:35.

▣ **“Môi-se và các đấng tiên tri”** Đây là hai trong số ba phần kinh điển Do Thái đại diện cho toàn bộ Cựu ước (xem Ma-thi-ơ 5:17; 7:12; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:44; Công-vụ 13:15; 28:23). Phương pháp luận của Phao-lô (Cơ Đốc học theo hệ thống kết hợp với các lời tiên tri đã tiên báo) là trình bày những kinh văn Cựu ước theo dòng cuộc đời của Đức Chúa Giê-xu.

28:24 Chi tiết này phản ánh sự huyền nhiệm của Phúc âm. Tại sao một số người tin, một số khác lại không tin chính là bí ẩn về quyền tể trị của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người.

Trong một phương diện nào đó, chức vụ của Phao-lô cho những lãnh đạo Do Thái tại Rô-ma chính là mô hình thu nhỏ toàn bộ cuộc đời chức vụ của Phao-lô. Ông chia xẻ trước nhất cho những người Do Thái. Ông chia xẻ sự hoàn thành Kinh thánh Cựu ước của Đức Chúa Giê-xu. Một số người tin, một số không. Điều này cũng vậy, cũng đã được tiên báo trong Cựu ước (xem Ê-sai 6:9-10).

28:25-27 “Đức Thánh Linh đã phán phải lắm, khi Ngài dùng đấng tiên tri Ê-sai mà phán” Chi tiết này tiết lộ quan điểm của Phao-lô về bí ẩn lòng vô tín của người Do Thái. Trích dẫn trong câu 26-27 từ Ê-sai 6:9-10. Đức Chúa Giê-xu đã thường sử dụng những câu này cho sự không tin của nhân loại (xem Ma-thi-ơ 13:14-15; Mác 4:12; Lu-ca 8:10; Giăng 12:39-40). Đến thời điểm này Phao-lô đã viết Rô-ma chương 9-11 (tại sao người Do Thái chối bỏ Đấng Mết-si-a?). Y-sơ-ra-ên của Cựu ước cũng/sẽ không hoàn toàn tin nhận. Có một phần sót lại của đức tin, nhưng đa số không tin.

28:28 “sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời này đã sai đến cho người ngoại” Đây có thể là ám chỉ đến Thi-thiên 67, đặc biệt là câu 2. Tính cách phổ quát của Cơ-Đốc-Giáo chính là nguyên nhân gây nên bạo động tại Giê-ru-sa-lem và sẽ tiếp tục là nan đề cho nhiều người Do Thái. Điều này hợp lý dựa theo Sáng-thế Ký 1:26,27; 3:15; 12:3. Nó đã được tiên báo trong Ê-sai, Mi-chê và Giô-na. Nó được Phao-lô trình bày rõ ràng như là chương trình đời đời của Đức Chúa Trời trong Ê-phê-sô 2:11-3:13.

▣ **“những người đó sẽ nghe theo vậy”** Đây là chân lý từ Rô-ma chương 9-11. Người Do Thái khước từ Đấng Mết-si-a bởi vì Ngài không phù hợp theo như lòng trông mong của họ và vì Phúc âm đã mở cửa đức tin cho tất cả mọi người.

Vấn đề thực sự của Giao Ước mới không phải là giữa người Do Thái với người Hy Lạp; nhưng là giữa người tin và người không tin. Điều quan trọng không phải nguồn gốc của bạn là dân tộc nào, nhưng là tấm lòng bạn có mở ra tiếp nhận Chúa Thánh Linh và Đức Chúa Con hay không?

28:29 Câu này bị lược bỏ trong những bản chép tay tiếng Hy Lạp P⁷⁴, x, A, B, và E. Nó cũng không xuất hiện trong bất cứ bản chép tay tiếng Hy Lạp nào có trước bản P có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ sáu SC.

BẢN NASB 28:30-31

³⁰ Phao-lô ở trọ hai năm tại một nhà trọ đã thuê. Người tiếp rước mọi người đến thăm mình, ³¹ giảng về nước Đức Chúa Trời, và dạy dỗ về Đức Chúa Jê-sus Christ cách tự do trọn vẹn, chẳng ai ngăn cấm người hết.

28:30 “trọn hai năm” Đây có thể là (1) khoảng thời gian thông thường đòi hỏi để trình diện Sê-sa; (2) thời gian cần để nhận những giấy tờ từ Phê-tu; (3) khoảng thời gian chờ đợi bắt buộc đối với những nhân chứng đến từ A-si hay là Giê-ru-sa-lem; hoặc là (4) gần đúng theo những hạn định pháp lý. Chính trong khoảng thời gian này Phao-lô đã viết những thư tín trong lao tù (Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-lê-môn, và Phi-líp).

▣ **“tại một nhà trọ đã thuê”** Phao-lô có một số nguồn thu nhập: (1) ông đã làm may trại và làm đồ da; (2) ông được các Hội thánh giúp đỡ (Tê-sa-lô-ni-ca và Phi-líp); hay (3) ông có di sản.

▣ **“tiếp rước”** Lu-ca sử dụng chữ này thường xuyên với ẩn ý “nhiệt tình chào đón” (xem 18:27; 28:30 và *paradechōmai* trong 15:4). Chữ này được dùng cho đám đông tiếp rước Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 8:40 và 9:11. Nó cũng được dùng cho sự vui mừng tiếp nhận Phúc âm khi Phi-e-rơ giảng trong Công-vụ 2:41.

▣ **“mọi người đến”** Đây chính là vấn đề. Phúc âm của Phao-lô có tầm tiếp cận toàn cầu. Nó là “tin mừng” cho cả nhân loại, chứ không phải chỉ dành cho người Do Thái.

28:31 “giảng...dạy dỗ” Hội thánh ban đầu, sau thời các sứ đồ phân biệt giữa hai cách trình bày chân lý. Các dàn ý bài giảng được ghi lại trong sách Công-vụ (Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phao-lô) được gọi là *Kerygma* (sự công bố, xem 20:25; 28:31; Rô-ma 10:8; Ga-la-ti 2:2; I Cô-rinh-tô 9:27; II Ti-mô-thê 4:2), còn sự dạy dỗ của Đức Chúa Giê-xu được giải nghĩa trong các thư tín thì được gọi là *Didache* (sự dạy dỗ, xem 2:42; 5:28; 13:12; Rô-ma 16:17; I Cô-rinh-tô 14:20).

28:31 “nước Đức Chúa Trời” Đây là chủ đề rao giảng của Đức Chúa Giê-xu. Nó đề cập đến sự cai trị của Chúa trên tấm lòng con người ngay bây giờ rồi sẽ đến một ngày hoàn thành trên cả đất cũng như trên trời. Phân đoạn này cũng chứng tỏ chủ đề này không chỉ dành cho người Do Thái. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 2:35.

▣ **“Chúa”** “Chúa” là cách dịch chữ Do Thái *adon*, có nghĩa là “chủ, chồng hay là chúa”. Người Do Thái sợ xưng đến danh thánh YHWH làm chơi và phạm một trong Mười Điều Răn. Hễ khi nào họ đọc Kinh thánh, họ thay thế chữ *Adon* cho chữ YHWH. Đây là lý do tại sao các bản dịch Kinh thánh trong Anh ngữ sử dụng chữ in hoa “LORD” cho YHWH trong Cựu ước. Bằng việc chuyển danh hiệu này (*kurios* trong tiếng Hy Lạp) cho Đức Chúa Giê-xu, các tác giả Tân ước khẳng định thần tính và sự đồng đẳng của Ngài với Đức Chúa Cha.

▣ **“Jesus”** “Giê-xu” là tên do thiên sứ đặt tên cho Em Bé tại Bết-lê-hem (xem Ma-thi-ơ 1:21). Nó được kết hợp bởi hai danh từ trong tiếng Do Thái: “YHWH,” danh giao ước của thần linh, và “sự cứu rỗi” (Ô-sê). Nó cũng giống như tên Do Thái Giô-suê. Khi sử dụng riêng rẽ, nó thường được dùng để xác nhận con người, Giê-xu ở Na-xa-rét, con của Ma-ri (xem Ma-thi-ơ 1:16, 25; 2:1; 3:13,15,16).

▣ **“Christ”** “Christ” là chữ dịch trong tiếng Hy Lạp của chữ Do Thái Mết-si-a (nghĩa là Đấng Được Xức Dầu). Nó khẳng định danh hiệu Cựu ước của Đức Chúa Giê-xu là Đấng YHWH hứa ban để thành lập nên một thời đại mới của sự công chính.



NASB	“với tất cả sự mở rộng, không ngăn cấm”
NKJV	“với tất cả tự tin, không bị ai cấm”
NRSV	“với tất cả sự dạn dĩ và không bị cản trở”
TEV	“nói với tất cả sự dạn dĩ và tự do”
NJB	“hoàn toàn không sợ hãi và không bị ai cản trở”

Câu này chứng tỏ chính quyền La mã không xem Cơ-Độc-Giáo là nguy hiểm hay là lật đổ chính quyền. Bản kinh văn tiếng Hy Lạp kết thúc với PHÓ TỪ (ADVERB) “tháo/mở” hay “không bị ngăn trở”. Điều này dường như nhấn mạnh đến bản chất tiếp tục của công tác công bố Phúc âm và quyền năng của Đức Thánh Linh. Một số người phỏng đoán dựa theo Công-vụ 1:1 dùng chữ “thứ nhất”, ám chỉ rằng nhiều hơn hai, cho rằng Lu-ca đã dự định viết phần thứ ba. Thậm chí có một số người khác nghĩ rằng phần thứ ba có thể là các thư tín mục vụ (I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê và Tít). Riêng về chữ Hy Lạp (*parrhēsia*), được bản NASB dịch là “công khai” xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 4:29.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao sách Công-vụ kết thúc khi Phao-lô vẫn còn trong tù? Tại sao nó lại kết thúc quá đột ngột?
2. Tại sao Lu-ca dành nhiều thời gian để kể lại hành trình và thời gian Phao-lô ở tại Rô-ma?
3. Tại sao Phao-lô luôn luôn cố gắng làm chứng cho người Do Thái trước tiên?
4. Giải thích sự khác biệt giữa *Kerygma* và *Didache*.

PHỤ LỤC MỘT

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất 'lỏng' (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vế câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence or morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

I. THÌ (TENSE)

A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là "hoàn thành" hay "chưa hoàn thành."

1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...

B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao

1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)

4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
6. Sẽ diễn ra= TUỞNG LẠI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ “cứu.” Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại’ (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- ‘được cứu’ (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TUỞNG LẠI- ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoay vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê-sô 2:5 và 8, “các người đã và vẫn tiếp tục được cứu.”
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mỗi liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mỗi liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). Thì CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TUỞNG LẠI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho...họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)

3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “từ treo cổ hẳn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

III. LỜI (MOOD)

A. Có bốn lời trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lời này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).

B. LỜI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lời thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lời duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định, và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.

C. LỜI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỜI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỜI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”

D. LỜI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỜI BÀN THÁI. LỜI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỜI MONG MỎI rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31: 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.

E. LỜI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỜI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân ước.

F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lời trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động

tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.

G. **CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE)** là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng, và lối khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

- A. Friberg, Barbara and Timothy. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.
- B. Marshall, Alfred. *Interlinear Greek-English New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.
- C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.
- D. Summer, Ray. *Essentials of New Testament Greek*. Nashville: Broadman, 1950.
- E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

V. DANH TỪ (NOUNS)

A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.

B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:

1. **DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE)** được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nối “là” hay “trở thành.”
2. **SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE)** được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
3. **CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE)** có cùng cách chia giống như **SỞ HỮU CÁCH**, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from.”
4. **TẶNG CÁCH (DATIVE CASE)** dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
5. **VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE)** có cùng cách chia từ như **TẶNG CÁCH**, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
6. **CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE)** có cách chia từ giống với **TẶNG CÁCH** và **VỊ TRÍ CÁCH**. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
7. **ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE)** dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
8. **XUNG HỒ CÁCH (VOCATIVE CASE)** được dùng để xưng hô trực tiếp.

VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

- A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (về câu, câu, và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.
- B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được góp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).
1. Từ nối chỉ thời gian
 - a. *Epei, epeid e, hopote, hos, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
 - b. *Hoes*- “trong khi”
 - c. *Hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
 - d. *Hoes, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
 - e. *Priv* (nguyên mẫu)- “trước”
 - f. *Hos* – “từ khi” “khi”
 2. Từ nối chỉ sự lô-gích
 - a. Chi mục đích
 - (1) *Hina, hopos, hos* (bàn thái cách)- “để mà”
 - (2) *Hoste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - (3) *Pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - b. Chi kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
 - (1) *Hoste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
 - (2) *Hiva* (bàn thái)- “để mà”
 - (3) *Ara*- “thì”
 - c. Chi hệ quả hay lý do
 - (1) *Gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
 - (2) *Dioti, hotiy*- “bởi vì”
 - (3) *Epei, epeide, hos*- “vì”
 - (4) *Dia* (vớ đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
 - d. Hàm ý, ám chỉ
 - (1) *Ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
 - (2) *Dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
 - (3) *Oun*- “vì vậy” “kết quả là”
 - (4) *Toinoun*- “do vậy”
 - e. Tương phản
 - (1) *Alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
 - (2) *De*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
 - (3) *Kai*- “nhưng”
 - (4) *Mentoi, oun*- “tuy nhiên”
 - (5) *Plen*- “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
 - (6) *Oun*- “tuy nhiên”
 - f. So sánh
 - (1) *Hos, kathos* (giới thiệu các về câu so sánh)
 - (2) *Kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
 - (3) *Hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
 - (4) *E*- “hơn”
 - g. Tiếp diễn
 - (1) *De*- ‘và’ “bây giờ”
 - (2) *Kai*- ‘và’

- (3) *Tei-* ‘và’
 - (4) *Hina, oun-* ‘rằng’
 - (5) *Oun-* ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
3. Các cách nhấn mạnh
- a. *Alla-* “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
 - b. *Ara-* “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
 - c. *Gar-* “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
 - d. *De-* “thực sự”
 - e. *Ean-* “ngay cả”
 - f. *Kai-* “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
 - g. *Mentoi-* “thực sự”
 - h. *Oun-* “thật sự”

VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

- A. **CÂU ĐIỀU KIỆN** là câu chứa đựng một hay nhiều vế câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.
- B. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là ‘vì’ (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các **BẬC MỘT** đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).
- C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào, và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
 2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
 3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).
- D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong vế câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.
- E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu mở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

VIII. LỜI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

- A. **CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với **TIỀN TỐ ‘ME’** thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới

đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).

B. **LỜI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với **TIỀN TỐ ‘ME’** nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).

C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỜI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ nếm sự chết” (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

IX. MẠO TỪ

A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:

1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;
3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nối. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.

B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:

1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó

C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng **LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE)** là lối tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lối nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là **LỜI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ** vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine

1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:
 - a. Điều trước giả muốn nhấn mạnh
 - b. Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
 - c. Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa
2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

a. Đối với động từ liên kết:

- (1) Động từ
- (2) Chủ từ
- (3) Bổ ngữ (complement)

b. Đối với ngoại động từ:

- (1) Động từ
- (2) Chủ từ
- (3) Bổ ngữ (object)
- (4) Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
- (5) Cụm giới từ (prepositional phrase)

c. Đối với các cụm danh từ:

- (1) Danh từ
- (2) Từ bổ nghĩa (modifier)
- (3) Cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:

- a. “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
- b. “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- c. “Từng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

1. Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
2. Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
 - a. Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
 - b. Giảng 14:1 (chủ đề mới)
 - c. Rô-ma 9:1 (phần mới)
 - d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
 - a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
 - b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
 - c. Các hình thái tu từ:
 - (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
 - (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
 - (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
 - (4) Mía mai (Ga-la-ti 5:12)
 - (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
 - (6) Chơi âm của các từ
 - i. “Hội thánh”
 - (a) “Hội thánh” (Ê-phê-sô 3:21)
 - (b) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - (c) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - ii. “tự do”

- (a) “Người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
 - (b) “Sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - (c) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
- d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
- (1) Đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
 - (2) Đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
 - (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
 - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jêsus Christ”
6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
- a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
 - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tỉnh nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”
- E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lỗi nhấn mạnh qua các cách sau:
- 1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
 - 2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo “từng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
 - 3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).
 - 4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen
 - a. *The American Standard Version* năm 1901
 - b. *Young’s Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình, và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ, và các đoạn văn đối xứng nhau.

PHỤ LỤC HAI

PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

- I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh
 - A. Cựu ước
 - B. Tân ước
- II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” cũng gọi là “phê bình văn bản”
- III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh:

A. Cựu ước

1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta, và Vulgate.
2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
 - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
 - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kinh ngạc về người”
 - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
 - i. Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
 - ii. Bản MT, “và người sẽ vậy rửa trên các nước”
 - b. Bản Cuộc biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
 - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
 - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
 - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
 - (2) MT, “người sẽ thấy...sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”

B. Tân ước

1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).

2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép rất vội vã để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).
3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ a (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại tu viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN, và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King James.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
 - a. Bản Alexandria từ Ai cập
 - (1) P⁷⁵, P⁶⁶ (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
 - (2) P⁴⁶ (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
 - (3) Bản P⁷² (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
 - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
 - (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
 - (6) Các văn bản khác có loại văn bản a, C, L, W, 33
 - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
 - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
 - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
 - (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
 - (2) Các bằng chứng cho nó là bản P⁴⁵ và W

II. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
 - a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
 - (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
 - (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
 - b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
 - c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
2. Do chủ ý
 - a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
 - b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)

- c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
 - d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
 - e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)
- B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện)
1. Bản văn vụng về, nguỵ ngụy, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
 2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
 3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
 4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
 5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
 6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
 7. Có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
 - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to New Testament Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
 - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”

Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jê-sus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tử tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

III. Các vấn đề về bản văn

A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy and Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the New Testament: Its Transmission, Corruption, and Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to New Testament Textual Criticism* của J. H. Greenlee

PHỤ LỤC BA

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism) Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jêsus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jêsus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jêsus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jêsus làm “con” của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ Hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thể) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thế nào Chúa Jêsus, Đức Chúa Con, đấng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thế nào đó đã tôn vinh Chúa Jêsus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chỉ của Đức Chúa Cha.

Trường phái Alexandrian Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

Bản Alexandrinus Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngũ kinh, và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng, và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là “A,” và bản văn “B,” tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

Ngụ ngôn (Allegory) Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín dấu đằng sau mỗi bản văn của Kinh thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 13 và Phao-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuần ngụ ngôn.

Tự điển phân tích (Analytical lexicon) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

Tính tương đương của Kinh thánh (Analogy of Scripture) Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vậy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

Tính không rõ ràng (Ambiguity) Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giảng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

Hình nhân (Anthropomorphic) Nghĩa là “có đặc tính liên hệ đến con người,” thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có nghĩa rằng chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội, và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng thế ký 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School) Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngụ ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh thánh. Nó giải thích Kinh thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tắc giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

Phép đối chọi (Antithetical) Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

Văn chương Khải thị (Apocalyptic literature) Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới, và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tương tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, Khải tượng, sự hiện thấy, gỡ gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

Người biện giải (Apologist, apologetics) Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp “sự biện hộ pháp lý.” Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ đốc.

Tiên nghiệm (A priori) Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ “phòng định trước.” Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

Thuyết Arianism Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jê-sus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicaea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

Aristotle Ông là một trong các triết gia Hy Lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhân mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

Bản viết tay (Autograph) Đây là chữ dùng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy Lạp và Hê-bơ-rơ và các ấn bản cổ khác.

Bản Bezae Đây là bản văn bằng tiếng Hy Lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản “D.” Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản “Textus Receptus,” bản văn Hy Lạp tiêu chuẩn truyền thống đằng sau bản King James.

Thành kiến Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

Thảm quyền Kinh thánh Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thảm quyền Kinh thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh thánh là sự hướng dẫn có thảm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-ngữ pháp.

Qui diễn Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric) Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jêsus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jêsus là Chúa trong toàn bộ Kinh thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự hoàn thành và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

Giải kinh Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác đề ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đối chiếu các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

Thánh kinh phù dẫn (Concordance) Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy Lạp hay Hê-bơ-rơ đằng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy Lạp và Hê-bơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-rơ hay Hy Lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh thánh (xem Walter Clark *How to Use New Testament Grek Study Aids*, trang 54-55).

Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls) Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái

thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khốc của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên. Chúng được viết tắt với chữ “DSS.”

Suy diễn (Deductive) Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

Biện chứng (Dialectical) Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch lý được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh thánh là những cặp biện chứng như, Tiền định - Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiến trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ đốc nhân- trách nhiệm của Cơ đốc nhân.

Dân lưu dày (Diaspora) Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

Lời dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent) Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TEV*.

Chiết trung (Eclectic) Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

Đọc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis) Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh thánh (exegesis) là “dẫn ra” từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ ‘eisegesis’ hàm ý “đem vào” trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

Từ nguyên học (Etymology) Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

Giải nghĩa (Exegesis) Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là “dẫn ra” (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

Thể loại văn chương (Genre) Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khái thị và hành pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism) Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phôi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đáng đã dựng nên vũ trụ (*kosmos*); (3) Jê-sus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jê-sus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jê-sus cộng với tri thức đặc biệt, là điều chỉ có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có tri thức (mã số) để bước vào chốn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một tri thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics) Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương có trong Kinh thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giả định và tiến trình giải thích tương tự nhau.

Thượng phê bình (Higher criticism) Đây là trình tự giải nghĩa Kinh thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh thánh.

Thành ngữ Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: “Cái đó hay dễ sợ” (that was awfully good), hay là “mày hại tao rồi” (you just kill me). Kinh thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

Sự soi sáng (Illumination) Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Quy nạp (Inductive) Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

Đối chiếu (Interlinear) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ ‘từng chữ’ ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh thánh. Công cụ này, cộng với một ‘từ điển phân tích,’ sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

Sự linh cảm (Inspiration) Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và

ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngôn ngữ mô tả (Language of description) Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đụng đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học, và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

Sự tôn sùng luật pháp (Legalism) Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phô diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

Theo nghĩa đen (literal) Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ôt. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

Thể loại văn chương Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

Đơn vị ngữ văn (literary unit) Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

Hạ phê bình Xin xem “Phê bình bản văn”

Bản văn (Manuscript) Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là ‘MS’ số ít và ‘MSS’ số nhiều.

Masoretic Text Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-rơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là “MT.”

Phép hoán dụ (Metonymy) Đây là hình thức tu từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng để đại diện một điều khác có liên hệ. Ví dụ, “nồi nước đang sôi” thì thật ra có nghĩa là “nước trong nồi đang sôi.”

Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments) Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các Hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã ‘trên thực tế’ đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính họp lại vào thế kỷ thứ 4.

Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation) Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2:14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi-thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh thánh và cao nhất là qua Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào “trái đất cũ” giữa vòng các nhà khoa học Cơ đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

Nestorianism Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jêsus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu ‘mẹ Đức Chúa Trời’ dành cho Mari. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

Tác giả nguyên thủy Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh thánh.

Giấy chỉ thảo papyrus Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên sông. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

Các đoạn đối chiếu Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh thánh. Điều nó cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh thánh về chủ đề đó.

Diễn ý Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-ơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

Đoạn văn Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism) Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lẽ thật Kinh thánh và sự ứng dụng của nó.

Nghịch lý Nó chỉ những lẽ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lẽ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lẽ thật Kinh thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

Plato ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên Hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế

gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sao này đã đặt “dạng thức/ý tưởng” của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

Giả định trước Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

Lấy Kinh thánh chứng minh (Proof-texting) Đây là cách giải thích Kinh thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh thánh.

Do thái giáo theo các Rabi Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng, và học Kinh thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Giê-sus “tôn giáo của các thầy dạy luật này” tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

Khải thị Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngữ nghĩa học Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Bản Bảy Mươi (LXX) Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mết-si-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Giê-sus. Nó được viết tắt là “LXX.”

Bản Sinaiticus Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại tu viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-na-i. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là “*aleph*” (a). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

Thiêng liêng hóa (Spiritualizing) Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngụ ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

Đồng nghĩa Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lặp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ

một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai dòng thơ diễn tả cùng một lẽ thật (Thi-thiên 103:3).

Cú pháp Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

Thần học hệ thống Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lẽ thật Kinh thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, v.v...).

Bản Talmud Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition). Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

Phê bình văn bản (Textual criticism) Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là “hạ phê bình.”

Bản chuẩn Textus Receptus Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the New Testament* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, “bản Byzantine thực ra là bản Textus Receptus.” Bản Byzantine là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria, và Byzantine). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, “bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác.” (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King James năm 1611.

Torah Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “dạy.” Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng thế ký đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

Hình bóng học Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lẽ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

Bản Vaticanus Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngũ kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng thế ký, Thi-thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là “B.”

Bản Vulgate Đây là tên của bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay “thông dụng” cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

Văn chương khôn ngoan Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó chuyển tải các lẽ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu văn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview) Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ “thế giới hình” chỉ “cách thức” của tạo hóa trong khi chữ “thế giới quan” chỉ “Chủ thể là ai.” Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng thế ký 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

YHWH Đức Giê-hô-va Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thế chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác “Adonai,” nghĩa là “Chúa.” Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

PHỤ LỤC BỐN

LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đấng tạo hóa và là đấng cứu rỗi. Ngài là đấng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh.

Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đấng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sạch cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”